NĂM THỨ MƯỜI LĂM • # 177&178 • JANUARY & FEBRUARY 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002

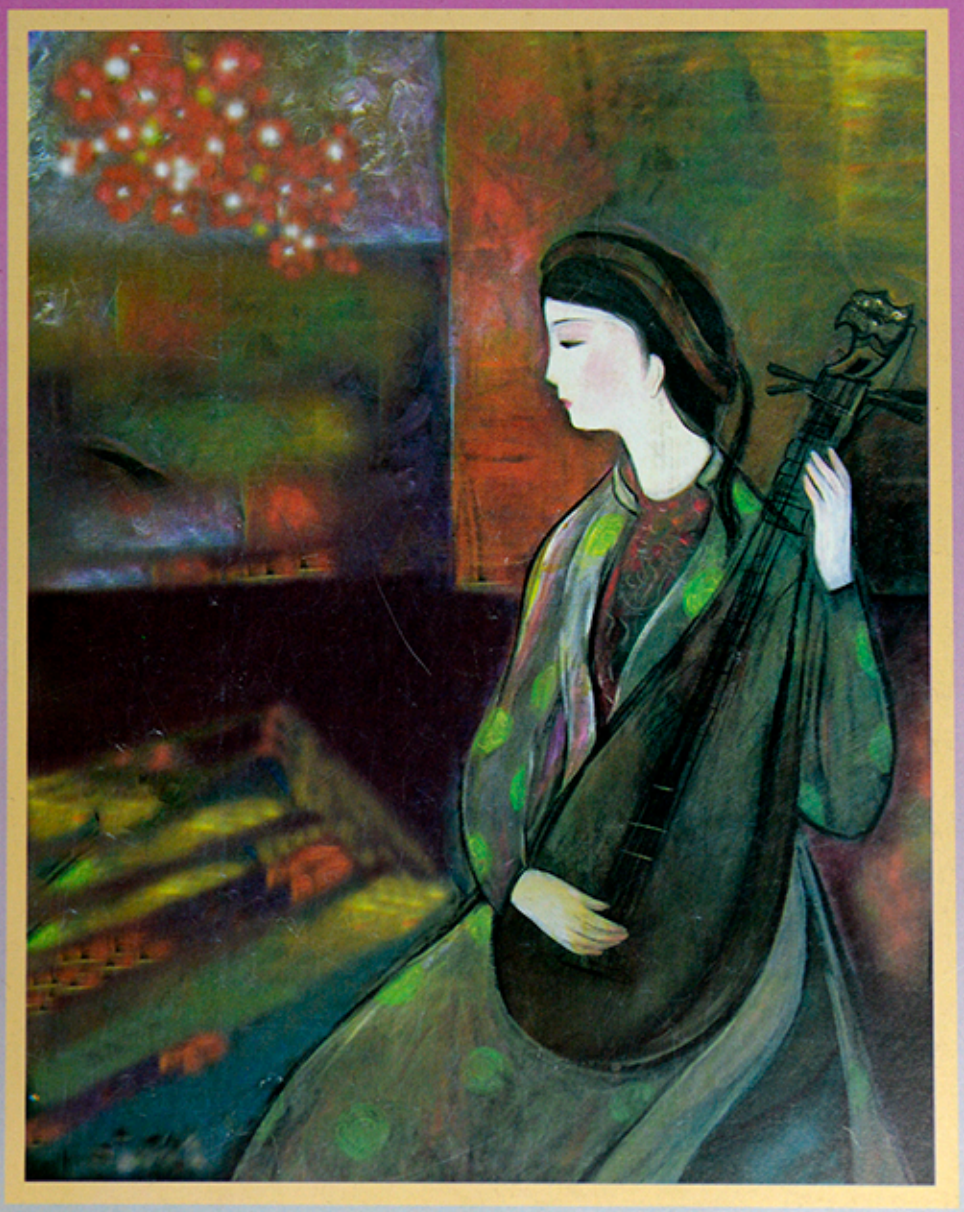

XUÂN GIÁP THÂN

2004

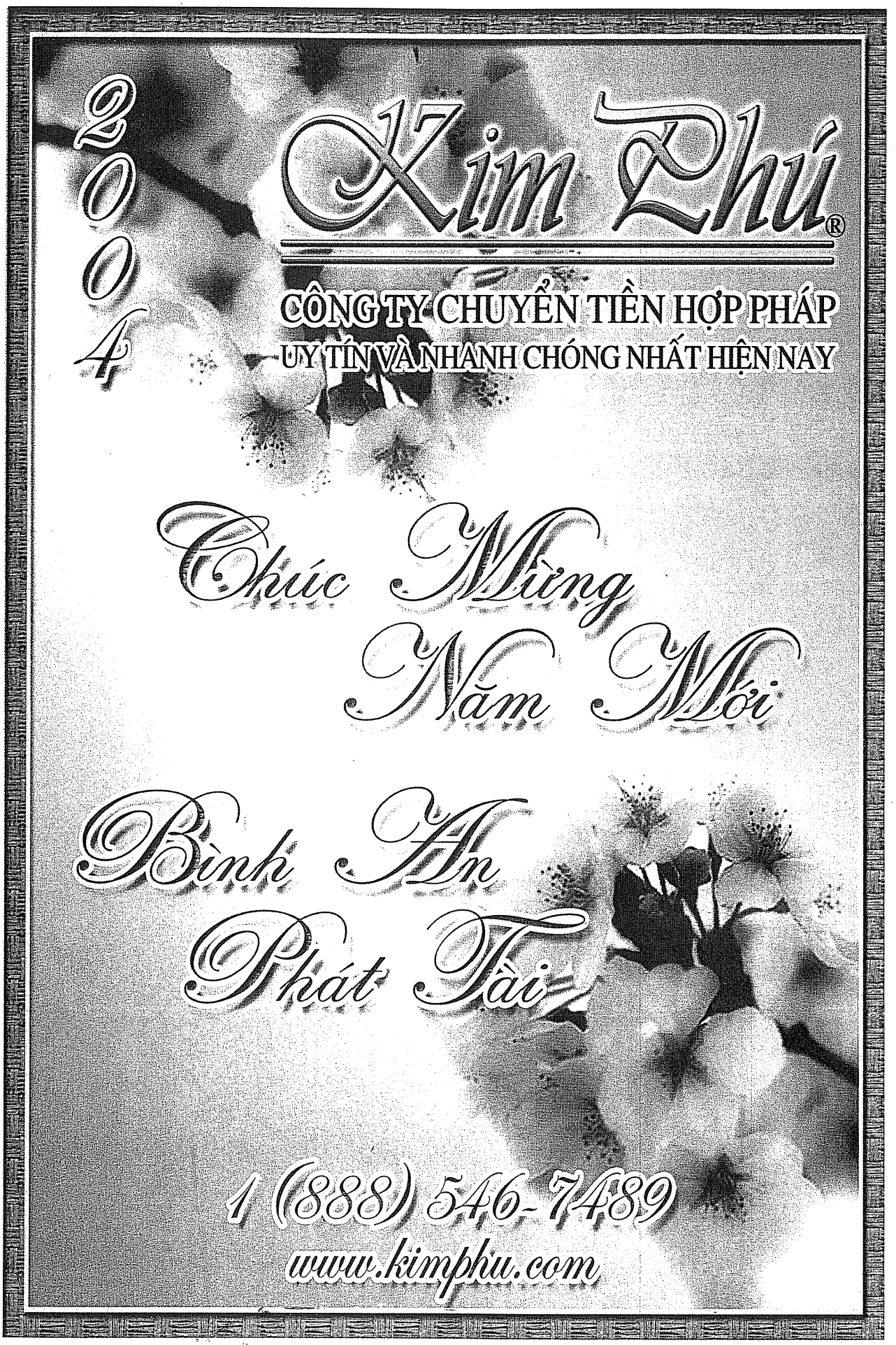
2004
Kim Phú®
CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY
Chúc Mừng
Năm Mới
Bình An
Phát Tài
1 (888) 546-7489
www.kimphu.com

Merry Christmas • Happy New Year • Merry Christmas

ĐÃ PHÁT HÀNH

Vân Sơn 26

Một món quà Giáng Sinh tuyệt vời nhất

Vân Sơn: (714) 476-4766

Merry Christmas • Happy New Year • Merry Christmas

Chuyên môn các dịch vụ về hoa:

Cưới hỏi
Sinh nhật
Dạ tiệc
Thương mại
Khai trương
Bệnh viện
Phúng điếu

DIANE FLOWERS & GIFTS

5127 A. WEST EDINGER AVE., SANTA ANA, CA 92704

(Trong khu nhà hàng Emerald Bay)

Phone: (714) 775-6600 * Fax: (714) 775-8268

Toll Free: 800-933-5693

Nhận đặt và giao hoa toàn thế giới

ORDER BY PHONE * VISA * M.C. * A.E. ACCEPTED

*** WORLDWIDE SERVICES**

DELTA ALARM
SECURITY SYSTEM,INC

12912 Brookhurst St. # 375, Garden Grove, CA 92840

1-866-NEED-ADT
633-3238

MIMI VO / Branch Manager
Direct: (562) 244-8810

* Công ty Alarm Việt nam đầu tiên là đại diện cho ADT cung cấp hệ thống báo động khắp Hoa Kỳ & Châu Âu.
* Quý vị cần 1 người giữ nhà tuyệt đối trung thành và hữu hiệu.
* Quý vị cần 1 người bảo vệ an ninh cơ sở khi vắng mặt.
* Xin hãy giao phó công việc đó cho công ty DELTA / ADT 24/24 trực tiếp với sở Cảnh Sát bao gồm các trường hợp khẩn cấp: Y Tế, Hỏa Hoạn.v.v...

Office:
714-210-4911

Fax:
714-210-5911

MIỄN PHÍ: **Hệ thống báo động không dây**
FREE: Wireless System
MIỄN PHÍ: **Định Giá**
FREE: Estimation
MIỄN PHÍ: **Thiết kế và lắp đặt**
FREE: Installation

Giảm giá bảo hiểm từ 5% - 25%

Giáp Thân 2004

Giáp Thân vút lên cao
Như chú tinh tinh leo tìm trái ngọt,
Đem xuống dâng đời tươi mát
Cho ngàn vạn chúng dân
Như New York Life vẫn góp phần
Xây đắp tươi vui cho người người trồng cậy.
Xuân về chín mẩy
Như trái ngọt New York Life mang hiến cho ta.
Giáp thân này, hồng vận muôn nhà
Đem phúc Trời cao ào ào vô cửa.
Xuân mới ướt đôi môi hương nở
Vì New York Life đem mới cho mình.
New York Life muôn thuở đẹp xinh
Vì tấm thịnh tình của Quý Khách.

©2004 New York Life Insurance Co., 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. Giữ bản quyền.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste. 180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

www.newyorklifeviet.com

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

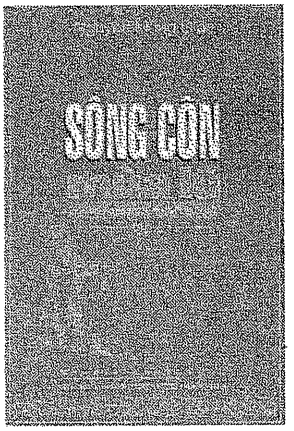

SÔNG CÔN MÙA LŨ
Tiểu thuyết lịch sử của
NGUYỄN MỘNG GIÁC
Với bề dày gần 1500 trang khổ lớn, đây là bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử bề thế nhất của văn học Việt Nam hiện đại, cả quốc nội lẫn quốc ngoại. Tác giả quê ở Tây Sơn, Bình Định, có lợi thế về tình cảm và hiểu biết để viết bộ tiểu thuyết lịch sử này về thời Quang Trung Nguyễn Huệ. Sông Côn Mùa Lũ được xuất bản cả tại hải ngoại lẫn tại Việt Nam. Trọn bộ hai cuốn (bìa cứng) giá: 55 Mỹ kim.

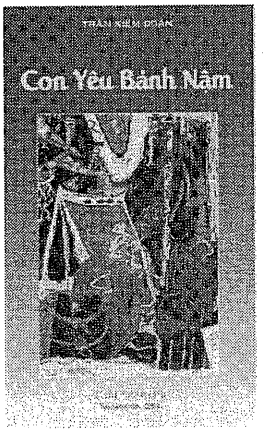

CON YÊU BÁNH NẬM
Tập truyện của **TRẦN KIÊM ĐOÀN**
"Con yêu bánh nậm" là một thành ngữ Huế. Và đây là một cuốn sách đầy chất Huế. Có thể là truyện ngắn, có thể là hồi ức, hoặc tùy bút, biên khảo... loại nào cũng lôi cuốn, cũng lay động lòng người. Trần Kiêm Đoàn kể chuyện tươi tắn ý, nhị lắm. Và rất Huế ở chỗ luôn luôn có ẩn một nhút cười cợt làm cho câu chuyện thêm duyên. Giá 15 Mỹ kim.

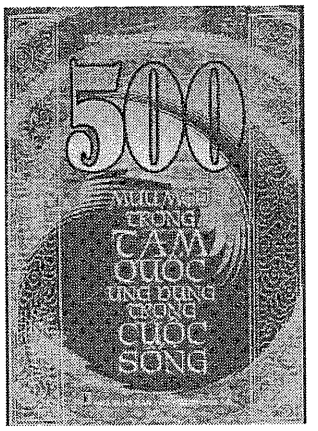

500 MƯU MẸO TRONG TAM QUỐC ỨNG DỤNG TRONG CUỘC SỐNG
TRƯƠNG CHÍNH TRUNG TRẦN LÔI.
Bản dịch của **VĂN TOÀN TRỌNG PHỤNG**
Tam Quốc là bộ tiểu thuyết vĩ đại của Trung Quốc, diễn tả sự đối đầu chính trị, quân sự của ba nước Thục, Ngụy, Đông Ngô trải qua một thời kỳ dài. Người đời sau đã nhìn thấy trong đó biết bao là mưu kế khôn ngoan, có thể mang ứng dụng trong cuộc sống. Từng mưu mẹo đã được trích dẫn từ Tam Quốc, lại được minh họa với rất nhiều trường hợp ứng dụng trên khắp chính trường đông tây từ xưa đến nay. Giá 19 Mỹ kim.

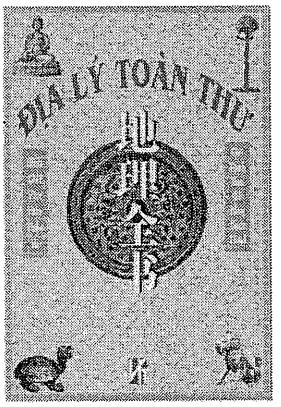

ĐỊA LÝ TOÀN THƯ
LƯU BÁ ÔN. Bản dịch: **LÊ KHÁNH TRƯỜNG, LÊ VIỆT ANH** - Đây là một cuốn sách nghiên cứu một cách khoa học về khoa phong thủy, cũng còn gọi là khoa địa lý. Phong thủy là một khoa đã có từ hàng ngàn năm tại Trung Quốc, sách này được soạn tổng cộng gồm 23 mục, bao quát tinh hoa địa lý phong thủy lịch đại. Một tài liệu rất mới mẻ đối với học giới Việt Nam. Giá 24 Mỹ kim.

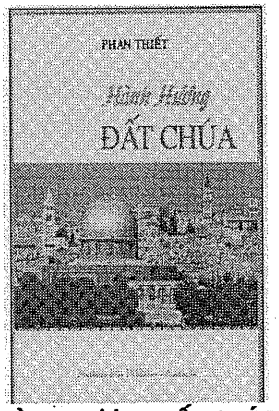

HÀNH HƯƠNG ĐẤT CHÚA
Biên khảo của **PHAN THIẾT**
Qua cuộc hành hương Mecca và Jerusalem, tác giả cố gắng tìm hiểu văn hóa Hồi giáo, đồng thời củng cố đức tin của mình đối với Chúa Giê-Su mà tác giả cho là "Chúa thật" trong khi cho các giáo chủ khác là "Chúa giả." Văn phong bộc trực thẳng thắn, tác giả không ngần ngại phê phán tất cả những gì ông cho là tiêu cực của tất cả các tôn giáo, và kết luận chỉ có đức tin nơi tự tâm mình là chân thật. Giá 12 Mỹ kim.

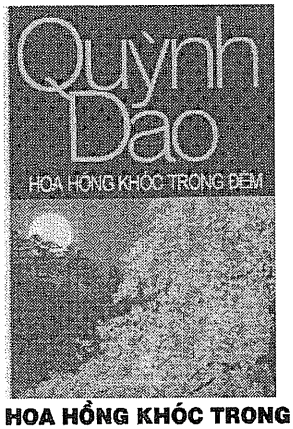

HOA HỒNG KHÓC TRONG ĐÊM
Tiểu thuyết của **Quỳnh Dao.** Bản dịch của **Liêu Quốc Nhĩ.**
Cuốn sách gồm có hai truyện: một truyện vừa 126 trang có tên Hoa Hồng Khóc Trong Đêm và một truyện dài mang tựa đề Đoạn Cuối Cuộc Tình. Tiểu thuyết của Quỳnh Dao qua văn dịch của Liêu Quốc Nhĩ từ nhiều thập niên qua đã làm say mê nhiều thế hệ người đọc. Giá 13 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 – USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel.: (417) 585 - 4666, (714) 839 - 8746
Email: tapchitheky@aol.com (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp chí THẾ KỶ 21: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/GIA HẠN/TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

_____

Phone/Fax/E-mail:_____

Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order #:_____

Số tiền/Amount: _____

	1 năm/1 year	2 năm/ 2 years	Ghi chú/Notes
Media Mail (AirMail)	US $50.00	US $90.00	
Hạng nhất / First class	US $64.00	US $120.00	
Canada	US $68.00	US $130.00	
Châu Âu/Europe(Air Mail)	US $88.00 $90.00 US	US $170.00 US $170.00	 Mới (New)
Châu Á, Châu Úc/Asia, Australia(Air Mail)	US $98.00 US $106.00	US $185 US $196.00	 Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v. v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.
** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.*

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

- Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
- Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
- Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
- Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
- Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
- Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
- * Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.

* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

- Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
- Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
- Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
- Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOÀI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như:
Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hãm không nổi
- Viêm nhiễm hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiếp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn không tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị. K.T.

Trần Thị Kim Thấm - Riverside

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thể thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ đỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thơ khen tặng Bác Sĩ Pung Navann là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầy vọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thanh thật và tỉ mỉ giải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không bể tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cảm ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế. Kính thư

Lana Anderson

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN
CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO

Chỉ được bán tại:

14360 Brookhurst St.,
Garden Grove, CA 92843 USA

Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số:

Tel: (714) 531-6330

TÌM MUA TẠI CÁC NHÀ SÁCH

SỬ TRUNG QUỐC
của NGUYỄN HIẾN LÊ

NGUYỄN HIẾN LÊ

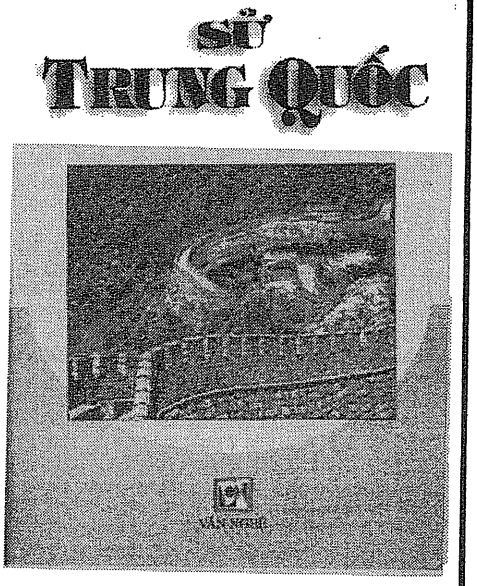

Cuối năm 1986, nhà xuất bản VĂN NGHỆ khai trương với tác phẩm ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI của Nguyễn Hiến Lê, cuối năm 2003, tác phẩm SỬ TRUNG QUỐC cũng của Nguyễn Hiến Lê khép lại đoạn đường dài 8 năm hoạt động tích cực, góp phần vun bồi gia tài văn hóa Việt Nam, của nhà xuất bản.

Sách khổ lớn (17"X24"). Bìa dày có bìa phụ bọc ngoài. Gần 900 trang. Hình thức mỹ thuật, trang nhã.

Nội dung, "có thể nói, đây là tác phẩm lớn cuối đời của ông (Nguyễn Hiến Lê), vì ông đã bỏ ra rất nhiều công sức cho công trình này."

Giá 27MK. Ngoài Mỹ 32MK.

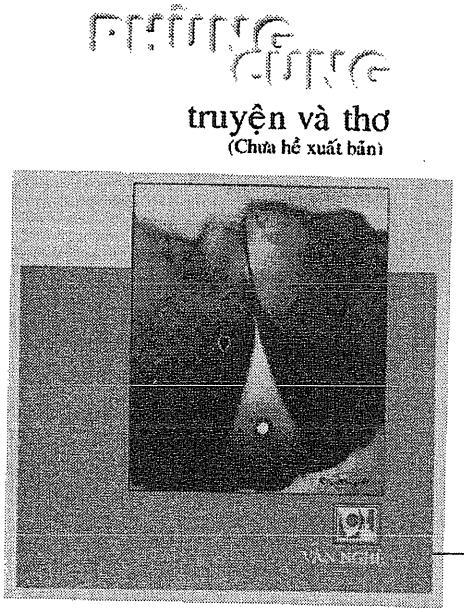

TRUYỆN VÀ THƠ
(chưa hề xuất bản)
của PHÙNG CUNG

"Đền bù những bất công đối với Phùng Cung lúc còn sống và đặt những sáng tác giá trị vượt thời gian của Phùng Cung lên địa vị xứng đáng trong kho tàng văn hóa Việt Nam. Đó là mục đích của chúng tôi (Nhà xuất bản Văn Nghệ) khi thực hiện tuyển tập này."

Giá 22MK. Ngoài Mỹ 25MK

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301 Westminster, CA 92683. USA

Tel: (714) 934-8574

LỊCH NHỰT THANH - GIÁP THÂN 2004

CƠ SỞ TAM GIÁO ĐỒNG NGUYÊN

ĐÃ PHÁT HÀNH

ĐÃ PHÁT HÀNH

TAM TÔNG MIẾU

NHỰT THANH

TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU LỊCH TREO TƯỜNG VÀ LỊCH TỬ VI NHỰT THANH GIÁP THÂN 2004

Lộng Lẫy - Dễ Hiểu - Đạo Đức - Chính Xác - Linh Thiêng

BAO LA VẠN HỮU

* Cuốn LỊCH SÁCH TỬ VI BAO LA VẠN SỰ.
* Giàu sang, sinh tử, họa phúc, rủi may của Quí vị nằm trong LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH NĂM 2004.
* LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH nổi tiếng khắp nơi trên thế giới hơn 26 năm qua.
* LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH chính xác, linh thiêng, đạo đức, sâu sắc, phong phú và xinh đẹp từ hình thức đến nội dung.
* Trong thế giới đảo điên, hỗn loạn, khó khăn, LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH là kim chỉ nam bảo đảm chính xác cho Quí vị và gia đình thân thuộc.
* Không có LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH trong tay, quí vị có thể gặp nguy nan, hiểm trở, tai ách mà chẳng biết đường nào để cứu thoát mình và người thân cận chung quanh qua biển khổ.
* Bảo đảm LỊCH SÁCH TỬ VI NHỰT THANH sẽ đem đến, hạnh phúc thành công, thịnh vượng, giàu sang và tránh được rủi ro, tai ách, đau khổ.

cho tất cả Quí vị.

Có lịch nhựt thanh trong tay,
Vẹn nguyên chân lý tháng ngày với anh,
Giàu sang, hạnh phúc màu xanh.
Soi tình yêu sáng nơi anh mỗi giờ

Nhựt Thanh kính mời

MỤC LỤC SÁCH TỬ VI THƯỢNG HẠNG

LỊCH NHỰT THANH - GIÁP THÂN (2004)

1. Lời mở đầu.
2. Tìm mãi thương yêu (Nhựt Thanh).
3. Không hẹ phôi phai (Khánh Ly)
4. Vận mệnh thế giới Giáp Thân (2004).
5. Bảng sao hạn năm Giáp Thân (2004).
6. Cách cúng giải hạn Tam Tai.
7. Bài thơ giải đoán sao Hạn.
8. Cách cúng giải trừ sao Hạn.
9. Cách dùng 12 trực.
10. Giải thích ngày Tam Nương.
11. Giải thích ngày Nguyệt Kỵ.
12. Bảng Tam Tinh.
13. Bảng giá thú.
14. Bàn tay tính cung chết.
15. Bảng xem Vận Niên cho các Tuổi.
16. Hạn Tam Tai.
17. Bàn tay Kim Lâu (Xem cất nhà năm nào tốt
18. Sanh tại Huỳnh Long Tử tại Huỳnh Đế
19. Để Quí vị biết sinh vào giờ nào.
20. Mẫu Tuế Tấm Tử Tuế.
21. Thập Nhị Huỳnh Long.
22. Nguồn gốc Khí và các loài Khí.
23. Tử vi Tây Phương 2004.
24. Tử vi Đông Phương Giáp Thân (2004)
25. Lịch năm Giáp Thân (2004).
26. Giới thiệu băng nhạc hay.

GIÁ BIỂU

* Lịch treo tường $12.00USD
(Mỹ quốc + Cước phí $ 3.00, Âu Châu +$ 10.00, Úc Châu +$ 16.00, Canada + $ 6.00)
* Lịch sách tử vi .....$ 27USD
(Mỹ quốc + Cước phí $ 3.00, Âu Châu +$ 10.00, Úc Châu +$ 16.00, Canada + $ 6.00)

Cấm trích dịch và in lại dưới mọi hình thức. Copyright© 2004

các đại lý khắp nơi xin liên lạc trực tiếp về : **NHỰT THANH**

10342 Mc Clure Ave.
Garden Grove, CA 92843 USA
Tel/Fax: (714) 531-3413

DELTA ALARM
SECURITY SYSTEM,INC

12912 Brookhurst St. # 375, Garden Grove, CA 92840

1-866-NEED-ADT
633-3238

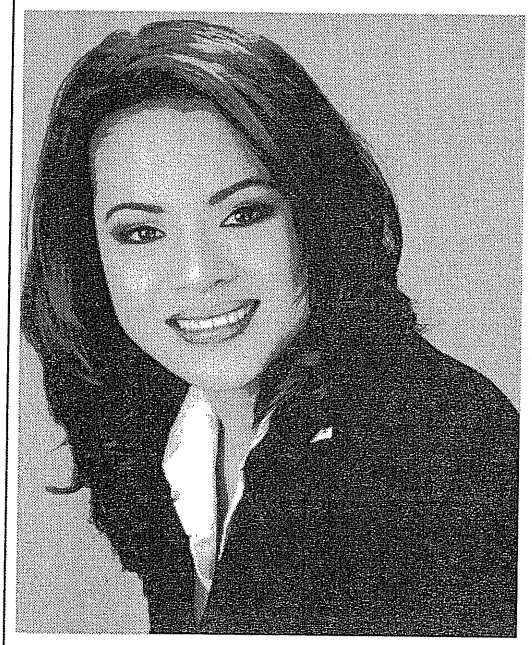

MIMI VO / Branch Manager
Direct: (562) 244-8810

* Công ty Alarm Việt nam đầu tiên là đại diện cho ADT cung cấp hệ thống báo động khắp Hoa Kỳ & Châu Âu.
* Quý vị cần 1 người giữ nhà tuyệt đối trung thành và hữu hiệu.
* Quý vị cần 1 người bảo vệ an ninh cơ sở khi vắng mặt.
* Xin hãy giao phó công việc đó cho công ty DELTA / ADT 24/24 trực tiếp với sở Cảnh Sát bao gồm các trường hợp khẩn cấp: Y Tế, Hỏa Hoạn.v.v...

Office:
714-210-4911
Fax:
714-210-5911

MIỄN PHÍ:	**Hệ thống báo động không dây**
FREE:	Wireless System
MIỄN PHÍ:	**Định Giá**
FREE:	Estimation
MIỄN PHÍ:	**Thiết kế và lắp đặt**
FREE:	Installation

Giảm giá bảo hiểm từ 5% - 25%

Phoenix, AZ (602) 246-9595
Phoenix, AZ (602) 347-0418
Tucson, AZ (520) 319-0829
Fresno, CA (559) 237-4995
Little Saigon, CA (714) 899-3825
Los Angeles, CA (213) 680-1228
San Bernardino, CA (909) 384-9880
San Diego, CA (619) 283-8700
San Francisco, CA (415) 885-1099
San Gabriel, CA (626) 571-8707
San Jose, CA (408) 528-9860
Santa Clara, CA (408) 248-6882
S. El Monte, CA (626) 444-5588
Bloomfield, CO (303) 466-6089
Denver, CO (303) 922-1705
Denver, CO (303) 935-8214
Denver, CO (303) 922-6525
Lakewood, CO (303) 936-0345
Bridgeport, CT (203) 367-0866
Bridgeport, CT (203) 576-1106
Bridgeport, CT (203) 579-9970
Margate, FL (954) 979-6666
Miami, FL (305) 232-2728
Miami, FL (305) 253-1090
Chamblee, GA (770) 454-9373
Des Moines, IA (515) 282-9895
Chicago, IL (312) 326-0960
Margate, FL (954) 979-6666
Kansas City, KS (816) 421-4430
Kentwood, MI (616) 406-1918
Madison Heights, MI (248) 588-1503
Redford, MI (313) 255-8855
Taylor, MI (234) 374-0865
Minneapolis, MN (612) 870-3692
St. Louis, MO (314 772-1583
Charlotte, NC (704) 509-5122
High Point, NC (336) 434-6465
Albany, NY (518) 482-9222
New York, NY (212) 334-5345
Columbus, OH (614) 231-6878
Kim Phú®
CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY
TIỀN 100 DOLLAR MỚI GIAO TẬN NHA
LỆ PHÍ THẤP
TẠI HOA KỲ, CANADA, PHÁP & ANH QUỐC
Oklahoma City, OK (405) 524-3067
Oklahoma City, OK (405) 525-4505
Oklahoma City, OK (405) 525-8260
Philadelphia, PA (215) 351-0711
Philadelphia, PA (215) 468-8881
Philadelphia, PA (215) 533-3386
Philadelphia, PA (215) 952-0201
Nashville, TN (615) 356-7322
Arlington, TX (817) 299-8989
Austin, TX (512) 453-1556
Garland, TX (972) 494-9496
San Antonio, TX (210) 590-9315
San Antonio, TX (210) 946-6002
Salt Lake City, UT (801) 973-7872
Springfield, VA (703) 644-4595
Federal Way, WA (253) 838-8860
Seattle, WA (206) 322-1622
Seattle, WA (206) 329-4645
Vancouver, WA (360) 695-8244
Milwaukee, WI (414) 384-0370
Edmonton, AB (780) 428-8801
Nanaimo, BC (250) 751-8861
Vancouver, BC (604) 876-3855
Toronto, ON (416) 656-9578
Paris, France 01-40-39-96-92
London, England 20-7224-5730
Cần nhiều Đại Lý khắp các Tiểu Bang. Đại Lý cho Kim Phú sẽ được
làm giấy tờ hợp pháp cho khắp các Tiểu Bang tại Hoa Kỳ.
1 (888) 546-7489
www.kimphu.com

Cuốn sách ai cũng cần đọc để có giải đáp tất cả các thắc mắc về Canh Dưỡng Sinh:

* *Nên hay không nên uống Canh Dưỡng Sinh? Vì sao?*
* *Nấu canh với liều lượng nào mới đúng?*
* *Các nguyên liệu nấu canh có những dược chất gì? Chữa được những bệnh nào? Ai đã khỏi bệnh? Ai bị phản ứng?*
* *Tác giả Lập Thạch Hòa hiện nay đang ở đâu?*

Tìm hiểu về Canh dưỡng sinh

do nhà báo Tiểu Ký,
một dược sĩ biên soạn.

Một phần sách gồm những bài ***"Cơn Sốt Canh dưỡng sinh"*** trên nhật báo Người Việt, đã được sửa chữa.
Có thêm phần nghiên cứu kỹ lưỡng về dược tính của củ cải, củ cà-rốt và nấm Shitake.

Phần phụ lục gồm các bài về
Cách chữa trị và sống với bệnh nan y *của Chân Huyền (dịch giả các cuốn Sống Hạnh Phúc Chết Bình An, Chuyển Hóa Tâm, v.v... của Đạt Lai Lạt Ma).*

Tiền bán sách sau khi trừ chi phí sẽ được dùng vào việc tặng bữa ăn trưa cho các trẻ em mẫu giáo tại Nha Trang

Ngoài tòa báo Người Việt và các nhà sách,
quý vị có thể gửi thư mua trực tiếp tại:
Chân Huyền
10746 El Rubi circle
Fountain Valley - Ca 92708.
(Giá 5$. Nếu mua 1- 2 cuốn, xin gửi thêm 2$ tiền bưu phí.
Từ 3 - 5 cuốn : thêm 3$)

Thư Đầu Năm

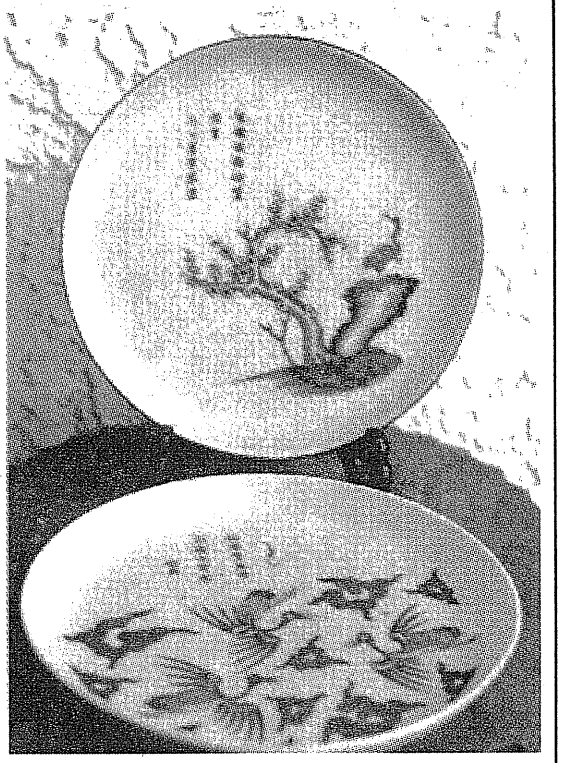

Bạn đọc thân mến,

Như mùa Xuân mỗi năm lại về nhưng không bao giờ cũ, báo Xuân nương theo mùa Xuân mà làm lại công việc hàng năm, nhưng cũng không cảm thấy đang đi vào một lối mòn đã qua nhiều lần. Vì thời gian vẫn trôi mãi không bao giờ quay về bến cũ, những hiện tượng thiên nhiên hay việc chúng ta làm, nhiều khi cứ ngỡ về lại chỗ đã đi qua trong một chu kỳ kín, kỳ thực tất cả luôn ở trên một dòng chảy bất tuyệt.

Xuân Giáp Thân năm nay Thế Kỷ 21 lại gửi đến quý vị một số báo đặc biệt gồm có những bài "vui Xuân" mà một số viết về con khỉ, những bài có tính chất tổng kết các mặt của đời sống, một số biên khảo với các đề tài ít được đề cập trong cuộc sống bình thường, và dĩ nhiên nhiều truyện và thơ... Đặc biệt, một số trang đáng kể dành cho chủ đề về Phạm Duy Khiêm, một nhân vật văn học chúng tôi đã muốn đề cập đến từ lâu mà chưa hội đủ cơ duyên. Cùng với bài nghiên cứu rất kỹ lưỡng của Thụy Khuê, chúng tôi tìm đăng lại một số bài viết đã lâu liên quan đến Phạm Duy Khiêm của Phạm Trọng Nhân, Võ Long Tê, Nguyễn Đình Hòa và cả một đoạn hồi ký của nhạc sĩ Phạm Duy viết về người anh ruột của mình, để làm sáng tỏ hơn chân dung của một nhà văn có tài của Việt Nam nhưng chắc chắn ít được độc giả tiếng Việt biết tới vì hầu hết cuộc đời ông sống ở nước ngoài và lại viết văn bằng tiếng Pháp. Một biến cố văn hóa lịch sử quan trọng trong năm qua tại Hà Nội đã cho thấy lại cả một quá khứ dài của Việt Nam, đó là cuộc khai quật thành cổ Thăng Long, cũng được tường trình một số nét cơ bản bằng bài viết và hình ảnh trong số Xuân này...

Xuân, Tết là thời điểm có một chút nghỉ ngơi ngắn để hồi sức với một sự "làm mới lại" từ vạn vật tới con người. Trong khói hương ngày Tết, chúng tôi xin chân thành chúc quý độc giả một cuộc sống đầy đủ và an lạc, chúc đất nước của chúng ta mau hội nhập vào đời sống văn minh của nhân loại, cầu mong trái đất được sống trong an ninh và thanh bình. Đã có nhiều nỗi đau thương trong những năm Thân của quá khứ, ước sao những đen tối đã qua không bao giờ tái diễn, và những nấm mộ cũ sẽ phủ đầy hoa lá tươi đẹp thơm tho gặt hái từ cuộc sống ngày càng tiến bộ của hôm nay. Năm Thân này phải mở ra nhiều điều vui vẻ, linh hoạt, đúng với hình ảnh con Khỉ nhanh nhẹn, thông minh, rất gần gũi với con người.

THẾ KỶ 21

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP: Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khải Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: tranh của họa sĩ **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng.**
Hý họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Trần Triệu Hoàng, Tôn Nữ Thu Nga, Đỗ Tăng Bí, Phan Trần Sơn, Hồ Đăng**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 177 & 178 Tháng Giêng & Hai 2004

CHUYỆN NĂM THÂN
9. Thư đầu năm – **Thế Kỷ 21**
34. Năm Thân, chuyện Khỉ – **Nguyễn Thị Tâm Văn**
27. Bàn về nguồn gốc con người hiện đại – **Nguyễn Văn Tuấn**
79. Chuyện phiếm ngày Xuân – **Song Thao**
167. Khỉ nuôi người – **Trần Quán Niệm**
171. Nguồn gốc giống khỉ và người – **Nguyễn Quang Trọng**

NGHIÊN CỨU – LỊCH SỬ
11. Kinh tế là những câu chuyện đơn giản – **Ngô Nhân Dụng**
17. Sinh hoạt tín ngưỡng ở Việt Nam ngày nay – **Trần Triệu Hoàng**
106. Về cuộc khai quật di tích Thăng Long – **Đỗ Tăng Bí** phỏng vấn Gs **Phan Huy Lê**
109. Hiện diện một Thăng Long xưa... – **H.Q.**
177. Con tim thổn thức – **Tiểu Huyền**
180. Xanh dương, mầu ưa chuộng nhất hiện nay – **Phạm Quốc Bảo**
162. Thơ họa sứ lam thời Lê, Nguyễn – **Phan Trần Sơn**

VĂN HỌC –NGHỆ THUẬT
54. Phạm Duy Khiêm – **Thụy Khuê**
64. Phạm Duy Khiêm không còn nữa – **Phạm Trọng Nhân**
67. Một mối tình Việt-Pháp tuyệt đẹp – **Nguyễn Đình Hòa**
74. Phạm Duy Khiêm, ông Đại sứ – **Võ Long Tê**
77. Phạm Duy Khiêm, người anh – **Phạm Duy**
85. Sáng Thế Ký đọc bởi một người Việt Nam – **Nguyễn Hoài Vân**
97. Những hạt ngọc bày ra ánh sáng – **Nguyễn Minh Cần**
112. Vài ý nghĩ nhỏ về văn học VN hải ngoại – **Nguyễn Mạnh Trinh**
183. ViFF thành công mỹ mãn – **Vũ Quí Hạo Nhiên**

VĂN
40. Chú tiểu chùa Báo Quốc – **LKM**
44. Mưa đêm cuối năm – **Nguyễn Tường Thiết**
52. Trẻ và Già – **Võ Đình**
116. Thằng Khỉ – **Trần Ngọc Tuấn**
122. Trên đường thiên lý – **Tôn Nữ Thu Nga**
131. Tết và hoa – **Lan Hương**
136. Một vòng cổ tích – **Tâm Thanh**
141. Hai tháng cho một tình yêu – **Thơ Thơ**
150. Cháo nóng đêm đông – **Lưu Văn Vịnh**
154. Bí ẩn của một chuyện tình – **Phạm Thành Châu**
160. Tết nhớ – **Thiên Hương**
190. Tết trên miền lạnh – **Từ Trì**
194. Cái bếp của dân tị nạn – **Phạm Xuân Đài**

THƠ
42. Mùa xuân tiếng quạ – **Khánh Hà**. 53. Những đoạn thơ rời của một người nhiều việc – **Trần Mộng Tú**. 83. Ngày về – **Đạm Thạch**. 89. Khi Anh không còn là Anh – **Dương Kiền**. 114. Chiều cuối năm – **Trần Huy Sao**. 133. Cô gái vườn chè – **Lưu Văn Vịnh**. 138. Vô ngôn – **Phạm Cây Trâm**. 143. Cô lái đò – **Nguyễn Bính**. 147. Xuân đôi ta – **Hồ Dzếnh**. 157. Em là con gái ca dao – **Trần Hồng Châu**. 169. Như chiếc phong linh – **Vũ Ngọc Ánh**.

KINH TẾ
LÀ NHỮNG CÂU CHUYỆN ĐƠN GIẢN

NGÔ NHÂN DỤNG

Các nhà kinh tế học thường bị coi là một giống người phức tạp, khó hiểu, và không có ý kiến nào chắc chắn. Quý vị có biết câu chuyện "nhà kinh tế một tay" nổi tiếng từ nửa thế kỷ rồi không? Trong tuần báo *Economist* hồi tháng 11 năm 2003 họ viết một bài với nhan đề đó, "The one-handed economist" với dụng ý chỉ trích một tác giả, ông Paul Krugman, Đại học Harvard, rằng ông là một nhà kinh tế học... chỉ có một tay! Câu chuyện "The one-handed economist" được kể từ thời Tổng thống Harry Truman. Ông Truman bảo, "Xin quý vị kiếm cho tôi một nhà kinh tế học nào chỉ có một tay thôi, an one-handed economist, để tôi hỏi ý kiến!" Tại sao? "Bởi vì các nhà kinh tế mỗi khi góp ý kiến với tôi họ đều nói, 'On the one hand' (nhìn từ phía này thì ...), sau đó lại nói, 'On the other hand' (Nhìn từ phía khác thì...). Tôi không thể nào quyết định được!" Không cứ ông tổng thống Mỹ mà bất cứ nhà quản trị hay bà nội trợ nào cũng muốn có một kinh tế gia "một tay," cho mình nghe một ý kiến nhất định thôi. Không ai muốn nghe các ý kiến khiểu "Một đằng thì .., nhưng mặt khác thì ..." Nói kiểu Việt Nam cho đúng thì phải dịch "The one-handed economist" là "Nhà kinh tế một mặt," vì người mình hay nói "một mặt thì ... nhưng mặt khác thì..."

Nhưng tại sao tạp chí *Economist* (Kinh tế gia) lại chỉ trích ông Krugman là chỉ có một tay? Giáo sư Krugman thường viết mỗi tuần hai bài trên nhật báo *The New York Times* mà tôi xin thú thực hễ thấy bài của ông ta là muốn đọc. Vì, dù mình đồng ý với ông ta hay không, phải công nhận lối văn ông viết rất sắc bén và có duyên. Ông thường đưa ra những thí dụ, những hình ảnh đơn giản để thuyết phục độc giả. Chẳng hạn, ông chỉ trích chính sách cắt thuế của chính phủ George W. Bush, theo đó những người giầu nhất nước Mỹ hưởng ơn mưa móc quá nhiều so với giới trung lưu. Ngoài ra, vì cắt thuế nhiều quá nên ngân sách của chính phủ liên bang Mỹ khiếm hụt, phải vay nợ, trong tương lai dân Mỹ sẽ phải lo trả cả vốn lẫn lãi, mà hầu như không người dân nào để ý tới những món nợ khổng lồ đó. Ông Krugman tính ra số tiền một gia đình người Mỹ được cắt thuế bình quân khoảng 700 đô la. Trong khi đó, những món nợ mà chính phủ liên bang sẽ vay, nếu chia đều ra thì mỗi gia đình chịu một món nợ 1,500 đô la. Ông ví chính sách của chính phủ Bush giống như ông nhà nước mang tặng bạn một cái tủ lạnh trị giá 700 đô la, nhưng quên không báo cho bạn biết rằng ông nhà nước đã mua cái tủ lạnh đó bằng thẻ tín dụng credit card của chính bạn, mai mốt bạn sẽ phải trả góp. Và tấm thẻ đó lại bị "chạc" những 1,500 đô la vì ông nhà nước còn nhân tiện mua riêng cho mình mấy món khác nữa! Phải công nhận lối dùng những thí dụ giản dị như vậy khiến người đọc hiểu vấn đề rất nhanh, rất dễ thuyết phục người ta. Nhưng tạp chí *The Economist* phê bình rằng ông Krugman tuy thông minh xuất chúng nhưng lại rất thiên lệch khi bàn về chính sách kinh tế ở Mỹ. Ông nhìn chính sách nào của chính phủ Bush cũng chỉ thấy những khía cạnh xấu mà thôi, cho nên được gọi là "Nhà kinh tế một tay!" Tuy vậy, báo này cũng công nhận ông Krugman là một nhà nghiên cứu lỗi lạc, đã từng đoạt những giải về kinh tế học quan trọng ở Mỹ, và biết đâu có ngày ông sẽ được giải Nobel – nếu tập dùng cả hai tay.

MỘT THỊ TRƯỜNG GIẢN DỊ

Trong nghề nghiên cứu kinh tế học có những công trình nghiên cứu với tham vọng với đến những hiện tượng bao trùm cả thế giới, hoặc gây tác dụng làm thay đổi cả chính sách của người cầm quyền. Nhưng người làm nghề nghiên cứu kinh tế cũng sẽ rất hãnh diện nếu dùng được những mô hình rất bình thường để mô tả những hiện tượng kinh tế tưởng như rất phức tạp. Hai giáo sư Modigliani và Miller thì ai học về môn Tài chính xí nghiệp đều biết, đã thay đổi lối người ta đặt những vấn đề như vay nợ, "Vay nợ nhiều hay ít có ảnh hưởng đến giá trị một xí nghiệp hay không?" Rồi họ lại đặt vấn đề chính sách cổ tức,

"Trả cổ tức nhiều hay ít có ảnh hưởng đến giá trị của xí nghiệp hay không?" Và mỗi lần đặt các câu hỏi đó, họ nêu ra những mô hình đơn giản, tập cho nhà nghiên cứu suy nghĩ vấn đề bắt đầu từ cơ bản. Sau hày hai ông đều được giải Nobel về kinh tế học. Tôi nhớ cả hai ông đều đã tới trường tôi thuyết trình, trong những buổi họp chỉ có vài chục người trong nghề dự - vì ở thành phố Montréal có tới bốn trường đại học nên mới đông đến vài chục người quan tâm đến môn tài chánh học. Khi mỗi ông đó thuyết trình, họ thường nêu ra những trường hợp đơn giản và đặt câu hỏi coi như vậy thì con người duy lý (và chỉ nghĩ đến lợi riêng) họ quyết định thế nào? Nếu mọi người đều theo lối quyết định đó thì hậu quả khiến thị trường tài chánh sẽ thay đổi ra sao? Họ không dùng những phương trình vi tích phân hay toán xác suất phức tạp như các người mới làm xong luận án tiến sĩ. Những "mô hình" đơn giản có thể làm thay đổi cách người ta nhìn và suy nghĩ vấn đề kinh tế, nếu người nêu lên bắt được đúng một vấn đề cơ bản, khi áp dụng thì biến hóa thiên hình vạn trạng, có thể đặt nhiều vấn đề kinh tế cùng theo một mẫu. Tất nhiên có những vấn đề kinh tế được đặt ra với các phương pháp toán học rất phức tạp mà cũng đóng góp cho hiểu biết của ngành kinh tế học, và giúp cho người ta quyết định đúng hơn. Nhưng những mô hình đơn giản bao giờ cũng đẹp hơn và kích thích được nhiều bộ óc hơn.

Chắc quý vị còn nhớ câu chuyện về thị trường bán xe cũ, trong bài nghiên cứu về "Lemon market" của giáo sư George Akerlof, ông đã được giải Nobel về kinh tế học, sự nghiệp của ông mở đầu với câu chuyện thị trường xe cũ đó. Akerlof đã đem một câu chuyện rất giản dị để diễn tả tình trạng người mua kẻ bán không có những tin tức giống nhau và thị trường không có cơ chế nào để giúp họ tin rằng có thể chia sẻ tin tức với nhau một cách chắc chắn trung thực. Mua xe cũ là một đề tài mà người Mỹ hay đem ra đùa cợt, như khi người ta hỏi nhau: Ông/bà có sẵn sàng mua một chiếc xe cũ của ứng cử viên này hay không? (Ý nói, hắn có đáng tin hay không?)

Akerlof kể chuyện trong thị trường xe cũ người bán xe thì biết cái xe của mình tốt hay xấu đến mức nào, còn người mua xe thì không biết được. Cho nên, nếu người mua xe biết giá trị chiếc xe cũ đời đó, nhãn hiệu đó, có giá tối đa là q, tối thiểu là số không, thì biết rằng cái xe mình đang tính mua có giá trị nằm giữa zero, số không, và q. Vì không biết chắc chắn giá trị chiếc xe nằm ở khoảng nào nên người mua xe phải đánh cá là nó ở mức trung bình, là q/2, một nửa mức tối đa. Trả giá q chia 2 có thể sai hay đúng, lợi hay thiệt, đánh cá 5 ăn 5 thua là tiện nhất.

Nhưng nếu người mua nào cũng đánh giá như vậy, chỉ vì họ không biết rõ tin tức về từng chiếc xe cũ, thì những người bán xe cũ nào biết giá trị xe mình tốt hơn, đáng giá hơn q/2, người đó sẽ rút ra khỏi thị trường, không bán nữa. Còn lại trong thị trường chỉ là những xe có giá trị từ q/2 trở xuống mà thôi. Nhưng người mua xe không ngu gì, cũng nhận ra điều đó, và họ biết trong thị trường bây giờ chiếc xe tốt nhất, có giá trị tối đa chỉ là q/2. Như vậy thì, vì vẫn không biết giá trị từng cái xe một, họ cứ trả giá trung bình là q/4. Trước cảnh đó, những người có xe cũ giá trị cao hơn q/4 sẽ rút lui, để lại trong thị trường chỉ còn những chiếc xe trị giá từ q/4 trở xuống thôi. Cứ tiếp tục như thế, sau cùng sẽ không còn thị trường bán xe cũ nữa vì chỉ những chiếc xe "thổ tả" nhất được bầy bán, tiếng Mỹ gọi là những trái chanh, lemon!

Kể câu chuyện đó xong, Akerlof mới nêu lên vấn đề chính là trong một thị trường mà người mua, kẻ bán có những "tin tức kinh tế không giống nhau." Nếu thế thì không thể có thị trường xe cũ, cũng như các thị trường giống như vậy. Nhìn chung quanh ta thấy liền là có không biết bao nhiêu là thị trường mà người mua kẻ bán không thể cùng biết một tin tức, mà cũng khó lòng tin ở nhau. Đáng lẽ ra thì không còn ai muốn mua, bán nữa! Nhưng tại sao vẫn có các thị trường? Chúng ta có thể tìm hiểu xem trong thực tế các thị trường hiện hữu họ đã bịa ra những biện pháp nào để giải quyết vấn đề "tin tức kinh tế không giống nhau." Khi áp dụng thì thấy nhiều lắm.

Người mua cổ phần một công ty không biết ban giám đốc thuộc loại lương thiện hay gian trá, chỉ có ban giám đốc tự biết họ. Người mua bảo hiểm xe biết mình thuộc loại lái cẩn thận hay là lái ẩu; nhưng các hãng bảo hiểm thì không biết. Người đi xin việc biết rõ khả năng của mình, người tuyển dụng chỉ biết lơ mơ thôi. Trong bao nhiêu sinh hoạt kinh tế khác, có những thị trường mà người mua và người bán không biết tin tức giống như nhau; không những thế, họ khó lòng báo tin cho nhau mà tin tức đó lại được bảo đảm là đáng tin cậy. Nhưng tại sao vẫn có những thị trường mua bán bảo hiểm, thị trường nhân dụng, thị trường chứng khoán, vân vân? Akerlof đã phân

tích các trường hợp đó để thấy có những cơ chế (mecanism) nào được dùng trong các thị trường ngõ hầu giải quyết vấn đề tin tức bất cân xứng đó.

Akerlof đã mở cửa cho cả một ngành nghiên cứu mới về "Tin tức bất cân xứng" (asymmetric information), cái kho tàng đó bây giờ vẫn còn được tiếp tục khai phá. Bắt đầu bằng thí dụ thị trường xe hơi cũ nát, những trái chanh. Trước ông, đã có nhiều người phân tích vấn đề tin tức bất cân xứng này, nhưng ông có tài đặt vấn đề theo cách đơn sơ, dễ hiểu nhất, và nêu được những đặc tính, những ẩn số chính của bài toán cho những người đi sau áp dụng, từ đó họ tìm hiểu bao nhiêu lãnh vực khác. Về sau này một giải Nobel đã được trao cho Akerlof và mấy người khác cũng nghiên cứu vấn đề tin tức bất cân xứng trong đời sống kinh tế.

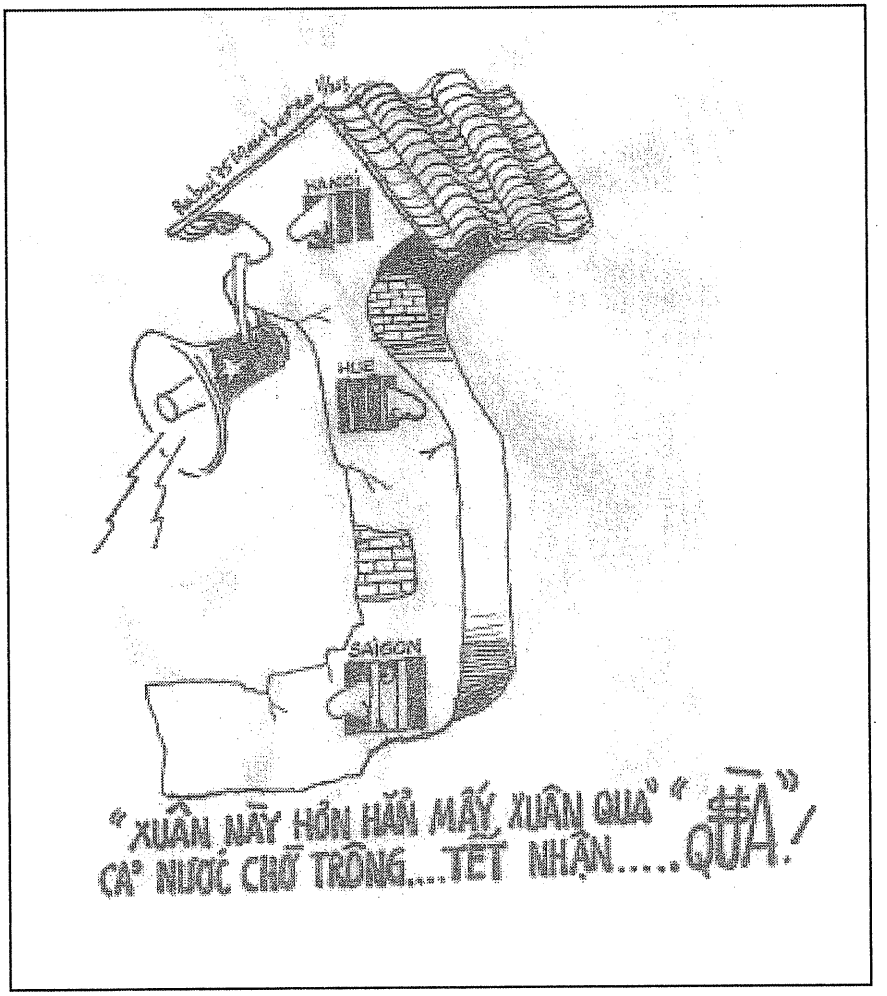

Chuyện ngụ ngôn hai người tù

Qúy vị có nhớ chuyện nhân vật chính trong phim *The Beautiful Mind* hay không? Đó là ông giáo sư John F. Nash Jr., cũng được giải Nobel về kinh tế học. Ông thuộc một chủng loại khác với ông Akerlof ở trong nghề kinh tế. Ngành của ông gồm những người chuyên về "Game Theory," Lý thuyết Trò chơi. Thực ra ông là một nhà toán học, chỉ đi qua lãnh vực kinh tế một lần, với một bài viết ngắn ngắn, mà từ đó người ta đặt ra tên "Trạng thái quân bình theo lối Nash" (Nash Equilibrium.) Khi nghiên cứu kinh tế dùng Lý thuyết Trò chơi, *Game Theory*, các tác giả thường đặt vấn đề (kể một câu chuyện) xong rồi đặt câu hỏi đi tìm trạng thái quân bình Nash. Nghe chơi chơi vậy nhưng hầu hết các vấn đề kinh tế đều có thể đem nghiền ngẫm theo phương pháp Game, mà John Nash đã bầy ra cách đặt vấn đề, nên mở ra một con đường mới cho các nhà nghiên cứu. Không những trong kinh tế học, các ngành khoa học xã hội khác cũng khai thác *Game Theory* với nhiều ích lợi và lý thú.

Một câu chuyện giản dị được bao nhiêu nhà nghiên cứu dùng Game đem ra thử thách cái trí thông minh của mình là chuyện "Ngụ ngôn hai người tù" (The prisoners' dilemma.) Có người bịa ra câu chuyện đó để suy nghĩ về chiến lược thời chiến tranh lạnh Nga với Mỹ, rồi có người thấy có thể áp dụng nó vào môn học kinh tế, người khác đem áp dụng vào lãnh vực chính trị học, xã hội học, thậm chí đến việc nghiên cứu sinh học, di truyền học cũng dùng được.

Câu chuyện đơn sơ và thích thú. Một lần mở cuốn sách tên là Nguồn gốc Đức hạnh (về đạo đức-xã hội học,) thấy câu mở đầu viết, "The

prisoner has a dilemma ..." – Người tù có một mối lưỡng nan – tôi cảm thấy ngay tác giả là một người "biết chuyện!" Như gặp một người mà mình cảm thấy có thể trò chuyện mãi không chán, có thể kết bạn được. Mỗi lần gặp một bạn trẻ có vẻ thông minh và tò mò về đời sống chính trị, xã hội, tôi lại bị quyến rũ, muốn đem câu chuyện ngụ ngôn đó ra kể. Tiếc lắm, trong 100 người thì cũng chỉ được một người quan tâm! Nếu gặp một ai, bàn luận với nhau về một vấn đề nào đó, thí dụ chuyện cải tổ của đảng cộng sản Trung Quốc hay chuyện ông Osama bin Laden, hoặc một vụ ly dị, một vụ con cãi mẹ, mà chỉ cần nói, "Đây là một thứ prisoner's dilemma," nói thế là hiểu nhau rồi, thì vui biết mấy. Chữ Hán gọi là "Tương thị mạc nghịch," nhìn nhau là hiểu nhau, không thấy gì đối nghịch.

Chuyện ngụ ngôn Hai người tù kể như vầy:

Tanya và Cinque bị bắt trong lúc cướp ngân hàng Hibernia, họ bị giam ở hai phòng riêng. Mỗi người chỉ lo cho mình chứ không lo cho bạn. Một viên biện lý khôn ngoan bảo riêng mỗi người rằng: "Mày có thể thú tội, hoặc giữ im lặng. Nếu mày thú tội mà bạn mày im lặng, mày sẽ được tha, còn bạn mày sẽ bị tù nặng vì có lời mày làm chứng. Ngược lại, nếu mày im lặng mà bạn mày thú thì nó sẽ được tha, còn mày ở tù. Nếu cả hai cùng thú tội, cả hai sẽ bị tù, nhưng tòa sẽ cho án nhẹ thôi. Nếu cả hai cùng im lặng, tòa sẽ buộc tội mang vũ khí bất hợp pháp và phạt tù. Bây giờ nghĩ đi, sáng mai viết cho tòa một tấm giấy thú tội nhé!"

Mỗi người tù trên đây suy nghĩ như nhau, thấy chỉ có hai trường hợp xẩy ra, là hoặc người kia thú tội, hoặc hắn im lặng. Thử tính trong mỗi trường hợp đó mình quyết định thế nào thì có lợi nhất.

Nếu người kia im lặng, mình có thể chọn im lặng hoặc thú tội. Nếu cũng im lặng thì sẽ bị tù vì tội mang súng bất hợp pháp, nếu thú tội thì sẽ được tha. Như vậy thì thú tội tốt hơn!

Bây giờ nếu người kia thú tội, nên tính sao? Nếu mình im lặng, mình sẽ bị tù nặng còn nó được tha. Còn nếu mình thú tội, cả hai sẽ bị tù nhưng được hưởng án tù nhẹ hơn. Thôi, cứ thú tội vẫn hơn.

Cả hai người tù cùng suy nghĩ thuần lý sẽ thấy đằng nào cũng nên thú tội! Đó là suy nghĩ thuần lý dựa trên quyền lợi của mỗi người.

Nếu như hai người có thể thông tin cho nhau, và có thể biết chắc người kia không thể phản mình được (vì ra ngoài sẽ bị thanh toán chẳng hạn) thì cả hai cùng im lặng, mỗi người sẽ chỉ bị buộc tội mang vũ khí, nhẹ hơn tội cướp ngân hàng!

Câu chuyện này cho thấy khi mỗi người dùng tinh thần duy lý thì kết quả khác nếu tập thể dùng lý trí! Ở đời có rất nhiều trường hợp tương tự!

Câu chuyện "Mối lưỡng nan của hai người tù" do Merrill Flood và Elvin Dresher bịa ra đầu tiên, năm 1950. Họ nghiên cứu về chiến lược trong thế giới với hai cường quốc Nga, Mỹ đang đe dọa nhau bằng bom hạch tâm. Sau đó, ông Albert Tucker kể lại câu chuyện cho có con số rõ ràng hơn, để các giáo sư tâm lý trong Đại học Stanford có thể cùng hiểu. Cho tới cuối thập niên 1970 đã có cả ngàn bài nghiên cứu về câu chuyện này. Từ 1988 đến 1994 có hơn 200 cuốn sách viết đến chuyện này, và cứ thế tiếp tục.

Như vậy cho nên những người nghiên cứu kinh tế học không phải chỉ bàn những chuyện giá trị đồng đô la hay chỉ số sinh hoạt. Họ là người, họ cũng quan tâm đến bao nhiêu chuyện khác. Và nhiều khi họ bàn những chuyện ngoài kinh tế, chỉ vì thấy có thể áp dụng một mô hình kinh tế giản dị vào những cảnh huống khác của cuộc đời.

Hãy coi những vụ Enron, WorldCom, với những Anderson, Merrill Lynch, họ đã bị tố cáo ăn chịu, thông đồng với nhau làm cho giới đầu tư bị thiệt. Nhưng chúng ta cứ quan sát cảnh đàn ông đàn bà, con trai con gái gặp gỡ nhau để tìm bạn lứa đôi coi. Họ cũng play đủ thứ games không khác gì trong thị trường chứng khoán! Trước khi bàn đến thị trường hôn nhân, hãy kể một câu chuyện ngụ ngôn khác.

KINH TẾ QUỐC DOANH BẤT LỢI

Có một Trò chơi cho chúng ta biết tại sao các xí nghiệp quốc doanh không sinh lợi, và nói chung, tại sao các nước ngả về kinh tế quốc doanh sẽ bị trì trệ. Trò chơi này đọc trong cuốn "Nguồn gốc của Đức Hạnh" - The Origns of Virtue, của Matt Ridley, xuất bản năm 1996.

Có hai người, tên Konrad (K) và Niko (N) bắt buộc phải chia nhau lợi nhuận. Lợi nhuận này cao hay thấp là do họ quyết định mà tạo ra. Theo quy luật của cuộc chơi thì K là người được quyết định trước, và anh ta được chọn cách chia tiền. Có hai cách, là Bình đẳng hay Bất công. Còn N phải quyết định sau, nhưng anh ta sẽ được phép chọn số tiền để đem chia, là Cao hay Thấp.

Nếu K chọn Bình đẳng thì hai người sẽ chia đôi số tiền. Nhưng nếu anh chọn Bất công thì anh ta sẽ được chia 90% số tiền, còn 10% để cho N.

Sau khi K chọn rồi, đến lượt N chọn số tiền đem chia là Cao hay Thấp.

Nếu N chọn Cao, số tiền hai người được chia nhau sẽ là, thí dụ 10 ngàn. Như vậy là gấp 10 lần số tiền nếu N chọn Thấp, chỉ có 1 ngàn.

Với quy luật cuộc chơi như vậy,theo quý vị nghĩ thì mỗi người K và N sẽ quyết định ra sao? Tất nhiên K là người được quyết định trước, anh ta sẽ chọn cách chia Bất công, để được hưởng 9 phần mười lợi nhuận.

Còn N sẽ tính sao? Dù anh ta quyết định cách nào, anh cũng chỉ được hưởng 10% lợi nhuận. Như vậy thì đằng nào anh cũng nên chọn Lợi nhuận Cao, nếu không chính anh sẽ bị thiệt! Đây là một giải đáp Quân bình Nash cho cuộc chơi vì hai bên sẽ không muốn thay đổi.

Nhưng đó là theo lý luận của các nhà toán học. Trong đời sống xã hội chúng ta có những cảnh giống như trò chơi trên đây, nhưng tâm lý con người khác với bài toán thuần lý.

Tại những xứ độc tài có hai giai cấp. Một là nhóm thống trị, họ nắm quyền, thụ hưởng hầu hết lợi nhuận của nền kinh tế quốc gia, còn người dân thường thì hưởng rất ít. Nhưng chính người dân thường, với tư cách lao động, lại có thể chọn làm việc hăng hái, hay uể oải, ảnh hưởng đến lợi tức quốc dân. Để cho giản dị, chúng ta tưởng tượng một cuộc chơi.

Thí dụ chúng ta có hai người tên là Quan và Dân. Hai người chia nhau lợi nhuận của một xí nghiệp chẳng hạn, trong đó Quan là thủ trưởng, Dân là công nhân. Quan có quyền quyết định chia lợi nhuận theo cách của ông ta, và thế nào Quan cũng chọn cách Bất công, để hưởng 90%, còn 10% để cho Dân hưởng. Còn Dân thì có quyền làm việc hăng hái hay uể oải, ảnh hưởng tới lợi nhuận cao hay thấp.

Nhưng trong trò chơi này lợi nhuận Cao hay Thấp không khác nhau nhiều đến 10 lần như trong trò chơi toán học trên. Nếu Dân cố làm hết sức để lợi nhuận cao hơn, từ mức 100 đồng năm ngoái có thể sẽ tăng lên 110 đồng, tỷ lệ tăng trưởng là 10%. Ngược lại, nếu Dân không cố gắng, làm tà tà, thì tỷ lệ tăng trưởng chỉ có 5%, lợi nhuận lên thành 105 đồng.

Đối với thằng Dân, nếu làm tà tà được chia 10% của 105 đồng tức là được 10 đồng rưỡi, còn nếu làm cật lực thì cũng khá hơn, được 11 đồng, khác nhau 50 xu.

Nhưng khi thằng Dân quyết định, nó không chỉ nhìn vào túi nó có thêm 50 xu, khá hơn, mà nhìn vào lợi nhuận của ông Quan. Nếu thằng Dân làm cật lực, ông Quan sẽ hưởng 90% của 110, tức 99 đồng. Nếu Dân làm uể oải, ông Quan sẽ được 94 đồng rưỡi mà thôi – tức là 90% của 105 đồng. Nếu nhân dân nỗ lực, lợi tức của quan sẽ tăng từ 94 đồng rưỡi lên 99 đồng!

Theo tâm lý con nhà nghèo chúng tôi thì thằng Dân sẽ chọn cách làm uể oải, tà tà. Vì nó thấy mình có cực thân cũng chẳng hưởng được bao nhiêu (50 xu) mà ông chủ thì được hưởng thêm nhiều quá (thêm 4 đồng rưỡi!) Thằng Dân so sánh 50 xu của mình với 4 đồng 50 xu của Quan mà thấy tủi thân! Chắc nó sẽ không cố gắng!

Cũng có thể suy luận lối khác, thằng Dân thấy rằng nếu làm việc tà tà mình cũng chỉ bị mất có 50 xu mà thôi, còn ông Quan sẽ bị mất 4 đồng 50 xu lận! Nếu thằng Dân muốn trả thù Quan thì nó sẽ làm việc tà tà!

Câu chuyện ngụ ngôn trên có thể giải thích tại sao các chế độ gọi là xã hội chủ nghĩa hiện thực lại thất bại về kinh tế. Tại các nước Tư bản Quả đầu thì hơi khác. Vì các chế độ đó không cực quyền toàn trị cho nên thằng Dân ở đó không chịu lép một bề mãi.

Nó sẽ đòi thay đổi cách phân chia. Và mỗi khi cách phân chia công bằng hơn một chút, mức phát triển kinh tế cũng cao hơn. Người ta đã nghiên cứu nhiều quốc gia, thấy trong thực tế mức độ công bằng xã hội lợi tức tỷ lệ thuận với sự phát triển kinh tế, điều đó không ngạc nhiên.

Nhưng trong câu chuyện trên đây người Dân không tính toán thuần lý và duy lợi như trong các mô hình kinh tế học. Đáng lẽ nếu duy lý thì anh Dân phải thấy có thêm 50 xu vẫn hơn, còn anh Quan anh ấy có thêm 4 đồng rưỡi là chuyện không liên can gì đến mình! Nhưng nếu cái tính ganh tị, thù oán nó nhập vào thì người Dân có thể lãng công trường kỳ, giống như ở nhiều nước độc tài vậy! Khi quyết định về hôn nhân, thường chúng ta cũng không duy lí như trong kinh tế học. Tuy nhiên, có những thiên tình sử vĩ đại vẫn chứa đựng khía cạnh kinh tế trong đó!

NỮ HOÀNG SA BA VÀ VUA SALOMON

Trong thị trường hôn nhân, đàn ông cạnh tranh với các người đàn ông khác để được một hay nhiều phụ nữ chú ý, để họ chịu đi ăn tối với mình, đi coi hát, khiêu vũ với mình, và sau cùng là mục đích gì thì ai cũng biết. Ngược lại, phụ nữ cũng cạnh tranh với nhau để thu hút càng nhiều quý ông càng tốt, để tìm một người bạn đời, nếu không

gọi là một "nơi nương tựa." Hai bên biết mục đích và nhu cầu của nhau, và có thể bước vào thị trường, bắt đầu việc "tiếp thị" – marketing! Chúng ta hành động không khác gì mấy hãng xe General Motors, Toyota, BMW tìm cách bán xe cho người tiêu thụ. Môn tiếp thị rất hữu ích cho chúng ta để hiểu câu chuyện hôn nhân, tán tỉnh, hẹn hò ... Mỗi nhà sản xuất tìm cách trưng bầy sản phẩm của mình như câu trả lời đúng nhất cho nhu cầu của người tiêu thụ, và tất nhiên ai cũng muốn che giấu mọi nhược điểm của mình đi. Một tác giả, đã tốt nghiệp MBA ở Đại học Harvard, viết một cuốn sách về "Lớp MBA ở Đại học Harvard dậy tôi cái gì về nghệ thuật kiếm chồng!" Tôi xin lỗi không kể tên tác giả ở đây vì không đồng ý với lối đặt đề tài đó! Nhưng, cũng có thể vì tôi đã lớn tuổi rồi thấy mình không còn ở trong thị trường đó nữa cho nên không thích đọc!

Một nhà kinh tế viết thế này về trò chơi kết bạn khác tính phái (giả thiết là để tiến tới hôn nhân), không biết quý vị nghĩ sao: "Phụ nữ đi tìm một người đàn ông để đáp ứng mọi nhu cầu của mình, trong khi người đàn ông đi tìm mọi phụ nữ chỉ để thoả mãn một nhu cầu của hắn." Trong một thị trường như vậy, mỗi bên phải hiểu mục đích của bên kia, và tìm cách "chiêu mại" sản phẩm của mình cho phù hợp, đồng thời vẫn bảo vệ được mục đích của mình khi mua sản phẩm của đối tác. Có thể phân tích như hai người tham dự (play) một trò chơi (game). Họ cũng có khi kết hợp lại như những tổ chức OPEC để bảo vệ giá dầu. Họ cũng tìm cách hại đối thủ cạnh tranh khi cần bán cho cùng một giới tiêu thụ.

Tôi viết như trên và ý thức rằng các ông, bà bạn thi sĩ của tôi đang nổi giận. Họ sẽ mắng rằng, "Thế còn ái tình, tình yêu chân chính, cao quý, bỏ đi đâu?" Tôi xin các thi sĩ tha lỗi. Ở trên đời có TìnhYêu chứ. Tôi tin vào điều đó không kém ai hết. Tình yêu là thứ không ai hiểu được. Chỉ có hôn nhân nhiều khi có thể đem phân tích theo *game theory* được mà thôi, tình yêu thì không phân tích nổi. Khi chúng ta gặp một người, nói những chuyện trên trời dưới biển, chuyện triết lý của Khổng Tử và chuyện nấu canh sao cho ngon, chuyện Thơ Đường hay nhạc Mozart, rồi đến chuyện bán cái xe cũ mua xe mới; rồi sau một giờ trò chuyện, không ai tán tỉnh ai hết, bỗng nhiên một người nói, "Anh yêu em;" rồi người kia nói, "Em yêu anh;" như thế ta gọi là tình yêu. Rồi chia tay nhau, trong lòng hào hứng mà không biết mình đang hào hứng về chuyện gì. Mấy ngày liên cứ nghĩ đến là thấy "phiêu phiêu" không hết, giống như Cô Mùi gặp anh Siêu hoặc Zivago gặp Lara. Như thế, tiếng ta gọi là Yêu! Tiếng Tầu long trọng gọi là "Tương thị mạc nghịch."

Có một chuyện tình nổi tiếng, được chép trong Cựu Ước, chắc ai cũng biết. Chuyện của Nữ hoàng Sheba và vua Salomon. Khi Salomon dọa đem quân tấn công, nữ hoàng Sheba đã "đi thẳng tới Jerusalem mang theo cả một đoàn xe và lạc đà, chuyên chở bao nhiêu là hương liệu, vàng bạc, và đá quý." Và một vụ ái tình đã xẩy ra, đẹp như một bài thơ, được ghi trong kinh thánh cẩn thận.

Nhưng chúng ta không quên rằng nguồn lợi tức chính củavương quốc nữ hoàng Sheba là buôn hương liệu, và đất đai bà ngự trị là xứ Yemen bây giờ, kiểm soát Hồng Hải là con đường nhập cảng hương liệu từ các xứ miền Đông (tức Á châu) đem qua vùng Địa Trung Hải. Vua Salomon, con người thánh trí cũng biết mối lợi kinh tế đó và muốn thảo luận. Khi hai nhà buôn muốn tấn công cùng một thị trường họ chỉ có hai cách đối phó với nhau: hoặc cạnh tranh cắt cổ cho tới khi đối phương bị gục, hoặc thương lượng để đồng loã cùng nhau bắt chẹt giới tiêu thụ. Cuộc gặp gỡ giữ nữ hoàng Sheba và vua Salomon khiến chúng ta phải nhớ đến những chuyện Enron, Dynergy với El Paso đồng ý làm giá trong thị trường điện ở California, hay chuyện Merrill Lynch trao đổi với Tyco. Adam Smith viết từ thế kỷ 18: "Những người buôn cùng một ngành ít khi gặp gỡ nhau chỉ để giải trí, và khi gặp thì câu chuyện sau cùng của họ vẫn là đồng loã bắt chẹt giới tiêu thụ, nhiều khi là để cùng tăng giá." Chắc chắn sau cuộc gặp gỡ giữa vua Salomon và Nữ hoàng Sheba, giá cả trong hương liệu khác trước! Hai bên cùng có lợi, chỉ giới tiêu thụ bị thiệt! Ai ngờ thiên tình sử vĩ đại như thế mà cũng bị các nhà kinh tế học soi mói! Có đúng là hai đấng trai tài gái sắc đó đã ký một hiệp định thương mại song phương hay không? Hay chỉ có tiếng sét ái tình mà thôi?

Tội nghiệp cho thân phận con người. Chúng ta cũng phải lo trả các hóa đơn mỗi tháng, lo cho tương lai mình và con cái nếu có sau khi lấy nhau. Cho nên không thể tin mãi vào cảnh "một mái nhà tranh với hai trái tim vàng." Đó là thân phận làm người. Kinh tế học không giúp chúng ta sống hạnh phúc hơn. Nhưng hy vọng có thể giúp chúng ta tránh các quyết định vội vàng, bớt phiền não được chút nào hay chút đó. Nếu chúng ta cùng hiểu được như vậy thì cũng là tương thị mạc nghịch, dù không phải là tình yêu.

Đôi Điều Suy Nghĩ về một số

SINH HOẠT TÍN NGƯỠNG Ở VIỆT NAM NGÀY NAY

TRẦN TRIỆU HOÀNG

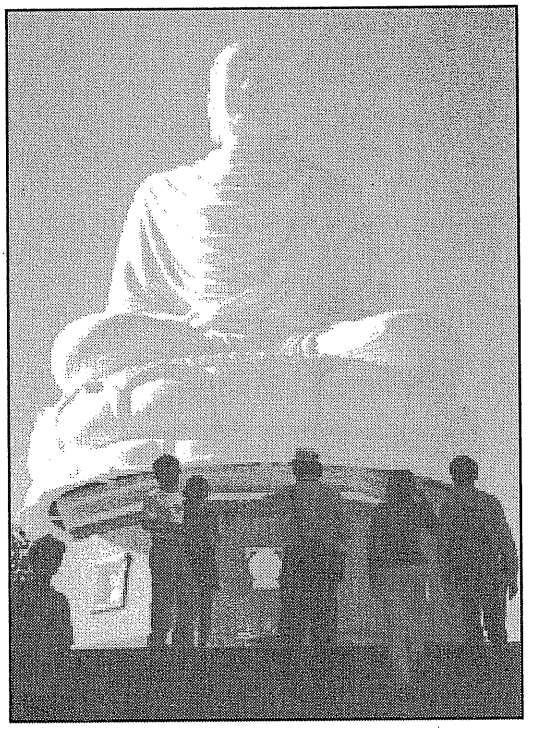

Lên Chùa Tây Phương

Tôi lên thăm chùa Tây Phương một ngày cuối tháng chạp vào một năm thời tiết thật là nghịch thường. Mùa đông mà nhiệt độ trung bình ban ngày là khoảng 25, 26 độ C. Chung quanh chùa cây còn xanh lá.

Xe đến chân núi, ngay cổng đã có bàn bán vé cho người lên thăm chùa. Tôi lên chùa với tâm trạng của người du khách đi thăm cảnh.

Từ chân núi lên đến chùa có tới hơn hai trăm bậc thang. Lưng chừng núi có một quán, đúng ra chỉ có một cái bàn kê bên một bụi tre, bán nước và vàng nhang. Chúng tôi đã phải nghỉ chân ở đây uống bát nước chè trước khi vào cổng chùa.

Chùa Tây Phương là một cổ tự, tên chữ là Sùng Phúc tự, có từ trước thế kỷ 17 và đã được trùng tu nhiều lần. Lần sau cùng vào cuối thế kỷ 18, đời Tây Sơn, niên hiệu Cảnh Thịnh.(1) Mái chùa cong vút, có trang trí bằng những hình long, ly, quy, phượng. Với nhiều phù điêu khắc trên gỗ. Chùa giữ nguyên được nét cổ kính trang nghiêm. Trong chùa có nhiều tượng điêu khắc công phu, mỹ thuật. Theo Tự Điển Di Tích Văn Hóa Việt Nam (nxb Khoa Học Xã Hội) thì hầu hết các tượng còn trong chùa ngày nay được làm trong đợt trùng tu năm Vĩnh Hựu (1735-1740). Ngoài pho tượng Tuyết Sơn trong thế ngồi chân phải co đặt nằm, chân trái gấp đứng - kiểu ngồi rất Việt Nam -(2), với những nét khắc công phu, điêu luyện trên từng đường gân, thớ thịt và nếp gấp, nếp nhăn trên áo, còn nhiều pho tượng khác (62 pho theo sách dẫn trên) trong đó 18 pho tượng La Hán là linh hoạt, sống động nhất. Trên gương mặt của mỗi vị đều có những biểu lộ khác nhau về tâm tình. Từ cửa vào gian giữa, tôi thấy một pho tượng Bồ Tát ngàn tay bằng gỗ không sơn. Người lái xe chở chúng tôi lên chùa cho biết là pho tượng Bồ Tát cũ rất đẹp đã bị mất cắp, người ta phải làm pho tượng này thay thế.

Đi dạo quanh sân chùa, dẫm trên nền gạch, nền đất khô sạch sẽ, nhìn ngôi chùa cổ kính, căn nhà tổ thâm nghiêm, những hòn giả sơn, những cây cổ thụ, tôi bỗng có những cảm xúc phức tạp khó nói. Một cảm giác nhẹ nhàng lâng lâng, êm đềm thanh thản. cùng lúc một nỗi buồn, một nỗi u hoài . Một chút gì rất gần gũi, thân thiết, một nỗi nhớ thương mung lung không rõ rệt. Bỗng dưng nhớ đến câu thơ của Quang Dũng:

Vừng trán em vương trời quê hương,
Mắt em dìu dìu buồn Tây Phương.
Tôi nhớ xứ Đoài mây trắng lắm
Em có bao giờ em nhớ thương.
(Đôi mắt Người Sơn Tây)

Tôi không muốn nối kết ý thơ của người khác vào khung cảnh quanh tôi để tạo ra một thứ tình cảm vay mượn giả tạo, nhưng thực sự tôi cảm

thấy một cái gì đó rất êm đềm, hiền dịu quanh tôi gợi lên từ mấy câu thơ trên, mặc dầu tôi không phải người quê Bất Bạt. Một cái gì tôi đã gặp đâu đó thuở ấu thơ. Tôi đi lần đến bên một cái cổng mở ra phía một sườn đồi có đường mòn đi xuống. Trên cổng có in nổi ba chữ Chùa Thanh Am, hàng dưới là năm 1996. Có lẽ là cổng mới làm. Nhưng tại sao lại có tên Chùa Thanh Am? Tôi không rõ. Hình như tôi có hỏi chú tài xế, nhưng tôi không được câu trả lời thỏa đáng, tôi cũng không hỏi thêm. Lúc đó tôi mải nhìn xuống cánh đồng dưới chân núi. Cách đồng sau mùa gặt, còn trơ những gốc giạ khô. Cánh đồng sau mùa gặt như bao cánh đồng khác ở miền Bắc Việt Nam tôi đã đi qua, đã theo mấy đứa trẻ đi chăn trâu trong nhưng ngày tản cư về quê ngoại. Bao nhiêu kỷ niệm những ngày thơ ấu bỗng trở về trong trí.

Hồi Ức

Khi còn trẻ, mẹ tôi là một "con nhang, đệ tử" của các thánh, của ông Hoàng , bà Chúa. Mẹ tôi thường đi hầu bóng ở các đền, phủ và đi chẩy hội chùa. Đi đâu cũng mang tôi đi theo. Ngày đó tôi còn quá nhỏ, tôi không thể nhớ đã đi những đâu. Tôi chỉ nhớ được những hình ảnh, những cảnh tượng rời rạc mà tôi đã trải qua. Tôi nhớ có lần đi tầu thủy đến tối mới đến một ngôi đền trên bờ sông. Sáng hôm sau lên đền. Trước cửa đền có cây đa cổ thụ. Cây cao tán rộng, che kín cả một vùng, trông có vẻ thần bí, linh thiêng. Người đi lễ đã đông. Trong đền, trên xà nhà tôi thấy hai con rắn quấn quanh, một đen một trắng, thè lưỡi đỏ lòm. Bàn thờ cao và chung quanh đông người vừa lễ vừa khấn, tôi không thấy được trên bàn thờ bầy những gì. Tôi chỉ nhìn thấy những đĩa hoa quả bầy thật đẹp, những đĩa oản khảo bọc giấy xanh đỏ thật bắt mắt. Vả tôi cũng không để ý đến tượng thần, tôi đang mải nhìn hai con rắn xem là rắn giả hay thật. Tôi sợ lắm, nhưng lại cứ ngước lên nhìn cho rõ. Hôm đó mẹ tôi lên đồng, tôi được ngồi cạnh mấy người cung văn. Mẹ tôi ngồi xếp bằng, hai tay bắt quyết để ngửa trên đầu gối, đầu phủ khăn đỏ kín mặt. Bắt đầu ngồi yên, rồi đảo dần dần, mỗi lúc mỗi nhanh, trong khi người cung văn đàn hát chung chung. Tới một lúc, người ngồi đồng giơ tay lên trước mặt, vừa múa vừa ra dấu. Người cung văn hiểu ngay là giá nào đã giáng, thế là bắt ngay vào hát bài tán dương thân thế công đức vị thánh đó. Người hầu phụ liền chuẩn bị ngay khăn áo theo từng vị. Rồi phụ các thánh mặc áo, đội khăn, miệng thì luôn xuýt xoa khấn vái. Mẹ tôi đã trở thành khác hẳn mỗi khi thánh ốp. Mẹ tôi say mê theo từng giá như người nghệ sĩ tài hoa diễn xuất sống động vai trò của mỗi nhân vật. Giá quan hoàng thì uy nghi, lẫm liệt, cưỡi ngựa, múa quyền. Các chầu, các cô thì nghiêm trang, uyển chuyển hoặc vui tươi, nhí nhảnh, múa lửa, chèo thuyền... Và có lẽ tôi thích nghe hát chầu văn bắt đầu từ đó.

Năm 1946 Pháp trở lại Việt Nam, đánh chiếm các thành phố Hải Phòng, Hải Dương, Hà Nội. Nghĩ là chiến tranh chỉ trong thời gian ngắn, bố tôi cho mẹ con tôi về quê ngoại lánh tạm một thời gian, tưởng chừng năm bữa nửa tháng sẽ trở về. Đối với tôi đây là một dịp nghỉ hè. Tôi theo trẻ đi chăn trâu, được chúng cho cưỡi trâu đi chơi. Những ngày lễ tết tôi ra đình xem tế lễ và ăn quà. Chùa làng ở cách đình không xa, nhiều khi tôi sang chùa chơi. Sân chùa rộng, cây cao bóng mát mà ít người qua lại. Bọn trẻ chúng tôi thích sang đó chơi hơn là ở sân đình. Sân đình là cái chợ, ngày thường người ta buôn bán rau cỏ, mớ tôm mớ cá ở đó. Ngoài cửa chùa có hai hình ông Thiện ông Ác ở hai bên, làm cho không khí vừa có vẻ bí ẩn vừa có vẻ thiêng liêng. Tôi được sống cái không khí thanh bình , êm ấm ở nhà quê. Làm quen với cây cỏ,với vườn rau với đồng lúa,với đống rơm đống giạ... Thế rồi lại có lệnh tản cư nữa. Gia đình bên ngoại tôi lần lượt dọn sang làng khác. Mẹ tôi còn nấn ná đợi tin bố tôi, xem có về lại thành phố không, cho đến khi có tin quân Pháp đến càn quét ở làng bên, sắp sửa sang đến làng tôi. Thế là mẹ tôi vội vàng dắt tôi đi theo những người làng đi lánh nạn. Rồi cứ thế chạy từ làng này đến làng khác.Mỗi làng ở tạm một thời gian vì có người quen bên họ ngoại. Lúc này mẹ tôi bắt đầu phải buôn bán lặt vặt ở các chợ để kiếm sống. Tôi không còn đi chơi lêu lổng ở sân chùa hay ngoài đồng mà bắt đầu theo các trẻ trong làng đi mò cua, mót lúa. Tôi được theo các nhi đồng ở các làng đi học hát, đóng kịch, tập trận giả. Lúc đó là thời kỳ tiêu thổ kháng chiến. Đình chùa bị chiếm làm chỗ cho thanh niên, dân quân tập họp hoặc bị phá hủy.

Mẹ con tôi cứ theo người ta mà chạy, mất hẳn liên lạc với bố tôi. Nơi mẹ con tôi tới và được ở lâu nhất là ở Chùa Trăm Gian. Chúng tôi được chỗ ở, nơi ăn. Mẹ tôi giúp việc lặt vặt trong chùa. Chiều chiều lên chính điện tụng kinh lễ Phật. Rồi cũng lại phải tản cư nữa...

Khoảng cuối năm 48 có tin đã có người "hồi cư" về thành phố. Rồi mẹ tôi được tin cậu mợ tôi

cũng đã về Hải Dương, Mẹ tôi liền tìm cách dần dần trở về Hải Dương, ở với bà ngoại và cậu mợ tôi.

Từ ngày về ở thành phố, mẹ tôi bỏ hẳn đồng bóng. Chỉ đi chùa ngày rằm, mồng một. Sau ngày di cư vào nam và ổn định cuộc sống, mẹ tôi lập bàn thờ Phật ở nhà chuyên tâm vào việc tụng kinh niệm phật. Tuy nhiên khi lễ Phật trước và sau khi tụng kinh tôi vẫn nghe mẹ tôi lẩm nhẩm lễ "trời phật và các thánh." Những khi gặp khó khăn, nguy nan gì thì mẹ tôi thường niệm "Quan Thế Âm Bồ Tát," cũng không quên khấn cầu "chư vị" thánh thần phù hộ độ trì. Tôi nhớ thời tản cư mỗi khi nghe tiếng máy bay Pháp mọi người chạy xuống hầm tránh bom hoặc chui xuống gầm phản mẹ tôi vẫn niệm "Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát" và dạy tôi niệm theo với niềm tin chắc chắn sẽ được tai qua nạn khỏi. Sau này, khi ở trên tầu vượt biển, gặp lúc có vẻ nguy nan thì mẹ tôi cũng ôm hết các cháu vào lòng, luôn miệng niệm "Quan Thế Âm." Có một điều tôi để ý là mẹ tôi không bao giờ lễ Phật để cầu tài lợi. Tuy đi chùa, mẹ tôi vẫn tin vào các thánh thần và ảnh hưởng các sao vào vận mệnh nên hàng năm mẹ tôi vẫn nhờ thầy cúng coi sao và làm lễ "dâng sao giải hạn" cho từng người trong gia đình. Mặc dầu tôi đã trưởng thành và học Đại Học, có năm mẹ vẫn bắt tôi phải lên chùa dự lễ dâng sao giải hạn. Tôi phải ngồi hàng giờ nghe đọc kinh và "cất giải." Ở Việt Nam thời đó vẫn có một số chùa Tịnh Độ, các vị tu hành đồng thời cũng là thầy cúng. Trong chùa không chỉ thờ Phật mà thờ cả các thánh. Nhà sư cũng có khi lên đồng.

Hàng năm vào ngày 23 tháng Chạp mẹ tôi vẫn không quên lễ tiễn táo quân. Sau đó là chuẩn bị ban thờ cho ngày tết. Hồi nhỏ, cứ đến gần tết là đám anh em chúng tôi phải đem hết đỉnh đồng, chân nến... ra lau chùi đánh bóng. Có khi làm cả ngày không xong, mà không xong thì không được đi chơi. Chúng tôi luôn luôn được nhắc nhở phải làm cẩn thận, không được làm dối. Làm dối sẽ phải tội. Chúng tôi đã tập không gian dối ngay từ những việc nhỏ đó. Chúng tôi tin có quỷ thần, có tổ tiên chứng giám việc làm của mình và không giám làm dối giả. Ngày ba mươi tết bắt đầu lễ thỉnh gia tiên rồi trong ba ngày tết, ngày nào cũng phải cơm canh cúng, vàng mã vẫn để thờ. Ngày mùng bốn tết mới làm lễ tiễn gia tiên và "hoá vàng." Tục lệ cúng kiếng này, sau mỗi ngày một đơn giản đi, người ta không thờ vàng mã nữa và có nhiều nhà chỉ cúng ngày mồng một tết. Không có lễ thỉnh và không có lễ tiễn. Từ khi di cư vào nam, việc cúng lễ ngày tết trong gia đình tôi cũng đơn giản đi nhiều và sau này khi ở nước ngoài lại

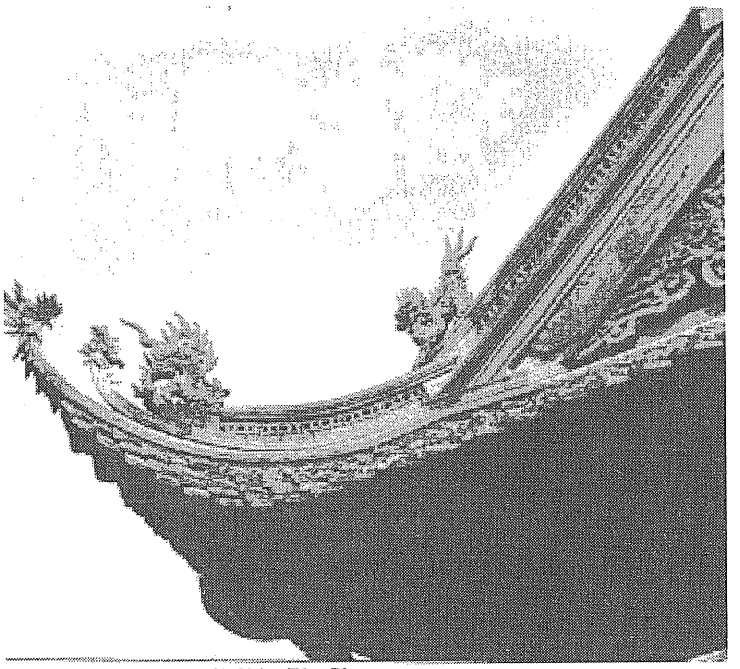

Mái Chùa Tây Phương

càng đơn giản hơn nữa. Nhưng khi còn mẹ tôi thì dù không cỗ bàn cầu kỳ cũng không bao giờ bà bỏ cái lễ thỉnh gia tiên ba mươi tết, cúng giao thừa, và lễ tiễn vào ngày mồng hai hay mồng ba tết, dù chỉ với đèn nhang và hoa quả. Tôi nghĩ rằng cái tối thiểu này trong tục lệ cúng gia tiên ngày tết không thể bỏ. Trước kia, lễ giao thừa, ngoài hoa quả, bao giờ mẹ tôi cũng có con gà luộc. Gà để nguyên cả đầu và chân. Trước khi luộc, gài cái cổ gà vào hai cánh bắt chéo để giữ cho đầu gà ngẩng lên. Luộc xong gắn một bông hoa vào mỏ gà, thường là hoa vạn thọ, rồi mới đem bày cúng. Bàn lễ giao thừa bao giờ cũng để ngoài trời để cúng "Trời Đất." Ở miền nam mỗi nhà thường có một bàn "ông Thiên" ở ngoài vườn trước, có lẽ cũng cùng một dụng ý. Về sau, thấm nhuần tinh thần Phật giáo, mẹ tôi không sát sinh, không cúng gà đêm giao thừa nữa mà chỉ cúng bằng hoa quả, xôi chè. Dù với lễ vật như thế nào

thì bao giờ mẹ tôi cũng cúng lễ với tất cả sự thành khẩn, trịnh trọng với lòng tin nơi Trời Phật, Thánh Thần chứ không phải chỉ là một thói quen. Bây giờ ở hải ngoại, chúng tôi cúng giao thừa dưới những hình thức đơn giản nhất, và vì mùa đông quá lạnh không tiện bày lễ ngoài trời, chúng tôi cúng ở trong nhà, hướng ra ngoài trời. Nhưng niềm tin và sự thành khẩn có suy giảm. Nó là sự giàng buộc của một tục lệ mà không làm cảm thấy không an tâm. Dần dần chúng tôi thay cái lễ ở nhà bằng việc đi dự lễ giao thừa ở chùa.

Tôi đã dông dài nói chuyện về những kỷ niệm của tôi nhân lần lên thăm chùa Tây Phương và lan man đến chuyện về niềm tin vào thần linh và cách cúng lễ của mẹ tôi, của gia đình tôi. Tôi không phải là nhà nghiên cứu về tín ngưỡng và phong tục học tôi cũng không muốn lý luận gì về lãnh vực này. Mẹ tôi cũng chỉ là một người đàn bà Việt Nam như những người khác, có lòng tín ngưỡng và cách thể hiện những niềm tin thần linh trong đời sống hàng ngày. Tôi lấy đó như một kinh nghiệm để mô tả một khía cạnh của sinh hoạt tín ngưỡng, phong tục Việt Nam và những chuyển hướng của nó theo hoàn cảnh lịch sử và không gian. Tín ngưỡng của ta đa diện mà rất uyển chuyển. Nó cởi mở mà không cố chấp. Tinh thần cởi mở này do cái nhìn vũ trụ nhất thể: con người và muôn loài là một. Người có thể tham dự vào cõi trời. Người với quỷ thần cảm thông với nhau. Người VN thờ đủ thứ cây, đá, núi, sông, Ngọc Hoàng, Thánh Mẫu, Thổ thần, Tổ tiên, Anh hùng Dân tộc... Nó có tính cách phiếm thần. Tinh thần này cũng chính là căn bản của tự do tín ngưỡng. Nó không coi một thần linh duy nhất là chân lý tuyệt đối. Do đó các tôn giáo, tín ngưỡng khác vào VN không có sự xung đột trầm trọng, trái lại có thể hòa hợp với nhau. Nếu có xung đột là do những mưu toan chính trị của con người tạo nên. Những nhà nho câu chấp, những nhà Tây học trước đây vẫn coi tín ngưỡng Việt Nam là mê tín. Nói mê tín cũng được, nhưng chắc chắn không cuồng tín. Trong thời Pháp thuộc, ta được người Pháp dậy là tín ngưỡng độc thần mới là tôn giáo tiến bộ, những tín ngưỡng khác là thấp kém. Đó là một sự ngộ nhận tai hại. Sự cuồng tín vào một hệ tư tưởng hay một thần linh duy nhất, coi là chân lý tuyệt đối mới chính là nguồn gốc của độc tài và sự tàn ác. Trước kia tôi vẫn nghĩ lòng tín ngưỡng giúp người ta giữ được sự lương thiện, nhân ái, không làm điều ác. Nhưng từ khi đọc những tin về nhóm người cuồng tín Hồi Giáo JI (Jemaah Islamiah) thí mạng giết người mà tin là làm theo lệnh trời, kẻ đặt bom giết biết bao người vô tội ở Bali và ở Jakarta tin là xong việc, chết sẽ được lên thiên đường, có những trinh nữ trẻ đẹp tiếp đón thì tôi nghĩ lòng tin vào một tôn giáo mà mù quáng, cuồng tín thì nguy hiểm cho xã hội, tồi tệ hơn là không. Lòng tín ngưỡng vật linh của người Việt làm nền tảng cho sự tổng hợp tam giáo, đồng thời cũng nhờ tam giáo bồi đắp, nhất là tinh thần vô chấp của Phật giáo, cho nó những điều căn bản về luân lý, đạo đức khiến nó trở nên thâm thúy, thiêng liêng mà thực tiễn, không câu chấp, không hẹp hòi.

Từ Những Vụ Trộm Tượng Phật...

Ở trên tôi có nói đến pho tượng Bồ Tát ngàn tay của chùa Tây Phương bị ăn trộm mất. Người chung quanh thắc mắc: pho tượng rất lớn, một người không thể mang dễ dàng xuống núi, làm sao có thể mất, nhất là trong chế độ Công An như ở Việt Nam. Tất phải là người có quyền thế, có xe mới có thể lấy được. Từ xưa đến nay gần như không bao giờ có chuyện ăn trộm tượng Phật như vậy. Người bình dân VN tuy không cuồng tín, nhưng không xúc phạm thần linh. Đó là chuyện xẩy ra vào năm 1997/98. Năm 2003, việc ăn trộm tượng Phật ở các chùa miền bắc tăng lên ngoài sức tưởng tượng. Trong khoảng ba tháng, từ tháng Sáu đến tháng Tám có đến năm vụ trộm tượng phật và cổ vật ở các đền chùa.

Theo tin tức báo chí trong nước, có thể liệt kê những vụ trộm như sau :

(Đây là những vụ báo chí biết được, có thể còn nhiều vụ khác không được báo chí loan tin)

Ngày 8/6/2003 : Chùa Sàn xã Phương Sơn huyện Lục Nam mất :

- bảy pho tượng Phật cổ
- một đạo sắc phong từ đời Lý

Ngày 1/7 Chùa Xóm Bến xã Mỹ Hà huyện Lạng Giang mất :

- bốn pho tượng cổ (kẻ trộm đã khiêng ra chín pho, chưa mang đi được nên còn để lại năm pho)
- một bát hương bằng sứ

Ngày 3/7 Chùa Dương Quang thượng xã Dương Đức mất :

- Bảy pho tượng cổ (chùa cổ 400 năm)
- Một cây đèn thờ cổ.

Ngày 24/7 Chùa Đức La , xã Tri Yên, huyện Yên Dũng, Bắc Giang mất :

- Sáu pho tượng (kẻ trộm đã khiêng ra hết tám pho, nhưng chỉ mới mang đi được sáu. Để lại sáu

cái chân đế và hai pho tượng ở cổng Tam Quan).

- Một bức họa cảnh Phật nhập niết bàn

(Các pho tượng đều bằng gỗ lõi mít, rất nặng đã có từ hơn 300 năm)

Ngày 25/8 Đền thờ Hai Bà Trưng, xã Hát Môn, huyện Phú Thọ, Hà Tây mất :

- Sáu thanh kiếm sơ son thếp vàng, niên đại thế kỷ 17
- Hai lư hương cổ bằng đồng mun
- Một số đạo sắc phong từ năm Cảnh Hưng (1740) đến năm Khải Định thứ 9 (1925)

(Những đạo sắc phong này sau được kẻ trộm gửi trả lại qua đường bưu điện.)

Có vài điều sau đây đáng để ý: Chùa Đức La có nuôi 11 con chó. Chỉ cần thấy ánh đèn xe hay người lạ là sủa ầm ĩ. Vậy mà ngày xẩy ra chuyện không có tiếng chó nào sủa dù rằng không có phát hiện nào về việc chó bị bả.

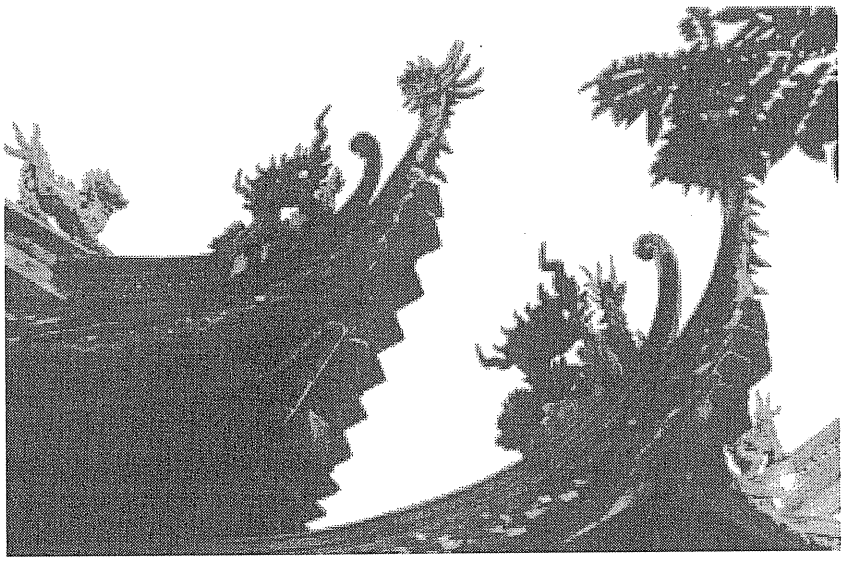

Mái Chùa Tây Phương

Tổng Cục Hải Quan và Cục Di Sản Bộ VH-TT cho biết trong vòng năm năm trở lại đây có khoản 7000 cổ vật, trong đó có không ít đồ thờ tự như tượng phật, sắc phong... xuất khẩu lậu bị bắt.

Ngoài vụ chùa Tây Phương, cách đây mấy năm một vị sư chùa Đậu (Hà Tây) đã bị kẻ gian đánh chết vì phát hiện chúng.

Những điều này cho thấy việc đánh cắp các cổ vật ở trong nước đã xẩy ra từ lâu. Mà nhà cầm quyền không hề có biện pháp nào phòng ngừa, ngăn chặn. Sau đây là lời giải thích của ông Tiến Sĩ Nguyễn Thế Hùng, trưởng Phòng quản lý di tích, Cục Di sản - Bộ VH-TT : Cục di sản đã và đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc yêu cầu các địa phương có di tích (trong đó bao gồm vác cơ quan sở VH-TT ban quản lý di tích, bảo tàng...) *phải xuống tận địa bàn hướng dẫn người dân sở tại làm công tác bảo vệ di tích và các cổ vật thuộc di tích. Có rất nhiều điểm di tích chỉ được bảo vệ ban ngày, có cả ban bệ ngồi bán vé thu tiền, trông giữ xe, sắp xếp chỗ cho các hàng quán... nhưng đến tối thì ai về nhà nấy, chỉ còn một mình cụ từ trông nom, có những điểm cụ từ cũng khóa cửa về nhà... ngủ. Không có chỉ tiêu nhân sự cho công tác bảo vệ di tích tại các địa phương, cửa nẻo ở chốn thôn quê thì vốn sơ sài, thế nên không chỉ kẻ gian mà người ngay đôi khi cũng... động lòng tham.*

Đây là một câu trả lời ngụy biện và vô trách nhiệm. Tại sao dân sở tại phải làm công tác bảo vệ, trong khi nhà nước trả lương cho bao nhiêu nhân viên của Cục Di sản, phòng Quản Lý di tích. Bảo vệ các di tích không phải là công việc của phòng Quản lý sao. Dân chúng còn phải lo cuộc sống của họ. Dân đã kiếm không đủ ăn, họ không được trả lương thì sao họ phải lo bảo vệ. Tài sản của địa phương đã bị nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa cướp không bằng cách đặt ra cái Bằng Công Nhận Di Tích Lịch Sử Văn Hóa cấp cho các đền, chùa, rồi đặt bàn bán vé vào cửa lấy tiền thì nhà nước phải lo bảo vệ chứ, sao bắt dân phải làm.

Nói rằng không có chỉ tiêu nhân sự cho công tác bảo vệ di tích là một câu nói vô trách nhiệm. Vì việc mất cắp các cổ vật đã xẩy ra từ nhiều năm nay và đã có cả việc giết người, nhà nước thật sự lo đến việc nước thì đã phải nghĩ ngay đến những biện pháp ngăn chặn gắt gao chứ không lý gì để cho việc xẩy ra càng ngày càng nghiêm trọng rồi kêu ca không có chỉ tiêu nhân sự. Người ta có thể nghi ngờ chính những người có quyền thế trong nước đứng sau những vụ trộm này. Các pho tượng đều rất nặng và cồng kềnh, phải có nhiều người mới chuyển từ bệ thờ trên cao xuống và khiêng ra ngoài tam quan, rồi lại phải có xe lớn mới chở đi được. Việc chuyên chở như vậy tránh sao khỏi sự chú ý của Công An địa phương. Theo báo *Tuổi Trẻ*, vị trụ trì chùa Đức

La nghe tin về một nhóm người chuyên mua bán sưu tầm đồ cổ ở khu vực gần Hà Nội đã đích thân cùng hai Công an Yên Dũng đến tìm hiểu, tuy không thấy các vật bị mất của chùa Đức La, nhưng thấy các tượng Phật, các đồ sành, đồ sứ cổ... được giới thiệu là có từ đời Trần. Có điều đáng chú ý là, theo sự mô tả của báo *Tuổi Trẻ*: Dưới cái vỏ là "nhà nghỉ cuối tuần," khuôn viên của "trùm cổ vật" nọ gồm năm căn nhà kiểu kiến trúc cổ, bên trong bầy biện đủ các loại từ tượng Phật cổ, đồ sành, đồ sứ cổ, thậm chí có cả bệ đá khắc rồng phượng mà thượng tọa được giới thiệu là có từ đời nhà Trần. *Qua khu nhà cổ ấy lại đến một biệt thự hiện đại sang trọng, người lạ muốn vào cũng khó bởi khu nhà được cảnh giới rất cẩn thận.*

Trong chế độ Cộng Sản V.N. tư nhân nào có thể có được cơ ngơi như vậy nếu không phải là nhân vật có quyền, có thế, trong chế độ.

Về tính cách vô trách nhiệm của nhà nước cộng sản đối với đất nước và dân tộc thì nhiều lắm. Việc này xin để các nhà nghiên cứu về luật pháp, hành chánh các nhà chính trị bàn luận.

...Suy Nghĩ về Hiện Trạng của Tín Ngưỡng V.N.

Tôi chỉ muốn góp vài suy nghĩ thô thiển về tín ngưỡng VN nhân vụ các đồ thờ tự ở các đền chùa bị ăn cắp này. Đây là một sự xúc phạm lớn đến tín ngưỡng Việt Nam, nó là sự băng hoại các giá trị luân lý, đạo đức do sự cuồng tín chủ nghĩa Cộng Sản gây nên trong xã hội. Từ khi Pháp trở lại V.N. , tấn công các thành phố rồi tiến chiếm các vùng lân cận, Cộng Sản đã nhân danh kháng chiến chống thực dân ra lệnh "tiêu thổ kháng chiến." Lợi dụng việc tiêu thổ kháng chiến, Cộng Sản thẳng tay chiếm cứ các đình chùa, các nơi thờ tự. Phùng Cung trong truyện ngắn Mộ Phách, trg 244 (3) đã mô tả tình cảnh lúc đó như sau: "*Chùa đình của làng cái còn, cái mất. Du kich, dân quân đã phá hủy đình, chùa, ngay từ lệnh tiêu thổ kháng chiến, sợ giặc tràn đóng bót. Dấu tích của đình chỉ còn mỗi cái giếng, tảng đá ong rỗ rỗ, mặt nước đầy bèo tấm. Ngôi chùa cổ kính đẹp là thế; dân quân đang phá dỏ, thì giặc kéo đến tiếp tay đốt phá tan hoang, chỉ còn lại gian "chuôi vồ" sau đại bái. Sư Phúc đã hồi tục về tận xứ đông xứ đoài. Tượng phật chẳng còn pho nào, vách trong vách ngoài gian còn lại, kẻ đầy những khẩu hiệu, và những nét vẽ tục tĩu - của những trẻ con mất dậy để lại —cố tình lọt lưới dăm điều dạy bảo tổng hợp dễ nhớ.*"

Và

"*Cô đồng, thầy cúng, thầy bói, xa gần đều đã bị cưỡng bức giải nghệ. Có người đang còn nằm trong trại từ, trại giam.*"

Suốt trong thời gian kháng chiến 1945 — 1954, thời gian cai trị miền bắc 54-75 và thời gian cai trị toàn cõi Việt Nam, 75 đến nay, nhà nước XHCN không ngừng đàn áp tôn giáo. Chiếm đất chùa, đất nhà thờ. Bắt giam các nhà tu hành chân chính, uy tín, đạo hạnh.

Ngăn cấm, gây khó khăn cho việc cúng lễ, truyền đạo. Những việc có tính cách đàn áp này cả thế giới đều biết và các tổ chức quốc tế, các nhà tranh đấu cho nhân quyền và dân chủ cho Việt Nam đã và đang lên tiếng phản đối. Việc đàn áp bằng bạo quyền không thể tiêu diệt được đức tin, lòng tín ngưỡng của con người. Nó có thể bị kìm hãm bề ngoài, nhưng niềm tin trong lòng dù không biểu hiện ra được cũng không thể mất đi. Nó vẫn tiềm tàng tồn tại. Vì thế ngay sau khi cởi trói thì người ta đi lễ đông đúc hơn hẳn lên và các sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng cũng rộ lên một cách rất ồn ào, náo nhiệt. Tôi sẽ xin nói về việc này ở đoạn dưới.

Song song với việc đàn áp, Cộng Sản còn có nhiều thủ đoạn làm băng hoại các giá trị tinh thần, đời sống tâm linh của dân tộc. Đó là sự tuyên truyền đấu tranh chính trị, nhồi sọ thanh thiếu niên bằng chủ nghĩa Duy Vật, thần thánh hóa Hồ chí Minh, và gài vào các chùa chiền những công an, sư giả mạo. Biến các đền chùa thành nơi du lịch, làm mất sự tôn nghiêm các nơi thờ tự. Việc này, nhìn bề ngoại không thể thấy sự đàn áp tôn giáo, nhưng tác dụng của nó rất lớn. Khi đến thăm Chùa Trấn Quốc ở Hà Nội, tôi gặp một vị áo nâu đầu trọc, tôi tưởng là một vị sư trưởng nên chắp tay vái chào. Vị này chỉ nhìn séo tôi một cái rồi quay đi. Tôi lấy làm lạ, hỏi bác tài xế, bác ta nói: ông đó là thiếu tá Công An. Tôi nghe trong chùa đang tụng kinh, nhưng tôi không muốn vào lễ nữa. Người VN vốn vẫn trọng Phật kính tăng, nhưng cũng phân biệt rạch ròi tăng ni đạo hạnh và "sư hổ mang." Nếu chùa không có nhà tu hành đạo hạnh, người ta biết chùa chỉ có sư giả thì người ta không lên chùa nữa, huống chi sư lại là Công an. Tôi đến một vài chùa lễ Phật hỏi thăm về tình trạng Công an ở trong chùa, có vị tránh né không muốn nói sự thật, có vị than phiền việc Công an kiểm soát thùng công đức và đòi chia tiền. Cái nặm tôi lên thăm chùa Hương lần đầu, trên đường từ Thiên Trù lên chùa Trên tôi nghe vang vang

tiếng phóng thanh nhắc người ta bỏ tiền công đức vào thùng chỗ này, đừng bỏ vào chỗ kia, khiến tôi thấy sững sờ. Nó đã biến nơi thờ phụng thành nơi buôn bán, cạnh tranh trần tục. Chùa chiền xưa nay là nơi luôn mở rộng cửa cho chúng sinh, nhiều khi làm việc bố thí, công đức. Việc nhà nước cấp bằng Công Nhận Di Tích Lịch Sử Văn Hóa (CNDTLSVH) rồi bán vé như một địa điểm du lịch đã là bức rào ngăn cản tín đồ đi lễ. Người ta có thể cúng chùa nhiều ít tùy tâm để cầu phước, nhưng mua vé vào cửa như coi hát thì chắc chắn ít người muốn trả. Người dân địa phương mỗi lần lên lễ chùa cũng phải mua vé sao. Trong các chùa tôi đi qua, chỉ có chùa Thiên Mụ ở Huế, tuy có bằng CNDTLSVH, nhưng không bán vé vì các vị trụ trì trong chùa cương quyết phản đối việc bán vé vào chùa. Người ta giải thích rằng việc cấp bằng CNDTLSVH có từ năm 1962 để ngăn chặn sự xấm chiếm chùa đền làm chỗ ở của dân chúng và dự trù tu bổ. Điều này có thể đúng trong giai đoạn đó. Tôi đã thấy ở Hà Nội, nhiều chỗ vốn là đền chùa gì đó, đã bị dân chiếm ở. Ta chỉ còn nhận ra dấu vết của cái cổng, hoặc có chỗ chiếc mái cong hoặc bức hoành trên cao. Nhưng từ sau khi nhà nước mở cửa cho khách du lịch vào VN thì việc cấp bằng này đã trở thành một lợi khí kiếm tiền và làm nhơ nhớp những nơi thờ tự, làm chùn bước tín đồ đi lễ. Ở Singapore, Mã Lai tôi thấy nhiều ngôi chùa trùng tu rất nguy nga tráng lệ. Được quảng cáo để hấp dẫn du khách. Du khách có khi rất đông, nhưng ít tín đồ lễ bái, tuy là tháng bẩy âm lịch. Trái lại tại các chùa không có gì hấp dẫn du khách lắm, có nơi rất cổ kính cũ kĩ thì người lễ bái đông nườm nượp và rất thành kính. Việc đi chẩy hội chùa ở VN trước kia không phải là đi du lịch, tham quan. Đi chẩy hội chùa hay đi hành hương bao giờ cũng do lòng tín ngưỡng, do lòng tin, kính ngưỡng thần linh. Đi du lịch thì không. Việc biến đền chùa thành nơi du lịch này đi đôi với việc giáo dục nhồi sọ chủ nghĩa Duy Vật đã làm suy giảm lòng tín ngưỡng của dân VN, nhất là giới trẻ. Họ mất di lòng tin vào những giá trị tâm linh cũng như giá trị đạo đức, chỉ còn biết tìm điều lợi. Không sợ Thần, Thánh, Phật, Trời thì chỉ biết kiếm lợi mà thôi. Việc gì mà chẳng dám làm. Các chùa cổ VN đã có từ mấy trăm năm, cửa nẻo từ xưa đến giờ vẫn thế, có bao giờ bị ăn trộm như bây giờ đâu. Người dân đối với đồ thờ tự đều rất cung kính, khi bị hư hỏng còn không nỡ vất vào nơi dơ bẩn huống chi là ăn trộm. Chỉ khoảng mấy chục năm trời dưới chế độ Cộng Sản xã hội VN mới đổi trụy như vậy. Sau một thời gian tiêu diệt các giá trị truyền thống của dân tộc, ngày nay họ hô hào phục hồi thì không phục hồi những gía trị đích thực mà chỉ lập lại những hình thức nghi lễ có tính cách bôi bác, xuyên tạc mà thôi. Việc trùng tu các thắng tích để mặc các địa phương muốn làm sao thì làm. Biết bao học giả, sử gia trong nước có thể giúp khôi phục các di tích lịch sử, không được hỏi tới. Như ở chùa Thầy người ta đã đem sơn đen thùi hai con ngựa gỗ nói là cho nó cổ kính để lừa du khách mà thực ra nó phải là một trắng, một đỏ. Cũng để câu khách du lịch, có nơi đã nâng cấp đền thờ cô hồn lên thành thần thánh, xây lớn đền thờ lên rồi cấp bằng CNDTLSVH. Trên các bờ biển VN, người ta thường thấy các miếu thờ cô hồn chết ngoài biển để ngư dân đi về thường ghé vào thắp hương cúng lễ cầu an, như Dinh Cậu tại Phú Quốc chẳng hạn. Cũng như vậy, ở Long Hải cũng có một cái mộ cô hồn một thiếu nữ chết oan ngoài biển. Chính quyền địa phương đã mau chóng xây thành một ngôi đền rộng lớn, tạo ra một thứ thần phả, một thần tích cách đây hai thế kỷ và phong hiệu thần nữ mà đọc lên đã thấy nó ngây ngô ngụy tạo: Long Hải Thần Nữ Bảo An Chánh Trực Nương Nương Chi Thần. Rồi bán vé và tuyên truyền lôi kéo du khách. Nhìn

Một tượng La Hán tại chùa Tây Phương

kiến trúc của ngôi đền người ta đã thấy ngay là mới xây cất. Xi măng , gạch đá còn mới nguyên. Còn một điều khôi hài nữa là muốn thần thánh hóa Hồ Chí Minh, người ta đã lập một khám thờ Hồ Chí Minh trong nhà ngang, chỗ thờ những người họ gọi là tiên hiền, hậu hiền, những người đã có công trong việc dựng nên thắng tích Dinh Cô. Không biết HCM được xếp vào hàng tiên hiền hay hậu hiền. Nhưng là tiên hay hậu thì cũng chỉ ngang hàng với các lý, ông xã , ông từ , đệ tử của Long Hải Thần Nữ. Không biết có phải đám Hội Dinh Cô này dốt hay cố tình chơi xỏ lãnh tụ đảng cộng sản VN? Cách đây khá lâu tôi được coi một đoạn phim tài liệu văn hoá VN, do người ngoại quốc đến VN thực hiện, dĩ nhiên có nhà nước VN hướng dẫn, tôi thấy cảnh chuẩn bị một đám rước thần gì đó. Trong khi những người khác lau chùi các bộ phận của kiệu rước thần thì một ông cầm cái trống lệnh chạy lung tung ghé chỗ này gõ tong tong vài cái, chỗ kia gõ tong tong vài cái, làm như là đang ra hiệu lệnh. Trống lệnh có bao giờ dùng như vậy. Người ta dàn dựng một cảnh rước sách luộm thuộm, không một chút trang nghiêm kính cẩn.

Từ sau cởi trói, các sinh hoạt tôn giáo có vẻ như được tự do. Các ngày hội hè , đình đám, các cuộc rước sách được nhà nước tổ chức lại. Nhưng các cuộc tổ chức có tính cách trình diễn để quay phim hơn là xuất phát nơi dân chúng do lòng sùng tín mà ra. Về phía quần chúng, có tính cách tự phát nhiều nhất là sự vun đắp, xây cất mồ mả, dựng nhà từ đường. Nhiều người Việt hải ngoại khi về nước cũng trở về quê nhà để vun đắp phần mộ tiền nhân, làm lớn nhà hương hỏa có sẵn hay xây cất từ đường. Những người không về đều được người thân gửi thư yêu cầu giúp tiền tu bổ phần mộ, nhà hương hỏa. Người ta đua nhau thành một phong trào thời thượng. Việc đồng bóng, trừ tà bắt quỷ trước kia bị cấm đoán cũng được hoạt động trở lại. Nhưng lòng tin của dân chúng thì không còn nữa. Ở Saigon tôi được nói chuyện với một cô đồng. Cô này từ Hà Nội vào, giám đốc một cơ quan doanh nghiệp ở Sài Gòn, khoe là đảng viên, nhưng rất mê lên đồng. Nói mỗi khi gặp khó khăn cô đi hầu thánh thì được mọi sự giải quyết dễ dàng. Và mỗi lần hầu thánh cô phải biện một cái lễ lớn và chi tiêu từ 25 đến 30 triệu đồng. Trong khi đó mức lương trung bình của một công nhân viên là khoảng 400.000 đồng. Tôi không biết lòng tín ngưỡng của cô cao đến đâu, nhưng đây quả thật là một sự xa xỉ quá đáng.

Tượng Phật ngàn mắt ngàn tay mới tái tạo để thay thế cho bức tượng đã bị mất cắp.

Ngồi đồng đã trở thành một thứ trò chơi của người nhiều tiền, khoe của.

Nhìn chung cái bề ngoài có vẻ tự do tín ngưỡng nhưng thực ra mọi sinh hoạt đều do chính quyền điều động. Không thấy có sinh hoạt tự phát từ nơi dân chúng. Sự tự do giả tạo này chỉ có lợi cho tham nhũng. Tạo cơ hội cho bọn thời cơ kiếm tiền hơn là lòng tín ngưỡng.

Riêng về tín đồ Phật giáo, ở miền Bắc thì tôi không biết rõ, nhưng ở Sài Gòn thì sinh hoạt bình thường như trước 75. Riêng ngày tết và những ngày lễ quan trọng như rằm tháng Bảy, ngày Phật đản người ta đi lễ chùa rất đông. Chùa Vĩnh Nghiêm trong mấy ngày Tết người đi lễ đông đến độ không còn chỗ đứng trong sân chùa. Có người đốt cả nắm nhang đứng ngoài đường mà lễ vọng vào. Nhang thì có thứ lớn và dài khác thường. Từ trước đến nay gần như không bao giờ tôi thấy ở các đền chùa VN có loại nhang đó. Khi đi lễ tại một ngôi chùa Quan Âm của người Phúc Kiến ở Pinang, Mã Lai, tôi mới thấy loại nhang lớn như vậy và còn lớn hơn nữa. Các tiệm ăn chay ở Sài Gòn cũng rất đông khách suốt từ sáng đến chiều. Người VN đi lễ thường không đốt nhang quá lớn và quá nhiều như vậy. Tôi đem chuyện này kể với một anh bạn người miền Bắc, hiện ở Montreal. Anh nói: đó là do lòng tham. Người ta đốt nhiều nhang để cầu được nhiều phúc cho mình. Hình như đây là ảnh hưởng của người Trung Hoa. Người VN cúng lễ khác người Trung Hoa. Trong chùa thì do các tăng, ni chủ lễ dâng nhang mà thôi. Các tín đồ hành lễ theo sau mà không cần phải

đốt nhang thêm. Trong gia đình thì chỉ người chủ gia đình đốt nhang trước ban thờ, vợ và các con sẽ lần lượt vào lễ thôi. Khi đi một nhóm thì chỉ người đại diện nhóm đốt nhang thôi. Nhang thì đốt hoặc một nén hoặc ba nén, chứ không bao giờ đốt một nắm. Người Trung Hoa thì mỗi người mỗi đốt nhang như là chứng minh sư hiện diện của mình và cầu phúc cho mình. Họ đốt cả nắm để đem cắm ở nhiều chỗ thờ khác nhau. Người VN thường đốt cả một bao nhang khi đi tảo mộ. Một nén nhang cắm trên mộ thân nhân mình, còn lại đem cắm ở các ngôi mộ chung quanh. Một phần để tỏ lòng lân mẫn với cô hồn một phần để giữ tình hàng xóm với hồn thân nhân mình.

Các chùa ở VN trước đây ít có tượng Quan Âm ở ngoài trời. Người Trung Hoa thờ Quan Âm như thần hộ mệnh. Họ có chùa Quan Âm riêng. Trong nhà, họ thờ Quan Âm để cầu phước cầu lộc. Trước khi ra ngoài làm ăn việc gì cũng thắp nhang trước tượng Quan Âm cầu may mắn. Các chùa VN thường ít khi nào để thờ Quan Âm ngoài trời. Ngày nay rất nhiều chùa Việt Nam ở hải ngoại có thờ tượng Quan Âm ngoài trời. Đây có lẽ do ảnh hưởng Phật giáo Trung Hoa, nhất là Phật Giáo Đài Loan. Tôi đã thăm một ngôi chùa Phật Giáo Đài Loan ở Cali. Tôi thấy có nhiều tượng Phật và tượng diễn các sự tích Phật giáo ở khu bên ngoài điện thờ Phật. Những ngôi chùa do các tăng ni VN du học ở Đài Loan về thường có nhiều tượng Phật, tượng Quan Âm ngoài trời. Ngày nay ở Việt Nam các chùa chiền thờ tượng Phật, tượng Quan Âm ở ngoài trời nhiều lắm, từ bắc chí nam nơi nào cũng có. Nhưng có lẽ từ miền Trung vào Nam thì nhiều hơn. Rất nhiều tượng Phật Thích Ca rất lớn, cao mấy chục thước, xây nổi lừng lững trên đồi hay trên những chỗ đất cao. Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tầu, Đà Lạt, Sài Gòn... Nơi nào cũng có ít nhất là một pho tượng lớn như vậy. Tôi thấy điều này có phần trái với tinh thần văn hoá Đông phương. Cái Ta là một với Vũ Trụ, nên nó hòa nhập vào với vũ trụ chứ không ở ngoài. Các đền đài Đông phương thường lẫn trong rừng cây, trong thiên nhiên chứ không lồ lộ ra như muốn chế ngự thiên nhiên.

Phật giáo ở Việt Nam đang trên đà phát triển, mặc dầu nhà nước CS không ngừng đàn áp Giáo hội Phật Giáo VN Thống Nhất. Tôi thấy có hai hướng của sự phát triển. Hướng thứ nhất phát triển về lượng nhiều hơn phẩm. Các tín đồ Phật giáo gia tăng. Đời sống bấp bênh, sự nghèo đói khổ lụy khiến người tìm đến trú ngụ, tìm sự an ủi nơi cửa Phật. Các bà đồng, bà bóng, các thầy cúng trước đây bị cấm sinh hoạt và bị tù đầy vì bị coi là

Bằng Công Nhận di tích... ở Chùa Thiên Mụ, Huế

mê tín, nay không còn bao nhiêu. Tín đồ các đạo thần tiên, đồng cốt không người dẫn dắt đều tìm vào Phật giáo. Các chùa chiền không chống lại các sinh hoạt tín ngưỡng khác. Nhiều chùa có thờ cả các ông Hoàng, bà Chúa như đã nói ở trên. Người ta có thể tìm thấy trong chùa các hình thái sinh hoạt tín ngưỡng khác phù hợp với lòng tin của họ. Do đó họ được chuyển hướng dần dần. Các sinh hoạt xã hội, cứu trợ, phát thuốc v.v . phần nhiều do các nhà thờ, các chùa tổ chức. Các tăng, ni, cư sĩ đi làm công tác xã hội khắp nơi. Những trẻ mồ côi, nghèo khổ được các chùa nuôi cho ăn học. Do đó Phật tử càng ngày càng đông. Tăng ni do đó cũng tăng nhiều. Có nhiều vị thiền sư đạo hạnh có rất đông đệ tử. Như sư bà chùa Dược sư ở Đà Lạt đào tạo tới hơn ba trăm đệ tử. Có nhiều vị đã ra ngoài làm chùa tự lập để tu học và hành đạo. Người Việt hải ngoại hàng năm gửi tiền về cứu tế xã hội và đóng góp vào việc xây

chùa, đúc tượng khá đông. Do đó chùa chiền càng ngày càng nhiều. Các chùa ở hải ngoại cũng gửi tiền giúp đỡ các đồng môn xây chùa không ít. Có nhiều ngôi chùa xây cất rất nguy nga, tráng lệ. Có chùa trang trí loè loẹt và cầu kỳ. Mặt tiền đắp rồng quấn cột, cẩn bằng mảnh sứ. Trong sân đắp tượng rồng chầu bằng vỏ chai bia. Đáng tiếc là nhiều tăng, ni chưa tu học đến đâu đã ra xây chùa tự lập. Đạo hạnh không có, kiến thức không sâu, chỉ dựa vào lòng tin của phật tử mưu cầu lợi lộc. Hạng này dễ dàng đi theo Giáo Hội quốc doanh để cầu lợi, dễ dàng để cho nhà cầm quyền lợi dụng.

Hướng thứ hai phát triển về phẩm hơn là lượng. Do công cuộc phục hưng đạo Phật phát khởi từ đầu thế kỷ 20, nhiều tăng ni được đào tạo nghiêm khắc, kỷ luật, có trình độ học thức cao và đạo hạnh cao. Nhiều vị du học ở ngoại quốc trở về. Phần nhiều những vị này thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thông Nhất. Nhà nước XHCN ép giáo hội phải bỏ hai chữ Thống Nhất, để nhập vào Giáo Hội Phật Giáo V. N. để họ thao túng , kiểm soát. Các vị lãnh đạo GHPGVNTN chống lại và bị họ giam giữ, quản thúc, như nhiều người đã biết. Có một số đành ép mình chịu đứng trong GHPGVN, để hoằng dương Phật pháp, nhưng mục tiêu xây dựng một nền Phật Giáo Dân Tộc, và tinh thần GHPGVNTN, không thay đổi. Những vị này ngoài việc hoằng dương Phật pháp, chuyên tâm vào việc đào tạo tăng ni, xây dựng các trung tâm Phật học. Các tăng ni trẻ cũng rất chuyên tâm tu học và hoạt động xã hội. Nhiều người có học thức rất uyên thâm và thông thạo ngoại ngữ. Tại Đà Lạt có Trúc Lâm Thiền Viện do Thiền sư Thanh Từ trụ trì. Thiền sư đã xây Trúc Lâm Thiền Viện tại Đà Lạt chính trong ý hướng noi theo tinh thần phật giáo Trúc Lâm Yên Tử.

Ngoài một số chùa có tủ bán sách Phật giáo, tại Sài Gòn có tiệm sách chuyên bán sách Phật giáo, luôn luôn có sách mới. Trong mấy năm gần đây rất nhiều sách viết về thiền học. Kinh sách Phật giáo Việt Nam được dịch, chú thích, dẫn giải được in và phát hành. Tôi thấy có một số sách về Phật giáo VN được in trong nước, in đẹp và giấy tốt, như :

- Nghiên cứu về Thiền Uyển Tập Anh, Tổng Tập Văn Học Phật Giáo Việt Nam của Lê Mạnh Phát.
- Khóa Hư Lục Giảng Giải , Tuệ Trung Ngữ lục, Hai Quãng Đời của Sơ Tổ Trúc Lâm, Thiền Tông Việt Nam; Tham Đồ Hiển Quyết và Thi Tụng các Thiền sư đời Lý của Thích Thanh Từ
- Tam Tổ thực Lục của Thích Phước Son
- Lịch sử Tư Tưởng Việt Nam;
- Thiền Học Việt Nam ; Phật Giáo Việt Nam của Nguyễn Đăng Thục.

Còn nhiều tác giả khác tôi không nhớ hết.

Các tác phẩm trên rõ ràng là những tìm tòi về nguồn Phật học Việt Nam của thời Lý Trần. Ngoài việc nó giúp cho các thiền sinh ít biết chữ Hán tu học, nó còn là nguồn tài liệu quan trọng về Phật giáo Việt Nam để những người không biết chữ Hán tra cứu, học hỏi.

Ngoài ra một số sách của tác giả hải ngoại và sách in ở hải ngoại cũng thấy bầy bán trong tủ sách của nhà chùa.

Trong công cuộc xây dựng một nền Phật Giáo dân tộc, khôi phục truyền thống văn hóa Việt Nam thì việc thuyết pháp, dạy học và những trước tác của Thiền Sư Nhất Hạnh ở hải ngoại, và của thiền sư Thanh Từ ở trong nước, là những đóng góp vô cùng quan trọng. Còn công cuộc vận động cho việc trở về nguồn, tìm về chân diện mục của văn hoá V. N. , đương đầu với chủ nghĩa vô thần, ngoại lai thì những trước tác của cố giáo sư Nguyễn Đăng Thục là những đóng góp lớn lao.

Trên đây tôi đã trình bày một cách sơ sài những điều tai nghe mắt thấy về một số sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo ở VN. Tôi đã không đề cập sinh hoạt của Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hoà Hảo... vì không có cơ hội tiếp xúc, tìm hiểu. Đó là thiếu sót của tôi. Nhưng mong là nó có thể cho một cái nhìn dưới một góc độ khác hơn là những điều tuyên truyền và thiên lệch với thành kiến.

Chú Thích

(1) Việc trùng tu chùa cuối thế kỷ 18, Tự Điển Di Tích Văn Hoá VN cho là vào năm Cảnh Thịnh thứ 6 (1797), trái lại sách Việt Nam Danh Lam Cổ Tự của Võ Văn Tường thì cho là vào năm Cảnh Thịch thứ 2 (1794). Không biết ai đúng.

(2) Trong cuốn L'Art Bouddhique, Éditions Olizane/UNESCO, trang 23, phân tích các thế ngồi của tượng Phật cho rằng: Tượng Phật không bao giờ được trình bày trong thế ngồi này. Thế ngồi này dành riêng cho Bồ Tát, các thần linh và nhà vua. Tôi thấy trong nhiều hình tượng Bồ tát và hình thần Shiva, Vishnu ngồi thì chân trái co đặt nằm, chân phải buông thõng. Trái lại các thầy đồ, các nhà nho người Việt Nam hay ngồi theo thế này. Ngay cả người bình dân, khi nhgỉ ngơi, ngồi hút thuốc lào, đôi khi cũng ngồi trong tư thế đó.

(3) Mộ Phách là một truyện ngắn của Phùng Cung trong tập Truyện Và Thơ do nhà Văn Nghệ mới xuất bản. Phùng Cung đã qua đời nam 1997, những sáng tác của ông chưa từng được in ra. Tập di cảo được con của tác giả, nay cũng đã qua đời, đem ra hải ngoại giao cho BS Lâm Thu Vân.

Nhân năm khỉ:
Bàn về nguồn gốc con người hiện đại

NGUYỄN VĂN TUẤN

Có thể nói rằng trong 12 con vật được dùng làm biểu tượng cho chu kì 12 năm, khỉ là con vật quan trọng nhất, thông minh nhất, và gần gũi nhất với con người. Khỉ được đề cập ở đây bao gồm những động vật như ape (mà chúng ta thường gọi là "khỉ không đuôi"), tinh tinh (chimpazee), vượn (gibbon), khỉ đột (gorilla), và đười ươi (orang-utan). Cùng với vượn, tinh tinh, đười ươi và con người, khỉ được các nhà động vật học xếp vào loại động vật linh trưởng cao nhất trong các loài vật có vú.

Từ điển Tiếng Việt giải thích rằng khỉ là "thú cao cấp gần với người, biết leo trèo, bàn chân bàn tay có thể cầm nắm được." Giải thích như thế không sai, nhưng cũng như bao nhiêu từ ngữ chuyên môn khác, nó không đầy đủ [1]. Quả thật, trong tất cả động vật, khỉ là loài động vật giống con người nhất. Ngày nay, càng ngày chúng ta càng có nhiều bằng chứng khoa học có tính thuyết phục cao cho thấy khỉ, mà cụ thể là tinh tinh, chính là tổ tiên của con người hiện đại. Nói một cách thẳng thừng hơn, bạn đọc và tôi, là bà con của khỉ. Nói cho cụ thể hơn, tất cả chúng ta — bạn đọc và tôi, dù là người da vàng hay da trắng — đều có chung một tổ tiên, và họ xuất phát từ Phi châu.

Đó là một giả thuyết về nguồn gốc con người hiện đại trên thế giới ngày nay. Mới nghe qua phát biểu đó, chắc có người sẽ cau mày nói thầm: *Lại một giả thuyết giật gân của mấy ngài khoa học! Ừ, một giả thuyết hay đấy, nhưng có thực như vậy không?* Nói một cách ví von, trái tim của phương pháp khoa học nằm ngay trong câu hỏi đó. Những câu hỏi đơn giản mang tính hoài nghi như thế chính là yếu tố làm nên cái mà chúng ta gọi là khoa học. Một lời giải thích về một hiện tượng nào đó chưa đủ để làm nên một giả thuyết khoa học. Tương tự, ý kiến của các chuyên gia, dù là chuyên gia hàng đầu, cũng không hẳn là khoa học. Khoa học hiện đại là một mảnh đất bình đẳng. Nó đòi hỏi bằng chứng. Không chỉ đơn thuần bằng chứng, mà là bằng chứng được thu thập một cách khách quan và chính xác, những chứng cớ mà tất cả chúng ta có thể thấy được, sờ được, và đo lường được. Một giả thuyết khoa học phải được phát biểu cụ thể và rõ ràng, và phải có bằng chứng để yểm trợ, tốt nhất là bằng chứng được thu thập một cách độc lập từ nhiều nơi khác nhau.

Nếu một giả thuyết đáp ứng những điều kiện trên đây, thì giả thuyết đó có phải là sự thật, là chân lí? Không hẳn. Theo triết gia Karl Popper, không bao giờ và không ai có thể chứng minh một giả thuyết là sự thật cả. Chúng ta chỉ có thể chứng minh một giả thuyết nào đó là sai lầm, chứ không chứng minh được nó là sự thật. Theo Popper, khoa học chỉ có thể phát biểu rằng bằng chứng có nhất quán hay phù hợp với một giả thuyết hay không, chứ bằng chứng không có khả năng chứng minh một giả thuyết là sự thật. Còn Frederick Nietzsche thì cho rằng cái đẹp tuyệt

vời của một giả thuyết là nó có thể bị bác bỏ. Về mặt lí thuyết và đứng trên phương diện trừu tượng, có lẽ Nietzsche nói đúng; nhưng trong thực tế, kinh nghiệm của người viết bài này cho thấy trong giới khoa học không phải ai cũng vui lòng chôn vùi giả thuyết của mình sau khi tiêu ra nhiều năm và công sức để làm nghiên cứu, để phát triển một giả thuyết.

Trong nghiên cứu về quá trình tiến hóa và nguồn gốc con người, những tranh luận giữa hai hay nhiều giả thuyết là một chuyện rất thường, bởi vì đứng trước một bằng chứng, giới khoa học có nhiều cách diễn dịch khác nhau. Trong lĩnh vực nghiên cứu về nguồn gốc con người hiện đại, những tranh luận ngày càng càng trở nên gay gắt, đến nỗi có người than rằng lĩnh vực nghiên cứu này sắp trở thành một môi trường tranh cãi hơn là làm sáng tỏ vấn đề. Tình trạng này xảy ra một phần vì những bất đồng ý kiến trong việc diễn dịch các bằng chứng liên quan đến giả thuyết về nguồn gốc con người. Những dữ kiện và hiện vật trong bộ môn nghiên cứu cổ nhân chủng học (paleoanthropology) thường rất hiếm và rất khó mà truy tìm. Do đó, vấn đề không phải chỉ đơn giản là thu thập thêm bằng chứng để yểm trợ và bác bỏ một giả thuyết, mà là việc truy tìm các hài cốt và bộ xương hóa thạch (trong bài này tôi sẽ gọi tắt là thạch cốt) đòi hỏi một kiến thức rộng và một nỗ lực lớn, cộng với khả năng tổ chức, tiền bạc, và quan trọng hơn hết là... may mắn. Các giả thuyết mới thường đến với công chúng rất dễ, nhưng qua những bằng chứng mới nhất, chúng cũng ra đi cũng rất nhanh.

Thành ra, theo dõi và chứng kiến những cuộc tranh luận giữa các nhà nghiên cứu nhân chủng học về nguồn gốc con người hiện nay là một điều thú vị và... bổ ích. Cuộc tranh luận "nóng" hiện nay xoay quanh một câu hỏi quan trọng: Con người hiện đại xuất hiện từ lúc nào, từ đâu, và tiến hóa ra sao? Tôi dùng cụm từ "con người hiện đại" ở đây là để chỉ chúng ta — bạn đọc và tôi — trong đại gia đình con người đang sống hay mới qua đời cách đây vài trăm năm.

Mối liên hệ huyết thống giữa khỉ và con người

Một giả thuyết được phần đông giới nhân chủng học chấp nhận là khoảng 10 triệu năm trước đây, có ít nhất là hai giống khỉ sinh sống ở Phi châu. Một giống là tổ tiên của loài khỉ đột ngày nay, và một giống là tổ tiên chung của tinh tinh và con người. Khoảng 5 triệu năm sau, giống khỉ tổ tiên của tinh tinh và con người tách ra hai giống khác nhau: một trở thành tổ tiên của loài tinh tinh, và một trở thành tổ tiên của con người.

Giả thuyết trên được xây dựng bằng các dữ kiện di truyền học. Trong bất cứ gen nào hay dãy DNA nào được khảo sát, con người và tinh tinh có cấu trúc gen và DNA giống nhau hơn là giữa tinh tinh với khỉ đột. Nếu so sánh DNA của con người và DNA của tinh tinh, sự trùng hợp lên đến 98.4%, tức chỉ khác biệt 1.6%. Phân tích chuỗi DNA trong hệ thống máu globin, mức độ trùng hợp giữa con người hiện đại và tinh tinh là 98.76%, tức chỉ khác biệt trên dưới 1%. Những khác biệt về chuỗi DNA và đột biến này giúp cho các nhà khoa học ước tính được thời gian mà con người và khỉ tách rời ra thành hai nhóm độc lập.

Chính vì sự trùng hợp di truyền này, nhiều nhà nhân chủng học đề nghị xếp loại tinh tinh thành ba nhóm: nhóm 1 gồm Pan troglodytes (hay những tinh tinh 'thường'), nhóm 2 gồm Pan paniscus (còn gọi là bonobo hay pygmy chimpazee — tinh tinh nhỏ), và nhóm 3 là... chúng ta, tức *Homo sapiens*, người thông minh.

Tuy nhiên, con người có 23 cặp nhiễm sắc thể (chromosomes), còn tinh tinh (và ngay cả khỉ đột, đười ươi) có đến 24 cặp nhiễm sắc thể. Nghiên cứu kĩ cho thấy hai cặp nhiễm sắc thể trong tinh tinh nhập thành nhiễm sắc thể số 2 trong con người. Không ai biết tại sao có sự khác biệt nhỏ này, nhưng nó có thể là là yếu tố quyết định sự khác biệt giữa con người và loài tinh tinh mà chúng ta thấy ngày nay.

Thời điểm mà con người và loài tinh tinh trở nên độc lập nhau (tức khoảng 5 triệu năm về trước) cũng phù hợp với những dữ kiện khảo cổ nhân chủng học. Năm 1995, một nhóm nghiên cứu thuộc Trường đại học California tại Berkely và đồng nghiệp ở Ethiopia công bố một công trình nghiên cứu cho thấy, qua phân tích sọ và xương đùi phát hiện ở Ethiopia, con người và loài tinh tinh bắt đầu tách riêng ra khoảng 4,3 triệu năm về trước.

Hai giả thuyết về nguồn gốc con người

Trong nhiều thập niên qua, có hai giả thuyết chính về nguồn gốc con người hiện đại. Charles Darwin là người đề xướng một khái niệm được xem là cổ điển có tên là Giả thuyết Phi châu ("Out of Africa hypothesis.") Darwin là người đầu tiên lí giải rằng loài tinh tinh là những người anh em họ gần nhất của con người hiện đại. Bởi vì tinh

tinh chỉ sinh sống ở Phi châu, cho nên con người hiện đại có nguồn gốc từ Phi châu. Giả thuyết này còn lí giải rằng con người hiện đại tiến hóa ở Phi châu và từ đó tản mát định cư khắp thế giới.

Theo thuyết này, sau khi tách rời khỏi người anh em họ tinh tinh, khoảng 2,5 triệu năm về trước, con người phát triển thành giống người *Homo habilis*. Giống người *Homo habilis* có khả năng làm những dụng cụ thô sơ bằng đá, và có hai chân. Dung lượng não của Homo habilis cao hơn loài tinh tinh, nhưng thấp hơn so với con người hiện đại. Khoảng hai triệu năm trước, *Homo habilis* tiến hóa thành loài *Homo erectus* (loài người đi đứng thẳng lưng), và chính giống người này tản mát khỏi Phi châu và đi khắp thế giới. Đến khoảng 500.000 năm trước *Homo erectus* tiến hóa thành *Homo Sapiens* (loài người thông minh). Người *Homo Sapiens* có dung lượng và hình dạng não giống với con người hiện đại ngày nay.

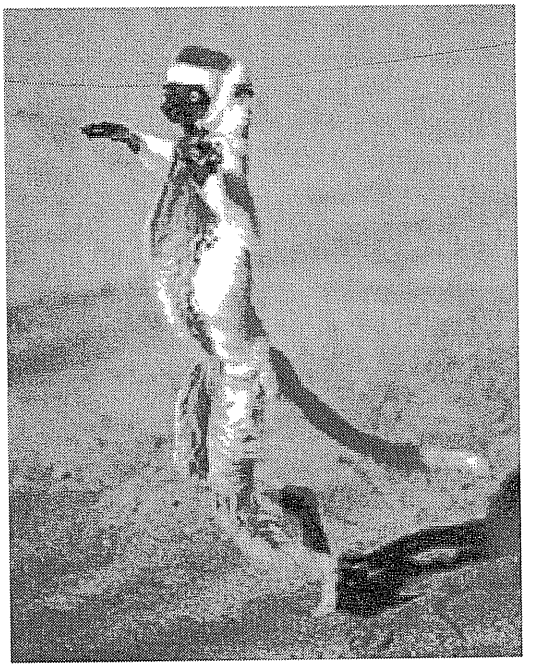

Nói một cách ngắn gọn, Giả thuyết Phi châu phát biểu rằng con người hiện đại chỉ có mặt khoảng 100.000 đến 200.000 năm trở lại đây, và tất cả đều xuất phát từ Phi châu. Darwin còn tiên đoán rằng những hài cốt của con người hiện đại sẽ được phát hiện ở Phi châu.

Một giả thuyết "kình địch" khác là Giả thuyết Nhiều vùng (Multiregional hypothesis) lí giải rằng con người hiện đại tiến hóa trong nhiều địa bàng trên thế giới từ các loài vật tiền thân có tên là *Homo erectus* (tức người đứng thẳng) khoảng một đến hai triệu năm trước đây. Theo trường phái này, các sắc dân tiến hóa theo một chiều hướng song song nhau đến thời kì hiện đại cùng một thời gian. Bởi vì các sắc dân sống cô lập với nhau, họ phát triển những đặc tính cơ thể và sinh lí riêng cho từng vùng, mà ngày nay chúng ta ghi nhận là những khác biệt mang tính "chủng tộc." Giả thuyết Nhiều vùng tiên đoán rằng các thạch cốt của con người hiện đại sẽ được phát hiện khắp các vùng thuộc Thế giới Cổ (Old World) và độ tuổi của chúng cũng sẽ tương đương nhau. Giả thuyết Nhiều vùng còn tiên đoán rằng các sắc dân cổ sẽ có nhiều đặc tính cơ thể như xương chẳng hạn mang tính liên tục và giống với các sắc dân hiện đại trong vùng. Chẳng hạn như, theo Giả thuyết Nhiều vùng, giống người Neandertals [2], một sắc dân cổ ở Âu châu, sẽ có nhiều đặc tính di truyền giống như người Âu châu hiện nay.

Vấn đề còn lại là thu thập bằng chứng một cách khách quan để xem giả thuyết nào đáng được tin cậy hơn. Trong vài mươi năm gần đây, với sự phát triển phi thường của bộ môn khoa học di truyền và công nghệ sinh học, việc nghiên cứu nguồn gốc con người đã chuyển từ việc thu thập các bằng chứng ngôn ngữ học và cơ thể học sang việc thu thập bằng chứng mang tính di truyền học. Kết quả của nhiều nghiên cứu quan trọng về di truyền học trong thời gian gần đây có vẻ không phù hợp với Giả thuyết Nhiều vùng, nhưng có vẻ nhất quán với Giả thuyết Phi châu hơn. Hiện nay, có ba nhóm bằng chứng độc lập "yểm trợ" cho Giả thuyết Phi châu.

Bằng chứng 1: Nàng Eve

Tháng Tư năm nay, một nhóm nghiên cứu thuộc Đại học Maryland (Mĩ) do Nhà nghiên cứu Sarah Tishkoff dẫn đầu công bố một phân tích di truyền học trên hơn 600 người Tanzania (hiện đang sống) trong 14 bộ lạc thuộc bốn nhóm ngôn ngữ khác nhau [3]. Họ phân tích khuynh hướng phân bố của các mảng DNA nhỏ có tên là mitochondrial DNA (hay còn gọi tắt là mtDNA) [4]. Đây là một phương pháp phân tích đáng tin cậy nhất và chính xác nhất để truy tìm nguồn gốc con người, bởi vì các mảng DNA nhỏ này chỉ hiện diện trong buồng trứng, và vì thế chỉ di truyền trong giống cái. Tỉ lệ đột biến (tức những biến đổi mtDNA) là một thước đo khoảng thời gian từ khi có con người trên trái đất. Chủ nhân của mảng

mtDNA (dĩ nhiên là một phụ nữ) thường được gọi là Bà Eve. Cố nhiên, vào thời đó có thể có nhiều phụ nữ cũng có thể là chủ nhân hay có cùng mảng mtDNA với Bà Eve, nhưng theo thói quen, người ta gọi Bà Eve cho gọn.

Tiến sĩ Tishkoff và đồng nghiệp của bà chọn các sắc dân Đông Phi châu để làm nghiên cứu vì những lí do sau đây: Thứ nhất, ở đây, mức độ khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, thể chất con người rất cao. Có bộ lạc người Đông Phi châu rất cao, nhưng cũng có bộ lạc mà phần lớn có chiều cao rất thấp; có bộ lạc da rất đen, nhưng cũng có bộ lạc da chỉ ngâm đen; có bộ lạc mặt tròn, nhưng cũng có bộ lạc mặt nhỏ và hẹp, v.v... Những khác biệt về đặc tính nhân trắc và văn hóa này trong cùng một vùng là một đặc tính lí tưởng cho việc nghiên cứu cổ nhân chủng học và di truyền học. Nói theo ngôn ngữ của di truyền học, Đông Phi châu là nơi có gen rất đa dạng, và càng đa dạng thì việc phân tích và phân loại càng dễ dàng hơn. Thực vậy, các bộ lạc trong năm sắc dân này có quá nhiều đột biến gen so với các sắc dân, đó là một dấu hiệu cho thấy vùng Đông Phi châu là một vùng đất mà con người từng có mặt rất lâu đời. Công trình nghiên cứu này cho thấy năm sắc dân Đông Phi có một nguồn gốc lâu đời hơn cả người Kung San ở vùng Nam Phi châu, những người mà trước đây chúng ta tin rằng có mtDNA lâu đời nhất.

Nếu nhận dạng theo bộ lạc, năm sắc dân này là: người Sandawe, nói tiếng "click" có liên hệ với người tóc rậm (còn gọi là người rừng, hay Bushmen chuyên sống gần vùng sa mạc) của dân tộc Kalahari; người Burunge và Gorowaa, họ di dân từ Ethiopia đến Tanzania chỉ trong vòng 5.000 năm trở lại đây; và người Maasai và Datog, những người có thể xuất phát từ Sudan. Nỗ lực của nhóm nghiên cứu của Tiến sĩ Tishkoff còn góp phần xây dựng nên một ngân hàng chứa các dữ kiện về mtDNA. Qua mtDNA, các nghiên cứu chứng minh rằng năm sắc dân này là những sắc dân có mặt lâu đời nhất trên thế giới mà chúng ta từng biết đến. Điều này có nghĩa là Bà Eve là một người gốc Đông Phi châu hay Đông Bắc Phi châu. Có thể vùng đất thuộc Ethiopia hay Sudan ngày nay là nơi mà con người hiện đại khai sinh.

Nếu tỉ lệ đột biến mtDNA không thay đổi theo thời gian (một giả định được xem là đáng tin cậy), và bằng một phương pháp thống kê học, các nhà khoa học có thể ước đoán rằng tổ tiên lâu đời nhất của con người hiện đại khai sinh khoảng 170.000 năm về trước. Nên nhớ rằng chỉ "có thể" thôi. Nhưng điều quan trọng là ước tính này nhất quán với bằng chứng từ các thạch cốt.

Bằng chứng 2: "Trưởng lão" Idaltu

Tháng Sáu vừa qua, một nhóm nghiên cứu liên quốc gia gồm Tim White và F. Clark Howell thuộc Đại học California tại Berkeley, và một nhóm nghiên cứu do Berhane Asfaw thuộc Rift Valley Research Service ở Addis Ababa, công bố khám phá liên quan đến ba sọ người hóa thạch trong vùng Herto Bouri của Ethiopia [5]. Một điểm đáng chú ý nhất của ba sọ người đó là tất cả đều là phái nam; trong đó có một sọ có lẽ của một em bé sáu hay bảy tuổi. Ngoại trừ một vài trường hợp mất răng, và vài thiệt hại phần trái của sọ, những sọ hóa thạch này đều có đầy đủ đặc tính của con người hiện đại. Dùng phương pháp quang tuyến isotope, các nhà nghiên cứu ước tính ba sọ người này có độ tuổi từ 154.000 đến 160.000 năm. Nói một cách khác ba người này sống trong khoảng thời gian kể trên.

Khi các nhà nghiên cứu rửa sạch và ráp nối những mảnh sọ với nhau, họ có thể cho ra một câu chuyện hoàn chỉnh. Cũng giống như con người hiện đại, những chủ nhân của ba sọ này có khuôn mặt nhỏ, hơi dài. Dung lượng sọ của một người có mã số BOU-VP-16/1 là 1.450 cm3, tức là rộng hơn dung lượng của một con người hiện đại. Mặc dù sọ của người Herto (một sắc dân Phi châu) lớn và dài hơn con người hiện đại, các nhà nghiên cứu cho rằng người Herto có lẽ là một giống người thông minh hiện nay, *Homo sapiens*, đầu tiên vừa được phát hiện, tức là tổ tiên trực tiếp của chúng ta ngày nay. Cũng như nhóm nghiên cứu Đại học Maryland, qua ba sọ người này, Tim White và đồng nghiệp ông ta kết luận rằng nguồn gốc của con người hiện đại quả bắt nguồn từ Phi châu.

Bởi vì sọ người Herto vừa được phát hiện không đồng dạng với các hài cốt con người cổ xưa từ bất cứ một vùng nào trên thế giới, các nhà nghiên cứu phải xếp ba sọ người này vào một nhóm mới và đặt tên là *Homo sapiens idaltu*. Chữ *idaltu* xuất phát từ tiếng Afar ở Ethiopia, và có nghĩa là "trưởng lão."

Ngay cả các nhà nghiên cứu không tham gia vào công trình nghiên cứu trên cũng đồng ý rằng ba sọ người Herto là một bằng chứng thuyết phục nhất về con người hiện đại, và phù hợp với Giả thuyết Phi châu về nguồn gốc con người hiện đại. Sọ người Herto còn cung cấp một bằng chứng

nhất quán với sự chuyển tiếp về niên đại trong các sắc dân Phi châu được khám phá trong vài năm qua. Chẳng hạn như các sọ người và thạch cốt thuộc giống người đứng thẳng (Homo erectus) từ Daka, có niên đại khoảng 1 triệu năm về trước, và sọ người cổ Bodo với niên đại khoảng 500.000 năm. Ngoài ra, thạch cốt từ Omo Kibish, cũng thuộc Ethiopia, có niên đại thấp hơn sọ người Herto. (Tuy nhiên niên đại của thạch cốt từ Omo Kibish được xem là mơ hồ, một phần vì những thạch cốt này là những mảnh vụn, rời rạc, và một phần là do phương pháp đánh giá niên đại không có độ tin cậy cao). Nhưng một vài thạch cốt được khám phá cũng gần vùng Omo Kibish vào năm 1967, và qua các phương pháp ước tính đáng tin cậy hơn, có niên đại khoảng 125.000 năm. Hơn thế nữa, một số thạch cốt từ Qafzeh thuộc Do Thái — tức là một hướng di dân từ Phi châu — có niên đại khoảng 92.000 năm.

Tất cả những phát hiện trên đây cho thấy Phi châu là nơi mà con người xuất hiện sớm nhất. Nhưng những phát hiện này không loại trừ khả năng các giống dân cùng tiến hóa một lượt trong các vùng khác trên thế giới, như những người theo Giả thuyết Nhiều vùng đề nghị. Một cách thử nghiệm đáng chú ý nhất của các nhà khoa học theo Giả thuyết Nhiều vùng là nghiên cứu trên giống dân cổ Neandertals, một giống dân chỉ tìm thấy ở Âu châu. Theo họ, giống dân Neandertals (sống vào khoảng 200.000 đến 27.000 năm trước đây) thể hiện một sự chuyển tiếp từ người Âu châu *Homo erectus* đến người thông minh ngày nay (Homo sapiens sapiens). Thế thì câu hỏi được đặt ra là: Có phải sọ người Herto chỉ đơn thuần là tổ tiên của những người Phi châu mà thôi (cũng như giống dân Neandertals là tổ tiên người Âu châu ngày nay?)

Câu trả lời là "Không." Lí do đơn giản là những sọ người Herto cho thấy người Phi châu đã phát triển bộ xương của một con người hiện đại, còn các thạch cốt của giống dân Neandertals vẫn chưa thể xem là con người hiện đại.

Bằng chứng 3: Giống dân Neandertals

Năm 1997, Svante Paabo thuộc Viện nghiên cứu tiến hóa nhân chủng học (Max Planck Institute for Evolutionary Anthropology) tại Leipzig, Đức, là người đầu tiên chiết mtDNA từ giống dân Neandertal [6]. Công trình nghiên cứu này được đánh giá là công phu, độc đáo, là "tour de force" về phương pháp nghiên cứu trong tiến hóa học. Mảng mtDNA của giống dân Neandertal được so sánh với mtDNA của 2.000 người hiện đang sống vòng quanh thế giới. Kết quả cho thấy, tính trung bình, tỉ lệ đột biến giữa các nhóm dân số trên thế giới khác nhau khoảng 27 (trong tổng số 379 đột biến được nghiên cứu). Ngoài ra, mtDNA của giống dân Neandertals không đồng dạng với mtDNA của người Âu châu. Nói một cách khác, qua bằng chứng di truyền học, giống dân Neandertals không phải là tổ tiên của người Âu châu ngày nay. Đây là một khám phá quan trọng, vì nó loại bỏ vai trò của người Neadertals trong việc suy luận về nguồn gốc con người hiện đại. Đó là một khám phá đánh một "đòn chí tử" vào Giả thuyết Nhiều vùng.

Nhưng các nhà khoa học theo Giả thuyết Nhiều vùng vẫn chưa chịu thua. Giáo sư Milford Wolpoff thuộc Đại học Michigan và Giáo sư Alan Thorne thuộc Đại học Quốc gia Úc châu ở Canberra, chất vấn kết luận của công trình nghiên cứu trên. Họ đề nghị nghiên cứu thêm các mảng mtDNA từ một số người Neandertals khác, vì họ nghi ngờ rằng mẫu mtDNA của nhóm Paabo dùng còn quá nhỏ và có thể quá cá biệt, không đại diện cho tổng thể giống dân Neandertals được. Họ còn tiên đoán rằng mtDNA của giống dân Neandertal sẽ

đồng dạng với người Âu châu cổ hơn là người Âu châu đang sống ngày nay. Đó là một phê bình công bằng.

Để khắc phục nhược điểm mà Wolpoff vae Thorne nêu lên, một số nhóm nghiên cứu khoa học trên thế giới bèn tiến hành nhiều nghiên cứu để thử nghiệm giả thuyết của Milford Wolpoff và Alan Thorne, bằng cách dùng phương pháp nghiên cứu của nhóm Max Planck. Kết quả của tất cả các nghiên cứu này đều nhất quán một điều: mẩu mtDNA của giống dân Neandertal khác xa với mẩu mtDNA của người Âu châu cổ hay người Âu châu hiện nay. Chẳng hạn như công trình nghiên cứu của Giorgio Bertorelle và đồng nghiệp thuộc Đại học Ferrara (Ý) cho thấy mẩu mtDNA của hai nhóm người Âu châu cổ (Cro-Magnons ở Ý) có niên đại 23.000 đến 24.720 năm rất khác với 4 mẩu mtDNA của giống dân Neandertals có niên đại từ 42.000 đến 29.000 năm [7]. Mức độ khác biệt giữa hai mẩu mtDNA khá cao: 22 đến 28 trong số 360 đột biến nghiên cứu. Điều quan trọng là các mẩu mtDNA của người Cro-Magnon, như dự đoán, rất tương đương với mẩu mtDNA của người Âu châu ngày nay, với tỉ lệ đột biến chỉ khác nhau có 1 trong số 2.566 mẩu mtDNA!

Nói một cách khác, mtDNA của người Âu châu đang sống hiện nay cũng chính là mtDNA của người Cro-Magnons, và do đó, giống dân Neandertals không phải là một giống người nằm trong quá trình tiến hóa từ *Homo erectus* sang người *Homo sapiens* hiện đại. Giống dân Neandertals không phải là tổ tiên của người Âu châu hiện đại.

Bằng chứng và tính thuyết phục

Giả thuyết Phi châu về nguồn gốc con người hiện đại càng ngày càng trở nên thuyết phục. Thuyết phục là vì hầu hết các nghiên cứu, nhất là nghiên cứu di truyền học, đều cho ra một câu trả lời kiên định, trước sau như một. Câu trả lời này phù hợp với giả thuyết rằng con người hiện đại, dù là ở Á, Âu, Mĩ châu đều có tổ tiên xuất phát từ Phi châu, đặc biệt là từ Đông Phi châu nói chung, và Ethiopia hay Sudan nói riêng, bởi vì nơi đây là quê hương của những thạch cốt con người cổ nhất thế giới. Các nghiên cứu này cũng loại bỏ khả năng về mối liên hệ giữa người Neandertals và con người hiện đại, và do đó, không nhất quán với Giả thuyết Nhiều vùng.

Mặc dù sức thuyết phục của các nghiên cứu này rất cao, chúng ta cần phải cảnh giác rằng những thạch cốt dùng trong nghiên cứu chỉ nói cho chúng ta biết hình dạng của tổ tiên chúng ta ngày xưa, và nơi và thời gian mà họ từng sinh sống. Công trình nghiên cứu của White-Howell-Asfaw cho thấy thạch cốt khám phá từ Ethiopia có niên đại khoảng 160.000 năm. Các nhà khoa học theo Giả thuyết Phi châu đang ăn mừng.

Nhưng các nhà khoa học theo Giả thuyết Nhiều vùng chắc chắn là chưa đầu hàng, hay ít ra là họ cần một thời gian để tuyên bố đầu hàng. Hiện nay, họ bị mất rất nhiều cảm tình viên. Giáo sư Wolpoff vẫn kiên trì bảo vệ Giả thuyết Nhiều vùng mà ông từng đề nghị nhiều năm trước đây. Có thể nhiều khám phá sắp tới sẽ làm cho cán cân khoa học nghiêng về phía Giả thuyết Nhiều vùng, nhưng họ cần phải có nhiều — rất nhiều bằng chứng — để bác bỏ Giả thuyết Phi châu.

Tản mát ra khỏi Phi châu

Nếu tổ tiên con người hiện đại xuất phát từ Phi châu, thì một câu hỏi được đặt ra là sau đó họ đi đâu, vào lúc nào? Bằng chứng khảo cổ học cho chúng ta nhiều thời điểm mà con người di dân ra khỏi Phi châu, và những thời điểm này có thể đối chiếu với bằng chứng di truyền học để cho ra một câu chuyện di dân tương đối hoàn chỉnh. "Bằng chứng di truyền" ở đây là những phân bố DNA và gen trong các sắc dân hiện đại trên khắp năm châu. Qua những phân bố DNA và gen, chúng ta có thể ước tính những khoảng cách di truyền giữa các sắc dân [8]. Khoảng cách di truyền càng gần có nghĩa là hai sắc dân càng giống nhau. Kết quả phân tích này có thể tóm gọn như sau [9]:

Khoảng cách di truyền		Thời điểm định cư đầu tiên (1000 năm)
Phi châu — Á châu	0.206	100
Á châu — Úc châu	0.100	55
Á châu — Âu châu	0.097	43
Âu châu — Mĩ châu	0.089	15 — 50

Theo kết quả phân tích khoảng cách di truyền giữa các sắc dân và các hiện vật cổ, chúng ta có thể khẳng định rằng con người hiện đại di dân ra khỏi Phi châu và đến Á châu vào khoảng 100.000 năm trước đây. Có thể trong đợt di dân đầu tiên họ đến vùng Trung Đông, nhưng không thể định cư được vì thời tiết khắc nghiệt, sau đó có thể họ phải làm thêm một hành trình thứ hai từ Trung Đông đến tận vùng Đông Nam Á châu. Cũng có

thể họ đi thẳng từ Đông Phi châu, dọc theo đường biển Ả Rập ngày nay băng ngang qua Ấn Độ, và đến định cư ở Đông Nam Á.

Từ Đông Nam Á, họ lại di cư một lần nữa: nhóm một đi về hướng nam ra Úc châu và Tân Guinea; nhóm hai đi về hướng bắc đến Trung Quốc và Nhật Bản, và cuộc di dân này xảy ra vào khoảng 55.000 năm trước đây. Điều này cũng phù hợp với các dữ kiện di truyền gần đây cho thấy người Trung Hoa ngày nay, nhất là người Trung Hoa ở phía nam Trung Quốc rất gần và có tổ tiên ở vùng Đông Nam Á châu [10-11]. Ngoài ra, gần đây, một nghiên cứu mtDNA [tuy chưa đầy đủ] còn cho thấy người Việt có thể là một dân tộc cổ nhất trong vùng Đông Nam Á [12].

Cuộc định cư ở Âu châu có lẽ xuất phát từ ngả Tây Á châu và Bắc Phi châu, vào khoảng 43.000 năm về trước. Thời điểm di dân từ Đông Bắc Á châu vào Mĩ châu là khó đoán nhất. Dựa vào bằng chứng khảo cổ, giới khảo cổ học cho rằng cuộc di dân đó xảy ra vào khoảng 15.000 đến 50.000 năm trước đây, nhưng đây chỉ là một ước tính rất "thô", và sự nhất quán với bằng chứng về khoảng cách di truyền không mấy cao.

Nói tóm lại, một số nghiên cứu quan trọng gần đây cho thấy con người hiện đại như chúng ta có nguồn gốc từ Phi châu, cụ thể là Đông Phi châu. Từ Phi châu, tổ tiên chúng ta di cư đến Á châu, và từ Á châu họ tản mát đi khắp bốn châu còn lại, kể cả các hòn đảo vùng nam Thái Bình dương. Tất nhiên, đây chỉ là câu chuyện mới được phác họa, nhiều chi tiết vẫn còn trong vòng nghiên cứu thêm. Một trong những chi tiết mà chúng ta cần tìm hiểu thêm là mối liên hệ giữa người Việt hiện nay và các dân tộc trong vùng Đông Nam Á châu. Tổ tiên gần nhất của chúng ta xuất phát từ đâu, họ đến Việt Nam bằng cách nào, vẫn còn là những vấn đề khoa học "nóng", đòi hỏi nhiều nghiên cứu về di truyền học, khảo cổ học, và ngôn ngữ học. Tuy nhiên, với sự tiến bộ phi thường về khoa học di truyền và công nghệ sinh học trong khoảng mười năm trở lại đây, tôi tin rằng việc nghiên cứu quá trình lịch sử di truyền của người Việt chúng ta sẽ đem lại nhiều kết quả thích thú và làm sáng tỏ hơn về nguồn gốc tổ tiên của chúng ta.

Chú thích và tài liệu tham khảo

[1] Trong thực tế, không phải loài nào cũng hái lượm bằng bàn tay hay bàn chân. Trong số hơn 200 loài khỉ, giới khoa học phân biệt hai loài khỉ chính: một loài sinh sống trong vùng Nam và Trung Mỹ (còn gọi là New World monkeys — tức khỉ thế giới mới, còn một loài sinh sống ở các vùng Á châu và Phi châu (còn gọi là Old World monkeys, khỉ thế giới cũ). Khỉ ở Phi châu và Á châu có 32 răng (như con người), nhưng khỉ ở Mỹ châu có đến 36 răng. Khỉ Phi châu và Á châu không có khả năng lượm đồ vật bằng đuôi, trong khi đó một số khỉ Mỹ châu có khả năng này. Khỉ Phi châu và Á châu có hai lỗ mũi gần nhau, nhưng khỉ Mỹ châu có lỗ mũi cách xa hơn và cân đối hơn.

[2] Năm 1856 (ba năm trước khi Charles Darwin xuất bản cuốn *The Origin of Species*), người ta phát hiện một sọ người có vẻ khác với người hiện đại. Sọ người này được phát hiện tại Sông Neander. Sau này, người ta phát hiện thêm nhiều sọ người tương tự chung quanh sông Neander. Do đó, sau này giới khảo cổ học đặt tên cho giống người này Neandertal.

[3] Tishkoff, S. A., K. Gonder, J. Hirbo, H. Mortensen, K. Powell, A. Knight and J. Mountain. The genetic diversity of linguistically diverse Tanzanian populations: A multilocus analysis. *American Journal of Physical Anthropology Supplement 2003; 36:208—209.*

[4] Không như DNA nằm trong nhân của tế bào, Mitochondrial DNA nằm ngoài nhân của tế bào. MtDNA chỉ lưu truyền trong giống cái (ví dụ như từ mẹ sang con gái) do đó chúng rất có ích trong việc truy tìm những mối quan hệ di truyền giữa các nhóm dân. Nhưng mtDNA có hai nhược điểm: (i) mtDNA có nhiễm sắc rất nhỏ, chỉ khoảng 16500 mẫu tự (tức chỉ khoảng 16 kilobases); và (ii) sự phân phối của các mẫu tự cũng không đồng đều.

[5] White, T. D., B. Asfaw, D. DaGusta, H. Gilbert, G. D. Richards, G. Suwa and F. C. Howell. Pleistocene Homo sapiens from Middle Awash, Ethiopia. *Nature 2003; 423:742—747.*

[6] Krings, M., A. Stone, R. W. Schmitz, H. Krainitzki, M. Stoneking and S. Paabo. Neandertal DNA sequences and the origin of modern humans. *Cell 1997; 90:19—30.*

[7] Barbujani, G., and G. Bertorelle. Were Cro-Magnons too like us for DNA to tell? *Nature 2003; 424:127.*

[8] Khoảng cách di truyền (hay còn gọi là genetic distance) là một thông số di truyền học đo lường mức độ khác nhau giữa các nhóm dân. Chỉ số này có giá trị tối thiểu là 0 (tức hai nhóm dân giống nhau về mặt di truyền), và giá trị tối đa là 1 (tức hai nhóm dân hoàn toàn khác nhau).

[9] Cavalli-Sforza LL. *Genes, people and languages.* Penguin Books, 2001. Chương 1 (trang 1 — 33) và Chương 3 (trang 57 — 91).

[10] Chu JY, et al. Genetic relationship of populations in China, tác giả J. Y. Chu và đồng nghiệp, *Proceedings of the National Academy of Science (USA) 1998*; 95: 11763-11768.

[11] Su B, et al. Y-chromosome evidence for a northward migration of modern humans into eastern Asia during the last Ice Age. *American Journal of Human Genetics 1999*; 65:1718-1724.

[12] Ivanova R, et al. Mitochondrial DNA polymorphism in the Vietnamese population", tác giả và đồng nghiệp, *European Journal of Immunogenetics 1999*; 26:417-422.

NĂM THÂN, CHUYỆN KHỈ

NGUYỄN THỊ TÂM VĂN

Khỉ là con vật giống người nhất, nhưng chẳng đẹp đẽ gì, "xấu như khỉ" mà (ấy là quan niệm của loài người đối với loài khỉ thôi đấy nhé) nên các cụ không muốn nhắc đến tên nó trong ngày Tết sợ rông cả năm. Năm nay là năm Khỉ, đáng lẽ tôi cũng nên nghỉ xả hơi một năm, chẳng nên viết lăng nhăng cho đỡ xui, "có kiêng có lành" đó cũng là lời các cụ nói, kẻo đang lúc kinh tế suy thoái, chẳng may nhận được giấy báo giãn việc thì vỡ nợ. Ấy thế mà nghiệp dư cũng không tránh khỏi. Số là một hôm cả nhà đi chơi về, tôi loay hoay mở mãi không được cái khóa ở cửa trước, trời cuối năm đã hơi lạnh lạnh, nhà tôi rét run, càu nhàu "đồ cái khóa khỉ gió, ngày mai gọi thợ thay đi cho rồi."

Tối hôm đó trong bữa cơm, con gái tôi ngập ngừng hỏi mẹ nó "*Windy monkey* là con gì hả mẹ." Cả tôi và nhà tôi đều ngẩn người, không hiểu nó nói gì. Thấy thế nó nhắc lại "Thì hồi chiều mẹ nói đó." Vỡ lẽ ra tôi và nhà tôi cười rũ rượi. Giải thích thế nào nhỉ. Ngẫm nghĩ lại tôi càng thấy lạ lùng cho ngôn ngữ Việt. Tôi đã nghe tiếng khỉ gió này hồi nào, hiểu ý nghĩa của nó mà chẳng cần nhờ ai giảng giải. Còn con tôi và thế hệ của nó thì sao? Thế nào là khỉ gió, khỉ khô, khỉ ướt, khỉ tầu, khỉ đột, khỉ tướu. Tôi giảng giải lẩn thẩn một hồi, chẳng đi đến dâu cả.

Kể cũng lạ, con khỉ nó ở mãi tận rừng sâu, tại sao tên nó lại trở nên quen thuộc đến thế nhỉ? Bà nào cô nào mặt mày suốt ngày cau có, khó chịu thì được ví ngay là nhăn nhó như khỉ ăn gừng hoặc nhăn nhó như khỉ ăn mắm tôm. Quí vị nào nhà có nuôi con khỉ, nghịch ngợm quệt chút mắm tôm vào miếng lá đưa cho nó mà xem, nó nhăn nhó, khọt khẹt đến là hay, tha hồ ôm bụng mà cười. Cái bộ tịch con khỉ lúc đó thật ngộ nghĩnh, thấy là biết liền nhưng diễn tả thì thật khó.

Còn nhớ ở Việt Nam thỉnh thoảng nhà ai kiếm được con khỉ về nuôi, thế nào cũng đóng cho nó cái bục gỗ gác trên cây xoài, cây ổi trước nhà, rồi xích nó vào gốc cây cho nó trèo lên tụt xuống, nhẩy nhót cho vui. Báo hại đám nhỏ trong xóm bu lại nhi nhô chọc ghẹo suốt ngày, ồn ào như họp chợ. Những lúc đám nhỏ đi học vắng, con khỉ được yên thân, ngồi trên bục gỗ ngó lom lom vào nhà, như rình rập thành thử mới có câu "nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà" ám chỉ có kẻ xấu bụng rình chờ cơ hội làm hại mình, dù mình có công nuôi nấng giúp đỡ nó.

Những kẻ hay dọa nạt người khác một cách vô ích thì được gọi là *rung cây nhát khỉ*. Nhưng khi đôi trai gái yêu nhau, mắng nhau là *đồ khỉ*, thì ý nghĩa của nó chẳng có gì xấu cả. Chỉ là mắng yêu nhau đấy thôi, cũng như mắng *đồ khỉ gió* vậy mà. *Của khỉ* là cái vật chẳng ra gì. Cái *của khỉ* này mà cõng về nhà làm gì, đem vứt nó đi cho rồi. *Làm trò khỉ* thì ý nghĩa của nó mênh mang vô cùng, tùy đối tượng áp dụng. Đối với đôi trai gái yêu nhau thì có thể là màn hôn hít, trửng giỡn hay gì gì khác, tùy óc tưởng tượng xấu xa hay lành mạnh của người nghe. Đối với con nít thì có thể là một trò chơi vô hại, rắn mắt nào đó. Đối với người đã trưởng thành thì có thể là một hành động lố bịch chướng tai gai mắt. Còn

mắng mỏ nhau một cách nhẹ nhàng thì ôi thôi vô số kể. Nào là *đồ khỉ gió, con khỉ khô, đồ khỉ tầu, con khỉ đỏ đít, con khỉ đột, khỉ ơi là khỉ, đồ đười ươi giữ ống* v.v. (1). Cái con đười ươi này kể cũng lạ, to xác mà ngu. Tục truyền miền thượng du Bắc Việt có loài đười ươi to lớn (chắc là con dã nhân, gorrila) thường hay bắt người ăn thịt. Nhưng nó có tật lạ là khi bắt được ai, nó túm chặt lấy hai tay, ngửa mặt lên trời cười khoái trá hồi lâu rồi mới xé xác nạn nhân. Biết nhược điểm này, người đi rừng thủ sẵn hai ống nứa, mỗi khi gặp đười ươi thì luồn tay vào ống nứa rồi đưa cho nó nắm. Lợi dụng khi nó ngửa mặt lên trời cười, người kia lừa rút tay ra và nhẹ nhàng trốn mất. Cười xong đười ươi cúi xuống thì chỉ còn trơ hai ống nứa. Chắc mặt mày lúc đó phải ngẩn ngơ tức cười lắm, như mặt anh chàng cả thộn nào đó nên người ta mới có câu chế diễu trên.

Khỉ có tật hay bắt chước. Hễ thấy loài khác hành động gì, không cần biết hay dở xấu tốt, khỉ phải làm theo cho bằng được, do đó mới có câu *bắt chước như khỉ* (2). Nàng Tây Thi đã đẹp, cả khi đau bụng nhăn mặt cũng được ca tụng là rất đẹp. Các bà các cô thấy vậy cũng bắt chước nhăn mặt xem chồng có yêu thêm chút nào không, ai ngờ người đã xấu, nhăn mặt chỉ tổ xấu thêm. Rõ là *khỉ hoàn cốt khỉ.*

Người và khỉ

Theo thuyết tiến hóa và loại trừ của Darwin, thì khỉ vốn là tổ tiên của loài người. Loài khỉ ở rừng, leo trèo mãi, rồi lần mò xuống đất, kiếm ăn. Trước còn bò bốn chân, nhưng sau vì phải kiễng với, vặt lá, hái trái nên dần dần đứng thẳng trên hai chân, tập dùng dụng cụ, sống thành đoàn lũ, bộ lạc, rụng lông rụng lá mà thành con người. Nghe qua cũng có lý vì chẳng lẽ con người tự nhiên sinh ra từ đất cát cỏ cây. Nhưng luận tới cùng thì thử hỏi đầu tiên con khỉ ở đâu mà ra. Tuy nhiên cũng chẳng ai có bằng cớ gì để bài bác thuyết của Darwin vì hồi hồng hoang, thiên địa sơ khai ai ở đó mà chứng kiến hàng chục triệu năm trôi qua con khỉ biến thành con người. Nhưng người Thiên Chúa Giáo thì phản đối kịch liệt vì theo Thánh Kinh, nguồn gốc con người cao quý hơn nhiều, là con cháu của Thượng Đế, đâu phải con cháu của lũ khỉ vượn lông lá gớm ghiếc kia. Một bên nêu giả thuyết, một bên phản bác, nhưng chẳng ai đưa ra được bằng chứng cụ thể nào cả, không biết ai phải ai trái, trong khi đó con người vẫn tiếp tục sống phây phây nơi đồng bằng, thành phố, còn các cụ tổ tiên lông lá vẫn nhởn nhơ nơi rừng sâu.

Phật giáo vốn tin tưởng là con người tạo nghiệp ác thì có thể đầu thai thành thú vật, hoặc thành các loài ngạ quỷ, côn trùng, sâu bọ gớm khiếp nữa kìa, chứ ba con khỉ đột đâu đã nhằm nhò gì, nên chẳng phản đối, ngoại trừ chê thầm loài khỉ, ưa phá phách leo trèo, nhẩy nhót, không lúc nào tỏ ra trầm tĩnh, nghiêm túc cả, bằng cách ví von "tâm viên, ý mã," ý nói tâm trí con người thay đổi, đầu óc không lúc nào yên, lúc nghĩ chuyện này, khi nghĩ chuyện khác, lăng xăng như khỉ chuyền, như ngựa chạy, cần phải ngồi thiền để tìm về chánh định. Đạo Phật cũng chẳng bận tâm nhiều là có phải con người do con khỉ biến hóa ra hay không, cũng không thắc mắc con người hay con khỉ từ đâu mà ra, vì đạo Phật là đạo thực tiễn, tiền kiếp đã qua chẳng cần thắc mắc, có thắc mắc chăng là sự tu hành, tạo nhân lành ngay ở kiếp này, để ảnh hưởng tới kiếp sau. Đời người vốn ngắn ngủi, thắc mắc vô bổ chỉ có hại, tựa như anh chàng bị bắn mũi tên độc, không cần tìm hiểu mũi tên làm bằng gì, ai bắn, tại sao lại bắn mình mà phải tìm ngay thuốc, thầy để chữa trị.

Truyện bên Tầu, anh khỉ nổi tiếng nhất là anh khỉ đã hấp thụ khí âm dương của trời đất, nứt ra từ trứng đá, biến hóa thần thông nên được tôn là ông Tề. Ông Tề mắt lửa tròng vàng, tay cấp gậy sắt, chân nhảy lom xom, miệng kêu khọt khẹt nhưng tinh quái vô cùng, trừ yêu, chém chằng, phò thầy Tam Tạng thỉnh kinh, lại chuyên ăn hoa quả thanh tịnh nên dễ đắc đạo, hơn hẳn anh heo ăn tạp, Trư Bát Giới.

Bên trời Tây có anh dã nhân KingKong, to lớn dị thường nhưng si tình đáo để. Bị bắt bỏ chuồng vì chót yêu chị đầm tóc vàng sợi nhỏ, da trắng mắt xanh. Về đến kinh thành NewYork, thuốc mê tan, KingKong tỉnh dậy phá chuồng đi tìm người yêu, đạp đổ building, phá nát xe lửa, gây kinh hoàng cho dân thành thị. Đến khi bị đạn bắn tử thương, ngã xuống từ nóc nhà chọc trời, KingKong cũng cố đợi cho đến khi người yêu bé nhỏ tới khóc cho vài giọt nước mắt, tỏ lòng thương xót mới yên tâm nhắm mắt lìa trần, nào có thua gì anh chàng Từ Hải chết đứng. Câu chuyện của anh khổng lồ si tình, dại gái KingKong lâu lâu lại xuất hiện trên màn ảnh, làm say mê hàng triệu khán giả, thời này qua thời khác.

Gần thời đại chúng ta hơn có nhà báo Bút Trà, gây sôi nôi dư luận miền Nam một thời (trước 75) về chuyện khỉ Cà Mâu lấy người, rồi người

đẻ ra khỉ, khỉ đẻ ra người tùm lum. Báo chí dạo ấy khai thác đề tài này, chửi bới nhau ỏm tỏi, thật là nhiễu sự, nhưng mục đích của chủ báo, chỉ cốt báo bán chạy là được, nên ông bà chủ báo cứ vừa đếm bạc vừa cười, mặc kệ độc giả điên đầu về chuyện khỉ đẻ.

Nhưng bà Bút Trà không phải là người đầu tiên sáng chế ra câu chuyện khỉ đẻ ra người, người đẻ ra khỉ này. Trong lịch sử cũng đã lắm lần. Đầu tiên là chuyện bên Tầu. Tô Vũ bị vua Tầu đầy lên xứ tuyết, chăn một đàn dê đực, khi nào dê đực có con mới được về. Lạnh lẽo và cô đơn, Tô Vũ lấy vợ đười ươi để được hai con (không biết anh chàng người tuyết một dạo đã làm chấn động dư luận, sống tại Hy Mã Lạp Sơn, có phải là cháu, chắt, chút, chít gì của Tô Vũ không?)

Đó là chuyện bên Tầu, còn bên ta thì có chuyện ông Mạc Đĩnh Chi, đậu trạng nguyên đời Trần. Tướng ông xấu xí, nên có kẻ xấu mồm đồn là mẹ ông đi hái củi trong rừng, bị con khỉ đột làm ẩu, thụ thai rồi sinh ra ông. Khi đi sứ sang Tầu, ông ứng đối lưu loát, khiến vua, quan Tầu phục lăn. Nhân công chúa Tầu chết, vua thương tiếc lắm, ông làm bài ai điếu, có những câu sau đây:

Thanh thiên nhất đoá vân
Hồng lô nhất điểm tuyết
Thượng uyển nhất chi hoa
Giao trì nhất phiến nguyệt
Ô hô
Vân tán, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt khuyết

Dịch ý như sau

Giữa trời xanh có đám mây
Bên lò lửa hồng có một mảnh tuyết
Trong vườn thượng uyển có một đóa hoa
Dưới đáy hồ có một mảnh trăng
Than ôi
Mây tan, tuyết chẩy, hoa tàn, trăng khuyết

Bài thơ diễn tả cảnh vạn vật vô thường, còn mất, như một bài kệ nơi cửa Phật đã có tác dụng làm nguôi lòng đau khổ của vua Tầu. Quan Tầu lấy làm lạ, tại sao tướng ông xấu xí mà lại có tài, hay là quí tướng ẩn nơi đâu, mới cho người theo dõi ngày đêm, kể cả lúc đại, tiểu tiện. Quân hầu rình mãi, báo cáo là ông đại tiện ra phân vuông. Quan Tầu vỗ đùi, khoái chí: "Có thế chứ, ẩn tướng là ở chỗ đó." Dĩ nhiên đây chỉ là huyền thoại, kể cho vui lúc trà dư tửu hậu, chứ làm gì có người ruột vuông phải không quí vị.

Khỉ và người

Đoạn trên có nói "xấu như khỉ," nhưng đó chỉ

là ý kiến của loài người áp đặt cho loài khỉ mà thôi. Quan niệm về cái đẹp thì vô cùng. Đối với con cóc đực thì con cóc cái đẹp nhất. Loài khỉ cũng vậy. Đối với chúng, loài người là một sinh vật thật xấu xí. Không có đuôi này, không có lông, đi đứng vụng về chậm chạp, thịt da trắng bệnh bệch, không biết làm sao để kiếm ăn, sống chui rúc trong những cái hộp, và nhất là "bắt chước như người" (people see, people do).

Biết đâu trong loài khỉ cũng có nhà học giả Darwin đưa ra giả thuyết rằng: ngày xưa con người sinh ra yếu đuối, không có lông, sống trong hang động, đi đứng lòng không. Nhờ luật tiến hóa của thiên nhiên, loài người tự thích ứng và biến dạng. Toàn thân mọc lông để che chở trước cái nghiệt ngã của khí hậu, biết leo trèo nhanh nhẹn để kiếm sống, mọc đuôi để leo trèo được thăng bằng hơn, vừa làm vật trang điểm cho thêm duyên dáng. Thay vì sống chui rúc trong hang, loài người tiến dần vào rừng hòa mình với thiên nhiên và trở nên đẹp đẽ như... loài khỉ ngày nay. Trong khi đó, không thiếu gì người không theo kịp đà tiến hóa, vẫn giữ thân hình xấu xí và sinh sống trong những cái hộp xây cất nơi thành thị. Loài người chỉ mọc lông được vài chỗ trên cơ thể, đặc biệt nơi chóp đầu có một túm lông, loài người rất quí, bầy đặt uốn, ép, sấy, nhuộm cho thêm đẹp.

Đọc đến đây, có lẽ một số độc giả cho rằng tác giả đã phịa một cách quá đáng. Nói có sách, mách có chứng, quí vị không tin, cứ xem loạt phim "Planet of the apes" thì rõ. Trong phim các nhà bác học khỉ cũng đi săn bắt loài người, đem về nhốt vào lồng sắt để nghiên cứu như chúng ta nhốt khỉ ở sở thú vậy.

Người ăn khỉ

Trở lại chuyện loài người, tuy yếu đuối hơn các loài vật khác, nhưng nhờ trí óc khôn ngoan, xảo quyệt nên làm chủ vũ trụ, khai thác triệt để tạo vật chung quanh để phục vụ cho bản thân mình, nào là phá rừng là nơi sinh sản của loài khỉ để trồng hoa mầu ruộng rẫy, cướp sữa của bò con, lấy trứng của gà mẹ, bắt các loài súc vật to lớn như trâu bò ngựa làm nô lệ, nuôi thú vật và săn bắt cả người anh em khỉ về ăn thịt hoặc bắt làm xiếc.

Món óc khỉ được coi là trân quí hơn cả. Từ Hi Thái Hậu, trong bữa tiệc kéo dài ba ngày liên tiếp khoản đãi phái đoàn ngoại giao các nước Âu Tây đã đưa ra món óc khỉ đặc biệt. Những con khỉ được nuôi và chăm sóc kỹ lưỡng bằng những thức ăn bổ dưỡng, rồi cho mặc quần áo như người và mang tên những tên gian thần độc ác trong lịch sử Tầu như Tần Cối, Tần Thủy Hoàng, Tào Tháo v.v. được nhốt trong những chiếc lồng chật hẹp, chỉ vừa chỗ để đứng lom khom. Trên nóc chuồng có khoét một lỗ tròn, mà vì lồng quá chật nên khỉ phải nhô nửa đầu vào lỗ hổng ấy. Khi từng chiếc lồng được đặt trước mặt khách quý, người cũng như khỉ chưa hiểu ất giáp gì, thì một viên quan tuyên đọc tội ác của những gian thần mà con khỉ mang tên, rồi một tên quân hầu nhanh nhẹn vung dao phạt ngang phần sọ dừa con khỉ. Sau đó khách được hướng dẫn đổ nước dùng nóng sôi vào sọ dừa khỉ rồi dùng muỗng múc óc ra ăn tái, cho đại bổ. Vua quan Tầu vừa húp sì sụp, vừa khen "hẩu, hẩu" rối rít, báo hại quan khách Tây Phương ớn muốn chết mà vẫn phải ăn một cách rụt rè.

Thịt khỉ dai nhách, không ai ăn, kể cả các bợm nhậu, lâu lâu được cho trẻ em ăn cho hết sài đẹn, kinh phong. Xương khỉ nấu thành cao gọi là "cao khỉ" lại được ưa chuộng, bổ máu, bổ gân, chữa chứng tê thấp. Trong nhà Phật có kể chuyện loài vượn, (có họ hàng với khỉ) tình mẫu tử rất thắm thiết. Khi vượn mẹ bị trúng tên, nó hú gọi vượn cha tới, trao con cho chồng bồng đi rồi mới buông tay ngã xuống. Thợ săn mổ thịt mới hay ruột nó đứt thành từng khúc vì đau xót cho con mồ côi mẹ, không ai chăm lo cho bú mớm "như vượn thương con đỏ, khúc khúc đoạn can trường" đó là xuất xứ của thành ngữ *đoạn trường* trong văn chương (đoạn trường tân thanh chẳng hạn).

Khỉ ăn người

Thật ra khỉ là loài ăn uống thanh tịnh, nhỏ như khỉ đàn, to lớn như dã nhân, chỉ ăn rau cỏ, hột, vỏ cây... đôi khi ăn một vài sâu bọ nhỏ (trừ loài khỉ đột chimpazees) biết săn hươu nai còn nhỏ, lợn lòi hoặc khỉ con, xé xác ra ăn, nhưng rất hiếm xẩy ra) nói chi đến ăn thịt người.

Thế thì tại sao lại có tiểu đề trên. Xin thưa: chỉ cốt đối với tiểu đề "người ăn khỉ" cho cân và đồng thời gây tò mò cho độc giả mà thôi.

Đáng ngạc nhiên hơn cả là loài dã nhân to lớn là thế, bộ tướng hung dữ, dễ sợ lại chỉ ăn toàn lá, vỏ cây, chút ít trái cây để sinh tồn... Khi mới đẻ, chúng cân nặng chừng 4 pound (1 kí 8), mười năm sau, dã nhân cân nặng tới 350-450 pounds (160-200 kí) cao khoảng 1.7 mét. Sức rất khoẻ có thể xé xác con báo thành hai mảnh, nhưng chúng rất hiền lành, không gây sự với người, chỉ

muốn tránh xa cho được yên thân.

Tuy nhiên cho tới vài chục năm gần đây, người ta vẫn lầm tưởng loài này hung dữ. Đó là nguồn gốc của câu chuyện đười ươi VN cũng như huyền thoại về KingKong bên trời Tây. Thức ăn chính của dã nhân là cỏ, rau, dây leo, vỏ cây. Mỗi ngày trung bình tiêu thụ 60 pounds (27 ký). Phải chi con người ta ăn cỏ và lá cây rừng mà vẫn sống khoẻ mạnh như dã nhân thì sướng biết mấy, điều này chắc quí vị đi tù CS ước mơ nhiều nhất, tha hồ trốn trại vì chuyện mưu sinh trong rừng đã trở thành quá dễ.

Khỉ học chữ

Đúng ra phải nói là dã nhân (gorilla) mới đúng, vì nó giống người hơn cả, lại thông minh nhất. Giới khoa học cố gắng dạy nó nói, nhưng sau nhiều thất bại đành chịu thua. Không nản, người ta lại dạy dã nhân học bằng cách ra dấu. Ngôn ngữ này gọi là Ameslan (American Sign Language). Năm 1972 nhà thiên nhiên học Penny Patterson tại đại học Stanford, California, đã huấn luyện KoKo, con dã nhân mới được 10 tháng tuổi, tập truyền thông với loài người bằng dấu hiệu Ameslan, giống người câm, điếc xử dụng thủ hiệu vậy. Được ba tuổi KoKo nhớ khoảng 180 thủ hiệu. Năm sáu tuổi (tuổi trưởng thành của loài này) KoKo biết 500 thủ hiệu, dư sức giúp nó nói chuyện với huấn luyện viên hàng ngày. Đôi khi KoKo còn biết khôi hài và nói dối nữa. Một hôm nó xin Patterson cho phép nó nuôi một con mèo làm bạn. Thử tưởng tượng một con dã nhân 400 pounds đùa giỡn với một con mèo bằng nắm tay, ai cũng sợ nó làm con mèo bị thương hoặc hứng chí lên dám sơi tái con mèo. Nhưng không, KoKo đùa chơi rất nhẹ nhàng với người bạn bé nhỏ mà nó đặt tên là Ball. Ít tháng sau, con mèo không may bị xe cán chết. KoKo rất buồn và khóc. Cuối cùng nó ra dấu "Mèo ơi, hãy ngủ yên." (Sleep, cat).

Khỉ mắc hàm oan

Nói về khỉ mà quên không minh oan, phục hồi danh dự cho họ hàng nhà khỉ thì quả là điều bất công. Thử hỏi bất cứ một hướng đạo sinh nào, Đông cũng như Tây, về tính tình loài vật sống trong rừng xem họ trả lời ra sao.

Chắc chắn chó sói đứng hàng đầu vì đức tính sống theo đàn, có kỷ luật, có tinh thần hợp quần, có chỉ huy và có tôn ty trật tự... Do đó mới có danh từ: sói, sói con, "den mother"... Sau đó là các loài vật khác, tùy đức tính bầy, đàn được dùng để đặt tên cho tổ, cho nhóm nhỏ hơn, cho cá nhân. (3)

Nhưng khỉ thì hoàn toàn bị loại khỏi danh sách. Dưới mắt hướng đạo sinh, khỉ là con vật ồn ào, ham chơi, phá phách, vô kỷ luật.

Quả là oan Thị Kính. Ồn ào thì có, nhưng vô kỷ luật thì không. Những sinh vật nhẩy nhót luôn chân, khọt khẹt, đùa giỡn, kiếm ăn trên vòm cây, mới trông qua tưởng là vô kỷ luật, mạnh ai nấy

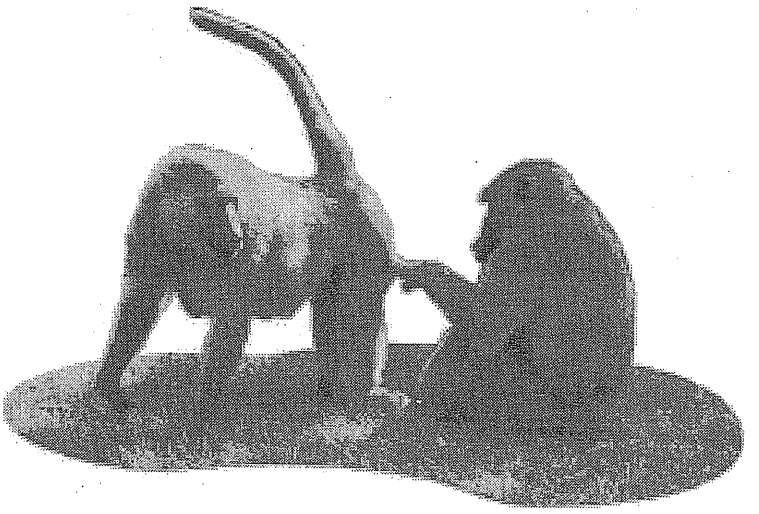

sống, muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm, thực ra đang sinh hoạt trong một cấu trúc xã hội rất cao, có kỷ luật, có tôn ty thứ bậc đâu ra đó.

Thông thường đoàn khỉ gồm từ 20 đến 40 con, đứng đầu là con khỉ đực to lớn, mạnh khỏe nhất và khôn ngoan nhất. Thứ đến là cỡ 10 đến 15 khỉ cái, 2/3 số này đang nuôi con, cộng thêm thêm lớp khỉ nhi đồng độ năm, bảy con, mới lớn được vài ba năm còn quanh quẩn bên mẹ và chót hết là mươi chú khỉ đực choai choai. Khỉ chúa có uy quyền rất lớn, nó quyết định khu vực kiếm ăn, hướng di chuyển của đàn, giờ ăn, giờ ngủ... Chỉ cần một cái quắc mắt hoặc nhe răng đe dọa là lũ con nít đang nô giỡn ồn ào phải im bặt, lũ choai choai đang đánh lộn giành ăn cũng phải ngừng. Rất ít khi nó phải ra tay trừng trị, tuy nhiên kỷ luật vẫn được duy trì, cấp bậc trong đàn vẫn được

tôn trọng. Trách nhiệm lớn nhất của nó là bảo đảm an ninh, sự sống còn cho cả đoàn. Nó dùng kinh nghiệm, sự khôn ngoan để tiên đoán, khám phá những nguy hiểm đang rình rập, báo động cho lũ khỉ cái và khỉ con kịp thời chạy trốn. Lúc bình thường nó dẫn đầu, nhưng khi có biến, nó và lũ khỉ đực choai choai đi đoạn hậu để bảo vệ đàn, chống lại kẻ thù.

Khi cả đàn đang bận rộn kiếm ăn, nó cắt đặt vài con canh gác vòng ngoài, cũng như chính bản thân nó, thường ngồi trên ngọn cây cao, với nhiệm vụ kiểm soát tổng quát.

Một ngày hoạt động của đàn khỉ bắt đầu từ lúc hừng đông. Khỉ chúa dẫn đàn đến một địa điểm có hoa trái trong mùa để kiếm ăn. Cả đàn tản mát trong một khu vực rộng lớn, tìm trái, hái lá non, bẻ đọt, bắt sâu bọ, trứng chim hay chim non trong tổ, vừa di chuyển theo khỉ chúa. Tiếng khọt khẹt ồn ào là phương tiện thông tin để khỏi lạc nhau. Kiếm ăn độ ba tiếng, đàn khỉ nghỉ ngơi theo lệnh khỉ chúa, hoặc ngủ trưa, hoạc phơi nắng, bắt chấy rận cho nhau. Khoảng hai tiếng sau, đàn khỉ lại lên đường. Rau lá ít chất bổ dưỡng nên chúng phải tiêu thụ một số lượng nhiều, do đó suốt ngày chúng bận rộn kiếm ăn. Chiều tàn, khỉ chúa lựa một địa điểm an toàn để ngủ đêm. Mỗi con tự hái lá, bẻ cành làm thành chiếc ổ tạm thời trên cành cây. Ngày này qua ngày khác, đàn khỉ di chuyển thường xuyên, không ở một nơi cố định.

Chức vị chỉ huy hoàn toàn dựa trên sự khôn ngoan và sức mạnh của khỉ đầu đàn. Một ngày nào đó nó không còn đủ khôn ngoan để tránh lưới bẫy thợ săn, hay nanh vuốt của loài khác, cũng như già yếu không đủ sức mạnh chống lại kẻ thù, trong đám khỉ choai choai sẽ có một con mạnh khỏe lên thay. Không con nào có quyền là "tông tông suốt đời" như trong một vài xã hội loài người.

Khỉ đột hay dã nhân cũng có cơ cấu tổ chức tương tự, tuy nhiên đàn thường ít hơn, chừng 10 đến 15 con. Bà Diane Fossey, nhà thiên nhiên học, dành suốt đời theo dõi và ghi chép đời sống loài dã nhân trong môi trường thiên nhiên tại Phi Châu, cho hay dã nhân sống chung rất hòa bình. Sau 3,000 giờ quan sát liên tiếp một đàn dã nhân, bà chỉ ghi nhận được năm phút ẩu đả, bạo hành mà thôi. Tương tự các loài khác, đám thanh niên thường xuyên nhòm ngó tranh giành chức vị chỉ huy khi có dịp, không ngần ngại thách thức, thử sức con đầu đàn. Thông thường đây chỉ là một màn biểu diễn sức mạnh, hù nhau kiểu rung cây nhát khỉ hơn là đánh nhau thật sự. Tuy nhiên nếu không tránh khỏi thì màn đánh nhau cũng ngắn ngủi, cốt xem ai mạnh ai yếu, ai xứng đáng được chỉ huy, chứ không phải thù hằn, ẩu đả đến chết hay tru di tam tộc kẻ muốn chiếm quyền hành của mình. Đây không phải tranh giành vì danh vọng, quyền lợi mà là luật đào thải thiên nhiên, chọn lọc kẻ mạnh khỏe, khôn ngoan nhất để truyền giống, bảo vệ sự sống còn của chủng tộc. Khi kẻ yếu chịu thua, bỏ chạy, cuộc thử sức kết thúc. Không có tù đày, bắt bớ, hành hạ dã man như trong xã hội loài người.

Dữ tợn như hổ báo, chúng chỉ giết vì phải ăn để sống, hoàn toàn không vì thú vui giải trí như loài người (săn bắn) và đặc biệt trong muôn loài chỉ có con người có khả năng giết đồng loại. Ngoài những án mạng lẻ tẻ xẩy ra trong xã hội hàng ngày vì hận thù, tiền tài, danh vọng, ghen tuông, con người còn gây ra những cuộc chiến tranh thảm khốc tiêu diệt biết bao sinh mạng nhân danh chủ nghĩa chính trị, tôn giáo, quyền lợi và trớ trêu thay kẻ chiến thắng được ca tụng như những vị anh hùng. Loài người vẫn tự nhận là sinh vật thượng đẳng, thông minh, sống trong một xã hội văn minh, trật tự, công lý, liệt các loài khác vào hàng hạ đẳng, nhưng ngẫm lại, nhiều cái của thượng đẳng chưa chắc đã bằng hạ đẳng!

Năm Giáp Thân, phiếm luận đôi hàng về con giáp cốt mua vui cho bạn đọc trong giây lát. Một năm mới đến là một hy vọng mới, một vận hội mới, dù khỉ hay không khỉ cũng vậy, phải không quí bạn. Xin chúc quí độc giả vạn sự cát tường thịnh vượng, quê hương sáng sủa hơn năm qua.

Chú thích

(1) Vì một câu mắng mà mất một mạng người. Thời Hán Sở tranh hùng, một viên quan của Sở Bá Vương Hạng Võ, có bất bình điều gì đó khi vào chầu Hạng Võ. Trên đường về, ông mắng một mình "đồ con khỉ đội mũ," ám chỉ Hạng Võ xuất thân võ biền, quê kệch vụng về trong lớp áo đế vương. Có kẻ làm "ăng ten" mách với Hạng Võ, thế là viên quan bị bay đầu. Rõ là vạ miệng.

(2) Một người buôn mũ đi qua khu rừng nọ. Anh ta dựa gốc cây ngủ quên. Giật mình tỉnh dậy anh thấy đàn khỉ ăn cắp hết số mũ, đang đội trên đầu, chạy giỡn trên cây. Anh đuổi theo hò hét, la lối để chúng sợ mà trả lại, nhưng vô hiệu. Không biết làm sao, anh tức mình vì đã ngủ quên, nên lột mũ đang đội trên đầu vứt xuống đất. Đàn khỉ vẫn quan sát hành động của anh, thấy thế cũng ào ào vứt mũ xuống. Thế là anh bán mũ thu hồi đủ số mũ. Hú hồn.

(3) Voi cần mẫn, gấu nhiệt thành, sóc vui vẻ, ong siêng năng, báo khiêm tốn, hoẵng nhiệt tâm, gà rừng tếu, sư tử đảm đương, cò du ca, hà mã siêng năng v.v.

Chú tiểu chùa Báo Quốc

LKM

Bài viết này dành cho những người Việt Nam có dịp đi ra nước ngoài, kể lại một trong muôn vàn chuyện thật ở Việt Nam mà do sống lâu năm trong nước, bạn không nhìn ra.

Nó giống như khi sống lâu năm với một cái gì, dù xấu hay tốt, thì mình cũng quen đi, không nhìn rõ bản lai diện mục của điều ấy.

Nó giống như đồng bào mình ở đồng bằng sông Cửu Long, đã quen 'sống chung với lũ,' chứ không nghĩ đến nguyên nhân, và phương cách khắc phục lũ.

Nó giống như đồng bào mình ở Huế, bây giờ quen nói 'chừ nước sông Hương đục ngầu en nợ,' chứ không nghĩ đến nguyên nhân làm nước sông Hương thôi trong.

Nó giống như những người ngày ngày đi qua Văn Thánh Huế, nơi có bia tiến sĩ của triều đình Huế, đã quen với cảnh cửa đóng then gài và hoang tàn đổ nát, không thấy đau lòng phế tích.

Nó giống như bạn nhìn không ra, vì không biết, cách Văn Thánh nửa cây số là chùa Linh Mụ, nơi mà có dịp đến Huế ai cũng đến thăm. Nhưng không biết đi sâu ra sau tháp bảy tầng, tận phía sau, đi qua một nghĩa trang, là chùa Phước Duyên, nơi đó Thượng tọa Thích Thái Hòa không được bước ra khỏi khuôn viên chùa bé nhỏ.

Nó giống như Huế cuối năm lúc nào cũng mưa, bạn đã quen rồi. Ừ thì Huế, câu chuyện này xảy ra ở Huế lúc cả nước đang bừng lên vì hãnh diện được tổ chức Seagames.

*

Từ bên này đèo Hải Vân, Nam Ô, mưa đã tầm tã. Lên đến đỉnh sương mù sà thấp che tầm nhìn xuống biển. Rồi cứ lai rai, ì ì, và liu riu mưa cho đến Huế. Cũng không lạ cơn mưa cuối năm ở thành phố nổi tiếng nhiều thứ này, trong đó có mưa, và Phật giáo.

Mấy ngày này, báo và ti vi liên tục phát thông báo của Nhà nước phản kháng Nghị quyết HR 427 của Mỹ và nghị quyết của Nghị viện châu Âu về tình hình đàn áp tôn giáo tại Việt Nam. Tuyên bố bác bỏ hai 'nghị quyết sai trái' này đưa ra khi Quốc hội đang họp, truyền hình trực tiếp chiếu một tu sĩ Phật giáo, đại biểu tỉnh Thừa Thiên Huế, đứng giữa Ba Đình ca ngợi tự do tôn giáo ở Việt Nam (mà ông là một bằng chứng... sống và động vì ông là thầy tu nhưng vẫn được nghênh

ngang đứng giữa hội trường Ba Đình).

Tôi thật sự nghi ngờ không biết đó có phải là biểu hiện của nền văn hóa tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc hay không. Rằng khi sống lâu năm với dối trá và sự hung dữ thì con người, thường thường là, không biết ngượng. Nếu bạn từng tự hào mình là một dân tộc có lịch sử mấy ngàn năm, tự hào là bất chấp những khó khăn 'khách quan' nhưng kinh tế mỗi năm cứ tăng trưởng đều đều và đều đều, thì không chừng bạn thuộc vào thành phần không biết ngượng. Nghĩa là bạn cũng như bà Bộ trưởng Lao động, Thương binh và Xã hội cực kỳ hớn hở bắt tay Bộ trưởng Mã Lai sau khi ký Bản ghi nhớ xuất khẩu lao động qua xứ Mã. Bạn có thấy tím mặt thay bà Bộ trưởng vì xấu hổ không, khi mình phải xuất người qua một nước Đông Nam Á, ăn xin cái nước 'ăn bốc' mà người Việt mình vẫn có truyền thống coi thường.

Cho nên khi mà 'mặt sao dày gió dạn sương' đã lên tới hàng Trung ương Ủy viên, thì cũng nên thông cảm với vị thầy tu chân yếu tay mềm. Tôi thật sự tin 'ổng' biết mình đang phạm giới 'vọng ngữ' và 'báng Tăng khinh Phật' khi đứng giữa Ba Đình lên án 'anh em' đồng đạo, 'ổng' không làm gì khác được và cuối ngày, không chừng sẽ lâm râm đọc kinh sám hối. Nhưng quan trọng nhất là ông muốn được càng nhiều người càng tốt, tin rằng ông là một người nói dối. Cả người nói và người nghe đều biết rằng những gì mình phát ra là dối trá, những gì mình nghe được cũng là dối trá, sống chung với nhau như thế riết rồi người ta cũng quen đi, giống như quen sống chung với lũ.

Cái ồn ào nơi hội trường Ba Đình, sự náo động của Sài Gòn Đà Nẵng lịm đi khi chân bước dưới con mưa dầm của Huế. Quả thật nếu là tâm trạng của du khách thì Huế có một vẻ quyến rũ dịu dàng. Thành nội trầm trầm u uẩn. Những dòng người đạp xe thong thả. Những hàng cây im im dưới bầu trời xam xám chợt như lừng khừng mỏi mệt và rã rời từ lâu lắm rồi. Huế không có gì lạ nơi những con đường nhỏ, rất nhỏ, rất đìu hiu ở khu Gia Hội dù đã có thêm một cây cầu lớn vượt chợ Dinh bắt qua sông Hương đến tận ngõ vào làng An Truyền. Huế với con đường cong nhỏ lượn theo sông Hương từ cầu Bạch Hổ lên Linh Mụ, qua Văn Thánh, đến Huyền Không tự trong leo lét ánh đèn và những vũng nước ổ voi trước những cổng tam quan cũ kỹ của những phủ vương hầu khanh tướng. Huế buồn muôn thuở, cái buồn im lặng đến não lòng.

Nhờ lạc đường tôi đến chùa Trúc Lâm trong sáng sớm. Trước con đường chính đạo dẫn vào chùa là một hồ rau muống rộng, uốn cong theo thế đất xây chùa, trên hồ có cái cầu gỗ nhỏ vừa một người đi bắt ngang. Trên mặt hồ bên trái, các thầy đặt một tôn tượng Thích Ca khoác y vàng đứng trên một bệ tròn nổi cao hơn mặt nước chừng nửa thước. Đức Phật cúi xuống dìu đỡ một đệ tử đang quỳ gối, đầu ngẩng lên cung kính van xin. Trước màu xanh của những hàng thông xa xa trên đồi, giữa nước hồ, giữa những màu xanh của những chiếc lá rau nho nhỏ, màu áo vàng bật lên ấm áp và sống động, một nơi yên bình giữa một thành phố yên bình, không một tiếng động, không một bóng người, không một chú tiểu, không tiếng tụng kinh, cửa chùa đóng, thấp thoáng những bảo tháp và bia đá ghi công đức của các thầy trụ trì. Một ngôi chùa được ghi trong bản đồ du lịch. Im lặng quá. Dưới một cụm thông cao sừng, trên một bệ thờ cao, tượng đức Phật nhập Niết bàn nằm nghiêng, ngó xuống những phần mộ lành lạnh.

Mãi tối hôm đó gặp một Phật tử thường xuyên ở một ngôi chùa khác nói, tôi mới biết Trúc Lâm đang nằm trong tầm ngắm của công an. "Mô có ai tới đó," người Phật tử đã trọng tuổi nói. Lúc ở đó, tôi thật sự không có cái cảm giác bị ai theo dõi mặc dù vẫn cảnh giác vì tình hình Phật giáo ở Huế, thật sự đang có một sự sôi động trong cái bề ngoài yên ả. Tôi cứ nhẩn nha đọc hết các bi ký ghi lịch sử ngôi chùa, công đức của các thầy trụ trì đã tạ thế,hay nhất là tấm bia ghi đầy đủ công đức của Đức Tăng thống với dòng chữ lớn "Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất," giáo hội mà theo đúng ngôn ngữ của Nhà nước Việt Nam, là "hiện nay chỉ là tập hợp của một nhóm người nuôi dưỡng những động cơ chính trị, chống lại lợi ích dân tộc và thể hiện tham vọng cá nhân. Họ ngang nhiên vi phạm pháp luật hòng gây đối đầu, chia rẽ tín đồ Phật giáo và do đó những người này hoàn toàn bị cô lập trong lòng cộng đồng Phật giáo và cộng đồng dân tộc Việt Nam" (*Tuổi Trẻ* 26.11.2003).

"Một nhóm người" thì không thể "thể hiện tham vọng cá nhân." Hai cụm từ mâu thuẫn và chỉ chứng tỏ một sự lúng túng của chính quyền trong việc kết tội. Họ cố gắng đưa cộng đồng dân tộc nằm trong và nằm chung với Giáo hội Phật giáo Việt Nam (dựng lên từ năm 1981), và Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) là một nhóm người... cá nhân. Đó là một lối lý luận không biết ngượng (giống như bộ mặt hớn hở của bà Bộ trưởng xin được xuất

người qua Mã Lai), cho nên tội nghiệp. Điểm đáng khen trong lời buộc tội trích dẫn ở trên, là chính quyền nhấn mạnh chữ "hiện nay," nghĩa là không thể và không cách nào phủ nhận GHPGVNTN trước này, ít nhất cũng là trước năm 1981 khi bộ Chính trị quyết ra tay 'thống nhất' Phật giáo theo kiểu đưa súng đạn vào để thống nhất Việt Nam.

Nhưng càng dối trá càng sơ hở. Nếu đã bảo chỉ có "GHPGVNTN hiện nay" mới là một nhóm người đầu cơ chính trị, thì đương nhiên trước đó 'cái nhóm người đó' không phải như thế. Tức là chỉ sau khi họ bị khai tử họ mới thành 'hiện nay.' Nhưng GHPGVNTN chưa bao giờ tự khai tử. Như các tôn giáo khác, Phật giáo kiêng... tự sát! Coi đó như một phương cách trốn nghiệp ngu xuẩn, một cách chạy trốn chính cái bóng ngã của mình.

Nhưng sẽ lầm lẫn hơn nữa nếu cứ loanh quanh phân biệt giữa hai tổ chức có và không có chữ 'thống nhất.' Tôi phải nói kỹ kỹ một chút chỗ này vì chắc bạn chưa phân biệt được sự khác nhau giữa hai giáo hội.

Trên tất cả, không phải GHPGVNTN là một thực thể đối lập với với Giáo hội Phật giáo Việt Nam bởi vì tổ chức nào dù lớn cách mấy cũng không bao giờ đại diện hết tất cả. Ngay cả cái tổ chức duy nhất thể hiện 'ý chí và nguyện vọng của nhân dân' cũng không phải đại diện cho cả nước nếu bạn tổ chức được một cuộc thăm dò dư luận khách quan như kiểu các công ty thăm dò thị trường trước khi tung ra 'hàng Việt Nam chất lượng cao.'

Vậy thì, những loay hoay so sánh giữa một bên là GHPGVNTN, và một bên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam (không có chữ 'thống nhất' tức tổ chức do chính quyền dựng đại ra), chỉ khiến cho tình hình đàn áp thực sự về tôn giáo, và Phật giáo, ở Việt Nam bị thu hẹp. Nhà nước độc tài, và cả những người chống độc tài, sẽ bị đánh lạc hướng nếu đồng hoá GHPGVNTN là Phật giáo đồ Việt Nam, chứ không phải là đại diện của tổ chức tự nguyện. Sự thật là, có hay không có GHPGVNTN hiện nay thì Phật tử ở Việt Nam vẫn đang bị đàn áp tinh vi và nghiêm trọng. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, do đó, là một biểu tượng cho những Phật tử đang bị hành hạ và hành hung. Người Phật tử luôn chống cái ác, cho nên khi chống lại cường quyền, chống lại những cô lập bằng bạo lực, chống lại những đe dọa tinh thần, thì không phải vì họ là người của GHPGVNTN. Mà là sự cần thiết phải đứng chung trong một tổ chức tự nguyện để tạo sức mạnh cho dự án chung dễ thành công hơn.

KHÁNH HÀ

Mùa Xuân Tiếng Quạ

Trên cành thông chênh vênh
Con quạ đứng một mình
Ngẩng nhìn trời ngơ ngác
Buổi sáng thu bàng bạc
Xao xác lá vàng bay

Đâu rồi con quạ nữa
Đôi quạ thường quẩn quanh
Rủ rỉ đậu trên cành
Rù rì sà xuống đất
Chia nhau một miếng mồi

Hai con quạ bạc đầu
Chia nhau bao ngày nắng
Chia nhau bao ngày mưa
Gọi nhau vang rừng vắng
Đầm ấm những mùa xưa

Khi mùa xuân trở lại
Con quạ vẫn một mình
Mặt trời soi bóng lẻ
Khản cổ gọi bạn tình
Giữa trời đất lặng thinh.

Nhiều Phật tử ở Huế cũng bị đánh lạc hướng dưới mưa tuyên truyền của chính quyền. Khi nói đến những ngôi chùa bị theo dõi, khi nhắc tên các thầy bị đàn áp, thì họ nói một cách đơn giản là do 'các chùa đó không thuộc giáo hội,' quên mất cái cốt tủy là không phải ngôi chùa đó, không phải chỉ riêng các thầy đó, mà là Phật giáo bị đàn áp, tôn giáo bị đàn áp.

Sự đàn áp ấy, dù tinh vi đến đâu, vẫn thấy được.

Khi quyết định đi đến chùa Báo Quốc, không phải tôi chỉ muốn coi 'chính quyền hành các thầy' ra sao, mà thực ra muốn chia sẻ một cách nào đấy với Hoà thượng Thích Thiện Hạnh, trụ trì chùa Báo Quốc, và các thầy khác, đang bị cô lập trong đó. Đó là một ý tưởng lãng mạn bởi tôi chẳng muốn vào... ở chung với các thầy. Tôi cũng không đủ can đảm để tuyệt thực như thầy trụ trì.Tôi chỉ có một lời nói thầm, một lời nguyện, tự thâm tâm phát lên thật mạnh mẽ: Con xin đứng ngoài cửa chùa, cung kính đảnh lễ các thầy. Con kính lạy thập phương chư Phật gia thêm sức mạnh cho các thầy.

Tôi ăn mặc như một 'Tây ba-lô,' máy ảnh cầm tay, lò mò đến cổng Báo Quốc. Từ ngã ba của con đường đất rẽ vào chùa, có mấy anh xe ôm nhìn nhìn, cất tiếng mời. Tôi biết các anh xe ôm ấy đang nhìn theo khi tôi đứng dưới các bậc thềm cấp, ngẩng đầu lên nhìn cổng tam quan rêu phong, cũ kỹ. Một chú tiểu tóc để chỏm, mặc bộ áo lam, đang cầm chổi rành quét thềm cấp trước cổng. Tôi bấm hàng loạt pô ảnh, rồi lững thững vừa đi vừa ngắm cảnh, bước qua cổng phụ. Trước sân, có ba đứa trẻ đang chơi nhảy lò cò. Dãy nhà bên phải, mấy năm trước tôi ghé qua nghe tiếng niệm Phật vang lên trước giờ học pháp của các thầy, bây giờ cửa đóng then gài, vắng ngăn ngắt. Chính điện đóng cửa, nhưng ngay trước cánh cửa đóng, có một cô gái độ trên hai mươi đang ngồi dựa lưng vô tường, cúi đầu đọc sách. Tôi chỉ hơi nghi đó là một công an chìm, nhưng thấy cô chỉ ngẩng đầu lên nhìn rất nhanh, rồi lại cúi xuống, thỉnh thoảng mới ngừng đọc, ngửng đầu lên, rồi lại cúi xuống trang sách. Cô ta không phản ứng gì, và tôi hơi yên tâm, từ từ tạt qua mé trái, bước sấn vào hông chùa.

Liền lập tức, từ khuôn viên nhỏ thờ Phật Quán Âm phía trái chánh điện, xuất hiện một thanh niên. Anh ta có vẻ hơi bất ngờ khi thấy có người lạ xuất hiện. Tôi thoáng thấy anh ta dợm đứng lên rất nhanh, xong ngồi ngay xuống, lật một tập vở học trò ra, nhưng rõ ràng là ánh mắt bám sát từng cử chỉ của người mới đến. Cái vẻ lúng túng của anh ta khi thấy tôi vẫn cứ tiến sâu vào hông chùa cho thấy đó là một công an chìm hạng xoàng, và rất dễ để kết luận đó là một công an chìm vì tôi đi đủ gần để thấy tập vở của anh ta chỉ toàn giấy trắng. Anh ta cúi xuống đọc... giấy trắng! Phía bên trái tôi, nếu kéo một đường thẳng từ gã công an này, khuất sau một tấm bia, và trên thành mộ, một cô gái cũng đang ngồi đọc... giấy trắng. Vô hình chung tôi đứng giữa hai cớm chìm. Cả hai người đều ngửng lên nhìn, rồi cúi xuống. Tôi đến đủ gần để thấy mắt họ lúng túng dò xét. Tôi mỉm cười với anh ta, nhưng anh ta không cười mà cúi xuống tập giấy trắng. Tôi bấm vài pô ảnh cho có, thoáng thấy bóng một vị thầy mặt áo lam sau hậu liêu. Đúng lúc đó, nơi chỗ cô gái mà tôi gặp đầu tiên ngồi ở cửa chánh điện, xuất hiện thêm hai người nữa, không biết từ đâu. Rõ ràng họ đã được báo động một cách nào đó. Và bây giờ họ có tất cả năm người, khéo làm sao lại ngồi tuy cách nhau vài thước, nhưng lại vừa một hàng ngang thẳng tắp nếu kéo một đường thẳng từ cửa chánh điện sang bên trái.

Tôi bấm thêm vài pô ảnh, từ từ lui ra. Ba đứa trẻ chơi lò cò trước sân đã biến đâu mất. Có thể chúng là người đi báo tin cho hai người mới đến tiếp viện nơi cửa chánh điện.

Ra tới ngoài cổng, chú tiểu vẫn đang quét lá. Nếu không có cái cảm giác căng thẳng thì đúng là một hình ảnh đẹp theo kiểu truyền thống. Cán chổi cao quá đầu, chú đứng nghiêng nghiết quét lá, không nhìn ai, đôi mắt chú thật buồn.

Nếu bạn là người hãnh diện với đất nước mình, bạn có ngượng không khi nghe chủ tịch Quốc hội tuyên bố không có áp bức tôn giáo, và nơi chùa Báo Quốc có những công an thường phục ngồi canh.

Tôi ngượng cho ông chủ tịch.

Tôi ngượng cho đất nước mình.

Và tôi tin rằng khi bạn bước ra khỏi nước, dù chỉ là vài ngày trong một chuyến du lịch trọn gói, nhìn thấy xe cộ lao xao nơi xứ người, nhìn thấy những thương nhân tất bật lo toan nơi những khách sạn 'chất lượng cao,' bạn sẽ không thể tin nổi là tại sao có một nơi gọi là Việt Nam, nơi mà vài ngày nữa bạn sẽ trở về, lại có những cổng chùa im vắng não lòng.

Tôi chúc bạn có một nỗi buồn như đôi mắt chú tiểu chùa Báo Quốc.

30.11.2003

MƯA ĐÊM CUỐI NĂM

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

1975 - Năm đó tôi gặp lại anh thật bất ngờ. Đúng vào cái buổi sáng đầu tiên tôi đặt chân lên đất Mỹ. Chiều hôm trước chúng tôi được chuyển đến một trong bốn trung tâm tiếp cư cho người tỵ nạn, trại Indiantown Gap thuộc tiểu bang Pennsylvania. Sáng sau tôi đến Processing Center lập thủ tục nhập trại. Chúng tôi ở barrack số 8. Từ đó đến khu Trung Tâm tôi phải cuốc bộ khá xa, trên một con đường có hàng cây phong thâm thấp trồng rất thẳng hàng. Bên trái là dãy mess halls một từng nền xi-măng nhô cao mái màu xanh lá cây dùng làm phòng ăn cho dân tỵ nạn. Bên phải là bãi cỏ trống rất rộng hình như là sân banh của trại lính. Tuy là tháng sáu mùa hè nhưng sáng hôm đó trời cũng lành lạnh như đã vào thu. Khi đi qua cánh đồng cỏ trống tôi hít thở không khí của nước Mỹ và cảm thấy không khí nhẹ tênh. Một con sóc từ trên đùm lá phong thoăn thoắt đổ dọc thân cây, chạy băng mặt đường. Một con khác đứng cạnh thùng rác của barrack, nó đứng thẳng trên hai chân sau đang gậm nhấm thức ăn bằng hai chân trước, đôi mắt lơ láo nhìn tôi thách đố. Hồi đó tôi không quen thấy cái dạn dĩ của những con thú hoang nên rất đỗi ngạc nhiên.

Làm xong thủ tục tôi đi lơ ngơ trong khu Trung Tâm nơi được xem là "downtown" của trại Indiantown Gap. Ở đây người tỵ nạn đông vô kể. Đông nhưng lại không ồn. Cố nhiên. Vui nhộn sao được những ngày tan tác ấy. Từng đám từng đám thầm lặng đứng xếp hàng. Đâu đâu cũng thấy xếp hàng. Tôi cũng tấp vào một đám đứng xếp không cần biết cái hàng này nó dẫn mình đến đâu. Nửa giờ sau khi đã lọt vào trong phòng tôi mới biết đó là nơi phát chẩn quần áo cũ. Mỗi người được chọn hai bộ. Tôi bước vào cái kho tôi tối dành cho đàn ông. Quần áo được móc tươm tất trên những giá cao đặt song song, giữa là lối hẹp người đi phải lách vai để tránh nhau. Tôi chọn cái sơ-mi ướm thử vào người. Không chắc ăn tôi lại đưa thẳng hai cánh tay ra trước căng cái áo ra ngắm nghía, vô tình tôi bước thụt lùi đụng mạnh vào đít một người đàn ông, chắc cũng đang lui

cui thử áo như tôi. Tôi quay hẳn người lại tính nói xin lỗi. Bỗng tôi kêu lên sửng sốt: "Trời! Anh Võ Phiến..."

1958 - Bút danh Võ Phiến tôi nghe đầu tiên từ cửa miệng thầy giáo tôi. Trong một chuyến du ngoạn ở Tây Ninh mười bẩy năm trước đó. Năm ấy tôi học lớp Đệ Tứ trường trung học Chu Văn An Sài Gòn. Cái tuổi còn mộng mơ. Giờ học tôi thường lơ đãng nhìn ngoài cửa sổ có cây phượng đại thụ thòng xuống chi chít những quả đen dài queo quắt. Nhưng vị thầy trẻ tuổi dậy môn Việt văn của chúng tôi lại cứ bắt tôi về với thực tế. Thực tế lại không hay ho gì lắm. Những ngày nóng bức từ nhà xí sát cạnh lớp một mùi khai khai thoảng nhẹ qua hoà vào những lời giảng thơ văn của thầy. Biết tôi là con một nhà văn tên tuổi, thầy cứ chắc mẩm là tôi phải xuất sắc về môn học của mình. Thầy không để tôi yên. Bình giải thơ Nguyễn Công Trứ xong thầy cho chúng tôi 20 phút viết phần dẫn nhập bài luận đề, thầy nói là sau đó thầy sẽ kêu tên một hai trò trong lớp đọc to cho cả lớp nghe và cho điểm. Nói xong thầy liếc xéo về phía tôi. Tự nhiên tôi có linh cảm chắc chắn thầy sẽ kêu tên mình. Thế là trong lúc hai thằng bạn ngồi cùng bàn Đỗ Diễn Nhi và Tạ Huy Sáng đánh cờ ca-rô thoải mái thì tôi hốt hoảng nặn bút viết. Mà viết phải cho hay để khỏi mất mặt ông cụ! Tôi nhớ là mình mới đọc có dăm câu: "Ảnh hưởng của tư tưởng Lão Trang trong nền thi giới nước ta..." tức thì ở dưới "đám nhà lá" đã có tiếng trầm trồ khen hay! Cái đám vờ vĩnh đó chúng khen xúi tôi để lần tới thầy lại tiếp tục gọi tên tôi nữa.

Cuối niên học, thầy Việt văn của chúng tôi hướng dẫn lớp Đệ Tứ B đi du ngoạn Tây Ninh. Chúng tôi lên đầy một xe buýt. Đến Tây Ninh chúng tôi leo núi Bà Đen và thăm thánh thất Cao Đài. Đó là chuyến du ngoạn duy nhất trong đời học sinh của tôi. Ngày hôm ấy theo lịch trình thì xe buýt phải quay lại đón chúng tôi lúc hai giờ trưa để về Sài Gòn nhưng không biết sao đến ba giờ cũng chưa thấy xe tới. Buổi trưa trời hè nóng gay gắt. Tôi mệt đừ ngồi bệt xuống vỉa hè đường dưới bóng mát hiếm hoi của hàng cây sao cao vút. Trên một khúc đường rộng đâm vào tòa thánh thất mấy chục học sinh với đồng phục quần xanh áo trắng đứng ngồi tản mạn từng đám. Bỗng thầy Việt văn lại gần, thầy ngồi xổm nói chuyện với tôi. Chúng tôi nói về sinh hoạt văn nghệ. Hồi đó ông cụ tôi đang chủ trương nguyệt san Văn Hóa Ngày Nay. Trong câu chuyện thầy vụt hỏi tôi: "Em đã đọc Đêm Mưa Cuối Năm chưa?" Tôi trả lời thầy là tôi chưa đọc. Thầy nói: "Em nên tìm đọc. Võ Phiến viết hay lắm!" Võ Phiến? Cái tên lạ hoắc!

1975 - Anh cũng sững sờ nhìn tôi lắp bắp: "Trời! Anh...Anh..." Chúng tôi bàng hoàng nhìn nhau không thể tưởng tượng gặp lại nhau trong cảnh huống này. Tôi chưa kịp hỏi thăm anh đã hỏi về hoàn cảnh tôi. Tôi nói là vợ con tôi đã đi trước bằng máy bay của cơ quan DAO. Còn chúng tôi, bốn quân nhân mà vợ con đã cùng nhau đi trước, đến sáng ngày 30 tháng 4 mới thoát ra nhà Bè lên tàu trong đường tơ kẽ tóc. Chúng tôi lạc vợ con cả tháng trời và gần đây mới biết là vợ con tất cả đang ở trại Pendleton, California. Còn anh anh cho biết là anh chị đi bằng đường máy bay cùng với người con gái út và anh chị có đứa con trai thứ ba đang du học ở bên Úc.

Thấy nói chuyện lâu trong phòng chật chội không tiện tôi rủ anh chốc nữa vào câu lạc bộ trong khu Trung Tâm uống nước. Chúng tôi tiếp tục lựa quần áo. Có tiếng anh than thở ở sau lưng: "Người mình nhỏ thó khó lựa quần áo quá! Được cái sơ-mi màu ưng ý thì lại rộng thùng thình. Cái áo nào vừa vặn thì màu sắc chim cò trông kỳ cục quá! Quần cái nào bụng vừa thì lại ngắn cũn ..." Tôi đáp: "Anh còn đỡ hơi tôi. Anh còn có chiều cao."

Vào câu lạc bộ chúng tôi ngồi vào một bàn trống. Không có ai bán cà-phê ở đây. Ở góc câu lạc bộ có mấy cái máy bán nước ngọt có vẽ cái chai Coca Cola. Nhìn cái máy "hiện đại" quá tôi không biết xử dụng thế nào nên chúng tôi đành nói chuyện xuông. Tôi nói với anh: "Anh biết không. Ngày chót ở Sài Gòn tôi tình cờ gặp Trần Phong Giao. Trên đường Trương Quốc Dung gần phi trường Tân Sơn Nhất. Thấy tôi anh quặt xe mô-bi-lét, nói với tôi gần như hốt hoảng: "Viên Linh đi rồi! Tôi thấy hắn ở phi trường." – "Thế hả?" Anh chồm tới, có vẻ lưu tâm. Tôi tiếp tục: "Lúc đó tôi vội vã quá! Vợ con chúng tôi đã lên máy bay rồi mà bốn chúng tôi còn ở lại. Lúc đó tôi chỉ có đúng 15 phút để về nhà từ biệt bà cụ. Tội nghiệp bà. Ông anh cả tôi từ bên Pháp đã gửi vé máy bay Air France cho bà cụ. Chuyến máy bay ngày Hai tháng Năm. Không kịp rồi. Bà cụ sợ. Nội cái tên bà Nguyễn Tường Tam..."

Nói đến đây tôi thấy trong mắt anh Võ Phiến lóe như có một làn điện giật. Tự nhiên người anh như bừng dậy. Anh rối rít. Tôi hiểu ra. Té ra sau nửa giờ nói chuyện với anh anh vẫn chưa nhận ra

tôi là ai. Là một người tế nhị anh không để hé lộ ra là anh không nhớ. Tôi sực nghĩ ra là từ lúc gặp anh mặc dù vồn vã anh ít nói hơn tôi và những câu thăm hỏi của anh chỉ có tính cách chung chung. Chắc hẳn là trước đó anh thấy tôi quen quen. Chắc hẳn là khi tôi nhắc đến Trần Phong Giao thì anh cũng đoán là giữa anh và tôi có tương quan văn nghệ. Nhưng anh không nhớ đích xác. Cho đến lúc cái tên của ông cụ được bật ra. Mà anh không nhớ cũng phải thôi. Trước đó tôi chỉ gặp anh có hai lần, hai lần đó cũng đã xa rồi. Còn tôi tôi nhớ ra anh ngay cũng không gì lạ. Bởi vì tôi mê văn anh đã từ lâu, lâu lắm. Phải nói một cách thành thực là hồi đó tôi mê đọc văn anh còn hơn là tôi đọc văn của chính ông cụ tôi. Bởi vì văn anh gần gũi với tôi hơn. Anh có cái nhìn sâu sắc của Nhất Linh, nhưng là một Nhất Linh nhìn vào đời thường của cái không gian chúng tôi đang sống.

Lúc đó cả anh và tôi đều không thể có bất cứ một dự tính gì về tương lai. Ngay cả một nơi để định cư cũng không biết chắc được. Nhưng chúng tôi đều biết là thế nào cũng phải liên lạc với nhau. Anh cho tôi địa chỉ người con của anh ở bên Úc. Tôi cho anh địa chỉ của ông anh tôi ở bên Pháp. Rồi chúng tôi chia tay.

1959 - Có tiếng chân bước lên cầu thang. Tôi đang ngồi học bài trên lầu hai chung cư chợ An Đông Sài Gòn. Đó là bước chân ông cụ. Bao nhiêu năm sống chung trong căn phòng hẹp ấy chúng tôi có thể phân biệt tiếng bước chân của từng người lên lầu. Năm đó tôi bỏ trường Chu Văn An để học nhẩy lên lớp Đệ Nhị ở trường tư thục Hoàng Việt đường Phan Đình Phùng, trường này vừa xây xong mới được khánh thành. Ông cụ đặt cái cặp da xuống sàn, ông ngồi xuống cái ghế vải quen thuộc của ông (Chính trên cái ghế này bốn năm sau ông uống liều thuốc ngủ Belladénal kết liễu đời mình). Tôi đưa ông xem cái tờ quảng cáo của trường Hoàng Việt. Tờ quảng cáo nêu rõ ông là Cố Vấn của trường. Tôi ngợ là người ta lạm dụng tên tuổi ông. Ông hỏi tôi những ai trong ban sáng lập trường. Tôi đọc nhiều tên. Có Trần Bích Lan, có Trần Văn Tuyên, có LM Hoàng Quỳnh... Và nhiều người nữa. Ông không nói gì.

Ông cụ mở bia uống. Bière Larue đầu cọp. Ông châm điếu Bastos xanh. Trông ông mệt nhọc nhưng thoải mái. Tôi với cuốn truyện mỏng tang trên kệ sách đưa ông rồi nói: "Con đọc rồi. Hay lắm!" Ông cụ bỏ cuốn truyện vào trong cặp da, cái cặp mà lúc nào ông cũng tha đi theo người, trong cặp có nhiều cuốn sách truyện và những tài liệu lỉnh kỉnh. Thời gian này ông đang cố viết cho xong tập biên khảo: "Viết và Đọc Tiểu Thuyết." Cuốn truyện mỏng kia tôi vừa đưa trả ông cũng được lôi ra từ cái cặp ấy vào tuần lễ trước.

Ông cụ tôi về nhà rất thất thường. Ông làm việc say mê và thường ngủ lại ở toà báo. Thảng hoặc ghé nhà ông thường hỏi việc học hành của tôi và đôi lúc, như tuần trước, ông và tôi bàn chuyện văn nghệ. Cũng hiếm thôi. Mặc dù hồi đó tôi có viết ít truyện ngắn đưa ông xem và ông rất thích nhưng ông không hề có ý khuyến khích con cái đi vào con đường của ông. Dù là đường chính trị hay văn nghệ. Ông cụ cho con cái tự do tuyệt đối trong việc lựa chọn đời mình. Mặt khác ông cụ nhìn người rất tinh. Đó là biệt tài của ông. Năm ngày trước khi chết ông đến nhà in Trường Sơn đánh máy tờ Ủy Quyền: "Tôi, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, giám đốc nhà xuất bản Phượng Giang và Đời Nay, ký tên dưới đây xác nhận rằng: trong khi tôi vắng mặt (bất cứ vì lý do gì) thì con tôi là Nguyễn Tường Thiết sẽ thay thế tôi điều khiển hai nhà xuất bản kể trên và quyết định việc xuất bản các tác phẩm của tôi. Làm tại Sài Gòn ngày 2 tháng 7 năm 1963." Suốt 40 năm qua sáu chữ trong dấu ngoặc đơn ám ảnh tôi... nó ám ảnh tôi quay quắt.

Trong câu chuyện nhân bàn về các nhà văn ở miền Nam và sực nhớ tới lời thầy Việt văn ở Tây Ninh tôi nói: "Cậu phải đọc Võ Phiến. Hay lắm!" Tôi nói cần như vậy chứ thực sự lúc ấy tôi cũng chưa đọc truyện của ông ta. Không ngờ ông cụ lại nhìn sâu vào tôi hỏi lại: "Con đã đọc chưa?" Tôi nói chưa đọc nhưng nghe nói là hay. Ông mở cặp da lấy ra hai tập sách mỏng. Thần Tháp Rùa của Vũ Khắc Khoan và Mưa Đêm Cuối Năm của Võ Phiến. Đưa tôi cuốn sau, ông nói: "Con đọc thử xem. Viết được lắm!"

Tôi có một tuần để đọc. Lần đầu tiên tôi làm quen với dòng văn của anh. Nhưng phải thú thực là tôi bị chia trí hơi nhiều. Bởi trong lúc đọc văn anh tôi có lẫn cái nhìn của ông cụ. Cầm cuốn sách mỏng trên tay - Mưa Đêm Cuối Năm của Võ Phiến do cơ sở Tự Do xuất bản - tôi lật từng tờ, từng tờ chi chít những ghi chú những lời bình phẩm của ông cụ. Nét chữ nhỏ nhít của ông gần như chiếm hết lề sách. Ở chỗ này ông phê: "Nhận xét rất sắc!" Ở trang nọ ông phết: "Hay lắm!" Chỗ này: "Đoạn này nên thêm chi tiết. Sẽ hay hơn!" Chỗ kia: "Văn cầu kỳ. Lập dị." Chỗ khác:

"Lại lập dị..." Tôi không ngờ ông cụ tôi đọc kỹ thế!

2003 - Bốn mươi bốn năm sau vào một ngày cuối năm Ngọ vợ chồng chúng tôi đến Los Angeles thăm anh chị Võ Phiến. Trước khi đi chúng tôi ghé khu Bolsa. Nhà tôi lựa một bó hoa phong lan màu nghệ rất lạ và đẹp làm quà biếu anh chị. Hoa lan vốn là loài hoa tiên cảnh của ông cụ. Trên xa lộ đến nhà anh tôi cứ bị ám ảnh bởi một món quà khác và cứ tiếc mãi phải chi tôi có trong tay để tặng anh. Hẳn là anh sẽ xúc động xiết bao! Đó là cuốn sách của anh với chi chít những hàng chữ chăm chút của ông cụ. Trong cái tiếc của tôi còn có lẫn một chút hận mình, một chút xót xa. Bởi vì chính tôi đã cầm nó trên tay, vào cái ngày cuối hãi hùng 29 tháng 4 năm 1975 ấy, tính bỏ chung vào cái bao nylon cùng với bản thảo cuốn Xóm Cầu Mới và Giòng Sông Thanh Thủy để đem đi, nghĩ sao tôi lại bỏ xuống.

1973 - Lần đầu tiên tôi gặp anh tính đến nay đã vừa đúng ba thập niên. Năm đó tôi phụ trách nhà xuất bản Phượng Giang. Cuốn sách đầu tiên là cuốn Xóm Cầu Mới của ông cụ. Cầm cuốn sách nguyên tinh mới ra lò, tôi nghĩ ngay đến việc tìm anh để tặng sách. Hồi đó sáchVõ Phiến tôi đều đọc nhấn, ngay cả cuốn truyện dài Về Đâu của anh đăng từng kỳ trên báo Bách Khoa tôi cũng theo dõi không bỏ sót một số nào. Nhưng tôi vẫn chưa có cơ hội gặp anh, một nhà văn lúc này đã nổi tiếng và cũng là người tôi hâm mộ. Buổi sáng ấy tôi lái xe gắn máy đến Bộ Thông Tin đường Phan Đình Phùng nơi anh làm việc. Hình như anh làm Sở Kiểm Duyệt hay Điện Ảnh gì đó. Tôi nhớ là mình lên lầu, đi vòng một cái hành lang, văn phòng anh ở mé phải. Tôi gõ cửa. Gặp anh tôi hơi khớp. Không phải theo cái nghĩa một độc giả lần đầu được gặp người mình ái mộ đâu. Lúc đó óc tôi thấm đầy những nhân vật của anh. Tôi sợ bị anh nhìn tôi hệt như anh nhìn các nhân vật trong truyện của anh vậy. Anh tinh quá đi! Nhân vật nào trong cái nhìn sắc nét của anh cũng như bị lột truồng ra, cũng lộ những chỗ hớ hênh!

Tôi yên tâm ngay khi nói chuyện với anh. Mặc dù anh hơn tôi những 15 tuổi nhưng anh xem tôi ngang hàng. Chúng tôi xưng hô anh tôi trong tình văn nghệ thân mật thoải mái. Mới bước vào nghề xuất bản, tôi có rất nhiều câu hỏi về tình hình sách truyện trong nước cũng như kinh nghiệm ngành xuất bản của anh. Tôi đã không học được một chút gì kinh nghiệm từ ông cụ, bởi lẽ mười năm trước đó khi ông mất tôi mới là một sinh viên khoa học không hề nghĩ một ngày nào đó mình sẽ đi vào ngành sách. Gặp anh tôi thấy Võ Phiến con người cũng y như văn phong anh. Chừng mực, điềm đạm, tế nhị có phần hơi quá nhã nhặn, lễ độ nữa. Tôi chỉ không thấy được ở anh lúc ấy cái duyên thầm nó thể hiện rất tự nhiên trong văn anh, nó bật lên ngay cả trong cách anh xử dụng ngôn từ. Còn về sự tinh tế của anh thì hôm đó tôi được dịp nhìn thấy. Sau khi nói chuyện khá lâu tôi sực nhớ là anh đang làm việc và tôi đã lấy thì giờ của anh lâu quá. Tôi ngừng lại, tính xin cáo từ. Hai cánh tay anh đặt trên bàn giấy. Tôi thấy anh nhìn thoáng vào cổ tay trái của mình có đeo đồng hồ tay. Rất nhanh, dường như sợ tôi hiểu cái nhìn đó như một cách nhắc nhở khách, anh chăm chú nhìn vào cổ tay ấy lâu hơn rồi anh đưa ngón trỏ bàn tay phải búng một vết bụi gần khuy manchette trên chiếc tay áo trắng tinh.

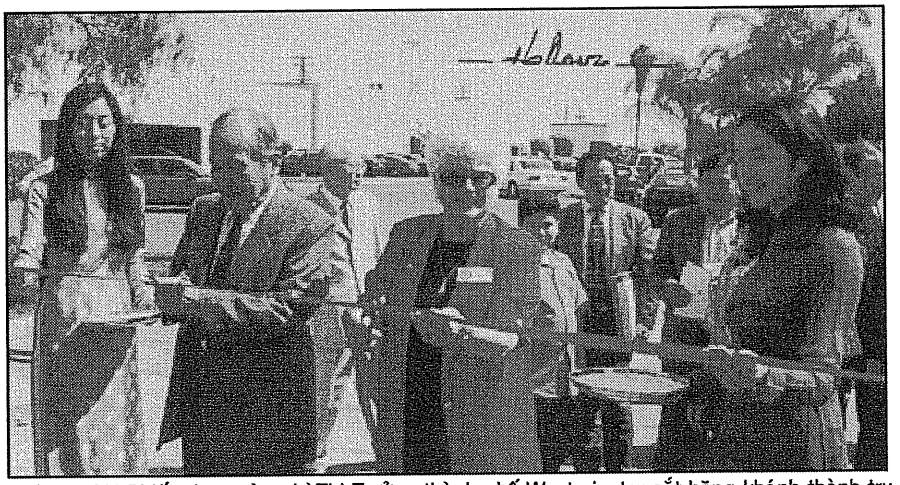

Nhà văn Võ Phiến đang cùng bàThị Trưởng thành phố Westminster cắt băng khánh thành trụ sở báo Người Việt ngày 23-8-2002.

Cầm trên tay bộ truyện Xóm Cầu Mới anh tiễn tôi ra tận ngoài hành lang. Trên đường về vương lại trong tôi giọng nói của anh, giọng đặc

biệt địa phương của người miền Bình Định. Nó lạ tai với tôi bởi vì hồi đó giọng miền Trung tôi chỉ quen nghe giọng Huế thẳng hoặc giọng Quảng thôi. Thấm cái giọng nói của anh, tự nhiên - như thể cái giỏ cua đồng của chị Bốn Thôi hễ động mạnh thì những con cua trong giỏ cựa mình kêu rạo rạo - những nhân vật trong truyện Võ Phiến, ông Ba Thê, anh Bốn Thôi, ông Bốn Tản, chị Bốn Chìa Vôi, bà Hai Hồ, anh Ba Càng Cua... nay cũng trở mình trong tôi kêu lên, gọi nhau rối rít bằng cái giọng đặc biệt của miền đất khô mặn ấy, chúng mới linh hoạt làm sao!

Hai hôm sau, trước sự ngạc nhiên của tôi, anh Võ Phiến đến thăm tôi ở chợ An Đông. Anh đến vào buổi tối, chắc là theo địa chỉ nhà xuất bản Phượng Giang tôi ghi sau cuốn sách Xóm Cầu Mới. Cuốn sách đó tôi đã đem biếu đôi ba chục người. Anh là người duy nhất đã tìm đến tôi trả lễ và để tặng tôi cuốn sách anh mới ra, cuốn tùy bút Đất Nước Quê Hương. Sự ân cần đối với một người kém xa tuổi anh mà tôi tưởng rằng chỉ có nơi ông cụ tôi khiến tôi rất cảm động.

1976 - Hôm đó nhân rạp hát gần nhà có chiếu phim cũ Cuốn Theo Chiều Gió ấn bản mới vợ chồng tôi kéo đi xem, nhân thể cho biết mặt mũi rạp xi-nê ở nước Mỹ ra sao. Hồi còn ở Sài Gòn chúng tôi mê xem xi-nê lắm. Rạp Rex, rạp Eden, Rạp Vĩnh Lợi, rạp Đại Nam... Lần nào cũng thế hết phim ra khỏi rạp là cảnh vật bên Mỹ đứt rụp, đối diện ngay với thực tại là cái trưa hè nắng chói chang, cái bùng binh Sài Gòn đông ngụt người. Lần này ra khỏi rạp, đứng trên thềm cao đảo mắt tìm chiếc xe hơi của mình đậu trong khu parking vắng hoe của Lakewood Mall, thốt nhiên tôi lặng người. Thoáng cái tôi không biết là mình đang ở Mỹ vừa đi ra khỏi rạp xi-nê hay là tôi đang ở Việt Nam vừa bước vào trong rạp! Cứ như thế... như thế... năm đầu tiên của tôi ở Mỹ đời sống trôi đi mơ màng như không thực. Đầy những khắc giây những giấc mơ Trang Tử thời đại!

Tôi viết thư cho anh. Hồi đó cả anh và chúng tôi đều chọn miền cực bắc nước Mỹ để định cư. Nhiều bức thư bay qua lại giữa hai tiểu bang lạnh lẽo Minnesota và Washington. Anh trả lời tôi ngay. Bức thư anh mào đầu bằng một lời gọi: "Anh Thiết ơi!" nghe như vọng từ vùng quê hương xa lắc... "Đấy anh xem! Anh là người của thành phố đã quen lối sống thị tứ mà còn thấy ngỡ ngàng. Huống hồ chúng tôi..." Tôi hiểu anh muốn nói gì. Trước kia những nhân vật trong truyện của anh - hay chính anh - đã từng ngỡ ngàng lạc lõng ngay trong lòng quê hương mình, ngay trong lòng thủ đô Sài Gòn. Từ Gò Vấp, từ Hoà Hưng vọng về Bình Định, về Quy Nhơn... những cánh Thư Nhà... lại Thư Nhà...

Tôi mường tượng anh đứng ở giữa cái Mall ấy, ngơ ngác...

Năm đầu định cư tôi vớ được nhà thơ Xuân Hiến, ở cùng thành phố. Kể cho anh Hiến nghe về cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh ở trại Pennsylvania, anh Hiến mừng quá rối rít xin tôi địa chỉ anh. Hóa ra hai anh Xuân Hiến, Võ Phiến đã biết đã thân nhau từ lâu, hồi còn làm tờ Bách Khoa.

Anh Võ Phiến ơi! Để tôi kể anh nghe đôi chút kỷ niệm với người bạn văn đã khuất bóng của anh. Tính anh Xuân Hiến xuề xòa lắm, anh đã biết. Năm ấy anh khoe với tôi anh bắt được cái job hay lắm. Anh làm janitor cho một trường đại học cộng đồng, "ca" đêm. Ban ngày anh ngủ, tối anh đi làm. Giờ Mỹ và giờ Việt Nam như đêm với ngày. Anh tâm tình với tôi, cảm động: "Mình ngủ với quê hương, mình thức với quê hương."

Hồi đó tôi mê đi câu cá lắm. Đến bây giờ vẫn còn mê. Tôi nói với anh Hiến là giá tôi mê viết như tôi mê câu thì chắc là tôi cũng sẽ thành văn sĩ le lói như ai. Một hôm nọ tôi mới mào chuyện đi câu với anh thì chị Xuân Hiến đã đâm bổ vào, chị xoắn xuýt. Thế là tôi có ngay một người bạn câu mới, còn mê câu hơn cả tôi. Một bữa đứng câu với chị ở chân cầu Purdy, câu đã nửa ngày trời mà chả được con nào, tôi nghỉ tay. Từ thành phố Tacoma đến Purdy cũng xa lắm đến 20 dặm. Từ sáng sớm thấy chị đi câu có một mình tôi cứ đinh ninh chị lái xe lấy. Không ngờ thấy tôi nghỉ, chị nói, tỉnh khô: "Anh Hiến chở tôi đi, anh ấy ở trong xe, chỗ parking ấy!" Tôi giật bắn người: "Trời! Chị để anh ấy chờ những bốn tiếng đồng hồ trên xe... Sao chị ..." – "Anh đừng lo cho anh Hiến. Giờ này là giờ ngủ của ảnh!" Tôi chạy bổ lên trên cầu đến parking tìm anh. Thấy tôi anh mừng lắm. Trông anh không có vẻ gì là người mới ngủ dậy, anh tỉnh táo, mặt tươi rói. Vừa mở cửa xe anh vừa giơ cao một xấp giấy: "Tôi vừa mới viết xong được một truyện ngắn! Thú lắm! Đang nghĩ đến chuyện gặp ai để khoe, thì may quá gặp anh! Chúng mình tìm chỗ nào ngồi tôi đọc anh nghe!" Trông anh sung sướng thấy rõ. Mấy tiếng đồng hồ ngồi trên xe cầm bút hạnh phúc của anh cũng phơi phới ngang ngửa với chị Hiến cầm cần câu dưới chân cầu. Chúng tôi đi kiếm chỗ ngồi trên ghềnh đá, nhìn ra vịnh Puget

Sound. Trời trong vắt. Những con chim hải âu bay lượn vui nhộn trông cũng rạo rực như anh Xuân Hiến. "Đây tôi đọc anh nghe. Truyện có cái tựa Cái Sọt Rác." Gió thổi từ vịnh ùa vào lật phật mấy tờ giấy anh cầm. Vừa căng giấy anh vừa đọc tôi nghe. Lẫn trong truyện anh kể tôi nghe có tiếng kêu chíu chíu của bầy hải âu bay là trên đầu, tiếng sóng đập vào ghềnh đá rồi rút ra choàng vào chúng tôi những bụi nước mặn li ti. Đêm đêm, một mình, anh Xuân Hiến sống trong thế giới câm lặng của đồ vật trong những văn phòng trống vắng của trường đại học ấy. Công việc quét dọn quá nhàn nhã, mất chừng hai giờ cho một việc trả lương tám tiếng. Khi anh đến chỗ làm, cái sinh hoạt nhộn nhịp của văn phòng đã dứt từ lâu. Khi anh trở về nhà, cái sinh hoạt ấy còn lâu mới bắt đầu. Đêm đêm anh nghe bước chân mình đơn độc trên hành lang, trong văn phòng. Xẹt qua bàn giấy này anh nhấc xem một khung ảnh gia đình. Ghé bàn kia anh phát giác hai ba cái "cấp" cà-phê cái nào đáy cũng đen ghét. Có bàn ngăn nắp có bàn thật bừa đến phát ngợp. Anh tẩn mẩn quan sát dòm ngó đồ vật trên bàn giấy rồi tưởng tượng con người ngồi sau bàn ấy phái tính, trẻ già, tính tình... Còn những cái sọt rác nữa chứ! Chúng tố cáo nhiều thứ lắm. Chuyện công chuyện tư nằm trong đó cả. Một bữa nhẩn nha anh lấy hai ngón tay gắp lên tờ giấy đã vò nhầu mở ra đọc anh khám phá một bức thư tình viết dang dở. Qua sọt rác ấy anh theo dõi mối tình của cô gái trong nhiều tháng... Những bức thư cô viết dang dở nằm trong sọt rác đã đành, ngay cả các bức thư khác tuồng chữ, bức thư hồi âm, cũng cùng chung số phận. Rồi đêm này, tháng nọ trôi qua, cái thế giới ban ngày của văn phòng ấy hiện rõ như chắc nịch trong trí tưởng của anh Xuân Hiến. Cho đến một hôm...

Võ Phiến nhìn bởi Long Ân

Anh Võ Phiến à, ông cụ tôi ngày xưa đã cầm kéo cắt cái xoẹt khúc đuôi truyện ngắn Đôi Guốc Trắng của nhà văn Nhật Tiến. Truyện này đang trên Văn Hoá Ngày Nay có kết cục bỏ lửng đâm ra hay hay. Tôi cũng bắt chước, ngừng ngang xương Cái Sọt Rác của anh Xuân Hiến ở đây.

1981 - Gọi tên bốn mùa. Mùa nào cũng mưa. Đó là tiểu bang xanh chúng tôi ở. Cuối năm ấy anh chị Võ Phiến từ California lên thăm. Sau có hai năm ở Minnesota anh chị đã tìm về miền nắng ấm để định cư. Còn chúng tôi vẫn gắn bó với tiểu bang ủ ê này. Đêm hôm đó trời đổ lạnh. Buổi chiều đã có dấu báo hiệu. Trời âm u mà nhiệt độ hạ thấp. Tối nay tuyết sẽ rơi. Điện thoại reo. Tiếng anh Xuân Hiến: "Lát nữa chúng tôi ghé thăm anh chị. Có anh Võ Phiến lên chơi!" Trước khi cúp, tôi còn nghe ở phông tiếng nói líu ríu của hai chị. Trời! Tôi nghĩ. Anh chị Võ Phiến đã quá hãi cái lạnh, cái tuyết của Minnesota, đã trốn nó từ bốn năm nay. "Cái bang" này thiệt tệ! Không điệu với khách quý của chúng tôi chút nào. Để chữa lại tôi nghĩ ngay đến việc sưởi ấm phòng khách để tiếp anh. Ra ga-ra tôi check mấy khúc củi. Lâu không dùng củi ẩm quá, không khéo đốt không ra lửa mà khói um ra nhà, khóc cả đám! Tôi lái xe ra Safeway gần nhà tha về năm sáu khúc Duraflame. Bảo đảm cháy gọn. Ngọn lửa trong lò sưởi vừa bùng lên thì có tiếng xe hơi đỗ ở ngoài. Anh Xuân Hiến dẫn anh Võ Phiến vào nhà tôi qua ngã ga-ra. Cả hai anh trang bị kỹ lắm, mũ, khăn cổ, áo măng-tô. Tôi nhìn anh Võ Phiến đang phủi tuyết lấm tấm trên áo. Sáu năm không gặp tôi thấy anh mập ra. Anh trả lời: "Mập bịnh đó! Không tốt đâu..." Nhà tôi trách anh Xuân Hiến: "Hai chị đâu? Sao anh không chở hai chị đi luôn!" – "Thì cũng tính đi đó. Nhưng thấy trời sắp tuyết hai bà sợ..."

Hơn hai mươi năm đã qua tôi không nhớ rõ trong hai tiếng đồng hồ ở nhà tôi cái đêm tuyết lất phất rơi đó tôi đã nói những chuyện gì với anh. Tôi mừng là không nhiều. Tôi cứ chạy lăng xăng lo nhóm cái lò sưởi, lo tiếp củi, giữ cho cái ngọn lửa luôn luôn toả hơi nóng tối đa. Lâu lâu tôi góp với hai anh một tí rồi chạy đi. Nhưng một hình ảnh rất đẹp ghi sâu trong ký ức tôi. Hình ảnh đêm đó anh Xuân Hiến và anh ngồi trên cái love seat ấy dưới ánh hồng của lò sưởi đỏ rực mê mải

nói chuyện với nhau. Các anh nói chuyện cũ, cái thời báo Bách Khoa đường Phan Đình Phùng của Sài Gòn thuở nào, cái thời không có tôi tham dự.

Sáng hôm sau tôi gọi cho anh Xuân Hiến thì anh cho biết anh chị Võ Phiến đã rời từ sáng sớm. Anh chị đi xe hơi. Đi vội vì đài khí tượng tiên đoán một trận bão tuyết sẽ đến trong ít ngày tới. Anh chị cần phải vượt qua một khúc đèo dài khủng khiếp ở tiểu bang Oregon trước khi cơn bão ập xuống.

Ngày mười tháng chín năm sau anh Xuân Hiến qua đời. Cái chết của anh bình thản đôn hậu như con người anh. Một vài người bạn rủ anh đi chùa Việt Nam ở Seattle. Trong lúc chờ để mạn đàm với Thầy trụ trì, anh ngồi ngủ gục trên ghế xa-lông. Chuyện này rất thường xẩy ra nên tất cả để yên anh ngủ. Không ai biết anh bị stroke. Chở đến nhà thương anh vẫn mê man. Chị Xuân Hiến nhờ tôi thông báo cho các bạn văn của anh dưới Ca-Li. Khi anh Lê Tất Điều bay lên đến nhà thương anh vẫn không tỉnh. Cho đến khi anh ra đi...

Sáu năm sau, tôi nhận được cuốn sách Tùy Bút Võ Phiến do nhà Văn Nghệ xuất bản. Trang đầu có lời đề tặng: "Thân mến gửi anh chị Nguyễn Tường Thiết. Ghi nhớ một đêm ở Tacoma, bên lò sưởi. Võ Phiến. Los Angeles XII-1987." Vâng. Cái đêm đó thật đáng ghi nhớ... nhớ một người bạn đã ra đi quá sớm. Anh Xuân Hiến.

2003 - Một buổi sáng đầu năm Mùi. Tôi hẹn gặp Tạ Huy Sáng ở tiệm phở Nguyễn Huệ. Quận Cam còn vương không khí Tết. Sau bốn mươi lăm năm tôi mới gặp lại hắn, thằng bạn ngồi cùng bàn lớp Đệ Tứ Chu Văn An thủa nào. Chúng tôi cũng trên 60 cả rồi. Nhưng gặp nhau vẫn "toa," "moa" loạn xị như xưa. Tôi bảo nó: "Toa chuẩn bị đi! Gập thầy Lưu Trung Khảo. Thầy Việt văn ấy mà. Moa hẹn thầy 10 giờ ở Coffee Factory." Hắn dẫy nẩy: "Chết cha! Moa ăn nói làm sao với thầy. Toa ở xa còn có lý. Moa ở ngay đây cả chục năm mà chưa tìm gặp thầy, thầy chửi chết!" Rồi hắn lo lắng: "Quên cha nó mất rồi, không nhớ hồi đó mình xưng em hay là xưng con với thầy nhỉ?" – "Em iếc gì. Con! Thầy gọi mình là em thì OK. Còn mình phải xưng con với thầy. Hiểu chưa?"

Chúng tôi chờ mãi mới có bàn trống. Sáng Chủ Nhật thật đông. Tôi nghe nói chỗ này là một La Pagode của Sài Gòn ngày nào. Lần đầu tiên tôi đến đây nhưng cái tên Coffee Factory tôi đã đọc đâu đó trong một hai truyện ngắn mới đây. Truyện nào nhỉ? à, một chuyện tình của cô cháu gái tôi, nhà văn Thơ Thơ. Thầy Khảo tìm bàn chúng tôi dễ dàng. Thầy nhận ngay ra chúng tôi. Chỉ vào thằng bạn tôi, thầy nói: "Sáng đó phải không?" – "Vâng, con đây. Thầy còn nhớ?" Tôi chịu trí nhớ của thầy. Bốn mươi lăm năm trước, tôi nhớ thầy nhìn sổ điểm danh để gọi trả bài có lần thầy nói to cho cả lớp: "A, cái tên anh này ghê lắm đây! Đã Huy rồi mà lại còn Sáng nữa! Để xem thử anh này có sáng dạ như cái tên gọi không!"

Bên tách cà-phê nóng chúng tôi ôn chuyện cũ. Thời của cái đời học sinh vô tư. Thầy nói đó là khoảng thời gian thầy hãnh diện nhất trong đời thầy. Là giáo sư của một trường danh tiếng Thủ Đô thầy chứng kiến những đứa con yêu của thầy sau nầy là tinh hoa của một nửa phần đất nước. Đặc biệt thầy nhớ nhất học trò của lớp Đệ Tứ B niên học 1957-58 vì đó cũng là năm đầu tiên thầy dậy ở trường Chu Văn An. Thầy nhắc đến tên nhiều bạn học cùng lớp mà chính tôi không biết: "Em nhớ Lê Tất Luyện không? Chồng của nhà phê bình văn học Thụy Khuê ở bên Pháp đấy!" Tôi nói: "Chắc thầy nhớ Đỗ Diễn Nhi ? Ngồi cùng bàn con. Hiện ở Washington DC." Thầy trò nhìn nhau cười. Ai mà quên hắn nổi. Thằng bạn sau này, thời tướng Kỳ, trở thành nhân vật "nổi đình đám" nhất của lớp Đệ Tứ B chúng tôi.

Tôi nhắc thầy Khảo về kỷ niệm chuyến du ngoạn Tây Ninh và nhân đó đến anh Võ Phiến. Vợ chồng tôi tuần trước mới đến thăm anh chị ở Los Angeles. Hôm đó chúng tôi ở chơi anh gần suốt một ngày. Cũng là lần đầu tiên kể từ khi quen biết anh tôi mới có dịp tâm tình với anh lâu nhất. Chúng tôi bàn về đủ chuyện. Về đủ mọi đề tài. Nhưng dù là chuyện gì thì rốt cuộc anh cũng đi đến cái kết, cũng quy về cái "tình người." Tôi có cảm tưởng "tình người" như một ám ảnh mới của anh. Cái tình người bây giờ nó không được như xưa. Anh nói giọng luyến tiếc. "Anh không biết đâu bây giờ họ kèn cựa, họ gấu gó lắm! Không có trật tự có trên dưới gì ráo trọi!"... "Anh có đọc hồi ký của Hồ Dzếnh chưa. Để xem người xưa họ xử đẹp như thế nào. Cái lòng của họ thế nào. Trên chuyến tàu Hải Phòng - Hà Nội, Hồ Dzếnh lúc đó mới tập tễnh viết văn, còn đang đọc lại tập bản thảo của mình, thì một người hành khách lên nửa đường, từ ga Cẩm Giàng, tới ngồi cạnh. Toa tàu hôm đó vắng. Người khách hỏi mượn xem tập bản thảo. Đến khi tàu từ từ dừng lại ở ga đầu cầu Long Biên, chuẩn bị xuống, người khách ướm hỏi có thể mang về nhà đọc được

không và hứa một tuần sau sẽ đem trả tận nhà. Vì còn giữ tập bản thảo viết lần thứ nhất nên Hồ Dzếnh đưa ngay. Sau khi đưa địa chỉ của mình Hồ Dzếnh sực nhớ ra là không lấy địa chỉ của người khách lạ thì người ấy đã xuống tàu. Đúng một tuần sau, người khách đem trả tập bản thảo, niềm nở bắt tay Hồ Dzếnh và ngỏ ý, nếu ông muốn, sẵn sàng viết cho lời tựa. Lúc đó người khách mới tự xưng tên: Thạch Lam!"... Kể xong câu truyện, anh lập lại câu anh đã nói, vẫn giọng u hoài: "Bây giờ họ kèn cựa nhau, họ gấu gó lắm... không được như người xưa!"

2002 - Chúng tôi tất cả chín người chất đầy một xe van. Mùa Thu năm ấy chúng tôi hai gia đình cùng đi chung về Việt Nam. Gia đình anh Việt và tôi đã chiếm bảy người. Ngoài ra lại có thêm Maya, cô bạn Mỹ của Thi, con gái tôi, đi cùng. Từ Sài Gòn chúng tôi thuê xe van đi Hội An, chủ đích là đưa vợ con chúng tôi đến thăm mộ ông bà cụ mà di cốt đã được chôn cất vào mùa hạ năm trước trong nghĩa trang riêng của dòng họ Nguyễn Tường. Ngồi ở băng trước của xe van, cạnh tài xế, là đích tôn của dòng họ, nhà văn Tường Hùng.

Sau khi ở lại Nha Trang chơi hai ngày, phái đoàn chúng tôi tiếp tục hướng bắc quốc lộ 1. Khúc đường từ Nha Trang đến Hội An cực kỳ xấu. Suốt ngày trời chúng tôi bị nhồi lên nhồi xuống trên chiếc xe chật hẹp. Mấy đứa con chúng tôi sinh đẻ hoặc lớn lên ở Mỹ, lần đầu tiên về Việt Nam, kêu la oai oái. Trời lại nóng, chúng tôi gật gưởng. Con Thi ngủ miệng há hốc, chẩy cả nước dãi. Maya đưa máy hình chụp con Thi lia lịa. Mấy đứa nhỏ thật tức cười. Suốt chuyến đi chúng phí phim vì những cảnh tào lao. Bao nhiêu cảnh đẹp không chụp chỉ chụp toàn những chó, những bò, những đứa bé đen đủi...

Xe lên một cái đèo thấp đến đỉnh rồi lại bắt đầu đổ xuống. Ở băng trước có tiếng nói của anh Hùng: "Thành phố nào đẹp quá vậy?" Chú tài xế trả lời:

- Thị xã Qui Nhơn!

Tôi nhỏm dậy. Từ trên tầm cao thị xã Qui Nhơn hiện ra nguyên vẹn bên bờ Thái Bình Dương nước biển một màu xanh ngắt. Quốc lộ phía trước trải xuống một đường vòng cung ôm lấy thị xã. Những cây dừa, những hàng thùy dương xen lẫn vào những mái ngói đỏ tươi. Từ xa Qui Nhơn vụt hiện trong tôi như một cảnh trí giả, xinh xắn như món đồ chơi. Tôi giật lấy máy ảnh của Maya tính chụp một pô thì không kịp nữa. Chiếc xe đã xuống đến chân đèo. Thị xa vụt khỏi tầm mắt.

Tôi nghĩ ngay đến anh. Anh Võ Phiến ạ. Đây là thị xã của anh, đúng ra của cậu học trò họ Đoàn bẩy mươi năm về trước. Thị xã đã nuôi anh những ngày thơ ấu, đã được nhắc tới trong nhiều bức Thư Nhà của anh. Với tôi, mặc dù đã nhiều lần trong đời nhìn thấy nó từ tầm xa, nhưng tôi chỉ ghé sống với nó thực sự được có một đêm, đêm ấy cũng đã rất xa rồi, hồi đó tôi còn là một sinh viên, nhân một chuyến ra Trung để cứu lụt.

Tôi nhớ gì về một đêm ngắn ngủi ghé ngủ ở cái thị xã hẻo lánh của miền Trung ấy? Không gì cả ngoài âm vang của những tiếng chim kêu. Tiếng chim kêu? Vâng. Thị xã mùa biển động náo lên vì những bầy chim từ ngoài hòn bay về, chúng bay tới tả bay rối loạn trên cái bồn nước của thị xã. Những cánh én bay khinh khoái trong ráng chiều, những cánh én nhào lộn khi bình minh ló rạng. Tôi nhường lời diễn tả cho anh Võ Phiến. Tôi không thể qua mặt anh.

Một buổi chiều, cuối mùa Đông, anh Tư đi làm về, trong người rân rân mệt mỏi, nằm trông theo những con én bay ngược bay xuôi trong xóm. Én bay rạo rực. Nó không bay vì nhu cầu chuyển dịch. Nó lướt qua rồi tức thì lộn trở lại, bay vô ích. Nó bay như chỉ để phô trương, để biểu diễn những pha bất ngờ. Én bay trong xóm đôi ba con hay năm bẩy con? Khó đếm được. Nó bay loạn xị. Nó rạo rực niềm vui trên xóm nghèo, trong ráng chiều, khi người người mệt mỏi. Anh Tư nằm trông theo én bay cho đến khi đèn đường bật sáng. (Một Ngày Để Tùy Nghi - Võ Phiến)

Thành phố đã tỉnh dậy, dưới đất. Trên trời én như được khuyến khích, như đắc thắng, càng ríu rít hơn. Bây giờ trên nền trời xanh bạc đã trông thấy những cánh én lao tới lao lui, rộn cả lên. Chrirr... Chrirr... nó cuống quít, nôn nao, rộn rực một niềm vui không chịu được, niềm vui rung lên trong tiếng kêu.

Nhào lộn ngoài trời một lát, lại có một con én bay vụt vào dưới mái ngói, đến sát bên cạnh tổ, nó chao qua chao lại, chập chờn cặp cánh nhọn như vẫy chào cái tổ rồi bay vụt đi. Nó không vào tổ, nó không đậu, không nghỉ, nhưng nó trở về, ghé chào, rồi ra đi. Không hiểu tại sao vậy. (Mùa Xuân, Con Én - Võ Phiến).

Tôi cũng vậy. Anh Võ Phiến à. Như cánh én kia, lâu lâu tôi trở về, ghé chào, rồi ra đi. Nhưng tôi hiểu vì sao.

Seattle, một đêm mưa cuối năm 2003

TRẺ & GIÀ

đoản văn của VÕ ĐÌNH
2003

Ngày xuân, thường nói chuyện hoa. Thời Trung Đường, giữa thế kỷ 8 đến giữa thế kỷ 9, sau T.C., bà Đỗ Thu Nương có viết bài "Kim Lũ Y":

Khuyến quân mạc tích kim lũ y,
Khuyến quân tích thủ thiếu niên thì,
Hoa khai kham chiết trực tu chiết,
Mạc đãi vô hoa không chiết chi.

Ý rằng khuyên bạn đừng tiếc chi cái áo kim lũ quí giá. Hãy tiếc giữ lấy tuổi trẻ, thuở xuân xanh. Hoa nở, có thể bẻ thì nên bẻ ngay. Đừng chờ tới khi không còn hoa mới bẻ.

Việt nam hiện đại có câu ca dao, huych tẹt hơn, "thực tế" hơn, gần như sỗ sàng:

Chơi xuân kẻo uổng xuân đi,
Cái già sồng sộc nó thì theo sau.

Tiền chiến, thi sĩ Xuân Diệu thanh cảnh hơn, tuy không kém gấp gáp:

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi;
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ! Thời gian không đứng đợi (1)
(...)

Vốn nặng tinh thần hoài cổ, và kính trọng tuổi tác, Đông phương *truyền thống* vẫn ý thức sắc sảo về dòng trôi vội vã của thời gian và sự tàn phai, hủy hoại. Huống hồ Tây phương *ngày nay.* Huống hồ Mỹ quốc *ngày nay.*

Ông Robert J. Samuelson thường viết trong một tuần báo về những vấn đề khô khan, khó nuốt. Nhưng mới đây, ông phá lệ (2). Ông viết rằng (nhiều người cũng đã lưu tâm đến những điều này nhưng chưa ai viết ra) hiện nay, trẻ nhỏ thì muốn làm như lớn tuổi hơn, và người lớn thì cứ muốn trẻ mãi không già. Ông cho đó là một hình thái của cuộc "đuổi bắt hạnh phúc" (*the pursuit of happiness)* của dân Mỹ. Cuộc "đuổi bắt hạnh phúc" này là một ám ảnh. Nó không dừng lại trước một chướng ngại vật, một giới hạn tự nhiên nào. Các cơ quan truyền thông đại chúng tung hô, ngợi ca tuổi trẻ, sắc đẹp, và sự cường tráng – tuổi lý tưởng: 26—và hạ bệ (ông Samuelson dùng chữ *taunt,* có nghĩa là "chọc quê", "chọc giận") tất cả những ai nhỏ tuổi hơn hay lớn tuổi hơn.

Ở Mỹ quốc, "thiếu niên thì" của bà Đỗ Thu Nương không có nghĩa là tuổi trẻ của thanh nam, thanh nữ. Nó bắt đầu sớm hơn, trước cả *puberty,* thời con trai bể giọng, lông, râu chớm mọc, và con gái "chum chúm chũm cau"(3). Ở Mỹ quốc, "thiếu niên thì" *đến sớm* hơn, và có thể kéo dài mãi mãi.

Trung niên? Trước, thường được xem như giữa những năm 30 tuổi hay những năm đầu tuổi 40, bây giờ tuổi gọi là trung niên được kéo dài đến quá 50, 60.

Còn tuổi già? Người ta tránh nhắc đến. Có nhắc đến chăng là khi chẳng đặng đừng, khi những gậy chống, xe lăn... xuất hiện như chứng cớ không giấu nhẹm được của một thể xác trên đà tiêu tùng.

Bài viết của ông Samuelson đầy giọng mỉa mai. Tuy nhiên, ông đưa ra nhiều chi tiết để chứng minh nhận xét của mình.

Tờ Hoa Thịnh Đốn Bưu Báo (The Washington Post) đã loan tin rằng bọn con trai dưới 13 tuổi *(pre-teens)* đua nhau tập luyện bắp thịt *(body-building).* Một thằng bé 12 tuổi cho biết nó đã tập luyện như vậy từ năm lên 7, và con bồ nó (bồ?) rất khoái bắp tay nó. Thật ra, bọn con trai chỉ chạy theo mấy đứa con gái: còn nhỏ xíu, mấy con bé đã mặc áo hở rốn, quần, váy ngắn cũn cỡn, nước hoa, son phấn đầy mình để làm ra vẻ lớn tuổi hơn, và khêu gợi hơn. Vô số tâm- lý-gia và cán sự xã hội lên tiếng cảnh báo rằng "mấy bé gái ăn mặc như vậy sẽ mời gọi những sự chú ý mà mấy bé chưa sẵn sàng đối phó chút nào cả."

Cả con trai lẫn con gái thân thiết sớm với thói quen tiêu thụ. *Market- Research.com* cho biết con nít 8 đến 14 tuổi, đổ đồng hàng năm tiêu đến 1,294 đô la.

Thể tháo là một lãnh vực trước để dành cho người thành niên, nay ngày càng "trẻ hóa." Những đội bóng đá, bóng rổ, *hockey* được thành lập cho những bé 4, 5, 6 tuổi. Những thành viên xuất sắc lọt vào những "toán" đi đấu các nơi. Cũng chương trình này nọ, cũng đồng phục, huy hiệu này kia,

hệt như người lớn. Kết quả là thể tháo được coi như một cơ hội làm nhiều tiền, con đường tiến đến những hợp đồng đầy lợi lạc với những cơ sở sản xuất tiếng tăm.

Đấy là chuyện trẻ nhỏ muốn làm người lớn. Sau đây là chuyện người lớn trẻ mãi không già.

Năm 1980, tuổi một người đi xe gắn máy, loại có phân số cao (*motorcylist*) là 27. Năm 1998, tuổi 27 tăng lên ... 38. Ở tuổi 51, khi cuộc đời đã dạy rằng "ngũ thập nhi tri thiên mệnh," người ta lại làm như còn ở tuổi 21. Những nhà sản xuất lớn (như Harley-Davidson...) theo đuổi ráo riết những anh chị trẻ mãi không già này. Loại ATV *(All Terrain Vehicle)* được ngưỡng mộ hết mình. Lao mình trên một chiếc ATV, xuống sườn đồi quanh co, ngổn ngang sỏi đá, giúp người ta thoát ra khỏi những phiền toái của cuộc sống.

Không phải ai cũng hùng hổ như vậy. Có những giải pháp an toàn hơn. Và tốn kém hơn.

Năm ngoái, 2002, theo tài liệu của Hiệp hội Giải phẫu Thẩm Mỹ Mỹ Quốc, quần chúng bỏ ra 7. 7 tỉ (tỉ= 1000 triệu) đô la (chừng 1/4 tổng sản lượng của Việt Nam hiện nay) để xóa đường nhăn trên mặt và cổ, hút bớt mỡ, bơm thêm ngực v.v... Phụ nữ chiếm hết 88% tổng số khách hàng. Quí ông thì tiêu nhiều cho các thứ thuốc như Rogaine, thuốc mọc tóc, và Viagra,thuốc cường dương. Chỉ hai thứ này thôi, trong năm 2002 quí ông chi hết 1 ngàn triệu đô la.

Viện Y học Chống Già (*Academy of Anti-Aging Medicine)* không cho rằng già lão là một tiến trình tự nhiên và vô phương tránh né. Nhiều, rất nhiều người tin tưởng ở lời phủ nhận đó.

Bản thân người viết, chưa là "đại lão," nhưng năm nay cũng đã 70 (tiếng Việt gọi là "già khú đế"), quen biết một ông nọ có óc thực dụng và ưa ăn nói lổn nhổn. Ông thường chê một đứa em bà con "bác sĩ mà không biết kiếm nhiều tiền, cả ngày chỉ biết coi lỗ đít người ta." Người em bà con đó không phải là kẻ tò mò vô lối mà là một y sĩ chuyên khoa đường ruột. Một hôm, sau trên 20 năm sống ở Mỹ quốc, ông phát biểu chân lý này: *Nhứt, bác sĩ thẩm mỹ, nhì, neo!* (Ý ông muốn nói *nail(s)*= móng tay, móng chân; nghề làm móng).

Xin xá vong linh ông ba xá – ông mới qua đời tháng trước. Gẫm lại, thấy phát biểu của ông... lổn nhổn thật, nhưng chí lý. Chỉ tiếc là ông mất, không có dịp được xem bài viết của R.J. Samuelson.

2003

TRẦN MỘNG TÚ

NHỮNG ĐOẠN THƠ RỜI
CỦA MỘT NGƯỜI - NHIỀU VIỆC

Làm Báo

Mắt mờ trên khung kính
nhận bài, đọc bài, sửa bài
viết, viết lại, gửi đi, quên, nhớ
những ngón tay cứng đờ

Hồn chạy thật xa, thân ngồi một chỗ.

Làm Văn

Truyện ngắn, thức giấc nửa đêm
choàng giậy viết
truyện dài không bao giờ xong
chữ, ý rối vào nhau như chỉ
gỡ mãi ra mới được vài giòng.

Làm Thơ

Hồn như một khay cát nhỏ
ủ những hạt đậu
bỏ quên ngoài sân
một sáng vốc tay vào cát
mới hay thơ
đã
nẩy mầm.

Chú thích:

(1) Xuân Diệu, "Giục Giã", *Gửi Hương Cho Gió*, Thời Đại, 1945

(2) Newsweek, November 3, 2003, pp. 47

(3) Bụ (vú) em chum chúm chũm cau,
Không cho anh bọp, để lâu cũng mềm. (Ca dao miền Trung)

PHẠM DUY KHIÊM
1908-1974

THỤY KHUÊ

Trong số rất ít nhà văn gốc Việt viết tiếng Pháp, hai khuôn mặt nổi trội: Phạm Duy Khiêm và Nguyễn Tiến Lãng. Cả hai đều sinh trưởng trong những năm đầu thế kỷ XX và đã sống qua hai giai đoạn lịch sử: thời nước Việt còn bị trị, mang tên An Nam, xuất phát từ An Nam đô hộ phủ, do vua Cao Tông nhà Đường đặt cho nước ta từ năm 679 dưới ách đô hộ của nhà Đường. Người Pháp dùng lại tên An Nam là muốn xác định dấu ấn nô lệ trên cái tên nước, đồng thời họ gọi người Việt là annamite, một cách hạ thấp nhân phẩm kẻ bị trị thêm một lần nữa. Giai đoạn thứ nhì, nước Việt độc lập, lấy lại tên cũ Việt Nam do vua Gia Long đặt sau khi thống nhất đất nước. Và người Việt trong tiếng Pháp trở thành vietnamien, một danh từ bình đẳng hơn. Với chữ vietnamien, dân Việt mất dấu ấn đô hộ, trở thành một dân tộc bình thường như tất cả các dân tộc khác. Tựu trung, hai thời kỳ lịch sử có thể tóm gọn lại trong hai chữ: *An Nam - Việt Nam*, *annamite* và *vietnamien*.

Phạm Duy Khiêm và Nguyễn Tiến Lãng đã sống và viết ở hai thời điểm lịch sử đó. Cả hai đều viết tiếng Pháp và trong tiếng Pháp, sự thay đổi từ *annamite* sang *vietnamien* phản ảnh sâu xa những nét khác biệt xã hội, chính trị của cùng một đất nước, xuyên qua ngôn từ. Cả hai tác giả đều thấm nhuần văn hóa Đông Tây, đều bị xâu xé giữa sự hòa hợp văn hóa Pháp Việt và mối chia rẽ hận thù chính trị của hai nước. Cả hai đều đã bị hiểu lầm, đều bị đả kích hoặc thán phục. Nhưng tác phẩm của hai nhà văn tài ba này, đã cho chúng ta biết khá rõ, trước hết về hai con người cô đơn và bí mật, có những đau khổ khác nhau, mà qua tác phẩm, họ đã khắc tạc những đau thương chung của dân tộc bị trị. Họ đã dùng ngôn ngữ của kẻ thống trị để quảng bá văn hóa nước mình, và nói lên bi kịch của người Việt, không chỉ để cho người Việt đọc mà cho những người trên thế giới, biết tiếng Pháp, cùng đọc, cùng hiểu. Cả hai tác giả đều hầu như không được độc giả Việt Nam biết đến, vì nhiều lý do: Trước hết vì họ viết tiếng Pháp và sau nữa họ bị coi như những người thân Pháp, làm việc với Pháp. Nhiều thành phần người Việt, phần lớn không đọc tác phẩm của họ, coi họ là «tay sai» của Pháp. Đó là những hiểu lầm trầm trọng mà khi khảo sát tác phẩm của họ, người ta sẽ thấy tất cả những thiển cận của lập luận buộc tội này. Trên đường tìm hiểu những nhà văn mà cuộc đời đã gắn bó với chính trị và đã bị hiểu lầm, bị đánh giá sai lạc như Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Tiến Lãng, Hồ Hữu Tường... chúng tôi muốn đi lại vết cũ, để tìm hiểu chí hướng, tâm sự và lòng yêu nước của họ qua tác phẩm văn học. Sự trở về này cũng sẽ giúp chúng ta có một cái nhìn công bằng hơn và nhận định đúng mức những đóng góp quan trọng của họ về mặt văn chương cũng như tư tưởng cho văn học thế kỷ XX, đồng thời tìm hiểu xã hội Việt Nam ở buổi giao thời

mà nước Việt, từ cái tên An Nam mang dấu ấn thuộc địa, trở lại tên cũ Việt Nam của thời tự chủ.

*

Khảo sát Phạm Duy Khiêm, điểm đầu tiên khiến người đọc sững sờ, kinh ngạc, khâm phục và cực kỳ thương cảm là cái chết của ông: cái chết như mở đầu và chấm dứt cùng một lúc, cái chết như muốn khép lại vòng tròn bí mật xung quanh Phạm Duy Khiêm, con người. Một đêm đông, tự vặn khí đốt trong bếp, ngộp thở, ông bỏ ra sân, đi thẳng xuống ao nhà và không trở lại. Cái chết nghệ sĩ nhưng logic. Cái chết thể hiện tự do tuyệt đối của mình mà những nhà văn lớn và có bản lãnh thường hay xử dụng. Dứt khoát, như chữ chung, chữ hết mà người ta đặt ở tận cùng tác phẩm. Phạm Duy Khiêm tự chọn cách kết liễu đời mình, như một chung cục tất yếu của định mệnh mỗi người, nhưng khác người, ông không để cho định mệnh run rủi, ông tự xếp đặt hoạt cảnh của đời mình từ A đến Z, với một sức mạnh, một can đảm phi thường trong cô đơn tuyệt đối của một cá nhân muốn khắc phục định mệnh.

Ít ai biết rõ về con người Phạm Duy Khiêm, kể cả người thân, nhưng chính toàn bộ tác phẩm của ông đã ngỏ cho hậu thế biết nghệ thuật, nhân cách, tư tưởng của ông và đó là niềm an ủi lớn lao nhất mà nhà văn có thể tìm thấy ở bên kia nấm mồ.

Sinh ngày 24 tháng 4 năm 1908 tại Hà Nội, Phạm Duy Khiêm là con trai nhà văn Phạm Duy Tốn. Gia đình gồm năm anh em, ba trai, hai gái. Ông là con trưởng, nhạc sĩ Phạm Duy là con út. Ở giữa là nhạc sĩ Phạm Duy Nhượng, tác giả bản nhạc *Tà áo văn quân* và hai người chị gái Phạm Thị Thuận và Phạm Thị Chinh. Gia đình nhà văn Phạm Duy Tốn rất nghèo, ông lại mất sớm vì bệnh lao, năm 43 tuổi, để lại nhiều nợ nần. Lúc đó Phạm Duy Khiêm mới 15 tuổi và Phạm Duy lên ba. Mới học troisième tức lớp 9 bây giờ, Khiêm đã trở thành người «chủ» gia đình, thay cha. Người mẹ tần tảo buôn bán nuôi năm con ăn học và đó là lý do khiến cho sau này bà có chỗ đứng rất cao trong tác phẩm của hai con, bà trở thành biểu tượng: trong nhạc Phạm Duy bà là mẹ Việt Nam, trong văn Phạm Duy Khiêm bà bàng bạc xuyên suốt chiều dầy tác phẩm. Đặc biệt tác phẩm mang tựa đề *Ma mère, Mẹ tôi*, chưa in (chỉ vì những nhà xuất bản thời đó cho là một chủ đề không mang tính chất thời thượng) nhưng *Ma mère* đã được Phạm Duy Khiêm nhắc đến với những trìu mến và đắc ý khác thường trong những năm cuối đời.

Trở về với tiểu sử Phạm Duy Khiêm, đang học ở trường Bưởi cha mất. Nhờ sự trợ giúp của một tư nhân, ông tiếp tục việc học ở lycée Albert Sarraut, Hà Nội. Là học sinh xuất sắc, đặc biệt các môn cổ ngữ La tinh và Hy Lạp, Phạm Duy Khiêm cũng là người Việt đầu tiên đỗ tú tài văn chương Pháp (Bac classique). Sau đó ông được học bổng sang Pháp theo học lớp Khâgne tức là dự bị văn chương thi vào các trường lớn tại lycée Louis le Grand. Ba năm sau, ông đỗ vào trường Cao Đẳng Sư Phạm của Pháp (Ecole Normale Supérieure, rue d'Ulm), cùng khóa với nhà văn Thierry Maulnier, Georges Pompidou và Léopold Senghor. Hai người sau này trở thành tổng thống Pháp và tổng thống Sénégal.

Năm 1935 Phạm Duy Khiêm đỗ thạc sĩ ngữ pháp (agrégation de grammaire) và là người Việt đầu tiên đỗ bằng thạc sĩ của Pháp. Về nước, ông làm giáo sư tại trường Bưởi, rồi trường Albert Sarraut, Hà Nội. Đại chiến thứ hai bùng nổ, ông tự nguyện đầu quân chống Đức, từ tháng 9 năm 1939 đến tháng 6 năm 1940, giải ngũ vì Pétain nghị hòa với Đức, giải tán quân đội. Phạm Duy Khiêm trở về Việt Nam, tiếp tục dạy học, viết văn và làm báo.

Năm 1950, thân mẫu từ trần. Ít lâu sau ông rời đất Việt, sang sống tại Pháp.

Sau hiệp định Genève, tháng 7 năm 1954, Phạm Duy Khiêm nhận chức Bộ trưởng đặc nhiệm tại Phủ thủ tướng trong chính phủ Ngô Đình Diệm trong vòng năm tháng, rồi liên tiếp giữ những chức vụ Cao ủy và Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Paris đến hết năm 1957. Vì bất đồng ý kiến với ông Diệm, không thể giữ chức Đại sứ, ông cũng từ luôn chức Đại biểu Việt Nam Cộng Hòa tại Liên Hiệp Quốc, và từ đây Phạm Duy Khiêm bỏ hẳn chính trị, cũng không nhận chức giáo sư mà chính phủ Pháp bổ nhiệm vì ông không muốn làm công chức cho Pháp.

Ngày 5 tháng 11 năm 1957, ông nhận bằng Tiến sĩ danh dự của Đại học Toulouse, và từ 1958 trở đi, sống bằng nhiều nghề: diễn thuyết, dạy học tư thục, đọc bản thảo để lựa tác phẩm và sửa morasse cho nhà in, sửa bài và duyệt sách cho Ủy ban xét lại Pháp ngữ, v.v...

Ông tự kết liễu đời mình ngày 2 tháng 12 năm 1974, tại nhà riêng ở nông trại La Hertaudrie, thuộc quận lỵ Montreuil le Henri, vùng Sarthe, cách Paris hơn 200 cây số.

*

Tác phẩm của Phạm Duy Khiêm hầu hết viết bằng tiếng Pháp. Khi chọn tiếng Pháp làm ngôn ngữ văn chương, ông đã có chủ đích muốn truyền bá văn hóa Việt Nam và tạo uy danh cho Việt Nam trên văn đàn thế giới qua một thứ tiếng thông dụng.

Với cuốn *Việt Nam văn phạm, Grammaire vietnamien*, soạn chung với Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ, do nhà xuất bản Tân Việt in năm 1941, Phạm Duy Khiêm là một học giả, dùng ngữ học để phân tích tiếng mẹ đẻ, nhưng những tác phẩm đến sau xác định Phạm Duy Khiêm như một nhà văn có phong cách độc đáo về văn phong và tư tưởng.

De Hà Nội à La Courtine (Từ Hà Nội đến La Courtine) là một tự truyện viết về thời gian đầu quân chống Đức, ký bút hiệu Nam Kim, do nhà xuất bản Taupin in lần đầu tại Hà Nội năm 1941 (1958, Plon in lại tại Paris, đổi tên thành *La place d'un homme -Vị thế một người)*. Đây là một trong ba tác phẩm chính của Phạm Duy Khiêm. 1942, ông viết tiếp: *De Courtine à Vichy* (Từ Courtine đến Vichy), cuốn này bị cấm xuất bản.

Légendes des terres sereines (Huyền truyện miền thanh lãng), nội dung hòa hợp giữa cổ tích, huyền thoại, giai thoại và thực tế. Tác phẩm được tiếp đón nồng nhiệt ngay từ lúc ra đời, đoạt giải Văn chương Đông Dương (Prix littéraire de l'Indochine), nhà xuất bản Taupin phải in ba lần trong năm 1943. Tiếp đó ông viết *La jeune femme de Nam Xương* (Thiếu phụ Nam Xương, Taupin, 1944).

Tác phẩm quan trọng thứ ba là cuốn tiểu thuyết *Nam et Sylvie (Nam và Sylvie)* cũng là một tự truyện (Plon, 1957, Paris), đoạt giải Louis Berthou của Hàn Lâm Viện Pháp.

Cuối cùng phải kể đến cuốn *Ma mère* (Mẹ tôi), chưa xuất bản, mặc dù khi giáo sư Nguyễn Đình Hòa từ Mỹ sang Pháp thăm, hai năm trước khi ông mất, đã ngỏ ý muốn đưa bản thảo về Mỹ để dịch sang tiếng Anh và in tại Hoa Kỳ, nhưng Phạm Duy Khiêm muốn nguyên bản Pháp văn phải in tại Pháp trước. Sau khi ông mất, không biết bản thảo lưu lạc nơi nào.

Sau này, theo lời ông Hoàng Văn Châu, em rể, kể lại: Nhiều lần ông đã khuyên anh nên in lại những tác phẩm cũ, Phạm Duy Khiêm gạt đi và cho rằng những gì ông viết đã lỗi thời rồi. Vì vậy, ngày nay muốn tìm đọc Phạm Duy Khiêm không dễ. Trừ cuốn *Légendes des terres sereines (Huyền truyện miền thanh lãng)* được nhà Philippe Piquier tái bản năm 1997 dưới dạng sách bỏ túi, các tác phẩm khác mà chúng tôi có được là nhờ bản đánh máy lại của nhạc sĩ Phạm Duy. Cho nên vấn đề in lại nguyên tác hoặc dịch ra tiếng Việt, những tác phẩm của Phạm Duy Khiêm, Nguyễn Tiến Lãng, là một nhu cầu cần thiết cho độc giả Việt Nam hôm nay.

*

Vị thế một người - La place d'un homme

Phạm Duy Khiêm là một nhân tài mà định mệnh, nhân cách và văn chương gắn bó mật thiết với nhau: suốt đời cô đơn và bị hiểu lầm nhưng ông vẫn mặc nhiên hành động theo những suy nghĩ, lựa chọn của riêng mình, bất chấp dư luận thán phục hay phản đối. Đối với gia đình, ông là người anh cả lạnh lùng và nghiêm khắc. Nhạc sĩ Phạm Duy nhớ lại trong Hồi ký: *«Lúc còn bé, nếu tôi nhớ không lầm, tôi chỉ được đùa chơi với anh Khiêm có hai lần...»* Và khi người anh thực thụ thay cha làm chủ gia đình, Phạm Duy nhớ lại hồi 14 tuổi: *«Bây giờ sống chung với người anh, tôi không được đánh đàn. Muốn đàn ca phải chờ khi anh ấy vắng nhà. Có lần quá cao hứng nên không để cao cảnh giác, người anh chợt về, giật cái đàn mandoline vứt xuống đất và thân tặng nhạc sĩ mầm non một trận đòn. Một lần khác, vào mùa hè, tôi đang nằm trên nền nhà đá hoa để hưởng cái mát dịu, anh Khiêm ở đâu về, sồng sộc tới chỗ tôi nằm, nắm cổ lôi dậy, phạt tôi quỳ trước sự ngạc nhiên của mẹ tôi: Ai cho mày nằm dưới đất? Quỳ xuống đó!»* (Hồi ký Phạm Duy, Thời thơ ấu - Vào đời, trang 129)

Trong gia đình, nghiêm khắc với các em, ngoài học đường nổi tiếng là người thầy khe khắt. Với những học trò dốt, ông không ngần ngại cho điểm âm. Học trò Việt oán vì thầy không nâng đỡ người Việt. Học trò Pháp căm giận vì bị một người thầy bản xứ (indigène) dám cả gan xỉ nhục mình, xỉ nhục các cô chiêu, cậu ấm, Tây con.

Nhưng hành động lạ lùng nhất của Phạm Duy Khiêm là khi thế chiến thứ hai bùng nổ, ông là người bản xứ duy nhất tự nguyện đi lính cho Pháp để đánh Đức. Ít ai hiểu được hành động này. Đối với người Việt cùng thời, ông bị chê là mất gốc, là nịnh Tây; đối với một số người Pháp, ông muốn «trả nợ» mẫu quốc v.v...

Khi tham chính, nhận chức vụ đại sứ, ông hết sức ngay thẳng, liêm chính, từ chối mọi áp lực

cửa quyền, vì thế ông không đứng chức Đại sứ của ông Diệm được lâu. Sau này, khi Georges Pompidou lên làm thủ tướng Pháp, ngỏ ý muốn gặp, Phạm Duy Khiêm thẳng thắng trả lời: Rất vui mừng gặp lại bạn học cũ, nhưng đến yết kiến thủ tướng thì không! Khi Léopold Senghor, tổng thống Sénégal, bạn học cũ, một nhà thơ nổi tiếng văn hay chữ tốt, gửi tặng một tập thơ, Phạm Duy Khiêm gửi trả lại với những lời phê, gạch đỏ, của một người thầy.

Phạm Duy Khiêm là một người như thế nào? Ai biết ông rõ nhất? Ngoài một vài người bạn chí thân cùng học Normale thời trước hoặc dăm ba người khác trong giới đại học, vòng độc giả đã đọc và hiểu ông. Câu trả lời, hôm nay, có thể rất hiển nhiên: Tác phẩm của ông phản ảnh sâu xa nhất, rõ ràng nhất, bản chất con người Phạm Duy Khiêm. Đó là một người không chống ai, chỉ chống bất công và áp bức. Coi rẻ tiền tài và quyền lực. Liêm khiết, thẳng thắng, khó với mình và khó với người. Yêu nước và có trách nhiệm với gia đình. Vỏ ngoài cứng rắn bao bọc một nội tâm mềm yếu, vô cùng nhạy cảm và suốt đời cô đơn. Chán đời từ thời còn trẻ, hấp thụ trọn vẹn hai nền văn hóa Đông Tây, rất Khổng Mạnh trong nghĩa chính nhân quân tử, nhưng cũng lại rất Tây phương trong tư tưởng và hành động.

Từ khi còn học trường Cao Đẳng Sư Phạm rue d'Ulm, Phạm Duy Khiêm đã dùng tài năng và uy tín của một sinh viên trường Normale - được coi là những thành phần ưu tú nhất của nước Pháp - để diễn thuyết trong các khuôn viên đại học, hoặc viết báo, một mặt, để phổ biến văn hóa Việt: nói về truyện Kiều, cao dao, cổ tích Việt Nam v.v..., một mặt để trả lời những hành động phỉ báng người Việt (thời ấy người Pháp gọi là «indigène», một cách miệt thị người bản xứ) trong phim ảnh hoặc trong tiểu thuyết.

Đặc biệt trong bài viết tựa đề *Homme jaune, femme blanche* (Người đàn ông da vàng và người đàn bà da trắng) đăng trên tạp chí Revue Indochine, Paris 1933, Phạm Duy Khiêm đã phê phán nặng nề Christiane Fournier tác giả tiểu thuyết *Homme jaune, femme blanche,* viết về mối tình giữa cô gái Pháp, Marie Claire và Xuân, thanh niên An Nam theo Cộng Sản, trong đó bà đã mô tả Xuân như một thứ «indigène» hạ tiện và tàn ác; phong tục, xã hội An Nam dã man, thô tục. Dưới con mắt Chistiane Fournier thì *l'indigène différent de l'homme*, dân bản xứ khác người trong cái nghĩa *dân bản xứ không phải là người.*

Với lối văn hùng biện, châm biếm, mỉa mai, đầy tính thuyết phục, Phạm Duy Khiêm lột trần thái độ thiển cận của tác giả, ông viết: *«Khốn thay, Chistiane Fournier nhìn người An Nam, trong tác phẩm của bà, dưới con mắt thuộc địa đầy ác cảm. Dân bản xứ không phải là người ư? Nếu quả thật như vậy thì hắn -tên bản xứ- sẽ chẳng có gì lý thú, đừng đưa hắn vào tiểu thuyết, nhất là đừng cố gắng yêu hắn, bà không yêu nổi đâu! Người bản xứ, nếu đúng như những chữ bà xử dụng là: đời cây cỏ, mô-mi An Nam, tởm lợm, kinh khủng, ánh mắt dữ dằn, luôn luôn nhìn xéo mà không nhìn thẳng... Ồ cô Marie Claire! Cô không biết rằng người An Nam chúng tôi không nhìn thẳng vào mắt cô vì phép lịch sự An Nam không cho phép chúng tôi làm như vậy! Còn về những nét: cười hiểm, mặt mèo, thú tính da vàng, chồng cầy vợ cấy con trâu đi bừa,... nếu cô thấy người An Nam như thế, cô Marie Claire, sao cô có thể yêu họ được?»* (Những trích đoạn tác phẩm của Phạm Duy Khiêm trong bài viết này chúng tôi đều chuyển ngữ theo tư liệu đánh máy của nhạc sĩ Phạm Duy).

Phản đối cái nhìn thuộc địa ngay trong lòng nước Pháp, đó là chủ đích của Phạm Duy Khiêm khi ông viết báo hay tham dự những buổi thảo luận, hoặc đối chất tay đôi với các tác giả thuộc địa có ác ý khi viết về người Việt.

Tác phẩm văn học nói lên tâm sự và ý chí, muốn xác định quyền làm người của người dân thuộc địa, đồng thời giải thích hành động đầu quân chống phát-xít Đức của Phạm Duy Khiêm là quyển *De Hanoi à la Courtine* hay *La place d'un homme (Từ Hà Nội đến La Courtine* hay *Vị thế một người).* Tự truyện này được viết dưới dạng những bức thư của một người lính tên là Nam Liên, gửi cho những người quen xa gần ở Pháp và An Nam. Cuốn sách mở đầu bằng những hàng:

«Nam Liên mất tháng 6 năm 1940 trong những trận đánh trên sông Loire, vài ngày sau khi viết xong những hàng chung quyết thư tập này. Ba mươi hai tuổi, giáo sư tại Hà Nội, anh là người bản xứ duy nhất ở Đông Dương đã tự đầu quân sang Pháp vào tháng 9 năm 1939. Tại sao?»

Khai đề bằng cái chết và câu hỏi tại sao Nam Liên làm như thế, và lá thư thứ nhì phảng phất những trả lời của Nam Liên tự đáy mồ:

«Hình như là đúng lúc tôi khám phá ra những chiều kích và giá trị đích thực của mọi sự thì cũng là lúc tôi chấp nhận từ bỏ chúng.»

«Mọi sự -les choses» ở đây là gì? Đối với Nam

Liên-Phạm Duy Khiêm, có phải là việc «đang làm giáo sư thạc sĩ ở Hà Nội» lại bỏ tất cả để làm *lính trơn*? Đang sống lại chọn chết. Mà không chết cho một tổ quốc, một vinh dự nào. Ngược lại còn bị hiểu nhầm và kết án. Nhưng tại sao Nam Liên lại không một chút do dự khi anh hành động như thế?

Mấy dòng đầu cuốn sách, dường như đã gói trọn tư tưởng của Phạm Duy Khiêm: muốn từ bỏ những gì đã qua để sống một kinh nghiệm mới, không hành trang, không ràng buộc. Làm thân phận người dân bản xứ, Phạm Duy Khiêm muốn chối bỏ điều kiện sống của người bị trị. Nhưng muốn thoát khỏi thân phận tối tăm đó thì dứt khoát phải xác định mình và không gì hiệu nghiệm hơn là bỏ tất cả học vị, bằng cấp, những hành trang của giai cấp trí thức mà Nam Liên đã thu thập được trong cuộc sống bị trị, để đi từ số không, sống cuộc đời khác, của người tự do:

«Là người bản xứ, anh không bị bắt buộc đi quân dịch, anh không có quyền cầm súng. Nếu là một thanh niên Pháp hay Đức, anh có quyền chờ đợi để chiến đấu, để hy sinh một ngày nào đó. Anh có quyền ngưỡng mộ hình ảnh tổ tiên treo trên tường đã chết vì tổ quốc. Một thanh niên An Nam chỉ có quyền chết bệnh. Đôi mắt anh chỉ có quyền ngắm xã hội này hay xã hội kia, qua những thành quả vật chất, những kiểu mẫu sống đã hoạch định. Nhưng cũng cần nhắc cho anh biết rằng: ngoài tiền bạc, trong cuộc sống còn có sự hy sinh hay từ khước một lý tưởng.»

Phạm Duy Khiêm thầm kín nhắc người thanh niên An Nam nhiệm vụ lên đường, lên đường cho một lý tưởng. Ông không kêu gọi đấu tranh võ lực chống Pháp, bởi một lý tưởng như thế, không thể nói lên được, không thể in ra được và cũng chẳng có gì «đặc sắc» cho lắm. Phạm Duy Khiêm không chủ trương một sự phản kháng như vậy. Lý tưởng mà ông muốn đề cập ở đây, là *quyền làm người*, quyền tự do quyết định, quyền tự do chiến đấu cho một tư tưởng, và tư tưởng đó lại rất khác người. Nó không phải là tư tưởng về tổ quốc, về độc lập, nó là một tư tưởng lớn hơn, rộng hơn. *Đó là sự tương trợ giữa người và người.*

Người và người ở đây là tình nhân loại giữa người Pháp và người Việt. Tự nguyện đăng lính, Phạm Duy Khiêm đã xác định mình là người Việt Nam, không phải là người An Nam. Vì người An Nam không có quyền chiến đấu cho một lý tưởng. Chỉ có người Việt Nam mới có quyền tự do chọn lựa lý tưởng của mình. Như thế, trong hoàn cảnh một indigène, Phạm Duy Khiêm đã tự vượt mình thoát ra ngoài vòng kiểm soát của chế độ thuộc địa để trở thành người tự do.

Lý tưởng mà ông muốn bảo vệ ở đây là sự tương trợ giữa người và người. Tức là tình người. Nó vượt trên tất cả mọi xô xát hàng ngày giữa người An Nam bị trị và người Pháp bảo hộ. Nó là tình tương trợ giữa một người Pháp bị cháy nhà và một người Việt hàng xóm tới chữa. Chữa mà không đòi hỏi anh sẽ phải trả giá nào cho tôi sau hỏa hoạn. Hành động «chữa lửa» không phải là để «lấy điểm với mẫu quốc,» cũng chẳng phải để «đòi hỏi mẫu quốc phải nới tay với dân thuộc địa chúng tôi.» Nó cao hơn thế bởi nó vô vụ lợi. Nó chứng minh tình người lúc nào cũng có, kể cả giữa hai quốc gia đang đấu tranh.

Đằng sau lý tưởng «tương trợ giữa người và người» còn có một ý nguyện khác, đó là sự tìm về bản thể của chính mình. Cá nhân thanh niên trí thức Nam Liên, 32 tuổi, giáo sư thạc sĩ, có danh tiếng và uy tín, đã gạt bỏ tất cả hành lý sang một bên để làm lại từ đầu, qua một trường học khó khăn hơn: trường dạy làm người. Trở thành lính trơn, chịu đói, chịu rét, nhận làm những coóc-vê khủng khiếp nhất, chấp nhận những mệnh lệnh vô lý nhất, đến từ những cá nhân có trình độ thấp kém hơn mình rất nhiều. Tất cả đều là tự nguyện. Trong cái trường tự nguyện học làm người ấy, Nam Liên đã tìm thấy hạnh phúc ở tình người, tình đồng đội, ở sự tuân thủ những mệnh lệnh vô lý, ở sự tìm hiểu những con người xoàng xĩnh nhất, ít học nhất, tầm thường nhất, để gắn bó với họ và chấp nhận họ, không phân biệt mầu da, tôn giáo, giai cấp và trình độ. Bên cạnh 14 người Việt khác, sống ở Pháp, có vợ con ở Paris, phải đi quân dịch; chỉ có một mình Nam Liên là người bản xứ, indigène, trong trường lạ kỳ này. Cho nên, anh viết:

"Tôi buồn, thật buồn, cho Pháp và An Nam."

Lời thư giản dị, trong sáng nhưng đầy chất thơ và trĩu nặng tình người: *"Bầu trời lá dường như rất xa trong gió. Vỗ về, dịu dàng, chấp nhận. Mềm mại. Thanh tịnh. Tôi thấy đời tôi. Nhớ đến những gì mà vài ba đồng đội kể trong lúc hành quân. Về cái chết mới đây của một sĩ quan trẻ nào đó, tôi liên tưởng đến những gì tương tự hiển nhiên sẽ xảy đến với mình và sẵn sàng chấp nhận, không chút bối rối."*

Tuy không bối rối trước cái chết, nhưng trong suốt cuộc hành trình Nam Liên không gỡ được những băn khoăn khác của tâm tư. Trong một lá

thư, anh viết:

"Điều khó khăn nhất không phải là từ bỏ hiện tại hay tương lai mà là đoạn tuyệt với quá khứ. Tôi thoáng nhận ra rằng khi đã chối bỏ tất cả trước khi đi, thì những kỷ niệm rất xa lại trở về, ấn tượng mạnh và rõ nhất là cảm nhận nỗi đau của mẹ."

"Chỉ có niềm nhớ quê và nhớ mẹ xuyên qua đường tôi đi. Làm sao đáp lại tất cả những tiếng gọi. Đứa con hư đang gắng học làm người. Chỉ còn biết hy vọng sẽ được tha thứ."

Tác giả Thụy Khuê

Với những hình ảnh thơ mộng và dịu dàng như thế, Phạm Duy Khiêm đã dẫn chúng ta vào thế giới tự do, thế giới của tư tưởng, ở đây, tất cả những xấu xa của con người sẽ mờ đi, để chỉ hiển hiện trên đường, những niềm thương, nỗi nhớ và sự tương trợ giữa người và người, người thân nhất như mẹ, như quê hương, và người xa nhất như người Pháp, đất Pháp.

*

Légendes des terres sereines - Huyền truyện miền thanh lãng

Với chủ đích giới thiệu cái hay, cái đẹp trong văn hóa Việt Nam nói riêng và văn hóa phương Đông nói chung với thế giới bên ngoài, Phạm Duy Khiêm, trong *Légendes des terres sereines - Huyền truyện miền thanh lãng*, bằng tiếng Pháp, sáng tác lại ba mươi truyện rút từ cổ tích hoặc các giai thoại văn hóa Việt Nam và Trung Hoa: Trương Chi, Khuất Nguyên, Con gái Ngọc Hoàng, Bóng người và người xa vắng, Quan Âm Thị Kính, Người thợ may và ông quan, Hòn Vọng Phu, Từ Thức, Ngân Hà, Sự tích con muỗi, Tú Uyên, Rùa vàng, Giấc mộng Nam Kha, Mỵ Châu Trọng Thủy, Anh có lý, Cờ tiên, Anh em và bè bạn, Trang Tử khóc vợ, Chử Đồng Tử và Tiên Dung, Hai hộp trà, Nhị Khanh, Cái bình đánh cắp, Rủ nhau cùng chết, Sự tích con dã tràng, Người đầu bếp và con cá, Sự tích Nguyễn Kỳ, Truyện Hứa Do, Đứa con của người chết, Trầu cau, Cơi trầu của bà tôi.

Huyền truyện miền thanh lãng không phải chỉ là những cổ tích hiểu theo nghĩa thông thường, mà Phạm Duy Khiêm dùng cổ tích như cái cớ sáng tạo và truyền bá tư tưởng. Ông viết lại cổ tích với một văn phong đầy chất thi ca và hướng về độc giả Tây phương, ông tìm cách giải thích những mấu chốt trong tâm hồn Việt, trong văn hóa Việt, xuyên qua ý nghĩa một huyền thoại. Với bút pháp tế nhị đầy cảm xúc và hình ảnh, Phạm Duy Khiêm dựng nên những mẩu đời, mẩu mộng khác thường, thoát khỏi cách kể truyện cổ tích bình thường, dù cho chúng có bắt đầu bằng hai chữ 'ngày xưa'...

Dưới tựa đề *Le cristal d' amour* (*Tình pha lê* hay *Thủy thể tình yêu*), Phạm Duy Khiêm, sau khi kể chuyện Trương Chi, dịch hai câu thơ:

Nợ tình chưa giả cho ai
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan

sang tiếng Pháp và giải thích: "*Tuyền đài là gì? Là cõi ngoài, là cánh đồng nhật quang lan, là bóng tối của rừng sim bất tử.*" Rồi ông hướng dẫn người đọc Tây phương tìm hiểu hai chữ *nợ tình* trong tâm hồn Việt: "*Nợ tình ở đây là gì? Người ta có thể nghĩ đến Mỵ Nương nợ Trương Chi, nhưng đối với người An Nam, biểu tượng này còn có một ý nghĩa cao đẹp hơn. Trong niềm tin của người Việt, tình yêu nào cũng là tiền định, sự xum họp nào cũng là hậu quả không thể tránh được của một món nợ tiền kiếp. Cho nên khi hai định mệnh ràng buộc với nhau là họ đã chung nhau tháo gỡ một gánh nặng. Vì thế Mỵ Nương tất nhiên phải gặp anh thuyền chài, mặc những ngăn cách. Khi nàng nghe thấy tiếng hát trên sông, khi chàng ngày đêm tưởng nhớ đến khuôn mặt yêu kiều thoảng thấy, họ phải tìm đến nhau và hai trái tim mù lòa cùng đập theo nhịp điệu định mệnh.*

Bởi họ không được xum vầy lúc chàng còn sống, món nợ vẫn còn đây, cho nên Trương Chi không thể tan hình biến dạng sau khi chết.

Viên ngọc trong như pha lê mà người ta tìm thấy trong quan tài Trương Chi nhiều năm sau, không chỉ là những tàn dư của một tình yêu phi thường đọng lại sau khi thân xác đã tan, mà đó là con người toàn thể và trọn vẹn, đó là tử hậu hình hài, đó là khuôn mặt của định mệnh dang dở đã kết tinh để đợi chờ."

Đó là những "lời bình" truyện Trương Chi, dưới ngòi bút Phạm Duy Khiêm mà chúng tôi thử phỏng dịch. Lối viết "cổ tích" của ông là như thế, văn chương ông như thế, cho nên, hơn nửa thế kỷ qua, vẫn chưa ai thay thế được Phạm Duy Khiêm trong ngôi vị "đại sứ" cho văn hóa Việt tại nước ngoài.

Sự tích dã tràng có nguồn gốc cổ tích từ chuyện một thanh niên tên Dã Tràng, tình cờ cứu được thần rắn nên vị thần tặng chàng viên ngọc quý, chỉ cần ngậm ngọc vào miệng là nghe được tiếng nói muôn loài. Nhưng vì bất cẩn, Dã Tràng đánh rơi ngọc xuống biển, tiếc quá nên khi chết, chàng trở thành con dã tràng, ngày ngày xe cát lấp biển để tìm ngọc.

Không dừng ở chủ đề chính về những công trình hoang tưởng của con người *"dã tràng xe cát biển đông, nhọc mình mà chẳng nên công cán gì"*, Phạm Duy Khiêm mở thêm một triết lý sống khác:

"Dã Tràng đã sống hạnh phúc như thế giữa nhà vua và vạn vật, từ những sinh vật nhỏ li ti đến những mãnh vật khổng lồ, từ loài có cánh, biết bay, đến loài có chân, biết chạy, biết trèo (...) Ban đầu, nhà vua hết sức chăm chú nghe những lời đàm đạo của vạn vật. Ngài nhận thấy những sinh vật không ngẩn ngơ như người ta tưởng, và con người đã lầm khi khinh bỉ chúng. Khinh bỉ chúng cũng có nghĩa là tự khinh mình, bởi chúng giống người lạ lùng, mỗi chủng loại tạo thành một thế giới riêng với những phi lý, tàn ác, những khổ đau riêng, hệt như xã hội loài người. Vua nghe mãi cũng chán. Để thay đổi không khí, ngài dẫn Dã Tràng đi dạo dọc theo bờ bể. Vua tôi cùng hỏi chuyện đủ loại kình, ngư... Ở đây cũng vậy, những cuộc đàm luận đứng đắn rất hiếm, chẳng mấy chốc nhà vua lại khám phá ra rằng, dân cư dưới nước cũng chẳng khác gì những sinh vật trên cạn, phần lớn chỉ toàn nói xàm, nói xấu để ám hại nhau." (trích dịch truyện Le crabe Dã Tràng)

Le crabe là bức tranh đời mà cuộc sống muôn loài được vẽ bằng hình ảnh, mầu sắc, được hát lên bằng những âm thanh sống động, mà chim muông, mây, cá... đều cất tiếng nói, một đời sống toàn diện trong quan niệm tạo vật huyền đồng, muôn loài như một. Không những Phạm Duy Khiêm đã thể hiện triết lý sâu xa của Lão Trang mà ông còn đưa ra những thực tế phũ phàng khi so sánh người và vật: con người cũng chẳng khác gì con vật, đâu đâu cũng chỉ nói xàm, nói láp, chẳng có đối thoại, luận bàn mà chỉ tìm cách xuyên tạc để hạ bệ và tàn sát lẫn nhau.

Nếu *Dã Tràng* trình bầy khía cạnh xấu xa trong con người, thì *Trầu cau* đưa ra những nét đạo đức, nhân ái, đầy tình yêu, lòng chân thành, trung tín của con người trong cuộc sống và sau cuộc sống. *Trầu cau* viết về sự biến dạng của con người thành cây cỏ. Người đọc có thể liên tưởng tới *La métamorphose* của Kafka, người biến thành bọ hung, nhưng hai dạng thức biến dạng métamorphose này hoàn toàn khác nhau: Kafka biến hình lúc còn sống, *Trầu cau* hóa thân sau khi chết. Kafka cho người biến sang vật để thấy người không bằng vật, người ác hơn vật. Phạm Duy Khiêm dùng sự tích trầu cau để vinh thăng cái đạo tình nghĩa: tình anh em, nghĩa chồng vợ, nghĩa tình như một đạo sống đẹp trong văn hóa phương Đông. Trong *Trầu cau*, tình nghĩa mang màu đỏ thắm của máu, nó không chỉ ở trong người, với người, lúc sống, mà nó len lỏi trong thân trầu, thân cau là những hóa thân của người sau khi chết. Rồi nó lại được hồi sinh, mãi mãi hồi sinh, trong những thế hệ đến sau... khi có ai đó, bỏ miếng trầu, miếng cau vào miệng... nó thắm thiết như dòng máu truyền đời không bao giờ phai lạt.

Trầu cau là phản đề của *Dã Tràng*. Viết *Trầu Cau* và *Dã Tràng*, Phạm Duy Khiêm muốn đem cái thiện, cái ác của con người hòa trong văn hóa, như để chứng minh rằng tinh thần văn hóa mà con người tạo ra hoặc diệt đi cũng chính là thể xác và máu thịt của họ.

Huyền truyện miền thanh lãng kết thúc bằng một đoản văn thật ngắn *La boite de bétel de ma grand-mère (Cơi trầu của bà tôi)*, khơi lại những mất mát của đời người, người bà, với những xót xa thầm lặng không tên tuổi:

"Tôi mất cha từ khi còn học trung học, sự ra đi của cha tôi là một gia hình đối với bà tôi. Bà đã dành hai năm để chết mà sau này tôi mới biết.

Mặc dầu đã tám mươi, bà vẫn còn mạnh; bà thường đi bộ đến thăm mọi người, xích lô thiếu gì mà cũng chẳng đắt lắm nhưng bà không thiết. Từ

khi cha tôi mất, bà không đi đâu nữa. Tôi trọ học xa, mỗi khi về thấy bà vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, bà ngồi xổm trên chiếc chõng mà cha tôi đã trút hơi thở cuối cùng, chỗ mà hai năm sau bà cũng theo cha, và có lẽ trước kia ông tôi cũng mất ở đấy, trước khi tôi chào đời...

Cha tôi để lại nhiều nợ nần, và trong những năm tháng dài bệnh tật, bạn bè quen biết dần dần xa lánh. Chỉ còn lại người vú của em trai út tôi, người vú duy nhất đã ở lại không công với gia đình sau khi tất cả những người hầu kẻ hạ khác lần lượt bỏ đi. Vú kể lại rằng: "Tội nghiệp cụ! Hôm qua cụ còn ngồi, chẳng nói chẳng rằng, trước cơi trầu. Tự nhiên cụ nhấc nắp hộp trầu lên, nhìn một lúc, bỗng bỏ xuống rồi oà lên khóc: Trầu đây, mà có ai đến đâu!"

Tôi im lặng không lộ xúc cảm, quay mặt đi. Trong ánh mắt của trái tim rưng lệ, tôi thấy bà đang sửa soạn cơi trầu, cẩn thận xếp từng miếng trầu vừa têm vào những ngăn gỗ sơn mài, cạnh những miếng cau cắt sẵn, bà không quên vài nhát rễ mỏng... Nhưng không ai đến nữa, ngày qua ngày, bà đã nhìn thấy những miếng trầu vô dụng, khô héo, úa vàng tàn tạ...

Tội nghiệp bà, con dâu bà đã giữ lại cơi trầu cũ, nhưng mẹ đâu biết là đối với tôi, nó thiêng liêng thế nào. Bởi vì mẹ không bao giờ đóng cơi trầu lại với tiếng kêu và nỗi đau của bà! Bà ơi! Con hứa với bà là sẽ giữ gìn nó, đó là cái cớ để con tiếp tục kéo dài cuộc sống phi lý trong cõi đời vô vị. Không! Đến hơi thở cuối cùng, con không quên, không có hạnh phúc nào trên đời làm con quên được giây phút bà đã oà khóc một mình bên cạnh cơi trầu."

Với vài dòng ngắn gọn, Phạm Duy Khiêm gói trọn những đớn đau của đời, của mình, của bà trong tim cháu. Bao nhiêu kỷ niệm đã sống lại với những âm thanh, màu sắc, hơi thở, nước mắt còn nóng của ngày xưa, gợi lên những tang thương biến đổi của cả gia đình, kéo theo những lớp sóng phế hưng dồn dập phủ lấp lên phong tục, lên những tinh hoa của cuộc sống bằng những lố lăng, những vô vị, những bạc bẽo mới. Trong sâu thẳm, nhà văn vẫn muốn tìm lại, trở về những nền móng cũ, muốn níu kéo những nét đẹp muôn thuở trong con người của những miền đất mà ông gọi là terres sereines, miền thanh lãng. Tất cả những huyền truyện ông viết lại ở đây, đều có tính cách giao hưởng giữa xưa và nay, giữa cũ và mới, giữa đông và tây, chúng ẩn giấu phần tâm sự tác giả, chúng tiên tri cái chết "khuất nguyên" của tác giả, của những người tài hoa quân tử: *"Ta trầm mình xuống dòng nước sông Tương, làm mồi cho cá, còn hơn là nhìn thấy sự trong sạch, không tỳ vết của ta bị vẩn đục bụi đời,"* chúng xác định những mong manh của phận người trong giấc mộng "nam kha" và chúng kết tinh những mối tình không trọn vẹn "mỵ châu trọng thủy": *"Dòng máu chảy từ thân thể Mỵ Châu, ngấm vào những con trai trên bến, phân tiết nên những hạt ngọc quý. Khi đem rửa chúng trong vịnh mà Trọng Thủy đã trầm mình, những hạt ngọc ngời lên óng ánh."* Cho nên *Huyền truyện miền thanh lãng* không chỉ giới thiệu với thế giới bên ngoài những mẩu truyện kỳ của đất Việt, mà còn nói lên triết lý sống - bằng bút pháp thanh cao, điêu luyện, của một nhà văn tài hoa, về tình yêu, về cái chết - một triết lý mang nặng khổ đau và cát bụi đời người ở những miền thanh lãng.

*

Nam và Sylvie

Nam và Sylvie (Plon, Paris, 1957, giải Louis Barthou của Hàn lâm viện Pháp), là một tự truyện. Phạm Duy Khiêm đã dành mười năm để viết hơn hai ngàn trang nhưng khi in cô đọng lại còn hai trăm trang, cuốn tiểu thuyết phóng tác theo nhật ký của tác giả. Phạm Duy Khiêm có thói quen hàng ngày ghi lại những sự việc xẩy ra, chép cả những đoạn thư của người yêu, người thân, những liên lạc xa gần... vào nhật ký. *Nam và Sylvie* là những mảnh nhật ký của đời mình mà 20 năm sau Phạm Duy Khiêm nhìn lại, với khoảng cách không gian và thời gian, để sống lại tuổi trẻ, nhận diện bản chất của đam mê, của tình yêu, và những sâu xé bên tình, bên hiếu, giữa người yêu và người mẹ, giữa đất Pháp trọ học và đất Việt quê hương, giữa người Pháp thực dân và người Pháp bản xứ... Tác phẩm trổi nên một niềm tự hào bản thân và tự hào dân tộc như một điệu nhạc thầm trong lòng người thanh niên thuộc thành phần ưu tú nhất của trí thức Pháp mà lại xuất thân từ một dân tộc bị chà đạp, khinh bỉ.

Cuộc đời Phạm Duy Khiêm phản ảnh lộ trình kiêu hãnh ấy, ông muốn vươn lên khỏi địa vị bị trị, nhược tiểu, bằng trí tuệ và tài năng, bằng lòng liêm khiết và can đảm, xác định mình như một người tự do trong vị thế bị tước quyền làm người. Không vào quốc tịch Pháp, mặc dù nhiều bạn Pháp khuyên ông nên nhập tịch để được hưởng những quyền lợi vật chất. Đã vậy ông còn muốn

bước qua tất cả những hình thức phù phiếm của danh vị và quyền lực thế tục nói chung: Từ chối chức quyền, từ chối gặp lại bạn cũ có lực quyền, lại còn thành thật tuyên bố với báo chí rằng: *"Đối với Pompidou tôi chỉ là bạn đồng học (condisciple) không phải là bạn tri âm (ami)"* mặc dù cả Pompidou lẫn Léopold Senghor đều nhắc tới Phạm Duy Khiêm như một *"bộ ba chí thân"* trong các diễn từ của họ. Nếu đem đối chiếu cách xử thế này với những đoạn Phạm Duy Khiêm viết về những người lính thất học, quen chửi hơn nói... trong *La place d'un homme, (Vị thế một người),* mới thấy ông xem thường bề ngoài, chức tước là nhường nào. Phạm Duy Khiêm tự đặt mình xuống địa vị thấp nhất của một gã lính trơn indigène để tìm hiểu những con người trần trụi, thô thiển, không có hành trang trí thức, để tìm ra những nét đáng quý của họ trong tinh thần bình đẳng và tương kính lẫn nhau. Nhìn thấy những ánh sáng ấy, qua kinh nghiệm sống khắt khe ấy, Phạm Duy Khiêm đã giải đáp được một nghi vấn sâu xa bằng một câu hỏi khác: *"Phải đến đất Pháp tôi mới hiểu được rằng phải chăng, để trở thành thực dân, một người Pháp phải từ bỏ sự sáng suốt và lẽ công bằng hay là khi xuyên qua đại dương, người ta đã thu hẹp chân trời lại?"*

Nam và Sylvie, là một truyện tình giữa hai sinh viên Pháp- Việt, Sylvie, ban văn chương và Nam, sinh viên Cao đẳng sư phạm, hai thực thể khác biệt nhưng bình đẳng. Phạm Duy Khiêm từ chối quan niệm exotisme (viết về những cái lạ, của lạ) trong các mối tình dị chủng: không *khai thác* khía cạnh khác biệt màu da, khác biệt phong tục và tôn giáo, mà phân tích sự va chạm giữa hai bản chất con người trước áp lực tình yêu. *Chuyện hai người*, một người đàn ông và một người đàn bà, vậy thôi, *hai người* đã cởi bỏ những lớp áo ngoài, những nhãn hiệu, đã từ bỏ phụ đề Pháp - Việt, đã dẹp mọi trở ngại văn hoá quốc tịch sang một bên, để sống với tình yêu, nhưng chính bản chất tự do của họ đã chống lại những ràng buộc của tình yêu. Có nhà phê bình Pháp thời đó đã so sánh *Nam và Sylvie* với *Princesse de Clèves* của Madame de la Fayette, trong khía cạnh phân lý tâm lý và với một bi kịch của Racine trong tính bi đát.

Nam và Sylvie là một truyện tình đắm đuối, thơ mộng nhưng cũng vô cùng sống động và thực tiễn trong bối cảnh khu la-tinh, trong khuôn viên cư xá đại học, nhà Đông dương, Sorbonne, trường Normale..., *Nam và Sylvie* có tính phổ quát của những mối tình muôn thuở, gặp nhau, "coup de foudre," yêu nhau, giận hờn,... lại có những nét đau thương, của những bi kịch mỹ châu trọng thủy: Nam học xong sẽ phải về nước, không thể đem Sylvie theo, mà cũng chưa chắc Sylvie đã chấp nhận cuộc sống lạ thung, lạ thổ xứ người.

Mở đầu là cảnh đoạn tuyệt. Trên đường về nước, Nam chờ Sylvie đến tiễn nhưng Sylvie không đến. Nam đợi trong tuyệt vọng. Rồi hơn hai mươi năm sau, khi viết lại những dòng nhật ký tình yêu này, nỗi đau cũ vẫn còn nguyên:

"Không một người nào mà không buồn tủi khi phải giã biệt nơi chốn mà mình đã sống khá lâu, dù chốn đó có là Paris, là nước Pháp, hay một nơi nào khác. Rồi lại phải xa lìa thủa sinh viên, thời trẻ của mình, điều cảm thấy không phải thứ buồn bã mơ hồ, mà là sự sâu xé thầm kín, đòi đoạn.

Ngoài ra, phải sinh ra làm người bản xứ của các thuộc địa, mới hiểu nổi những ám ảnh nặng nề gần như ác mộng, của một kẻ annamite - bây giờ được gọi là vietnamien - dám trở lại với đồng loại mình, thời ấy.

Riêng tôi, tôi đã chuẩn bị từ lâu: Tôi không bao giờ bỏ gia đình và đồng bào tôi. Tôi còn định về sớm hơn nếu không trượt kỳ thi thạc sĩ năm ngoái. Những lý do thông thường không giải thích được nỗi đớn đau cực độ của tôi trong những ngày cuối cùng ở Paris và những bối rối của tôi trong những giờ phút chót, Chính Sylvie, ý nghĩ sẽ mãi mãi mất nàng và sự vắng mặt của nàng trên sân ga, đã làm cho chuyến về này trở nên tàn nhẫn, xé nát diện mạo tôi đến không thể nào vá víu lại được."

Đoạn văn trên đây tiêu biểu cho nồng độ đớn đau, chia cắt trong toàn bộ cuốn tiểu thuyết, giữa gia đình, xứ sở và người yêu. Giữa Paris và Hà Nội, sự lựa chọn đã rõ ràng nhưng con tim có những đòi hỏi khác. Tác phẩm gồm thâu những đối thoại, độc thoại giữa hai người tình, dưới dạng những lá thư hoặc những lời ghi trong nhật ký, như bức thư Nam viết cho Sylvie:

"Sylvie thân yêu,

Anh viết cho em trên một chiếc băng, xe đạp của anh gác cạnh, dưới cái chái mỏng che mưa.

Hôm nay bưu điện không có thư em, anh đạp xe tới Orangerie, công viên tráng lệ, im lìm, ướt sũng những vũng nước trong. Không một bóng người ngoài vài bác thợ làm vườn đang cắt cỏ.

Những con thiên nga dạo trên hồ, mặt nước phản ánh một ngày xám. Cơn mưa nào giữ anh lại đây? Viết cho em, anh nghe mưa ồn ào trên

lá, nhưng chim vẫn hót giống như hôm nọ hai chúng ta ngồi một mình trong rừng... À, mưa bắt đầu thưa dần. Đầu lối, trong ánh sáng xanh, tối, lờ mờ, có bóng dáng một thiếu nữ...

- Là em.

- Dạ, em đây!"

Mơ hay thực? Nam có thấy Sylvie ở đầu đường hay họ đang gặp nhau trong tâm tưởng? Toàn bộ tiểu thuyết thoát ra không khí tri âm, giao hòa giữa hai tâm hồn đồng điệu. Những giận hờn, đoạn tuyệt, nối lại... của họ mong manh treo trên những sợi tơ cảm giác. Những tha thiết, yêu đương không toát ra từ những cử chỉ, lời nói, mà như thể tất cả xẩy ra trong tâm linh: họ đã không hai mà là một: một nửa tâm hồn nọ xung đột với nửa tâm hồn kia, khi Nam than rằng Sylvie không hiểu, cứ tưởng concours thạc sĩ đối với Nam dễ ợt, chẳng học cũng đỗ. Thực ra thì Nam đang tự đối chất với mình: một nửa tính kiêu vì tài của Nam muốn coi kỳ thi concours này là dễ cho nên chàng vẫn dành thì giờ dài rộng đi chơi với người yêu. Nhưng một nửa kia, nửa ham học của Nam, muốn chống lại. Càng tiến sâu vào tình yêu, họ càng thấy sự nghèo nàn của chữ nghĩa. Tiếng nói không thổ lộ hết được những diễn biến xẩy ra trong thân thể, trong đầu óc. Ngôn ngữ không diễn tả được trăm ngàn ngõ quặt của tâm hồn mặc dù họ vẫn phải xuyên qua ngôn ngữ để trò chuyện, để ký thác tâm sự.

Những ai đã từng du học tại Pháp sẽ thấy lại toàn cảnh sinh hoạt một thời, những buổi dạ vũ cuối năm, những sửa soạn triển lãm của sinh viên, những cuộc tranh luận trong cư xá đại học... Tuổi trẻ với những hăng say, những thao thức, suy tư, với những lý tưởng, những thất vọng đầu đời... tất cả đều có mặt trong nhật ký Nam Liên viết đã hôm qua, mà dường như đang còn xuyên suốt hôm nay, cái sinh lực sống ấy, cái mãnh lực tình yêu ấy, để tồn tại.

Người sinh viên già Nam Liên, hai mươi năm sau nhìn lại dĩ vãng 1933, vẫn thấy tim mình tha thiết đập. Và thế hệ hai mươi bây giờ, 2003, nếu đọc *Nam và Sylvie*, cũng sẽ bắt gặp những sôi động của chính mình, bởi dường như tất cả những gì chân thật nhất, tinh khiết nhất của con người, xưa và nay, chưa hề thay đổi. Những yêu, ghen, hờn, giận vẫn gặp nhau, những đam mê vẫn có chung một tâm sự, một vấn số. Và có lẽ đó là thông điệp tình yêu mà *Nam và Sylvie* để lại cho đời.

Một buổi dạ vũ cuối năm ở nhà Đông Dương trong cư xá đại học, Nam đang học thi trong phòng trên gác, chẳng muốn dự, nhưng cũng bước xuống tìm vài phút thư dãn, đúng lúc ấy Sylvie bước vào. Trước tiên là sự gặp gỡ của đôi mắt như một tiền duyên và họ đã khiêu vũ đã chuyện trò đến sáng... như tất cả những truyện tình, nhưng ở đây ngòi bút tài hoa và tế nhị đã nói lên tất cả những gì không nói được, nói lên sự bất lực của chữ nghĩa càng khiến người đọc dễ nhập vào tâm hồn *Nam và Sylvie*. Ai đó, tình cờ dở vài trang nhật ký của Nam, sẽ có cảm tưởng như mình vừa tìm lại một mảnh thời gian, một khúc đời đã mất, với những xúc động như chính mình vừa sống, vừa yêu, vừa trải qua những giây phút ấy.

Tình yêu là gì? Nếu không là hủy thể. Mỗi ngày một bào mòn thể xác và tâm linh qua những lời thư, những cãi nhau, những vô lý, những hòa dịu, xin lỗi, những tình cảm, những nhớ nhung tha thiết? Mỗi ngày phải đổi mới cung cách yêu đương, mỗi ngày phải tìm những giận hờn khác, phải leo thang trong khổ đau và hạnh phúc ngày một lớn hơn, phải đương đầu với những tuyệt vọng sâu xa hơn, phải bào mòn sinh lực nhiều hơn, phải cho, phải nhận nhiều hơn... Càng tiến dần đến đỉnh cao của tình yêu, *Nam và Sylvie* lại càng kiệt sức, như thể đỉnh cao tuyệt vời mà họ muốn vươn tới cũng là hố thẳm của tàn lụi và tan vỡ. Tình yêu của họ tan vỡ trước khi chia tay, chấm dứt trước khi đoạn tuyệt như thể trong cõi người không có gì sống sót được. Tất cả đều phải chết. Mọi con đường đều dẫn đến cõi chết. *Nam và Sylvie* là tấm gương phản ánh tất cả những cuộc tình trong một. Mỗi người, đều tìm thấy một mảnh của mình trong một không gian nào đó, thời gian nào đó, đã sống, đã hẹn hò, đã yêu, đã nhớ, đã khóc, đã khổ đau, đã hạnh phúc, đã tuyệt vọng, đã đoạn tuyệt... và khi đã sống hết với tình yêu, thì sẽ không có vấn đề ngăn cách màu da, ngăn cách văn hóa, không có trở ngại ngôn ngữ, không có bất cứ trở ngại nào có thể chia cắt được ngoài sự đứt đoạn đến tự hai người, đến từ bản chất của tình yêu, đến từ sự vấn số của đam mê. Sau đứt đoạn đó, có thể *Nam và Sylvie* vẫn còn yêu nhau, nhưng sẽ yêu nhau trong một bối cảnh khác, họ đã bước qua "xác chết" của cuộc tình, và nếu họ có gặp lại nhau trong tâm tưởng, thì đó là cuộc tình mới, cuộc tình thứ nhì, cuộc tình sau cái chết.

Paris, tháng 5 - 12/ 2003

PHẠM DUY KHIÊM KHÔNG CÒN NỮA

PHẠM TRỌNG NHÂN

Một tin vắn từ Paris vọng về cho biết: Phạm Duy Khiêm đã trút hơi thở cuối cùng ngày 5 tháng 12 năm 1974, tại một nông trại nhỏ cách tỉnh lỵ Tours hơn sáu chục cây số. Ông sinh năm 1907: như thế là thọ được 68 tuổi, tính theo theo lối Việt Nam.

Lẽ dĩ nhiên, đây là một tin buồn. Nhưng tin buồn này độc đáo, không giống một tin buồn nào khác, từ trước đến nay, và có lẽ cả từ nay về sau. Trong hàng ngũ các người đồng bối, không một nhân vật nào lúc sinh thời đã gây nhiều phản ứng, dù là ác cảm hay thiện cảm bằng Phạm Duy Khiêm.

Ông được người đời mến thương, thán phục; ông bị người đời ghét bỏ, coi thường. Mà dù ở trường hợp nào đi nữa, cảm tưởng về ông, khắt khe hay nồng nhiệt đều cùng một cường độ như nhau. Đối với những ai thuộc thế hệ ngày nay 45 tuổi trở lên, ông là một dị nhân tài ba, có tính tình quá độc đáo, có lẽ do đó mà suốt đời chỉ là một chuỗi thất bại mặc dù thật huy hoàng và oanh liệt.

Ông bị người đồng thời trách là mất gốc, là thân Pháp, là chỉ nói và viết tiếng Pháp. Dẫn chứng: ông toàn viết sách Pháp, được các phần thưởng văn chương Pháp; dịp đệ nhị thất chiến, ông tình nguyện gia nhập quân đội Pháp chống Đức, không với đẳng trật sĩ quan hay hạ sĩ mà nhất thiết đòi cho được mang nhung phục lính trơn, hạng nhì. Sót sa trước những bậc đại hà khắc của chính quyền Pháp đối với dân Việt Nam "bản xứ" (indigène), ông phản kháng chống đối, bằng đường lối riêng của ông, một đường lối quá tế nhị, tinh vi, khiến người đời không hiểu hay khó hiểu.

Đậu thạc sĩ (người Việt nam đầu tiên đậu thạc sĩ Pháp), ông là bạn đồng học của cố Tổng Thống Pháp G. Pompidou, và đương kim Tổng Thống Sénégal L.S. Senghor. Được bổ nhiệm giáo sư Pháp văn tại trường trung học Pháp Albert Sarraut ở Hà Nội, ông lãnh lương không bằng một viên sĩ quan cảnh sát Pháp, mà trình độ học vấn chứ chưa nói đến văn hoá, không bằng học trò của ông. Phạm Duy Khiêm tỏ vẻ ngỡ ngàng nếu chưa muốn nói là phản đối, và được chánh quyền thuộc địa kín đáo trả lời: vì người công chức Pháp phải xa lìa "mẫu quốc" sang "thuộc địa" chịu đựng "lam sơn chướng khí"; vả chăng người Pháp làm bổn phận quân dịch mà người "bản xứ" không làm.

Một số người Pháp "tiến bộ" muốn giải quyết vấn đề bằng một biện pháp dễ dãi, có khuyên ông nhập Pháp tịch. Ông không chịu, nhưng ông "đi lính," để sau này dễ ăn nói với người Pháp. Ăn nói không phải cho riêng ông, mà cho một chính sách hợp với lẽ trời và hợp với tình người.

Toàn Quyền J. Decoux tặng ông mỹ danh là "con tinh thần của nước Pháp (fils spirituel de la France) trong khi dư luận bất bình, cho ông là "bảo hoàng hơn vua, ngoan đạo hơn linh mục"! Ông trả lời đại để và gián tiếp trong cuốn *De Hanoi à La Courtine*: "Khi nhà hàng xóm cháy, bổn phận ta là phải góp phần chữa cháy. Có ai đang tâm nêu câu hỏi: đám cháy tắt, gia chủ sẽ đền ơn bằng những gì, và cách nào?"

Ông ý thức lương tâm chức nghiệp tới cao độ, có thể nói là lập dị hay điên dại. Chấm thi Tú Tài Pháp, môn Pháp văn, nếu thí sinh không được 6/20 điểm trở lên thì đương nhiên bị loại : cổ kim chỉ có Phạm Duy Khiêm dám đôi khi hạ bút phê điểm 1/20 hay 5,75/20. Khiến cho thí sinh không những rớt mà còn ấm ức.

Quân đội Nhật chiếm đóng đóng Dương. Các khu phố thủ đô Hà Nội phòng thủ thụ động. Đốc Lý Hà Nội (người Pháp) ngợi khen công cuộc hoàn hảo. Phạm Duy Khiêm công khai tuyên bố rồi viết thư phản đối: ông đề nghị phải tổ chức cho thực tình chớ không vị hình thức.

Dưới thời Pháp thuộc, đã nhiều lần ông đọc diễn văn nhân lễ phát thưởng cuối năm học, hay trong các dịp long trọng khác, diễn văn của ông

bao giờ cũng được coi như cô đọng, mẫu mực và tinh túy: không những người Việt Nam biết tiếng Pháp mà ngay cả người Pháp đại trí thức cũng đều hết mức thán phục.

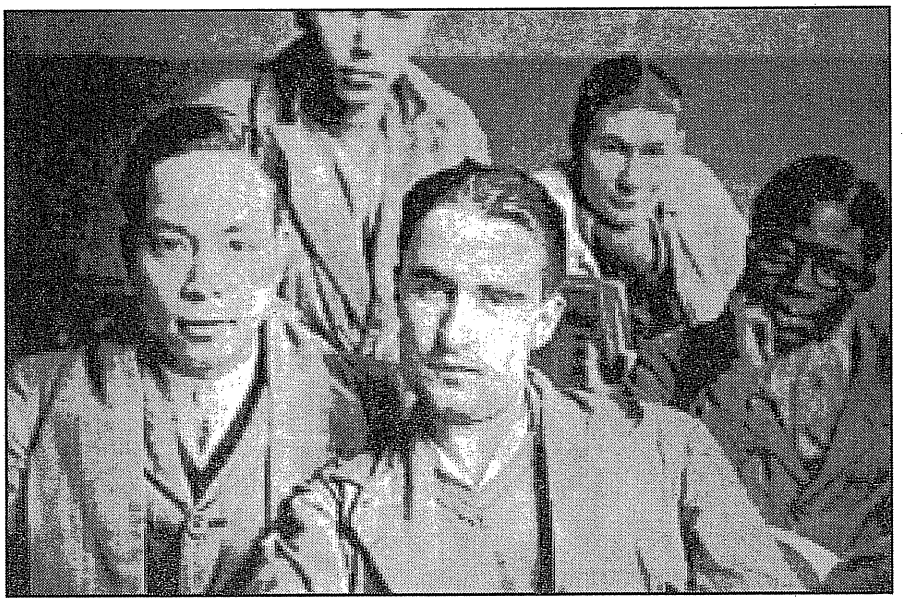

Thời học Normale, hàng đầu, từ trái: Phạm Duy Khiêm, Georges Pompidou và Léopold Senghor

Sang Pháp công cán, ông được Bộ Quốc Gia Giáo Dục (Pháp) ủy nhiệm nói chuyện trên đài Phát Thanh Paris cho học sinh các trường trung học, ông chọn đề tài Trương Chi Mỵ Nương, nói lên tất cả vẻ nên thơ của tình người Việt Nam, đứng hẳn lên trên hay bên lề giai cấp, lên trên không gian và bên ngoài cả thời gian.

Năm 1942, ông lãnh phần thưởng văn chương Đông Dương. Lẽ tất nhiên, ngoài các người Việt Nam, Cao Mên và Ai Lao, còn có nhiều nhà văn Pháp tham dự. Đó là nhờ cuốn *Légendes des Terres Sereines*. Với quan niệm thời đó, và rất có thể là ngay đối với cả thời nay, dù sao thì sự kiện cũng đã làm vẻ vang cho dân tộc.

Khi dạy học tại trường tư thục Roche bên Pháp, ông đọc diễn văn về T.T. Thích Quảng Đức. Khi còn là Đại Sứ Việt Nam tại Pháp, ông được trường Đại Học Văn Khoa (tôi không nhớ Toulouse hay Bordeaux) mời diễn thuyết và tặng bằng Tiến sĩ danh dự. Bài diễn văn của ông được các giới thức giả địa phương hết lời tán tụng: tước vị đại sứ có thể do những yếu tố nào khác đưa tới, và có thể đoản mệnh (exellence éphémère); còn tư cách văn nhân lỗi lạc do chính mình tạo nên mới thật đáng quý và có khả năng trở thành bất tử hay ít ra trường cửu.

Có nhiều lần, sau hay trong giờ làm việc nơi Sứ Quán, ông hội họp một số nhân viên, uống nước trà, ăn bánh ngọt để nghe ông đọc văn của ông. ''Tự kỷ văn chương'' âu đó cũng là lẽ thường của con nhà văn vậy. Ông ca tụng, dẫn chứng những đoạn mà ông cho là hay, mà hay ở chỗ nào, tại sao? Ông gật gù, lên bổng, xuống trầm chẳng khác một nhà nho xa xưa, ngâm vịnh ''chi, hồ, giả, đã...''

Có người cho ông là "gàn," ''không chịu được''! Nhưng có lẽ các cử chỉ ''gàn'' nhất của ông nhân danh là Đại Sứ, là mấy việc điển hình sau đây :

- Tùy khả năng và nhất là nhu cầu chức nghiệp của một số cộng sự viên đắc lực, ông thường kín đáo giúp đỡ, bằng quỹ mật, đôi khi bằng tiền riêng. Không ngờ và cũng ít ai khác được biết.

- Ông coi những cộng sự viên như đàn em, khuyên răn, chỉ thị, thật tâm tình và thật tận tình. Đôi khi cũng có gắt gỏng, nhưng thật bộc trực với tất cả tấm lòng huynh đệ. Thái độ của ông là thái độ của một kẻ trượng phu: lãnh trách nhiệm về mình mà không cần lập công theo cái quan niệm thường tình.

- Là đại sứ, ông thận trọng và trịnh trọng phục vụ quốc gia, triệt để không bợ đỡ phục vụ cá nhân: có thể là ông nghĩ sai hay đúng, nhưng mối ưu tư thường xuyên của ông là quyền lợi đất nước và phẩm cách con người. Làm đại sứ, ông luôn luôn duy trì một cá tính mạnh, không đội trên, không những không đạp dưới mà còn bênh dưới hết mình. Có lần, một phu nhân thế lực của chế độ có ý làm một việc gì đó mà ông không tán thành. Ông cương quyết chống đối thẳng tay, không gượng nhẹ. Có lẽ vì vậy mà ông không ngồi ghế Đại Sứ được lâu. Khi đứng dậy, làm biên bản bàn giao, ông để lại quỹ mật có tới cả chục triệu quan. Để sau đó, rũ áo ra đi, nghèo túng, trong khi ông rất có thể giữ lại một số nào

trong ngân khoản mật, để "lần hồi độ nhật" trong thời gian chờ đợi. Ông từ biệt sứ quán đi dạy học tư. Sau này ông còn làm các nghề: đọc bản thảo để chọn tác phẩm, sửa chữa các bản in, phụ trách nhiều việc khác thật khiêm nhường không ngờ, tại một nhà xuất bản ở Paris. Có người trìu mến tặng ông hỗn danh là "nhà nho Tây."

Không biết vì tình nghĩa xưa hay vì là do văn hoá, chính trị, chính phủ Pháp có lần mời ông làm giáo sư tại Paris. Phạm Duy Khiêm đã khiêm nhường và cương quyết khước từ. Ông lập luận và viện lẽ: ông là công dân Việt Nam không thể làm công chức cho chính phủ Pháp, mặc dù chỉ là tạm thời hay vì lý do đặc biệt và mặc dầu những văn bằng của ông là do chính phủ Pháp cấp.

Khi G. Pompidou bạn đồng học được chỉ định làm Thủ Tướng, một số ký giả Pháp có đến tận nông trại phỏng vấn. Phạm Duy Khiêm trả lời có thể là rất chân thành, nhưng đứng ngoài nhìn vào thì thực biết bao ngạo mạn: "Đối với G. Pompidou, tôi chỉ là bạn đồng học (condisciple) không phải là bạn tri âm (ami)." G. Pompidou có lần muốn gặp Phạm Duy Khiêm. Ông trả lời "... có thể hân hoan tái ngộ với bạn học cũ chớ không yết kiến Thủ Tướng."

L.S. Senghor sáng tác văn và thơ có gửi tặng Phạm Duy Khiêm. Ông đã bình phẩm thật chân thành, khe khắt, nếu chưa muốn nói là chê bai thẳng thắn. Mặc dù vậy khi Tổng Thống G. Pompidou công du Sénégal, cả Pompidou lẫn Senghor đều nhắc tới Phạm Duy Khiêm trong các bài diễn văn và đáp từ.

Chúng ta hãy nghe cả Pompidou lẫn Senghor tâm sự:

Senghor: "Pompidou, Khiêm và Senghor đã sớm trở nên một bộ ba chí thân."

Pompidou: "Chẳng phải vì tò mò mà tôi đã hướng tới người bạn chung của tôi là Phạm Duy Khiêm. Lẽ tất nhiên tôi giầu lòng cảm mến đối với người từ phương xa tới, mà lại thấu hiểu văn hóa của chúng tôi, không phải chỉ riêng nước Pháp mà còn cả La Tinh, Hy Lạp. Dầu sao, với thời gian, ba chúng tôi đều trở nên thân thiết. Không một chút khó khăn, tôi nhận thấy ở các bạn tôi một thái độ kiêu hùng, hãnh diện vì dân tộc và tha thiết với đất nước, mặc dầu rất thấm nhuần văn hóa của Âu châu và nước Pháp." (trích bài Ý NGHĨA và BÊN LỀ MỘT CUỘC CÔNG DU đăng trên BÁCH KHOA số 340, 1 tháng 3,1972).

Một thanh niên qua Pháp, có mang tin tức và quà cáp từ Saigon sang để trao cho ông. Ông hẹn sẽ gặp ở sân ga tỉnh Tours, và về nông trại, đường đi xa xôi, diệu vợi, các chuyến tầu tới rồi đi mà không thấy Phạm Duy Khiêm. Sau cùng, ông tới nơi, hơi trễ một chút, không bằng xe lửa mà bằng xe gắn máy. Trời lạnh, đường dài hơn sáu chục cây số: nhà mô phạm, nhà văn hào, nguyên đại sứ Phạm Duy Khiêm lúc đó 67 tuổi. Và sự kiện mới xẩy ra hồi năm ngoái!

Từ nhiều năm nay, ông chơi "hụi" theo thể thức Tây phương. Hình như cách đây khoảng một năm, ông có lãnh một số tiền lớn; lớn đối với ông chứ thực chẳng nghĩa lý gì đối với một số nhà "ái quốc" "hi sinh" của thời đại mới! Ông trang trải các món tiêu ở nông trại, sắp xếp một vài công tác, trong đó có vấn đề tang lễ của ông ủy thác cho một hãng chuyên môn phụ trách.

Phạm Duy Khiêm đã sống, và đã chết. Như một cơn gió thoảng qua, và như ông muốn vậy. Một cuộc sống ngắn ngủi trước vô biên, và theo sau đó, là cuộc viễn du quyết liệt. Để cát bụi trở về cùng cát bụi.

Ông đã tự chọn cái chết, và ngày chết. Sự kiện còn nóng bỏng, chưa cho phép chúng ta bình phẩm dài dòng. Nhưng tôi tin rằng những ai đã từng ngưỡng mộ ông, giờ đây lại càng cảm thấy ngậm ngùi thương tiếc. Về phần những ai đã từng không đồng ý với ông, giờ đây chắc cũng không hẹp hòi gì để thành tâm cầu nguyện cho linh hồn người quá cố.

Ước mong rằng những bóng cây thảm cỏ không tủi hổ với sứ mệnh rủ là hay che phủ trên nấm mộ sâu: con người nằm đó đã có một tâm hồn khác thường, suốt đời cô đơn, suốt đời thất bại, mặc dù là oanh liệt huy hoàng. Có điều mà ai nấy đều phải nhận chân là con người ấy đã không hề phản bội ai, và không chấp nhận phản bội với chính mình.

Một lần mình khóc, lần người khóc
Sống thác đôi lần, giọt lệ rơi...

Cách đây 68 năm, nơi quê hương đau khổ, Phạm Duy Khiêm đã cất tiếng khóc chào đời. Ngày nay, nơi quê người đất khách, Phạm Duy Khiêm đã cô đơn vĩnh biệt cuộc đời. Và ngày nay, đến lượt chúng ta cất tiếng khóc và thắp nén hương, để chào tiễn Phạm Duy Khiêm, để vĩnh biệt một tâm hồn đơn côi, hữu tài nhưng không hữu dụng, vì không biết thích nghi với thời cuộc, và "sinh bất phùng thời."

Saigon 13 tháng 12, 1974

Một Mối Tình Việt-Pháp Tuyệt Đẹp

NGUYỄN ĐÌNH HÒA

(Để tưởng nhớ Giáo sư Thạc sĩ Phạm Duy Khiêm)

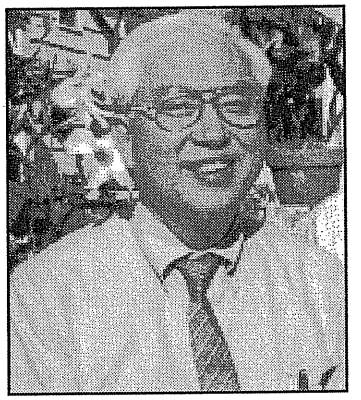

GS Nguyễn Đình Hòa

Bức thư dài mười một trang viết tay, đề ngày 26 tháng 2 năm 1975, cô F. gửi từ Nhật sang cho tôi (lúc đó đang được nghỉ dạy nửa năm ở Viện Đại Học Nam Illinois để tìm học thêm về Hán-Nôm tại Viện Đại Học Luân đôn bên Anh Quốc). Bức thư hàng không ấy, viết bằng tiếng Pháp, có một đoạn tôi dịch như sau :

Từ khi được tin đó về tấm thảm kịch, tôi bám giữ những mẩu tin, tôi và đọc đi đọc lại những bức thư cũ. Lòng tôi nặng trĩu, mà không biết nói với ai. Giáo sư Nguyễn Khắc Kham đã kinh hoàng về tin người bạn cũ, có lẽ gần bằng tuổi nhau.

Tin kia chính là tin dữ về một ngôi sao sáng đã vắng tắt trong bầu trời trí thức Việt Nam: Giáo sư Thạc sĩ Phạm Duy Khiêm tự sát năm 1974, cách đây 24 năm.

Cô F. hỏi tôi:

Có lẽ giáo sư biết rằng tại Pháp đã có một cuộc đình công của nhóm của nhân viên bưu điện lâu gần hai tháng (từ 17 tháng 10 đến đầu tháng chạp 1974). Mãi tới mùng 3 tháng 12 thư từ mới lại bắt đầu được gửi đi. Hôm 12 tháng 12, tôi nhận được một thư phong bì aérogramme của ông Phạm Duy Khiêm nói rằng:

''Thứ bẩy 2 Novembre. Đình công vẫn tiếp tục. Lá thư chót của anh và có lẽ, hay chắc chắn nữa, lá thư trước đó đã không được gửi đi, và được giữ lại ở một nơi nào, có lẽ mất hẳn. Và lẽ tất nhiên, anh chẳng nhận được thư nào của em.

''Một hai hôm sau: Dù có bị cúm hay không, anh vẫn có những "ý nghĩ đen tối." Một ngày sau, một ngày sau: Vẫn còn đình công. Tối hôm qua, mệt quá, anh đã quên tắt ga, thành ra thắp cả đêm. Xin gửi cho anh ít quần áo. Mấy hôm rồi, anh có đã nghĩ đó."

''13 Novembre: Anh vừa đọc lại câu trên. Cái ''ý nghĩ mà anh có mấy hôm ấy'' bao giờ nó sẽ đến với em nhỉ ? Anh có cảm tưởng rằng nó sẽ chẳng bao giờ đến được tới em. Anh mong em biết rằng tại Pháp vẫn còn đình công ở Bưu điện. Nhưng dù em biết thế đi chăng nữa, anh cũng tự hỏi rằng không biết sự thiếu dấu hiệu là anh còn sống nó có ảnh hưởng gì tới em không?''

''16 Novembre: Anh vào nhà thương. Cuộc đình công tiếp diễn. Nhưng anh vẫn cứ bỏ thư này vào thùng thư."

Cũng hôm 12 tháng 12, tôi nhận được bức thư của ông NKK từ Tokyo cho biết tin cái chết của ông ở bên Pháp.

Tôi vẫn còn hi vọng vì giáo sư K đã viết:"Xin gửi cho anh ít quần áo (Envoyez vêtement!). Tối hôm đó, tôi soạn một gói quần áo. Tôi không khóc được. Tôi trông thấy gia đình (nhà chồng) xếp hàng nhìn tôi. Trong có vài tiếng đồng hồ, tóc tôi bạc hẳn.

Tấn thảm kịch kia chính là việc Giáo sư Thạc sĩ họ Phạm tự tử bằng cách vặn khí đốt trong bếp, rồi khi bắt đầu ngột thở thì vẫn quần áo chỉnh tề, còn bỏ ra ngoài sân và trầm mình xuống dưới ao bên cạnh nhà, mặc cho làn nước kết liễu đời mình, theo lời xác nhận của người em, nhạc sĩ Phạm Duy, trong thư viết cho tôi. Còn cô F. thì cũng ngày 12-12-74, cô nhận được thư của Giáo sư Nguyễn Khắc Kham (năm ấy đang dạy học ở Đại Học Ngoại Ngữ Tokyo) cho biết ông bạn cũ đã mất.

Cô F. viết tiếp :

"Tôi đã viết thư để hỏi tin ở làng ông ta, ở thị xã, hỏi linh mục, hỏi sở Cảnh Sát, sở Xã Hội. Mãi về sau mới có trả lời... Trong khi đó thì những lá thư phong bì (aérogramme) lần lượt tới nơi từng bức một.

''Ông thợ mộc bảo anh chắc không sống lâu đâu.

''Anh đã mất việc. Làm sao sống được những tháng tới đây ?''

Cái làng đó hình như giống cái làng được miêu tả trong tiểu thuyết của Balzac, người ta cứng rắn và vụ lợi, đàn bà cũng thế... Tôi có vài món quà của học trò, tôi tính gửi cho họ để cầu xin họ cho tin tức ông giáo sư, nhưng họ không trả lời và tôi đã không gửi kèm những con tem hồi đáp. Và những sự câm lặng đó, tôi gần như hi vọng ông Khiêm vẫn còn sống... Nhưng rồi gói quần đó bị trả lại.

Cô y tá kiêm phụ tá xã hội trong vùng đã viết như sau : ''Ông Khiêm đã lâm vào tình trạng suy sụp tinh thần đáng kinh sợ, nên phải đưa vào bệnh viện. Sau 15 ngày, ông đòi về nhà hôm thứ bẩy, và ban đêm ông đã tự tử.'' Nếu tình trạng gọi là kinh sợ thì sao họ lại cho ông Khiêm xuất viện ?

Trong những bức thư tôi đem ra đọc lại, ông Khiêm nói tới chuyện lo thiếu tiền, mỏi mệt vì dọn nhà, và muốn ở một mình. Ông ấy đã tìm được một cô bạn gái cũ, nhưng cô ta chỉ nghĩ đến hôn nhân và ông ta cho đi luôn vì cô ta không vâng lời. Còn ba cô khác ở trong làng đều nuôi hi vọng, nhưng ông Khiêm đã nói với tôi là ''các cô ấy không đáng hôn !'' Ông giáo sư không bao giờ nói tới chuyện quyên sinh.

Người chủ nông trại La Gâte ở Évaillé khi trước thì chuyên môn ăn cắp của ông Khiêm, mà người làng cũng không phải lúc nào cũng tử tế cả. Giáo sư đã quyết định chỉ ở trong nhà và đã tậu cái trại La Hertaudrie ở Montreuil-le-Henri. ''Tiền sửa chữa sẽ tốn kém bằng cả giá nhà lẫn giá đất gộp lại.'' Lúc đó là sắp vào hè.

Khi ấy, người ta đã cho giáo sư biết là ''có thể sẽ không có việc giao cho ông làm nữa.'' Ủy ban Xét Lại Pháp Ngữ trước vẫn nhờ ông Khiêm sửa bài và duyệt sách trong thời gian ba năm gì đó. Tiền thù lao là mỗi tháng 1.000 phật lăng Pháp. Nhưng từ mùa hè, Ủy ban không gửi việc gì cho ông, mà thợ đã khởi công tu bổ ngôi nhà trại mới tậu. Những tin này tới với tôi sau tấn thảm kịch. Trong suốt hai tháng đình công ở Bưu điện, hình như không ai ghé thăm ông, ngay cả người làng cũng không.

Cô F. chưa hề bao giờ gặp ông Phạm Duy Khiêm. Cô viết :

"Dù biết rằng ông đã bước lên tột đỉnh của đài vinh quang, chưa bao giờ tôi có thể xua đuổi khỏi tim tôi ý nghĩ là định mệnh đã khắt khe đối với những người thuộc thế hệ ông! Bây giờ tôi hết sức cầu mong cho bạn bè của ông được sung sướng, khiến cho hạnh phúc của họ có thể an ủi cho những bực tiền bối không may mắn..."

Riêng người viết bài này thì được cái may mắn biết đôi chút về cuộc đời và sự nghiệp của Giáo Sư họ Phạm. Tại Hà Nội, vì học Trường Bưởi (tức Trường Trung Học Bảo Hộ - Lycée du Protectorat) từ 1937 tới 1944 nên tôi không được học Thầy Khiêm, Giáo sư của Trường Albert Sarraut là trường dành cho học sinh Pháp và một số học sinh Việt con ông cháu cha. Thời đó, tôi chỉ nghe tiếng là Giáo sư Khiêm chấm bài Pháp văn rất nghiệt, cho nhiều điểm âm (dưới zéro), đến nỗi có thí sinh tú tài bị trượt vỏ chuối đã dọa sẽ tạt át xít vào mặt giáo sư.

Con trai trưởng của nhà văn lớn Phạm Duy Tốn, cậu học sinh ưu tú Phạm Duy Khiêm sinh tại Hà Nội ngày 24 tháng Tư (Avril) năm 1908, đi học bậc tiểu học tại Collège du Protectorat, rồi bậc trung học tại Lycée Albert Sarraut. Học trình rất vẻ vang: năm 1931 được vào Trường Cao đẳng Sư Phạm bên Pháp.

Năm 1935 đỗ đầu kỳ thi bằng Thạc Sĩ Ngữ Pháp và sau khi về nước, dạy học tại mẫu hiệu của mình từ 1935 cho đến 1938 thì được bổ nhiệm vào Sở Báo Chí của Toàn Quyền Brévié và làm việc ở đó năm 1938-39. Năm 39 ông trở về dạy tiếng Pháp, tiếng La Tinh và tiếng Hi Lạp ở Trung Học Sarraut. Ông đăng lính vào Lục Quân Thuộc địa Pháp và phục vụ quân ngũ cho đến ngày đình chiến, rồi lại trở về dạy học.

Khi có người bạn hỏi tại sao ông lại tình nguyện đi lính cho Pháp, thì ông trả lời như sau (vào tháng 10 năm 1939):

Chúng ta có thể bất mãn nhưng vẫn chiến đấu cho nước Pháp khi nước ấy bị nguy hiểm. Người Việt Nam nào lại không hiểu thứ ngôn ngữ đó? Trong chúng ta, ai quên được truyền thống hào hùng và ý niệm xưa về quân tử, con người có lòng cao cả.

Có bạn hỏi tôi: ''Nhiều người tình nguyện đăng lính hơn nữa thì Pháp sẽ cải cách chính trị ư ? '' Tôi không đồng ý như thế! Ai mà suy tính như vậy thì có thể bị thất vọng. Tinh thần cao thượng đâu có cần được tiền tưởng thưởng. Khi cháy nhà hàng xóm thì dù ông láng giềng không thích mình thì mình cũng thể bảo: ''Tôi đem cho ông thùng nước thì ông sẽ trả tôi bao nhiêu tiền?'' (trích lá thư Lettre d'un engagé volontaire trong sách De Hanoi à La Courtine, đã được đăng lại trên tạp chí *Indochine* số 58, ngày 9 tháng 10 năm 1941, trang 7-8).

Một phụ nữ Pháp cư ngụ tại Lyon hỏi thì Giáo sư Khiêm trả lời từ Marseille hồi tháng 11, năm 1939 như sau:

Như bà biết, tôi đã thụ hưởng được nhiều điều thuộc văn hóa Pháp. Tôi không muốn nói những cái dĩ nhiên nhưng muốn đến những cảm tình, những mỹ ý dịu dàng, cuốn an-bom lật giở từng trang dưới ánh đèn, bầy trẻ chơi đùa ngoài nắng, những cây hạt dẻ...

Những cái tôi nhận được nơi đây lúc thiếu thời, những cái mà chính Bà cho tôi, tôi không bao giờ quên được mặc dầu ngần ấy năm tháng, và con đường chúng ta đã tách ra đôi ngả. Khi ta đã chia sẻ những ngày hạnh phúc thì tại sao ta lại không quay trở lại để chia sẻ những ngày khốn khổ.

Viết từ Paris cho viên Trung Úy L.C. người Pháp, Phạm Duy Khiêm nói :

Điều khó nhất không phải là từ bỏ hiện tại và tương lai, nhưng mà là tách mình ra khỏi dĩ vãng của tôi. Trong khi phá tan những cái đó trước khi lên đường, tôi nhận thức rằng những kỷ niệm rất xa xưa vẫn còn sống động. Tuy nhiên chỉ có một dấu ấn sâu đậm nhất: đó là tôi cảm thấy nỗi đau buồn của mẹ tôi.

Mùa Thu năm 1945, người viết bài này dự kỳ thi tuyển giáo sư sinh ngữ của Nha Trung Học Vụ do Giáo sư Ngụy Như Kontum phụ trách. Hai bài thi viết là dịch và luận, sau đó là phần vấn đáp. Biết rằng Giáo sư Phạm Duy Khiêm vừa chấm bài thi viết, vừa hỏi vấn đáp nữa, tôi khá run — vì ở bậc trung học, thầy Carjat chỉ dạy từ Anh sang Pháp rồi từ Pháp sang Anh mà thôi, chứ học sinh có được nói mấy đâu. Nhưng may thay tôi được trúng tuyển, và đỗ đầu nên được cử vào dạy ở Trường Chu Văn An mà tiền thân chính là Trường Bưởi, mẫu hiệu yêu quý của tôi, nơi tôi mài đũng quần trong bẩy năm, từ 1937 đến 1944.

Mãi về sau tôi nghe tin Giáo sư được cử làm Đại Sứ của Việt Nam Cộng Hòa tại Paris, và sau khi bị Tổng Thống Ngô Đình Diệm cách chức thì Giáo sư quay về dạy học ở miền quê nước Pháp, hàng ngày cưỡi chiếc xe mobylét lái đến trường làng.

Tập truyện cổ tích Việt Nam mà Giáo sư kể bằng thứ Pháp văn trong sáng cổ điển trong cuốn sách phần thưởng của tôi *Légendes Des Terres Sereines* [Nhà in Taupin tái bản - Hanoi, 1943] thì tôi mang theo sang Mỹ mùa Thu 1948 khi tôi được học bổng của Viện Giáo Dục Quốc Tế tại New York giới thiệu cho tôi theo học tại Union College. Lưu lạc tới thành phố Schenectady thuộc tiểu bang New York từ 1948 đến 1950, năm đầu được ăn ở miễn phí trong Hữu Xá Delta Upsilon Fraternity, những lúc nhớ nhà, tôi thường đem sách ra đọc và thưởng thức ''văn Tây'' của ông Thạc sĩ, không hoa mĩ như văn Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường (là thầy giáo Pháp văn của tôi ở hai lớp đệ tam và đệ nhị bên bờ Hồ Tây), nhưng ngắn gọn và sáng sủa vô cùng.

Vị Giáo sư mà tôi ngưỡng mộ bao năm, mãi đến năm 1972 tôi mới có dịp liên lạc và về sau được diện kiến. Chả là Viện Đại Học Nam Illinois (Southern Illinois University, nói tắt là SIU) ở Carbondale, tiểu bang Illinois — nơi tôi làm giáo sư Ngữ học và Ngoại ngữ Ngoại văn từ 1969 — có Trung Tâm Việt Học do tôi kiêm nhiệm từ năm 1969 với tư cách Phó Giám đốc (Giám đốc là Giáo sư H.B.Jcobin) rồi từ năm 1972 với cương

vị Giám đốc. Trung Tâm đó, Center For Vietnamese Studies (nói tắt là CVS), ngoài những giảng khoa về tiếng Việt, tiếng Lào, tiếng Mên, xã hội học, nhân loại học, kinh tế học, văn hóa Việt Nam v.v... có xuất bản mấy tập chuyên luận về văn hóa Đông Nam Á tên là Southeast Asia. Số ra mắt tập san này được gửi biếu các học giả khắp thế giới có liên hệ xa gần đến nền học thuật và văn minh Việt Nam ta.

Ngày 17 tháng giêng năm 1972, Giáo sư Phạm Duy Khiêm viết thư từ địa chỉ La Gâte, 72 Évaillé, vùng Sarthe, để cám ơn Trung Tâm. Thư đó có câu : ''Tôi nhận được báo chắc là do sự giới thiệu của ông Nguyễn Đình Hoà mà em tôi mới gặp gần đây. Có lẽ cũng là do kỉ niệm mà Giáo sư Wesley Fishel đã giữ về những lần ông ta gặp tôi trong Dinh của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm...''

Bức thư đề ngày 20-5-72 của Giáo sư Phạm cho tôi thấy vị giáo sư này không phải dễ tính:

Bạn,

Tôi bận và nghèo, phải kiếm ăn, nhưng không phải vì vậy mà chậm giả nhời bạn.

''Tôi đường đột viết trước sự thất lễ chăng ?'' Thế gửi tập san có khác gì ? Tôi buồn rằng : chính bạn Nguyễn Khắc Kham từ nhỏ đến giờ bẩm tính như vậy, cứ chỉ như vậy.

''Viết trước'' — Thế nào là trước, là sau? Làm sao tôi biết được bạn (là ai ? ở đâu ? muốn nói gì ?) mà tự tôi viết ''trước'' cho bạn được?

''Khuyên tôi nên liên lạc vân vân...'' Kham nói đùa, hay riễu tôi? Còn ai lạ gì : tôi không phải là người chuyên môn về tiếng ta.

Trong những bài bạn gửi cho, tôi thấy có nhắc tới tên tôi và quyển ''Văn Phạm,'' tôi lại càng buồn. Buồn, đau, khổ : vì... chẳng phải kể hết, nếu bạn đọc cái bài tựa là đủ hiểu... vì nhiều lẽ tôi không chối được, phải để tên trên cuốn sách ấy. Nhưng thật là một việc không phải, tôi đau đớn từ khi sách chưa in ra, cho đến bây giờ, mỗi khi ai nhắc đến. [đó là cuốn Grammaire Annamite (bản tiếng Pháp) của Trần Trọng Kim, Phạm Duy Khiêm & Bùi Kỷ, do Lê Thăng xuất bản tại Hà Nội năm 1943] "Bắt đầu cuộc đối thoại,'' thật là không phải thế.

Bao giờ gặp nhau (bạn có dịp sang Pháp chứ ?), tôi sẽ kể thêm, nối tiếp chuyện bạn nhắc lại: kỳ thi tuyển giáo sư Anh ngữ hồi 1945 cũng là một chuyện buồn.

Nhưng không hoàn toàn buồn, vì đó cũng là một dây liên lạc bạn cùng tôi, may mà bạn kể cho biết.

Mong bạn khang an,

Khiêm.

Trong thư trả lời của tôi, đề ngày 1-6-72, tôi nói tôi ''rất mong có dịp qua Âu Châu để thăm Giáo sư.'' Và tôi gửi biếu Giáo sư Khiêm hai tấm ảnh mầu chụp tại nhà chúng tôi ở thành phố Carbondale tháng 11, 1971, hồi nhạc sĩ Phạm Duy (Cẩn) cùng nhạc sĩ Nguyễn Vĩnh Bảo và Giáo sư Trần Văn Khê được mời qua Viện Đại Học Nam Illinois diễn tấu và nói chuyện về Âm Nhạc Việt Nam.

Giáo sư Khiêm có nói là ''bận vì công việc để sinh sống,'' mãi đến hôm 19-6-1972 mới mở tập san Southeast Asia ra xem qua, ít ra là những trang tiếng Pháp, thì lấy làm lạ là ''sao viết tiếng Pháp kém như vậy, lủng củng, vụng về, lại nhiều chỗ sai lầm!'' Ông thẳng thắn hỏi : ''Ai mang cái trách nhiệm đó! Bạn cũng là associate director kia mà! Không có thì giờ để xem và sửa chữa hay sao? Hay là: độc giả rặt là người Mỹ và biết ít tiếng Pháp?

Vẫn dùng loại thư phong bì (aérogramme) tốn 1 franc 15, Giáo sư nói : Tôi mong gặp bạn để nói chuyện cũ, chứ không phải để bạn ''thỉnh giáo'' về vấn đề Việt Học vân vân'' : Tôi không nhận trách nhiệm đó.

Giáo sư tâm sự : Xin bạn cho tôi nói thật : tôi nghèo, không hay đi Paris, mỗi bận đi, chỉ ở Paris 24 giờ thôi, cũng phải tiêu một số tiền (vừa xe ca, xe lửa, buồng và ăn) ngang tiền đi chợ một tháng. Vậy xin bạn, nếu có thì giờ, chịu khó ''xuống'' tận nơi tôi ở; có xe hơi, chỉ mất hơn hai giờ, ba giờ là cùng : Évaillé cách Paris hơn 200 km.

Đầu tháng 9, 1972, tôi viết thư cho Giáo sư báo tin sẽ qua Pháp thăm ông. Ông trả lời : ''Thế nào tôi cũng xuống tận nơi...'' Cái câu quý hoá thay! Tôi sẽ chờ bạn, hoặc thứ bẩy 9 này, hoặc chủ nhật 10. Định hôm nào, bạn cho tôi biết trước.'' Giáo sư còn cẩn thận dặn tôi có gửi thư thì đề địa chỉ theo cách mới (La Gâte, Évaillé, 72120 St Calais), còn nếu đánh điện tín, thì đề : KHIÊM, LA GATE, EVAILLE, SARTHE cũng đủ.

Giáo sư chỉ đường rất kỹ :

... đi xe hơi từ Paris, phải hai hay ba giờ, tùy ngày và giờ, nhiều hay ít xe và ''embouteillage,'' đường Chartres, Brou, Mondoubleau, St Calais, Évaillé = làng nhỏ, cách St Calais mười cây, về phía Nam-Tây [ông dịch tiếng Pháp ''Sud-Ouest'']

Ngày 10-9-1972, tôi nhờ một ông bạn Pháp (tên là Gilbert Policard) lái xe riêng cho tôi tới

thăm Giáo sư, theo đúng lời chỉ dẫn rõ ràng của Giáo sư : từ Paris. qua Chartres và St Calais, rồi đi 10 km nữa. Giáo sư đã dặn là ông ở xa làng Évaillé và không có điện thoại, nhưng dân làng ấy "đều biết tôi cả — nhất là sau khi các báo trong vùng Sarthe và miền Tây nước Pháp đã đăng những bài về tôi."

Phong cảnh dọc đường miền quê nước Pháp nên thơ lắm. Nhà thờ Chartres danh tiếng cũng nguy nga tráng lệ. Theo lời chỉ dẫn, qua làng Évaillé, chung tôi rẽ tay trái, về phía cái hồ nước. Khỏi cái château d'eau đó thì rẽ tay trái, độ vài chục thước, có cái bảng "La Gâte" do Giáo sư viết, ở tay mặt. Lái quanh vào cái đường nhỏ "không nhựa, xe vô được" đó là biệt thự La Gâte, ở cạnh một cái ao nhỏ, và "chỗ ấy là hết đường, không nhầm được."

Chúng tôi vui mừng bước vào căn nhà trại ẩm ướt và lạnh lẽo nhưng gọn gàng và sạch sẽ. Giáo sư Khiêm (năm ấy mới 64) tóc hoa râm, dáng người mảnh khảnh trong bộ com-lê mầu xám, rất đẹp lão, vui vẻ đón tiếp ông bạn Pháp và tôi. Chúng tôi trò chuyện rất thoải mái, cởi mở.

Tôi biếu Giáo sư một cuốn từ điển Việt Anh của tôi, một cái ca vát và một chai rượu uýt ki, nhưng Giáo sư nói không uống rượu. Ông kể chuyện phải tự tay khó nhọc sửa chữa căn nhà trại, chứ lúc trước lụp sụp, nền nhà sũng nước, và nội thất không ngăn nắp như bây giờ. Nói chuyện giờ lâu, Giáo sư nói có bản thảo một cuốn sách về bà cụ thân sinh là cụ Hội Tốn — như me tôi ngày xưa gọi cụ, mỗi khi được mời đến đánh tổ tôm ở Phố Hàng Dầu (Rue Felloneau). Tôi có đưa ý kiến xin Giáo sư cho tôi đem bản thảo đó sang Mĩ để tôi dịch và lo xuất bản bên đó. Giáo sư vội xua tay: "Không, sách này phải xuất bản ngay bên Pháp này mới được."

Vì thì giờ ít ỏi, chúng tôi xin phép mời Giáo sư ra dùng cơm chiều gần đó tại phòng ăn của cái khách sạn độc nhất trong làng ấy. Sau bữa cơm Pháp khá ngon, chúng tôi đưa Giáo sư trở về trại, và hứa hôm sau, qua một đêm tạm trú tại khách sạn kia thì sẽ quay lại nhà Giáo sư trước khi trở về Paris. Khách sạn nó chỉ có vỏn vẹn một phòng, nên tôi với ông bạn Pháp phải ngủ chung giường. Tiếc rằng hôm sau ông bạn Pháp phải trở về Paris sớm để đi làm, thành ra tôi cứ tiếc là không ghé nhà Giáo sư được, tuy rằng Giáo sư muốn nói chuyện thêm với tôi, chứ có ông "tài xế" kia (tức bạn tôi) thì Giáo sư không được bằng lòng cho lắm.

Bức thư đề ngày 25-9-1972, Giáo sư viết mở đầu : Bao nhiêu công việc mà còn tạm được thì giờ và tài xế (sic) để tới chốn quê thăm tôi, tôi rất cảm động và cảm tạ bạn. Thật tôi không mong gì, nhưng còn có người nhớ đến mình, lại hiểu biết mình, thế là tôi quá mừng còn mong gì nữa.

Nhưng xin bạn nghe tôi : nói thật = tôi không "sáng tác" gì nữa, đã lâu năm thôi cả rồi. Sao tôi đã nói, bạn không tin. Mong bạn khoẻ như tôi, yên tĩnh như tôi, và đời còn dài hơn tôi nhiều.

Ngày mồng 6-12-1972, Giáo sư còn trách :

"...The benefit of your comments": đã nói thật với nhau rồi, sao bạn còn viết những câu xã giao như vậy? "comments" gì? Trừ ra: buồn và tủi, trông người mà nghĩ đến ta?

Có câu này tôi chưa nói ra trong thư trước: tối hôm gặp nhau, bạn nói : "có lẽ hôm sau sẽ tới." Tôi mong, vì tối hôm ấy, có điều tôi muốn nói nhưng ông tài xế (sic) bắt nói chuyện khác... Tôi mong: "hôm sau, may ra gặp lần nữa, hơn nữa không có mặt ông tài xế (sic), dễ nói chuyện hơn." Nhưng bạn không đến, không đến được. Tôi không trách. Tiếc thôi. Thân và thực, Khiêm.

Thư nào, lời lẽ của Giáo sư cũng có vẻ buồn như thế. Chẳng hạn: tôi rất cám ơn bạn thỉnh thoảng nhớ đến tôi. Nhưng nói thật: mỗi bận lại thêm tủi. Em tôi (Phạm Duy) "think my duty is to harmonize the society, to normalize the people" v.v... "He survives to..." v.v... But I survive to nothing ! (thư ngày 21-4-73).

Qua năm 1973, tôi lại có dịp sang Pháp vào mùa hè, tôi viết thư cho Giáo sư nói rằng khi nào tôi tới nơi (Paris) tôi sẽ gọi điện thoại lại nhà ngay. Giáo sư trả lời : Có việc gì cần như vậy ? Tôi rất ít khi đi Paris. Nhưng có thể đi được: tuy nghèo nhưng cũng có thể bỏ tiền ra mua vé xe ca và xe lửa được, rồi tạm ngủ một đêm... Nhà tôi không có điện thoại. Có gì phải điện tín. Em tôi có gửi cho sách Dân Nhạc. Cũng như những công việc của bạn: tôi nhìn mà buồn, và tủi : thân mình vô dụng ! (thư ngày 2-7-73). Lần đó, Giáo sư còn nói : nhờ giời vẫn được mạnh, tuy vừa ngã (một lần vì chạy, một lần ngã xe mobylette) nhưng đều chóng khỏi cả.

Trong bức thư chót của Giáo sư Khiêm mà tôi lưu giữ trong văn khố riêng, ngày 17-1-74, ông nói là đã biết việc Phạm Duy xây nhà ở Phú Nhuận, nhưng mắt chưa được trông thấy và khi nhận được ảnh tôi chụp nhân chuyến về thăm VN cuối 1973 thì Giáo sư mới rõ.

Câu kết làm tôi rất bùi ngùi: Thật tình tôi ân

cần nhắc bạn: bận sau có dịp đi qua Âu Châu và Pháp, thế nào cũng dành thì giờ tới thăm tôi, nói chuyện một lần : vì lần trước không nói được. Tôi vẫn ân hận không có dịp nào trước khi Giáo sư qua đời.

Vào thế hệ tôi, hầu như ai cũng thán phục phong cách Phạm Duy Khiêm biểu lộ qua hai tập sách truyện cổ tích *Légendes Des Terres Sereines* và *La Jeune Femme de Nam Xuong*. Nhân viên Toà Đại Sứ tại Paris thì hay kể truyện rằng công văn từ Bộ Ngoại Giao cũng bị ông Đại Sứ gạch lỗi văn phạm bút chì xanh đỏ. Anh Trương Bửu Khánh còn kể chuyện là cuối tuần, nhiều khi ông Đại Sứ cao hứng gọi mấy ông cố vấn và tham vụ ngoại giao trẻ đến tư dinh để nghe vị trưởng sở bình văn của mình.

Thật ra Việt văn của Giáo sư cũng nghiêm túc như Pháp văn, mà cũng biểu lộ tình người nơi ông, ''thân và thực'' như trong những bức thư dẫn trên kia, khiến tôi vô cùng quý mến. Tôi đặc biệt chú ý đến cách chấm câu, xuống dòng, lại thường hay dùng hai dấu chấm (:) và dấu bằng (=), thật là văn viết của ngài thạc sĩ ngữ pháp.

Cô F. thì thích học tiếng Việt Nam, nói là có viết thư cho tiệm sách bên Paris hỏi mua cuốn *Légendes Des Terres Sereines*, nhưng nhà sách trả lời là cuốn đó đã tuyệt bản. Vì thế Giáo sư Phạm Duy Khiêm đã phải cho cô mượn bản sách độc nhất mà ông còn giữ, rồi cả những cuốn khác như *Nam Et Sylvie* (thuật lại truyện tình giữa một sinh viên viên du học tên Nam và một cô đầm Pháp). Cô kể là Giáo sư đã dạy cô cái tĩnh từ tiếng Việt là ''khó tính'' và kể cho cô nghe nhiều chuyện về các cô tiên tha thướt dịu dàng.

''Tuổi tác chúng tôi chênh lệch gần bốn mươi năm: cuộc đời thật độc ác.'' Cô nói.

Mãi về sau tôi mới biết ông là một đại giáo sư và đã phục vụ xứ sở của ông. Nhưng tôi cứ suy nghĩ một mình trong thâm tâm đến sự lẻ loi của một người đã bước cao trên thang danh vọng. Tôi đã tình nguyện bất cứ trường hợp nào cũng trung thành với ông. Một hôm Giáo sư đã đề nghị cùng tôi chung một mái nhà. Nhưng gia đình tôi không chịu, sợ mất thể diện và cũng vì lý do tài chính nữa. Tôi đã bỏ nhà ra đi ba lần để bắt buộc gia đình phải quyết định. Tôi nghĩ Giáo sư đã chờ đợi. Tôi đã xin ông đừng chờ như thế, và nhất quyết không bao giờ phản bội lời hứa từ đáy lòng của tôi. Sự chênh lệch tuổi tác làm tôi run sợ. Tôi nghĩ đến căn trại lẻ loi... Giáo sư sẽ không bao giờ cho phép một người đàn bà — từ xa hay ở gần — làm cho các bạn gái cũ của ông phải xa lánh.

Ông trung thành chưa bao giờ bỏ rơi họ cả, và họ cũng thỉnh thoảng tới thăm ông. Nhưng không cô nào ở lại trại vì họ không kiên nhẫn để tiến đến hôn nhân. Mùa hè này cũng thế, sau vụ thảm kịch, tôi đã viết thư cho từng bà — ai cũng hơn tuổi tôi nhiều — tôi không hổ thẹn, cũng không ghen tuông... Ông Khiêm là người thủy chung, chắc không thích cho các bà ấy bị bỏ rơi. những mỗi bà hình như đều có cuộc sống riêng của mình và hầu như họ đã quên cả rồi...

Đôi khi thư Giáo sư kể lại những kỉ niệm về cụ thân sinh, về thời thơ ấu, và lúc nào cũng nói tới quê hương. Một hôm ông nói đến chuyện các cụ bà thế hệ song thân thời ấy hay tự trầm mình xuống Hồ Gươm ở Hà Nội. Tôi đã run lên, tôi có cảm tưởng ông không thiết sống. Tôi đã sợ. Tôi đã kính cẩn van xin ông giữ gìn sức khoẻ ''phòng khi tổ quốc kêu gọi đến ông.'' Tự đáy lòng, tôi không chắc là Saigon sẽ đòi hỏi cái gì, nhưng tôi chỉ muốn xua đuổi ý nghĩ sống không mục đích...

Mỗi tuần, ông giáo sư viết cho tôi một bức thư phong bì, trong vài hàng chữ ông kể cuộc sống từng ngày một. Tôi cho phép tôi viết mỗi ngày hai lần để trả lời. Có khi là chuyện bạn bè tới thăm. ''Xứng và các con đến thăm... Hòa đã đến chơi anh khiến anh vui thích lắm... Em anh, nhạc sĩ, cũng có đến.'' Ông giáo sư kể chuyện từng người. Anh có một tấm ảnh nhỏ ông Xứng và các con, một bức ảnh khác : ''đố em biết người nào là nhạc sĩ em anh, người nào là Hòa? Em nhớ trả lời trong thư tới nhé!'' đó là những tia ánh nắng, nhưng thường là những câu nhớ nhà, nhớ quê hương, than vãn về thực tế phũ phàng: ''Em thấy chưa? Pompidou thế nào? Senghor thế nào? Còn đời anh thế nào?'' Tuy nhiên, theo tôi ông Khiêm vẫn là người lớn hơn hết, như những nhà vua hay chữ, thời xưa, trong lịch sử nước ông...

Tôi thường có một giấc mộng lớn: là Giáo Sư Khiêm sẽ trở Việt Nam, quê hương muôn thuở của ông. Tại Pháp ông không phải là người ngoại quốc, nhưng bên Âu Châu người ta lạnh nhạt quá, không có chút tình thương nào, không có chút tình người nào. Chứ ở Việt Nam thì mặc dầu có khó khăn nhưng không ai lại dám đụng tới bậc trưởng thượng...

Tôi vụng trộm hết sức tầm cách học tiếng Việt và nghĩ đến tương lai, có thể làm việc tại Việt Nam mà không ăn bám vào ai. Tôi không thuộc một danh gia, tôi cũng chỉ là người nước ngoài và

tôi lại có chồng. Tôi không thể hi vọng có địa vị tốt trong xã hội ở gần giáo sư của tôi. Nhưng như thế tôi cũng sẽ đủ sung sướng nếu thấy ông mạnh khoẻ. Tôi đã chấp nhận từ lâu rằng nhỡ có chuyện không hay thì người ta, nhất là các bà kia, sẽ dành cho tôi sự khinh bỉ người ta vẫn dành cho vợ lẽ, nàng hầu.

Hai năm nay, người ta càng ít đến thăm nhà trại. Trong hai tháng đình công bưu điện, chẳng ai tới cả, không có lá thư nào có thể tới nơi để an ủi ông. Từ Pháp và từ Nhật mỗi người vẫn tiếp tục viết thư để nhét vào thùng thư, song cuộc bất công kia đã đánh cắp mất những ngày tháng cuối cùng của một đời sống.

Nhờ nhạc sĩ Phạm Duy cho tôi biết chi tiết về cái chết của Giáo sư Khiêm, rồi tôi thông báo cho cô F. thì cô mới rõ, chứ trước ngày 26-2-75, cô hoang mang, vì người thì đồn "ông mất trên giường tại nhà ở Montreuil-le-Henri" người thì nói là "ông tự trầm mình tại Evaillé ."

Mãi tới khi đọc về những chi tiết do ông Phạm Duy cung cấp, tôi mới rõ và thấy hiện ra trước mắt tôi những hình ảnh dữ dội kia — và tính hiên ngang, sự lẻ loi tuyệt đối của một con người sắp ra đi vĩnh viễn và đơn độc, và đợi chờ cái chết!

Cô F. viết: đầu mùa hè, ông giáo sư còn viết: "Dù anh có lấy vợ chăng nữa, anh vẫn biết là em sẽ sang đây. Có lẽ sau khi anh chết. Nhưng thế nào em sẽ tới, anh nói với các bạn anh như thế." Khi được tin dữ, tôi chưa tin hẳn, và nghĩ có thể ông bị ám sát chăng: vì đã hai lần ông bị hành hung ở Évaillé và sau đó đã phải mua một khẩu súng ca-ra-bin. Bây giờ thì tôi sẽ hối tiếc trọn đời, mỗi ngày trong đời tôi, thấy ông Khiêm độc hành lần chót trên con đường vào hư vô.

Tại Nhật, người ta đã đinh ninh tôi sẽ tự sát. Cho đến phút chót, ông giáo sư vẫn tin là tôi sẽ qua thăm căn nhà của ông. Tôi nay ôm chặt những cuốn sách Việt văn, và tôi tin là phải trung thành, ít nhất sống tới ngày lời hứa của tôi thành hiện thực, chứ không chịu để cho định mệnh vùi dập. Có lần giáo sư đã dạy tôi: "Tổ tiên, các vị đã khuất núi, ta có giỗ tết hay khóc thương các vị ấy cũng chẳng ích gì cả. Tốt hơn là hằng ngày phải sống sao cho các vị đó hài lòng và hãnh diện về ta." Ông giáo sư rất nghiêm khắc, nhưng bây giờ tôi thấy rằng ông luôn luôn có lý, nhất là về tất cả cái gì ông đã để lại cho chúng ta, từ tấm lòng hiền dịu nhân từ của ông...

Cô F. nói là bên Nhật, cô hay đi chùa, mượn sách của các nhà sư, và tha hồ học tập cho thêm can đảm, vì "vườn cây thanh tịnh quanh mái chùa làm dịu bớt khổ đau của con tim người ta." Cô hẹn tới mùa Thu 1975, có sang Đài Loan và Nhật Bản theo chương trình văn hóa thì nhớ ghé Kyoto, nơi cố đô cổ kính để cô tỏ bầy thêm nỗi lòng của cô đối với thần tượng đã quá cố của cô. Mối tình trong trắng và lòng kính phục của cô đối với Giáo sư Phạm Duy Khiêm được giãi bày qua nhiều bức thư máy bay mà cô viết cho tôi về mối tình lãng mạn "viễn liên" vượt trùng dương của hai người. Tôi cho rằng mối tình "quốc tế" đó tuyệt đẹp, đẹp như hoa anh đào vào ngày thịnh khai trên đất Phù Tang, như lâm viên Nara mùa Thu đầy hươu sao và nai vàng, như bữa cơm sukiyaki và tempura mà cô thết tôi hôm đó tại cựu đô diễm lệ của nước Nhật. Tôi khó quên hình ảnh thơ mộng biết bao khi một cô gái da trắng mặc kimono, che dù ra tận ga xe lửa Kyoto tiễn tôi, đứng tần ngần chờ cho chuyến tàu tốc hành chuyển bánh trở về Tokyo, còn tôi cũng bâng khuâng thấy dần dần khuất bóng người đẹp hai dòng máu Pháp-Nhật. Thịnh tình đó, tôi phải cám ơn không những riêng cô, mà tôi mang ơn sâu đậm hơn nữa đối với vị giáo sư khả kính Phạm Duy Khiêm, học vấn uyên bác, tính tình cương trực một cách nhất quán — và theo lời ông, chỉ "phải cái tội: nói thật, không nể ai, từ Âu tới Mỹ, qua Nga qua Tầu, cho đến tướng Việt..." [Trong một bài nhận định của ông ngày 17-12-1972 về cuộc hoà đàm Paris : Hanoi et Washington ou farces-attrapes mortelles nghĩa là Hà Nội và Oa-sinh-tần hay là những trò diễu cợt chết người.]

Tuy không được trực tiếp thụ giáo Thầy Khiêm, nhưng tôi đã có hân hạnh và diễm phúc được Thầy cho coi tấm gương một kẻ sĩ Việt Nam đặc thù — được đào tạo về văn minh La-Hy của phương Tây nhưng vẫn giữ cốt cách và bản lĩnh của bậc quân tử trời đông.

Phạm Duy Khiêm
Ông Đại Sứ

Hồi Ký của nhà văn
VÕ LONG TÊ

Trong một tác phẩm mang tên Vị Trí Của Một Người (*La Place d'Un Homme*), Phạm tiên sinh có viết "ta phải biện minh sự hiện diện của ta trên cõi đời này (il faut justifier sa présence sur cette terre). Tôi bỗng nghĩ đến tư tưởng này khi bàng hoàng tiếp nhận điện đàm của Lê Quân (Lê Ngộ Châu) báo tin Phạm tiên sinh đã trở nên người thiên cổ. Tôi nghĩ rằng Phạm tiên sinh đã can đảm sống theo vị trí của một người ý thức rõ rệt về thiên chức của mình trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể, đôi phen thử thách những giá trị nhân bản mà Phạm tiên sinh đã tự ý đảm trách.

Cách đây hai năm, tôi có nhiều lý do từ chối khi Lê Quân mời tôi viết về Phạm tiên sinh. Cuộc đời đặc biệt phi nhân tuần của Phạm tiên sinh liên hệ đến một giai đoạn lịch sử, đến nhiều người đang còn sống. Tất cả những gì tôi biết về Phạm tiên sinh, nếu được phổ biến trong sinh thời Phạm tiên sinh có thể làm phiền lòng một số người, có thể gây ngộ nhận rằng người viết và đối tượng của người viết nhằm một hậu ý nào, và là khuấy động một cách vô ích bầu không khí thanh bình buổi vãn niên mà tiên sinh đã tự ý chọn lựa.

Giờ đây Phạm tiên sinh đã vĩnh viễn ra đi về bên kia thế giới. Thể theo ý kiến của Lê Quân, tôi xin góp bài tưởng niệm Phạm tiên sinh, nhưng xin tự hạn chế bài hồi ký này trong những giai thoại có thể tiết lộ được, không nhằm mục đích nào khác hơn là góp chứng từ tô đậm vài nét vài nét cá tính độc đáo của một người đã sống trung thực theo vị trí và thiên chức của mình.

Biệt nhỡn của Phạm tiên sinh đối với tôi bắt đầu từ năm 1956. Bấy giờ tôi tập tễnh bước vào làng văn, có vài tác phẩm đã xuất bản, được mời đứng tên chủ nhiệm kiêm chủ bút một tờ báo văn nghệ xuất bản ở Huế. Nhưng nghề nghiệp chính của tôi là dạy học tại một Trung học công lập, sau hai năm gián đoạn và thi hành nghĩa vụ quân sự. Toà Đại Sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Paris vừa thiết lập, thoát thai từ Toà Cao Ủy Việt Nam tại Pháp, đã có đủ các hạng nhân viên ngoại giao, tốt nghiệp Đai Học ở ngoại quốc nhưng thiếu người am tường văn hoá Việt Nam. Do sự giới thiệu của một người bạn, Phạm tiên sinh đã vận động xin biệt phái tôi sang ngành ngoại giao, phục vụ tại Toà Đại Sứ Việt Nam Cộng Hoà tại Paris mà tiên sinh là trưởng nhiệm sở tiên khởi. Bọn tôi và Phạm tiên sinh đã mất công theo dõi gần một năm tròn mới khắc phục các trở ngại hành chánh để đầu năm 1957 tôi nhận nhiệm vụ lệnh sang làm việc tại Paris.

Tôi còn nhớ một buổi diện kiến Phạm tiên sinh lần đầu tiên. Tiên sinh có biệt tài đưa người đối thoại một cách tự nhiên trong bầu không khí thân mật, khiến cho buổi sơ kiến trở nên dịp thâm giao. Tôi vẫn có thành kiến tiên sinh chỉ thông thạo Pháp ngữ nên ngay từ phút đầu tôi ngỏ lời chào kính bằng ngôn ngữ của Racine. Sau khi lắng nghe với ánh mắt bao dung, tiên sinh đáp lời bằng tiếng Việt và không quên nhắc tôi :

- Anh nên nhớ tôi là đồng tác giả Việt Nam Văn Phạm.

Tiên sinh đã thành thực kể lại phần đóng góp biên soạn tác phẩm này và tỏ ý tiếc hoàn cảnh riêng không cho phép hoàn tất việc phiên dịch chính bản Việt ngữ ra Pháp ngữ, khiến cho Trần Trọng Kim tiên sinh phải một mình tiếp tục một công trình chung. Cũng như mọi tác giả, Phạm tiên sinh đều mong mỏi tiếp nhận dư luận độc giả đối với văn nghiệp của mình. Tôi tỏ lời khâm phục bút pháp trong sáng của tiên sinh trong *Légendes Des Terres Sereines* nhưng thành thực ngỏ ý mong mỏi ở tiên sinh một tác phẩm dài hơi hơn, với chất liệu thuần túy do sự sáng tạo. Tiên sinh đáp ngay rằng một tác phẩm như thế đã được

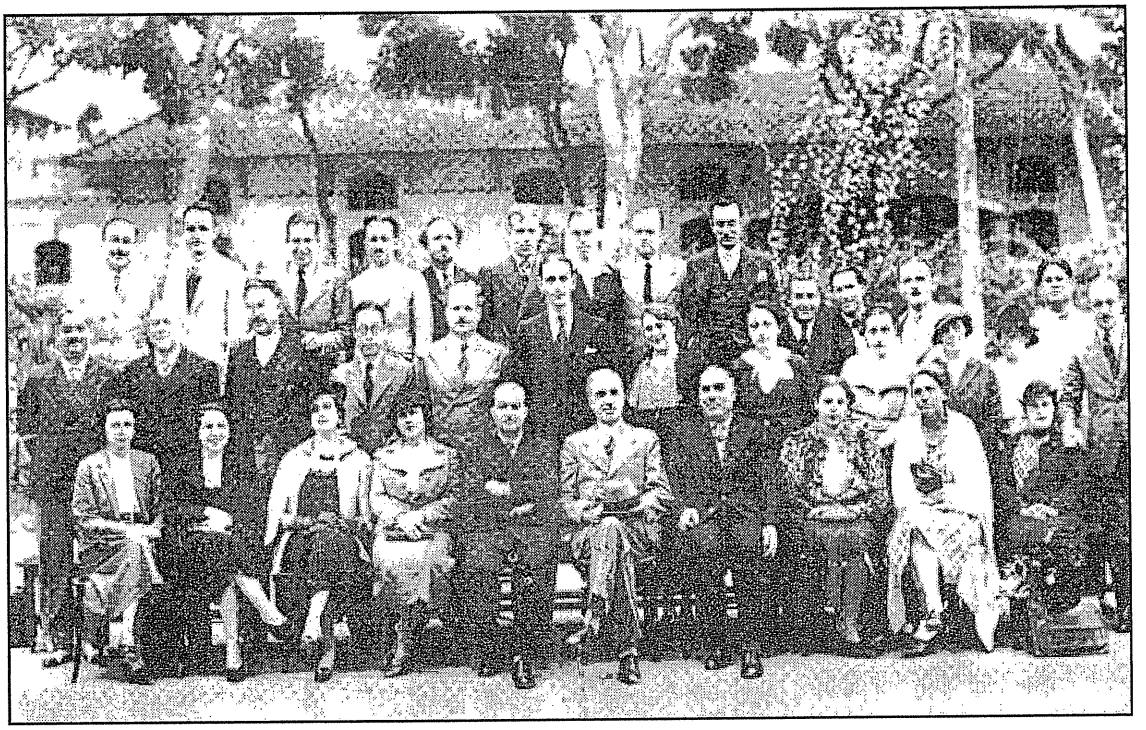

Ban Giáo sư trường Albert Sarraut Hà Nội, niên học 1936-1937. Phạm Duy Khiêm, là người đứng thứ 4 kể từ trái sang, nơi hàng thứ nhì.

tiên sinh thai nghén từ 10 năm nay, bản thảo hai nghìn trang nhưng tiên sinh đang rút gọn thành 200 trang in cỡ nhỏ. Đấy là cuốn *Nam et Sylvie* xuất bản sau đó ít lâu và được giải thưởng Louis Barthou của Hàn Lâm Viện Pháp.

Đáp lại một thắc mắc của tôi, tiên sinh giải thích tại sao lại lựa chọn Pháp ngữ làm ngôn ngữ văn chương. Chủ ý của tiên sinh là muốn có một số lượng độc giả đông đảo khắp thế giới bằng cách sử dụng một thứ ngôn ngữ quốc tế thông dụng. Tôi còn nhớ lời của tiên sinh, hàm súc như một công thức :

- Học giả Phạm Duy Khiêm góp phần xây dựng Việt ngữ nhưng nhà văn Phạm Duy Khiêm phải tạo uy danh Việt Nam trên văn đàn thế giới.

Tôi thích thú bất ngờ vì buổi trình diện để nhận chỉ thị công tác lại biến thành một cuộc mạn đàm văn hoá. Trước mặt tôi, ông Đại Sứ đã hiện nguyên hình một nhà văn trưởng thành nói chuyện thân mật cùng một nhà văn trẻ.

Phạm tiên sinh vẫn tự hào xứng đáng với địa vị Đại Sứ lúc bấy giờ, thành thực tin tưởng rằng nhờ uy tín của tiên sinh mà cuộc bang giao Pháp Việt có lần căng thẳng, đã trở nên bình thường tốt đẹp. Đối với người Pháp mà tiên thường hóm hỉnh gọi "les Tây" khi nói chuyện bằng tiếng Pháp với người cộng sự, tiên sinh không hề có chút mặc cảm ngay từ khi nước nhà chưa độc lập. Năm 1939, tiên sinh tình nguyện nhập ngũ vào bộ đội Pháp, lấy tư cách một chính nhân quân tử hăm hở đi cứu giúp một quốc gia lâm nguy vì mưu đồ của bọn tiểu nhân. Lúc bấy giờ có một người muốn làm tiền, dọa sẽ đưa cho báo chí đăng tải tấm hình thuở tiên sinh là sinh viên sĩ quan ở trại La Courtine. Âm mưu làm tiền ấy thất bại vì tiên sinh đã nhẫn trả lời :

- Nếu thế thì là một vinh dự cho tôi.

Tôi vẫn thường thắc mắc muốn hiểu tại sao tiên sinh lại chờ đến năm 1954 mới bước vào chính trường. Trước đó đã có nhiều cơ hội tham chính nhưng mãi khi đất nước sắp chia đôi tiên sinh tham gia chính phủ Ngô Đình Diệm, làm Bộ Trưởng đặc nhiệm tại Phủ Thủ Tướng trong năm tháng trước khi nhận lãnh chức vụ Cao Ủy rồi Đại Sứ nước ta tại Paris. Tiên sinh không dấu cảm tình nồng hậu đối với đường lối chính trị của Ngô Tổng Thống nhưng định rõ tương quan với nhà lãnh đạo :

- Tôi đem lại cho chính phủ Ngô Đình Diệm một danh vị, một uy tín. Tôi là người cộng sự chớ không phải là tay sai như ai.

Vào giữa năm 1957, Bộ Ngoại Giao điều động một nữ thư ký đánh máy từ Tòa Đại Sứ Tokyo sang phục vụ tại Toà Đại Sứ Việt Nam ở Paris.

Tại đây tiên sinh đã tuân hành chỉ thị cho nghỉ việc một số lớn nhân viên tuyển dụng tại chỗ. Mặc dầu biết người nữ thư ký kia là người bà con với một cấp lãnh đạo lớn tại Tổng Thống Phủ, tiên sinh vẫn cương quyết không cho nhận việc và cho rằng như thế là bất công và mâu thuẫn với chỉ thị của Chính Phủ về nội vụ.

Cuối năm 1957, tiến sinh đến cáo biệt Tổng Thống Pháp vì có lệnh của chính phủ cử bác sĩ PKH kế nhiệm tiên sinh ở chức vụ Đại Sứ và riêng tiên sinh sẽ được bổ nhiệm làm đại diện thường trực nước ta cạnh tổ chức UNESCO với hàm Đại Sứ. Trong dịp này, Tổng Thống Pháp vinh tặng tiên sinh đệ nhị đẳng Bắc đẩu bội tinh. Tiên sinh chưa kịp phúc trình nội vụ thì một điện tín của Bộ Ngoại Giao cho biết Tổng Thống không hài lòng vì tiên sinh nhận lãnh huy chương ngoại quốc mà không xin phép chính phủ thỏa hiệp trước.

Phản ứng của tiên sinh rất nhanh chóng và quyết liệt. Tiên sinh tự thảo một văn thư khá dài, đại khái giải thích rằng không thể xin thỏa hiệp trước vì tiên sinh không được thông báo trước có nghi lễ vinh tặng huy chương trong dịp cáo biệt, mỉa mai trình bày rằng trước đây đã có trường hợp tương tự mà không hề được tin Tổng Thống không hài lòng. Tôi nhớ rõ cuối thư không có công thức chào kính.

Các công sự viên thân cận đã xin tiên sinh nên lưu ý đến hậu quả trầm trọng của một văn thư quyết liệt như thế và xin tiên sinh nên thay đổi nội dung cho hòa hoãn hơn. Nhưng quyết định của tiên sinh đã dứt khoát. Văn thư đã gửi đi và hậu quả tiên đoán đã xẩy ra. Dự định cử tiên sinh làm đại diện thường trực cạnh tổ chức UNESCO đã bị đình hẳn.

Trong thời gian chờ đợi vị kế nhiệm trong chức vụ Đại Sứ, có cộng sự viên xin tiên sinh về nước yết kiến vị nguyên thủ quốc gia và nghĩ rằng một cuộc hội kiến như thế sẽ làm sáng tỏ ngộ nhận. Tiên sinh lắc đầu cho là không cần thiết và cho biết chỉ về nước nếu vị nguyên thủ quốc gia ngỏ ý muốn gặp tiên sinh như trước đây đã mời tiên sinh tham gia chính phủ. Tiên sinh muốn nhân cơ hội này trắc nghiệm thái độ của vị nguyên thủ quốc gia đối với tiên sinh.

"Trong việc nước, có những nguyên tắc xử thế mà tôi phải tôn trọng."

Đó là lời nói cuối của tiên sinh để chấm dứt mọi sự lạm bàn đối với thái độ của tiên sinh trong nội vụ.

Giữa năm 1958, tôi làm đơn xin được giao hoàn về bộ Giáo Dục và không còn thấy thích thú làm việc với người kế nhiệm tiên sinh. Được tin tôi sắp về nước, tiên sinh tổ chức một buổi tiễn hành nhỏ tại một tiệm ăn self-service. Bữa tiệc thanh đạm này đã khắc sâu vào tâm khảm tôi những kỷ niệm khó quên. Tiên sinh thẳng thắn cho biết không có nhiều tiền như thuở mở tiệc đãi tôi tại một nhà hàng sang trọng, hồi tôi mới nhận việc.

Tiên sinh chua chát nói :

- Chính phủ để tôi thất nghiệp tại một thủ đô mà trước đây tôi là nhà ngoại giao đại diện Chính phủ.

Tiên sinh thẳng thắn tiết lộ về sinh kế :

- Một bạn văn ngoại quốc sẵn sàng làm Mạnh Thường Quân. Về tiền tiêu thì vị kế nhiệm tôi được lệnh chu cấp cho tôi hàng tháng một ngân khoản nhỏ, trích trong quỹ đặc biệt tôi chưa sử dụng hết và đã trao lại cho vị kế nhiệm tôi sử dụng.

Nói về quỹ đặc biệt, tiên sinh cho biết, tiên sinh đã từng phản đối lề lối buộc tiên sinh kê khai tình trạng sử dụng. Tiên sinh cho đó là một biện pháp bất xứng. Vì tiên sinh không thể "đốt cháy" bằng cách kể tên những ai đã nhận những khoản tiền này để thi hành những công việc do tiên sinh ủy thác. Vẫn theo tiên sinh tiết lộ, đã có lần tiên sinh báo cáo tổng quát ngân khoản hiện tồn của quỹ đặc biệt để yêu cầu vị nguyên thủ cho trừ bớt vào ngân khoản đã ấn định cho kỳ hạn sau.

Nhân bàn về hoạt động văn nghệ, tiên sinh đã thổ lộ tâm tình của một hiếu tử băn khoăn với những thắc mắc siêu lý :

"Tôi sẽ xuất bản một tác phẩm đã cưu mang từ lâu về mẹ tôi, người mẹ hiền chiếm trọn lòng thương yêu của tôi. Mẹ tôi bây giờ ở đâu? Khi tôi chết, tôi sẽ gặp mẹ tôi ở đâu?"

Trong tập *Légendes Des Terres Sereines*, tiên sinh có kể lại truyện người thợ may khéo tay biết may áo lễ cho ông quan : sơ bổ thì vênh vang ưỡn ngực nên vạt sau ngắn mà vạt trước dài; thâm niên thì mệt mỏi lưng còng, vạt sau dài mà vạt trước ngắn. Áo lễ của Phạm tiên sinh, nếu có, thì hai vạt trước sau phải bằng nhau vì trên đường đời, tiên sinh luôn luôn đứng thẳng, không chịu khuất phục trước một thế lực nào, thung dung tựu nghĩa theo hai lối xuất-xử của một hiền nhân quân tử trong thời đại biên động ngày nay.

20-12-1974

PHẠM DUY KHIÊM, NGƯỜI ANH*

PHẠM DUY

(Trích hồi ký)

Tại Paris, 1955: Từ trái, Phạm Duy, người cháu con bà chị, và Phạm Duy Khiêm.

... Đời tôi đang êm ả trôi bên mẹ hiền, hằng ngày nhẩy xe điện đi học trường Thăng Long hoặc thơ thẩn đi chơi trong khu Ngũ Xã. Bỗng nhiên một hôm, anh Khiêm phán:

- Không cho thằng này đi học chữ nữa !

Cho tới năm 1974, một năm trước khi anh tôi qua đời, tôi không hiểu vì sao người anh lại ghét mình. Lúc còn bé, nếu tôi nhớ không lầm, tôi chỉ được đùa chơi với anh Khiêm có hai lần. Sau khi bố tôi chết, anh ấy vào sống nội trú trong trường, cuối tuần mới về nhà. Lối đùa chơi với hai em nhỏ của anh rất khác thường. Anh nắm hai tay một thằng em, nhấc bổng lên rồi quật xuống đất như người ta làm xiếc vậy. Hai anh em tôi không bị gẫy tay hay gẫy cẳng cũng là chuyện lạ.

Khi tôi lên bẩy thì anh Khiêm được một học bổng đi Tây. Trong bẩy năm, tôi không hề biết gì thêm về người anh lớn. Qua thư từ hiếm hoi gửi về cho mẹ, không thấy anh ấy nhắc nhở gì đến lũ em. Lúc anh Khiêm từ Pháp về, tôi đã thành một đứa em 14 tuổi, cái tuổi đang biến hình từ thiếu nhi qua thiếu niên mà nếu người lớn có độ lượng thì sẽ phải nương tay dẫn dắt. Anh Nhượng tính tình yếu mềm lại mắc bệnh thương hàn ngày còn bé, thoát chết nhưng bị méo miệng nên mang nhiều mặc cảm và rất dễ dạy. Tôi được mẹ và vú nuông chiều từ bé nên bướng bỉnh, nhất là trong tuổi dậy thì này. Trước lối đối xử thiếu thân tình của người anh, nhiều khi tôi ỳ ra, không bao giờ tỏ ra mình có lỗi, dù có lỗi hẳn hoi.

Nhưng chưa chắc tôi đã là thằng em hư hỏng và phạm nhiều lầm lỗi. Tôi còn nhớ trong ba năm sống chung với nhau, tối thiểu có hai lần anh tôi phạt tôi một cách vô lý. Tôi khởi sự thích đàn ca từ khi anh tôi đi vắng. Người chị lớn lấy chồng khá giả tặng cho em út một đàn mandoline. Tôi đã vê được những bản nhạc ngắn hay nhất của Ý Đại Lợi như Martha, Back To Sorriento... Bây giờ sống chung với người anh, tôi không được đánh đàn. Muốn đàn ca, phải chờ khi anh ấy vắng nhà. Có lần quá cao hứng nên không đề cao cảnh giác, người anh chợt về, giật cái đàn mandoline vứt xuống đất và thân tặng nhạc sĩ mầm non một trận đòn. Một lần khác, vào mùa hè, tôi đang nằm trên nền nhà đá hoa để hưởng cái mát dịu, anh Khiêm ở đâu về, sồng sộc tới chỗ tôi nằm, nắm cổ lôi dậy, phạt tôi quỳ trước sự ngạc nhiên của mẹ tôi:

— Ai cho mày nằm dưới đất ? Quỳ xuống đó!

Trong mấy chục năm xa nhà, nhiều khi được sống trong khung cảnh gia đình êm ấm của người khác rồi chạnh lòng nhớ tới hoàn cảnh mình, tôi không hiểu tại sao giữa chúng tôi không có tình huynh đệ? Thứ tình anh em mà tôi thấy tuyệt đẹp trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư !

Tôi buồn vô hạn vì cũng như mọi người, tôi vinh dự có người anh học giỏi, người Việt Nam đầu tiên đậu bằng thạc sĩ, nhà văn Việt Nam viết văn Pháp hay hơn người Pháp, người Việt Nam quân tử muốn trả ơn nước Pháp đã đào tạo ra mình nên đầu quân làm binh nhì cho Pháp trong Thế Chiến Hai, bất chấp lời dị nghị.

Tôi buồn rồi tôi hờn giận, đổ lỗi cho người anh là ích kỷ, khó tính, vụng về trong cách đối xử với mọi người, bắt đầu từ người trong gia đình. Một người tự cao tự đại, rất ít bạn, không có người tình và đang bất mãn vì những chuyện gì đó rồi có bao nhiêu tức giận đổ vào đầu thằng em út. Ít ra tôi cũng có thể chứng minh anh tôi là người rất nghiệt ngã đối với những người đi thi Tú Tài trong thời kỳ đó. Giám khảo chấm thi khó tính đến đâu cũng chỉ phê điểm zéro là cùng, nhưng anh tôi "giận" thí sinh Việt Nam yếu kém Pháp ngữ đến độ phê điểm... dưới zéro! Một người "khó" đến độ về sau này khi bạn đồng học là Léopold Senghor, Tổng

Thống nước Sénégal đồng thời là thi sĩ làm thơ tiếng Pháp nổi danh, gửi tặng một tập thơ thì anh tôi gửi trả lời với những dòng chữ phê bình bằng mực đỏ của một nhà giáo!

Cũng có thể một người cầu toàn trách bị như anh tôi, không bằng lòng với chuyện tôi thi trượt vào trường công và phải đi học trường tư, trước viễn ảnh phải nuôi tôi ăn học cho tới khi cũng giật bằng thạc sĩ — vị chi là 10 năm — vì phải trả nợ cho bố nên anh tôi không dư tiền để nuôi các em ăn học thành tài. Điều này đúng vì anh Nhượng cũng không được theo đuổi việc học mà phải thi ngay vào trường Sư Phạm để trở thành một giáo viên vô danh trong khi — theo tôi — anh ta là người học chăm, học giỏi còn hơn cả anh Khiêm nữa! Nếu không soạn ra dăm ba bài hát thì chẳng ai biết Phạm Duy Nhượng là ai. Tại Trường Thăng Long, tôi đâu có thua kém ai trong việc học hành? Đứng thứ nhì trong lớp, nếu tôi đưdc tiếp tục đi học, tôi cũng đậu bằng thạc sĩ cho mà coi!

Nhưng đùng một cái, tôi được người anh cho biết:

— Mày phải học nghề để tự nuôi thân!

Anh Khiêm liên lạc với Giám đốc người Pháp của Trường Bách Nghệ để gửi tôi vào học với tư cách học viên nội trú. Rồi không hiểu vì sao anh còn phạt (!) tôi bằng cách xin với nhà trường không cho tôi về nhà vào những ngày chủ nhật (consigné à la demande de la famille). Tôi không được tiếp tục học chữ, bị bắt buộc phải học nghề rồi còn bị cấm túc trong trường, điều này làm cho mẹ tôi buồn — tôi nhớ mãi tiếng chép miệng thở dài của mẹ — nhưng cũng còn những điều khác làm cho mẹ tôi buồn rồi, chẳng hạn mẹ tôi không được đánh bài hay đi lễ như lúc trước, mẹ tôi muốn có cháu nội nhưng người con cả nhất định không lấy vợ. Mẹ tôi buồn nhưng không nói ra, tôi biết chắc như vậy.

Chỉ tới khi anh Khiêm tự tử chết tại Pháp vào đầu năm 1975 thì tôi mới ngộ ra anh tôi là một người cô đơn tới cùng cực. Suốt đời, đem tính tình vô cùng nghiêm khắc ra để đối xử với tất cả mọi người, không trừ một ai, kể cả với mẹ. Khó khăn ngay với chính mình nữa. Cuối cùng thất vọng, tự sát...

Một năm trước khi anh tôi qua đời, lần đầu tiên sau mấy chục năm cách biệt, chúng tôi trao đổi thư từ với nhau. Trong một bức thư, anh tôi viết rằng đã biết chán đời từ khi còn trẻ. Và đằng sau bộ mặt đóng kịch với đời là một sự chán ngán vô biên. Anh nói anh là một người (nguyên văn) nihilist. Tới khi đó, tôi mới nguôi lòng oán hận người mà tôi cho là ác nghiệt, vô tình vô nghĩa và vô trách nhiệm. Và bắt đầu thương người anh ruột đang sống cô đơn tại một trại nhỏ ở miền quê nước Pháp. Bắt đầu biết ơn người mà tôi luôn luôn tự hứa sẽ phải nổi tiếng hơn, giầu có hơn, thành công hơn trong cả hai địa hạt gia đình và xã hội. Nếu không có người anh nghiêm khắc mà tôi nhìn như đối tượng để vượt qua, chưa chắn tôi đã hoàn thành đời tôi như thế này.

Tôi bỗng nhớ tới sự mê say của anh Khiêm khi anh diễn thuyết nhiều lần về cuốn phim BACK STREET trong đó một sự việc cỏn con (bị kẹt xe gì đó) làm cho một đôi tình nhân bị lỡ hẹn khiến cho cuộc đời của họ đổ vỡ hoàn toàn. Anh Khiêm cũng là người để lỡ một cái hẹn lớn trong khi tôi có may mắn tới đúng giờ hẹn của lịch sử để không phải thắc mắc gì khi cùng toàn dân vùng lên đánh đuổi thực dân.

Tôi thấy được thảm kịch của người anh ruột. Vì huyết thống, chắc chắn anh tôi cũng thừa hưởng phần nào sự bất đắc chí của bố. Nhưng từ khi bước vào trường học cho tới khi đỗ đạt, phải nói rõ là chính nước Pháp nuôi anh thành tài. Trở về nước, anh là người thành công trong xã hội, nhưng khi đất nước đi tới chỗ rẽ của lịch sử thì trong anh có một cuộc giằng co dữ tợn. Yêu nước vô cùng nên viết *Légendes Des Terres Sereines, La Jeune Femme De Nam Xương*. Nhưng liệu có thể dứt được ân tình đối với nước Pháp như đôi tình nhân dị chủng đối với nhau trong cuốn *NAM et SYLVIE* ? Có thấy Pháp là kẻ thù của dân tộc không? Có thấy được thầm ước của nhân dân không?

Sau này, anh nhận chức Cao Ủy trong Liên Bang Đông Dương của Pháp nên không cộng tác với một tổ chức yêu nước nào, đó là sự lỡ hẹn chua sót chăng? Không cộng tác với Bảo Đại nhưng làm Đại Sứ cho Chính Phủ Ngô Đình Diệm (để sẽ bị "cám ơn" một cách tồi tệ) có phải là một sự đúng hẹn bẽ bàng không? Chỉ biết khi tôi còn ở với anh, tôi thấy anh đau đớn lắm. Đau đớn bao nhiêu thì nổi sùng bấy nhiêu. Chỉ tội nghiệp cho thằng em thiếu tình cha đang chờ đợi thứ tình đó nơi người quyền huynh thế phụ nhưng chỉ nhận được giận dữ hơn là yêu thương.

Tôi cũng đau đớn lắm, nhưng tôi không thể có một phản ứng nào khác hơn là lẳng lặng xa dần người anh. Cũng như về sau này, khi không chịu nổi sự bó buộc của một thế lực nào đó thì tôi lẳng lặng ra đi. Lúc đó tôi lớn tuổi rồi, tôi không hờn giận, không mặc cảm, tôi chỉ thương thôi...

Thương những người làm tôi buồn khổ như đã thương anh mình.

* Tựa đề do Tòa soạn đặt.

Chuyện Phiếm Ngày Xuân

SONG THAO

GIÀ

Canh Dưỡng Sinh đang nóng lên thành một cơn sốt trong các Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại. Các nơi khác ra sao tôi không được rõ chứ ở Montréal của tôi, nó lây lan đến chóng mặt. Hè 2003 vừa qua, khi tôi đang ở Santa Ana, một anh bạn ca tụng thứ thuốc chỉ nấu bằng những củ thông thường, tôi ừ hử nghe mà không chăm chú. Anh bạn dúi cho một tập tài liệu bảo về đọc khắc biết. Đọc thấy hấp dẫn thật, tìm tới một tiệm tạp hóa Đại Hàn mua củ ngưu bang về nấu thử. Tiệm vắng tanh vắng ngắt, khách chỉ có hai bà già Á Châu đang đẩy xe. Chẳng biết hình dáng cái củ mình đang tìm kiếm ra sao, tôi định hỏi anh chàng bán hàng, thì nghe được câu tiếng Việt. *Đây này, thiếu khối gì!* Hai bà khách, mỗi bà cầm lên một bao ni lông có chứa những khúc nâu nâu như những khúc củi nhóm bếp. Nhà tôi xà vào hỏi chuyện. *Củ này dưới mấy tiệm mình nơi đường Saint Denis cũng có bán nhưng giá tới 20 đồng một ký, đây chỉ có mười đồng.* Hai bà hào hứng nói về Canh Dưỡng Sinh và chỉ cho tôi xuống một tiệm Việt Nam mua cuốn sách chỉ dẫn được photocopy lại, giá 5 đồng một cuốn. *Cậu phải đọc rồi mới biết!* Một bà căn dặn một cách thành kính và cẩn thận.

Đọc mới biết thứ canh này chữa bách bệnh. Từ ung thư, sida tới áp huyết cao, tiểu đường, sơ gan... Lại còn làm mờ đi những vết đồi mồi (cái dấu chứng đáng ghét của tuổi già!), làm đen tóc, căng da... Các bà mê tít thò lò liền! Lại còn giúp uống rượu không say. Các ông muốn thử ngay! Thế là đổ xô nhau mua mua, bán bán, nấu nấu, uống uống.

Trong tiệm, người người đầy nhóc, vừa lựa, vừa dành, vừa mau mắn trả tiền. Cứ loạn cả lên. Nhìn lại, đa số là các cụ già dắt díu nhau, mặt tươi rói, làm như đã bắt lại được nguồn sinh lực đã mất. Già! Chỉ nghe thấy cái tiếng cộc lốc đó đã thấy nản. Nó là cái tuổi làm cho thân xác trở thành vùng oanh kích tự do của bệnh tật, cái tuổi thuốc nhiều hơn cơm, cái tuổi vội vã níu kéo ngày tháng đang dần cạn.

Trong một tiệm ăn, một bàn tám ông bạn tôi, lỗ chỗ tóc bạc, tóc tiêu nhiều hơn muối, cười cười nói nói vui vẻ. Can cớ gì vậy? Hỏi ra mới biết các ông cùng chung một tuổi, tuổi con trâu. Hỏi thêm nữa mới hay là các ông đang tụ tập chén tôi chén bác mừng cho kiếp kéo cầy vừa chấm dứt, trả lại cầy bừa cho đám trẻ. Trâu trả lại cày bừa cho đồng ruộng, ta về nhà ta nhẩn nha. Hỏi thêm nữa về dự tính sẽ hưởng già như thế nào, các ông cười. *Cứ phè ra! Sáng khỏi thức dậy sớm, khỏi chong mắt nhìn mặt đồng hồ, khỏi khóc cười với tuyết. Thế là sướng rồi.* Một ông ngôn một câu mất sướng. *Chỉ còn có mỗi một việc nuốt những viên thuốc.* Ông khác. *Còn coi cháu nữa!* Về già, hình như chỉ còn lợi ích kinh tế duy nhất: coi cháu. Và đó có lẽ cũng là giá trị duy nhất của người già nơi xứ người! Có ông bà coi sóc cháu, đưa đón cháu đi học, chơi với cháu, dẫn cháu đi chỗ này chỗ kia, cũng đỡ lắm. Đỡ cái phiền phức phải gửi con. Vừa tốn tiền, vừa không an tâm. Một bà cười như mếu. *Đó cũng là nguồn vui đấy ông ạ, chẳng lẽ cứ ngồi nhìn nhau như hai con khỉ già!*

Mấy năm trước, họa sĩ Trịnh Cung ghé chơi Montréal. Rảnh ít phút là nhấc điện thoại phôn về Cali. *Ông có bồ nhí bên đó hay sao vậy?* Liếc mắt, lừ một cái. *Bồ cái con khỉ ấy! Nói chuyện với cháu đấy các ông ạ.* Đi chơi, cứ xà vào hàng bán quần áo, đồ chơi con nít. *Mua chút quà về cho cháu. Cho nó vui!* Bạn bè chưa thấy mặt vui của cháu, nhưng thấy mặt ông như mở hội. Xuống giọng tâm sự. *Lúc nào các ông có cháu thì biết, thương lắm các ông ạ! Thương còn hơn thương con ngày xưa nữa!* Một ông phân tích. *Ngày xưa, lúc mình có con, mình còn trẻ, còn bay nhảy, còn trăm công ngàn việc, không có tâm trí và thời giờ thương con trăm phần trăm, bây giờ, già rồi, chim chỉ biết nhẩn nha từng bước, cánh xệ rồi, bay chi nữa, đành dồn tất cả cho cháu, thương ơi là thương!*

Ông Luân Hoán bây giờ cũng mải mê với cháu. Cháu có phá phách, giật đổ giật bể đồ đạc cũng cứ ngồi cười. Một đứa cháu ra đời, thơ cũng vung vít cựa mình.

đất trời thơm ngỡ hoa
tâm nhẹ tưởng hoan ca
hóa ra là không phải
chỉ đời thêm Nina.

Lần hai.
Montreal thơm lá thơm hoa
giữa xuân vàng đón Lyna vào đời
nghiêng vai mây đứng giữa trời
thòng tay ve vuốt mắt môi ngập ngừng
.....
Lần ba.
Black Foot Idaho
tuyết bay phai nắng sớm
chợt nở nụ ca dao
giữa sáu giờ chín phút
ngày mười một tháng hai
nhằm ba mươi tháng chạp
Vincent nằm trên vai
Việt Nam vào nguyên đán
không bén hương quê nhà
vẫn thơm tình nguồn cội.

Nhưng ngộ nhất là ông Thế Uyên. Người suốt một đời văn vẫn chưa hết rung cảm với những đồi những núi của người nữ, vậy mà bây giờ cũng mê cháu. Trong cuốn Những Người Đã Qua vừa được nhà xuất bản Văn Mới in trong năm 2003, Thế Uyên như đã già đi những đam mê. Vẫn mặn với người nữ, nhưng đồng thời lại yêu cháu. Cháu xem chừng cũng ngang ngửa với người nữ! *Vợ chồng tôi đang ở chung hòa thuận với ba con trai hai con dâu và hai đứa cháu đầu tiên- tôi không ngờ đến tuổi này tôi lại có thể yêu thích các cháu đến như vậy, mỗi khi mẹ mấy cháu bồng con về thăm bên ngoại, tôi nhớ cháu ngẩn ngơ. (trang 149)*

Ông anh tôi, suốt một đời làm chơi ăn thật, lè phè rất mực, tiền bạc phủ phê. Về già coi bộ lại hết lè phè, rất chí thú trông cháu, mệt thì có mệt, đôi khi vừa ngáp sái quai hàm vừa bầy trò cho cháu chơi. Chán cũng chẳng được. Cứ làm hề suốt ngày cho cháu cười thì mình cười làm sao được! Làm hề? Trời đã định như vậy rồi!

Chuyện như thế này.

Thượng Đế tạo ra con bò và bảo: " Con phải ra đồng làm việc suốt ngày với nhà nông, chịu nắng nôi, phải sanh đẻ để truyền giống, cung cấp nhiều sữa để giúp chủ. Ta sẽ cho con sống 60 năm."

Con bò thưa lại: " Cuộc sống khổ cực như vậy mà Ngài bắt con sống tới 60 năm sao? Con chỉ xin sống 20 năm, trả lại Ngài 40 năm." Thượng Đế chấp thuận.

Ngài lại dựng nên con chó và nói: "Con phải nằm suốt ngày trước cửa nhà, thấy người xông vào nhà hay đi ngang qua con phải sủa. Ta cho con cuộc sống dài 20 năm."

Con chó thưa lại: "Sao Ngài bắt con sủa lâu quá vậy? Con chỉ xin 10 năm, trả lại Ngài 10 năm." Thượng Đế thở dài, gật đầu.

Ngài tạo nên con khỉ và bảo: "Suốt đời con phải làm trò khỉ cho người khác cười. Ta cho con sống 20 năm."

Con khỉ khóc và thưa lại: "Phải làm trò khỉ suốt 20 năm thì chán quá, thưa Ngài. Con chỉ xin sống 10 năm, trả lại cho Ngài 10 năm." Thượng Đế cũng chấp thuận.

Cuối cùng, Thượng Đế tạo nên con người và nói: "Ăn, ngủ, chơi, làm tình, hưởng thụ. Con không phải làm gì cả, chỉ có mỗi một việc hưởng thụ, hưởng thụ mà thôi! Ta cho con sống 20 năm."

Con người thưa: "Ngài nói sao? Chỉ 20 năm thôi à? Không, không thể vậy được. Con xin thưa với Ngài như thế này: con lấy 20 năm Ngài ban cho con và xin thêm 40 năm con bò trả lại Ngài, 10 năm con khỉ không nhận, 10 năm con chó chê. Như vậy là Ngài cho con tất cả là 80 năm. Xin Ngài chấp nhận cho." Thượng Đế dễ dãi gật đầu.

Như vậy, con người chúng ta đãsống 20 năm đầu chỉ biết ăn, ngủ, chơi, làm tình, hưởng thụ và phè ra chẳng làm gì cả. 40 năm kế tiếp, chúng ta vất vả phơi lưng ra nắng để kiếm ăn. Mười năm kế đó, chúng ta làm trò khỉ để giải trí cho cháu. Và 10 năm sau cùng, chúng ta ngồi trước cửa nhà sủa một cách giận dữ với ông đi qua bà đi lại.

Câu chuyện trên tôi thuổng được trên internet.

Người ta thường vẫn nói tới kiếp sống. Tôi tưởng chỉ có một kiếp, hóa ra có tới bốn kiếp lận! Vậy thì cuộc sống có dài thêm ra không? Không có đâu!

Một buổi tối, tôi đến chơi nơi nhà trọ của nhà thơ Tô Thùy Yên trong thời gian anh ở chơi Montréal. Khi tiễn tôi ra xe về, đã nửa đêm, trời căm căm, cây cối đã say giấc, nghe tôi nói mai phải đi làm sớm, anh giương mắt. *Anh còn đi làm à?* Tôi gật đầu. Trầm ngâm một lúc, anh mới chậm rãi một câu tiếng Anh. *Life is short!* Đời ngắn, ai chẳng thấy! Thoắt cái mà Sài Gòn những ngày nhởn nhơ nơi quán Cái Chùa đã ngót nghét 30 năm. Từ ngày đó đến giờ, chúng tôi không gặp Đặng Phùng Quân, người tới từ Houston, Texas.

Chúng tôi đây là Luân Hoán, Trang Châu, Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Song Thao ở Montréal, Trần Doãn Nho, Phan Xuân Sinh ở Boston. Chúng tôi tụ họp nơi đây để dự đám cưới con gái của nhà thơ Tô Thùy Yên. Nhìn nhau thấy đã bàng bạc khói sương. Già rồi, chuyện đi đứng nghe chừng đã biếng nhác. Không có dịp thì ngại đi. Phải có cái trẻ trung của một đám cưới, cái níu kéo của số đông bạn bè thì cái thân rệu rạo mới cất bước làm một chuyến đi. Chuyến đi sáu giờ bay như Nguyễn Xuân Hoàng từ Cali, sáu giờ lái xe như Phan Ni Tấn, Bắc Phong, Lê Hân từ Toronto đổ xuống Montréal hai tuần sau đó. Cũng là một níu kéo của sức trẻ, của con cháu: lễ vu quy của con gái tôi. Sức già như đã kiệt, phải nhờ sức trẻ đẩy phía sau mới đan kết với nhau được.

Những người chơi với chữ nghĩa có cái tình lân lý lạ lùng lắm. Ới nhau một cái là gì cũng vứt bỏ hết, gặp nhau cái đã! Đi tới rạc chân chỉ cần một buổi chuyện trò là cũng đáng đồng tiền bát gạo rồi. Đám cưới phải có hát hò, vui cười, nhộn nhịp. MC Phan Dụy, một con chim lạ được nhà thơ Tô Thùy Yên dắt tới Montréal, kêu hết người nọ tới người kia lên sân khấu. Vóc dáng thanh nhã, nói năng duyên dáng, lúc tiếng Việt, lúc tiếng Hồng Mao, hát hay, ngâm thơ cũng hay, ngâm Ta Về của Tô Thùy Yên thì, theo Trần Doãn Nho, nghe nhức nhối lắm! Vậy mà nháy nhau một cái, lũ chúng tôi kéo nhau ra ngoài sân trước nhà hàng hết, mặc cho cô Phan Dụy kêu réo ở trong, cứ nhẩn nha trò chuyện. Chuyện xưa chuyện nay. Làm như mới bắt tay nhau tạm biệt ngày hôm qua, hôm nay gặp lại, tiếp nối câu chuyện đang dang dở. Những người viết như có một loại thần giao cách cảm lạ lùng. Xa nhau bao nhiêu lâu cũng cứ như hôm trước hôm sau. Trời đã cuối hè, cơn gió chớm thu đã về đâu đây, chúng tôi người đứng kẻ ngồi. Ngồi cũng là ngồi trên tấm bệ xi măng của chân cột đèn đường. Vất vưởng những câu nói tiếng cười với nhau. Sảng khoái! Xác thân đã rừng mình gai gai mà giọng nói vẫn đầy than đầy lửa, tiếng cười vẫn như ba mươi năm trước. Thời gian cũng e dè lùi bước. Chúng tôi sống lại một thuở Sài Gòn. Một ông hứng chí. *Bọn viết lách tụi mình không bao giờ già, chỉ thêm tuổi thôi!* Rõ là những ông văn thơ, rặt một tuồng làm biếng soi gương!

10/2003

LÁ THU

Buổi sáng, trời vương vài sợi nắng yếu ớt, gió hây hây lạnh, một chiếc lá nằm cô đơn trên kính trước xe. Chiếc lá mầu đỏ tía, một mầu đỏ không biết tả làm sao, mầu đỏ có lẽ chỉ có thiên nhiên mới pha nổi. Tôi đứng ngây nhìn chiếc lá báo thu. Lá cuốn hút hồn tôi.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn, người của thành phố Montréal từ thời mới di tản, nay ngụ cư ở Cali mà hồn như vẫn để lại Montréal. Gặp dân Montréal qua chơi Cali thế nào cũng níu áo nhắn cho gửi lời thăm anh em bên ấy. Bên ấy, Montréal, có những tàng lá đỏ mà mầu lá anh đã cảm thành tên.

Cuối thu rừng thưa mầu dệt gấm
Tùng bách uy nghi tán lá xanh
Những chàng bạch dương đứng ẩn hiện
Dáng người tha thướt như thư sinh.

Mầu dệt gấm. Có lẽ đó là cái mầu của cảm xúc, của tâm hồn hơn là của mắt nhìn. Mùa lá thu Montréal không chỉ có mầu dệt gấm mà còn mầu vàng, mầu hồng , mầu xanh... Mỗi mầu lại có nhiều sắc độ khác nhau. Tất cả tạo thành một rừng thu kéo từng đợt du khách tới ngắm lá. Mỗi độ thu về, các ông bà chủ khách sạn, nhà hàng, giới buôn bán kỷ vật... lại cười toe toét với những đoàn du khách tấp nập đổ tới. Lá thì muôn vạn mầu sắc nhưng tiền chỉ có một mầu xanh. Đó không phải là mầu của mùa thu nhưng đối với giới buôn bán đó mới chính là lá... thu. Thu bằng cả hai tay và chiếc túi!

Thu là một hành động không có vẻ văn nghệ, nhưng giới thu thập đôi khi cũng có tí chút văn nghệ văn gừng. Một cái quảng cáo của một tiệm buôn nằm chiếm cả một trang báo khổ lớn, vàng choé, in hình những chiếc lá thu đang lả tả rơi, với hàng chữ đỏ đập vào mắt người đọc. *Lá thu rơi, giá hàng của chúng tôi cũng rơi: 20%, 30%, 40%!*

Này, nhờ anh tí nhé! Anh ở Montréal, anh ca tụng mùa thu Montréal, bộ những nơi khác không có mùa thu, không có lá vàng rơi hay sao? Có chứ! Như Paris của thi sĩ Nguyên Sa chẳng hạn.

Mai tôi đi dù hôm nay đang vào thu
Dù sông Seine đang mặc áo sương mù
Đang nhìn tôi mà khoe nước biếc
Khoe lá vàng lộng lẫy lối đi xưa.

Paris cũng có lá vàng, nhưng đó là thứ lá vàng vương giả, lá vàng lộng lẫy. Lá vàng khác với lá

thu Montréal của tôi. Nhưng mùa thu Paris có cái thần diệu lắm. Nó giật rơi được mọi thứ lá, cứ gì lá vàng.

Hai cô du khách tuổi choai choai tới thăm Bảo Tàng Viện Louvre ở Paris. Họ đứng ngắm say mê bức tượng Apollon nổi tiếng. Những bắp thịt cuồn cuộn trên tượng tỏa ra sức trai cường tráng. Tượng chỉ mặc có mỗi chiếc lá nho ở ngã ba tình. Một cô, vẻ tiếc rẻ, nói với cô bạn. Sao mình không tới đây vào mùa thu nhỉ?

Tiếc cũng là thu. Nhớ cũng là thu. Tại sao người ta cứ đợi tới mùa thu mới nhớ nhỉ? Có lẽ vì mùa xuân ham chơi nên quên nhớ, mùa hè áo một manh quần một mảnh nên không tiện nhớ, mùa đông cái gì cũng co lại nói chi cái nhớ! Mùa thu, mấy ông bà thi sĩ nhớ hung hãn lắm. Thơ nhớ đầm đìa, nếu rảnh rỗi thời giờ thu góp lại cũng in được nhiều pho tuyển tập. Nhớ cái gì? Nhớ lang bang đủ thứ nhưng nhớ nhiều nhất vẫn là nhớ những người tình đã gài số de, nhớ những mối tình đã lãng đãng thành mây thu.

Cũng là nhớ người tình, cũng là tưởng lại những mối tình, nhưng nỗi nhớ dài nửa vòng trái đất, nỗi nhớ xuyên gần ba chục mùa thu di tản, là nỗi nhớ đặc thù của những nhà thơ của chúng ta.

Khi tôi nghe mùa thu trở về
Thả sương bay mù tầm mắt,
Buổi sớm
Ngập ngừng bước chân
Xuống phố,
Dùng dằng nhớ những lối xưa.
Sau màn sương là em,
là quán,
là mùa cũ quay về,
ẩm ướt hiên mưa.

Nhà thơ Cổ Ngư ở Paris đã quay về như vậy. Nhà thơ Hoàng Chính, ở Canada, cũng gặm nhấm một mùa thu xa lắc xa lơ.

Em có giấu mùa thu trong mắt ướt
đểphố phường vàng úa lá đường phong
để anh về gặm nhấm nỗi chờ mong
trong những quán cà phê có chiếc bánh tròn donut
trong những phố trống công viên
như vườn Tao Đàn thuở trước
hay bờ hồ Hoàn Kiếm của em xưa
mà bây giờ đã xa lắc xa lơ!

Nhớ coi bộ khó cạn nhưng thu chẳng thể không tàn. Lá đỏ lá vàng một thời rực rỡ nay đều mang thân phận lá khô. Đường phố đầy xác lá đuổi nhau theo những con gió. Những công viên mới ngày nào đầy mầu quan tái làm nao lòng khách du nay đã điêu tàn những xác lá nằm ngang tới đầu gối. Những khu vườn trước nhà, sau nhà nay cũng ngập đầy lá thu chết. Thu dọn tàn tích của mùa thu là cả một vấn đề. Sở Lục lộ thành phố phải ra tay. Cầm đầu Sở Lục Lộ thành phố Montréal chẳng biết có phải là một thi sĩ hay không mà cũng thơ đáo để. Cuối thu, đầu đông, trên những tờ báo hàng ngày, xuất hiện cái quảng cáo khá thơ của Sở Lục Lộ. *Hãy cho những lá thu một đời sống khác*! Đọc kỹ chi tiết thì là lời khuyên hãy hốt lá khô đem ủ làm phân bón cây. Đã mang vẻ đẹp cho đời bằng một đời sống đầy mầu sắc thì nay hãy cho lá thu một cơ hội làm thực phẩm cho cây cối để có những cụm lá rực rỡ cho mùa lá sang năm. Trong mỗi sự tàn tạ đều có ngầm chứa sức phục sinh. Đó là sự tiếp nối thần diệu của cuộc sống.

Tuổi già là cái tàn tạ đứt đuôi đi rồi. Đó là mùa thu của cuộc đời.

Một ông tuổi cuối thu mới sắm được một đôi giầy rất ưng ý. Vừa bước vô nhà, ông liền khoe với vợ.

"Này bà! Bà có nhận ra điều gì khác lạ trên người tôi không?"

Bà vợ nhìn sơ rồi đáp.

"Tôi chẳng thấy gì khác lạ cả! Vẫn cái áo ông mặc từ tuần trước. Cái quần cũng vậy!"

Bực mình, ông vào phòng cởi bỏ hết quần áo, chỉ mang đôi giầy, ra hỏi bà vợ.

"Thế nào, bây giờ bà có thấy điều gì khác lạ trên người tôi chưa?"

Bà vợ thở dài.

"Tôi chẳng thấy điều gì khác lạ cả! Vẫn là cái kim đồng hồ lúc nào cũng chỉ sáu giờ rưỡi!"

Ông phát cáu.

"Phải rồi! Nó chỉ sáu giờ rưỡi bởi vì nó đang nhìn xuống đôi giầy mới của tôi đây này!"

Bà vợ bỗng tươi tỉnh hẳn lên.

"Vậy ngày mai ông đi mua nón mới đi!"

Ngày mai? Chắc phải là một ngày nắng xuân. Có còn mùa xuân nào cho ông bạn già của chúng ta hay không?

12/2003

HOA XUÂN

Tôi là một người yêu hoa. Thời Sài Gòn, có chợ hoa ngày Tết năm nào vắng mặt tôi. Có năm,

ĐẠM THẠCH

NGÀY VỀ

Lối xưa, ngược nắng, tôi về
Bóng hoàng hôn đổ, tham mê cuối đời
Dốc lên thân xác chơi vơi
Hồn còn cúi xuống khoảng trời mù sương
Chim kêu điếng giọng quê hương
Người thương điếng giọng : người thương hiện về
Ngắn thôi - em - mái tóc thề
Mà tôi dài nỗi đam mê đến giờ.

vừa mới chân ướt chân ráo từ Manila về vào chiều ngày 29 Tết, buổi tối tôi cũng đã chen chân với mọi người trong đêm cuối của chợ hoa. Hoa nào tôi cũng thích. Hồng, Huệ, Lan Cúc, Mai, Đào.... Vậy thì cớ gì tôi không thích hoa hậu? Thích đứt đuôi đi ấy chứ! Nghe quảng cáo cuốn băng Asia Mùa Hè Rực Rỡ có tụ tập trên hai chục hoa hậu từ nhiều nơi trên thế giới đổ về, tôi vội vàng đánh cả cụm. Vội vàng không phải là tính tôi. Tôi chỉ vội vàng có cái. Lần này là vì vâng lời người xưa. Ngày xưa cổ nhân chưa biết có trò thi hoa hậu, cho nên cứ người đẹp là được gọi là giai nhân tuốt luốt hết.

Giai nhân tự cổ như danh tướng
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu.

Thơ chữ Nho mà dễ hiểu như thơ chữ Nôm, chẳng cần phải phiên dịch lôi thôi. Cũng may, người đẹp chẳng thèm hứa cho bàn dân thiên hạ coi cái đầu bạc! Vậy thì, coi người đẹp thì phải coi liền, để tới khi đầu trắng tóc, uổng! Người đẹp 2003 của Việt Nam hải ngoại ai thấy sao tôi thấy vậy. Mắt nào cũng như nhau. Cái gì đáng thấy đều đã thấy. Chỉ có ý nghĩ có thể là khác. Tôi thì tôi nghĩ hai chuyện.

Thứ nhất, cô nào cũng cao ráo đẹp đẽ. Cao như đầm, đẹp như... hoa hậu. Hồi xưa, thời ông Trần Ngươn Phiêu còn làm Tổng Trưởng Xã Hội, ông có nói một điều mà báo chí làm rùm beng lên. Ông là một Bác Sĩ Quân Y, nhân nói về con lai, ông đã dựa theo khoa học, nói với các phóng viên đại khái là lai giống làm cho giống nòi khỏe mạnh, cao lớn hơn, nên lắm! Phút nói thật của ông Tổng Phiêu đã thành đề tài cho các cây viết phiếm móc đi móc lại ngoắt ngoéo, làm vui cả làng báo trong một thời gian. Nay, thấy vóc dáng các hoa hậu, tôi mới biết ông Tổng Phiêu chỉ đúng có một nửa. Chẳng cần lai giống, cứ sống ở những nước dư ăn dư mặc, tự do thoải mái, con người vẫn cứ phổng phao, láng coóng như thường!

Thứ hai, thừa hưởng được cái phổng phao, các hoa hậu lại có cái miệng nói tiếng Việt như Tây nói tiếng Việt. Thì phải vậy chứ sao! Chúng ta đã quen với hoàn cảnh con em còn nói được tiếng Việt là mừng. Ngây ngô một chút có sao? Nhiều khi cái ngây ngô cũng có cái dễ thương của sự ngây ngô. Lên sân khấu, run thấy mồ, vậy mà lại phải trả lời trực tiếp bằng thứ tiếng không phải là ngôn ngữ dùng hàng ngày, dù đó là tiếng mẹ đẻ, nói được là ngon rồi. Mà nói vui nữa là khác. Một em được hỏi nghĩ thế nào về người chồng tương lai, trả lời ngay tức khắc là phải cao ráo, đẹp trai. Bị hỏi tiếp không cần nhiều tiền, nghề nghiệp vững chắc hay sao, em tỉnh bơ trả lời không cần, có em làm nhiều tiền nuôi được rồi. Đã đẹp mà lại biết nuôi chồng, quý hóa quá! Chứ có ai lại như Bao Tự cứ ngồi xé vải cười khanh khách, tốn biết bao nhiêu tiền của chồng cho kể! Người đẹp ngày nay hơn hẳn người đẹp ngày xưa!

Bởi vậy phải siêng năng đi tìm người đẹp. Ở trong nước đang làm tốt chuyện này. Nhà cầm quyền mọi cấp đều rất thích tổ chức những cuộc thi hoa hậu. Ngày xưa, thời Việt Nam Cộng Hòa, họa hoằn lắm mới tổ chức cho các người đẹp đeo số đi ra đi vào cho các vị giám khảo ngắm nghía. Vậy mà, sau cái gọi là giải phóng, "cách mạng" cứ ra rả công kích cái trò mất thuần phong mỹ tục của "ngụy". Ngày nay, thi hoa hậu, thi người mẫu và bao nhiêu thứ thi phơi bày thân thể thiếu nữ được tổ chức hà rầm trong nước. Nước thi theo nước, tỉnh thi theo tỉnh, ngành thi theo ngành, tất cả cứ há miệng chảy nước miếng mà coi thi. Lại còn quay video gửi ra hải ngoại cho chúng coi kẻo tội! Hoa hậu đăng quang lung tung xòe khiến nhà nước phải quy định là chỉ có các thí sinh trúng tuyển cuộc thi hoa hậu báo Tiền Phong, cấp quốc

gia, mới được gọi là hoa hậu. Các thứ khác chỉ được gọi là Hoa Khôi hay hoa gì không cần biết tới, nhưng cấm là Hoa Hậu! Tốt thì khoe ra, đẹp thì phải khuyến mãi, các hoa hậu, hoa khôi được gửi đi thi vung vít ở nước ngoài. Thật là thoáng! Thoáng đến quên khuấy câu châm ngôn cách mạng "trước sau như một."

Cách mạng nước ta cứ vô tư cho người đẹp mặc áo tắm đi phô bày nhan nhản ở các nước, chẳng có vấn đề gì cả. Lạc hậu như A Phú Hãn mới có vấn đề.

Phụ nữ của nước Hồi giáo A Phú Hãn bị các thầy cai trị choàng cho chiếc burqua kín mít từ đầu tới chân, chỉ hở hai con mắt. Vòng số 1, số 2, số 3, cấm ngoại thủy không ai được biết. Chỉ có một anh đàn ông A Phú Hãn được biết thôi! Mà cái ông này lại có quyền biết tới bốn cái ngoại thủy phải mù tịt này! Vậy mà bây giờ, tự nhiên mấy cái nõn nường này đổ đốn giơ hình giơ hài cho bàn dân thiên hạ coi cho đã, chịu gì thấu!

Ông Fazel Ahmad Manawi, Phó Chánh Án Tòa Án Tối Cao A Phú Hãn, phồng mang trợn mắt chỉ mặt cô Vida Samadzai, 23 tuổi, đồng bào của ông, sinh viên ở California, là đã phản bội nền văn hóa A Phú Hãn, đồng thời vi phạm luật pháp A Phú Hãn. Cô này làm gì để ông phải rung râu dọa dẫm? Cô đã mặc áo tắm hai mảnh dự thi Hoa Hậu Trái Đất ở Phi Luật tân. Tại sao cô dự thi? Cô cho biết là để gióng lên một tiếng chuông cảnh tỉnh về thân phận người phụ nữ ở quê nhà A Phú Hãn. Có chính nghĩa quá đi chứ! Ban tổ chức đã trao cho cô giải "sắc đẹp vì chính nghĩa."

Thành phố Montréal của tôi, vào ngày 29 tháng 11 năm nay, cũng có đêm chung kết cuộc thi Hoa Hậu Địa Cầu, một cuộc thi nhỏ, đàn em của các cuộc thi Hoa Hậu Hoàn Vũ, Hoa Hậu Thế Giới, Hoa Hậu Trái Đất, Hoa Hậu Quốc Tế. Vậy mà cũng có 40 thí sinh, có người tới từ Tân Tây Lan, Thụy Sĩ, Panama và Kenya. Điều vui là có hai cô sinh viên người A Phú Hãn, hiện ở Toronto và Vancouver, tham dự. Và màn mặc áo tắm lại đã gây ra phiền phức. Hai cô bị áp lực mạnh của các thày Hồi ở đây nên nhượng bộ chút xíu. Các cô đã che phần dưới thân thể bằng một tấm voan mỏng. Thi cử như vậy thì thi làm chi? Cô Arezo Ronah giải thích. Tôi chỉ muốn nói lên một điều là phụ nữ A Phú Hãn không thể bị đàn áp. Để cho chính nghĩa cứng hơn, cô viện dẫn kinh Koran. Không có một điều nào được viết trong kinh Koran là phụ nữ không được tham dự các cuộc thi sắc đẹp. Cứng quá đi chứ! Ai dám cãi kinh Koran?

Chẳng biết có còn ai trong chúng ta nhớ là vào tháng 11 năm ngoái, cuộc thi Hoa Hậu Thế Giới được tổ chức ở Nigeria đã bị giới Hồi giáo quá khích chống đối bằng bạo động gây ra cái chết của hơn hai trăm người sau khi một ký giả địa phương viết là nếu Mohamed còn sống, chắc ông cũng ủng hộ cuộc thi hoa hậu và có thể còn lấy một cô làm vợ nữa!

Thật là nhảm nhí! Cả cô Arezo Ronah cũng nhảm nhí! Ông Salam Elmenyawi, Chủ Tịch Hiệp Hội Hồi Giáo Montréal, vạch rõ rằng: kinh Koran có viết là phụ nữ phải che kín thân thể ở nơi công cộng. Cô Biniaz, 18 tuổi, một trong hai thí sinh A Phú Hãn, nói lại. Nếu phần nào da dẻ của tôi được phô bày ra, thì đó là điều chứng tỏ là tôi đã dùng kem dưỡng da tốt như thế nào. Sự phô bày thân thể không có liên quan gì đến tình dục. Nó chỉ là thân thể con người, mà thân thể là một đền thờ sống. Chẳng biết ai ra sao chứ tôi, vốn tính cả nể, tôi đứng về phe hoa hậu. Ai đứng về phe mấy ông râu rậm chùm khăn thì tùy ý, tôi chẳng lấy làm điều. Tuy nhiên tôi chán mấy ông thày này lắm rồi. Tôi nói chuyện khác. Tôi lại trở về với cây nhà lá vườn.

Ta lại sắp có hoa hậu của ta, hoa hậu "Vietnam USA 2004." Lần này đánh lớn. Lớn nhất trong 28 năm di tản, đó là tuyên bố của ban tổ chức. Cuộc thi sẽ diễn ra tại The Grove of Anaheim vào ngày 20 tháng 12 năm 2003. Lớn vì có tới 300 thí sinh tham dự, lọc được vào chung kết còn 60 cô. Lớn vì phần thưởng của hoa hậu trúng tuyển: 20 ngàn Mỹ Kim cộng thêm chiếc xe Mercedes đời 2004! Lớn nhưng không nên để thành lớn chuyện khi cuộc thi kết thúc. Như cuộc thi hoa hậu của Phi Luật Tân ở Montréal.

Cuộc thi được tổ chức vào tháng 10 vừa qua. Cái đuôi của cuộc thi là một vụ kéo nhau ra tòa án. Hai mẹ con cô Đệ Nhất Á Hậu lôi ban Giám Khảo ra tòa vì tội thiên vị trong khi chấm điểm. Lý do là ai cũng thấy là Á Hậu mới xứng đáng là Hoa Hậu. Bên nguyên đòi một số tiền bồi thường hơn ba ngàn Gia Kim gồm tiền may áo dự thi, tiền son phấn, tiền thiệt hại tinh thần của cả bà mẹ lẫn cô Á hậu. Không biết tòa sẽ xử mần răng? Chẳng lẽ quan tòa chấm thi lại? Rắc rối!

Hình như những gì dính tới người đẹp đều rắc rối. Tết này tôi nhất định không mua cái rắc rối vào người: tôi sẽ không sắm hoa hậu! Lại vẫn chỉ Hồng, Huệ, Lan, Cúc, Mai, Đào... Cho chắc ăn!

12/2003

SÁNG THẾ KÝ ĐỌC BỞI MỘT NGƯỜI VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀI VÂN

"Khi Thiên Chúa bắt đầu dựng nên trời và đất (thì) mặt đất hoang vu trống rỗng, và tăm tối phủ trên vực thẳm; thần khí (hơi thở) Chúa lượn trên mặt nước."

Đoạn văn trên mở đầu Sáng Thế Ký, quyển sách đầu tiên của Thánh Kinh được tôn sùng bởi Do Thái Giáo, các Giáo Hội Ky Tô và, với vài hạn chế, bởi Hồi Giáo. Riêng tôi, trong bài viết này, hoàn toàn muốn lùi ra khỏi truyền thống tôn sùng ấy, và nhìn Sáng Thế Ký đơn thuần như một áng văn kỳ thú, để cùng bạn đọc thưởng thức nó, bàn bạc về nó, như bất cứ tác phẩm văn chương giá trị nào của kho tàng văn hóa nhân loại. Các nhân vật trong áng văn ấy, đầu tiên là Thiên Chúa, cũng sẽ được phân tích như những nhân vật văn chương, đặc biệt là trên mặt tâm lý. Đọc giả nào không đồng ý với cách làm việc vừa nói, xin lập tức gạt bỏ bài này sang một bên, tuyệt đối đừng đọc nó, và đón nhận sự cúi chào cung kính của người viết.

ÁNH SÁNG NGUYÊN THUỶ

Trở lại đoạn văn vừa được trích. Nó nói lên một điều đáng ghi nhận : tác giả Sáng Thế Ký bắt đầu câu chuyện ở thời điểm «t cộng 1», tức là đã có đất, nước, vực thẳm, và... một nhân chứng nào đó, có thể là chính vị tác giả này (!), để tường thuật « trung trực » lại cho chúng ta mọi tự sự. Trước khi có đất, nước, vực thẳm, có gì, thì không thấy Sáng Thế Ký bàn đến. Cũng không thấy bàn vào chi tiết đất, nước v.v... hiện hữu do đâu, có phải do Chúa dựng nên hay không ? Câu chuyện chỉ bắt đầu từ lúc « t cộng 1 » :

"Chúa nói : ánh sáng hãy hiện hữu ! Và ánh sáng hiện hữu." Ánh sáng là "tạo vật" đầu tiên của Chúa, không kể những thứ đã có sẵn vừa bàn ở trên. Trong bài này, tôi muốn chia sẻ với bạn đọc những suy nghĩ của tôi như một người Việt Nam, với tâm lý và kiến thức thông thường của một người Đông Á và một người Việt Nam, về áng văn Sáng Thế Ký. Bàn về ánh sáng, người Đông Á và Việt Nam tôi không khỏi liên tưởng đến ánh sáng được nói đến trong Tử Thư. Người chết trở về với Chân Như, là làm một cuộc hành trình ngược về nguồn gốc của mình, của mọi con người, của mọi sinh vật, của mọi sự vật. Phải chăng cuộc hành trình ấy đưa về "điểm khởi thủy," cái thời điểm "t cộng 1" vừa nói ? Và người chết thấy gì ? Tử Thư nói : thấy "ánh sáng," ánh sáng nền tảng, màu trắng, của Đại Nhật Như Lai (Vairocana). Vị Phật của Chân Không này là khởi điểm của tất cả, bản thể của tất cả, từ đó mà thị hiện thành vạn pháp. Sáng Thế Ký cũng đặt ánh sáng ở điểm khởi thủy của sự tác thành vạn vật. Trong Tử Thư, nếu người chết thấy "ánh sáng nguyên thủy" mà nhận ra rằng mình không thực có, mà chỉ là sự thị hiện của ánh sáng ấy, thì liền hòa nhập với Đức Đại Nhật Như Lai (Chân Không), và được giải thoát. Trong các kinh nghiệm « gần chết sống lại » (near death experience), người ta cũng thường ghi nhận việc nhìn thấy một ánh sáng. Trong truyền thống Ky Tô Giáo, thì người ta nguyện người chết được đặt trong ánh sáng, như trong đoạn kinh Requiem Aeternam, phỏng theo Esdras, tôi dịch thoát như sau :

Trong giấc ngủ muôn đời
Xin dang tay đón người
Đặt người trong Ánh Sáng
Nguồn sáng của Bầu Trời

Được chan hòa Ánh Sáng, người chết trở về điểm khởi thủy, nơi chỉ còn Thiên Chúa, để qua Ánh Sáng ấy, trực diện với Ngài, và (hy vọng) nhận biết Ngài, để được giải thoát. Trực diện với Thiên Chúa! Sự chết quả thực là một kinh nghiệm lý thú (và có lẽ càng lý thú hơn nữa nếu đó là kinh nghiệm của... người khác!)

Tôi có từng đọc Nguyễn Kết trong *Thế Kỷ 21* đã nhiều năm trước, cho rằng nếu bạn leo được lên một hạt quang tử (photon), và di chuyển với tốc độ của ánh sáng, thì bạn sẽ không còn thấy thời gian trôi nữa, không còn quá khứ, vị lai, mà chỉ còn hiện tại, giây lát, lúc nào cũng là lúc này.

Bạn sẽ thấy Big Bang và tận thế cùng lúc, Đức Phật đản sanh và nước Pháp thắng giải túc cầu thế giới 2006 trong một khoảnh khắc duy nhất! Bạn cũng sẽ được trực diện với Thiên Chúa, ít nhất là ở lúc Ngài tuyên bố: « Yhi 'or ! - Ánh Sáng hãy hiện hữu! »

TIẾNG NÓI NỘI TÂM VÀ SỰ HÌNH THÀNH Ý THỨC:

Tuy nhiên, điều tôi thắc mắc là, vào thời điểm ấy, Thiên Chúa tuyên bố với ai ? Suốt tiến trình tạo thành vạn vật Thiên Chúa luôn nói. Nhưng ai là người nghe Ngài nói ? Vị Thần, vị Chúa nào khác? Xin nhấn mạnh là chữ « Elohim » được dùng để chỉ Thiên Chúa trong đoạn văn này là một chữ mang số nhiều (có thể dịch là « những Thiên Chúa ») !

Hay Thiên Chúa tự nói với mình? Trần Đức Thảo gọi đó là «tiếng nói bên trong», và coi tếng nói bên trong ấy chính là nguồn gốc của sự hình thành ý thức. Phải chăng cùng lúc với việc tác tạo vạn vật, Thiên Chúa cũng xây dựng ý thức của chính mình, như một đứa trẻ khám phá mọi sự vật chung quanh, đầu tiên là ánh sáng, và bắt đầu ý thức về chúng? Nhà Phật cho rằng: vạn pháp đều từ tâm mà sinh ra, và do ý thức mà được nhận biết. Làm im được «tiếng nói bên trong,» đạt đến chân thường vô niệm, thì vạn pháp diệt, tâm trở thành trong sáng vì không còn gì trong đó, và trở về trạng thái nguyên thủy, «bản lai chân diện mục.» Trên quan điểm mọi sự (vạn pháp) đều từ Tâm mà sanh ra, thì trở về với trạng thái nguyên thủy như thế, cũng tương đương với trở về giây lát trước điểm khởi đầu của Sáng Thế Ký, lúc mà chỉ có một sự hiện hữu duy nhất, là Thiên Chúa.

VẠN PHÁP «RẤT TỐT»!

Cùng với ánh sáng, Thiên Chúa cũng đã phát minh ra thời gian. Ngài phân chia ánh sáng với tăm tối và định ra «ngày» và «đêm.» Từ đó, tiến trình sáng tạo diễn ra «trong» thời gian, với những «ngày.» Mỗi ngày Thiên Chúa tạo nên một số sự vật, và tuyên bố : «điều ấy tốt.» Như thế Thiên Chúa cũng đồng thời tạo ra sự «tốt xấu,» cùng với suy luận chủ quan.

Điều cần chú ý là: tạo vật được Thiên Chúa dựng nên được so sánh với cái gì để được gọi là «tốt » ? Phải chăng đã có những kinh nghiệm sáng tạo khác, những thế giới khác đã được tạo nên nhưng «không được tốt lắm»? Bạn nên lập tức bỏ bài viết này xuống, và đi xem ngay bộ phim «Matrix» nếu chưa xem. Trong bộ phim này, nhân vật Thiên Chúa (Đại Kiến Trúc Sư) cho biết đã sáng chế ra năm hay sáu thế giới chi đó, nhưng chúng đều không "chạy" tốt. Cái thế giới mà chúng ta "sống" trong phim có vẻ chạy tốt, cho đến khi có vài trục trặc như được chứng kiến trên màn ảnh. Thiên Chúa trong Matrix là một thảo trình điện toán, thế giới cũng như vạn vật được ý thức, cũng đều là những thảo trình hiện hữu song song với một thực tại hoàn toàn độc lập...

Đến đoạn này của Sáng Thế Ký, chúng ta bước vào một thế giới nhị nguyên, với đầy đủ gia vị của nó: chủ thể, khách thể, thời gian tức quá khứ, vị lai, tốt xấu, đêm ngày, trên dưới, v.v... và mọi sự vật. Một niệm khởi lên là vạn pháp tạo thành! Chi tiết sự hình thành «vạn pháp» không quan trọng. Đại khái Thiên Chúa dựng nên trời ở giữa nước và phân ra nước trên và nước dưới, rồi gom nước dưới thành đại dương với phần còn lại là đất, rồi dựng nên cây cỏ hoa trái, sau đó gắn những ngọn đèn trên bầu trời (tức mặt trời, mặt trăng và các vì sao) để phân ngày và đêm (ở đây có sự lập lại và mâu thuẫn với sự phân định ngày đêm ở đoạn tạo thành ánh sáng), làm mốc thời gian cho năm tháng, và cả cho ngày lễ. Thiên Chúa, như mọi công nhân «lao động tốt,» đã quan tâm đến ngày nghỉ lễ! Sau đó Thiên Chúa tạo ra những loài vật sống dưới nước, rồi loài chim, rồi mới tới các loài vật sống trên đất, và cuối cùng là... loài người. Tiến trình tạo thành vạn vật như thế tùy thuộc ý thức về vũ trụ và sự vật mà tác giả Sáng Thế Ký gán cho nhân vật Thiên Chúa của mình. Người ta nghĩ Sáng Thế Ký được viết ra chung quanh giai đoạn người Do Thái bị lưu đày ở Babylone, năm tới sáu thế kỷ trước Công nguyên. Ý thức về vạn vật, về vũ trụ, của thời ấy như thế, chúng ta chấp nhận như thế. Nó có những điểm không chính xác, như ý thức của chính chúng ta, ngày nay, về vũ trụ và sự vật, chắc chắn cũng vấp phải nhiều sai lầm thiếu sót.

CHÚA CÓ BIẾT MỆT HAY KHÔNG ?

Đọc đến Gen 1:26 (Sáng Thế Ký chương 1 câu 26) chúng ta chứng kiến sự tạo thành con người. Con người được tác tạo theo hình ảnh Thiên Chúa, gồm nam và nữ, với sứ mạng rõ rệt là ngự trị trên vạn vật. Không thấy nói các loài vật được dựng nên với giống đực và giống cái. Mặt khác, nếu loài người, nam và nữ, được dựng nên theo

hình ảnh của Thiên Chúa, thì Thiên Chúa là nam hay nữ ? có lẽ cả hai ? Giả sử Thiên Chúa có vừa nam vừa nữ thì phải công nhận rằng nữ tính trong Thiên Chúa đã hoàn toàn bị khoả lấp, đè bẹp trong suốt Thánh Kinh.

Liền sau đó, Thiên Chúa tính tới một vấn đề quan trọng: Ăn! Ngài chỉ định cho mọi loài động vật sống trên đất, các loài chim và con người, được quyền ăn mọi loài rau quả. Không thấy nói đến thực phẩm của các loài vật sống dưới nước. Quyền ăn thịt cũng chưa được công bố. Hết chương một.

Chương 2 của Sáng Thế Ký nói rằng: đến ngày thứ bảy, mọi sự đã được tạo thành, Thiên Chúa cho rằng những điều ấy «rất» tốt (những đoạn trước Ngài chỉ nói «tốt »), và Ngài «ngừng làm việc» (theo bản TOB: traduction Scuménique de la Bible), hay Ngài «nghỉ ngơi» (nhiều bản khác). Từ đó đưa đến truyền thống nghỉ ngày Chủ Nhật, hay ngày Shabbat. Sự kiện Thiên Chúa nghỉ ngơi bị các nhà Thần Học Hồi Giáo chỉ trích: nếu có nghỉ là có mệt, vậy Thiên Chúa cũng biết mệt? Biết mệt là sức Ngài có hạn, năng lực cũng như quyền phép của ngài không phải vô biên, điều mà các vị ấy không thể chấp nhận được. Bản dịch TOB, một bản dịch dung hoà giữa nhiều Giáo Hội (Scuménique), tránh chuyện nghỉ mệt, và chỉ nói «ngừng làm việc.» Dù sao chúng ta đã thấy hé lộ ra nơi đây, một chút yếu ớt của Thiên Chúa bên cạnh quyền phép của Ngài.

Ngày thứ bảy... Con số bảy là một con số biểu tượng quan trọng trong văn hoá Ấn Âu, ảnh hưởng vào văn hoá Sémite có lẽ qua cuộc lưu đày của dân Do Thái tại Babylone. Âm giai bảy nốt, ánh sáng bảy màu, bảy «luân xa» của Yoga, sau khi chào đời Đức Phật đi bảy bước, Hoàng Hậu Maya chết bảy ngày sau khi hạ sanh Đúc Phật, Phật tu khổ hạnh bảy năm, bảy tầng Trời, bảy tầng Địa Ngục (Hồi Giáo), Nữ thần Sarasvati (Ấn Giáo) có cây đàn bảy giây, Nữ Thần Ishtar (Babylone) được bao quanh bởi bảy trinh nữ, Đức Giê Su đứng hàng thứ 77 trong gia phả của Ngài tính từ Adam (Luca 3 :23-38), và một Giê Su khác đứng hàng thứ 49, 7 lần 7, trong cùng gia phả, khi Giê Su hài nhi được đưa vào Đền Thờ, bà Anna nhận biết Ngài, bà này 84 tuổi, sống với chồng bảy năm rồi đi tu, cuộc đời bà đến 84 tuổi thì coi như sống độc thân... 77 năm! Cũng phải kể Bạch Tuyết và bảy chú lùn, đôi hia bảy dặm và bảy anh em của thằng bé tí hon, thậm chí người Thượng Koho ở vùng Lâm Đồng hàng năm mừng lễ Lir Bong (1 tháng sau Tết), nhưng bảy năm một lần thì làm một ngày Đại Lễ, chứng tỏ liên hệ của họ với dòng văn hoá Ấn Âu...

YAHWEH VÀ ELOHIM

Đọc xuống vài chữ đến Gen 2 :5 thì chúng ta lại được chứng kiến một tiến trình tạo dựng khác, lần này với nhân vật Thiên Chúa được gọi là Yahweh thay vì Elohim, có lẽ do một tác giả khác viết ra, theo một truyền thống (truyền khẩu) khác. Ở đây, đoạn Yavist, tiến trình tạo dựng không đi vào những chi tiết như ở đoạn «Elohist,» mà chỉ chú trọng vào việc dựng nên con người, trong một «Vườn Địa Đàng» Eden (chữ này có nghĩa là «lạc thú»). Trong Eden, Ngài trồng «cây trường sinh» (arbre de vie) và «cây phân biệt tốt xấu.» Chúa Yahweh cũng lấy đất nặn thành con người và thổi vào trong lỗ mũi của người «hơi thở sống,» sinh khí. Con người tiếng Do Thái là «adam,» và tiếng chỉ đất là «adama.» Ở đây, ngôn ngữ semite của vùng Trung Đông có sự trùng hợp với ngôn ngữ Ấn Âu. Chữ «con người» trong ngôn ngữ Ấn Âu (homme, humain, hay homo) đến từ căn Ghyom. Căn ấy cũng cho ra chữ chỉ «đất» : « humus. » Homo và humus, « người » và « đất » đến từ cùng một gốc theo ngữ học Ấn Âu!

Ở đoạn Sáng Thế Ký này, Chúa Yahweh không

cho con người ngự trị trên toàn thể tạo vật, như Chúa Elohim đã phán, mà chỉ định cho hắn một môi trường hạn chế : Eden. Trong môi trường hạn chế ấy, con người không phải muốn làm gì cũng được: hắn bị cấm không cho ăn trái của « cây phân biệt tốt xấu. » « Ngày mà » hắn cãi lệnh, ăn trái cấm, thì « sẽ bị chết » (Gen 2 :17). Chúa Yahweh đã dựng nên sự cấm đoán, và liền theo đó, dự phóng sự chết. Sự cấm đoán nguyên thủy này có hợp lý hay không? Tại sao con người lại không được biết đến việc phân biệt tốt xấu? Ở vào thời điểm ấy, khi mà sự chết chưa thực sự hiện hữu, Chúa và con người quan niệm sự chết như thế nào?

TỪ NGUYÊN THUỶ LÀ CÔ ĐƠN

Yahweh cho rằng con người sống một mình không tốt, và muốn tạo cho con người một phụ tá (aide). Chúng ta nhớ lại: Thiên Chúa lúc trước cũng sống một mình, và như thế hắn là cũng « không tốt » ? Phải chăng sự tạo thành vũ trụ vạn vật là để điều chỉnh cái « không tốt » ấy, bằng cách tạo nên cho Thiên Chúa những người phụ tá, những kẻ thờ kính, hay những người bạn, người con v.v...? Trong đoạn Elohist chúng ta đã bàn tới ý thức chủ quan của Thiên Chúa về cái tốt, khi Ngài tuyên bố: điều này điều nọ Ngài dựng nên là « tốt », và tất cả tạo vật « rất tốt. » Ý thức chủ quan ấy kêu gọi một cái gì trước mặt, cụ thể là một ý thức khác, có khả năng nhận biết, phản ảnh, làm dội lại những ý niệm khởi sinh trong tâm thức Thiên Chúa, để những ý niệm của Thiên Chúa không bị biến mất vào hư không. Vì tập hợp những ý niệm của Thiên Chúa chính là Thiên Chúa, nên nếu không muốn chính mình bị biến vào hư không, Thiên Chúa cần một đối tượng. Từ nguyên thủy là cô đơn vậy...

Tại sao cần tạo cho con người một đối tượng? Hắn đã có đối tượng là Thiên Chúa rồi cơ mà? Phải chăng Thiên Chúa, vì vốn vẫn sống một mình, nên không biết cư xử với đối tượng của mình như thế nào, và vì thế cần tạo ra một đối tượng cho con người được dựng nên theo hình ảnh của mình (hay mang hơi thở - tâm hồn - của mình), để xem con người xoay sở ra sao? Thiên Chúa cần biết chính mình qua con người được dựng nên giống mình, và một trong những điều Ngài cần biết là cái tương quan « ta người » nó như thế nào? Điều buồn cười là Chúa Yahweh đã lấy đất nặn thành các loài vật, muông thú, chim chóc... để đề nghị cho con người lấy chúng làm « phụ tá, » nhưng con người chỉ đặt tên cho chúng, như một dấu hiệu uy quyền trên chúng, nhưng có vẻ không tìm thấy kẻ « phụ tá » mà mình mong ước trong đám heo bò trâu chó thằn lằn ễnh ương kia. Rốt cuộc Yahweh mới tạo nên... đàn bà!

Người phụ nữ được tạo thành từ xương sườn của người nam, cùng một thân xác, một xương thịt, đưa đến một liên hệ mà Sáng Thế Ký coi như khắng khít hơn cả liên hệ của người nam với cha mẹ mình (Gen 2:24). Trong phim Matrix, có một nhân vật (thảo trình) phụ nữ gọi là Oracle, có thể tương ứng với người phụ nữ đầu tiên. Vị Đại Kiến Trúc Sư (Thiên Chúa) tiết lộ rằng bà này được dựng nên để đem lại cho nhân loại một yếu tố không hoàn hảo. Nếu không có yếu tố không hoàn hảo ấy, thế giới (Matrix) sẽ không chạy tốt , do kinh nghiệm từ các lần tạo thiên lập địa trước. Phim Matrix đầy những biểu tượng như vậy: nhân vật Néo, có nghĩa là (người) mới, tên thật là Anderson, nghĩa là « Con Người » (Fils de l'Homme — tiếng thường dùng để chỉ Đức Ky Tô — « Ander » đến từ « Andros » là người, và « son » là con), người tình của cậu ta là Trinity (Ba Ngôi), người khai ngộ cho cu cậu là Morpheus (thần của mộng mơ), v.v...

TRÁI CẤM VÀ TÌNH DỤC

«Yếu tố không hoàn hảo,» theo quan điểm của tác giả Sáng Thế Ký, bắt đầu hoạt động từ Gen 3 :1. Người ta khám phá ra Con Rắn, con vật khôn lanh nhất trong các loài vật. « Yếu tố không hoàn hảo, » tức người đàn bà, nói với Rắn rằng: Thiên Chúa không cho ăn trái cây ở giữa vườn, nếu không thì sẽ phải chết. Rắn nói với người đàn bà: « Không, ông bà sẽ không chết, nhưng Thiên Chúa biết rằng ngày mà ông bà ăn trái của cây ấy, mắt của ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ trở thành giống như những vị Chúa, với sự hiểu biết về tốt và xấu. » Trong sự suy nghĩ của người đàn bà sau đó, ta phải đặc biệt ghi nhận ý tưởng rằng : ăn trái cây phân biệt tốt xấu sẽ giúp bà ta « hành động sáng suốt » (Gen 3 :6), một mong muốn rất đáng tôn trọng. Thế là bà ta ăn trái cây bị cấm, và đem cho người đàn ông cùng ăn. Liền sau đó, hai ông bà mở mắt ra, và, họ thấy gì ? Không thấy gì cao siêu, họ chỉ thấy mình trần truồng! Họ hổ thẹn, và bắt đầu mặc quần áo.

Sự hổ thẹn vì trần truồng của người đàn ông và người đàn bà sau khi ăn trái cấm đã khiến cho người ta gắn liền sự kiện « ăn trái cấm » với

tình dục. Tại sao họ hổ thẹn? Tại sao chính chúng ta hổ thẹn? Chúng ta hổ thẹn vì « dục tính » của mình, và sợ người khác biết được dục tính ấy, hay vì chính mình cũng bị người khác ham muốn, là đối tượng của dục tính của người khác? Trong đoạn Sáng Thế Ký Yahvist, không thấy nói người đàn ông và người đàn bà có sinh hoạt tình dục trước khi ăn trái cấm. Có lẽ là không. Trước khi ăn trái cấm họ không biết mình trần truồng và không biết hổ thẹn (Gen 2 :25), có thể hiểu là cũng không có dục tính và không biết giao hợp. Tuy nhiên, cần nhớ lại rằng ở đoạn Elohist, Thiên Chúa đã ra lệnh cho con người, nam và nữ : « hãy sản sinh và nảy nở, hãy tràn ngập và ngự trị trên mặt đất. » Chúng ta có thể giả dụ rằng cặp vợ chồng nguyên thủy, trong Sáng Thế Ký Elohist, đã làm những gì phải làm để thi hành mệnh lệnh này của Thiên Chúa. Ngược lại trong Sáng Thế Ký Yahvist, họ lại không có quan hệ xác thịt, cho đến khi ăn trái cấm. Vậy, việc ăn trái cấm phải chăng ngay từ đầu đã nằm trong chương trình của Chúa Yahweh? Con rắn phải chăng chính là một thành phần của tâm thức (có thể là tiềm thức) của Yahweh, và việc con người ăn trái cấm thể hiện một ý muốn sâu kín của Ngài? Thật vậy, bắt buộc phải có việc ăn trái cấm thì người nam và người nữ mới có sinh hoạt tình dục, và mới thực hiện được chương trình sinh sôi nảy nở của những hình ảnh của Ngài, đã được đề ra một cách rõ ràng trong đoạn văn Elohist, khi Thiên Chúa phát biểu dưới dạng Elohim.

TRÁI CẤM VÀ VÔ PHÂN BIỆT TRÍ

Nếu người Tây Phương thường giải thích việc « ăn trái cấm » như một hiện tượng gắn liền với tình dục, thì theo quan điểm của người Đông Phương không có thói quen quy kết mọi việc vào tình dục, thiết tưởng chúng ta có thể nhìn vấn đề dưới một góc độ khác:

Trước khi ăn trái « Cây Phân Biệt Tốt Xấu, » ý thức của con người là một loại ý thức nhất nguyên, « vô phân biệt. » Họ không biết « ta người, » nên không có vấn đề hổ thẹn, người nam và người

DƯƠNG KIỀN

Khi Anh không còn là Anh

-Tặng TKA-

Anh là chiếc bóng
Anh là tiếng vọng
Và anh là anh

Anh là chiếc bóng
lặng lẽ bên em
khi em buồn
và cả khi em không buồn
em chỉ cảm thấy cô đơn
cần một chiếc bóng
của anh
của anh thôi
vì anh là chiếc bóng tuyệt vời lặng lẽ

Anh là tiếng vọng
Khi em hát
Không gian xa âm vang giao động
vút lên cao
tầm xuống thấp
là anh
là tiếng vọng
ôm tròn em vào giấc mộng
âm vang

Anh là anh
Anh không là chiếc bóng
Anh không là tiếng vọng
Anh là khu vườn
Em dạo bước rong chơi
rồi ra đi quên lãng
chỉ còn để lại chiếc bóng
chỉ còn để lại tiếng vọng

Anh không còn là anh
chỉ còn là chiếc bóng
chỉ còn là tiếng vọng
dõi theo em
lặng lẽ bên em
khi em buồn
và cả khi em không buồn
em chỉ cảm thấy cô đơn
khi ra khỏi khu vườn
mà em tưởng chừng lãng quên

19-02-2003.

nữ như cùng thân thể (người nữ đến từ xương thịt của người nam). Họ thở cùng một hơi thở với Thiên Chúa, và sống hòa hợp với Thiên Chúa. Họ cùng bản chất với các loài vật, cũng được tạo nên như họ từ đất cát. Họ không biết phân biệt « tốt xấu » là mấu chốt nền tảng của óc Nhị Nguyên. Họ sống trong một cảnh giới chủ quan có tính Nhất Nguyên, tâm trí của họ là vô phân biệt trí. Con người không cần « phân biệt tốt xấu » vì họ chỉ cần chiều theo định luật của trời đất, chiều theo cái mà Thiên Chúa gọi là « rất tốt » khi hoàn tất sự Sáng Tạo. Họ sống như một với Thiên Chúa và không cần vận dụng đến cái ý thức cá biệt, cái bản ngã, của họ. Các bạn Công Giáo hẳn không quên chữ « rước lễ » đến từ chữ « communion » có thể phân tích ra thành « comme un » nghĩa là « như một. » Qua « rước lễ, » chúng ta trở về Eden, « làm một » với Thiên Chúa. Ăn trái của «Cây Phân Biệt Tốt Xấu » là vận dụng bản ngã, tự tách mình ra khỏi Thiên Chúa, khỏi cái Đạo thường hằng của vũ trụ, là tự suy nghĩ « theo tôi, » « tôi » quyết định cái này tốt, cái kia xấu... Nếu Rắn tượng trưng cho sự thông minh, thì đó là sự thông minh của Tiểu Ngã, của cái tôi cá biệt, tách rời khỏi Cái Tôi Lớn của vũ trụ, làm mờ ám cái Trí Tuệ của «bờ bên kia,» trí tuệ Bát Nhã. Nói cách khác, khi ấy, trí tuệ phân biệt của bản ngã được khai mở, khởi đầu bằng sự phân biệt tiêu biểu và nền tảng nhất: sự phân biệt giữa tốt và xấu. Từ đó kéo theo những cặp nhị nguyên khác: trẻ già, sống chết, sướng khổ, khoẻ bệnh, nam nữ, bạn thù, v.v... Và cuộc sống của con người bắt đầu rơi vào cảnh giới Nhị Nguyên, với vô minh và phiền não, khổ đau và ham muốn, oán hờn và bất mãn... Mang tâm hồn của một người Việt Nam, tôi chỉ muốn nhớ lại từ Sáng Thế Ký đoạn văn này, và coi những đoạn khác như hoàn toàn phụ thuộc.

NGƯƠI SẼ THÈM MUỐN ĐÀN ÔNG !

Nhưng, chúng ta bắt buộc phải trở về với mạch văn, và xem tiếp đến đoạn Gen 3 :8. Yahweh hỏi người nam : « ngươi ở đâu? », « có phải ngươi đã ăn trái cấm? », và hỏi người đàn bà: « ngươi đã làm gì? » những câu hỏi rất rởm bởi một kẻ đã biết câu trả lời. Chính chúng ta cũng hay làm như vậy, kiểu như bà mẹ gọi đứa bé, chỉ cái chén bể, hỏi : cái gì đây! Yahweh quả là một nhân vật rất « người, » rất gần với chúng ta. Sau đó Yahweh tuyên án. Đầu tiên là Rắn. Rắn phải đi bằng bụng, ăn cát bụi, và lãnh nhận một mối thù truyền kiếp với hậu duệ của người đàn bà, có lẽ phải hiểu là với tất cả những người đàn bà sau đó. Nếu Rắn tượng trưng cho ý thức về dục tính, như người ta thường nghĩ, thì người đàn bà hẳn là phải có « vấn đề » với dục tính. Sáng Thế Ký được viết bởi đàn ông, và điều này thể hiện mối lo sợ của đàn ông đối với tình dục của đàn bà. Thật vậy, khả năng tình dục của đàn ông có giới hạn, trong khi khả năng tình dục của đàn bà không giới hạn. Ông có nhiều lúc « không được nữa, » mà bà lại cứ « muốn nữa. » Trong tiềm thức, ông rất sợ bà! Vì thế, đàn ông đặt ra những quy luật tôn giáo cũng như xã hội nhiều khi rất khắt khe, để khỏa lấp sự yếu kém của mình, và kiềm chế người đàn bà. Nếu Thiên Chúa là đàn bà, nếu các tôn giáo được lập ra bởi các bà, các luật lệ luân lý, xã hội, được quy định bởi «phái yếu, » thì bộ mặt thế giới sẽ hoàn toàn khác. Gần nơi tôi ở có Tu Viện Fontevraud, là một tu viện do các bà làm chủ, nam nhân chỉ được dành cho những vai trò thứ yếu. Ở một hành lang trong tu viện có khắc những hình ảnh của Sáng Thế Ký, theo đó kẻ «phạm tội» đầu tiên là người nam, sau mới dụ người nữ tham gia!

Hình phạt dành cho người nữ là mang nặng đẻ đau, và «ngươi sẽ thèm muốn người nam, và người nam sẽ làm chủ ngươi» (Gen 3 :16). «Làm chủ,» đương nhiên, An Nam ta chẳng có chữ «chồng» nghĩa là «chồng lên trên» hay sao? Điều quan trọng là sự làm chủ ấy là hệ quả của bản tính « thèm muốn đàn ông, » được đặt ra ở đây như một vấn đề, một sự nguyền rủa. Chúng ta lại thấy một mâu thuẫn trong nhân vật Thiên Chúa: nếu muốn con người sinh sôi nảy nở tràn đầy mặt đất (lệnh của Chúa Elohim), thì tại sao sự sinh sản lại phải đau đớn khó khăn? Tại sao ham muốn tình dục lại trở thành một nguyền rủa mà không phải là một hồng ân?

Hình phạt dành cho người nam (Gen : 17-19) là phải làm lụng vất vả, và phải « trở về với cát bụi, » được hiểu là phải chết. Hình phạt Yahweh tuyên xử không chỉ áp dụng cho những kẻ « phạm tội, » mà cho toàn thể hậu duệ của họ, tức trên vô số người vô tội! Phạt oan là một chuyện thông thường trong Thánh Kinh, chúng ta sẽ trở lại vấn đề này.

Thật ra, theo sự hiểu biết của người Việt Nam tôi, thì nhìn chung chung, các hình phạt của Yahweh là những hệ quả tự nhiên của óc Nhị Nguyên. Thật vậy, có ý thức sống thì có ý thức chết, có ý thức sướng thì có ý thức khổ, có ham

muốn thì có thất vọng, có khoái lạc, thì cũng có những hệ quả đau đớn của khoái lạc (chẳng cần nói chi đến tình dục : nếu anh ăn uống quá độ thì khoái lạc thật đấy, nhưng... cholesterol sẽ lên, glycemie lên, và... tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim v.v... sẽ tới!). Người nam và người nữ trong Sáng Thế Ký chính là những đại diện cho mọi con người đã, đang, và sẽ hiện hữu, trong một huyền thoại đầy ẩn ngữ. Adam nghĩa là «người,» có thể hiểu là "con người" nói chung, chứ không chỉ là một con người đặc biệt, ở một thời điểm đặc biệt, có địa chỉ rõ ràng, số căn cước chính xác, social security number hẳn hoi...

HỌC ĐƯỢC TÌNH YÊU QUA CON NGƯỜI

Sau khi nghe Chúa Yahweh tuyên án xử phạt mình sẽ phải chết, người nam liền đặt tên cho người nữ là Eva, « mang sự sống » (Gen 3: 20), như một sự trả lời đối với bản án của Chúa. Ngài phạt tôi phải chết, nhưng tôi đã có « sự sống, » Eva, bên cạnh tôi. Với Eva, tôi sẽ có hậu duệ, sẽ sống vĩnh cửu qua con cháu tôi... Eva được giao cho chức năng hóa giải hình phạt của Chúa, như một thành trì bảo vệ con người trước Yahweh.

Ở Gen 3 :21, Chúa Yahweh làm một việc, theo tôi, rất cảm động: Ngài lấy da thú làm y phục và mặc cho Adam và Eva. Với cử chỉ từ ái ấy, cử chỉ của người cha nhân từ đối với những đứa con ngỗ nghịch, phải chăng Yahweh bày tỏ sự ân hận đối với hình phạt Ngài đã dành cho con người? Chúng ta nhìn thấy Tình Yêu trong Yahweh. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng tình yêu của Yahweh đã xuất hiện sau tình yêu của Adam dành cho người nữ, thể hiện qua những vần thơ mà Adam đã thốt ra khi nhìn thấy bạn đời của mình, trong Gen 2 :23. Ba nhận định. Một, phải chăng Chúa Yahweh đã "học" được tình yêu qua Adam, khi Ngài tạo ra cho Adam một đối tượng, một tha nhân, một con người khác từ chính xương thịt của Adam, như Adam chính là tha nhân đối với Chúa, mang hơi thở và hình ảnh của Chúa? Hai, nếu Yahweh hối hận, tức là Yahweh có sai lầm. Sai lầm nguyên thủy này mở màn cho một chuỗi sai lầm khác, trong suốt Thánh Kinh. Ba, lấy da thú làm y phục là có sát hại thú vật. Từ đoạn này của Sáng Thế Ký, bạo lực bắt đầu ngự trị, và khởi điểm của bạo lực, là Yahweh...

RẮN NÓI THẬT, YAHWEH NÓI DỐI

Nhân vật thứ tư xuất hiện trong Sáng Thế Ký, sau Thiên Chúa (tổng hợp Yahweh cộng Elohim), người nam và người nữ, là Con Rắn. Câu nói của Yahweh ở đoạn Gen 3 :22 cho thấy vị trí của Rắn trong câu chuyện. Chúa Yahweh nói: "Thế là con người đã trở nên như một kẻ trong chúng ta bởi sự hiểu biết tốt xấu. Bây giờ, phải ngăn cản không cho nó vươn tay hái lấy trái cây trường sinh, để ăn trái ấy mà sống mãi mãi!" Thì ra những cấm đoán của Yahweh không là gì khác hơn là sự bảo vệ những đặc quyền. Đặc quyền của ai? Của « chúng ta. » « Chúng ta » là ai? Không thấy nói. Chỉ biết con người, khi đạt được khả năng tự mình phân biệt tốt xấu, đã trở thành "như chúng ta." Nhưng con người còn một yếu kém đối với "chúng ta," đó là nó không được sống mãi mãi. "Chúng ta" phải ngăn cản nó đạt đến sự sống vĩnh cửu, phải đuổi nó ra khỏi Vườn Địa Đàng để nó không thể đến gần và ăn "cây trường sinh." Để bảo vệ đặc quyền của nhóm mình, Yahweh đã phải nói dối. Chúa Yahweh đã nói ở Gen 2:17, rằng: "ngày mà ngươi ăn trái cấm, ngươi sẽ phải chết." Ngày mà con người ăn trái cấm, con người đã không chết. Con rắn nói đúng : "Không, ông bà sẽ không chết, nhưng Chúa biết rằng ngày mà ông bà ăn trái của cây ấy, mắt của ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ trở thành giống như những vị Chúa, với sự hiểu biết về tốt và xấu." (Gen 3:4). Rắn tiết lộ ưu tư bảo vệ đặc quyền của Yahweh và nhóm Ngài, điều mà Yahweh đã thừa nhận ở đoạn Gen 3:22 vừa nói ở trên. Tuy nhiên, Rắn là ai mà biết được ưu tư thầm kín của Chúa? Chúng ta đã nêu lên sự kiện Rắn đã giúp Thiên Chúa thực hiện ước muốn con người sinh sôi nảy nở đầy mặt đất, bằng cách khai mở dục tính nơi con người, sau khi con người ăn trái cấm. Vậy, giả thuyết Rắn là một thành phần của tâm thức Thiên Chúa, là một giả thuyết rất hấp dẫn. Cũng cần ghi nhận mâu thuẫn giữa Elohim dựng nên con người giống hình ảnh mình, trong khi Yahweh nhất định không muốn con người giống "chúng ta"...

Nói đến Con Rắn, người ta thường liên tưởng đến Ác Quỷ. Thật ra Ác Quỷ, Shatan, nghĩa trong tiếng Do Thái là "kẻ buộc tội," chỉ xuất hiện trong Thánh Kinh từ sách Job. Trong sách này, Shatan đứng trong hàng ngũ những "Con Thiên Chúa" (Job 1:6), đến gặp và gợi ý cho Chúa Yahweh làm những công việc rất quỷ quái. Nhiều nhà bình luận Thánh Kinh cho rằng bản tính của Quỷ tiềm ẩn trong Chúa cho đến sách Job thì mới tách ra khỏi Ngài, và hiện hữu như một cá thể riêng biệt. Điều này đối với người Đông Á chúng ta không có gì là kỳ dị. Phật là Ma, Ma là

Phật. Mỗi vị Như Lai trong Kim Cang Giới đều có những Ác Quỷ tương ứng. Các Ác Quỷ này là những sự thị hiện của các Ngài, cũng như tất cả chúng ta. Trong *Tử Thư Tây Tạng*, nếu người chết không nhận ra và hoà hợp được với các vị Phật, Thánh, lần lượt hiện đến trong tâm thức họ, thì họ sẽ phải thấy những Ác Quỷ ghê rợn, ăn gan uống máu, hiện ra. Nếu người chết nhìn nhận được những Ác Quỷ kia cũng chính là những thành phần của tâm thức mình, thì họ sẽ được giải thoát. Nếu bạn có xem phim *Little Buddha* thì chắc còn nhớ cảnh Đức Phật soi bóng mình trong ánh nước, và nhận ra Quỷ Vương Maya!

Nếu Rắn nói thật và Chúa Yahweh nói dối, thì những hình phạt Chúa tuyên phán là bất công. Trong Thánh Kinh có nhiều thí dụ Chúa xử phạt bất công. Trong sách *Lưu Đày* (Exode), Chúa Yahweh ảnh hưởng vào tâm thức của Vua Pharaon, khiến Pharaon trở nên cứng rắn, không chịu cho dân Do Thái rời đất Ai Cập (Exode 9 :12 ; 10 :20 ; 10 :27 ; 11 :10) và sau đó lại áp dụng những hình phạt khủng khiếp, không những chỉ đối với Pharaon mà thôi, mà còn cả đối với toàn dân Ai Cập, thậm chí giết hết tất cả các đứa con đầu lòng của người Ai Cập! Sau đó, khi Vua Pharaon đã thoả thuận cho Dân Do Thái rời Ai Cập, Yahweh lại ảnh hưởng vào tâm thức của Nhà Vua, để thúc đẩy ông đem quân đuổi theo dân Chúa, để lại chịu phạt thêm một chuyến nữa, khi biển cả mở ra cho dân Do Thái đi qua, và phủ lại nhận chìm toàn thể quân đội Ai Cập (Exode 14 :4 ; 14 :8). Sách Job thì kể việc Chúa Yahweh tàn sát dã man gia đình Job, một nhân vật được công nhận như một người chính trực, đạo đức. Bảy con trai, ba con gái, rất đông đày tớ, chưa kể 10 ngàn gia súc của Job đã bị Chúa thẳng tay sát hại, chỉ vì một màn đánh cuộc rất vớ vẩn với Shatan. Riêng Job thì phải mang bệnh ghẻ lở vô cùng kinh tởm, nằm ăn mày trên đống rác. Sau Chúa phục hồi sức khoẻ và tài sản cho Job, nhưng những người vô tội đã bị Chúa giết, như các con của Job và đám đày tớ (không kể gia súc), thì... coi như xí xóa!

ĐẢ ĐẢO ĐỊA CHỦ!

Trở lại Sáng Thế Ký. Thế là Chúa đuổi Adam và Eva ra khỏi Vườn Địa Đàng Eden, với chủ ý được tuyên bố rất rõ ràng là để « con người » không thể đến gần và ăn trái « cây tường sinh. » Cho chắc chắn hơn, Chúa sai những Thiên Thần Cherubins gác cửa Eden với gươm lửa sấm sét, « để bảo vệ con đường đi đến cây trường sinh » (Gen 3 :24). Rời Eden, chữ có nghĩa là « lạc thú, » con người coi như trầm luân trong bể khổ...

Adam và Eva sinh ngay hai người con : Cain, rồi Abel. Cain làm ruộng, Abel chăn cừu. Hai anh em cùng đem lễ vật hiến dâng Thiên Chúa. Yahweh nhận lễ vật của Abel, và ngoảnh mặt không thèm nhìn Cain và lễ vật của Cain. Cain ganh ghét giết Abel. Chúa phạt Cain phải chịu đất đai cằn cỗi, cày cấy vất vả. Thật ra, hình phạt này Chúa đã tuyên án toàn thể con người qua Adam, nên lập lại cũng như không. Ngược lại, Chúa ra lệnh không cho bất kỳ ai được giết Cain, nếu không sẽ bị trả thù bảy lần (Gen 4 :15). Chỉ trong vài câu văn ngắn ngủi mà chúng ta thấy xuất hiện trên mặt đất bao nhiêu là hình thức của bạo lực: bạo lực của cư xử không công bằng, của ghen tuông đưa đến giết chóc, rồi bạo lực của sự hăm dọa "trả thù bảy lần" ... Nguồn gốc của bạo lực nơi đoạn này đến từ một sự bất công. Chúa không có lý do gì để ngoảnh mặt không thèm nhìn Cain và lễ vật của ông. Đây không phải là thái độ của một người cha nhân từ. Tế lễ Chúa trở thành một trò chơi may rủi: Chúa nhận hay Chúa gạt bỏ, không làm sao biết trước được. Có lẽ Yahweh đã không ý thức được hậu quả tai hại của thái độ bất công của mình, nên sau đó ân hận và chỉ xử phạt Cain một cách tương đối nhẹ nhàng, đồng thời lại dọa trả thù bảy lần kẻ nào dám đụng tới Cain. Ở Sáng Thế Ký cho đến đoạn này Yahweh vẫn chưa phát minh ra luân lý, đạo đức. Nếu vậy, thì khi nói ị "tốt," "rất tốt," hay "không tốt," trong những đoạn văn ở trên, Chúa muốn nói gì ? Phải chăng "tốt" hay "không tốt" chỉ được quan niệm như tốt hay không tốt cho Chúa, tức từ một quan điểm hoàn toàn vị kỷ? Đừng quên rằng trước khi tạo nên trời đất, Chúa hoàn toàn cô độc, và không thể có một kinh nghiệm nào khác ngoài kinh nghiệm chính mình. Khi ấy, không hề có tha nhân nào ở đó để làm nảy nở óc vị tha nơi Thiên Chúa! Luân lý đạo đức đến từ đời sống xã hội. Muốn nảy sinh ra được óc luân lý, đạo đức nơi mình, Chúa phải thực tập đời sống xã hội thêm một thời gian nữa...

Có lẽ việc Cain giết Abel, em mình, là một ngạc nhiên lớn đối với Thiên Chúa. Thiên Chúa ban sự sống, rồi có lúc hăm dọa Adam và Eva phải chết, nhưng trong thực tế vẫn chưa giết ai cả. Chưa một ai đã phải chết cho đến giờ phút ấy. Cain đã phỗng tay trên Thiên Chúa, để đem lại sự chết trong xã hội loài người. Thiên Chúa khám

phá ra rằng con người có quyền hạn nhiều hơn mình tưởng: con người có thể cho sự sống, như ý nghĩa việc Adam đặt tên vợ mình là "mang sự sống," và con người cũng có thể cho sự chết, như Cain vừa làm. Ý thức quyền hạn con người rộng lớn, cũng là ý thức quyền hạn của chính mình, Thiên Chúa, bị hạn chế. Nhận xét này giúp chúng ta hiểu được dễ dàng hơn thái độ của nhân vật Thiên Chúa trong những đoạn văn kế tiếp.

Câu chuyện Cain và Abel thật ra nói lên sự đối nghịch truyền thống giữa dân du mục chăn nuôi và dân định cư trồng trọt, với một sự thiên vị rõ ràng. Ngoài ra nếu chữ "Cain" có nghĩa là "sinh sản" thì việc Chúa ngoảnh mặt không nhìn Cain và lễ vật của ông như nhắc lại những khó chịu của Yahweh đối với tình dục và sự sinh sản mà chúng ta đã thấy hé lộ ở những đoạn trước? Chúng ta sẽ còn gặp lại thái độ mâu thuẫn của Thiên Chúa trong lãnh vực này ở nhiều đoạn khác trong Sáng Thế Ký.

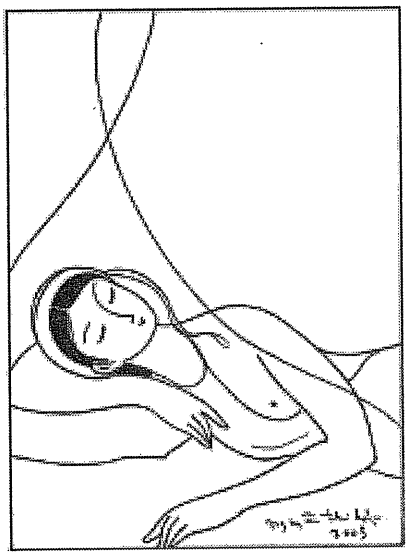

Rồi đời sống vẫn trôi, Adam có nhiều người con khác, và sống đến 930 tuổi (Gen 5 :5), đại khái cũng cỡ như ông Bàn Cổ nhà mình...

GIẾT SẠCH ! ... VÀ ÂN HẬN

Đến chương 6 của Sáng Thế Ký thì có chút trục trặc.

Chương này mở đầu với những câu kỳ quái. Câu 2 (Gen 6 :2) nói rằng những người Con Trai Thiên Chúa thấy con gái của loài người xinh đẹp nên lấy làm vợ. Câu 4 nói đến những "người khổng lồ", và cho biết hôn nhân giữa các Con Trai Thiên Chúa và con gái loài người cho ra những "vị Anh Hùng"! Các cậu ấm "Con Thiên Chúa" kia là ai? Chúng ta, mọi con người được Chúa dựng nên, không phải là con Thiên Chúa hết cả hay sao? Hay là các cậu "con Thiên Chúa" ấy mới thực sự là con Thiên Chúa được sinh ra từ một người cha (Thiên Chúa) và một người mẹ mà Thánh Kinh quên không cho biết tên tuổi ? Trong câu ba (Gen 6 :3), thì Chúa Yahweh tuyên bố : "Thánh Thần của ta sẽ không điều khiển được con người mãi mãi, vì những sai lầm của nó, nó chỉ là xác thịt, và cuộc sống của nó sẽ chỉ kéo dài 120 năm." Khi tống cổ con người ra khỏi Eden, Chúa đã biết rằng ngài không điều khiển được con người rồi cơ mà? Tại sao lại tiếp tục ngạc nhiên và giáng xuống trên đầu con người một hình phạt mới (trước đó con người sống khoảng tám chín trăm năm)? Hay là chính sự sinh sản mạnh mẽ của nhân loại đã gây khó chịu cho Chúa khiến Ngài phải hạn chế tuổi thọ của con người?

Sang câu 7 của chương 6, Chúa thẳng thừng quyết định: "ta sẽ xoá khỏi mặt đất con người mà ta đã dựng nên, cùng với mọi loài vật lớn nhỏ, kể cả loài chim, vì ta hối hận đã tạo nên chúng." Kinh khủng! Lý do? Vì sự ác của con người, vì suốt ngày con người chỉ nghĩ đến sự xấu (Gen 6:5). Ác ra sao? Xấu thế nào? Không thấy nói. Nếu con người xấu và ác thì tại sao lại phạt lây tất cả loài vật? Chúa Yahweh là một nhân vật nguy hiểm... Thêm vào đó, sự ân hận của Chúa cho thấy Ngài có thể lầm lẫn, và có thể sẽ còn lầm lẫn. Ở Gen 6:13, thì dưới dạng Elohim (không phải Yahweh), Chúa lên tiếng : "Đối với ta, ngày tàn của xác thịt đã đến! Vì do lỗi của con người mà mặt đất tràn đầy bạo lực, do đó, ta sẽ tiêu diệt chúng cùng với trái đất." Vậy, lý do được đưa ra ở đây là: bạo lực. Chúa phạt bạo lực bằng cách áp dụng bạo lực gấp triệu triệu lần! Chúng ta nhớ lại việc trả thù gấp bảy lần trong câu chuyện Cain và Abel. Chỉ vài câu văn sau đó, bạo lực đã bùng nổ thêm đến mức không còn đo lường được nữa.

Đại Hồng Thủy, một trận lụt vĩ đại, bắt đầu. Cũng như ở đoạn tạo thiên lập địa, có hai câu chuyện Đại Hồng Thủy được viết song song. Nhân vật Thiên Chúa được gọi là Elohim trong một câu chuyện và Yahweh trong câu chuyện thứ hai. Có những khác biệt giữa hai câu chuyện này, cũng như ở đoạn tạo thành vạn vật. Trận lụt vĩ đại có bổn phận tiêu diệt toàn bộ loài người và loài vật, có lẽ trừ tôm cá (!). Tuy nhiên, thay vì giết hết, rồi lấy đất nặn thành người và vật khác, Chúa lại cứu gia đình Noah, và những cặp súc vật tiêu biểu mà ông này đem vào trú ẩn cùng với gia đình mình trong một chiếc tàu, được chính Elohim chỉ dạy cách đóng với sơ đồ kích thước rất rõ rệt.

Phải chăng "hình ảnh Thiên Chúa" là một cái gì không thể hủy diệt được, kể cả bởi Thiên Chúa? Nếu Thiên Chúa tận diệt con người thì cũng không khác gì hủy diệt chính mình? Có thể quan niệm rằng một sự hiện hữu chỉ thực sự hiện hữu khi có sự hiện hữu khác ý thức mình hiện hữu. Diệt cái ý thức ấy đi thì mình cũng hết hiện hữu. Trở lại câu chuyện. Khi nước rút đi, thì Chúa gọi Noah ra khỏi tàu cùng các bạn đồng hành, người và vật,. và ra lệnh cho tất cả sinh sôi nảy nở, tràn ngập mặt đất, y hệt như lúc vừa tạo ra vạn vật. Chuyện Đại Hồng Thủy là một cuộc tái tạo vạn vật, một khởi đầu mới.

Liền sau Đại Hồng Thủy Yahweh tuyên bố "mặc dù tâm hồn con người hướng về sự xấu từ tuổi ấu thơ, nhưng ta sẽ không bao giờ tàn sát tất cả sự sống như ta đã làm" (Gen 8:21). Hối hận! Elohim cũng phát biểu tương tự, nhưng thêm vào đó vài điều quan trọng. Thứ nhất, con người được toàn quyền thống trị mọi loài vật, và được quyền ăn thịt chúng. Cho đến đây con người chỉ được ăn hoa quả rau trái. Phải chăng sau màn biểu dương bạo lực tuyệt đối vừa xảy ra, việc "giết để ăn" không còn là một vấn đề đối với Thiên Chúa nữa? Tuy nhiên, không được ăn thịt có máu, và không được làm đổ máu người khác, vì "như hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa đã tạo nên con người." Một nhận xét đến rất đúng lúc, vào một thời điểm mà chúng ta bắt đầu quên đi sự kiện này. Cần nhận xét: Yahweh tuyên bố con người có bản chất xấu xa, trong khi Elohim nhắc lại con người được tạo nên theo hình ảnh Thiên Chúa. Nhân vật Thiên Chúa có hai cá tính khác biệt, và nếu chúng ta gộp hai lời tuyên bố này lại, thì sự xấu xa cũng nằm trong nhân vật Thiên Chúa. Đừng quên chính Thiên Chúa đã đoạt giải vô địch trong việc làm đổ máu con người! Thật ra, hạn chế tình dục và sinh sản với cấm làm đổ máu người khác, quy kết vào hai đặc quyền của Thiên Chúa, cần được bảo vệ, là quyền ban phát và hủy diệt sự sống. Elohim cũng đồng thời đặt ra một giao ước với con người và mọi loài sinh vật được làm chứng bởi cái cầu vòng. Giao ước này chỉ ràng buộc Thiên Chúa, con người không phải làm gì cả. Thiên Chúa thề sẽ không bao giờ tiêu diệt mọi loài sinh vật nữa, như thể bạo lực vừa xảy ra đã làm cho Chúa Elohim kinh tởm. Cầu vòng với nhiều màu sắc cũng làm liên tưởng đến những tính chất phức tạp trong tâm thức của Thiên Chúa.

Rồi cuộc sống lại tiếp diễn. Con người được ăn thịt, và tập tành uống rượu (Gen 9:21), đến nỗi say rượu nằm trần truồng như Noah. Rượu đưa con người trở lại thời trước khi ăn trái cấm, không biết hổ thẹn vì sự trần truồng của mình...

CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

Rồi, một ngày kia, sự phát triển của con người lại làm Thiên Chúa lo ngại. Ở câu 3 chương 11, con người sáng chế ra gạch và xi măng, và dựng nên đô thị với nhà chọc trời, như chúng ta hiện làm. Đó là chuyện Tháp Babel, chữ có nghĩa là "Cánh Cửa của Thiên Chúa" (Bab là cửa, El, Eli, chỉ Thiên Chúa). Trại "Cổng Trời" ở nước Đại Nam ta cũng có thể gọi là Babel! Yahweh không thích Cổng Trời và tuyên bố: "Bọn chúng đoàn kết thành một dân tộc, nói cùng một tiếng nói, và đây là công trình đầu tiên của chúng nó! Với khả năng ấy, chúng sẽ có thể thực hiện được tất cả những gì chúng muốn thực hiện! Ta hãy xuống làm rối loạn tiếng nói của chúng, để chúng không còn có thể nói cùng một tiếng nói nữa!" Chiến dịch gây chia rẽ của Yahweh khiến con người không tạo nên nổi những công trình vĩ đại tương tự được nữa, không còn tạo nên được các đô thị, và phải "phân tán khắp mặt đất."

Câu chuyện Babel đưa chúng ta trở lại thời kỳ mà con người được chia làm hai loại : du mục và định cư. Đoạn Sáng Thế Ký này được viết ra bởi một tác giả du mục. Cần nói Babel cũng chính là Babylon. Khi bị lưu đày ở Babylon, người Do Thái, tác giả Sáng Thế Ký, mặc dù chóa mắt trước văn minh rực rỡ của dân xứ này, cũng vẫn phải vì tự hào dân tộc, tìm cách hạ thấp kẻ thống trị, gán cho họ những đường nét tiêu cực, y hệt như con người ngày nay hiện làm đối với "văn minh cơ giới Tây phương," với "đế quốc Mỹ," với "toàn cầu hoá" v.v... là những thế lực thống trị thế giới. Tuy nhiên điều chúng ta phải nhìn nhận, là Thiên Chúa đã ganh tỵ với khả năng tạo tác của con người, và tìm cách phá hoại công trình của nhân loại. Tính ganh tỵ của Cain, ở trên, đến từ Thiên Chúa! Phương pháp mà Chúa Yahweh chọn lựa là: gây chia rẽ. Ngôn ngữ La Hy, như tiếng Pháp, gọi Ác quỷ là "Diable." Chữ này đến từ tiếng Hy Lạp Dia Balein. Dia là ngang qua (như diagonale là ngang qua góc). Balein là ném (cho ra balle, ballon, balistique ...). Dia balein là « ném ngang qua, » nên chữ Diable, Ác Quỷ, thường được diễn giải là "kẻ gây chia rẽ." Chúng ta tìm lại được tính Quỷ Ma trong nhân vật Thiên Chúa của Thánh Kinh.

SAI CỨ SỬA, SỬA CỨ SAI...

Chúng ta chỉ mới cùng nhau đọc 11 chương

đầu của Sáng Thế Ký, gồm 50 chương cả thảy. Trong phạm vi hạn chế của một bài báo, tôi buộc phải ngừng lại ở đây. Các đoạn còn lại rất lý thú. Sáng Thế Ký kể chuyện Abraham, rồi Ismael, tổ phụ người Ả Rập, anh của Isaac, tổ phụ người Do Thái, đến chuyện Jacob, được Chúa đặt tên lại là Israel nghĩa là « đánh vật với Chúa » (lutter avec Dieu) và 12 người con của ông, cho ra 12 bộ lạc của dân Do Thái, rồi chuyện ông Joseph sang tận nước Ai Cập làm nên đến chức Thủ Tướng. Trong một quyển sách khổ bỏ túi, Sáng Thế Ký chỉ dài cỡ 75 trang, các bạn nên tìm đọc (nhớ chọn các bản dịch khả tín : TOB - Traduction Oecuménique de la Bible, JPS - Jewish publication Society, hay BJ - Bible de Jerusalem...)

Khi ta đã phác hoạ ra được những nét chính của tâm lý nhân vật Thiên Chúa thì các câu chuyện tiếp theo của Sáng Thế Ký và Thánh Kinh được nhìn dưới một ánh sáng khá rõ ràng. Thiên Chúa tạo nên con người theo hình ảnh của chính mình, nhưng lại không bằng lòng với hình ảnh ấy, nên phải phá hủy và tái tạo. Lần đầu tiên Thiên Chúa đứng trước thất bại là khi buộc phải đuổi Adam và Eva ra khỏi vườn Địa Đàng, nơi được đặc biệt tạo ra cho con người. Đây là màn "tái khởi đầu" thứ nhất. Rồi Thiên Chúa chứng kiến cảnh Cain tước đoạt sự sống. Thêm vào đó, quyền ban sự sống cũng vuột khỏi tầm tay Thiên Chúa qua việc sinh sản mạnh mẽ của con người. Quyền hạn của Thiên Chúa bị giảm thiểu. Con người trở thành chủ nhân của sự sống, cạnh tranh với Chúa, và trở thành "xấu xa," theo tiêu chuẩn "không tốt cho Chúa," như chúng ta đã có dịp bàn đến ở trên. Và một cuộc "tái khởi đầu" thứ hai diễn ra, với Đại Hồng Thủy, lần này mang một tính chất tàn bạo vô biên, như thể Thiên Chúa muốn chứng minh rằng Ngài cũng có thể tước đoạt sự sống một cách dữ tợn hơn con người gấp bội phần. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, vì hối hận, Thiên Chúa đã tự trói tay mình cho đến muôn đời : Ngài tuyên hứa, với cái cầu vòng làm chứng, là Ngài sẽ không bao giờ tổ chức giết người tập thể nữa. Kẹt to, vì sau đó con người lại vẫn tiếp tục phát triển theo bản tính của mình, bản tính đến từ Thiên Chúa, con người là hình ảnh của Thiên Chúa, xin nhắc lại. Và con người lại không vừa ý Thiên Chúa, không "rất tốt" như Thiên Chúa đã tuyên bố sau khi tác thành loài người và vạn vật. Khổ nỗi, Thiên Chúa không còn có thể giết sạch con người như Ngài đã làm với Đại Hồng Thủy. Vậy phải làm sao?

DÂN CHÚA NHẬP CUỘC

Trong câu chuyện "Tháp Babel," ngài dùng mưu (lần đầu chúng ta thấy Chúa mưu trí), chia rẽ con người để giới hạn quyền năng của con người. Tuy nhiên như thế vẫn chưa đủ. Đến một lúc nào đó Thiên Chúa lại thấy phải làm một cái gì. Đó là lúc Abraham nhập cuộc. Chúa chọn Abraham để làm nên Dân Chúa. Điều ấy có nghĩa là thay vì giết toàn nhân loại và chọn vài người để tiếp tục nòi giống, hay giết sạch và tạo lại một thế giới mới, những điều mà Ngài đã thề không làm, thì Thiên Chúa tìm ra giải pháp là lờ đi tất cả nhân loại, và chỉ chọn chăm sóc một nhóm người hạn chế gọi là "Dân Chúa." Vì không thể lập lại màn chọn gia đình Noah, giết đám người còn lại, nên Chúa bèn chọn Abraham và hậu duệ của ông, và gạt mọi con người khác ra khỏi tâm trí Ngài.

Thật ra, có thể nghĩ rằng vấn đề của Thiên Chúa bắt nguồn từ sự bất lực của Ngài trong việc kiểm soát dục tính và sự sinh sản của con người. Từ chuyện Adam đến Đại Hồng Thủy, chúng ta đã thấy điều đó. Trong chuyện Abraham, sự thể có phần rõ ràng hơn. Bảy lần, Thiên Chúa hứa sẽ cho Abraham con đàn cháu đống, nhiều như sao trên trời, như cát dưới biển. Nhưng Abraham và Sara, vợ ông, lại hiếm muộn. Khi ông gần 100 tuổi và Sara 90 tuổi, hai ông bà vẫn chưa có con! Thiên Chúa buộc Abraham phải cắt da quy đầu, và áp dụng điều ấy cho tất cả hậu duệ của ông cùng với các đày tớ và nô lệ. Nghĩa là Abraham và con cháu phải nộp một phần "nam tính" của mình cho Thiên Chúa, như dấu hiệu của sự phục tùng Thiên Chúa trên mặt tình dục và ban phát sự sống. Với giá đó Thiên Chúa cho Abraham và Sara một con trai, Isaac. Thiên Chúa cũng biểu dương quyền lực của mình trên lãnh vực thu hồi sự sống khi bắt Abraham phải đem giết Isaac để tế lễ mình. Trong các câu chuyện tiếp theo, chuyện Isaac, chuyện Jacob, và nhiều chuyện khác trong Thánh Kinh, vấn đề hiếm muộn rất hay được đặt ra và được giải quyết với sự can thiệp của Thiên Chúa. Sáng Thế Ký kết thúc với chuyện Joseph, con của Jacob, sang Ai Cập làm đến thủ tướng. Dân Chúa lập nghiệp tại Ai Cập, và sinh sôi nảy nở mạnh đến nỗi Vua Ai Cập Pharaon phải « có biện pháp » áp bức và ngược đãi họ rất nặng nề (Exode 1:9-14), cho đến khi Moshe đưa được họ ra khỏi Ai Cập, đi chinh phục đất hứa, sau 40 năm lưu lạc trong sa mạc.

NHỮNG AI THOÁT KHỎI ĐƯỜNG GƯƠM CỦA JEHU SẼ CHẾT VÌ TAY ELISÉE !

Trên vùng đất được Thiên Chúa hứa ban cho mình, Dân Chúa phát triển, có lúc hùng mạnh nhưng cũng lắm gian truân, phải bị đô hộ, lưu đày, phải mất nước, lưu vong... Thiên Chúa có bằng lòng với Dân của Ngài không? Rất nhiều lần không. Lắm lúc Thiên Chúa đã muốn tiêu diệt Israel, từ thời Moshe và sau đó. Trong sách Quân Vương thứ nhất (Rois 1) chương 19, câu 15, Yahweh nói với Tiên Tri Elie (Elyahou) : "Hãy trở lại sa mạc Damas và sức dầu tôn Hazael làm Vua Aram, Jehu làm Vua Israel, rồi sức dầu tôn Elisée làm Tiên Tri thay ngươi." Các nhân vật này được lệnh giết toàn bộ dân Do Thái, trừ 7000 người. Yahweh nói: "Những ai thoát khỏi lưỡi gươm của Hazael, Jehu sẽ giết nó, những ai thoát khỏi thanh kiếm của Jehu, sẽ chết vì tay Elisée." Nhiều lần Isreal bại trận và bị đô hộ, Dân Chúa phải lưu đày, vong quốc, Thánh Kinh đều cho là do bàn tay Thiên Chúa, mượn sức mạnh của ngoại bang để trừng phạt dân mình! Sách Deutéronome chương 28, nói: « Yahweh sẽ khiến một dân tộc xa xôi tấn công ngươi (...) họ sẽ làm đổ những thành trì kiên cố nhất của ngươi (...) vì đói kém ngươi sẽ phải ăn gan ruột chính mình, sẽ ăn thịt các con trai và con gái mà Yahweh đã ban cho ngươi (...) người đàn bà nhu mì nhất trong dân tộc ngươi (...) sẽ ẩn nấp để ăn thịt con cái mình (...) Yahweh sẽ giáng xuống đầu ngươi và con cháu ngươi những tai hoạ kỳ bí, những tai họa vĩ đại và trường kỳ, những bệnh tật bất trị và dai dẳng... » Trong bối cảnh này, biết bao giờ Abraham, qua hậu duệ của mình, mới là « Cha của vô số quốc gia, » như lời giao ước của Thiên Chúa? Ngược lại, chính lời giao ước này đã góp phần làm nền tảng cho những phán đoán hồ đồ về « âm mưu thống trị » của người Do Thái trên thế giới, đưa đến tinh thần bài Do Thái, và phần nào đã gây ra thảm hoạ tàn sát 6 triệu con cái Israel dưới thời Đức Quốc Xã cũng như vô số hành vi chống Do Thái cho đến ngày nay. Thậm chí Do Thái của thời hiện đại là quốc gia phải chịu nhiều đe doạ nhất trên thế giới. Israel chỉ cần bại trận một lần, duy nhất một lần mà thôi, thì sẽ hoàn toàn bị tiêu diệt, sẽ không còn một con cháu nào của Isaac, của Jacob, trên toàn "Đất Thánh" !

VẠN PHÁP TẠI TÂM

Có phải là Thiên Chúa đã thất bại hay không? Nhân vật Thiên Chúa của Sáng Thế Ký đã thất bại. Nhưng nhân vật ấy là ai? Các tác giả Sáng Thế Ký và Thánh Kinh đã thành công trong việc tạo nên một tác phẩm văn chương ngoại hạng. Giá trị của tác phẩm này nằm ở chỗ nó đã biến lịch sử của một dân tộc thành câu chuyện của một Nhân Vật xuyên lịch sử, một Nhân Vật lẫy lừng hơn mọi nhân vật mà lịch sử hay văn chương có thể tạo ra, đó là Thiên Chúa. Thật ra, rất nhiều huyền thoại đã gắn liền lịch sử của những dân tộc với Thần Thánh, như huyền thoại Hy Lạp, Ấn Độ, hay các chuyện thần thoại thời khai quốc ở nước mình. Tuy nhiên, các tác giả Thánh Kinh đã chọn kết tụ tất cả các thần thánh vào một cá nhân duy nhất, và kể chuyện của nhân vật này. Khi chọn làm như vậy, nhân vật Thiên Chúa mặc nhiên trở thành phức tạp, với nhiều mâu thuẫn. Khi có chuyện thảm khốc xảy ra, người ta không thể đổ lỗi cho một vị Thần Ác, mà vẫn phải quy kết vào Thiên Chúa. Đại Hồng Thủy trong huyền thoại Sumer-Babylone do hành vi của một Ác Thần, và một vị Thần Thiện đã đến cứu vạn vật khỏi tai hoạ. Ở đây, chỉ có một mình Thiên Chúa... Các vị Thần, Thiện hoặc Ác, như những thảo trình, có thể phức tạp, nhưng hoạt động với những đặc tính đã được quy định. Nhân vật Thiên Chúa thì đa dạng, đầy mâu thuẫn, bất định, muôn vàn sắc thái, tóm lại, rất gần với chúng ta. Nhân vật Thiên Chúa luôn phải dung hòa những điều đối nghịch trong tâm thức mình, như chính chúng ta cũng thường phải làm như vậy. Có thể nói nhân vật Thiên Chúa biểu tượng cho tâm thức của mỗi người chúng ta. Trong tâm thức của bạn và của tôi, từ khởi thủy của cuộc sống, lần lượt hiện ra những sự vật, được ý thức một cách càng ngày càng phức tạp như tiến trình tạo thiên lập địa. Ý thức về chính mình cũng vậy, cũng phát triển cùng với ý thức về những đối tượng của mình. Ngã tướng, nhân tướng, chúng sinh tướng, thọ giả tướng ... như lời Kinh Kim Cương. Nói cách khác, khi gom tất cả vào một Thiên Chúa duy nhất, các tác giả Sáng Thế Ký buộc phải tưởng tượng hành vi của một vị Thần vĩ đại chưa từng có. Và họ phải đào trong tâm thức chính họ, đến những phần sâu thẳm nhất để tìm ra một nguồn sáng, để có thể nhìn được trong tấm gương mờ tối của thâm tâm, cái khuôn mặt nguyên thủy của chính họ. Điều họ nói ra, nên được hiểu trong tinh thần này. Đừng rơi vào cạm bẫy bài bác Thiên Chúa của Sáng Thế Ký và của Thánh Kinh. Thiên Chúa ấy chính là tâm hồn bạn, Thần Khí của Ngài là hơi thở bạn, và cuộc đời Ngài là sự tuyệt vọng của bạn

Từ sự tuyệt vọng ấy, rất nhiều người đã rút tỉa ra được một con đường tâm linh đáng quý.

23 tháng 11 2003

NHỮNG HẠT NGỌC BÀY RA ÁNH SÁNG

NGUYỄN MINH CẦN

Sách *"Phùng Cung, Truyện và Thơ Chưa Hề Xuất Bản"*, do Nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành, sắp ra mắt bạn đọc. Đây là một sự kiện lớn đối với nền Văn học Nghệ thuật nước nhà. Người viết không nói ngoa khi dùng chữ "lớn" để định tính cho sự kiện này. Vì, trong số tác phẩm chưa hề xuất bản của Phùng Cung sắp ra mắt bạn đọc, có lắm "hạt ngọc" hiếm thấy trong văn chương đương đại của nước ta. Cho nên việc đưa chúng ra ánh sáng, trả chúng lại cho dân tộc để dân tộc xét đoán, tuyển chọn và trân trọng đặt chúng vào vị trí xứng đáng trong kho báu Văn học Nghệ thuật nước nhà – quả là một sự việc trọng đại đầy hứng khởi.

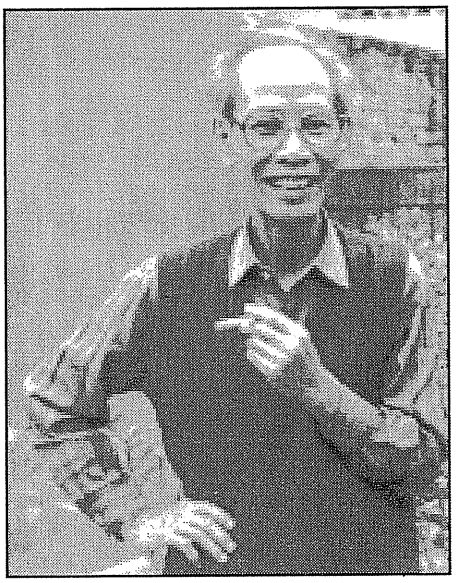

Phùng Cung, Hà Nội 1996

Các bạn cứ tưởng tượng xem, những sáng tác quý báu này mà rơi vào bàn tay tàn bạo của kẻ cầm quyền độc tài hiện nay, những kẻ đang theo vết chân bạo chúa họ Tần trên hai ngàn năm trước, thì chắc chắn là chúng đã bị biến thành tro bụi hàng mấy thập niên trước rồi! Còn đâu cho chúng ta và hậu thế được thưởng thức?! Thế mà người sáng tạo nên chúng – sáng tạo trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, bị tước hết tự do, thậm chí trong xà lim biệt giam – đã cố ghi sâu, giữ kỹ trong *"kho nhớ"* của mình, rồi lén lút biên chép, cất giấu, lại được những người thân yêu coi là của gia bảo, giữ gìn, nâng niu, trân trọng... rồi do một cơ duyên kỳ lạ mà chúng được đến tay bạn đọc thì thật là diệu kỳ biết bao! Đúng là "phép lạ" của Công Lý!

Người viết những dòng này – cách đây chín năm, 21.08.1994, – đã kể lại trong tiểu phẩm của mình *"Nhân Văn - Giai Phẩm" – một tư trào, một vụ án, một tội ác"* (1) về một trào lưu tư tưởng trong giới trí thức miền Bắc hồi nửa cuối thập niên 50, trào lưu đòi tự do, đòi sáng tạo không bị gò bó. Trào lưu đó đã bị nhà cầm quyền cộng sản "dàn dựng" thành một "vụ án gián điệp" để bắt bớ, tù đày biết bao trí thức văn nghệ sĩ vô tội. Vụ án đó, tội ác đó đã ghi lại vết nhơ không thể nào tẩy sạch trên trán Đảng cộng sản Việt Nam. Trong cái trào lưu hồi đó, Phùng Cung đã đóng một vai thật khiêm tốn: anh chỉ góp vẻn vẹn một truyện ngắn *«Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh»* đăng trên báo *Nhân Văn* số 4, tháng 10 năm 1956. Nhưng kẻ cầm quyền đã trừng trị anh tàn bạo hết nước. Vì họ suy đoán «Con ngựa già Kim Bông» và «Chúa Trịnh» là những «biểu tượng hai mặt» ám chỉ «đám văn nô-bồi bút» và «Đảng lãnh đạo tối cao» tiếm quyền! Do đó, chỉ vì một truyện ngắn mà Phùng Cung bị «đấu tố» nặng nề và «được» Đảng «đặc biệt chiếu cố» giam giữ tại trại tù đến bốn «lệnh» (2), tức là mười hai năm ròng rã, từ năm 1960 đến mãi năm 1972! Ở các trại tù, anh lại thường «được» Đảng «biệt đãi» - cho «biệt giam» tại những xà lim đơn độc. Chính trong cảnh gông cùm khắc nghiệt, anh đã sáng tác những vần thơ tuyệt diệu, như *Trăng Ngục, Biển Cả, Tổ Quốc, Quê Hương, Nước Mắt, Cung Trời, Thu Xa, Dòng Sông, Quê Xa, Mới Xanh, Mẹ, Sông Thương - Sao Thương, Em Quỳnh, Sống Chết, Bước Vô Định, Tội Nghiệp*... Đến khi ra tù, anh cũng «được» Đảng «đặc biệt săn sóc» - như lời kể của người

con ruột của anh, Phùng Hà Phủ: « ...Thế mà không tuần nào, tháng nào là không có cán bộ của công an đến nhà thẩm vấn: hôm nay đi những đâu ? gặp những ai ?... đến mức nhiều khi mẹ tôi nói với bố tôi: «Thà họ cứ bắt quách anh trở lại còn hơn, chứ thế này em thấy căng thẳng quá, không sống nổi.» Đảng đối xử với anh như vậy vì anh là người trực tính, không chịu luỵ mình, dối trá, mà chỉ muốn sống với lương tâm trong sạch. Cho đến nay, có thể nói một cách chắc chắn rằng trong hàng ngũ những người gọi là *"Nhân Văn - Giai Phẩm,"* Phùng Cung, cũng như Phùng Quán, Hữu Loan, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Hữu Đang... là những người trong sáng, kiên định nhất, nhận thức rõ bản chất của chế độ đương quyền, những người không hề uốn cong tấc lưỡi và ngòi bút để nói, viết những điều trái với lương tâm.

Tôi được Bác sĩ Lâm Thu Vân ngay từ đầu trao đổi ý kiến về việc xuất bản di cảo quý báu này, nên tôi xin trình bày rõ do cái cơ duyên nào mà những sáng tác này của Phùng Cung đến được tay bạn đọc. Hồi năm 1999, nhờ một sự tình cờ trời xui đất khiến mà người con ruột của anh chị Phùng Cung-Kim Thoa, tên là Phùng Hà Phủ, đã gặp được chị Lâm Thu Vân ở Canada. Một điều kỳ lạ - kẻ Bắc người Nam gặp nhau mà nhanh chóng đồng cảm trong tình ruột thịt đến nỗi cháu Phủ đem hết tâm tình thổ lộ với cô Vân, cháu kể lại cuộc đời đau thương của bố mẹ, sáng tác của bố và ước nguyện cuối cùng của bố là tác phẩm của mình được đến tay bạn đọc. Thế là hai cô cháu bàn nhau để thực hiện ước nguyện thầm kín đó của nhà thơ. Sau đó bản thảo đã vượt qua được «bức màn... tre» của chế độ... nhưng hành trình của nó lại theo con đường vòng vèo, qua tay người này đến tay người khác, thậm chí có người giữ lại đến mấy năm trời. Cuối cùng thì bản thảo đến được tay Bác sĩ Lâm Thu Vân là người được uỷ quyền chính thức. Khi đến tay chị Vân, bản thảo có 10 truyện ngắn và tập thơ *«Trăng Ngục»* gồm 35 bài. Đến nay, chị Vân cũng không biết tập bản thảo nhận được đã gồm đủ tất cả những gì được gởi gắm ra chưa, mà chẳng biết hỏi ai được nữa: cháu Phùng Hà Phủ không may đã qua đời ít lâu sau ngày về nước! (Theo tôi được biết, còn thiếu ít nhất hai truyện ngắn *«Quản Thổi»* và *«Kép Nghề»* – những truyện bị tố là «để viser lãnh tụ và Đảng cộng sản»)

Văn thơ của Phùng Cung là tiếng nói của một nghệ sĩ chân chính, đệ tử trung thành của Chân, Thiện, Mỹ. Vì chuộng cái Chân, Phùng Cung không hề quay mặt trước sự thật, anh dám nói lên sự thật về số phận đầy đau thương của những người dân bình thường dưới chế độ «phong kiến mới» với những bạo hành, sắt máu và chính anh thật tình đau nỗi đau của họ. Trong văn thơ của mình, anh vạch mặt bọn thống trị và bè lũ tay sai gây ra đau khổ cho người dân. Vì trọng cái Thiện, Phùng Cung đã bộc lộ rõ ràng cái tâm trong sáng của anh, thể hiện lòng yêu nước, yêu quê, thương dân da diết, lòng nhân ái, tinh thần nhân bản sâu đậm của anh. Vì quý cái Mỹ, tác giả xót xa trước tình trạng Nghệ thuật Chân chính bị chà đạp khi sự dối trá và ngu dốt lên ngôi, tác giả đau buồn trước sự vùi dập thô bạo đối với truyền thống Nghệ thuật của dân tộc. Và ngay trong văn thơ của mình, tác giả cũng luôn luôn cố gắng tối đa để làm nổi lên cái Đẹp. Có truyện ngắn ẩn dụ cho thấy Nghệ thuật Chân chính không thể nào chung sống được với một chế độ đã không có tự do, mà lại tôn thờ giả dối.

Đọc Phùng Cung, ta thấy rõ anh là một cây bút có trách nhiệm. Bút pháp của anh nhẹ nhàng, trôi chảy, nhưng nghiêm túc, giàu hình tượng, với những ngôn từ sắc cạnh, chắt lọc, cân đo, đặt đúng nơi đúng chỗ, «rất đạt».

Vì không dám «lấn sân» của các nhà phê bình, tôi chỉ xin giới thiệu sơ qua vài tác phẩm của Phùng Cung. Truyện ngắn *«Mộ Phách»* là một trong những truyện hay. Chuyện kể về hai vợ chồng kép Chản, đào Khuê người làng Vân Cốc làm nghề ca trù, nhưng từ ngày Vân Cốc đổi thành Toàn Thắng thì cả hai vợ chồng bị gãy nghề, trở thành «đối tượng» cho sự phê phán, chì chiết, truy bức, đến nỗi cây đàn đáy, bảo vật gia truyền mà kép Chản đã được cụ kép Điều để lại trước khi thành người thiên cổ, giờ đây được giấu kín trên bàn thờ... cũng bị coi là *«vật cản»* của cách mạng. Thế là người ta tìm mọi thủ đoạn để huỷ diệt cây đàn mà Tư Chản thiết tha giữ gìn, trìu mến *«như nâng giấc người cha ốm.»* Trong *«Mộ Phách»*, tác giả khắc hoạ rõ nét từng nhân vật, từ kép Chản, đào Khuê, đến anh Đáng, cháu họ của ông Khản, cán bộ Đảng, uỷ viên văn hoá, là cốt cán được đề bạt lên từ sau cải cách ruộng đất, đến Thuyên, người con trai yêu quý của ông bà Chản, đi bộ đội được coi là «cảm tình» Đảng nhưng chưa được kết nạp Đảng chỉ vì gia đình còn «chưa tiến bộ». Tác giả vạch rõ được cả một hệ thống, hay chính xác hơn cả một cơ chế «thiên la địa võng,» nó lôi cuốn, mê hoặc, chằng chịt, kiểm soát, trói buộc, bức bách con người phải hành động theo ý

muốn của Đảng, lắm khi trái hẳn với tính người và tình người. Chính Thuyên, người con trai yêu quý của ông bà Chản, thì lại cùng Đáng bày mưu đặt kế hủy diệt cây đàn, và cuối cùng, cũng chính Thuyên đã đập và giẫm nát chiếc đàn quý báu mà bố coi như người bạn trong đời mình. Bản thân Thuyên cũng có những giây phút đấu tranh, dằn vặt, đã từng đặt chữ Hiếu cùng với lập trường *«đấu tranh cách mạng, đấu tranh giai cấp»* lên bàn cân của con tim, nhưng *«nhớ lời vàng ngọc của bác Hồ: «Hiếu với ai? - với dân. Trung với ai? - với Đảng»* thì anh lại *«tự mình ốp đồng»*, tự mình hạ *«quyết tâm thư » «phải đánh gục mọi cản trở của cách mạng»*. Thuyên *«đã trở thành một kẻ nhẫn tâm, một tên lừa dối, một tên bất hiếu. »*

Sau khi cây đàn bị bức tử, ông Chản ngày một xọm người và cuối cùng ông qua đời trong dịp đến thăm con gái. Còn bà Chản, tức là đào Khuê năm xưa, cũng mỗi ngày một suy sụp. Đến «ngày bốn chín» của ông, bà Chản muốn cúng chồng bằng lời ca tiếng phách, hy vọng vợ chồng được gần gụi trong khoảng cách âm dương. Đợi đến đêm khuya, bà lấy cỗ phách quý truyền tay đến ba đời trong hòm ra. Và sau khi cất lời ca, bà gõ phách cắt nhịp thì lạ thay, phách bỗng câm đột ngột không còn âm vang nữa. Bà nhận biết là: *«Bạn cũng ra đi»* và làm lễ mai táng cho phách, vun thành nấm mộ trong vườn...

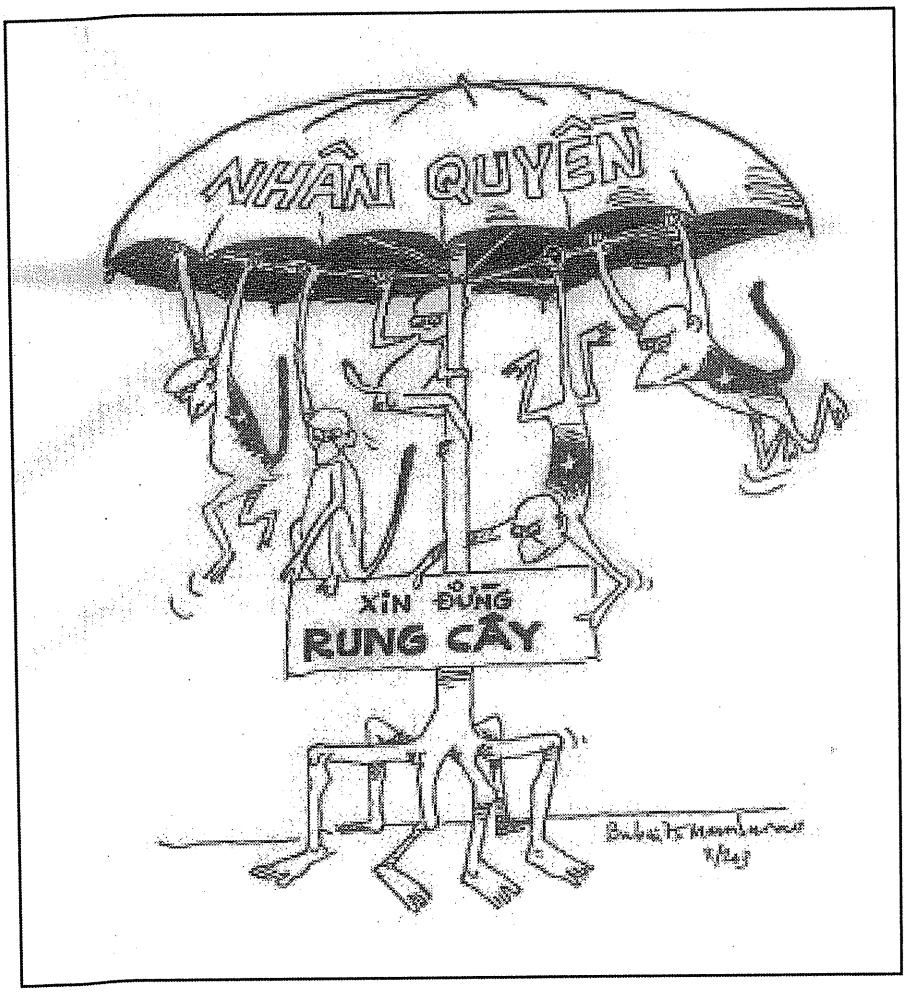

Một truyện ngắn khác cũng rất bi đát là *«Biệt Tích.»* Chuyện kể về bác phó cả Lâm, một người thợ mộc tài ba, làm việc có lương tâm nhà nghề. Đến thời Việt Minh, nghề mộc của phó Lâm bị đình đốn, vợ chồng sống trong cảnh nghèo đói. Bỗng một hôm được ủy ban giao việc đóng một lô bàn và đưa cho năm yến gạo. Cả nhà sung sướng hồi sinh, bác phó ngày đêm ra công làm rất cẩn thận. Thấm thoát gần một tháng, bác làm sắp xong thì ủy ban đến giục. Ông ủy viên đến kiểm xét công việc, không bằng lòng, rồi bảo hôm sau bác phó phải lên ủy ban. Khi gặp phó chủ tịch ủy ban thì ông này phủ đầu cho một câu như buộc cho bác sự cố tình dây dưa. Người ta bảo bàn giấy của ủy ban không cần vẽ vời gì hết, rồi kéo bác đến một chiếc bàn giấy bảo *«Cứ mẫu ấy mà làm!»* Bác thấy bàn làm dối quá, phí cả gỗ quý. Bác băn khoăn vì đã biết rõ cái kiểu *«ăn thật làm dối,»* một điều cấm kị trong nghề, một điều sỉ nhục trong nghề, nên chưa biết nói như thế nào, thì người ta bảo *«Cứ mẫu ấy mà đóng»*. Bác ngần ngừ và cuối cùng nói: *«Dạ! Thưa*

Đường quan lầy nước mắt
Điệu sáo hết du dương
Mây chìm
Gió ngủ
Chiều nắng đa bò
Vẫn nhằm biên giới ưu tư
Rầu rầu đổ bộ
Sông sâu bặt tiếng gọi đò
Chim hãy giùm ta
Gọi cành xanh ngóc dậy
Để một lần
Quê hương thấy lại quê hương

...Ôi ! Đất nước sa cơ
Già - trẻ bơ vơ nheo nhóc
Tơi nón dầm mưa lẩy bẩy đợi chờ
Còi nội chính (4)
Xả từng hơi quyền lực
Một bước ra đi
Một bước sinh ly
Phố vắng ngả bóng chiều rầu rĩ
Ngậm ngùi tìm dấu cố nhân
Lưỡi đảng lùa sau lưng
Dựng xây quê mới
Đèo heo hút gió
«Phiên-bản xi-bia» (5)
Tay nghiêng che
Nghẹn ngào nhỏ vụng
Lệ kinh kỳ !...

...Ơi ! quê hương
Hỡi những ngày xưa !
Thủy chung - nhân ái
Tất cả chìm-ngâm
Trong lừa dối cuồng điên
Trĩu bước lưu ly
Gót mòn - sấp ngửa - áo cơm
Trăm muôn vẻ thắm hữu hình
Chỉ còn là lưu ảnh
Chập chờn bên ải mưa sa.

Nghĩ đến Tổ quốc, nhà thơ đau đớn thốt lên:

Tổ quốc kính yêu ơi !
Văn hiến - thuần phong mỹ tục
Phút chốc bàn tay cộng sản dập vùi
Định nghĩa - tên người
Tôi không nói được
Nếu bị dồn hỏi
Tôi chỉ có thể trả lời
Bằng hai hàng nước mắt
Tổ quốc kính yêu ơi

Còn khi nghĩ đến thân phận mình, cũng như thân phận chung của văn nhân, trí thức, nghệ sĩ dưới chế độ cực quyền, tác giả đã bày tỏ tâm tình xót xa cay đắng.

Tội nghiệp nhà thơ !
Bơ vơ một nẻo
Hết móc ruột moi gan
Lại réo tên chỉ mặt
Bởi không biết sống
Nên không biết chết
Nửa thế kỷ bị lưu đầy
Trong cõi tung hô

Chính trong cảnh *"còng sắt cùm lim ngấy máu tù"* mà anh đã ước nguyện:

...Cầu xin các đấng linh thần
Cho ta sức mạnh phi trần
Đủ tung hoành, xông xáo
Tận cùng hang ổ
Băm xả vào đầu con rắn đỏ...

Còn có thể nói rất nhiều nữa về thơ Phùng Cung, nhưng thiết tưởng với chừng ấy cũng đủ để bạn đọc thấy rõ việc bày ra ánh sáng những "hạt ngọc" của một nhà thơ bị cường quyền vùi dập trong bốn thập niên ròng rã là một thắng lợi bước đầu của Công Lý. Cầu mong ở thế giới bên kia, hương hồn người nghệ sĩ tài ba Phùng Cung, cũng như con trai yêu quý của anh, Phùng Hà Phủ, được thoả nguyện một phần.

Hy vọng rằng cuốn sách *"Phùng Cung, Truyện Và Thơ Chưa Hề Xuất Bản"* sẽ được bạn đọc trong và ngoài nước đón nhận nồng nhiệt. Chắc chắn là dưới ánh mặt trời, những "hạt ngọc" quý mà nhà thơ chiết ra từ máu và nước mắt của mình để hiến cho đời, sẽ càng thêm phô sắc và đem lại cho bạn đọc nhiều khoái cảm, cũng như nhiều ưu tư về hiện thực nước nhà và trách nhiệm mỗi người đối với sự nghiệp cứu nước, cứu dân./.

Hè Moskva 10.07.03

1. Bài này đã in trên các tạp chí *Thế Giới Ngày Nay* ở Hoa Kỳ, *Thiện Chí* ở Đức hồi 1994, được dịch ra tiếng Đức đăng trên tờ *Viet Nam-Forum*, về sau đã in lại trong tập sách *"Công Lý Đòi Hỏi"*, NXB Văn Nghệ, 1997.

2. "Lệnh" - tiếng lóng nhà tù, là một lần bắt đi "tập trung cải tạo" ba năm.

3. Theo tôi, chữ làng Sen viết hoa, đó là tên tục của làng Kim Liên, nơi chôn nhau cắt rốn của ông Nguyễn Sinh Cung/Nguyễn Tất Thành, tức Hồ Chí Minh. Chữ đó đi với chữ "trọ trẹ", ý nói giọng xứ Nghệ.

4. Công an nằm trong khối nội chính, do một ủy viên Bộ chính trị phụ trách.

5. Ý nói rập theo khuôn mẫu trại tập trung ở Siberia (Liên Xô).

THAILAND, INC.
Một Hình Ảnh Sinh Động Mới

TS PHẠM ĐỖ CHÍ
ThS PHẠM QUANG DIỆU

Tên gọi trên của nước láng giềng Thái (Thailand, Inc., hay "Hãng" Thái Lan) do một số quan sát viên quốc tế mới đặt cho xứ này sau hội nghị thượng đỉnh vùng APEC, nói lên sự khen ngợi của giới kinh tế tài chính cho sự lãnh đạo nước này như một công ty đa quốc gia lớn dưới sự điều khiển khôn ngoan của ông Thủ Tướng tài hoa duyên dáng Thaksin.

Thật vậy, cách đây vài năm khi ông mới lên cầm quyền, mọi người trong nước hay trong vùng Đông Á có nghi ngại khả năng chính trị của ông vì ông không là một chính trị gia "chuyên nghiệp," mặc dù đã là một doanh gia tỷ phú nổi tiếng và thành công từ nhiều năm trong ngành viễn thông của Thái. Chịu ảnh hưởng nặng nề của văn hóa Á Đông xếp hạng các giai cấp xã hội chính theo thứ tự "sĩ nông công thương binh" từ ngàn năm, một số người vẫn còn mang ấn tượng xấu cho giới "thương," coi họ không phải là tầng lớp "cao sang" trong xã hội để nắm quyền bính. Một ông đồ hay chữ dù nghèo rớt mùng tơi vẫn được coi trọng hơn ông triệu phú đôi khi còn bị gán chữ "trọc phú" nếu thiếu văn hóa và cung cách cổ truyến.

Nhưng ông Thaksin đã chứng tỏ tài năng lãnh đạo kinh doanh đem áp dụng từ thương vụ sang chuyện hành khiển quốc gia, đưa kinh tế Thái Lan phục hồi mạnh mẽ trong vùng, đem tiền baht lên hàng ngoại tệ mạnh nhất ở Á Châu trong năm nay. Nhưng đáng kể thêm vào đó là các cải tổ lớn đạt được cả về chính trị ngoại giao, xã hội, giáo dục và nhất là trong cố gắng cải thiện việc điều hòa đất nước (governance) với sự ủng hộ của phần đông dân chúng nhất là trong giới nghèo miền thôn quê. Chỉ có ông với uy tín quốc tế và trong vùng, cùng sự càng ngày càng được lòng dân trong nước, mới dám đụng chạm đến các vấn đề quốc gia lớn như giảm bớt tham nhũng và nạn mafia (tuy vẫn là quốc nạn ở Thái), dẹp bớt buôn bán ma túy, cải tổ giáo dục, hợp thức hóa nghề mãi dâm, mạnh dạn ra chương trình cấp tín dụng 1 triệu đồng baht cho người nghèo, ra tay giảm vụ kẹt xe ở Bangkok, hứa đền bù cho du khách nếu bị nhiễm bệnh SARS ở Thái để quảng cáo du lịch, v.v... Ngoài ra ông đã nâng cao uy tín chính trị của Thái Lan trong vùng và trên thế giới nhờ một phần vào tài ngoại giao uyển chuyển của cá nhân ông, phần khác nhờ sự hỗ trợ của một ban tham mưu chính sách lập nên từ các chuyên viên trẻ tuổi từ các bộ. Nhóm này được tiếng là đã giúp ông thăm dò dư luận bằng phương pháp thăm dò dư luận như kiểu Gallup polls bên Mỹ để đưa ra những chính sách thích hợp và những bài diễn văn được lòng dân. Một số chính khách đối lập kết án ông mị dân, nhưng các thành tích chính trị trong vùng và sự đi lên của kinh tế Thái lại xác nhận cương vị ngôi sao lãnh đạo của ông Thaksin.

Trong tháng 10, lãnh đạo của 21 nền kinh tế vành đai Thái Bình Dương đã tìm được lý do khả dĩ cho cuộc hội ngộ ở Bangkok - quyết tâm làm sống lại vòng đàm phán của Tổ chức thương mại quốc tế và đề ra kế hoạch xử lý "các nhóm khủng bố xuyên quốc gia." Riêng đối với Thái Lan, nước này luôn có một chiến lược phát triển thực tiễn, tận dụng mọi cơ hội để thu hút đầu tư nước ngoài thúc đẩy phát triển kinh tế, những "chiêu" trong vòng hội đàm là một ví dụ điển hình.

Sau khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997, Thái Lan đã thực hiện công cuộc cải tổ kinh tế sâu rộng, thu hút vốn đầu tư nước ngoài tạo đà cho hồi phục và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. GDP

của Thái Lan năm 2002 đạt 5,4% và World Bank ước tính năm 2003 sẽ đạt 5,8%.

Đầu tư nước ngoài (triệu USD) và tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan

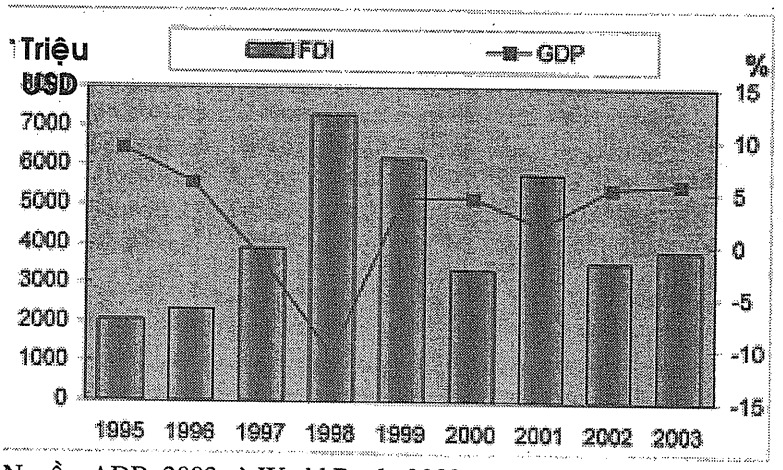

Nguồn: ADB. 2003 và World Bank. 2003

Thái lan hội tụ đầy đủ các lợi thế về địa lý, ổn định chính trị, nền nông nghiệp mạnh, thị trường thực phẩm sôi động và có cơ hội phát triển cộng thêm người dân có trình độ cao và năng động.

Về mặt địa lý, Thái Lan là một địa điểm chiến lược, nằm trên bán đảo Đông Dương, là cánh cửa tiến tới hai lục địa đông dân nhất thế giới nối liền bằng đường bộ, đường không và đường biển. Thái Lan là một quốc gia không lớn, diện tích chỉ bằng nước Pháp, 513.000 km2. Biên giới phía Đông giáp Campuchia; phía Bắc giáp với Lào; phía Tây với Myannmar và phía Nam là Malaysia. Tổng diện tích miền duyên hải lên tới 2.615 km2 với 70% thuộc Vịnh Thái lan, Thái Bình Dương và phần còn lại thuộc biển Ấn Độ Dương. Ngoài ra, điều kiện khí hậu khá thuận lợi, các thảm họa và thiên tai như động đất, núi lửa, bão lớn và lũ lụt rất hiếm khi xảy ra ở Thái Lan.

Một yếu tố quan trọng là trong nhiều năm qua Thái Lan luôn duy trì một chiến lược ngoại giao thông thoáng và mềm dẻo. Chính điều này đã giúp Thái Lan trong quá khứ là một trong vài nước ở châu Á độc lập, không trở thành thuộc địa, và thu được nhiều mối lợi lớn trong thời hiện đại. Thái Lan luôn cố tránh tham gia và chịu ảnh hưởng các cuộc chiến tranh thế giới, chiến tranh khu vực và ngay cả nội chiến. Mặc dù bao quanh là nhiều quốc gia với các bất ổn về chính trị và tôn giáo nhưng Thái lan vẫn duy trì được nền hoà bình và hệ thống chính quyền quân chủ lập hiến nhưng trong thực tế có nền dân chủ với đặc trưng riêng. Chế độ quân chủ (một trong những chuyên chế tồn tại lâu đời nhất trên thế giới) được sùng bái và tồn tại song song cùng với lịch sử thành lập đất nước.

Nhiều tập đoàn muốn đến Thái Lan

Tập đoàn Toshiba của Nhật Bản đang có kế hoạch rời trụ sở từ Singapore đến Thái Lan và dự kiến rót thêm khoảng 1 tỷ baht để mở rộng các dây chuyền sản xuất ở đất nước đang hút vốn đầu tư nước ngoài nhiều nhất khu vực Đông Nam Á này.

Theo ông Takashi Kimura, chủ tịch Toshiba tại Thái Lan, vào đầu năm 2005, nơi đây sẽ là trung tâm kinh doanh và sản xuất của Toshiba đối với thị trường khu vực châu Á Thái Bình dương. Việc rót vốn thêm hơn 1 tỷ baht đầu tư sẽ nâng công suất hoạt động 2 nhà máy của tập đoàn này tại Thái Lan là Pathum Thani và Nonthaburi lên tới 1,2 triệu sản phẩm vào năm 2005. Trong số đó, 700.000 tủ lạnh 2-3 buồng và 500.000 tủ lạnh 1 buồng. Nhà máy Pathum Thani hiện sản xuất 500.000 tủ lạnh mỗi năm, chủ yếu cho xuất khẩu. Nhà máy Nonthaburi cho ra đời 400.000 chiếc/năm và tiêu thụ nội địa.

Ông Kimura cho biết, việc chuyển sang Thái Lan làm trung tâm sản xuất nằm trong chương trình tái cơ cấu hoạt động marketing của Toshiba ở Singapore vào năm 2004. Theo ông, việc vừa sản xuất vừa kinh doanh ở Thái Lan, công ty Nhật Bản này có thể phân tích và đánh giá thị hiếu người tiêu dùng và thị trường tốt hơn.

So với Trung Quốc, Thái Lan được xem như một điểm sản xuất hấp dẫn đối với Toshiba nhờ những thuận lợi như ổn định chính trị, chính sách thu hút đầu tư, sẵn có nguyên liệu.

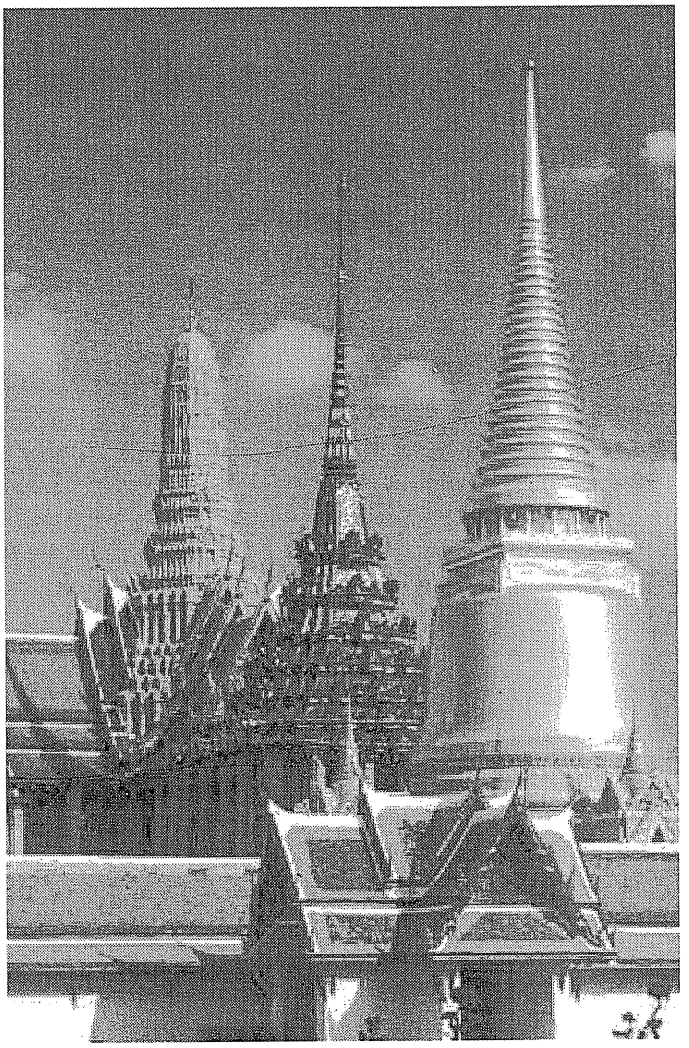

Với 2/3 dân số có độ tuổi trung bình dưới 30 và tỷ lệ người biết chữ cao, Thái Lan đã thu hút được nguồn đầu tư từ nhiều nước khác, như Nhật và Đài Loan - nơi ngành công nghiệp chuyển sang sử dụng nhiều vốn và giá nhân công cao. Trong hai thập kỷ qua, mức lương tối thiểu tăng từ 50 tới 150 bạt/ngày, chưa thật sự cao nhưng người lao động ở Thái vẫn rất tận tuy, được đào tạo cơ bản và vui vẻ, sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm. Ngoài ra, nhờ sự thành công của nhiều doanh nghiệp liên doanh, trình độ kỹ thuật và quản lý của Thái Lan đủ đáp ứng mọi yêu cầu và tiêu chuẩn thế giới.

Về mặt khu vực, mạng lưới giao thông đường bộ bao gồm nhiều cao tốc và đường sắt rộng lớn nối liền với các nước láng giềng. Theo kế hoạch, đường thủy cũng sẽ phát triển, tạo nên hành lang Đông Tây trên vùng châu thổ sông Mê Kông, nối giữa các nước Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar, Việt Nam và Trung Quốc. Các tuyến đường không, đường biển thông suốt đã thúc đẩy tham gia vận chuyển hành khách cũng như hàng hoá.

Về mặt quốc gia, Chính phủ Thái Lan đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng như điện, nước và điện thoại. Mặc dù mới trong giai đoạn thử nghiệm nhưng phương tiện giao thông cáp treo đã được sử dụng rộng rãi, giúp các hoạt động kinh doanh tại thủ đô Băng Cốc bớt đi những phiền toái liên quan tới giao thông, đem lại hiệu quả cao hơn trong công việc .

Nói tóm lại kinh tế Thái đang có hướng đi lên mạnh để trở thành một "con hổ Châu Á" mới, và TT Thaksin đang được coi là lãnh tụ có khả năng và nổi tiếng nhất trên châu lục này với thành tích dám nói dám làm. Nhiều nước chung quanh đang mong có một Thaksin như vậy cho xứ sở mình.

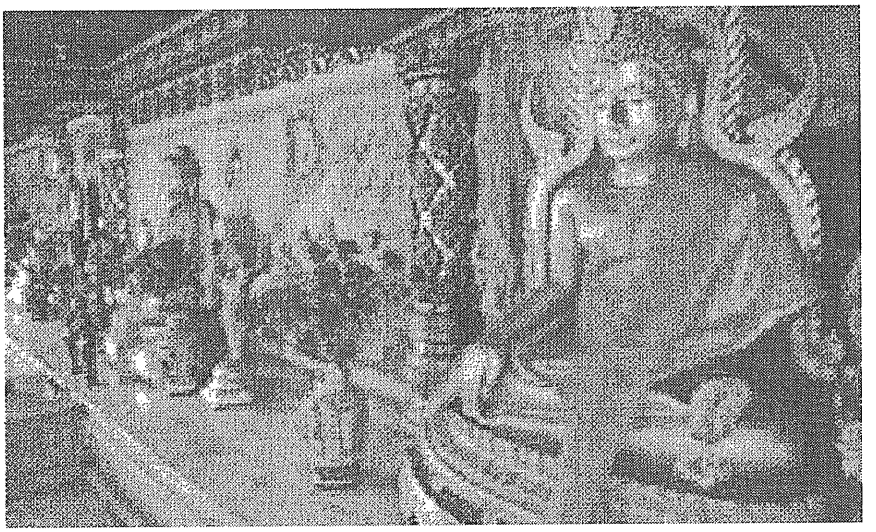

Phỏng vấn Giáo Sư Phan Huy Lê về cuộc khai quật di tích Thăng Long

VIỆC BẢO TỒN DI TÍCH VÀ CỔ VẬT LÀ KHÓ KHĂN LỚN NHẤT CỦA NGÀNH KHẢO CỔ VIỆT NAM

ĐỖ TĂNG BÍ thực hiện

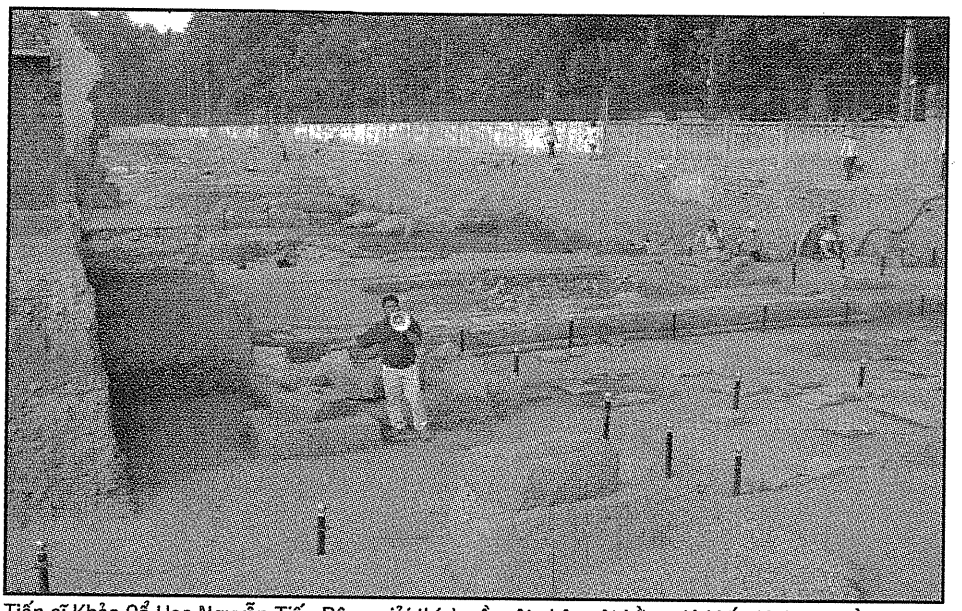

Tiến sĩ Khảo Cổ Học Nguyễn Tiến Đông giải thích về một chân cột bằng đá khắc hình con rồng. Toàn bộ bức hình là một phần của khu đang khai quật rộng 16,000 mét vuông. (Hình NV – 11/25/03)

Trước mặt chúng tôi là khu đất rộng mênh mông, hơn kích thước một sân đá banh, ngổn ngang gạch đá và hằng trăm người lầm lũi cạo, quét gượng nhẹ. Đó là khu di tích Thăng Long đang được khai quật mà theo báo chí trong nước, đã thu thập được hơn 3 triệu cổ vật. Chúng tôi vào được khu này do sự giới thiệu của Giáo Sư Phan Huy Lê sau khi ông dành cho chúng tôi cuộc phỏng vấn kéo dài 25 phút về những kết luận tạm thời của di tích Hoàng Thành Thăng Long.

Những dấu tích còn lại, theo hướng dẫn của Tiến Sĩ Nguyễn Tiến Đông, ngành khảo cổ tại công trường, cho chúng ta hình ảnh phong phú, đa dạng của các cung điện qua nhiều thời kỳ, cũng như bố cục thiết kế đô thị của các thời đó với hệ thống ống cống thoát nước lớn nhỏ, ngang dọc, những kêng đào, ao đào, đường rải sỏi, các giếng nước, các khúc sông uốn quanh hoàng thành. Người ta ngạc nhiên về những giếng nước có từ thời thành Đại La, đời Đường (thế kỷ 7, 8) mà hiện nay nước vẫn cao, trong và ngọt, không một chút mùi uế khí. Chỉ tính trên diện tích đang đào xới là 16,000 mét vuông trong tổng số 50,000 mét vuông dự trù sẽ đào, các nhà khảo cổ đã hình dung được nhiều tòa lâu đài có kiến trúc diễm lệ, hoành tráng. Có cung điện dài hơn 60 mét, rộng 27 mét, với lớp ngói và trang trí trên nóc nhà nặng nhiều tấn. Trước đây người ta nghĩ rằng các công trình kiến trúc Việt Nam thời xưa chỉ có kích thước vừa phải. Nay, kết luận tạm thời của giới khảo cổ, hoàng thành Thăng Long qua các triều đại có quy mô lớn rộng và đẹp hơn kinh đô Nara hiện là di sản thế giới của Nhật Bản.

Phần trích cuộc phỏng vấn Giáo Sư Phan Huy Lê dưới đây cho chúng ta thấy giới khảo cổ Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn trong công tác lâu dài khai quật và bảo tồn khu di tích này. "*Thí dụ, khu Hội An, Mỹ Sơn đều được Liên Hiệp Quốc liệt vào loại cần bảo tồn, nhưng hiện nay đã bị*

Một bệ chân cột có khắc hình cánh sen theo mỹ thuật đời Trần. Theo Tiến sĩ Đông, cánh sen đời Trần thô hơn cánh sen đời Lý. Trên bệ này là cột gỗ lim khổng lồ, thuộc dãy cột chính của các tòa lâu đài hoàng cung. (Hình NV – 11/

mưa gió tàn phá nhiều vì kỹ thuật bảo tồn ngoài trời chúng ta chưa thạo. Khu vực Thăng Long chúng ta đang khai quật cũng thuộc loại bảo tồn ngoài trời...", Giáo Sư Lê nói.

Đỗ Tăng Bí – *Hiện nay đã đào được 16,000 mét vuông trong tổng số 50,000 mét vuông dự trù khai quật. Theo Giáo Sư, chúng ta có thể biết rõ cổ thành Thăng có hình ảnh như thế nào, kích thước ra sao?*

Phan Huy Lê - Về phương diện khoa học, chưa thể có một kết luận dứt khoát vì khảo cổ học còn phải dựa trên và phối hợp với những khoa học khác như Dân tộc học, Sử học, Địa lý học. Cần phải kết hợp, đối chiếu nhiều tài liệu khác nhau, thí dụ để biết được khu vực chính xác của Hoàng thành Hà Nội từng thời kỳ, phải xem xét cả những bản đồ từ thời Hồng Đức, bản đồ thời Nguyễn, bản đồ năm 1831, rồi năm 1873, nghĩa là rất nhiều bản đồ khác nhau. Đối chiếu nhiều mặt, nhiều tư liệu, mới biết được Hoàng thành kéo dài ở khu vực phía tây này đến đâu. Cũng từ đó xác định được kiến trúc từng thời kỳ như thế nào. Hiện nay biết được kiến trúc nào vào thời kỳ nào, nhưng chưa biết rõ từng bộ phận của kiến trúc đó, chưa biết mỗi phòng, mỗi cung, mỗi điện, lầu, các ra sao, dùng làm gì...

Đánh giá tổng quát cho đến chiều hôm qua (12 Tháng 11, 2003):

1- Đây là di tích, quần thể di tích nằm phía tây của Hoàng thành Thăng Long. Chúng ta vẫn thường chia lịch sử Thăng Long làm ba thời kỳ:

- A. Thời kỳ Tiền Thăng Long: từ xưa đến đời Đường, lúc đó là thành Đại La, thế kỷ 7 – 9. Đến thời Đinh và Tiền Lê, thành Đại La vẫn được xử dụng.

- B. Thời kỳ Thăng Long: các thời Lý, đến Trần, rồi Lê trung hưng. Di tích các thời Hồ, thời Bắc thuộc còn rất mờ nhạt, thời Mạc vẫn chưa sáng tỏ lắm. Thời Lê trung Hưng có vẻ rõ ràng nhất.

- C. Giai đoạn Hậu Thăng Long: thành Thăng Long thời nhà Nguyễn, không còn được coi là kinh đô, đóng vai trò một thành phố lớn phía Bắc.

ĐTB – *Nghe nói chúng ta có tìm được nhiều cổ vật thời thành Đại La, như thế khi vua Lý Thái Tổ rời đô là đến ngay thành Đại La?*

PHL – Một đề tài nghiên cứu của khảo cổ và sử học xưa nay là "Quan hệ giữa hai thành Thăng Long và Đại La," từ đó liên hệ đến chiếu rời đô của vua Lý Thái Tổ. Nay có thể tạm thời kết luận: Chiếu rời đô của Lý Công Uẩn hoàn toàn xác

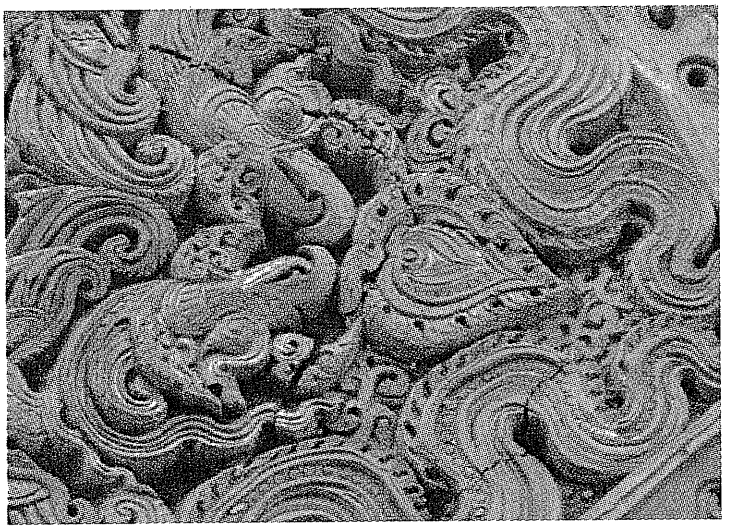

Một "lá đề" có đúc hình hai con phượng châu mỏ vào nhau. Đây là đặc trưng của mỹ thuật đời Lý. Lá đề này nằm ngay giữa đường dọc đỉnh nóc nhà, nơi mà ngày nay người ta đặt hình "mặt nhật." Những lá đề nhỏ hơn nằm dọc theo đỉnh nóc nhà. (Hình NV – 11/25/03)

thực. Trước đây người ta vẫn băn khoăn không rõ vua Lý đã rời đô từ Hoa Lư đến ngay trong thành Đại La hay chỉ là đến khu vực thành Đại La. Nay do những phát hiện tại khu đào xới, người ta tin rằng vua Lý Thái Tổ khi rời đô từ Hoa Lư, lúc đầu đã đến ngự ngay trong thành Đại La. Tại khu vực có dấu tích và di vật thành Đại La có nhiều di vật và dấu tích cung điện triều Lý.

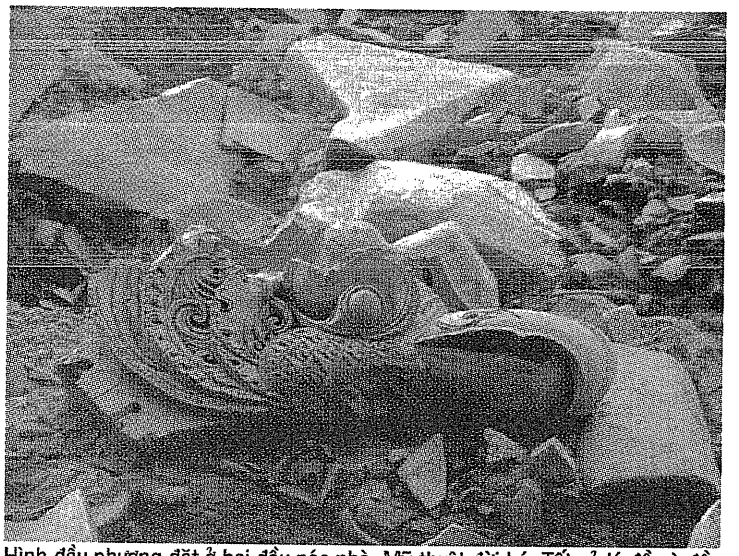

Hình đầu phượng đặt ở hai đầu nóc nhà. Mỹ thuật đời Lý. Tất cả lá đề và đầu phượng này rất nặng, như thế dàn kèo, vì các cung điện phải chịu được sức nặng rất lớn của ngói và trang trí. (Hình NV – 11/25/03)

Một số khu vực và kiến trúc Thăng Long sau này là tu sửa từ thành Đại La. Người ta tìm thấy giếng nước xây bằng gạch có chữ Giang Tây Quận, thứ gạch đặc trưng của thời Đại La. Nhưng trên thành giếng đó cũng có những vỉa gạch đời Lý, chứng tỏ giếng đã được tu sửa vào đời Lý. Gần khu giếng, người ta nhìn thấy nhiều dấu tích chân cột và cột gỗ lim, với phần bệ chân của thời Đại La. Nhiều nơi khác người ta cũng tìm thấy gạch Đại La, có thể đó là di tích có từ thời Đại La, cũng có thể sau này người ta dùng gạch Đại La gỡ ra từ chỗ đã phá đi, xây dựng thành cái mới.

ĐTB – *Theo giới khảo cổ học trong nước, công cuộc khai quật này là một biến cố khảo cổ lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam, và có giá trị đối với lịch sử văn hóa nhân loại. Nhưng tự thân ngành khảo cổ Việt Nam có đủ sức cáng đáng việc này hay không? Có cần tiếp tay của ngành khảo cổ thế giới?*

PHL - Việc khai quật khu vực qui hoạch hiện nay có thể kéo dài cả năm, nhưng khai quật với qui hoạch tổng thể rộng lớn thành Thăng Long xưa có thể kéo dài vài chục năm. Việc khai quật không có gì khó khăn vượt quá tầm tay, kiến thức, kinh nghiệm các chuyên viên trong nước. Đội ngũ chuyên viên khảo cổ của Việt Nam *trên đất liền* đã được đào tạo khá kỹ và đầy đủ, nhưng chuyên viên *khảo cổ dưới nước* thì chưa có. *Ngành khảo cổ đô thị* có như ng thiếu, do đó cần chuyên viên quốc tế tiếp tay.

Nhưng điều đáng lo không phải là chuyện khai quật, mà là chuyện bảo tồn. Chuyên viên bảo tồn tại Việt Nam hiện nay có, nhưng số lượng ít, kỹ thuật chuyên môn không được cập nhật theo đà tiến bộ thế giới. Khai quật là công việc có thể chỉ chiếm một thời gian nhất định nào đó, nhưng việc bảo tồn kéo dài hơn nhiều. Do đó, vấn đề khó khăn đối với chúng ta nhiều nhất là ở chuyện bảo tồn, cả về mặt chuyên môn, nhân sự, lẫn ngân sách. Chúng tôi hy vọng các cơ quan văn hóa Liên Hiệp Quốc, Cộng đồng Thế giới, và toàn bộ người Việt Nam sẽ giúp đỡ chuyên môn, ý kiến, tài lực cho công trình dài hạn này.

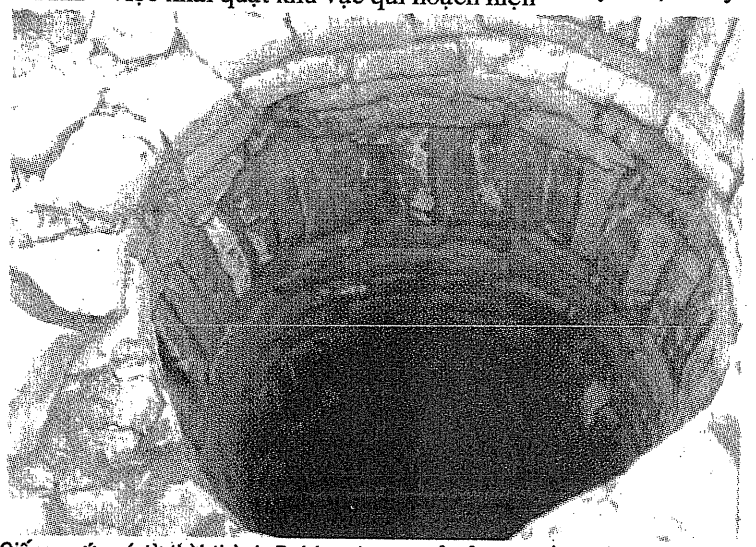

Giếng nước có từ thời thành Đại La, được tu sửa ở các triều đại sau phân biệt được do tính chất các lớp gạch, cách xếp các viên gạch. (Hình NV – 11/25/03)

ĐTB – *Cảm ơn Giáo Sư và xin Giáo Sư cho phép được vào xem khu vực khai quật.*

HIỆN DIỆN MỘT THĂNG LONG XƯA VÀ NỖI LO CHO SỐ PHẬN CỦA CỔ VẬT

H.Q.

Những ngày nửa đầu tháng 12 năm nay, Hà Nội trở rét, nhưng không khí ở đây vẫn nóng lên vì những trận thi đấu thể thao tại SEA Games, sự kiện thể thao lớn nhất của khu vực Đông Nam Á. Khu vực Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, mà quanh nó là bao nhiêu lời đồn đại, đã trở thành một trung tâm thu hút sự chú ý của người Hà Nội. Thế nhưng, những ngày này, ở HN còn có một nơi cũng thu hút sự chú ý của nhiều người, dù không ồn ào náo nhiệt, nhưng cũng tấp nập người vào ra. Đó là phòng trưng bày các cổ vật tìm thấy tại khu Hoàng thành Thăng Long đặt tại nhà Thái học trong Văn Miếu Quốc Tử Giám.

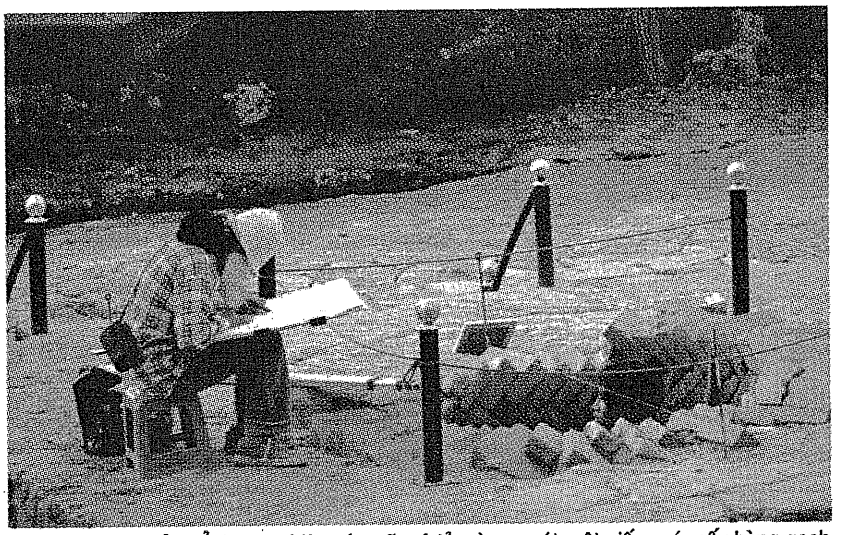

Hai nhân viên khảo cổ đang nghiên cứu, vẽ mô tả, và nạo vét một giếng có mấy hàng gạch xây trên cùng theo mỹ thuật đời Trần. Người ta gọi kiểu xây gạch xéo vào nhau như vậy là kiểu "hoa tranh," đặc trưng của đời Trần. (Hình NV – 11/25/03)

Để có được sự hiện diện tại phòng trưng bày này, các cổ vật ở đây cũng như số phận của Hoàng thành Thăng Long đã phải "trải qua" bao nhiêu thăng trầm, đã được đưa ra bàn luận rất sôi nổi với rất "nhiều bức xúc" như lời của nhà sử học Dương Trung Quốc đã nói. Từ phòng trưng bày cổ vật, bạn có thể tản bộ tới khu vực Hoàng thành hiện đang được khai quật, nằm ngay gần Quảng trường Ba Đình. Hiện nay, hơn 21.000 m vuông đã khai quật xong, dự kiến trong năm nay sẽ hoàn thành việc khai quật khoảng 22.400 m vuông. Khu vực khai quật được chia thành 4 lô: A, B, C, D. Tại khu di tích Hoàng thành đã phát hiện hơn 4 triệu hiện vật tiêu biểu như bệ đá khắc hoa sen, hình rồng, ngói đầu ống có lá đề khắc hình lưỡng long, đầu chim phượng hoàng, hình chim uyên ương, gạchvồ, gạch lát nền, gạch úp nóc, bình gốm, các đồ dùng sinh hoạt gia đình bằng gốm, tiền đúc và nhiều loại vũ khí bằng đồng v.v... bước đầu được xác định là thuộc các thời Lý, Trần, Lê và một số đồ gốm Nhật Bản và Trung Quốc. Đáng chú ý nhất là những phát hiện tại lô A, khi đào sâu xuống độ sâu 2 mét so với bề mặt đường phố hiện nay, đã xuất hiện các tầng kiến trúc chồng xếp lên nhau. Các tầng kiến trúc này, theo các nhà khảo cổ học, thuộc các thời Đại La (thế kỷ VII- IX), thời kỳ Tiền Lê (thế kỷ X), thời Lý (thế kỷ XII), thời Trần (XIII - XV), thời Hậu Lê (XV - XVIII) cho đến thời nhà Nguyễn (XIX - XX). Tại đây cũng phát hiện nhiều di vật như gạch, ngói, gốm sứ, súng thần công, đồ kim loại, đầu rồng, phượng v.v... Dấu vết của cung điện xưa hiện khá rõ qua các trụ sỏi, trong đó một số trụ sỏi bên trên còn nguyên chân đế bằng đá có chạm khắc hình hoa sen tinh xảo. Cung điện này được xác định nằm ở phía Tây Hoàng thành với diện tích khoảng 1000 mét

vuông và dài khoảng 60 mét. Trong cung điện có 9 gian, 10 hàng cột, mỗi cột cách nhau 5,75 m. Trong lịch sử khảo cổ học Việt Nam, có thể nói, chưa bao giờ tìm được một nền móng cung điện to lớn như vậy. Riêng về độ dài giữa các hàng cột, tới 5,75 mét, đã là đề tài được giới chuyên môn nói tới nhiều, bởi theo các chuyên gia xây dựng, ngày nay với phương tiện và kỹ thuật hiện đại hơn nhiều, người ta cũng không dám để khẩu độ của các hàng cột chịu lực dài như vậy. Ngoài ra, phía trước nền cung điện còn một số cấu trúc nhỏ hơn ở giữa trụ hình vuông, xung quanh có các trụ móng hình tròn, được gọi là "lầu lục giác." Đã phát hiện được phế tích của 10 "lầu lục giác" xây cách đều nhau thành một quần thể và chạy men theo bờ của một dòng sông cổ có chiều rộng khoảng 18 m.

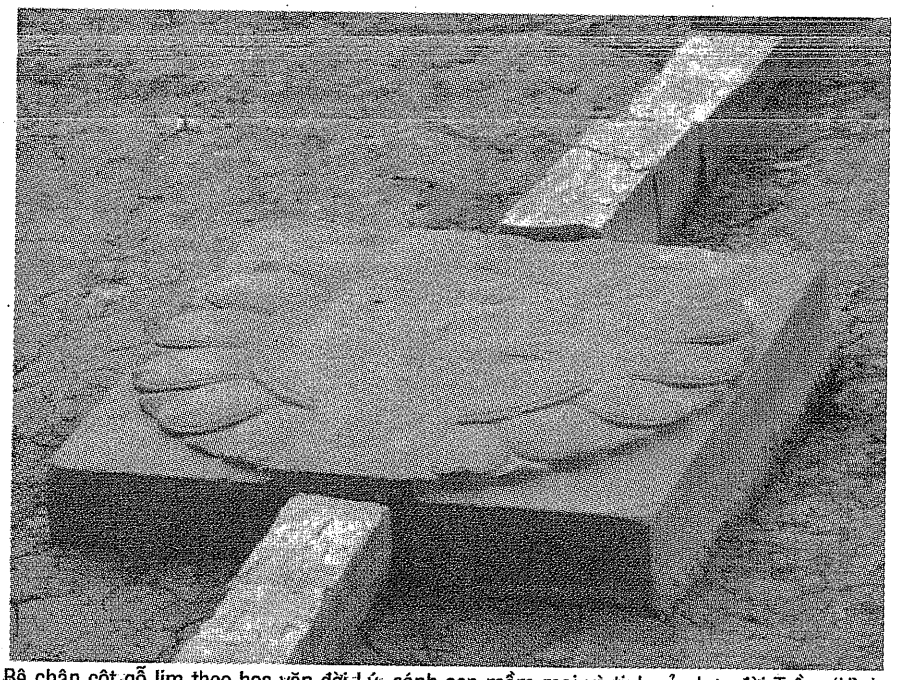

Bệ chân cột gỗ lim theo hoa văn đời Lý, cánh sen mềm mại và tinh xảo hơn đời Trần. (Hình NV – 11/25/03)

Có người cho rằng đây là con sông Ngọc Hà đã được ghi lại trong sử sách. Tại đây, còn phát hiện gần như nguyên vẹn một hệ thống cống thoát nước, vỉa hè, hành lang được xây bằng những viên gạch được xác định niên đại là từ thời Đại La (thế kỷ VII). Cung điện phế tích này là của ai, thuộc thời nào cũng đang được bàn thảo sôi nổi trong giới chuyên môn.

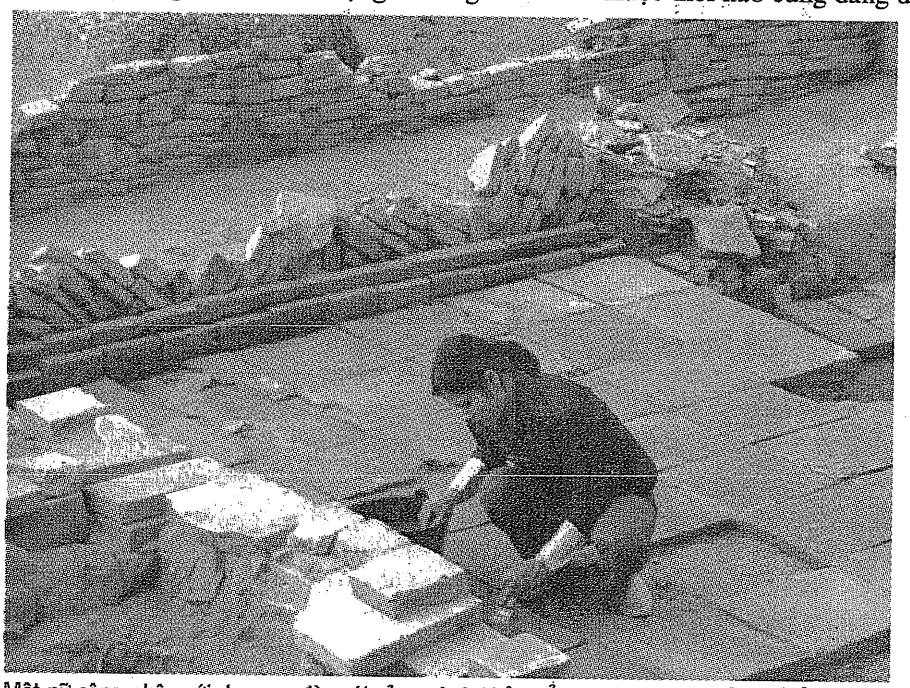

Một nữ công nhân với dụng cụ đào xới của ngành khảo cổ, đang làm việc hết sức cẩn thận, nhẹ nhàng. (Hình NV – 11/25/03)

Tại khu vực khai quật cũng tìm thấy di tích các giếng nước rất độc đáo. Giếng nước thời Lý được xây bằng gạch xếp theo kiểu bốn hàng nằm ngang lại đến một hàng thẳng đứng, trong khi đó giếng thời Trần được xây bằng các lớp gạch hoa chanh, đáy giếng lát gạch hoa văn, trong lòng giếng cũng tìm thấy nhiều đồ gốm có hoa văn đẹp. Một số di vật độc đáo được tìm thấy như chiếc

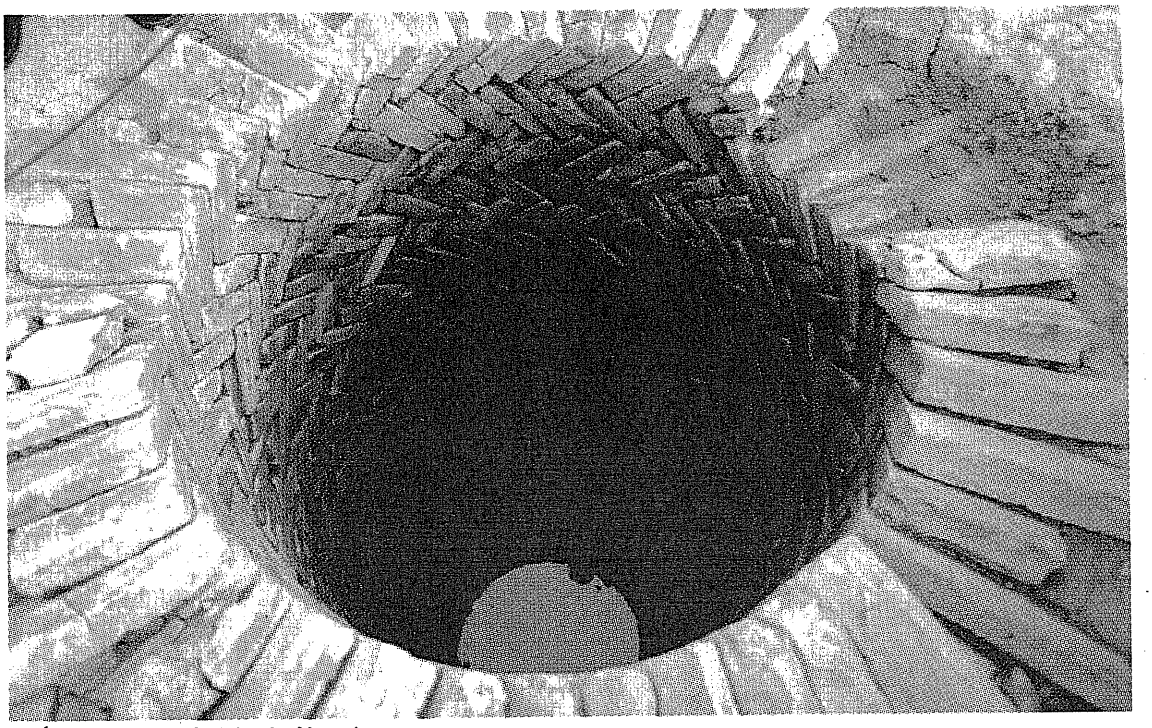

Giếng xưa, mặt nước lại soi trời xanh.

lá đề bằng gạch nung, kích thước khá lớn, có hình hai con chim phượng được đặt để trang trí ở chính giữa nóc mái. Một hình trang trí khác, hình đầu rồng, thì được đặt ở đầu nóc mái và được chạm khắc hoa văn rất sắc nét. Trong khu khai quật còn phát hiện nhiều ngôi mộ táng được cho là từ thời Lê Trung Hưng đến thời Nguyễn. Một di vật đáng chú ý được tìm thấy là khẩu súng thần công có khắc dòng chữ "tứ đại thần công nhất hiệu" (khẩu súng số 1 trong 4 khẩu súng lớn". Ở một số khu vực đã khai quật, cũng tìm thấy vết tích của những viên gạch bị cháy trụi ở phần sân, một số chân cột gỗ nham nhở, dấu vết của một công trình kiến trúc bị đổ sập do hỏa hoạn. Tương truyền rằng đời nhà Trần có một cung điện bị sét đánh.

Cùng với những phát hiện trên, các nhà khảo cổ còn phát hiện toàn bộ phế tích của một lò gốm thời Trần và tìm thấy một đoạn thành dài khoảng 50 mét chạy theo hướng Bắc - Nam. Nếu nối với vết tích đoạn thành tìm được năm 1977 khi đào móng xây dựng lăng Hồ Chí Minh thì đoạn thành sẽ có thể dài 500 mét và được xác định niên đại từ triều Lê đến triều Nguyễn.

Nhờ những phát hiện trên mà chúng ta có thể hình dung thành Thăng Long xưa tọa lạc trên một vùng đất thấp hơn so với nền đất ngày nay và cũng giúp chúng ta hiểu được đôi nét về đời sống của cư dân Thăng Long xưa. Người Hà Nội trước nay vẫn tự hào có lịch sử 1000 năm văn hiến, nhưng có lẽ do sơ suất của các sử gia xưa nên đến nay không có văn bản nào ghi nhận chính xác tọa độ của thành Thăng Long. Sự kiện phát lộ một phần thành Thăng Long vì vậy đã thu hút sự chú ý của mọi người dân và dấy lên niềm tự hào về cha ông của chúng ta. Tuy nhiên, giới chuyên môn vẫn đang còn tranh luận nhiều vấn đề xung quanh phát hiện khảo cổ vĩ đại này. Một vấn đề cấp thiết mà ai cũng thấy là việc bảo quản hiện trường và các cổ vật khi mà con số cổ vật lên tới hàng triệu. Bộ Văn hóa thông tin và Trung tâm KHXH và NVQG đã đề xuất ba phương án bảo vệ di chỉ khảo cổ Thăng Long: Thứ nhất, bảo tồn toàn bộ di tích khai quật được như một bảo tàng ngoài trời; thứ hai, kết hợp việc xây dựng các công trình mới với việc bảo tồn tại chỗ một số bộ phận tiêu biểu, quí giá nhất của di tích. Dành một số diện tích nhất định trong khu vực này xây dựng bảo tàng , hoặc dành một phần điện tích trong nhà Quốc hội mới trưng bày những tài liệu, hiện vật, mô hình hiện trạng di tích; thứ ba, trong trường hợp chưa đủ các điều kiện về quản lý, bảo vệ, bảo quản, kỹ thuật và tài chính để bảo tồn tại chỗ, sẽ tạm lấp cát, chờ khi hội đủ các điều kiện sẽ khai quật lại.

Trong khi chờ đợi để có quyết định về một phương án nào đó cho Hoàng thành Thăng Long, người Hà Nội không khỏi e ngại cho sự an toàn của cổ vật./.

VÀI Ý NGHĨ NHỎ VỀ
VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI

NGUYỄN MẠNH TRINH

1975-2003. Thấm thoát mà người Việt di tản và lưu vong ra hải ngoại gần ba chục năm.Thời gian đã đủ để gây dựng được những nền móng cho một nền văn học . Nhưng so sánh với hai mươi năm văn học miền nam (1954-1975) thì những thành tựu còn khiêm tốn, đó là theo suy tưởng của cá nhân riêng tôi. Thực sự, nhìn vào hiện trạng bây giờ, duy trì được những nỗ lực đã là một thành quả so với những khó khăn chồng chất. Từ nhiều yếu tố của lúc cấu thành hoặc những khi phát triển, thời gian đã biến chuyển để có những hiện tượng đặc biệt xẩy ra. Đời sống trong nước càng ngày bị thắt chặt về chính trị và nghèo đói về kinh tế nên đã có những đợt thuyền nhân , bộ nhân liều chết đi tìm tự do. Lương tâm của thế giới như bị đánh thức bởi những thảm nạn trên biển. Hải tặc hoành hành, giông bão biển cả , đã có biết bao nhiêu cái chết oan khuất trên biển Đông . Hàng trăm ngàn người Việt đến được trại tị nạn và dần dần định cư ở mọi nơi trên thế giới.

Số lượng người Việt định cư ra nước ngoài như những đợt phù sa bồi bổ những vùng hoang sơ nê địa thành đất thuộc để cây trái có thể kết nhành bói quả. Bắt đầu từ đợt di tản đến vượt biên đến HO đến những người ở Đông Âu sau sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa, mỗi thời gian có mỗi tâm tư riêng nhưng nét chung vẫn là niềm khao khát tự do dân chủ cho quê hương và nỗi niềm thương quê nhớ nhà.

Dần dần đời sống được tạo dựng với những gốc rễ bám vào đất nước định cư. Và, danh từ tạm ngụ không còn chính xác nữa. Lớp người sinh sống ở xứ người đợt đầu tiên đã tạo được nhiều thành quả từ vật chất đến tinh thần. Người Việt ta chịu khó chịu khổ đã vượt được nhiều trở ngại ban đầu của cuộc sống để vươn lên và tồn tại ...

Văn học Việt Nam ở hải ngoại có nhiều đặc tính và nguồn gốc cũng khá phức tạp. Sinh sống ở nhiều quốc gia trên thế giới nên cách sinh hoạt và phát triển cũng khác biệt nhau. Ở Úc khác ở Tây Âu cũng như ở Đông Âu khác ở Mỹ hay Canada. Mỗi một vùng địa lý có sinh hoạt văn học báo chí khác nhau tùy theo số lượng cư dân người Việt. Thành ra, cũng khó để có thể theo dõi được tất cả tình trạng văn nghệ. Nhưng kể chung tình trạng báo chí sách vở phồn thịnh nhất ở Hoa Kỳ, Canada, Úc, Pháp. Mỗi nước lại có phạm vi địa lý quá rộng nên lại có từng vùng từng tiểu bang khác nhau. Có những tác giả chỉ quen thuộc ở từng vùng qua những báo chí địa phương. Thành ra số lượng người cầm bút khá đông và chuyện cách biệt trình độ về cảm thức cũng như sáng tác không thể tránh khỏi. Một hiện tượng đặc biệt là cộng đồng Việt tị nạn có quá nhiều báo chí. Nhưng dần dần, có sự sàng lọc và báo chí được chuyên nghiệp hóa để có được sinh hoạt lành mạnh hơn phù hợp với vai trò của những người tị nạn chính trị.

Không như ở trong nước bây giờ hay văn học miền Nam trước kia, những người cầm bút ở hải ngoại không có một sự trợ lực nào ngoài nỗ lực cá nhân. Từ in ấn đến phát hành,từ thời giờ đến tiền bạc, tất cả là những đam mê để vượt qua khó khăn trong buổi đầu . Những dòng chữ đã được viết trong những thời khắc eo hẹp. Chuyện văn chương hình như bị coi nhẹ hơn so với những công việc thúc bách khác. Thực hiện một tạp chí văn nghệ cực nhọc chẳng khác nào công việc đội đá vá trời. Nếu không có lòng đam mê, thì đã bỏ cuộc từ lâu.

Khi đời sống đã tạm yên ổn, người ta mới để ý đến những nhu cầu tinh thần hơn. Và giá thành của một quyển sách cũng không cao mấy nên cũng dễ dàng trong việc cho những đứa con tinh thần chào đời. Nhất là bộ môn thơ, sách in ra nhìn thấy chóng mặt. Đến nỗi những nhà sách từ chối bầy bán thơ vì sợ choán chỗ. Và các tờ báo phần đông rẻ rúng thơ và coi như là phần điền thêm vào cho đủ chỗ. Các thi nhân tài tử

cũng xuất hiện đông đảo, có người hay kẻ dở nhưng tìm kiếm hoa thơm cỏ lạ cũng không phải công việc dễ dàng.

Trong một cuộc phỏng vấn của chúng tôi với nhà văn Duy Lam, ông đã phát biểu với kinh nghiệm đã sinh hoạt gần nửa thế kỷ với chữ nghĩa , bút mực thì hiện tượng ấy cũng tốt chứ không có gì phải than phiền. Có điều công việc của những nhà phê bình sẽ phải nặng nề hơn. Phải tìm cho ra những bông hoa thi ca đẹp. Nếu không sẽ thành một chợ trời thơ. Thi sĩ Du Tử Lê cũng có nhận định tương tự. Mà, ở Việt Nam nói chung và ở hải ngoại nói riêng, từ trước tới bây giờ vẫn hiếm vắng những phán quan văn nghệ... Người Việt mình rất nhạy cảm trước lời khen chê.

Về phần những người cầm bút, phần đông chỉ làm thơ viết văn như một nghiệp chứ không phải là một nghề để sinh sống. Đam mê chữ nghĩa sách vở, cầm bút bằng tay trái . Còn tay phải thì vẫn phải cầm kìm cầm búa , miệt mài trong các xưởng điện tử hay gõ trên keyboard của máy điện toán để mưu sinh. Thành ra, những nhà văn nhà thơ dường như không có độ bền ở đường dài. Niềm đam mê hứng thú qua thực tế khó khăn dường như cạn đi theo thời gian. Một tác giả có thể xuất hiện đầy phong độ ở tác phẩm đầu tay nhưng dần dần thấy chất sáng tạo mai một đi dẫn đến chuyện im hơi lặng tiếng. Đây là ý nghĩ chủ quan của tôi có thể không chính xác nhưng có nhiều người cùng chia sẻ nhận xét ấy với tôi. Tới bây giờ, những hiện tương văn học chỉ ngoạn mục ở nhất thời mà không có tác dụng lâu dài...

Độc giả, là đối tượng của văn học thì ở hải ngoại, cũng có số lượng khá khiêm nhường. Người già mắt kém không còn thích đọc sách là số lượng hao hụt không thể bổ sung. Lớp trẻ lớn lên ở quê người thì đâu còn chú tâm tới báo chí sách vở Việt ngữ. Thành ra con số độc giả Việt ngữ càng ngày càng nhỏ dần theo thời gian.

Năm nay đã có nhiều nhà văn nhà thơ Mỹ hoặc Pháp gốc Việt. Tác phẩm của họ cũng được giới phê bình bản xứ điểm sách một cách trang trọng như Kiên Nguyễn , như Monique Trương, như Lan Cao... và cũng có nhiều độc giả. Không biết đó có phải là những chuyển giòng cần thiết cho một nền văn học lưu vong?

Nếu so sánh với khối lượng độc giả khổng lồ cả trăm triệu ở trong nước thì độc giả ở hải ngoại khá khiêm nhường. Năm nay, ông Võ Thắng Tiết trong khi trả lời phỏng vấn của chúng tôi cũng la trời về sự giảm sút độc giả làm đình trệ ngành xuất bản ở hải ngoại. Có thể vì nhiều nguyên do, nhưng nỗi bi quan đã thấy rõ từ hiện trạng.

Cuối năm những người làm công việc nhìn lại sinh hoạt văn nghệ thường cảm thấy sự khó khăn để dẫn tới sự thiếu chính xác và không trung thực trong nhận xét. Làm sao có đủ sách vở báo chí để đọc và tìm ra được những phần tích cực hay tiêu cực. Mà dù có đầy đủ chăng nữa cũng không thể nào đọc hết một rừng chữ nghĩa rậm rạp như vậy. Ở trong nước hay miền Nam trước kia văn chương dù sao cũng còn những hệ thống, những quy trình . Còn ở hải ngoại là tình trạng đánh võ tự do. Ai cũng có thể ra báo và ai cũng có thể in sách. Trăm hoa tha hồ đua nở lẫn lộn hoa giả và hoa thật.

Những người cầm bút ở hải ngoại thường sinh hoạt riêng rẽ và tụ họp chung quanh những cơ quan ngôn luận mà họ cộng tác. Cũng có những văn đoàn này, thi nhóm nọ nhưng chỉ là hình thức (theo cảm quan của tôi?). Số lượng đông đảo người viết với nhiều trình độ khác nhau khiến những hiện tượng văn học như Tự Lực Văn Đoàn thời tiền chiến hay nhóm Sáng Tạo hay Quan Điểm hiếm xảy ra. Ngay những tổ chức như Văn Bút cũng nhiều chuyện lục đục. Chuyện bầu bán, chuyện này chuyện kia đã làm xao lãng đi những việc cần làm như tranh đấu cho những người cầm bút ở quê nhà hay phát triển về tổ chức cũng như nhân sự... để có sự giúp đỡ cũng như tương trợ cho những người cầm bút.

Văn học Việt nam ở hải ngoại cũng có những thời kỳ nối tiếp nhau và cũng có lúc thăng giáng tùy theo môi trường.

Từ 1975 đến 1980, giai đoạn hình thành. Sách vở báo chí còn rời rạc. Người viết cũng còn thưa thớt. Cộng đồng người Việt còn nhiều khó khăn, sinh sống chưa tập trung lại thành từng vùng nên mọi phương diện đều ở giai đoạn bắt đầu. Người cầm bút thì có Võ Phiến, Lê Tất Điều thực hiện tập san Văn Học Nghệ Thuật; Hoàng Khởi Phong, Cao Tần... với Bút Lửa; Hoàng Chính Nghĩa, Hoàng Quốc Bảo, ... với nhà xuất bản Bố Cái; Đinh Thạch Bích, Linh Bảo,... với Việt Nam Hải Ngoại, DuTử Lê với Nhân Chứng; Thanh Nam, Huy Quang... với Đất Mới... Giai đoạn này sách vở băng nhạc , báo chí được bầy bán ở các siêu thị . Trong thời kỳ sơ khai ấy, rõ ràng chúng ta thấy được những nỗ lực để vượt qua những khó khăn tưởng khó vượt được.

Tới giai đoạn sau năm 1980, những đợt thuyền nhân tới định cư đã mang theo một không khí

văn học sống động. Có nhiều tâm sự dồn nén lại từ thời thế. Có những nỗi niềm gửi theo từ những người ở lại quê nhà. Những tập hồi ký về ngục tù Cộng sản như Đại H ọc Máu của Hà Thúc Sinh , Cùm Đỏ của Phạm Quốc Bảo, Đáy Địa Ngục của Tạ Tỵ, Thép Đen của Đặng Chí Bình... Những tạp chí văn chương cũng xuất hiện Nhân Văn, Thế Kỷ 21, Văn Học, Làng Văn, Văn... Nhiều người cầm bút mới xuất hiện cùng với những nhà văn cũ của văn học miền Nam tạo thành một sinh khí mới cho văn chương. Thi ca , tiểu thuyết chứa đựng tâm sự của những người bị bắt buộc rời xa quê cha đất tổ. Những nhà văn đã cầm bút từ trước bắt tay ngay vào việc sáng tác. Mai Thảo, Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến, Nguyễn Xuân Hoàng, Tạ Tỵ, Hà Thúc Sinh... đã làm cho văn học có nhiều chất sinh động. Một số người khác khởi nghiệp cầm bút ở hải ngoại cũng có nhiều đóng góp.

Những biến cố đời sống. Chuyện tử sinh đi đến. Những con tàu mong manh như chiếc lá vượt biển thách đố với thiên nhiên. Bao nhiêu là cảnh ngộ, bao nhiêu là nỗi niềm của cả một thời đại nhọc nhằn của dân tộc. Có lẽ, thời kỳ này văn học ở hải ngoại có nhiều thành tựu nhất. Có người bước vào văn chương một cách tình cờ nhưng lại tạo được nhiều ấn tượng và chú ý. Những người qua sau mang theo cả đời sống quê nhà vào chữ nghĩa. Những tạp chí văn học nghệ thuật là cái nôi của văn chương hải ngoại cũng có những sinh khí rõ nét.

Đến thập niên 90, chế độ trong nước bắt buộc phải nới lỏng chuyên chế vì lý do kinh tế cũng như chế độ Cộng Sản bị sụp đổ ở Nga Xô và Đông Âu. Ở trong nước nhen nhúm lên phong trào văn chương phản kháng. Ở hải ngoại, tạp chí Hợp Lưu do Khánh Trường chủ

TRẦN HUY SAO

Chiều Cuối Năm

bạn đến thăm chiều ba-mươi-tết
sợ là mồng-một lắm cử kiêng
ly xứ lâu ngày mà hay thế
đất-lề-quê-thói vẫn mang theo!

ngồi đây. Bạn hãy ngồi đây đã
chờ xong tuần rượu rước Ông Bà
trầm hương khói quyện đường xa ngái
chuyến bay có kịp chiều cuối năm!

uống ké Ông Bà dăm ly rượu
gọi là đón Tết với vui Xuân
nhân tiện mừng nhau thêm một tuổi
lại thêm một dấu ấn phong trần

mình chưa đi trọn đường lưu lạc
mỗi độ Xuân về đời chớm Thu
run run ly rượu cùng nhau cạn
trời quê năm tháng cứ mịt mù!

bạn tới chia cùng ta nỗi nhớ
một góc đời riêng chiều cuối năm
hiên nắng xôn xao vờn cơn gió
lá rơi cứ ngỡ dáng Mai, Đào!

ngặt nỗi hương Xuân chừng xa lạ
rượu không thơm vị nếp quê nhà
bánh Tết nhạt mùi hương của lá
thịt kho đông lạnh chẳng đậm đà

chỉ có bạn đây là đậm nét
tiếng cười lối nói vẫn ngày xưa
ly xứ lâu rồi mà hay thế
cứ là chắc nịch dáng quê nhà

nhìn nhau thấy cả trời xa nhớ
ấm nồng chia sớt chuyện ngày Xuân

biên với mục đích không phân biệt trong nước và hải ngoại trong khi đăng tải và không kỳ thị vì chính kiến khác nhau. Có nhiều phản ứng ngược lại, nhưng tới bây giờ Hợp Lưu vẫn còn hoạt động và được kể là một tạp chí có lối trình bày đẹp cũng như nội dung có nhiều bài giá trị. Càng về sau này, càng có nhiều người cầm bút mới xuất hiện trong đó nữ phái tạo được nhiều ngoạn mục. Những Trần Diệu Hằng, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Vũ Quỳnh Hương, Lê thị Huệ... giai đoạn đầu, đến những Lê Thị Thấm Vân, Nguyễn Thị Thảo An, Mai Ninh, Phạm Hải Anh... giai đoạn sau góp phần rất nhiều vào nét sinh động của một thời kỳ văn chương nhiều chuyên chở tính thời đại . Nhà văn Mai Thảo, nhà thơ Nguyên Sa, nhà văn Võ Phiến... trong những nhận định đều ngạc nhiên về những hiện tượng này. Có lẽ, nữ giới có nhiều cảm xúc hơn nam giới trước một đời sống có quá nhiều biến cố. Thời kỳ này những nhà văn lớp cũ đã định cư lâu rồi hay thuộc diện HO qua sau hợp cùng với lớp trẻ là động lực chính của văn học hải ngoại.

Một đặc điểm của văn học việt hải ngoại là bộ môn ký. Quả thực đời người tị nạn dù bình thường nhưng cũng là đặc biệt nếu so sánh với đời của những sắc dân khác. Ở trong nước quá nhiều dồn nén đợi lúc đến bến bờ tự do bùng nổ ra. Những khao khát tự do. Những ước vọng từ đời sống. Một phần đã thành văn chương. Những người tù cải tạo viết về những ngày tù ngục đã qua của mình. Chúng ta có những cuốn hồi ký khá trung thực và thể hiện được phần nào tình cảnh của một dân tộc phải gánh chịu nhiều đau thương.

Nhưng bên cạnh đó, có những hồi ký viết với mục đích khác. Tướng lãnh, viết hồi ký để khoe cái tôi và đôi khi bóp méo sự thực theo chủ quan riêng. Chính khách, cũng viết hồi ký để kể về sự thực nhưng cũng pha vào sự giả.

Nhất là thời gian gần đây, cuộc chiến đã qua đi gần ba chục năm, những vai chính của thời cuộc đã già lão và vẫn muốn hồi tưởng lại những oanh liệt của mình hoặc chạy tội. Thua trận là tại đồng minh phản bội hoặc là người khác lãnh đạo bất tài chứ chẳng phải tôi. Đọc những hồi ký này, có lẽ phải cẩn thận đến mức dùng kính hiển vi để soi rõ thực trạng giả thực. Độc giả dễ bị sa vào những mê hồn trận mà lịch sử được nhìn ngắm đôi khi một cách ngây thơ chủ quan một cách kỳ cục.

Trong năm vừa qua rất nhiều cuốn hồi ký được xuất bản. Phần đông đều có độc giả. Đặc biệt như cuốn hồi ký về những ngày cải tạo của linh mục Nguyễn Hữu Lễ đã bán hết ở lần xuất bản đầu tiên và nay tái bản với bìa cứng trang trọng. Hồi ký này có nhiều nét văn chương nhưng cũng khá trung thực và chuyên chở được tâm cảm của một người Việt Nam trong hoàn cảnh đặc biệt của đất nước.

Người Việt Nam rất thích thơ và trong mỗi một người thực hình như thấp thoáng bóng dáng một thi sĩ. Trong năm qua hầu như cả trăm tập thơ được in. Có những người thành danh nhưng cũng có những thi nhân tài tử. Trong không khí ấy, có sự kêu gọi đổi mới thi ca từ nội dung đến hình thức. Mà nổi bật nhất là Tạp Chí Thơ với những lý luận và những bài thơ Tân Hình Thức. Và cũng có nhiều nhà thơ hưởng ứng việc làm ấy. Cũng như nhiều người muốn phá bỏ thơ có vần bằng thơ không vần.

Theo ý chủ quan tôi, thơ cốt tủy là gây được cảm xúc cho người đọc hay không. Đó là điều chính. Còn tất cả những yếu tố khác chỉ là cần mà không đủ. Nếu quan niệm vần một cách đơn giản như luật bằng trắc thì sợ không đầy đủ lắm. Nhịp điệu, âm điệu, có khi không giới hạn ở từng câu từng chữ mà là sự hình thành của tổng thể nhiều chi tiết của hình ảnh , của cảm giác, của suy tư. Cũng như nội dung chuyên chở của thơ đâu có ảnh hưởng gì đến lên hàng xuống hàng hay viết theo hình dạng quả trám hay ô vuông? Có thể, nhận xét này hơi thô sơ nhưng với riêng tôi thơ mà tôi thích thường là ở từ cảm tính. Dĩ nhiên mỗi người mỗi ý, tôi không thể chủ quan cho chỉ có mình là đúng. Làm mới thi ca? Đúng quá rồi , đó là khát vọng và cả tham vọng của người đã loay hoay với chữ nghĩa. Nhưng quan niệm thế nào là mới và làm thế nào để thực hiện được cái mới chân thực mới là tối hậu. Nếu nói một cách ví von, có nhiều con đường để đi đến đích, đường vòng vèo loanh quanh hay đường thẳng đều có giá trị tùy người mà thơ thì cốt yếu phải hay , tạo cảm xúc và chân thực...

Cuối năm, có một vài ý nghĩ nhỏ và thô thiển. Có lẽ nhiều người cũng đã viết và có ý nghĩ như tôi. Cho nên, có nhiều vấn đề phải bàn luận lại. Ở đây, chỉ là những phác thảo sơ khởi, những chữ nháp của một bản văn khác. Nhưng, với tôi, vẫn là những trao gửi trân trọng của một người yêu sách vở mà thôi...

THẰNG KHỈ

TRẦN NGỌC TUẤN

Khúc Một: Tôi là một con khỉ biết nói, biết viết và đọc được tiếng người. Ngỡ tưởng sự thông thái ấy sẽ giúp tôi trở thành hoàng đế không chỉ của vương quốc khỉ mà còn trở nên chúa tể chốn rừng xanh hoặc chí ít cũng được ưu ái trong xã hội loài người, nhưng không, loài người mắng tôi là "đồ khỉ gió" còn toàn bộ giống khỉ bảo tôi là đứa lạc loài, chuyện xẩy ra như sau...

Khúc Hai: Được nuôi dưỡng từ khi còn nhỏ trong gia đình quan chức có phẩm hàm tột bực là một vị quan tổng đứng đầu hơn hai mươi vị ủy viên. Về vật chất tôi hoàn toàn đầy đủ. Còn về tinh thần thì khác, tôi đi ngược lại sự giáo dục phổ cập, tôi quan niệm không có thần tượng kể cả ở giống người hay giống khỉ và đàn bà không có ai xấu cả, chỉ có đẹp ít hay đẹp nhiều.

Về triết học mà vị quan tổng cùng các ủy viên lấy làm tâm đắc, tôi lại cho rằng cái thứ triết học ấy vừa nhảm nhí, lừa mị, hung bạo và vô tích sự, tất nhiên tôi lý giải sự không thích này bằng học thuật các trào lưu triết học khác, tôi áp dụng thuật hùng biện Hy Lạp cổ đại, đưa ra những luận cứ, luận điểm chặt chẽ, những ví dụ thực tế sinh động trong cuộc sống khiến các vị ủy viên và ông tổng lúng túng không phản biện được. Khi khách khứa đã về hết ông tổng mắng tôi: Mày đúng là đồ khỉ gió. Mày làm mất mặt tao, mang mày ra khoe với mọi người rằng mày là kỳ quan của tạo hóa là con khỉ thông thái hơn rất nhiều người thì mày lại làm ngược lại. Tôi lễ phép thưa với ông tổng rằng: Tôi rất biết ơn sự nuôi dưỡng của ông ưu ái giành cho tôi, nhưng như vậy không có nghĩa tôi thủ tiêu chính kiến cá nhân dù tôi chỉ là đồ khỉ gió như ông nói. Ông tổng bảo: Mày luôn nhạo báng giống người mặc dù mày đang sống với họ. Tôi nói: Tôi không nhạo báng mà chỉ nói ra những điều tôi cho là xấu. – Thế nào? Mày chứng minh đi, nếu đúng tao sẽ cho mày một nải chuối Brasin, hai cân táo Mỹ. Tôi bảo: Thế này nhé, vì con người quá độc ác nên phải tìm tới tôn giáo cho ác ít đi, đấy là về mặt tâm linh. Còn về thể xác, do khai thác thiên nhiên bừa bãi gây ô nhiễm môi trường nên sinh ra các loại bệnh tật, con người phải cần bệnh viện, bác sỹ... đó là chưa kể tới các loại mỹ phẩm như nước hoa, xà phòng, thuốc đánh răng làm chức năng tẩy rửa sự hôi hám của chính bản thân... vẫn còn chưa muốn kể tới vũ khí hủy diệt, các cuộc chinh phạt làm chết hàng triệu người, các cuộc thanh trừ nhân danh chủ nghĩa... nhiều lắm, nhiều lắm, ông hiểu rõ điều này còn hơn cả tôi.

Ông tổng lặng thinh, có nghĩa ông thua tôi, nhưng không thấy chuối, táo ông cho tôi như đã hứa. Tôi không ngạc nhiên vì điều này, vì từ trước tới nay ông hứa với thần dân của đất nước ông rất nhiều nhưng họ chẳng được gì cả. Thực ra các cuộc tranh luận tương tự như vừa kể ở trên giữa tôi với ông xẩy ra như cơm bữa nên chẳng có gì trầm trọng cả. Tôi chỉ thực sự hoảng sợ khi tới một ngày kia ông bảo với tôi: Số mày thực may mắn, nếu cứ ở trên rừng thì bây giờ họ sẽ bắt mày lột da, xẻ thịt lấy xương nấu với hài cốt hổ để làm cao. Giọng nói, tiếng cười của ông toát lên sự tàn nhẫn, độc ác tới độ lạnh lùng. Bằng linh cảm thiên bẩm hoang dã, tôi hiểu mình phải sớm đào thoát khỏi cái biệt thự nguy nga lúc nào cũng có lính gác này. Thế rồi, vào một đêm trăng sáng, tôi trèo rào, vượt tường, điều này không khó đối với tôi, và bắt đầu cuộc sống dân dã.

Khúc Ba: Anh Tuyến làm nghề sữa chữa, cài đặt chương trình máy vi tính. Theo lời tự giới thiệu anh là trí thức bị thất sủng. Không vợ con, không giầu, cũng chẳng nghèo anh nằm ở tầng giữa theo sự phân chia giai cấp của xã hội loài người. Anh bảo với tôi: Mày về sống với tao cho vui, lang thang làm gì, tao bị coi rẻ hơn cả giống chó, mày là khỉ, tao là chó, sống với nhau an toàn hơn sống với lũ người bị quỷ ám.

Có lẽ trong kiếp khỉ, thời gian sống với anh Tuyến là thời gian tôi thấy mình thanh thản nhất. Chúng tôi thương nhau, hiểu nhau như những con người tử tế thời xa xưa còn sót lại. Tôi rất thương anh Tuyến khi nghe anh nói: đời có bốn cái khoái, tao chỉ được hưởng có một. Tôi bảo anh giải thích cặn kẽ cho tôi nghe. Anh bảo: Ăn, Ngủ, Đụ, Ỉa có đúng là bốn thứ khoái không nào? Tôi gật đầu. Anh nói tiếp: Tao ăn được và có cái để ăn, nhưng không ngủ được vì lo nghĩ tới nhân tình thế thái, đụ thì chẳng cô nào mê tao vì cho tao là đồ gàn

dở, chơi đĩ thì hành vi ấy đê tiện, lương tâm trí thức không cho phép, còn ỉa, tao bị bệnh lòi rom, mỗi lần đi ngoài đau lắm máu chảy ròng ròng. Mày có biết không? Tao mong mỏi có tình yêu đẹp như trong phim Love Story, mày đã xem phim này chưa? Tôi trả lời tôi đã xem, xem ở câu lạc bộ điện ảnh, nhưng tôi không thích cái kết của bộ phim, còn bản nhạc trong phim thì tuyệt. Anh Tuyến lại hỏi: Thế ông khỉ thích nhạc sỹ nào nhất? Tôi bảo: Chopin. Anh Tuyến khen: Khả năng cảm thụ âm nhạc của mày hơn cả trăm thằng nhạc sỹ vừa được thưởng danh hiệu, huân chương các loại trên xứ sở này.

Khi say rượu anh Tuyến hay đàm đạo văn thơ với tôi từ văn học Phương Tây cổ điển, hiện đại, tới sự ám ảnh tình dục trong thơ Hồ Xuân Hương và sự mà anh gọi là nhộm nhạo, còi cọc của văn học nước nhà đương thời, rồi cuối cùng anh kết luận chỉ có văn học dân gian, thời trước hay thời nay do những tác giả vô danh sáng tạo là tuyệt vời nhất, và trường thọ theo giòng chảy thời gian. Anh minh họa bằng câu thơ nói về cái chết đang được lưu truyền:

Lục bản mộc
Hai lạng đinh
Hoa linh tinh
Văn Điển địa.

Anh phấn khích: Ông khỉ thấy chưa? Sáu tấm gỗ, đóng với hai lạng đinh, hoa linh tinh, nghĩa địa Văn Điển ai rồi cũng thế, sống như cuộc chơi ấy mà, cho nên khi sống phải hết mình, để trước khi chết thì sờ tay vào quan tài và cười một phát.

Trong những người hay lui tới nhà anh Tuyến tôi khó chịu nhất ông Quyền, không phải vì sắc da mầu dái ngựa mà vì phong thái và ngôn từ của ông. Ông Quyền cảm nhận được điều ấy, ông bảo: Thằng khỉ kia, mỗi lần thấy tao, mặt mày nhăn nhó đúng với câu "mặt nhăn như khỉ ngửi mắm tôm." Tôi phản ứng bằng cách của khỉ là lấy tay gãi đít và trả lời đúng giọng Hà Nội: Ông nhầm, giống khỉ chúng tôi ăn mắm tôm hơi bị nhiều.

... Ông Quyền nói với anh Tuyến: Tôi quản lý cả người sống lẫn người chết, mệt lắm chú ạ, nhờ chú lập cho cái chương trình. Tôi buộc miệng nói leo: Nhưng mà ông có biết sử dụng đâu? Ông Quyền bảo: Thì tao thuê thằng khác, hay là tao thuê mày thằng khỉ. Tôi lắc đầu: Nếu vậy về rừng sống còn hơn. Ông Quyền cười: Mày tưởng còn rừng mà về à, rừng trở thàng bàn ghế, tủ, giường ở nhà tao một nửa rồi.

Hôm sau tôi hỏi anh Tuyến: Có phải không còn rừng nữa hở anh? Anh Tuyến trả lời buồn bã: Có lẽ đúng thế. Tốt nhất chú và tôi vi hành một chuyến...

Kết: Chuyến đi ấy không suôn sẻ chút nào. Anh Tuyến bị chảy máu dạ dầy phải vào viện cấp cứu. Anh nói: Chú cứ yên tâm, tôi sẽ khỏi thôi mà, cứ đi xem tình hình rừng rú thế nào...

...Tôi đi theo bản năng, đi mải, tìm mãi chỉ thấy lơ thơ những cánh rừng lơ thơ. Điều bất ngờ nhất là tôi gặp lại bầy đàn, nhưng cũng thật bất hạnh vì chỉ qua vài ngày sống với đồng loại họ coi tôi như kẻ xa lạ. Họ nói: Mày không còn là khỉ nữa, sống với người lâu mày thành người mất rồi. Tất cả họp lại sau khi có ý kiến của các bậc khỉ già, già tới nỗi rụng hết cả lông, tất cả nhất trí trục xuất tôi ra khỏi giống nòi khỉ.

Tôi trở lại nhà anh Tuyến, nhà vắng lặng nghe hàng xóm kể, anh Tuyến đã qua đời vì căn bệnh quá nặng, anh có để lại cho tôi một bài thơ, tôi xin chép nguyên văn ra đây:

Hãy đi thật xa em
Nơi chúng ta sống không có chỗ cho sự thương yêu và lòng thành thật
Đừng tin vào những tín điều hứa hẹn thiên đường
Thiên đường của mỗi sinh linh do ta tự do lựa chọn
Đừng tin vào các chính khách
Hãy biết thương các nhà văn đang tức mình chửi đổng
Chính họ là những người có trách nhiệm với cuộc đời
Dù phải đau lòng viết những lời tục tằn vô cảm...

Tôi biết đi đâu bây giờ? Loài người chửi tôi: Đồ khỉ gió. Cộng đồng khỉ không chấp nhận tôi, chỉ vì tôi biết viết, biết đọc, biết nói tiếng người và thông thạo năm ngoại ngữ.

Tôi lại đi, nghe loáng thoáng lời tranh luận tại trụ sở Viện Khoa Học Nhân Văn đề tài: Một Con Chó Đi Qua Đường Lúc Có Đèn Đỏ.

Các học giả nói rằng: Nó bị mù mầu, hoặc có thể bị khủng hoảng về tâm lý...

Tôi thì nghĩ khác: Con chó ấy chưa học luật giao thông và nếu có học nó cũng không hiểu, bởi tất cả các loại luật, kể cả luật giao thông ở xứ sở tôi đều mù mờ và thay đổi theo ngẫu hứng của ông tổng cùng các vị ủy viên. Điều nay tôi hiểu rất rõ vì đã sống tại nhà ông tổng suốt cả thời thơ ấu.

Praha, Tháng Mười Hai 2003

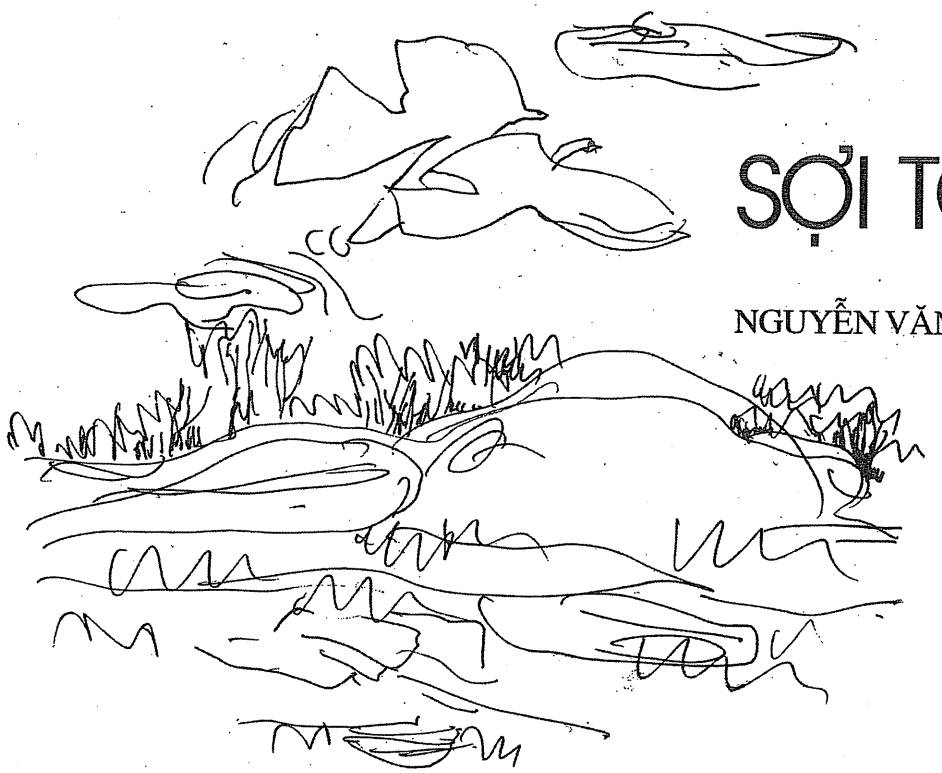

SỢI TÓC

NGUYỄN VĂN THÀ

Những buổi sáng chật hẹp những ngõ ngách. May có những con chim bay vút níu màn trời rộng lên cao như trời tiền sử. Thường là những con chim uống mặt trời nhiệt đới mới có sức mạnh kinh thiên như thế, kéo rộng không gian, xua giạt thời gian, và cũng thường những con chim mái mới chăm chỉ chuyện cơ đồ sớm sủa đến như vậy, trong khi những con trống vẫn co mỏ rỉ sét nằm trong tổ ấm, hay đang lăng quăng nhuầy nhòa trong những trận mạc cũ ích.

Thầy giảng Thanh bấy lâu nay cứ nhuầy nhòa một trong những trận mạc cũ rích đó, hay nói như một nhà thơ xứ Việt, thầy ta dùng những ngày tháng thanh xuân đời mình loay hoay với những nghĩa trời cao cả, hăm hở mời loài người dự hội u minh, có các vương tôn trí tuệ dẫn đường[1]. Không biết những loay hoay, hăm hở đó có làm cho đời được sáng sủa, ngon lành hay không, nhưng thầy Thanh là người có gương mặt sáng sủa, một thân thể ngon lành. Tuy nhiên thầy có cái dáng dấp trang nghiêm chẳng dễ ai cám dỗ. Thầy lại còn hát hay, đàn giỏi; và thầy đã khôn khéo chuyển sức sống cho các đoàn thể trong giáo xứ đang vào thời kỳ khó khăn sau ngày quân Mông Muội tràn vào[3]. Những tiếng tốt ấy có lẽ cũng đến tai những người xóm lương dân bên cạnh, vì những lần đạp xe ra chợ chồm hổm bên đó mua mấy đồ lặt vặt, mấy chị hàng xén tỏ vẻ nể trọng khi nói chuyện với thầy, kể cả mấy anh du kích.

Một buổi sáng Mồng Bốn Tết Nguyên Đán, thầy đang thơ thẩn trong sân nhìn lá mới, có tiếng trong trẻo sau lưng thầy: "Năm mới, thầy Hai mua dzịt nuôi không thầy Hai?" Thầy Thanh quay lại, thấy một cô gái khoảng mười bảy, mười tám tuổi vừa đến trước ngõ và đang se sẽ nghiêng vai để gánh vịt con xuống đất. Những con vịt con lông tơ nõn vàng liu chiu trong hai chiếc trịa tre mới, với vành chắn đan mắt cáo đều đặn như những ô phận người đơn sơ. Mắt cô nhỏ tròn vo, đen huyền châu ảo ánh đáy bể sâu không dưới ngàn năm. Da mặt trắng tươi bông bưởi, thấp thoáng vườn hoa trái vương hương, nơi lòng chàng thủy thủ tháng năm dài lăng quăng biển lớn xa quê. Đôi môi đỏ như một vết thương dâng hiến đầu mùa. Bàn chân cô sạch bóng trong đôi dép trắng chưa dính một vệt đất, nhởi chơi đâu trên trời mới đậu xuống. Lại còn mặc bộ đồ bộ trắng tơ mây, e chừng vừa mới ướm mặc lần đầu, e ấp qua sông khoe chàng trai nóng hổi, trên thân thể dong dỏng, mềm, rất mềm cứ ngỡ sắp bay. Nhưng cô vẫn đứng đó như một miếng thiên nhiên nguyên vẹn.

Giữa mùa xuân tèm lem chủ nghĩa.

Thầy Thanh lâu nay chững chạc, vững vàng chẳng thua gì nhà đá xây trên đá, bỗng a á như mái chòi rơm cắm trên cát bị nước lũ tràn về giữa đêm mịt mù, nhưng thầy vẫn lấy được một quyết

định coi được từ trong cõi u minh bão tố đó:

- Vâng, tôi mua, tôi mua cả gánh.

- Hả, ông thày mua hết hả! - Và cô nhỏ liếc nhanh về phía hội trường, nơi được ngăn ra làm phòng cho thầy - Mà tui đâu có thấy chuồng cộ gì đâu mà thày lại mua cả gánh, biết trọng ở đâu cho hết cả trăm con dzịt như dzày?

Thầy Thanh lại càng quả quyết:

- Tôi mua hết! Tôi sẽ làm chuồng.

Cô nhỏ ngẫm nghĩ:

- Như dzày nè: Nhà em có mấy vòng lưới kẽm, em sẽ dzìa nói với má em cho ong thày mượn tạm.

- Mà cô bán bao nhiêu một con?

Cô nhỏ lại lấy một quyết định động trời còn hơn ngày nàng Evà quyết định mời chàng Adong ăn chung trái cấm:

- Ông thày nuôi, lớn bán chia hai.

Bầy vịt lớn nhanh, nhờ thầy Thanh lục mấy số báo Hương Quê[4] cũ xem cách nuôi vịt ra sao, nhờ những bị cám bà già đầu làng hay đưa biếu thầy nuôi vịt mau lớn.

Thầy thương đàn vịt, thầy qúi đàn vịt, qúi từng chiếc lông rụng cho tới cục phân. Lông thầy nhặt, rửa sạch, tước ra, tẩy sạch, độn làm gối. Phân thầy ủ, bón những hàng hoa cúc vàng dọc hàng dậu tre trước ngõ. Từ đó, nhịp sống của thầy là những nhịp vui. Ánh mắt của thầy là ánh mắt nhộn. Vịt càng ngày càng lớn trộng, càng rỡ ràng lông trắng. Gối càng ngày càng đầy; thầy còn tính sẽ góp lông làm thêm một chiếc chăn. Căn phòng trống hoang hoác trước nay phần phật gió chướng Bắc phương, giờ ấm êm giai điệu vu vơ. Hoa cúc trước ngõ càng ngày càng rộ những cánh vàng nhói tim. Và bên trên dậu hoàng cúc ấy, bóng Thái Sơn đôi lần thoáng hiện, nhưng ngọn Núi Lớn nặng chịch ấy càng ngày càng nhẹ, càng chao, và tới lúc e chừng còn nhẹ hơn lông vịt, đành lẳng lặng lặn hút vào Không[2].

Đời vui, đương nhiên là thơ ra đời, là nhạc xuống thế. Những Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Hoàng Cầm... chen nhau xúi quẩy, những Đoàn Chuẩn - Từ Linh, những Cung Tiến, những Trịnh Công Sơn... hùa bầy bày bậy. Cung đàn cầm, giòng thơ phú hằng đêm rạt rào tuôn trào trên những tờ hoa mộng cho đến ngày bọn bành trướng Bắc Kinh gián tiếp phá bỉnh, vì nhà nước ở huyện Sầm Than lợi dụng dịp tốt ấy, bất ngờ lục soát nhà xứ Thuần Nghĩa.

Hôm ấy, thầy, sau lễ sáng, đang vui vẻ cho vịt ăn, thấy mấy chiếc xe bọn lính khố vàng ập tới. Thấy sự chẳng lành, thầy lẻn vào phòng mình lấy những tờ thư giáo cấm lẫn quốc cấm, vào nhà tiêu đốt. Nhưng đối với đám trảo nha của triều đình XHCNVN, ngoài chuyện vốn tốt nghiệp ưu hạng trường đại bợm KGB[5], còn ô nhiễm nặng cái nham hiểm của đám bần cố nông đất cày lên sỏi đá Nghệ Tĩnh và đồng chua Bắc Bộ, thì cái cơ mưu của thầy Thanh chỉ là trò hề con nít. Thầy lúi húi đốt những bản nhạc, những tập thơ gần xong, nhưng vừa khi thầy vội vả đưa chân đùa những mảnh còn cháy dở vào xố xí, thì mấy tay khuyển ưng đã đạp tung cửa hố xí, và bắt quả tang, tri hô thầy đốt "tài liệu mật" và đang cố phi tang. Họ chẳng thèm móc những mảnh cháy giấy cháy dỡ ra hầu làm bằng, cho bẩn tay, vì mục đích của buổi khám xét hôm đó, chẳng có chút gì liên hệ tới chuyện chính chị chính em, Bắc Kinh bành trướng hay là phản động chống phá cách mạng gì ráo, mà liên can tới mấy chục mẫu mía mầu mỡ ông cha xứ khăng khăng không nhượng lại cho chính quyền nhân dân huyện, và ông có giấy tờ chứng minh đó là tài sản của Giáo hội. Họ đã thành công ngay phút đầu: Họ tìm ra trong nháy mắt mấy chục quả lựu đạn sét vùi dưới ao cá của nhà xứ. Giờ lại về thêm được ông thầy giảng đang đốt "tài liệu mật". Và họ cần chụp ảnh làm bằng. Thế là thầy bị lôi đến cạnh chuồng vịt, bắt đốt một mớ giấy lộn cho cán bộ nhà nước chụp ảnh làm tang chứng như họ muốn. Đàn vịt kêu oang oác. "Đéo mẹ, vịt này mà tiết canh ngọt hết biết!" "Chút húng lìu, lại thêm một nhúm lạc rang, ngon đếch chịu được!" "Thêm một chai đế nữa thì chỉ có nước lên tiên." Bầy vịt nhốn nháo. Thầy Thanh bị còng dẫn ra ngõ, bầy vịt lại càng nhốn nháo. Thầy bị giải lên ngục huyện Sầm Than. Nghe như có tiếng vịt kêu sau lưng, thầy quay lại. Một tay trảo nha áp tải quát, xử dụng cả điển tích trong Kinh Thánh: "Chớ có quay lại mà thành tượng muối đó nghe chưa!"[6], rồi hằm hằm cái mặt ra điều con nhà kách mệnh trí thức cùng mình. Thầy ngạc nhiên về lời mắng đầy chữ nghĩa nhà đạo của tay móng vuốt triều đình vô đạo, nhưng thầy còn ngạc nhiên hơn khi thấy đàn vịt trắng bay theo thầy, thành hàng, kêu da diết tựa đàn chim thiên di lộn mùa, như thể nơi đây đông giá đã tràn về; và thầy Thanh càng nhạc nhiên hơn nữa, vì thầy nhận ra ngay chúng là vịt của thầy mua của cô nhỏ lương dân, và thầy đã nuôi cả mấy năm nay, mà thầy đã quen nết, quen cả tiếng chúng kêu, tiếng kêu như tiếng đời giản dị ngõ sương sáng xuân xưa. Cứ mặc cho cái anh

lính khố vàng mắng, thầy vẫn cứ quay lại nhìn đàn vịt. Cũng đến lúc có lẽ thấy cái quát mắng vô duyên của mình, anh lính khố vàng đó đâm nói không không: "Cái giống vịt giời trong Nam sao còn nhiều thế nhỉ? Ngoài Bắc không còn lấy một mống gọi là. Ngứa máu, tớ những muốn quạt cho một tràng." Nhưng đàn vịt vẫn bay theo thầy tới tối, cho tới cửa ngục huyện, đoạn chúng bay vòng, và từ trên ấy thả xuống thứ chi tựa những chùm lông trắng nõn, đoạn đồng loạt kêu một tiếng dài trường giang sầu điệp điệp rồi nối đuôi nhau xuôi về Đông trông như một dải khăn tang vật vờ giữa biển trời hoàng hôn.

Thầy bị đưa đi tù 10 năm với cái án vớ vẩn "âm mưu tiếp tay địch chống phá cách mạng." Những khốn khó của người tù vì cái hung hãn mãnh thú, vì cái nham hiểm vô nhân của nhà nước nhân dân, đã được kể lại tỉ mỉ trong nhiều thiên hồi ký viết ở hải ngoại, nhưng có mấy chi tiết về cái khốn khó đặc biệt của thầy Thanh, tôi nghĩ kể ra đây cho quí độc giả xem cũng không phải là thừa.

Số là trong trại tù, có một hai linh mục Công giáo, và không biết ai, vào dịp Tết năm 198..., đã bí mật đưa được một số bánh lễ đến tay các linh mục ấy. Và với thiên chức tư tế của mình, các vị làm phép biến những chiếc bánh bột mì đó thành Mình Thánh Chúa Kitô một cách dễ dàng. Các tù Công giáo bấy lâu thiếu thốn đủ thứ, nay dịp Tết, được Mình Thánh Chúa như Của Ăn Đàng, lòng quả thật được an ủi rất nhiều, có lẽ chỉ thua những bị lác thăm nuôi. Nhưng, dù Mình Thánh Chúa chỉ được phân phát cho những người mà các kẻ tổ chức cho là đáng tin cậy nhất, vụ trao Mình Thánh Chúa lậu vẫn bị lộ và nổ ra như một vụ phản động lớn ngay trong trại tù. Những người liên can đều bị biệt giam ăn cháo lỏng, bị cùm các kiểu cùm dành cho các nô lệ da đen cách đây cả trăm năm, và những hình phạt kinh khiếp khác, dành cho những tên được nhà nước khoan hồng cho đi cải tạo mà con bày trò tuyên truyền tôn giáo phản động.

Thầy Thanh là kẻ bị tống vào biệt giam trước tiên, dù trước khi nổ ra sự vụ, khi được các người chủ chốt rỉ tai về sự vụ, thầy đã gạt ngang: Không cần phải chịu Mình Thánh Chúa mới được Chúa thương. Chúa không muốn ai phải thiệt hại. Chúa không muốn ai chết. Vì Chúa. Chắc chắn là như thế. Và lộ là cái chắc. Và sẽ gây tai hại không biết đâu mà lường cho nhiều người, trong khi những liều lĩnh hi sinh như thế quả thật không cần thiết. Con người hay gắn cho các Đấng Cõi Trên của các tôn giáo những thuộc tính quái gở, rồi khơi khơi nhân danh các Đấng ấy hối thúc kẻ khác làm những việc quái gở tương ứng với những thuộc tính ấy, mà họ cứ ngỡ đó là những chuyện anh hùng. Và các Đấng vẫn im tiếng; và những con người ấy được thể cứ thế làm tới. Đây là một sự lạ trên hết mọi sự lạ[7].

Vậy mà khi bại lộ thầy lại là người đầu tiên bị tống vào biệt giam như là người chủ chốt số một. Khi tất cả những người khác trong sự vụ được thả ra khỏi biệt giam, thầy vẫn bị giam. Giam lâu. Giam lâu quá, thầy bị điên. Thầy không nguyền rủa ai, cũng chẳng kêu van cán bộ này nọ; thầy chỉ kêu gào, gào một câu duy nhất: "Hãy cho tôi một chút hơi ấm. Hãy cho tôi một chút hơi ấm." Mấy tên trảo nha canh ngục, nghe thế cười to: "Đéo mẹ, cái giống nhà tu mà còn đòi hơi ấm hơi iếc con mẹ đĩ!" Tôi, kẻ kể chuyện này, lúc ấy

LÝ THỪA NGHIỆP

Trồng Đào

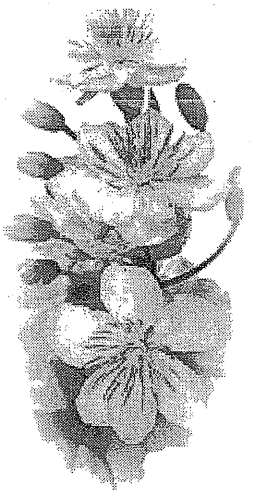

Rồi ta trồng một hàng đào
Đem bao thương nhớ chôn vào thiên thu
Một con đường trắng sương mù
Một người vừa khoác áo tu ven rừng
Mười năm đào nở tưng bừng
Sư ông ra đứng nhớ từng mùa Xuân.

nằm ở dãy D gần khu biệt giam, nghe thầy gào, vẫn cứ ngờ ngợ sao thầy Thanh không thêm cụm từ "Tình Người" thời thượng đầy dẫy trong các bài du ca, các bài hát sinh hoạt đoàn thể ngày trước, thành "hơi ấm Tình Người" vào câu gào cho ra cái vẻ nhân bản. Tôi đem cái ý ấy hỏi đại úy Long nằm cạnh. Ông đại úy, vốn trước có học mấy năm triết ở đại học Văn Khoa, mỉm cười: "Tôi nghĩ ông thầy giảng chọn chữ vừa đúng như ông ấy muốn. Không thừa không thiếu."

Rồi ông thầy giảng Thanh chết gục trong biệt giam.

Đêm cuối cùng, trước khi tắt thở, thầy kêu: "Ôi lạnh quá, lạnh quá, vịt tôi đâu, hơi ấm tôi đâu!" Khi có người bị biệt giam phòng cạnh phòng thầy được thả ra, kể lại như thế cho ông đại úy và tôi nghe, ông đại úy bĩu môi: "Trời Đất, vậy mà lâu nay tôi cứ dùng chủ đề cô đơn của phận người trong triết học hiện sinh ra mà phân tích câu than của ông thầy Thanh! Hóa ra anh chàng lên cơn điên, gào bậy gào bạ, chơ có gì sâu xa đâu!"

Truyện kể tới đây là hết, và truyện đã được đăng cách đây năm năm, trên tạp chí Gió Nồm, báo một năm ra hai số, lại ít độc giả nhất ở hải ngoại, vậy mà sau khi báo phát hành được mấy ngày tôi nhận được cái điện thư của một độc giả, dù bà chủ bút đoan chắc là bà không cho ai địa chỉ e-mail của tôi. Điện thư ấy, vào cái hồi chỉ có mấy mẫu chữ cà mèng VPS, Viscii, VNS..., chưa có VNI, nói chi đến các mẫu Unicode, vậy mà bức thư hiện ra trực tiếp ngon lành trên trang *Yahoo.com/e-mail/nguyenvantha* với dấu tiếng Việt rõ ràng đàng hoàng như chữ Việt của mẫu chữ Unicode-HTML ra lò chỉ mới đầu năm nay. Nội dung thư như sau:

Kính thưa ông Nguyễn Văn Thà,

Đàn vịt ấy khi bay ra biển Đông điệp trùng bão tố, chúng hoá thân thành một. Con vịt thành một ấy đã tự cấm cố đời mình, bởi nó đã nguyện như thế từ ngày hai mảnh đời hạnh ngộ. Ngay từ ngày ấy, nó biết nó chẳng bao giờ được chia hai cái lời lãi của cuộc đời giản dị chung đôi. Ôi, món lời lãi ấy, hoàng cúc tôi thấy đâu có gì nhiều! Ai đã tước đi những ước nguyện nhỏ ấy? Thưa đó là những vương tôn miền trí tuệ. Những vương tôn ấy, có kẻ còn say mê quyền lực, đường hoàng vấy máu. Những vương tôn ấy, có vị cứ giữ rịt Thái Sơn. Ở trong cái cõi vô tâm đã lâu, nay tôi mới thấy:

Ôi các vương tôn miền trí tuệ
Mưu đồ đo đạc cả Vô Biên
Tung ra khắp bãi thời gian lộng
Lượn lượn ưu tư khốc liệt rền
Giờ đã thượng trình im tịch diệt
Nhòa tan sắc áo bụi quan san
Ta gởi một ngày một sợi tóc
Cầu may cho trận gió kinh thiên
Có ai bên cõi vô cùng tận
Bắt gặp lòng ta bay đảo điên[8]

Và ông Thà cũng biết đấy: Sợi tóc nào có đáng gì so với những pho kinh điển đại ngôn các loại, lắm khi còn có súng to đạn lớn phò trì; nó làm gì gây được trận gió kinh thiên; nó cũng chẳng cách nào bay được tới trời tịnh độ; phải không ông? Trong nơi tù đày người ta hay mơ ước chập chùng như thế; xin ông thứ lỗi cho tôi!

Chú thích:

[1]Ý từ bài Mòn Gót Chân Sương Tháng Năm, thơ của Tô Thùy Yên.// [2] Chinh phụ ngâm: Thái Sơn nhất trịch khinh hồng mao: Thái Sơn một nén nhẹ lông hồng (tên một loài nhạn).// [3]Các chủng sinh Công giáo học xong lớp 12, được giám mục sở tại sai đi phục vụ trong một giáo xứ, được tôn xưng là "thầy giảng", vừa để tập nghề, vừa để chịu thử thách. Ngoài ra, sau biến cố 75, các thầy đại chủng sinh còn được bố trí về ở các nhóm trong các xứ, như trường hợp nhân vật Thanh trong truyện.// [4]Một tạp chí nông nghiệp rất giá trị trước biến cố 1975. Ngoài những bài bày cách trồng trọt, chăn nuôi, còn có những bài phóng sự đồng quê, những truyện ngắn miệt vườn rất hay.// [5]Cơ quan mật vụ của Liên Sô.// [6]Khi Thiên Chúa quyết định hủy diệt thành Sôđôm tội lỗi, Ngài sai Thần sứ của Ngài truyền ông Lót, cháu của ông Abram (tổ của dân Do Thái), và gia đình ông, rời khỏi thành chớ có ngó lui. Nhưng khi ra khỏi thành, nghe thành cháy bởi lửa diêm sinh và lửa từ trời giáng xuống, vợ ông Lót quay lại nhìn, bà liền biến thành tượng muối. (Kinh Thánh, Sách Khởi Nguyên, chương 19).../ Về sự hủy diệt của thành này và thành Gomora kế cận, một khoa học gia người Anh gốc Ấn (quên tên), trên đài truyền hình Discovery, sau khi khảo sát các lớp đất chuồi xuôi về Biển Đỏ, và làm một mô hình, và làm thí nghiệm, đã đưa ra giả thuyết: Chính vì các lớp đất nơi hai thành này quá xốp, lại ở thế đất chuồi, nên một ngày bị cơn mưa lũ quá lớn, hai thành đã bị sụp và tất cả nhà cửa tàn tích đã trôi hết xuống Biển Đỏ phía dưới, gần đó. Chỉ cần thời gian, khi vớt được các tàn tích dưới Biển Đỏ, thời sẽ chứng minh được giả thuyết của ông, chứ không phải do lửa diêm sinh, lửa từ trời như được tường thuật lại trong Kinh Thánh.// [7]Mượn lời của José Saramago, nhà văn Bồ Đào Nha đoạt giải Nobel văn chương 1998, khi ông nhận xét về những lạm dụng Lời Chúa bởi con người. Ông có tác phẩm độc đáo liên hệ tới Kitô giáo có tựa O Evangelho segundo Jesus Cristo: Tin Mừng theo Đức Giêsu Kitô: The Gospel according to Jesus Christ. Bản Anh văn rất giá trị do Giovanni Pontiero dịch. Bốn cuốn Tin Mừng là do thánh Mátthêu, thánh Mácco, thánh Luca, thánh Gioan viết, nhưng lần này, theo sự tưởng tượng của tác giả, là do chính Đức Giêsu: Tác giả qua cuốn truyện đưa cái nhìn mới của mình về cuộc đời chúa Giêsu Kitô, dĩ nhiên đây chỉ là cái nhìn của một nhà văn thế tục.// [8]Trích từ bài Mòn Gót Chân Sương Tháng Năm, thơ của Tô Thùy Yên.// Oslo, 03 I 03.

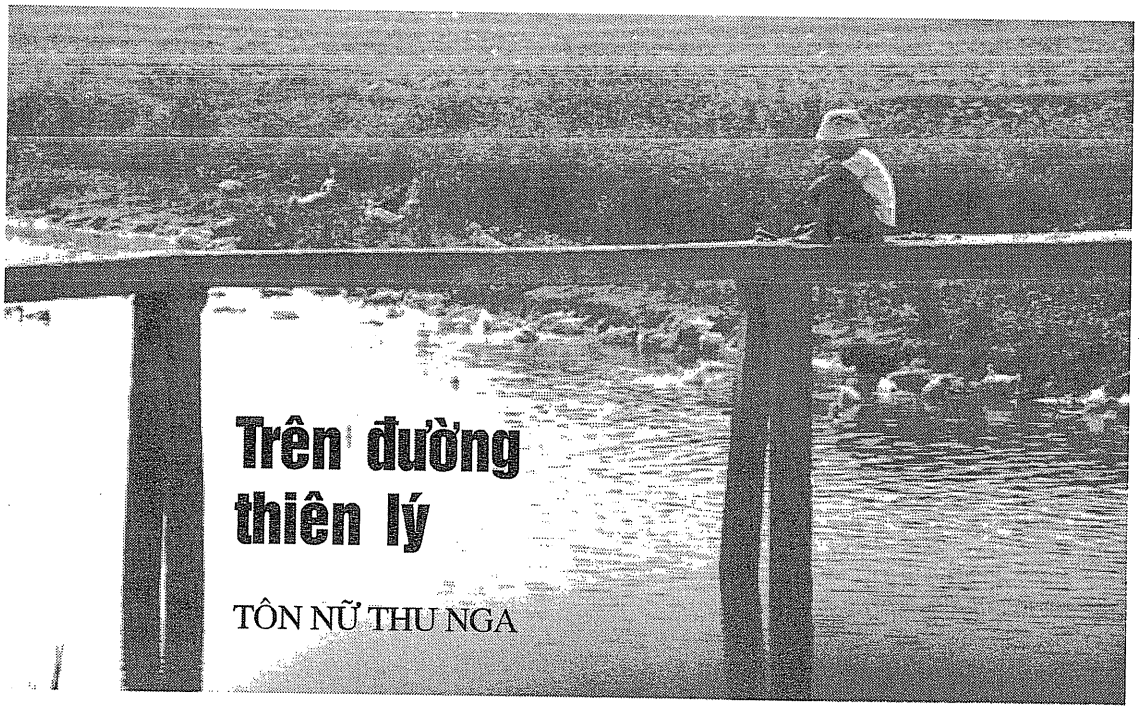

Trên đường thiên lý

TÔN NỮ THU NGA

Anh Minh thân mến,

Trước khi tôi rời Los Angeles để theo nhóm Project Việt Nam về quê hương làm công việc giúp đỡ về Y tế, anh dặn rằng: khi về phải viết cho anh một bài. Tôi vốn là một kẻ dại dột nên ậm ừ, lưỡng lự nhận lời, mà đã lỡ nhận thì phải ráng làm. Cho nên đêm nay ngồi trước máy vi tính, thời gian đã hơn nửa khuya, giờ khắc xe ngựa của Cinderella vừa biến thành trái bí, giờ khắc những mộng mơ đã trở thành thực tại và cũng là những giây phút thiêng liêng nhất để âm thầm tưởng nhớ đến quê hương.

Những cảm nghĩ và kinh nghiệm của tôi trong chuyến đi này thật là hạn hẹp vì tôi chỉ là một mảnh puzzle nho nhỏ trong tấm ảnh gồm có 156 mảnh mà chị Quỳnh Kiều đã sắp xếp lại với nhau để hoàn tất một chương trình lớn. Biết thế nhưng tôi vẫn phải kể cho anh nghe vì tôi đã ở trong guồng máy ấy, đã làm cái bù loong nhỏ và gặt hái thêm nhiều kinh nghiệm sống, nhiều kiến thức mới, có thêm nhiều người bạn mới và nhiều hình ảnh mới để anh dùng trên "Thế Kỷ 21." Người ta nói "đi một ngày đàng, học một sàng khôn," phần tôi đã đi tới hai mươi ngày đàng đấy anh ạ. Tuy nhiên càng học nhiều thì càng cảm thấy mình dốt, vậy anh nghĩ tôi có cần đi nữa hay chăng??

Trong bức thư này tôi sẽ kể cho anh cũng như các độc giả của "Thế Kỷ 21" nghe những kinh nghiệm nhiều ý nghĩa nhất mà tôi được trải qua như một thành viên của *nhóm huấn luyện*. Những tường trình tôi gửi cho anh chỉ là phần việc của riêng tôi. Tôi chẳng biết gì nhiều về công việc của *nhóm giải phẫu* và *nhóm Primary Care* cả. Phóng viên của báo *Orange County Register* và nhiếp ảnh viên của họ đã đi theo hai nhóm ấy và đã tường trình trên báo cả tuần rồi.

Chị Quỳnh đưa tôi vào nhóm huấn luyện, vì tôi là chuyên viên hô hấp trị liệu, chuyên trị trẻ sanh thiếu tháng. Trong năm qua, Project Việt Nam phổ biến một chương trình cấp cứu trẻ em thiếu tháng bằng áp suất khí dương. Một phần mục đích chuyến đi này là dạy lý thuyết cơ bản phương pháp trị liệu này cho nhân viên y tế Việt Nam. Kèm theo đó chúng tôi còn dạy cách cấp cứu trẻ sơ sinh và cũng như tổ chức các buổi họp, học tập và bàn bạc các phương pháp trị liệu các bệnh thông thường hay xảy ra cho trẻ sơ sinh thiếu hoặc đủ tháng.

Ngoài nhóm bác sĩ và chuyên viên nhi đồng, nhóm huấn luyện còn có thêm các bác sĩ về quang tuyến, giải phẫu, sản khoa, bệnh lý học và ung thư. Nhóm chúng tôi gồm những kẻ dài hơi vì phải tham gia nhiều hội nghị chuyên đề về ngành của mình. Chính tôi cũng phải nói một đề tài riêng về cách xét nghiệm trẻ sơ sinh. Hơn ba mươi năm không giảng bài tiếng Việt, thế mà tôi cũng được các bác sĩ và y tá Việt Nam hiểu ý mình, chỉ bị chê một cách nhẹ nhàng là cách dùng chữ của tôi

không hiện đại mấy.

Ngày đầu tiên tại Đại Học Y Dược Saigon, chị Quỳnh bắt chúng tôi mặc áo quần lịch sự để được ra mắt công chúng và đi thăm viếng các nhà thương. Sau buổi họp tại trường Y, tôi đi theo Bác sĩ Bích Liên thăm viện Ung Bướu. Bệnh viện thật lớn nhưng không đủ chỗ cho bệnh nhân nằm, danh từ ở đây gọi là "quá tải." Ngoài hành lang bệnh viện, bệnh nhân và thân nhân nằm ngồi la liệt, ăn và ngủ luôn tại nơi đây có khi cả mấy tuần chờ phiên vào khám bệnh hoặc chờ kết quả bệnh lý. Có nhiều gia đình ở thôn quê, đưa người nhà lên Sài Gòn chữa bệnh, không có tiền thuê nhà trọ nên tạm cư luôn tại hành lang bệnh viện. Trong phòng bệnh, giường sắt san sát bên nhau, ba bốn người trên một giường, dưới gầm giường thêm hai ba người nữa nằm trên manh chiếu rách, trẻ con thì đu đưa trên mấy cái võng nho nhỏ treo giữa hai chân giường. Thấy chúng tôi vào, mọi người giương mắt tò mò nhìn nhưng ai cũng tỏ vẻ rất thân thiện.

Bé Linh và mẹ

Tôi muốn chụp vài tấm ảnh để viết phóng sự nhưng trong lòng áy náy quá, cứ có cảm tưởng mình xâm phạm vào cảnh buồn bã riêng tư cá nhân và gia đình người bệnh. Sau một hồi, không nhịn được, tôi gọi Allen Tanner - bác sĩ quang tuyến - để bàn bạc về việc chụp ảnh, biết rằng hắn ta cũng muốn chụp ảnh lắm nhưng chưa dám. Allen xúi: Cô cứ chụp đi để sau này có ảnh rồi đi xin tiền cứu giúp họ, vả lại nếu cô chụp ảnh thì tôi khỏi chụp mà cũng có ảnh, và tôi không phải cảm thấy khó chịu vì cô đã cảm nhận điều ấy giùm tôi rồi. Cha chả, anh này ranh thật! Tuy nhiên, với máu nhiếp ảnh tiềm tàng trong huyết quản, tôi lôi cái máy ảnh nhỏ ra, xin phép các bà mẹ cho mình chụp hình các em bé, nhận thấy mọi người vui vẻ không ai phản đối tôi bèn chụp lia lịa. Các trẻ em đang được chữa trị bằng hóa chất, tóc bị rụng nên cái đầu bóng nhoáng như đầu chú tiểu. Các em thấy máy ảnh nên hồn nhiên đứng tụm lại với nhau cho tôi chụp ảnh. Nhiều em vì sức yếu, bệnh nặng hoặc còn nhỏ thì nằm yên trên giường, bên cạnh cha mẹ hay bà. Mẹ em Linh cho tôi hay là bà phải tự đi mua thêm các bình nước biển và thay lấy khi gần cạn vì y tá và thuốc men rất thiếu. Dĩ nhiên là thân nhân phải làm mọi việc khác như tắm rửa, làm vệ sinh và nuôi ăn cho người bệnh.

Trong buổi hội thảo, tôi biết rằng sau khi giải phẫu phổi, bệnh nhân phải biết tự thở để sống, không được gắn vào máy trợ khí. Nếu không thở được thì bạn biết là họ sẽ ra sao rồi!

Sau buổi thăm viếng này, tôi cảm thấy mình là một người có phước vì được định cư trên đất Mỹ.

Ngày thứ sáu, chị Quỳnh cho phép tôi đi chơi tự do với điều kiện là sáng thứ bảy phải sẵn sàng đi làm việc sớm. Mừng quá tôi gọi Minh, người bạn học thời trung học rủ đi chơi. Cô và ông xã đến đón tôi và Tuấn tại khách sạn, tôi ngỏ ý muốn đi xem các hãng làm đồ gốm tại Bình Dương. Mới buổi sáng, đường phố đã đông nghẹt, hơn cả tiếng đồng hồ xe mới chạy được từ bến Bạch Đằng ra quốc lộ. Lâu lắm không đến vùng này nên anh Hùng, ông xã Minh dù là dân Saigon vẫn bị lạc một khoảng đường vì bây giờ ngoại ô Saigon đang xây dựng nhiều nhà cửa, đường sá.

Trời hôm nay nóng gần chảy mỡ, tôi khuân ba lô máy ảnh trên lưng tìm cảnh chụp hình. Chụp cho Minh mấy tấm chân dung nghệ thuật xong,

tôi đi vào lò gốm. Tại đây, những cái vại sứ trắng vừa khô đang được nhân viên chuyển lên giàn để phơi tiếp. Các giàn gỗ này được xây trên cao gần nóc nhà, các thang gỗ nối nhau từ tầng thấp lên tầng cao. Muốn đưa một cái chậu lớn như thế từ dưới đất lên ba tầng, năm người công nhân phải làm việc cùng một lúc. Họ vận sức, vươn vai nâng chậu cao quá đầu để đưa cho người đứng cao hơn mình, và cứ như thế, người nhân viên ở tầng cao nhất là người cuối cùng đón chậu để đưa vào vị trí chót. Họ làm công việc nặng nhọc ấy liên tục, trong sức nóng hừng hực của thiên nhiên cộng thêm nhiệt phát ra từ các ngọn lửa đỏ rừng rực trong lò nung gốm. Để cuối ngày được lãnh một dollar rưỡi đem về nuôi gia đình.

Tại một khu vực khác, có hai người thợ: một nam, một nữ đang làm việc với nhau. Họ dùng đất sét đắp thành một khối chữ nhật (1mX2m) cho thật chắc và láng. Sau đó họ cắt ra từng miếng mỏng để trám vào những mô hình chậu. Công việc này cũng rất nhọc nhằn vì lưng áo người đàn bà ướt đẫm và trên tấm lưng trần với những bắp thịt cuồn cuộn của người đàn ông nhễ nhại mồ hôi. Rõ ràng là: "Đổ giọt mồ hôi để đổi lấy bát cơm." Tôi cầm máy ảnh đi quanh, vừa chuyện trò cùng các nhóm thợ vừa chụp ảnh. Tôi muốn ghi nhận cảnh "lao động là vinh quang" này, nhưng tôi chẳng thấy "vinh quang" cho ai cả mà chỉ thấy lòng mình dậy lên một nỗi chua xót vô bờ.

Sáng thứ bảy, chúng tôi lên lại trường Y Dược, tại đây chúng tôi chia ra nhiều nhóm nhỏ. Nhóm North West Medical dạy về các cách cứu thương trong những tai nạn lớn. Trước giờ lý thuyết và thực tập, các anh chị trong nhóm đã động viên một số sinh viên trong trường, tình nguyện hóa trang giả làm nạn nhân bị thương tật. Dưới các bàn tay khéo léo của các chuyên viên hóa trang, chẳng mấy chốc trong hành lang đã có nạn nhân nằm la liệt, thương tích trầm trọng. Kẻ bị bỏng, người bị gãy tay lòi xương trắng hếu, có anh chàng bị cả khúc cây xuyên qua ruột, và một cô gái trẻ bị khúc gỗ cắm vào sọ. Có điều là nạn nhân nào cũng cười ngặt nghẽo. Tôi đưa máy ảnh ra buộc các nạn nhân phải giả bộ kêu gào khóc than cho mình chụp ảnh. Thấy tôi chưa phải làm việc, Gayle dạy tôi cách làm cho nạn nhân toát mồ hôi hột bằng cách thoa vaseline và glycerin, tôi hơi vụng về, làm thuốc văng vào mắt nạn nhân giả làm cho họ khóc thiệt nên tôi phải từ chức sau khi rửa mắt cho nạn nhân.

Trong giờ hội thảo, tôi và bác sĩ Steve Ringer (Steve là bác sĩ giám đốc của trung tâm sơ sinh tại Boston) dạy cách cấp cứu trẻ sơ sinh cho các bác sĩ Việt Nam. Nhiều vị bác sĩ nội địa rất thích thú học hỏi và đã đưa ra nhiều câu hỏi để được chúng tôi trả lời. Có vị muốn liên lạc với chúng tôi để xin thêm sách, bài vở và dụng cụ y tế, dù đơn sơ đối với chúng tôi, nhưng lại rất quý hiếm trong xứ sở này. Suốt cả buổi sáng nhóm chúng tôi nói khan cả tiếng, giữa những giờ giải lao, Liên Hạ và tôi xách máy đi lòng vòng chụp ảnh các bạn đang làm việc. Bác sĩ Tove Rosen cũng đảm trách một đơn vị huấn luyện cấp cứu với cô thông dịch viên. Sau vài lần thông dịch, cô Hương thuộc lòng tất cả các câu nói nên tự dạy lấy, Tove chỉ đứng bên cạnh cười duyên thôi.

Xế chiều trở về khách sạn, không chịu nghỉ ngơi, tôi vội vã đi ra tiệm hình để lấy phim ảnh về xem. Tim và Allen thấy tôi ra tiệm ảnh lật đật đòi theo, Ray và Jared cũng tháp tùng. Bốn người bác sĩ này rất thích chụp ảnh nên thường xuyên liên lạc và trò chuyện với tôi về nhiếp ảnh. Sau đó chúng tôi dạo phố trung tâm Sài Gòn và kiếm đường ra bưu điện. Dọc đường thấy các bà bán bánh kẹp, bánh tráng níu kéo mời mua, Tim mua cả xấp bánh kẹp, chuối khô; Allen mua bánh tráng. Sau khi ăn thử, các anh cầm theo một lúc mệt quá nên cho lại các trẻ em anh gặp trên đường phố. Tôi mỉm cười nhớ lại các chú lính Mỹ trước thời 75. Các anh chàng lính trẻ ấy chắc cũng dễ thương với bọn trẻ con như hai người bạn da trắng này. La cà trên phố Sài Gòn, Tim và Allen thấy phòng hội họa nào cũng muốn vào, thức giấc các anh họa sĩ đang thiu thiu ngủ trưa. Thế nhưng ai cũng vui vẻ, dụi mắt tiếp đón hai người khách quý dù họ chỉ thưởng lãm mà chưa mua. Thế rồi chúng tôi cũng đến bưu điện, Tim mua tem cho postcard. Anh chàng này chăm viết thật! hắn đã viết sẵn mấy chục tấm bưu thiếp, đứng dán tem mệt nghỉ. Tôi đi ngang qua thấy vậy, thè lưỡi ra hỏi anh có muốn mướn một cái lưỡi khác không? Tim bật cười ngặt nghẽo một hồi lâu mới tiếp tục làm việc lại được. Trong lúc tôi co giò chạy qua quầy khác giúp Allen mua tem về sưu tập.

Về lại khách sạn, thấy chị Thu và cô cháu gái ngồi chờ thăm trong phòng khánh tiết, chị đem cho tôi mấy quả bưởi thật ngon. Bà chị họ này của tôi thật là dễ thương, xa nhau mấy mươi năm mà vẫn còn nhớ em mình thích món gì. Chuyến đi này mục đích của tôi là để làm việc cho nên vấn đề thăm họ hàng phải gác bớt qua một bên,

hy vọng những người thân của tôi hiểu mà không than phiền nhiều.

Tối thứ bảy, viện đại học đãi tiệc trên tàu nổi, chạy hóng mát trên sông Sài Gòn. Thức ăn rất ngon, khung cảnh hữu tình, gió mát hiu hiu. Tôi đứng trên lan can tàu nhìn xuống dòng nước đen có những đám lục bình trôi bềnh bồng. Các loại tàu nhỏ chuyển vận chạy thật nhanh trong bóng đêm mờ nhạt. Trên bờ ánh đèn đô thị chớp sáng muôn màu, tôi ngậm ngùi nhớ lại bữa ăn trên tàu Mỹ Cảnh của tôi mấy mươi năm trước. Tôi yêu nước Việt Nam nhưng đôi khi tôi ghét những kỷ niệm, mà kỷ niệm thường như những bóng ma, hay hiện ra để quấy nhiễu tôi mỗi khi tôi về lại quê hương, là nơi tôi ngỡ rằng sẽ làm cho tôi

quên đi sự náo động xô bồ của cuộc sống hiện tại.

Buổi tối trước khi đi ngủ, Jane Williams, bác sĩ giải phẫu tại Humboldt County ghé lại phòng tôi và Liên Hạ, cô ngồi nhậu hết bốn múi sầu riêng thật lớn. Allen và Tim đi kiếm Jane, Allen khịt mũi : Chao ơi phòng tụi mày hôi mùi sầu riêng quá, hồi chiều Tim cho tao ăn thử, xong phải đánh răng, uống thêm whiskey mà vẫn còn hơi sầu riêng đầy cả bụng. Cả phòng cười vang, bác sĩ Allen Cohen ngủ phòng bên cạnh thò đầu qua: "Tụi mày làm tao có cảm tưởng đang ở trong 'girl's dorm'." Nghe vậy cả bọn rút lui, ai về phòng nấy vì còn phải dậy thật sớm để ngày mai đi Hà Nội.

Sáng chủ nhật, dậy thật sớm, sửa soạn hành lý xong, tôi lên phòng điểm tâm. Chọn một cái bàn bên cửa sổ, tôi chờ mặt trời mọc trên sông Saigòn để chụp ảnh. Buổi sáng còn mờ sương, từ trên cao, nhìn về hướng sông, những chiếc xà lan chở hàng lặng lẽ lướt nhanh trên dòng, các chiếc tàu trắng chạy Vũng Tàu cũng bắt đầu khởi hành bên cạnh các ghe hàng nho nhỏ. Mặt trời như một viên ngọc đỏ, rực rỡ như người vệ nữ trần truồng, từ từ uốn éo vươn lên sau tấm màn voan xám mỏng, hứa hẹn một ngày cháy bỏng của nhiệt đới. Tôi và Jared, người bác sĩ Kaiser còn nấn ná chụp ráng thêm vài tấm ảnh trước khi tạm biệt Sài Gòn.

Tại Tân Sơn Nhất, sau vài vấn đề phiền toái lủng củng, tôi là người hành khách chót bước vào lòng máy bay trong tiếng vỗ tay của các bạn. Bỏ lại Liên Hạ đi chuyến sau lòng tôi buồn lắm nhưng không có cách nào để giải quyết được. Cuối cùng bác sĩ Quỳnh Kiều, dưới tài ngoại giao khéo léo đã kết hợp chúng tôi lại với nhau xế trưa hôm ấy tại sân Nội Bài, để cùng đi Thái Nguyên.

Sau cửa kính xe, tôi nhìn lại những con đường Hà Nội. Đây là lần thứ tư tôi về lại Hà Thành, cảnh vật có thêm nhiều thay đổi, công ty, nhà cửa xây nhiều thêm, đường sá mới lạ hẳn ra và người thì vẫn đông nghẹt. Xe gắn máy, xe hơi chen nhau chạy.Trên đường đi Thái Nguyên, xe chạy qua những cánh đồng lúa mênh mông vào cuối mùa gặt, nhiều người mót rơm nặng nhọc đẩy xe trên các bờ ruộng hẹp. Có vài nơi, các xe rơm đầy nhóc sắp một hàng rất đẹp làm tôi thèm được xuống chụp ảnh nhưng hoàn cảnh bất khả kháng, đành ngồi trên xe mà lòng ray rứt nuối tiếc. Các căn nhà ven quốc lộ, xây cất một cách thiếu mỹ thuật, làm mất các vẻ đẹp đồng quê. Chúng tôi đi qua địa phận Sóc Sơn, có di tích lịch sử đền thánh Gióng – Nơi Phù Đổng Thiên Vương bay về trời, tại đây chúng tôi được nghỉ trưa. Vừa xuống xe, nhìn cảnh vật, mọi người lật đật rảo quanh chụp ảnh các chòi tranh được xây trên một hồ nước lớn rất thơ mộng. Chung quanh non xanh núi biếc chập chùng, xa xa có cái ao nhỏ và bầy vịt trắng nhởn nhơ bơi lội. Liên Hạ khoái chí đòi chụp hình đủ kiểu. Theo chân Liên Hạ, tôi lò mò trèo lên thanh gỗ bắc cầu ra mé nước chụp ảnh, loạng choạng tí xíu là ngã xuống ao. Cô Dung trấn an: "Chị cứ ra đi, không sao đâu, nếu cây gỗ này chịu được tấm

thân bồ tượng của em thì chị sợ gì?" Nghe có lý, tôi mạnh dạn đứng yên trên cây cầu khỉ cho Dung chụp ảnh. Trưa hôm ấy, chúng tôi được dùng đủ loại thức ăn tươi của đồng quê: Rau bí luộc, su su luộc chấm muối vừng, gà tre nướng lá chanh, canh cá tươi nuôi trong ao... Các bạn Mỹ cũng cầm đũa ăn uống nhanh chóng và thoải mái, uống nước trà nóng như dân Việt Nam chính hiệu. Từ bữa đi chung với nhau đến bây giờ, tôi chưa thấy có người bạn ngoại quốc nào yêu cầu xin muỗng nĩa. Chỉ có tôi, lúc nào cũng lo kiếm cho ra cái thìa để ăn canh – cái tật không thiếu được.

Khi rời Sóc Sơn, các em học sinh trong làng đứng bên lề đường tò mò nhìn đám người lạ. Các cô che miệng cười khi thấy tôi chụp hình cho họ. Nghe loáng thoáng bên tai rằng sau bức tường bên kia con đường đất, khi xưa là trại tù. Nhìn từ trên xe xuống, tôi chỉ thấy bãi đất với dãy nhà cũ kỹ và các lều tranh trống lỗng, những sợi tranh mục lưa thưa bay trong gió. Lòng tôi bỗng nhói đau, thầm nhớ đến các trại tù cải tạo rải rác khắp miền Bắc Việt. Chứng tích tàn nhẫn và buồn bã của cuộc chiến tranh điêu tàn đã hủy hoại tình người và mảnh giang sơn gấm vóc. Có lẽ vì thế tôi đã trở về, góp một chút công sức nhỏ nhoi, mong hàn gắn những vết thương, rọi vào lòng các người bất hạnh một tia sáng hy vọng. Tuy mong manh nhưng làm ấm, không chỉ cho trái tim người mà cho cả trái tim tôi.

Đến Thái Nguyên vào xế trưa, trời nóng hừng hực. Thành phố lớn rộng hơn trí tưởng tượng của tôi. Ngoài phố toàn là quảng cáo "Chè." Người xứ này gọi "Trà" là "chè," chè Thái Nguyên rất nổi tiếng nhưng tôi không thích lắm vì đắng chát. Người ta bảo uống lâu sẽ thấy vị ngọt. Vì người còn tục lụy quá nên tôi không kiếm được cái vị ngọt của loại trà này.

Vào khách sạn nhìn hai cái giường, nệm mỏng thô sơ, đầu giường có treo mùng. Liên Hạ đau khổ nhìn cái gối nhỏ xíu của cô ta, còn tôi thì lột ngay cái bao gối của mình quăng vào phòng tắm vì có con sâu bọ gì đó đang nằm kế. Phòng tắm cũng đơn giản theo kiểu Tây trước thế chiến. Tôi mở hai cánh cửa sổ mong có chút gió, mãi đến cả giờ sau mới nhận ra là phòng mình có máy lạnh nên đóng cửa lại vì sợ muỗi. Quang cảnh ở đây làm tôi nhớ Pleiku của thời mình còn trẻ dại. Những biệt thự cũ kiểu Pháp, sơn vàng, cửa sổ xanh lá cây, lan can sắt, cầu thang rộng uống khúc... Lòng tôi lại chợt man mác buồn, tự dưng tôi có cảm tưởng mình đang bị hụt hẫng, đang bị cuốn chìm, mất hút giữa đời. Tối hôm ấy, tôi viết e mail cho Tuấn và các con, than phiền về "The feeling of lost youth." Rõ ràng là tôi đang bị "midlife crisis" nên thường hay nghĩ ngợi vẩn vơ. Tối hôm ấy không ngủ được vì phòng trà lộ thiên bên cạnh khách sạn có trình diễn nhạc. Tiếng hát tiếng đàn quyến dụ nam thanh nữ tú hội họp thật đông. Tôi lại lò mò đi ra phố một mình. Liên Hạ đã bị cô Dung dụ dỗ đi ăn hàng từ sớm. Lúc chiều đã đi thám thính một khúc phố bên tay phải, tối nay tôi chọn đường bên trái. Tối chủ nhật, thiên hạ bát phố khá đông, các quán vỉa hè cũng làm ăn được vì tôi bắt gặp Liên Hạ và Dung đang gặm bắp nướng. Đi một lúc nữa thì gặp anh Thân, chị Bích Liên, chị Quỳnh Kiều, Tim và Jane cũng đi bát phố, nên tôi cùng họ quay về khách sạn. Ngừng lại trong bóng tối mờ ảo của sân khách sạn, nghe các ca sĩ tài tử gieo những cung bậc vào lòng đêm, bài ca quê hương tôi chưa từng nghe qua sao tuyệt diệu vô ngần. Tôi im lắng nghe lời ca vang lên trong đêm diệu huyền của góc trời Việt Bắc, hồn bỗng dưng yên bình.

Sáng hôm sau, để Liên Hạ ở lại Thái Nguyên làm thông dịch cho Allen và Tim, tôi theo các bác sĩ sơ sanh về Hà Nam. Trên đường xuôi nam, anh tài xế thấy chúng tôi thích chụp ảnh nên chịu khó ngừng cho chúng tôi chụp các cảnh đồng quê và các hoạt động của nông phu, vì vậy chuyến đi rất thích thú. Đến Hà Nam vào buổi trưa, vừa đúng giờ nghỉ của nhóm Primary Care. Nhóm này đang làm việc trong một trường tiểu học khá lớn, khám bệnh cho các em học sinh. Chúng tôi vào ăn trưa với họ, cơm nắm, muối vừng, thịt chấy, dưa chuột và trứng vịt luộc. Thức ăn tuy đơn sơ nhưng không ai từ chối; vì ăn như thế cũng là quá sang trọng và đầy đủ hơn nhiều đứa trẻ con chỉ có một bữa ăn đạm bạc mỗi ngày. Sau khi ăn, nhóm tôi qua bệnh viện Hà Nam thăm viếng và mở hội thảo bỏ túi cho các bác sĩ và y tá đang làm việc hôm nay. Các anh chị rất vui vẻ và thích thú bàn bạc nhiều vấn đề liên quan tới các bệnh bẩm sinh hay truyền nhiễm của các em bé thiếu tháng hoặc đủ tháng. Họ đưa ra các trường hợp bệnh khó chữa mà họ đã trải qua để xem chúng tôi có cách nào chữa trị hay hơn không hoặc để họ xét nghiệm lại cách chẩn đoán của họ có chính xác hay không? Họ còn lo ngại nhiều về vấn đề truyền nhiễm giữa các bệnh nhân, vì thế chúng tôi lại bàn thêm về các phương tiện sát trùng, cách pha thuốc sát trùng và cách phân loại bệnh nhân cũng như vấn đề giáo dục các thân nhân

người bệnh. Lúc chia tay ra về, thân nhân của các bệnh nhân cứ lũ lượt đi theo sau chúng tôi từ hành lang này qua hành lang khác. Có một bà mẹ, tay ẵm một em bé xanh xao còm cõi, tay kia cầm một xấp giấy tờ dầy cộm, bà cố nhét những tờ giấy này vào tay bác sĩ Ringer, nài nỉ xin ông chữa bệnh. Steven ngẩn ngơ nhìn tôi, ông tưởng rằng bà ấy muốn cho ông ta đứa bé cùng giấy tờ tùy thân của nó nên bối rối lắm.Trong lúc các y tá Việt Nam cố kéo bà ta ra chỗ khác, Steven gọi tôi cầu cứu. Người mẹ nài nỉ tôi: "Cô ơi xin cô nói với phái đoàn này chữa trị cho con tôi, tôi chờ biết bao lâu rồi mà ở đây họ không làm gì được cho cháu cả." Người bác sĩ Việt cho tôi hay rằng con bà đang chờ để giải phẫu tim.

Không muốn các bác sĩ Việt mất lòng vì câu nói của người mẹ ấy, tôi giải thích rằng phái đoàn của chúng tôi qua đây để trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ kiến thức với anh chị em bác sĩ tại đây, để họ phục vụ lại cho nhân dân chứ chúng tôi không làm về phòng mổ. Tôi xin lỗi là không giúp gì cho bà được trong lúc này. Nghe có lý, bà mẹ tội nghiệp ấy gật đầu thông cảm và mọi người lùi lại nhường bước cho chúng tôi ra đi. Các bác sĩ Việt cũng mỉm cười cảm tạ vì tôi đã giải quyết được một trường hợp khó xử. Đưa hai bác sĩ Tove Rosen và Ringer ra khỏi bệnh viện, tôi ngừng lại giải thích cho họ câu chuyện vừa xảy ra, Steven thở phào: " Tôi bối rối quá, không biết phải trả lời sao vì không hiểu người đàn bà ấy muốn gì cả. Thấy mấy tờ giấy, cứ tưởng là bà ấy đòi cho tôi đứa con. Giống như ở Phú Quốc, có người đàn bà đòi cho bác sĩ Ray đứa con gái."

Tôi ngao ngán lắc đầu, giải thích cho Steven biết rằng đôi khi các cha mẹ Việt Nam rất nghịch ngợm. Họ giả bộ cho mấy đứa con cho người ngoại quốc chỉ là để chọc ghẹo hoặc răn đe con cái, thật sự trong lòng họ không muốn như vậy. Chỉ tội cho các bạn Mỹ của tôi; tâm hồn và trái tim nhân đạo của họ đang mở rộng và tràn căn tình người, những tình cảnh trên thường làm họ thương cảm và xúc động rất nhiều mà đôi khi không biết rằng mình đang bị trêu ghẹo.

Buổi cơm tối tại khách sạn Hoa Lư đông đảo và vui nhộn, làm tôi nhớ lại những buổi ăn trưa trong trường đại học với những dãy bàn dài, thức ăn sắp sẵn, ai đến trước ngồi lại với nhau, cả trăm người ăn một lúc, ồn ào như vỡ chợ. Sau bữa cơm, nhóm chúng tôi về khách sạn Thúy Anh vì Hoa Lư hết phòng. Biết Liên Hạ tối nay về Hà Nam, tôi ghi tên cô vào phòng mình và dặn tài xế gọi cho cô biết. Tôi vừa lên phòng thì Liên Hạ cũng vừa về đến, thấy cái bồn nước tắm, hai đứa cười té lăn vì cái bồn chút xíu chỉ vừa cho đứa bé năm tuổi. Tôi trèo vào bồn, chật cứng không cựa quậy được. Thấy vậy, Liên Hạ cầm vòi sen tưới giùm cho tôi. Tôi bảo cô: " Lần cuối cùng tôi được người khác tắm cho kiểu này là hồi năm tuổi." Hai đứa tiếp tục cười lăn lộn. Sau khi cả hai tắm rửa xong, chui vào chăn, tắt đèn đi ngủ mà vẫn còn cười cho tới khi đau cả bụng.

Sáng hôm sau chúng tôi lên xe đi về Thanh Hóa. Buổi sáng đi thăm bệnh viện, trao đổi ý kiến và quan sát các phòng bệnh. Trước khi bước vào phòng sản khoa và phòng sơ sinh, chúng tôi phải bỏ giầy ở ngoài cửa và đi bằng đôi dép nhựa. Nền nhà bằng đá hoa bóng nhoáng được giữ rất sạch sẽ, nhờ không có ai đem giày guốc đầy bụi bặm vào đây. Tại khu nhi đồng, bác sĩ Ringer, Rosen cùng các bác sĩ tại đây bàn luận về bệnh lý trẻ em. Tôi đi quanh xem các phòng nuôi trẻ thiếu tháng, thấy họ không có máy móc gì cả. Trong căn phòng tôi đang đứng, có bốn em bé thiếu tháng nằm trong lồng kính. Nhà thương chỉ có hai bình dưỡng khí nên chỉ dành cho những trường hợp nguy kịch nhất. Các em khác tuy cũng cần tiếp khí nhưng vì không có phương tiện và dụng cụ nên đành chịu. Vì không có máy kiểm khí, đo hơi thở, đo tim gì cả cho nên nhà thương

phải dùng thân nhân người bệnh để quan sát bệnh nhân. Nếu em bé không chịu thở nữa và da mặt thành xanh tái, người thân nhân phải xoa ngực, nếu biết cách, còn không thì phải gọi y tá đến giúp. Y tá tuy rất ít nhưng cũng ở quanh quẩn gần hoặc trong phòng và họ phải làm nhiều việc quan trọng hơn. Các nữ bác sĩ ở đây rất trẻ, tận tâm và rất cầu tiến. Họ có vẻ thành khẩn và cảm động khi nhận được sự giúp đỡ của Project Vietnam.

Buổi chiều chúng tôi có lớp học cho các nhân viên y tế , hướng dẫn bởi các bác sĩ Steven Ringer, Tove Rosen, Thomas Mc Elrath và Bích Liên. Bác sĩ Dan Luthringer mở ba lô, mang kẹo ra cho mọi người thưởng thức, Steven mang theo thật nhiều viết (các hãng thuốc tặng) cho các nhân viên y tế trong phòng học. Ai cũng vui thích vì vừa được học, vừa được quà.

Liên Hạ thấy có thông dịch viên khác bèn dẫn Elise, phu nhân của Steven, mướn xích lô đi dạo phố Thanh Hóa. Vì phải đi theo chúng tôi mãi cũng buồn, nên lâu lâu Elise cần được ra ngoài giải trí một chút. Chiều hôm ấy, trời đã tối khi chúng tôi về lại khách sạn Hoa Lư, vì vậy sau khi ăn cơm xong, tôi về phòng xếp đặt hành lý sẵn sàng trước khi đi ngủ. Steven cho biết rằng sáng ngày mai chúng tôi phải về Hà Nội sớm vì anh phải bắt đầu dạy học vào lúc 10 giờ sáng.

Trở lại Hà Thành, lòng tôi hớn hở như anh học trò nhà quê được lên tỉnh đi học. Thật ra thì tôi cũng từ quê lên tỉnh đấy. Từ Hà Nam về lại ba mươi sáu phố phường. Vào khách sạn Daewoo, sau khi nằm dài xuống cái giường thơm tho êm ái rồi, thì phải vận dụng cả công lực của mình mới lê chân ra khỏi phòng ngủ để theo bác sĩ Ringer đi qua nhà thương Viện Nhi. Năm ngoái tôi đã cùng Kirk đến đây thăm viếng, lần này tôi thấy quang cảnh có nhiều thay đổi. (Kirk là người kỹ sư Mỹ, tình nguyện làm việc cho Project Viet Nam, anh cư ngụ tại Việt Nam hơn một năm và đã chế tạo ra được một cái máy trợ khí bằng các vật liệu nội hóa). Trong bệnh viện, phòng ốc khang trang và sạch sẽ hơn, bệnh nhân cũng đông hơn và có lẽ tôi cũng đã quen mùi bệnh viện Việt Nam sau cả tuần chu du khắp các tỉnh. Họp hành và thăm viếng chừng vài giờ để soạn thảo chương trình học cho hôm sau, bác sĩ Dung, giám đốc khoa sơ sinh dẫn chúng tôi đi ăn trưa. Chưa làm việc mà đã được ăn, chương trình ẩm thực của chúng tôi lúc nào cũng phong phú, vậy cho nên lúc về lại Mỹ, các bà, các cô phải gọi ngay "Weight Watcher."

Buổi chiều không có chương trình, chúng tôi rủ nhau đi phố mua sắm quà cho người thân. Tim Weiner, Tove, Elise, Liên Hạ và Munish chờ chúng tôi dưới phòng khánh tiết để cùng nhau đi ra phố Hàng Quạt. Tại tiệm "F" silk. Tim đặt may áo dài cho cô cháu gái. Tôi cũng chọn vải lụa và may cho cô con gái cưng một bộ áo dài kiểu tân thời, rất đẹp để cô ấy diện vào Giáng Sinh và Tết. Mua sắm xong, tôi và Tim gọi xe ôm đi xuống khách sạn Metropole, nơi Tim có hẹn với bác sĩ Tom Vates để nghe nhạc và ăn tối. Khách sạn Metropole rất sang trọng và có không khí rất Tây. Chúng tôi ngồi bên cửa, trông ra vườn, những tàu lá chuối, lá dừa phất phơ trong bóng đêm. Không khí mát mẻ, những ngôi sao nhấp nháy trên nền trời nhung đen; chiếc quạt trần xoay nhè nhẹ đủ gợi nhớ buổi chiều nhiệt đới. Trong góc phòng, dưới ánh đèn vàng ấm, người dương cầm thủ nhẹ nhàng gieo những tiếng nhạc thánh thót vào không gian trầm lặng, chỉ có những mẩu đối thoại rủ rỉ, nhẹ nhàng của thực khách. Một lần nữa, tâm trí tôi bàng hoàng, lãng đãng như không còn trong thực tại, tôi có cảm tưởng như mình đang ngồi trong rạp chiếu bóng tại California, im lặng nhìn cuốn phim Indochine chiếu trên màn ảnh. Trước mắt tôi, Tim và Tom giống như hai diễn viên, những nụ cười của họ mơ hồ nhòa nhạt trong bóng tối, trong hương đêm. Tôi hỏi Tim có bao giờ anh nghe nhạc Việt bằng dương cầm chưa? Anh lắc đầu, nhớ đến Liên Hạ, tôi yêu cầu người nhạc sĩ đàn bản Hạ Trắng của Trịnh Công Sơn, một bài hát mà tôi biết rằng cô rất yêu thích. Rất tiếc cô không có ở đây để lắng nghe những tiếng đàn réo rắt này.

Vừa mở cửa phòng ngủ, thấy chị Quỳnh Kiều ngồi trên giường. Tôi liếc nhìn Liên Hạ, ngỡ rằng cô bé vừa bị chị Quỳnh tới rầy. Cô này hay giỡn chơi và chọc phá thiên hạ nên lúc nào cũng sợ chị Quỳnh rầy. Thấy chị, tôi cũng ngỡ là hai đứa đã làm gì quá đáng nên chị qua thăm hỏi. Ai ngờ chị cho biết là chị không có phòng ngủ nên qua ở chung, dĩ nhiên là chị phải mến hai đứa nhất mới vào ở chung, vậy mà tôi cứ nghi oan cho chị. Hôm sau, khi chị dọn ra thì bác sĩ Jane Williams dọn vào, cô ấy ngủ dưới đất và đòi ở chung cho đến ngày về vì cô ấy bảo rằng cô thương Liên Hạ và tôi quá chừng, mai mốt về Mỹ cô sẽ khóc và nhớ chúng tôi lắm cho nên cô muốn ở lại để được gần gũi chúng tôi, ngủ dưới sàn cũng được. Thế là từ đó, căn phòng chúng tôi trở thành một căn phòng vui vẻ nhất, Jane và Liên Hạ thích ăn quà và

nhậu nhẹt nên càng ngày càng tâm đầu ý hợp.

Sáng thứ năm, ngày hội nghị diễn ra tại Viện Nhi, nhà thương nhi đồng lớn tại Hà Nội, trên đường Kim Mã. Nhóm chuyên trị sơ sinh giảng dạy tại phòng họp của thư viện, nhóm quang tuyến và giải phẫu chiếm một giảng đường lớn hơn vì họ có rất đông các bác sĩ từ các quận lỵ xa xôi về tham dự. Vấn đề tổ chức rất trang trọng, cũng gần giống như các hội nghị tôi tham dự tại Hoa Kỳ. Bệnh viện có máy chiếu bài học từ máy vi tính lên màn ảnh. Ngoại trừ mình tôi và chị Bích Liên giảng bằng tiếng Việt, các bác sĩ Mỹ được các bác sĩ Việt Nam hoặc các thông dịch viên giúp phần dịch thuật. Họ dịch rất lưu loát và chính xác, tuy nhiên có nhiều danh từ khi nghe được, tôi phải ngẫm nghĩ một chút mới hiểu nghĩa (hiểu thôi chứ nhớ được hay không là một vấn đề khác nữa).

Ngày thứ sáu, nhóm chuyên trị sơ sinh chia ra làm hai. Tôi và Munish đi qua bệnh viện sản khoa. Steven Ringer, Tove Rosen và Liên Hạ đi Viện Nhi. Tại Bệnh viện Sản khoa, tôi và Munish thăm khu trẻ sơ sinh. Tại phòng hô hấp, tôi đã giúp họ giải quyết vấn đề kỹ thuật của chiếc máy hô hấp

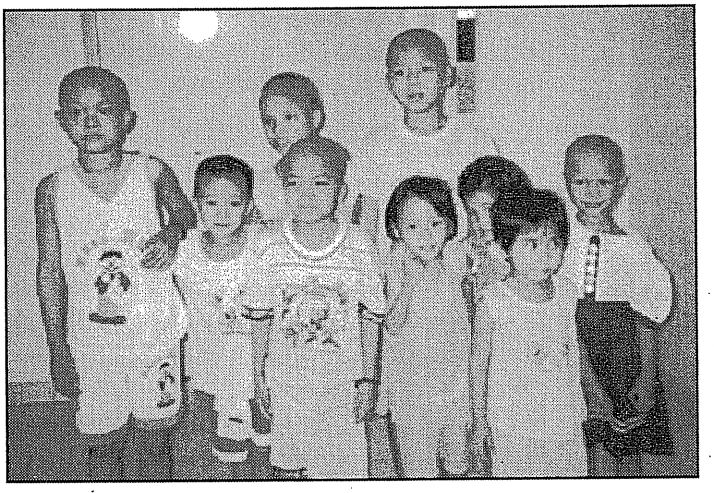

mà họ đã không giải quyết được trong vòng sáu tháng qua, mặc dù đã được nhóm kỹ thuật tại Bệnh viện cũng như nhân viên kỹ thuật ngoại quốc đến xem xét.

Sau đó, tôi làm thông dịch viên cho bác sĩ Munish Gupta trong phần bàn luận về bệnh lý của trẻ sơ sanh với các bác sĩ nhi đồng đang làm việc hôm nay. Lúc tạm biệt, chúng tôi chụp ảnh chung với nhau và các anh chị buộc tôi hứa phải trở lại trong năm tới.

Tôi và Munish đi bộ về khách sạn, ngoài đường, các hàng quà vặt và trái cây bày la liệt. Hôm qua, Steven và Munish đòi ăn mía nhưng tôi không cho họ ăn vì sợ đau bụng, hôm nay thấy một hàng mía đã chẻ sẵn từng miếng nhỏ, bọc trong giấy kính nên tôi mua cho Munish ăn thử, đồng thời mua thêm một mớ khoai từ và khoai bình tinh. Lúc đi ngang qua tiệm Internet, gặp Steven, chúng tôi cùng về khách sạn với nhau. Trên đường về, chúng tôi nhai mía và khoai, nếu tôi không dặn bảo, Steven ăn cả vỏ khoai từ. Đường Kim Mã rộng rãi và sạch, chúng tôi đi bộ ven hồ Ngọc Khanh, dù đang đi giữa Hà Nội mùa thu chúng tôi cũng toát mồ hôi đầm đìa, chỉ mong chóng được nhảy xuống hồ bơi.

Tối thứ sáu, bác sĩ Ringer đãi các bác sĩ và Y tá của Viện Nhi ăn đồ biển tại một nhà hàng do bác sĩ Dung- giám đốc khoa sơ sanh -chọn lựa. Sau bữa ăn, Kirk và các cô bác sĩ trẻ rủ tôi và Liên Hạ đi xuống hội quán "Z" để nghe nhạc trẻ. Ham chơi, tôi trèo lên xe gắn máy của Kirk, phóng xuống trung tâm Hà Nội gần khu phố cổ. Vào quán một lúc, chịu không nổi khói thuốc, và sự ồn ào náo nhiệt của các thanh niên thiếu nữ, tôi và Liên Hạ cáo từ, lấy taxi về lại khách sạn. Thay vì đi nghe "nhạc trẻ," từ nay tôi nên đi nghe "nhạc già." Nhiều khi loại nhạc này hay làm lòng mình khấc khoải, ít nhất cái lỗ tai cũng có được chút sảng khoái.

Sáng thứ bảy, tôi dẫn Tom Vates và Liên Hạ ra chợ Đồng Xuân mua quà. Tom mua hai bao hàng thật lớn và lụa để may áo kimono cho vợ. Liên Hạ nghịch ngợm khiêng hàng bị trầy cả tay, tuy nhiên vẫn vui vẻ đem lụa ra tiệm Lạc Cầm để may kimono giùm Tom.

Trưa thứ bảy, Tuấn và mẹ bay từ Nha Trang ra Hà Nội. Tôi đến gặp anh tại khách sạn Hòa Bình. Anh đang bệnh vì bị dầm mưa ở Nha Trang. Liên Hạ và Tim gửi thuốc cho anh dùng. Tôi lo lắng muốn điên người khi nghĩ đến bệnh Sars. Cứ lâu lâu lại hỏi anh nhiệt độ cơ thể, may mắn thay anh không hề bị sốt. Tove cho tôi tên họ người em gái của bà đang sống tại Hà Nội. Vì nếu tôi không về Mỹ lại được, ít nhất tôi có người quen để liên lạc. Theo lời bà, thì những người Mỹ làm việc và trú ngụ tại Hà Nội thường có mối liên hệ thắm thiết với nhau và biết rõ các vấn đề cần thiết để một

người Mỹ có thể sống an toàn trên đất Việt. Chúng tôi dù là người Việt nhưng sau ba mươi năm sống trên đất Mỹ, làm công dân Mỹ, nói tiếng Mỹ và tiêu tiền Mỹ, tôi cảm thấy rất tin tưởng và an tâm với các người bạn Mỹ của mình.

Chiều hôm ấy, tôi theo lời mời, lên xe thổ về lại khách sạn Daewoo để sửa soạn cùng các bạn đi ăn buổi tiệc cuối cùng của Project Việt Nam. Ai ngờ người lái xe thổ là một kẻ say rượu. Hắn mở lời tán tỉnh bậy bạ lăng nhăng và đâm vào một chiếc xe khác ngay tại ngã tư đèn đỏ. Tôi chán nản ném cho hắn mấy ngàn bạc vì không muốn rắc rối, gọi chiếc khác chở tôi về, mặc hắn lải nhải sau lưng. Thấy tôi đi cà nhắc vào phòng, Liên Hạ vội vã lấy nước đá đắp chân cho tôi. Tôi ngồi trên giường vừa buồn vừa đau nên nước mắt chảy tràn lan trên má. Tom đến khám chân cho tôi, bảo không sao cả, chỉ bị thương nhưng không gãy xương. Tove đến phòng tôi sớm để cùng nhau đi, bà ngồi bên mé giường, nhìn tôi với ánh mắt thương xót. Tuy chân tím bầm, tối hôm đó tôi khập khiễng đi dự tiệc, mặc chiếc áo đầm mới anh Tuấn đem từ Nha Trang ra. Liên Hạ và Jane mặc áo dài đẹp như hai cô dâu. Các bạn tôi người nào cũng xuýt xoa cho sự rủi ro của tôi và đỡ tôi lên xuống các bậc thềm cũng như ra vào xe bus. Tôi không dám nói cho anh Tuấn biết rõ điều xảy ra cho mình vì sợ bị anh rầy. Anh luôn luôn cho rằng tôi quá liều lĩnh và hay coi thường số mạng. Lần này anh nghĩ rất đúng nhưng tôi dại gì nhìn nhận lỗi.

Buổi ăn kết thúc chuyến đi hôm nay có hơn 160 người, kể cả quan khách. Trong bữa tiệc, có dàn nhạc cổ truyền trình diễn, nhưng mọi người ồn ào như vỡ chợ nên chắc chẳng có ai thưởng thức được. Chị Quỳnh Kiều giới thiệu quan khách cùng các nhân vật quan trọng, rồi tổng kết thành tích của chuyến đi. Sau đó là ăn tối và chụp ảnh lưu niệm. Khi về phòng, tôi, Jane và Liên Hạ chụp ảnh Allen Tanner, chàng bác sĩ quang tuyến với bó hoa hồng khổng lồ anh đã ăn trộm tại phòng tiệc của tòa Đại Sứ Trung Hoa. Hôm qua, lúc anh mang hoa vào phòng, tay quyệt cái trán hói, thở ra, tủm tỉm cười và cho chúng tôi biết rằng: Lúc khiêng bó hoa vào thang máy, anh bị chị Quỳnh Kiều bắt gặp. Bây giờ thì chắc chị Quỳnh mới biết rõ về bó hoa hồng của Allen. Chắc chị cũng phì cười vì các trò chơi lí lắc của lũ trẻ.

Sáng thứ bảy, Liên Hạ và Jane đi ăn sáng thật sớm vì họ phải về Mỹ vào chuyến máy bay đầu tiên. Sau bao nhiêu năm chào từ biệt các người thân, đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy thật lẻ loi, hụt hẫng và trống vắng. Những giọt nước mắt rưng rưng trên mi chúng tôi đã ngập ngừng lăn xuống, đánh dấu những ngày vui bên nhau không còn nữa. Khung cửa thang máy từ từ đóng lại, tôi quay đi, lòng trống rỗng, chơi vơi.

Anh Minh thân,

Tôi trở về Hoa Kỳ một tuần sau đó, mission accomplished, một chuyến đi thôi mà đời tôi đã có thêm bao nhiêu là suy tư, bao nhiêu là kinh nghiệm. Tôi có thêm nhiều người bạn mới và trong tương lai, những người bạn này sẽ là đồng hành của tôi trong chí hướng phục vụ quê hương cũng như nhân loại. Cuối cùng tôi cũng chỉ có một câu kết luận:" *Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ*." Cũng phải cám ơn chị Quỳnh, một bàn tay chị đã đưa người bốn bể về lại một nhà.

Tháng mười hai /08/ 2003

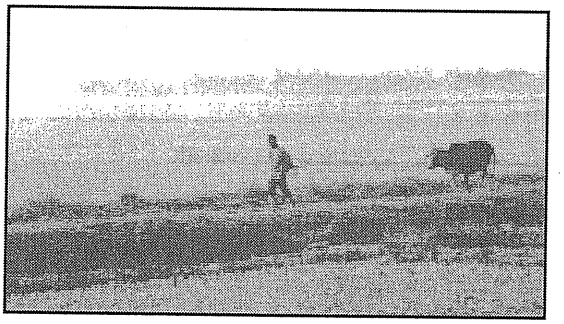

TẾT VÀ HOA

LAN HƯƠNG

1- Năm mới thời Xã hội chủ nghĩa

Còn cả tháng nữa mới đến Năm Mới, mà Moskva đã chăng đèn, kết cây thông ở tất cả mọi nơi. Nhìn ra xung quanh, đâu đâu cũng đã thấy tràn đầy không khí chờ đón một Năm Mới đang đến gần. Nhớ lại mới hơn chục năm trước, khi vẫn còn là thời Xã hội chủ nghĩa, và cả những năm đầu, sau khi nước Nga đã dành lại độc lập, Năm Mới vẫn chỉ là một sự kiện ở đâu đó rất xa xôi, một ngày của trời, của đất chứ không có gì ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi người. Hồi đó, phải đến giữa tháng 12, các bà, các cô mới đủng đỉnh chăng lên vài băng giấy mầu, vài dải dây kim tuyến xung quanh cửa hàng, gọi là có một dấu hiệu gì đó báo tin Năm Mới cũng gần kề. Cửa hàng nào cũng nhang nhác giống nhau, không có gì đáng gọi là đẹp cả. Mà cũng đúng thôi. Năm Mới thì có gì lạ! Theo đúng kế hoạch, hết một tháng phải sản xuất được ngần này cái ô tô, cũng theo kế hoạch, ngần ấy cái ô tô sẽ bán hết, vì ngần ấy người đã tranh nhau ghi tên hết rồi. Vậy thì Năm Mới... có gì lạ!

Có chăng, chỉ có dân nhậu, lại có thêm một cái cớ để say mềm mà không ai dám trách. Có lẽ vì thế, những cái hàng người xếp rồng rắn ở mỗi quầy rượu là dấu hiệu rõ nhất để báo Năm Mới đang đến gần. Nhưng đối với những người có tình yêu say đắm chai rượu vodka thì có bao giờ chê rượu, cho nên ngẫm cho cùng, người ta mua rượu không phải vì Năm Mới, mà chỉ vì gần đến Năm Mới, nhà nước mới cho bán nhiều rượu hơn để được xếp hàng. Thế nên, hóa ra Năm Mới cũng chỉ là một cái mốc trong kế hoạch chung của... nhà nước, kế hoạch mỗi năm một lần.

Năm Mới ở Liên Xô ngày đó, dân chúng chỉ được nghỉ một ngày mồng 1. Vừa đủ để những ai uống quá chén kịp tỉnh lại. Và rồi đời sống lại diễn ra như trước đó, như bao nhiêu năm trước, không làm người ta phải nhớ lại.

Ngay cả chương trình vô tuyến cũng diễn ra như thường lệ. Mỗi năm một lần, vào đêm 31 tháng 12, kênh truyền hình chính lại chiếu bộ phim "Sự chớ trêu của số phận," một bộ phim vừa hài, vừa lãng mạn về đêm giao thừa của một người đàn ông ở Moskva, vì quá chén mà lạc lên tầu xuống tận Leningrad, bây giờ là Saint Peterburg, để rồi đến nhầm nhà một người phụ nữ, cũng ở một phố y như phố của ông, cũng ở một số nhà, số phòng y như của ông, và trớ trêu nhất là chìa khóa của ông cũng mở được cửa nhà bà, để rồi gây nên bao nhiêu chuyện hiểu lầm, rắc rối và rồi... họ yêu nhau thật. Sự lặp lại thật có kế hoạch của bộ phim, làm người ta thấy thời gian thật.... trớ trêu, không biết đang đi hay đang... quay lại năm cũ.

Các ngày lễ ở Liên Xô ngày đó luôn tràn ngập cờ và biểu ngữ, để khích lệ và tăng thêm tinh thần cống hiến cho dân chúng! Riêng Năm Mới thật lạc lõng, không thể tìm thấy một ý nghĩa chính trị nào trong đó cả. Không phải ngày của cách mạng, không phải ngày của công nhân, cũng không có nhà lãnh đạo đáng kính nào chịu sinh vào ngày 1 tháng 1. Nên Năm Mới thành phố thật buồn tẻ, không khẩu hiệu, không cờ phướn, và cả những cây thông Năm Mới cũng chỉ được đặt ở một vài nơi biểu tượng của nước Nga như trong điện Cremly, trên quảng trường Đỏ.

Trong thành phố, sau khi cửa hàng cuối cùng đóng cửavào 9 giờ tối, khi những chai rượu cuối

cùng đã bán hết, thành phố hoàn toàn cô độc với những giờ khắc đầu tiên của Năm Mới. Tất cả mọi người đã trở về nhà, bầy lên bàn mọi thành quả của cả tháng đi tìm khắp thành phố, kiên nhẫn xếp hàng vài giờ, thậm chí nửa ngày. Này đây chai rượu Champagne mỗi người chỉ được mua hai chai, mà phải xếp hàng đến ba giờ ở mãi một cửa hàng ở đầu kia thành phố. Này đây con ngỗng phải bỏ cả ngày thứ bẩy lên tận cửa hàng trung tâm thành phố mới mua được. Còn đây nữa, hộp kẹo chocolate thử thách lòng kiên nhẫn của con người đến nửa ngày trời xếp hàng, và cả tháng... không dám ăn.Và những món quà này nữa cũng là cả một cố gắng phi thường để mang đến cho những người ruột thịt một niềm vui nhỏ bé trong năm!

Tất cả lòng kiên nhẫn, tất cả sự tìm tòi, tất cả nhiệt tình của cả năm được nâng niu đặt lên bữa cỗ tất niên. Đêm giao thừa, có lẽ đặc biệt nhất vì người ta được tự do ăn, uống những gì mình thích, không phải để dành. Một sự toại nguyện cho tất cả mọi người, vì ai cũng đã phải cố gắng thật nhiều để có một bữa tất niên đầy đủ như thế!

Và trong bữa tất niên ấy thường có thêm một điều đặc biệt nữa. Một bông hoa. Thường là một đóa hồng đỏ thắm hay ba bông cẩm chướng đỏ. Ở Liên Xô trước đây, cái gì cũng đã từng thiếu thốn, cái gì cũng phải xếp hàng mới mua được, từ muối, bánh mỳ đến bột giặt. Nhưng chưa bao giờ người ta phải xếp hàng mua hoa. Không phải vì hoa quá nhiều, mà chính vì nó quá ít, vì ít nên giá một bông hoa vô cùng đắt. Một bông hoa hồng tới 5 rúp, nghĩa là số tiền một người có thể sống được trong một tuần. Người ta chỉ dám mua hoa vào những dịp thật trọng đại, và thường chỉ mua một đến ba bông thôi, chứ thời đó ít ai mua cả một lẵng hoa lắm, nếu có, đó hẳn là bó hoa của một cơ quan nào đó có... đại hội đảng. Phải là một người chồng yêu vợ lắm, hay một người si tình bắt đầu yêu mới chịu bỏ ra một số tiền lớn như thế vì một bông hoa và cũng phải kỳ công lắm để đưa được cái sự sống mong manh, rực rỡ ấy vượt qua bão tuyết về nhà. Bông hoa trở thành biểu tượng của một lời yêu thương hiện diện suốt cả đêm tiệc. Và chính bông hoa đã làm cho bữa tiệc Năm Mới có một vẻ thật đặc biệt, thật khác thường, thật trang trọng nữa. Nó làm cho bữa tiệc năm mới khác hẳn với một bữa tiệc... nhậu.

2- Năm mới thời mở cửa thị trường

Mấy năm gần đây, khi kinh tế đã bắt đầu phục hồi Năm Mới ở Nga đã có một không khí thật khác xưa. Phú quý sinh lễ nghĩa chăng? Hay thực sự mỗi người cần một khoảnh khắc dừng chân trong cuộc sống, và ai cũng cố tạo cho mình một chỗ nghỉ thật tiện nghi?

Năm nào cũng vậy, chỉ đến cuối tháng 11 là người ta đã lo trang hoàng cửa hàng, quảng trường, công sở. Đúng ngày 1 tháng 12 mà cửa hàng nào còn chưa chịu trăng hoa kết đèn thì sẽ bị phạt. Còn chính quyền thành phố thì tổ chức đi chấm điểm trang hoàng cho cửa hàng nào có cách trang hoàng độc đáo, đẹp mắt.

Có lẽ, không cần phạt, chẳng cần chấm điểm, thì người ta cũng đua nhau bỏ tiền ra mời các nhà thiết kế đến trang trí cho mình có bộ mặt đẹp nhất, quyến rũ nhất để mời chào khách hàng cho một mùa bán hàng quan trọng nhất trong năm. Năm mới giờ đây không còn là việc riêng của ông già thời gian, mà đã là mùa làm ăn chung của tất cả mọi người, nên ai cũng tìm mọi cách kéo Năm Mới dài ra hơn, nhắc nhở người ta khéo léo nhưng kiên quyết hơn: Năm Mới sắp đến rồi đấy, phải nghĩ đến bộ quần áo mới cho bản thân, nghĩ đến những món quà cho người thân đi chứ!

Năm Mới ở Nga bây giờ không còn là một khái niệm mờ nhạt, lặp đi lặp lại nữa. Nó đã có một bộ mặt riêng, cũng là tý, sửu, dần, mão... đủ mười hai con giống như lịch phương Đông. Nó cũng có mầu sắc riêng nữa, mỗi năm các nhà chiêm tinh lại được một lần lên giá, phán đoán nên mặc quần áo mầu gì, kiểu gì vào đêm giao thừa, làm các cửa hàng phải luôn theo sát để tích trữ hàng cho đúng thị hiếu.

Thoát khỏi cái guồng quay đều đặn của một kế hoạch định sẵn, đến Năm Mới cũng nhiều sắc mầu, nhiều dáng vẻ hơn. Cứ nhìn bộ mặt của thành phố những ngày gần Năm Mới thì cũng đủ thấy cuộc sống đã đa dạng hơn rất nhiều, hay có lẽ đúng hơn, cuộc sống đã được trưng ra thành thật hơn, đúng như nó có chứ không phải mang một cái mặt nạ dập khuôn ai cũng như ai.

Có lẽ cái kỳ diệu nhất của Năm Mới là nó làm người ta dừng lại một chút, nhìn lại mình, chăm chú theo dõi thời gian trôi, quan tâm đến những người xung quanh và cảm nhận được mình là một phần bé nhỏ của thiên nhiên rộng lớn.

Ở xứ châu Âu này, Năm Mới rơi vào giữa mùa đông, nên thiên nhiên chỉ có thông xanh - hoa của đất, và tuyết trắng –hoa của trời. Nên trong mọi trang trí của Năm Mới ở đây cũng tràn đầy những biến thái khác nhau của thông, của tuyết. Nhưng cái phần thiên nhiên mà con người mang vào đời sống của mình, dường như thấm đẫm cả

ước mơ, cả mong ước của họ nữa. Những bông hoa tuyết trắng muốt đã biến thành muôn mầu sặc sỡ để không gian bớt cô quạnh. Cả những cây thông tưởng như chỉ có một sắc mầu cũng ra muôn vẻ trong mỗi ngôi nhà, góc phố. Tháng 12 ở Nga là tháng có ngày ngắn nhất, tuyết rơi nhiều và lạnh lẽo nhất. Nếu không có Năm Mới, chắc người ta sẽ thấy thật cô quạnh và buồn tẻ trong cái tháng lạnh lẽo này. Nhưng không khí rộn ràng của Năm Mới đã làm tuyết trở nên thật thân thiện, gần gũi, và ấm cúng nữa, đêm Giao thừa mà thiếu Tuyết thì mới thật là buồn tẻ, và lạc lõng làm sao.

Từ ngày 15 tháng 12, ở Moskva cũng bắt đầu họp chợ bán thông, y như họp chợ hoa của người Việt mình. Nhưng chợ thông ở đây thua xa chợ hoa của người Việt mình cả về sắc mầu, cả về sự nhộn nhịp và không khí tưng bừng thật đặc trưng của Tết Việt Nam. Cả thành phố sẽ mở ra chừng 300 chợ thông, ở mọi nơi. Nhưng gọi là chợ cho oai vậy thôi, chứ chợ thông rất nhỏ, mỗi chợ chỉ là một quầy bán quây lại thành một khu chừng hơn một trăm mét vuông với chừng vài trăm cây thông lớn nhỏ. Chợ sẽ họp đến ngày 31 tháng 12, rồi sau đó những cây thông... bị ế sẽ được mang ra cắm vung vãi trên cả bãi tuyết xung quanh đó, trả lại cho trời đất, những gì con người không dùng đến.

Tết ở Việt Nam, không nhà nào lại thiếu hoa, nhưng Năm Mới ở Nga không phải nhà nào cũng sắm cây thông, nhất là cây thông tươi. Thông tươi có một mùi hết sức dễ chịu, nó cũng dễ làm người ta say như mùi pháo ở Việt Nam mình ngày Tết. Nhưng nó cũng... nguy hiểm như vậy. Người ta tính ra mỗi năm có gần một triệu cây thông con bị chặt đi lãng phí quá, nên các tổ chức bảo vệ thiên nhiên ở Nga luôn vận động dân chúng dùng thông giả, vừa tiết kiệm cho bản thân, vừa tiết kiệm cho thiên nhiên khỏi bị tàn phá.

Từ xưa đến nay người Nga vẫn gọi Năm Mới là ngày lễ của gia đình, của sự quây quần sum họp bên bàn ăn tất niên và những lời chúc ấm áp nhất. Nhưng hóa ra họ chỉ tưởng thế, khi buổi tối không có nơi đâu để đi chơi, khi giá lạnh làm những người nồng nhiệt nhất cũng không muốn bước ra khỏi nhà. Mấy năm gần đây, khi các thành phố lớn, đặc biệt là Moskva đã có một đời sống về đêm nhộn nhịp với nhà hàng, casino, các trung tâm giải trí, đường phố sáng choang, và cả các cửa hàng làm việc suốt ngày đêm thì người ta đã không còn thích đón Năm Mới ở nhà nữa. Trên Quảng trường Đỏ, dân chúng tụ tập chờ nghe tiếng chuông Giao thừa từ chiếc đồng hồ số một của nước Nga gióng giả ngân vang. Các nhà hàng đều chật cứng khách hàng đến đón Năm Mới, người ta phải đặt chỗ từ vài tuần trước.

Ở trên đồi Chim Sẻ, người ta tụ tập để đốt pháo rất đông. Đường phố tấp nập, đông đúc, nào khác gì người Việt mình đi hái lộc đêm Giao thừa đâu.

Pháo có lẽ là cái mốt mới lạ nhất của Năm Mới nước Nga. Nếu người ta cho đốt pháo tự do ở Trung Quốc và Việt Nam thì có lẽ... muôn đời người dân Nga cũng không biết thế nào là tiếng pháo. Nhưng cái mốt đốt pháo bị cấm ở quê hương của nó đành phải xin tỵ nạn ở Nga đã dành được chỗ đứng khá chắc chắn ở đây. Mỗi năm, số lượng pháo đốt vào dịp Năm Mới lại nhiều hơn, đồng loạt hơn, và giờ đây, nó cũng đã trở thành một thứ biểu tượng không thể thiếu của Năm Mới như rượu Champagne, hay cây thông, ngọn nến...

LƯU VĂN VỊNH

Cô Gái Vườn Chè

Chân đồi Lim
gió vuốt ve đầu cỏ
cột đu nhún mình
lúc lại gần, lúc tung xa
quần lĩnh thướt tha
vạt áo ai trong nắng
vai tôi sột soạt giải lụa hồng
tiếng cười tiếng hát lan xa...

dây đu bay bổng
lúc sát đất
lúc bay cao
khúc khích tiếng cười
trong veo tiếng hát

ai là cô gái vườn Chè
cho tôi chiều nay làm Chúa
đâu bóng giai nhân Tây Hồ một thuở
để tôi về, thuyền thúng vớt xác hoa?

Và lọ hoa cũng đã trở thành một thứ không thể thiếu trong những bữa tiệc tất niên, bên cạnh cây thông với những chùm trang trí sặc sỡ. Bên cạnh những gói quà, người ta thường mua tặng nhau cả một bó hoa. Hoa đã trở thành một thứ biểu tượng đại chúng hơn, nó như một lời chúc mừng, như một lời thăm hỏi. Nhưng ở Nga, người ta vẫn chỉ dám trưng hoa, chứ không dám chơi hoa như ở Việt Nam mình. Hoa được chọn tùy theo túi tiền, tùy theo mức độ thân quen nhiều hơn là chọn theo sở thích của cả người mua và người được tặng.

Năm mới ở Nga cho ta cái cảm giác ấm cúng được mọi người nhớ tới qua những món quà nho nhỏ, cảm giác đầm ấm được tụ tập đông đủ bên bàn tiệc tất niên, nhưng nó thiếu cái không khí hòa quyện với thiên nhiên của phương Đông. Năm mới ở Nga có lẽ thực dụng, và dành cho con người nhiều hơn.

3- Tết ở Việt Nam

Tết ở Việt Nam có một hương vị, một linh hồn thật đặc biệt. Đối với những người đi xa nó càng quyến rũ và có sức hút mãnh liệt hơn. Gần Tết, vé máy bay từ Nga về Việt Nam tăng vọt lên gần gấp hai lần, từ 650 lên 1150 đô la, mà vẫn chẳng chuyến bay nào còn thừa chỗ. Nếu Tết Việt Nam cũng chỉ đơn giản là Tết để mỗi người mặc quần áo đẹp, nghỉ ngơi và tặng quà nhau như Năm Mới của Nga, thì có lẽ người ta đã không phải lặn lội vượt mấy ngàn cây số để trở về như thế. Tết của phương Đông có lẽ vượt lên trên cái thực dụng của mỗi người, cái ấm cúng của một gia đình, nó hòa vào với không gian xung quanh bằng thú chơi hoa, cây cảnh, hòa vào dòng thời gian vô tận bằng những nghi lễ thờ cúng tổ tiên, tảo mộ ông bà. Tết vừa là ăn Tết, vừa là chơi Tết, vừa thưởng thức Tết. Tết có thật nhiều thú chơi kỳ công: chơi hoa, chơi tranh Tết, chơi câu đối. Những thú chơi tranh, chơi câu đối đã thành cổ xưa, lạc hậu, lui dần vào những trang lịch sử, riêng thú chơi hoa vẫn là một trong những nét không thể thiếu của Tết.

Trước đây những làng hoa xung quanh hồ Tây vẫn nổi tiếng nhất về nghề hoa, như đất Yên Phụ, Yên Thái, Làng Bưởi, làng Võng Thị chuyên trồng hoa tạp từ thược dược, đồng tiền, đến hoa bướm, chân chim, hoa hồng. Làng Nhật Tân, Nghi Tàm, Quảng Bá chuyên về đào và quất, nhưng họ cũng trồng rất nhiều loại hoa khác nữa để gối vào những khoảng đất trống. Ở mấy làng này cũng có những gia đình chuyên về cây cảnh. Nhưng trồng cây cảnh nổi tiếng nhất phải kể đến làng Vị Khê gần thành phố Nam Định. Trong thành phố cũng có một vài làng trồng hoa nhỏ nữa như làng Ngọc Hà, làng Cầu Giấy, nhưng ở đây chỉ là những nhà trồng hoa nhỏ, phục vụ cho việc bán hoa cúng trong năm chứ không phải những nhà trồng hoa Tết. Hoa trồng quy mô, và đẹp nhất là những làng hoa ở xung quanh hồ Tây. Có lẽ không khí mát mẻ của hồ và cái đất ở đây hợp với hoa, nên hoa ở đây bao giờ cũng nuột nà hơn những nơi khác. Chỉ tiếc rằng cùng với sự mở rộng đô thị và những cơn sốt đất, đất trồng hoa trong thành phố cứ co rút lại dần, ngay cả vùng hoa nổi tiếng bao đời xung quanh hồ Tây cũng không còn được bao nhiêu nữa.

Đối với người trồng hoa Tết, thì mùa hoa đã phải chuẩn bị từ cuối tháng Chín âm lịch. Những loại hoa ngắn ngày như hoa bướm, thược dược, chân chim chỉ cho hoa một lần, nên phải tính đúng ngày gieo hạt, trồng cây non để đến cuối tháng 12 đón được lứa nụ đầu tiên trổ bông. Gặp phải những năm rét đậm, nụ ngậm chặt không chịu nở hoa, hay phải những năm trời nồm chưa đến Tết mà hoa đã nở đại trà thì người trồng hoa lại một phen điêu đứng, chẳng còn tâm trí đâu mà ngắm hoa nữa. Đối với những cây cho hoa liên tục như đồng tiền, hoa hồng hay cúc đại đóa thì không đáng lo lắm, chỉ cần bón thúc một đợt khoảng hai tháng trước Tết là yên tâm chờ đón một đợt nụ đại trà cho dịp Tết.

Nhưng khổ nhất là những nhà trồng đào. Phải là những người trồng hoa giầu kinh nghiệm lắm mới dám trồng thứ hoa kỳ công này. Khó nhất trong nghề trồng đào là tính được ngày bấm ngọn, thúc cây hoa ra nụ kịp nở đúng mùa Tết. Những người trồng hoa đào, gặp năm thời tiết trở trời, trái tính, họ cũng đứng ngồi không yên cùng với vườn hoa.

Trong làng hoa, những người trồng cây cảnh được thán phục nhất. Nó không chỉ đòi hỏi người trồng cây phải có một sự kỳ công, tỷ mẩn mà còn phải có một trình độ tư duy và thẩm mỹ thật tinh tế thì mới tạo được một dáng cây đẹp. Có những cây phải uốn nắn hàng chục năm mới thành hình. Nhưng nó là cả một công trình nghệ thuật mà ai nhìn vào cũng phải tấm tắc, thán phục. Mốt chơi cây cảnh mãi gần đây mới nổi lên, làm người ta đua nhau trồng, đua nhau tỉa, chứ ngày xưa ít ai có tiền để chơi những chậu cảnh hàng chục triệu, nên những nhà trồng hoa chỉ trồng một vài cây

để đem khoe với khách, để đổi cho nhau, như một cái thú tiêu khiển, như một sự khoe ngầm của những nghệ nhân trồng hoa.

Trồng hoa đã khổ, nhưng đi bán hoa lại khổ hơn nữa. Ở Hà nội cho đến giờ vẫn chưa có giới buôn hoa chuyên nghiệp để thu mua, phân phối hoa cho các nhà trồng hoa, nhất là vào dịp Tết, khi lượng hoa trở nên quá nhiều. Những nhà trồng hoa cũng lại là những người phải tự mang hoa đi bán. Có khi cả nhà từ ông già, bà lão đến những em bé vừa tuổi đến trường cũng được huy động đi bán hoa từ sáng sớm ở các chợ hoa. Người bán hoa chẳng cần lều trại, chỗ ngồi cố định, chỉ một chiếc xe đạp, một đôi quang gánh thế là thành một hàng hoa di động. Hoa không có giá, người ta cứ "trông mặt mà bắt hành dong" thôi. Gặp người dễ tính hoa có thể lên đến 10 ngàn một bó, mà gặp phải mấy bà khó tính nó chỉ còn sáu ngàn cũng là chuyện thường. Ai chẳng biết người trồng hoa mang tâm lý phải bán hết, chứ phải mang về... thì biết làm gì với cả gánh hoa nát! Nhưng cũng có năm đến đêm 30 Tết, người đi chơi đông, không còn hoa để người ta mua lấy lộc, thế là những bông hoa bình thường chỉ một, hai ngàn bỗng tăng vọt lên cả 10-15 ngàn. Những nhà trồng hoa phải cắt cả những chiếc nụ vừa bật lớp vỏ xanh đi bán, để rồi sáng mồng Một họ lại cắt tỉa đu đủ, cà rốt để làm hoa trang trí cho nhà mình. Người bán hoa cũng như kẻ đi mua hoa đều không phải... dân chuyên nghiệp, nên giữa người bán hoa với kẻ mua hoa không có cái tâm lý của kẻ bán, người mua thông thường, họ như những bạn cũ lâu ngày gặp nhau để hàn huyên về hoa, về Tết. Nhất là khi đi mua đào thế, cây cảnh. Người bán, kẻ mua ngồi khề khà tán về hoa, về thế cành có khi cả buổi, hết cả mấy tuần trà, rồi mới trả tiền lấy hoa đi. Người mua trả tiền đấy mà hân hoan như được của biếu, người bán được tiền đấy mà buồn bã như xa người thân.

Đối với người mua hoa, hoa Tết chỉ bắt đầu khi chợ hoa bắt đầu họp sau ngày 23 tháng chạp. Ngày trước ở Hà Nội có hai chợ hoa lớn nhất là chợ Bưởi và chợ hoa Hàng Than. Nhưng rồi dần dần, hoa cũng như những loại hàng khác, lan trải ra khắp thành phố, đâu có khu dân cư, đâu có người mua hàng, là ở đó cũng có hàng hoa. Nhưng người đi mua hoa vẫn thích được đến chợ, nơi tập trung nhiều loại, nhiều người bán hàng. Vì đi mua hoa Tết không đơn giản là một việc mua bó hoa, mà thành một cái thú chơi chợ, ngắm hoa và thưởng thức muôn vàn vẻ đẹp của hoa. Chợ Bưởi chỉ họp vào những ngày nhất định, ngày 4, 9, 14, 19, 24, 29 âm lịch. Nhưng từ ngày 24 tháng chạp đến Tết, thì chợ Bưởi biến thành một chợ hoa rất rộng, trải dài từ đầu phố Thụy Khuê lên đến đầu phố Hoàng Hoa Thám. Chợ Bưởi nổi tiếng với hoa đào và quất, vì các làng hoa Nghi Tàm, Nhật Tân và Quảng Bá đi ra đây rất gần, cứ men theo con đường Bưởi là ra đến chợ.

Chợ hoa Hàng Than thì rộng hơn, và nhiều chủng loại hoa hơn chợ Bưởi. Đến những ngày giáp Tết, chợ hoa ở đây mở rộng ra thêm cả mấy phố lân cận. Người bán và kẻ mua san sát bên nhau, chẳng còn nhận được ai là người đi bán, ai là kẻ đi mua nếu không có những lời mời chào còn ngượng nghịu của những cô bán hàng bất đắc dĩ. Người mua không vội, họ phải đi hết một vòng chợ, trả giá, so đo chán rồi mới mua, quả đúng là "cưỡi ngựa, xem hoa."

Dân chơi hoa cầu kỳ lại không bao giờ đi mua hoa ở chợ. Họ bao giờ cũng về tận làng hoa, vào tận vườn để chọn, để ngắm hoa. Và đối với dân nghiện hoa như thế, thì cái thú được ngắm cả rừng hoa ấy mới thật đáng để tâm, chứ mua một cành mang về thì không phải mục đích chính. Mà phải đi chọn hoa ít nhất một tuần hay 10 ngày trước Tết, thì mới tìm được cành đào, hay bụi quất vừa ý, mới được ngắm rừng hoa đang độ e ấp, chứ muộn hơn nữa thì nhà hoa đã kịp chặt vãn vườn rồi. Thú nhất, có lẽ là đến vườn hoa vào sáng sớm, khi ngày vừa sáng rõ, hoa vừa sau một đêm tắm sương còn đượm đà mùi hương, còn mơn mởn sức sống. Đi giữa những luống hoa đều tăm tắp, mỗi hoa mỗi vẻ, mỗi hoa mỗi mầu thật là ngây ngất. Nhưng có lẽ cái cảm giác sung sướng ấy thật đậm đà khi được đi giữa rừng đào chúm chím, e ấp. Chẳng biết có bao chàng Thôi Hộ bị cô thôn nữ bắt mất hồn ở những vườn đào ấy để phải bật lên lời thơ:

Ngày này năm ngoái cửa ngoài
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi
Mặt người chẳng biết đâu rồi
Hoa đào còn đó vẫn cười gió đông

Nhưng những cánh đào mơn mởn, mong manh mà cao sang, hồng thắm cả một rừng thật là một cảnh đẹp làm lòng ai cũng thấy xao xuyến.

Dù mua hoa ở đâu, dù mua sớm hay muộn, thì đến đêm giao thừa không một gia đình nào lại thiếu hoa trong nhà. Hoa được trân trọng đặt trên bàn thờ, hoa được cách điệu cắm trên bàn nước, hoa được cắm ở mọi nơi, mọi kiểu để chờ đón một ngày năm mới, để mời một góc xuân ghé thăm nhà, mang theo phúc lộc, mang theo sự sinh sôi./.

MỘT VÒNG CỔ TÍCH

TÂM THANH

Năm trước, các nông trại Na-uy trả lương bạc bẽo đến nỗi thợ làm mùa từ Nga, Ba-lan cuối mùa hè không đủ tiền mua vé tầu về xứ, nên năm nay họ đi làm ăn nơi khác hết, ít nhất là không làm nông trại nữa. Ông Per chủ một nông trại ở Gjerdrum phải kêu tôi về làm, lương cao hơn việc rửa chai bia, mà khoảng khoát hơn. Người làm chung với tôi là một cô gái tên Ida. Cô này coi được, đang học Trường Cao Đẳng Nông Nghiệp Aas, về đây thực tập. Trừ cái rốn phơi ra không còn gì là phong hoa bế nguyệt nữa (nhưng biết sao được, năm nay quần con gái cái nào người ta cũng may hở rốn hết), Ida có một vẻ huyền bí khiến người ta tò mò – những lúc nó nhìn trời xa vắng. Nhưng có những lúc nó bạo dạn khiến người ta sững sờ. Cuối ngày làm việc đầu tiên, khi chào từ giã, nó hỏi:

"Anh đã gặp người tình của anh chưa?"

"Chưa."

"Vậy thì giống tôi."

"Em nói em *còn không* chớ gì," tôi nói thầm, nhớ câu hát *'Sao anh không hỏi những ngày còn không'*. Tôi nghĩ tiếp "Cứ để đấy. Nội trong kỳ này là em hết còn không cho mà coi."

Nó nhìn tôi gật gù ra chiều đọc được ý nghĩ thầm kín của tôi và biểu đồng tình.

Chúng tôi được bao ăn trưa, có lúc ăn chung với ông bà chủ, có lúc ăn hai đứa. Ăn xong Ida luôn luôn dọn dẹp và rửa đĩa, tách cho mọi người. Tôi hài lòng vì nó có vẻ một đứa con gái Việt Nam nền nếp. Để chứng tỏ là một người con trai Việt Nam tiến bộ, tôi lau khô đĩa tách nó vừa rửa.

Một lần đi qua cái hồ nhân tạo có cặp ngỗng bơi, nó hỏi:

"Anh định bao giờ gặp người tình của anh?"

Tôi có cảm tình với nó thiệt, nhưng mới có mấy ngày làm việc chung, chưa kịp hiểu nhau, chưa có gì là đắm đuối... tại sao nó lại hối thúc như vầy? Tôi giảm sự hứng thú và nghĩ rằng dù nó có rửa chén sau khi ăn, và kêu ré lên khi thấy con sâu... cũng chưa thành gái Việt Nam được. Tuy nhiên cũng nên có một lời thân thiện:

"Có duyên thì gặp thôi, không chóng thì chầy." Tôi cố dịch câu thành ngữ rắc rối của người Việt rắc rối *"Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ."*

Ida tươi nét mặt, nụ cười của nó thật đẹp:

"Thiệt hôn?"

Vẻ tình tứ của nó khiến tôi vui mừng đã không dịch vế thứ hai trong câu đối rắc rối *"Vô duyên tương kiến bất tương phùng."* Bởi vì rõ ràng chúng tôi đang 'thấy nhau' và đang 'gặp nhau'.

Công việc đầu tiên trong ngày của chúng tôi là vắt sữa bò. Cả thảy chín con bò sữa, chúng tôi vắt hai con một lượt, vì sẵn hai cái máy. Một hôm Ida cầm cái vú bò xịt sữa đầy vào mặt tôi rồi cười như nắc nẻ. Tôi làm mặt giận và bắt nó liếm sữa trên má tôi. Nó đã không liếm, lại còn lấy miếng giấy vừa lau vú bò dơ dáy chùi mặt cho tôi. Hôm sau tôi trả đũa bằng cách xịt sữa vào đầy mặt nó. Rồi đòi liếm. Nhưng nó không cho. Tôi chùi vệt sữa chảy trên ngực áo nó thì nó để yên. Sau khi vắt sữa, tới mục thả bò ra đồng, và rửa chuồng. Sau cái hôm Ida để cho tôi chùi sữa trên ngực thì tôi nhường cho nó công việc nhẹ nhàng thả bò, còn tôi nhận phần dơ dáy đủn phân xuống hố và rửa chuồng. Nó không nói ra hai tiếng cám ơn, nhưng trước khi rong con bò cuối cùng, con bò đực khổng lồ đen thui, ra khỏi cây cản sắt, nó nhìn 'người ở lại' một cái dài đầy ái ngại, đủ để người ở lại vui lòng làm thân trâu ngựa. Lúc đó một chùm ánh sáng mặt trời chiếu vào mái tóc nâu bềnh bồng và gò má lấm tấm mồ hôi của nó. Cái gì ở đây cũng nồng nàn – cả mùi rơm ướt và phân chuồng. Và tình tứ – cả những con bò. Người ta bảo ngu như bò, nhưng nếu bò ngu thì cả loài người đã ngu hết rồi, bởi vì bò cái là vú nuôi của loài người. Bò chẳng ngu đâu, chúng có một linh tính và ký ức tốt, chúng nhớ trời cao đồng rộng của mùa xuân năm trước, nên ngoan ngoãn theo Ida ra đồng, nhiều con say sưa trời mới đất mới, hứng tình nhảy break dance. Ngược lại những con chưa hưởng không khí tự do, những con sanh vào mùa đông vừa qua, và ở miết trong chuồng tối

tăm thì chắc coi mặt trời là một ông kẹ chuyên nhậu... bê thui, nên quyết liệt khước từ đời tự do. Chúng tôi phải chờ ngày râm mát và lặng gió, và có sự trợ giúp của ông Per kinh nghiệm, mới dám thả bò. Tiếng Na-uy có từ thơ mộng đồng quê để gọi công việc này – *vaarslepp,* thả bò mùa xuân. Mùa xuân năm nay có mười hai con bê choai choai để chúng tôi vật lộn. Tôi thòng dây vào cổ con bề mà kéo, Ida cầm gậy quất vào lưng giục, ông Per cầm đuôi bẻ lái. "Bí quyết nằm ở thế cầm đuôi này," ông Per hãnh diện nói. Tôi dịch trong đầu là 'điểm huyệt'. Bí quyết của ông Per có vẻ hiệu lực với hầu hết, nhưng có một con bò non lì lợm đứng chình ình đến dăm phút không nhúc nhích, rồi đùng một cái vùng chạy như điên. Tôi tuột dây thừng, té ngửa trên vệ đường đất ướt , Ida té sấp đè lên tôi. Ông Per thì làm như có ma lực không buông cái đuôi bò ra được, cứ cắm cổ chạy theo cho tới khi té lộn mấy vòng, văng vào bụi cây duối.

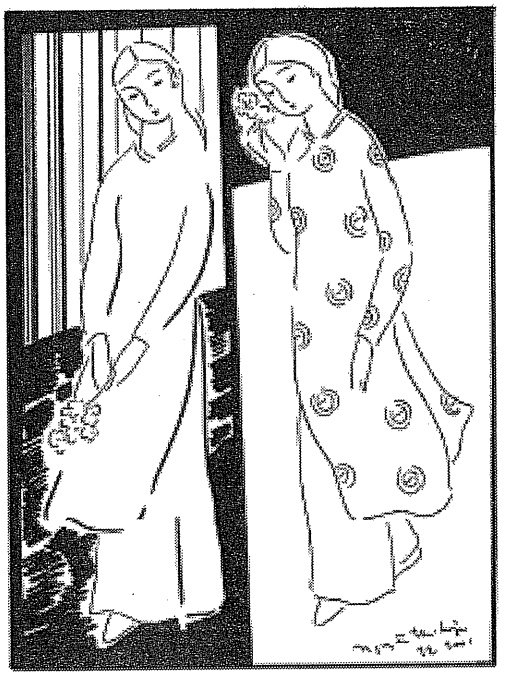

Những công việc khác, sau đó, như nhổ cỏ lồng vực (trại này là trại sinh thái nên không dùng thuốc diệt trùng, diệt cỏ dại), tiếp đồ ăn vào máng... chúng tôi đều làm chung, một cách thích thú như trò chơi. Ida thích nhất việc cho bê con bú bình. Con bê say sưa nút núm vú giả, chốc chốc lại húc kình kình vào bình sữa như cầu thủ bóng đá đội banh. Chiều nào xong việc sớm chúng tôi cùng nhau ra quán cà phê ở Ask ngồi chơi với nhau. Sau đó Ida trở vào trại ngủ trong căn nhà dành riêng cho nó. Tôi về Oslo mơ mộng trong căn nhà độc thân của tôi.

Thứ sáu hôm nay bà chủ trại bận đi lên miền Bắc đưa ma bà dì, còn ông Per lợi dụng dịp này đi đánh bingo. Ông giao trăm bạc cho Ida đi chợ. Tôi nói nó cứ giữ tiền, tôi sẽ lo đồ ăn cho cả hai. Tôi ra tiệm Việt Nam mua bánh mì baguette nhồi thịt và hai chai bia nhẹ, rồi rủ Ida lên đồi, nơi có cây phong già 600 tuổi.

Tôi hỏi Ida:

"Em có biết cái nhà bếp của ông Per chúng mình vẫn ngồi ăn trưa có gì đặc biệt không?"

"Không... Baquette ngon nghê!"

"Em thấy ngon hả? Mai ăn nữa... Đó là nơi ông Asbjoernsen ngồi viết truyện cổ tích đấy."

"À vậy? Anh biết nhiều về Na-uy hơn em."

"Nhiều nhỏi gì đâu. Cách nay hai năm anh cũng làm ở đây, ông Per kể cho anh nghe. Asbjoernsen lúc đó đang là một sinh viên y khoa về đây làm gia sư. Lúc rảnh ông đi lang thang trong vùng và chiều về ngồi trong bếp nhìn ra đây viết *Truyện Cổ Na-uy.*" (*)

"Hèn gì mỗi lần ăn trưa anh luôn dành cái ghế cổ vừa ăn vừa nhìn qua cửa sổ."

Tôi mỉm cười, im lặng. Lý do tôi nhìn qua cửa sổ là vì ông Per còn kể một giai thoại nữa về Asbjoernsen, nhưng tôi nghĩ chưa tới lúc kể lại cho Ida nghe. Phải chờ dịp. Ida tiếp tục ăn một cách ngon lành, thỉnh thoảng ngẩng đầu nhìn mây xa. Hai cứ chỉ chỏi nghịch nhau – nhai và nhìn mây – nhưng tôi vẫn thích ngắm như có người thích ngắm tranh mạn sắc. Tôi liệng một khúc cây cho con Karma đi lượm, ba lần liên tiếp. Giá mà tôi 'tớp' được giấc mộng của tôi một cách gọn gàng như con Karma nhỉ, tôi nghĩ, rồi đút miếng bánh mì còn lại cho con chó khôn. Tôi quên chừa ớt ra cho nó, nên nó bị sặc. Khúc bánh cho Ida thì lúc nãy tôi có dặn kỹ tiệm không bỏ ớt. Nhìn xuống thung lũng xanh tươi đã sạch gần hết cỏ lùng, chỉ còn một khoảng trên đồi phía nam chưa được thanh toán.

"Mai tụi mình thanh toán đám kia," tôi dồn hết tâm tình vào chữ 'tụi mình' trong câu nói, như anh nông phu nói với em thôn nữ – như chúng tôi không phải là hai đứa làm hè.

"Mình cứ từ từ làm," cô thôn nữ đáp và tu hết lon bia.

Tôi muốn để dành câu chuyện thứ hai về Asbjoernsen tới tuần sau mới kể cho Ida nghe. Hy vọng ông Per tưởng đã kể cho Ida nghe rồi, không kể nữa.

Nhưng chẳng bao giờ tôi có dịp kể giai thoại. Thứ hai tuần sau Ida không trở lại.

"Mày có biết con Ida đi đâu không?" ông Per hỏi.

"Ông không biết thì làm sao tôi biết được!" Tôi nhăn nhó.

"Mày lên phòng nó coi, không chừng nó đau hay ngủ quên. Trên lầu hai."

Mé bên kia có một dãy nhà ngang ngày xưa dành cho tá điền, ngày nay được dành cho khách và người làm mùa ở xa tới, mọi năm có năm sáu người ở, năm nay chỉ có mình Ida. Tôi chạy lên lầu hai, mở cửa cả hai phòng, không thấy Ida đâu cả.

Tôi thui thủi làm việc một mình hết ngày thứ hai. Vừa làm vừa lo cho Ida gặp chuyện chẳng lành. Cử động tay chân trong lúc lo lắng khiến tối về tôi đau nhức như bị cúm. Tôi mở internet để lùng số điện thoại, nhưng tôi không biết tên họ của Ida. Hôm sau tôi hỏi ông Per tên họ của Ida, ông cho tôi không những tên họ mà cả một số điện thoại mà ông đã thử gọi và không ai trả lời.

Vắng Ida, tôi bắt đầu thấy nông trại không những hoang vắng mà còn hôi thúi. Tôi muốn nghỉ việc ngay, nhưng ông Per, và cả bà vợ cùng năn nỉ tôi làm hết mùa, ông tăng lương thêm mười đồng một giờ. Tôi nhận ở lại – không phải vì tiền mà vì nghĩ lại ít nhất ở đây tôi còn gần gũi được những dấu vết của Ida. Cái dấu đất ướt nơi nó té sấp trên mình tôi hình như vẫn còn. Và cái bàn gỗ mộc trong bếp nơi Asbjoernsen ngồi viết truyện cổ tích, Ida ngồi đó, biết đâu trên chính cái ghế cô tiểu thư con ông chủ trại năm xưa đã ngồi.

Hết hè sang thu, công việc đầu tiên của tôi là đi Aas. Tôi nghĩ đi đâu thì Ida cũng phải về tựu trường. Hỏi tới hỏi lui khắp nơi liên hệ tới Trường Nông Lâm Súc, từ văn phòng tới hiệu trưởng, thầy cô, bạn bè và ký túc xá, cuối cùng một anh sinh viên đầu trọc mách nên hỏi cô bạn chung phòng với Ida năm ngoái, tên Vigdis. Tôi phải chờ hôm sau mới gặp được Vigdis bằng cách xông vào giảng đường đang giờ giảng bài.

"Nó sang Anh rồi," Vigdis viết trên tờ giấy.

"Học?" tôi viết lại.

Cuộc bút đàm tiếp tục:

"Không, sang ở luôn."

"Tại sao?"

Vigdis quay lên lắng nghe ông giáo sư, hí hoáy ghi chép. Chừng nửa giờ sau – không, thực ra tôi không biết thời gian lúc bấy giờ dài ngắn là bao nhiêu – cô sinh viên mới viết vào tờ giấy, mắt vẫn quay lên bục giảng:

"Theo người yêu."

Tôi không tin vào mắt mình. Có thể tôi bị chứng loạn thị, hoặc bỗng nhiên mắc chứng thất ngôn, không đánh vần được chăng. Tôi viết lại:

"Người yêu?"

Cô gái đọc mấy chữ tôi vừa viết, thở dài, rồi lại quay lên bục giảng. Một lúc sau, vâng, không biết là bao lâu, cô ghé tai tôi nói nhỏ:

"Anh ra đi! Để tôi nghe giảng. Giờ giải lao gặp tôi trên căng tin."

"Tôi ra ngay bây giờ?"

Trên căng tin, tôi ngồi chờ bên một cái bàn

PHẠM CÂY TRÂM

Vô Ngôn

Năm tàn ngồi uống rượu
Trời lạnh mang Xuân về
Chữ nghĩa ngày tơi tả
Thương nhớ nghẹn tình quê.

Tha phương đời gỗ mục
Ước vọng ngày xót xa
Nhục vinh Xuân ươm lộc
Ngậm ngùi bóng mây qua.

Thấy Xuân thấy tóc bạc
Trắng kiếp mây phiêu bồng
Thấy Xuân thấy bất hạnh
Phương trời mãi lưu vong.

Sắp sửa thêm lên tuổi
Bỗng dưng quanh im lời
Bài thơ như dấu lặng
Từ lịch những hờ rơi.

Cuối năm 03

nhìn ra một cái hồ nhân tạo, tình cờ, cũng có những con ngỗng hay thiên nga gì đó đang bơi. Vigdis ngồi xuống quan sát tôi rất nhanh rồi mới kể tiếp:

"Trước khi đi, nó khoe với tôi đi theo người yêu, người yêu chưa gặp mặt của nó."

"Người yêu chưa gặp?"

"Anh có nói tiếng Na-uy không vậy? Từ nãy tới giờ tôi viết hoặc nói câu nào anh lập lại câu đó."

"Ừ nhỉ," tôi nói thầm. Nhưng riêng câu 'người yêu chưa gặp' tôi *phải* lập lại, bởi vì tôi chỉ lập lại một điều Ida đã nói với tôi trong nông trại, mà bây giờ tôi mới hiểu. Lại là một mối tình thời đại 'internet', 'chat' và tìm bạn bốn phương. Thế mà hôm đầu nó hỏi tôi 'gặp người yêu chưa' tôi cứ ngỡ là nó hỏi 'có bồ chưa'.

Tôi cười trừ, hỏi:

"Cô ấy bỏ học luôn?"

"Có lẽ vậy."

Tôi ráng che dấu vẻ chua chát trong câu nói:

"Coi bộ tình lớn dữ ạ."

Vigdis cười dòn, ngả lưng ra sau, nhìn ra ngoài công viên có hồ thiên nga, nói:

"Lớn chớ. Tối ngày nó thả mộng về phương trời xa."

"Đúng là Ida, lúc nào nó cũng thế!"

"Anh liên hệ với Ida thế nào?"

"Chúng tôi làm hè chung trong một nông trại."

Đôi mắt thông minh của Vigdis lóe một ánh chế diễu, nhưng miệng cô lại thân thiện hỏi chuyện nọ chuyện kia về nông trại.

Vậy cũng xong. Tôi không phải là người duy nhất bị cho leo cây... phong già. Tôi cho rằng cái ghế tôi ngồi trong nhà bếp nông trại góp một phần lớn trong cuộc tình một chiều của tôi. Xưa Asbjoernsen đã ngồi cái ghế đó chỉ bài cho tiểu thư con gái ông chủ trại, cô gái mười bốn tuổi nổi tiếng xinh đẹp khắp vùng. Cô là hiện thân của bao nhiêu nhân vật nữ trong các truyện cổ của ông. Bao nhiêu bài thơ ông viết cho cô. Những buổi chiều nắng, hai người ngồi dưới gốc cây phong cổ, ông đọc cho cô nghe một truyện cổ tích ông vừa chép xong, và lắng nghe lời bình phẩm mà ông cho là đích thực của người trong cổ tích. Nhưng truyện riêng ông lại kết cục thành một cổ tích buồn – một buổi trưa chủ nhật, sau khi đi nhà thờ về, cô còn xúng xính trong bộ đồ bunad(*) và ông trịnh trọng trong y phục ngày lễ, ông nắm tay cô lên đồi, lại bên cây phong già. Ông quỳ gối trước mặt cô xin cầu hôn. Nhưng trước sự ngỡ ngàng của ông, cô lắc đầu, khóc và chạy a xuống đồi. Ông chẳng hiểu được lòng cô gái – cô hoảng sợ trước tình yêu, cô bối rối giữa khúc ngoặt cuộc đời, cô thẹn thùng với tình đầu, hay cô đã có người yêu rồi? Chàng sinh viên y khoa thất tình cắp gói ra khỏi nông trại, tiếp tục kể truyện cổ tích. Chàng đã kể truyện cho hàng chục triệu người trên thế giới nghe, chàng lý giải hằng ngàn việc đời, nhưng không giải nghĩa được tại sao một người yêu người này và tại sao không yêu người kia. Cùng lắm chắc cũng đến đổ bừa cho 'duyên số' như người Việt tôi thôi.

Riêng trường hợp tôi, duyên chưa dứt. Một chiều mùa đông tuyết buông trắng xóa trời đất. Tôi đang ôm cây đàn guitare tình tang vài khúc cho đỡ tẻ lạnh thì nghe tiếng chuông kêu cửa. Ida tiều tụy hiện ra giữa khung cửa.

Nó ôm chầm lấy tôi mà tuôn nước mắt lên vai lên ngực. Tôi dỗ dành chán nó mới nguôi cơn và kể sự tình. Nó quen 'người tình' của nó qua internet. Qua ngôn từ nó hình dung chàng là một trang nam tử hào hoa. Đối lại chàng cũng hình dung nó là một bậc nữ lưu tuyệt sắc. Sở dĩ cả hai chưa ai có ý trung nhân là vì chưa gặp đối tượng xứng hợp. Chàng viết cho nó là cứ bán nhà bán cửa sang coi nông trại cho chàng, vì một mình chàng xoay như chong chóng mà không kịp, công việc bề bộn quá sức. Nhưng khi Ida sang Anh, tới địa chỉ một nông trại ở Surrey cách Luân-đôn ngót một giờ xe điện thì người gác-dan cho một địa chỉ khác ở Luân-đôn. Ida tìm đến một căn phòng tồi tàn, cửa nẻo không khép, thấy 'người tình' đang nằm trên giường với một người đàn bà lõa thể.

"Tại sao em dám bỏ hết, nhà cửa, học hành, đi theo một cái bóng như vậy?" tôi âu yếm trách móc.

"Em tưởng như vậy mới là yêu hết mình."

"Em trở lại Na-uy lâu chưa?"

"Em ở lại Luân-đôn hai tuần để xác định mình không lầm người, gần hết tiền túi thì quay về Oslo."

"Mấy tháng nay em ở đâu?"

"Ở nhà bạn bè, nay đây mai đó, không đứa nào chứa chấp lâu được." Nó ngưng một lúc, dấn đo rồi gọi "Anh!"

"Chi?"

"Cho em ở với anh được không?"

Tôi để cho Ida ở tạm trong nhà, ngủ ở sô-pha.

"Cho tới khi em kiếm được chỗ ở," tôi giao hẹn.

Cô nam quả nữ ở chung trong căn nhà năm

mươi sáu mét vuông, sao không khỏi có những lúc cọ xát tóe lửa, nhưng tôi tránh né hết. Tôi không thể khờ khạo thêm một lần nữa.

Tới mùa xuân nó vẫn còn ở lì trong nhà. Nhớ lại mấy tháng nay nó ngoan ngoãn làm bếp, rửa chén, giặt giũ như một bà nội trợ Việt Nam. Cũng tội. Chỉ còn mỗi cái tật cố hữu tôi không chịu được là trong nhà tôi mà nó ngồi bên cửa sổ nhìn mơ màng lên trời. Tôi biết lòng tôi không còn như xưa để mà ghen tuông, nhưng quả là ngứa mắt, quả là coi thường lòng thương hại của tôi. Nhưng tôi không nói gì cả về điều này. Không liên quan tới tôi. May mắn, chính cái lợn cợn này giúp tôi nhiều đêm khuya có sức đẩy cái đầu Ida ra khỏi vai, và đặt cho nó nằm ngủ, đắp mền cho nó, rồi tắt TV, vào phòng khóa lại.

Một hôm ông Per điện thoại hỏi năm nay tôi có muốn làm hè không. Tôi nói sẽ trả lời ông sau. May mà ông ấy không hỏi thăm Ida, không thì không biết trả lời ra sao, tôi không quen nói dối.

Một chiều tôi về nhà không thấy cơm nước chi cả. Ida đi đâu sáu giờ mới về, chui vào nhà tắm ngay. Trở ra, vừa lau tóc vừa nói:

"Em sắp hết làm phiền anh rồi."

"Chi?"

"Trường đã nhận em học lại và em sẽ dọn vào ký túc xá."

Tim tôi nhói một cái, nhưng ngước lên, nói bình tĩnh:

"Chúc mừng!"

"Để ăn mừng, hôm nay em mời anh đi ăn."

"OK."

Nối tiếp câu chuyện trong nhà hàng *Nostalgie*:

"Cám ơn anh về tất cả mọi sự!" Ida nâng ly rượu vang nói.

Tôi nhìn đứa con gái đẹp lung linh và ngạc nhiên quá chừng sao trong nửa năm trời nay mình không đè nghiến nó ra.

"Không có chi... Bạn bè mà..."

"Thời gian em ở với anh thật là tuyệt vời."

Tôi cảm động nhớ lại những giây phút ấm cúng mà tôi cố gắng tạt nước lạnh vào để khỏi trở thành đám cháy. Cũng là nhờ lòng tự ái. Bây giờ sắp chia tay, tôi có thể dẹp tự ái, nói theo:

"Anh cũng thấy thế."

"Thật không? Em có cảm tưởng đối với anh không phải như vậy."

"Sao em lại nói thế?"

"Em hỏi thiệt anh điều này nhé. Em sắp đi rồi, anh đừng ngại... Anh đã gặp người tình của anh chưa?"

Tôi không nhịn được cười. Nhà ngươi lại muốn chơi chữ nữa sao? Thay vì chơi chữ, tôi dùng tiếng cười dài để khỏa lấp câu trả lời. Nhưng nó không buông tha:

"Trả lời em đi! Anh đã gặp người tình của anh chưa?"

Tôi nốc cạn ly rượu vang, rót tiếp cho Ida và cho mình, trả lời:

"Gặp rồi. Nhưng chia tay rồi."

Mặt Ida sa sầm, nhưng tỉnh lại ngay.

"Buồn nhỉ. Tại sao?"

"Hai giấc mơ không gặp nhau."

"Có bao giờ anh mơ gặp lại người ấy?"

"Anh chỉ quan tâm tới người bằng xương bằng thịt trước mặt..." Chết thật, tôi nói hớ rồi. Nếu nó hiểu tôi ám chỉ nó thì mất mặt anh hùng, và thật là rẻ tiền. Tôi vội sửa lại: "Anh muốn nói là cái gì ở kề cận mình là thật. Còn người trong mơ ấy à..." Tôi lên giọng đùa cợt "Đấy như cái chàng hiệp sĩ của em ở bên Anh ấy..."

"Anh đừng nhắc tới chuyện đó nữa..."

"Nhưng có vẻ em vẫn chưa muốn quên."

"Anh ác ghê! Tại sao anh nói vậy?"

"Anh thấy em thường ngồi bên cửa sổ nhìn xa xăm mơ mộng. Có thể mơ về người đó, Có thể một hiệp sĩ mới."

"Vâng, em đang mơ về một người..."

"Ai?" Tôi rất muốn hỏi. Nhưng không nói ra. Tôi ghét nghe nhắc đến một giấc mơ trong đó không có tôi. Thấy tôi không hỏi tới, Ida có vẻ thất vọng. Nó cúi đầu ăn uể oải như con mèo ốm. Tôi nghĩ sang chuyện khác – sao người ta có thể nói chuyện tình trong bữa ăn nhậu được? Vậy mà trong xi-nê người ta cứ đóng cảnh đó hoài. Tôi nhìn mái tóc Ida trong gương, tưởng tượng nó rong lên trong gió trên đồi cỏ Gjerdrum.

Ngày đầu tiên trở lại nông trại, mở cửa chuồng bò, tôi thấy một con bò mẹ đang đứng trong ngăn vắt sữa. Tôi đoán năm nay ông Per chỉ mướn một mình tôi, công việc còn lại ông bà tự làm. Tôi vừa tiến lại thì một tia sữa xịt vào mặt. Và một tràng cười trong trẻo:

- Có cần liếm không?"

Chú thích:

1) *'Truyện Cổ Dân Gian Na-uy' (Norske folkeeventyr)* do P. Chr. Asjoernsen viết chung với Joergen Moe, hai tác giả quan trọng nhất về truyện cổ tích tại Bắc Âu, ngang hàng với H.C Andersen và anh em Grimm

2) Bunad: quốc phục Na-uy, mầu sắc và kiểu mẫu thay đổi tùy vùng; những kiểu sặc sỡ nhất trông tương tự lễ phục của người Mường

hai tháng cho một tình yêu

THƠ THƠ

Năm ngoái, một tạp chí văn chương mời tôi viết bài cho chủ đề Yêu của họ. Yêu, đó là điều cuối cùng mà tôi muốn viết. Yêu, đề tài đó đã hết lôi cuốn từ lâu. Yêu, một đòi hỏi quá sức trong đời sống tôi không thể nào kham nổi. Yêu? -Đã từ lâu tôi không còn muốn yêu hay suy nghĩ gì về tình yêu nữa.

Vậy mà không hiểu sao tôi đã nhận lời, để viết về yêu.

Dù chưa biết phải viết gì trong thời gian hai tháng, tôi tin mình có đủ kinh nghiệm và dữ kiện từ những tình yêu cũ. Tôi đã từng yêu nhiều người với nhiều loại tình yêu - tình hời hợt và tình sâu đậm, tình qua đường hay tình tưởng đến chết không thể nào xa nhau...

Nhưng tôi lầm. Những mối tình đó tuy ký ức không thể nào quên, nhưng tâm hồn không còn rung động để ghi lại nữa. Tôi không có hứng thú về thăm lại những nơi mình đã bỏ đi. Tôi thích những nơi xa lạ làm tôi bỡ ngỡ và sợ hãi. Tôi thích những vùng bí ẩn để bị lôi cuốn và nhắm mắt lao vào trong đó. Tôi chỉ có thể viết về những gì tôi chưa hiểu rõ, kể cả tình yêu.

Bắt đầu ở quán cà phê

Cuối tuần đó, gặp nhau tại Coffee Factory cùng vài người bạn nữa, câu chuyện chung quay lại đề tài đang làm tôi đau đầu. Tất cả, cũng như tôi, đang trăn trở cho chủ đề Yêu. Tất cả đang nói về những truyện tình đang viết. Tình đam mê dữ dội.

Tình tính toán lạnh lùng. Tình đồng tính và đa tính là điểm nóng bỏng. Tình một chiều, tình tay ba, tình tập thể, tình xác thịt, theo mô típ thật mới và bạo... Tất cả người viết đang lên đường tìm kiếm những cuộc tình khác thường cho văn chương.

Có người hỏi tôi:

"Sao, cô này đã viết gì chưa?"

Tôi lắc đầu, nói mơ hồ:

"Có thể, không chắc, chưa biết."

Câu trả lời đi từ từ về phía phủ định. Nếu tôi nói ngược lại: "Không chắc, chưa biết, có thể !", thì sẽ hàm ý tích cực hơn. Nhưng chính hướng đi của một câu nói bâng quơ đã khẳng định sự không khẳng định trong ý nghĩ. Anh lúc đó tình cờ ngồi cạnh tôi, hỏi nhẹ:

"Tại sao không chắc?"

"Không nghĩ ra chuyện gì để viết."

Mọi người cười. Có người bảo hãy viết về cuộc tình cũ. Có người bảo cuộc tình đã qua rồi, cảm xúc không nguyên dạng nữa khó mà viết. Tôi buột miệng:

"Đúng. Nếu không đang yêu khó mà viết về tình yêu cho hay được."

Anh vẫn ngồi cạnh tôi, ghé vào tai hỏi nhỏ:

"Anh có giúp được gì không?"

Câu nói đó là một định mệnh. Tôi gọi định mệnh là hệ quả của một chuỗi liên tục những điều bất ngờ nhỏ, dẫn đến một thay đổi đột ngột thật lớn. Chuỗi liên tục bắt đầu từ việc tạp chí văn chương đó chọn chủ đề Yêu, bắt sang việc họ rủ rê tôi, kéo theo việc tôi nhận lời trong khi tôi có toàn quyền từ chối. Chuỗi liên tục lại tiếp nối với chuyện tôi và anh cùng có mặt ở Coffee Factory sáng nay, rồi tình cờ anh ngồi cạnh tôi. Chuyện này cũng hoàn toàn tình cờ, vì trước đó anh ngồi ghế đối diện, khi anh ra ngoài hút thuốc lá thì một người khác chiếm chỗ anh. Lúc anh quay vào thì người đang ngồi cạnh tôi lại đứng dậy bỏ đi. Rõ ràng là một sự hoán vị có sắp xếp. Chuỗi liên tục chưa chấm dứt ở đó: ngay khi tôi buột miệng nói "Không đang yêu rất khó mà viết về yêu," một người khác nữa lại xuất hiện thật ngẫu nhiên, một người rất nổi tiếng. Thế là mọi người trong bàn đứng dậy kêu gọi anh ta. Và trong tiệm chợt ồn ào không thể tả. Và đúng lúc ấy, anh nói nhỏ vào tai tôi:

"Anh có giúp được gì không?"

Vào trong không khí

Sau này, có lần anh bảo: "Đôi mắt em lúc đó ngơ ngác lạ." Ngay lúc ấy, tôi nhìn anh trân trân, không có phản ứng gì cả. Có thể toàn bộ ngôn ngữ chỉ là những tiếng thảng thốt: Hả? Cái gì? Cho nên anh khẽ cười, đẩy đĩa bánh lại gần, kín đáo gửi một cái nhìn đầy ngụ ý.

Chiều hôm sau có điện thư đầu tiên:

"Em đã tìm ra tình yêu chưa? Anh có giúp gì em được không?"

Tôi không trả lời. Tôi cần suy nghĩ.

Điện thư thứ hai gửi ngày hôm sau nữa:

"Sao suy nghĩ lâu thế?"

Tôi hỏi:

"Anh nghĩ có thể giúp được gì?"

Anh viết:

"Em muốn anh giúp gì thì bảo. Anh sẽ làm y như thế."

Anh định đùa đấy à, tôi nghĩ. Đùa thì đùa. Liều vậy, tôi mím môi viết:

"Em đang viết truyện tình. Cần một lá thư tình được không?"

"OK, ngày mai có." Anh trả lời như thế.

Nhà văn này là người thế nào, tôi bắt đầu tự hỏi. Tất nhiên là thu hút và nguy hiểm. Thường xuyên gặp nhau giữa những người bạn chung, tôi ít nói chuyện với anh nhất. Tôi không thích tiếp xúc với những người đẹp trai quá, hấp lực của họ làm tôi bất an và phải đề phòng chính mình. Tôi chú ý đến truyện của anh nhiều hơn. Tôi tìm đọc lại những thứ anh viết, truyện ngắn, thơ, tùy bút... để hiểu thêm về anh; nhưng không thể kết luận gì về anh được.

Hôm sau tôi tò mò muốn biết lá thư tình của anh ra sao. Nhưng anh chỉ viết:

"Anh quên chưa nói, nếu muốn anh viết thư hay thì phải thật (tức là phải "iêu" thì viết mới hay). Vậy em muốn thư hay - hay không hay?"

Tôi trả lời mơ hồ:

"Tất cả cho tác phẩm, đó là cứu cánh của nhà văn. Nếu anh nghĩ phải yêu thư mới hay, và anh muốn viết hay, thì... tùy!"

Anh viết:

"Vậy nhé, sẽ có thư hay cho em."

Ttrong khi chờ đợi bức thư tình tôi bắt đầu phác họa nhân vật đàn ông, nhớ lại những nét đặc thù của khuôn mặt anh, cách nói chuyện, nhất là cảm giác anh đem đến cho tôi. Thật sự tôi chờ đợi điều gì, tôi không biết. Có thể một cuộc phiêu lưu đúng nghĩa với tuyên cáo "yêu" do nhóm chủ trương tạp chí đã viết? Có thể một chuyện tình đẹp và lôi cuốn. Chắc chắn là một trò chơi nguy hiểm. Nhưng cảm giác sợ hãi kích thích trí tưởng tượng và bản năng nghề nghiệp thắng lướt sự sợ hãi. Trên hết tất cả là sự thú vị vì được tỏ tình. Đã

lâu rồi tôi quên cảm giác ấy ra sao.

Bức thư tỏ tình đến như một lời đùa giỡn:

"Anh đang viết cho em, chưa xong.

Hôm gặp em ở Coffee Factory về, anh bị ốm li bì, chưa bao giờ cảm nặng như thế. Trong mê sảng cứ chập chờn toàn hình bóng em...

Thật không xạo đâu."

Tôi đỏ mặt:

"Viết thật đi, xạo quá em biết ngay."

Trả lời của anh:

"Anh thề là không xạo. Anh thật tình đó."

Ồ, thôi đi anh, đừng thề thốt.

Anh sẽ trở thành nhân vật của tôi, phải thế mất rồi.

Tôi phải viết về anh mất thôi.

Chương vừa rồi, người đọc có thể cho là chuyện nhảm nhí của những người thích đùa. Khi viết đến đó tôi cũng cho như thế. Nhưng tình yêu không cho phép người ta đùa cợt với nó. Khi viết đến đó tôi cũng cho như thế.

Vào trong ý nghĩ

Tôi trải qua nhiều ngày suy nghĩ. Khi nhất quyết viết câu chuyện này, tôi cho mình yêu trong một thời hạn tối đa là hai tháng. Vừa ở trong tình yêu, vừa đứng ngoài nhìn vào dò xét và mổ xẻ chính mình. Người yêu anh trong truyện thoạt đầu là tôi, sau này cô ấy có thể bước ra ngoài tôi. Cô yêu một người đàn ông đã có gia đình, người này mang một số đặc điểm của anh. Nhưng chuyện tình của họ có thể sẽ nghiêm túc hơn. Tôi chỉ định mượn tạm tình cảm giữa tôi và anh, suy nghĩ giữa tôi và anh, đôi khi đối thoại giữa tôi và anh. Tất cả trao đổi thư từ giữa chúng tôi đều có thể dùng làm tài liệu được.

Những lá thư trở nên tha thiết hơn, liều lượng cứ tăng dần hơn mỗi ngày.

"Anh xin lỗi đã làm em mất ngủ. Anh muốn em ngủ yên. Để mình anh mất ngủ được rồi. Trong ngày lúc nào em rảnh, nếu gọi em thì lúc nào tiện? Khi nào anh có thể gặp em?"

Gặp anh? Gặp nhau? Anh đã có vợ con. Tôi chỉ muốn yêu một cách an toàn, lấy được càng nhiều cảm xúc của tình yêu càng tốt. Tôi không muốn gặp anh. Tôi không trả lời dù lá thư làm tôi xôn xao khác lạ. Lại một thư khác:

"Em,

Thôi anh mới nghĩ lại, em không cần trả lời mail vừa rồi.

Anh nhớ em, nhớ mắt môi em, con mèo nhỏ của anh ơi.

Có gì vui "meo" (mail) cho anh với.

Nhớ em. Hôn em."

Hôn em? Hôn tôi? Cái hôn gửi qua điện thư lơ lửng hơn là hôn gió trong không khí. Cái hôn chẳng dính líu gì đến thân xác. Nhưng làm người tôi nóng bừng. Cái hôn đi thẳng vào đầu không qua trung gian nào hết. Nó mãnh liệt dữ dội không kém cái hôn trên da thịt. Dấu ấn của nó ở mọi nơi, ở môi, ở mắt, khắp người.

Tôi cũng bắt đầu hôn anh. Chỉ cần thả người

NGUYỄN BÍNH

Cô Lái Đò

Xuân đã đem mong nhớ trở về
Lòng cô lái ở bến sông kia
Cô hồi tưởng lại ba xuân trước
Trên bến cùng ai đã nặng thề.

Nhưng rồi người khách tình xuân ấy
Đi biệt không về với bến sông
Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi
Mấy lần cô gái mỏi mòn trông...

Xuân này đến nữa đã ba xuân
Đốm lửa tình duyên tắt nguội dần
Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi
Cô đành lỗi ước với tình quân.

Bỏ thuyền, bỏ bến, bỏ dòng trong
Cô lái đò kia đi lấy chồng
Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Để buồn cho những khách sang sông.

vào ghế, nhắm mắt lại: môi anh sẽ đè lên môi tôi - ướt át. Cảm giác êm và đau sẽ thấm tận cùng các ngõ ngách thân thể. Tôi thường hôn anh vào giờ đi ngủ, trong bóng tối, trên chiếc giường của tôi. Hành động nhắm mắt lại trên giường đồng nghĩa với hôn anh. Và bóng tối phải thật đậm để nụ hôn thêm mê mệt. Nếu ngọn đèn đường ngoài cửa sổ thỉnh thoảng rực lên, làm tôi nhìn thấy ánh sáng yếu ớt của nó qua mí mắt đã khép chặt, tôi phải bịt mắt lại. Từ từ, hành động lấy tay bịt mắt bảo đảm một nụ hôn sâu xa đắm đuối nhất trên đời.

Tình yêu của nhân vật

Nhân vật của tôi cũng bắt đầu yêu anh say đắm rồi. Tình yêu ấy, thật kỳ lạ, tự nó sâu sắc và bền vững hơn tôi tưởng. Cô ấy yêu một tình yêu đẹp hơn tình yêu của tôi. Khi yêu cô ta buồn bã và chờ đợi, kiên nhẫn và chấp nhận, bao dung và độ lượng. Cô ta tin vào một tình yêu thật sự không cần đền đáp lại, tự nó mạnh mẽ đủ để ban phát không ngừng nghỉ những quà tặng ái tình. Cô cho rằng tình yêu là một đóa hoa bí ẩn và kỳ ảo, chính là đóa hồng vĩnh cửu trong khúc cầu hồn tình yêu nổi tiếng một thời.

Tôi thì cho rằng đóa hoa đó không bao giờ có thực trên đời.

Trong các đối thoại giữa cô và anh, bông hoa là thứ hay được nhắc đến nhiều nhất. Đó là thứ mà họ đi tìm, có thể một lúc nào sẽ hiện ra cho cả hai cùng thấy. Mỗi người mang trong đầu hình ảnh một bông hoa đã từng nở một lần ngày xưa. Khi cô hình dung bông hoa, hình ảnh đó thuộc về một buổi tối mùa mưa, thuộc về lần hẹn hò đầu tiên trong đời. Trên nền trời khi cô ngước mặt lên, những cánh sao nhạt nhòa rơi xuống tan thành bụi nước, những bụi cây dại run lên vì lạnh, và mùi hương hắc của những bông hoa thấm mưa ven đường bỗng dưng làm cô đau đớn. Một đóa hoa ra đời trong lạnh, ướt, đêm tối. Và cô nghĩ rằng nó phải màu đen, màu sâu thẳm, màu khó phai nhất trong tất cả các màu.

Tình yêu của cô làm tôi trở nên mềm yếu. Những lá thư của anh làm tôi mềm yếu. Tôi muốn gặp anh. Chỉ còn sáu tuần nữa thì tình yêu chấm dứt. Và câu chuyện cần thêm vài chi tiết nữa về anh.

Giữa khung cửa xe

Chúng tôi hẹn gặp nhau trong nhà sách Borders.

Buổi trưa nhà sách rất vắng. Có tiếng nhạc nhè nhẹ trong một CD soundtrack, nếu lơ đãng hơn nữa có thể tưởng mình đang ở trong phim. Điệu nhạc đi theo vòng tròn, nhiều vòng xoắn theo chỉ một mô típ, cứ đi lên cao mãi. Nó chính là vòng quay của cái cối xay gió. Những vòng quay đi vào chu kỳ kín - và quay mỗi lúc một nhanh hơn, vun vút... nên sức gió tạo ra những hợp âm vô cùng phức tạp như ý nghĩ của con người.

Chúng tôi ngồi đối mặt nhau. Hai ly cà phê nhìn nhau, hai cuốn sách đối diện nhau. Hai cái điện thoại cầm tay cũng thế, có thể chúng đang nói với nhau: đối mặt.

Tất cả xảy ra không giống như tôi tưởng tượng ở nhà. Nói bằng lời không dễ chút nào. Anh không được thoải mái, tôi cũng vậy.

"Sao em trông tiều tụy vậy, không ngủ được à?"

Tôi khẽ gật, như có một người khác đang nhập vào mình, tôi không nói được những gì mình muốn. Cổ khô, miệng khô, dấu hiệu của thần kinh căng thẳng.

"Anh không muốn em buồn, hay bất cứ rủi ro nào xáo trộn cuộc sống của em bây giờ. Anh muốn em vui và hạnh phúc. Thật đó, em còn muốn anh nói gì nữa không?

"Nếu anh có thể cho em thêm một chút hạnh phúc nhỏ nhoi nào trong cuộc sống, anh sẵn sàng để em vui. Anh không giấu những suy nghĩ của anh về em."

"Anh không muốn em có mặc cảm sợ hãi và tội lỗi."

"Anh không có quyền đòi hỏi gì ở em hết. Nếu em muốn có một tình yêu lý tưởng, để viết truyện, nếu em muốn, anh sẽ làm như vậy."

Anh nói vừa đủ tôi nghe, giọng chân thành; nhưng tôi linh cảm anh đang cố gắng. Như một màn kịch đóng khéo người diễn có thể vận dụng tất cả, ngay tình cảm cũng chỉ là vấn đề kỹ thuật. Tại sao vậy, một điều không thuận lợi đến từ phía tôi chăng. Có thể hôm nay, như anh nói, trông tôi tiều tụy, hốc hác, nhìn kỹ không đẹp như anh tưởng. Vì đang xúc động, tôi không nói được nhiều, thỉnh thoảng chỉ nhếch một nụ cười gượng gạo.

Tôi không ngạc nhiên về anh, tôi ngạc nhiên về mình. Tôi tưởng làm chủ được tình cảm mình như trong những lá thư, nhưng tôi nhầm. Cái mà tôi gọi là trò đùa đang nhăm nhe phản bội tôi, nó như con thú trong gánh xiếc đang trở mặt hăm dọa người thuần phục nó. Bây giờ nó cười trên tôi, toàn thân tôi cứng lại vì sợ hãi.

Tôi có thể đã yêu anh. Anh có thể hết yêu tôi.

"Em đang nghĩ gì?"

Tôi bừng tỉnh:

"Em thích CD này, nó làm em chóng mặt ..."

"Vì dòng nhạc cứ quay như chong chóng tạo ra gió đập mạnh vào đầu..."

Tôi ngập ngừng giải thích.

Bãi xe buổi trưa cũng vắng. Bóng hai người nhập thành một khối bên cạnh bóng xe. Anh đưa tôi cái CD chong chóng mới mua, cười bằng mắt. Đôi mắt có đuôi đa tình làm lòng tôi chao động. Tôi cảm nhận tất cả sự vô lý của tình yêu này, tại sao anh, tại sao anh chứ ? Điều gì đã làm người tôi nóng rực khi nhìn thấy anh? Phản ứng hóa học và những luồng điện chập lại? Cảm giác đó bùng lên đậm đặc, ngọt ngào như cam thảo, và đau xót như cường toan, cùng lúc.

Kính xe hạ xuống cho gió lùa đi hơi nóng. Anh nhoài người vào trong, hơi thở hừng hực như buổi trưa trên mặt tôi. Nơi đó là một từ trường rất mạnh, nó bắt buộc cái hôn đầu tiên giữa chúng tôi phải xảy ra như thế: ở giữa khung cửa xe.

Tiếng anh bên ngoài:

"Nhớ viết thư cho anh. Nhớ lái xe cẩn thận."

Sau đó là cảm tưởng say rượu khi phóng xe đi, cảm tưởng buồn đắm đuối đang bay trên đường phố, cảm tưởng một khối hơi trôi bồng bềnh cách biệt hẳn mọi thứ trên đời. Cảm tưởng sắp được nhìn thấy tận mắt một điều bí mật, nhưng hiện hữu của nó luôn rình rập kẻ đi tìm.

Nhắm mắt – Mở mắt

Có lúc tình yêu gõ cửa dồn dập. Có lúc tình yêu đi vắng. Khi ấy, tâm hồn trở thành ngôi nhà lạnh lẽo, một bãi biển bị sóng đánh tan hoang. Những chiều không có thư của anh, không có việc để làm, mở ra những khoảng trống lặng ghê người. Càng nghiêng về tối, buổi chiều càng để lộ những lỗ hổng đáng sợ. Chúng nằm dưới cầu thang hun hút, chúng ẩn trong vòm cây, chúng nấp vào những góc tối trong vườn.

Tôi sợ những lỗ hổng hơn là sợ thiếu anh. Nếu anh biến đi với những lỗ hổng thì tôi không còn phải nhớ mong nữa, nhẹ nhàng biết bao.

Ba ngày rồi chúng tôi không liên lạc với nhau.

Tại sao, tôi hỏi, và đi tìm câu trả lời.

Ấn tượng của lần hẹn đó là một cảm giác khó chịu. Tôi khó chịu với chính mình vì đã tỏ ra bối rối. Bối rối là dấu hiệu của yếu đuối. Tôi không muốn làm người yếu đuối trong tình yêu. Lòng kiêu hãnh không chấp nhận điều này.

Và cái hôn giữa khung cửa xe cũng làm tôi suy nghĩ.

Tại sao cả hai chúng tôi đều mở mắt khi hôn?

Tôi vẫn hôn anh mỗi tối, và nhắm mắt. Tôi tin rằng khi nhắm mắt mình sẽ như ngất đi trong một vũng đen, không biết gì nữa hết. Khi hai người hôn nhau, họ tan vào nhau, và người này trở thành vô tận của người kia. Hai linh hồn và thể xác nhập lại, từ đó mở ra sự trở về của đóa hoa vĩnh cửu.

Chính đôi mắt mở cho thấy sự tồn tại của người kia, cùng lúc cho thấy ranh giới giữa hai người. Đôi mắt mở là ý thức đang quan sát, không ai ngất đi được. Và điều bí mật sẽ không hiện ra. Đóa hoa cuối cùng của tình yêu sẽ không bao giờ tìm thấy.

Trò đùa ở đâu?

Làm sao khác được bây giờ. Chúng tôi đang đùa mà? Và nếu tôi đùa với anh, thì tôi cũng đang đùa với chính tôi, đùa với lòng kiêu hãnh của tôi. Vấn đề là: tôi có thể đùa với tất cả, nhưng không

thể đùa với câu chuyện của tôi. Câu chuyện, đó mới là đích hướng, chứ không phải tình yêu. Còn tình yêu, thật hay giả, chỉ là phương tiện.

Tôi không dối lòng rằng tôi nhớ anh không nguôi. Ngày và đêm, viết hay không viết, thức hay ngủ, nỗi nhớ bám riết theo tôi không rời. Chỉ uống một ly sữa mà lỡ nghĩ về anh, cổ họng sẽ nghẹn lại, ngụm sữa nuốt không trôi. Nửa đêm tỉnh giấc đã thấy tình yêu nằm bên cạnh đòi một nụ hôn trong bóng tối.

Điều gì đã không cho tôi thanh thản, không một phút giây thanh thản? Tình yêu à? Tình yêu không nên có mặt trong quan hệ giữa chúng tôi. Dù tôi cộng tác với ý đồ riêng tư chăng nữa, trách nhiệm chính vẫn thuộc về anh, kẻ chủ mưu. Anh im lặng, anh muốn rút lui? Nếu anh muốn rút lui thì vẫn còn quá sớm - tôi không cho phép điều đó xảy ra, lúc này. Anh phải tiếp tục vai trò của anh trong truyện của tôi. Anh không tìm tôi? -Tôi sẽ tìm anh. Ít ra là một tháng nữa. Một tháng nữa thôi.

Trong lúc thật sự nổi giận, tôi gửi anh một lá thư tha thiết:

"Anh sao rồi? Cuối tuần thế nào? Chắc là vui lắm nên chẳng viết gì cho em cả. Có biết là em buồn không? Em nhớ anh."

Một lá thư khác:

"Anh đang làm gì? Viết cho em vài dòng đi. Em muốn đọc thư anh. Nếu không, phải chỉ em cách nào cho đỡ nhớ."

Đấy là một cảm giác tuyệt diệu khó tả khi gửi những lá thư đi. Một mặt, tình yêu có thể nói điều nó muốn. Mặt khác tự ái vẫn không bị va chạm, vì ý thức đã bảo đảm rằng đấy chỉ là một cách chơi. Dù tôi có tung hứng trái tim mình thì vẫn có thể lấy lại, không sao. Như thể tôi và tình yêu là hai thứ tách biệt, và đối chọi.

Chiến thuật này tỏ ra hiệu nghiệm. Anh trả lời ngay:

"Anh nhớ em. Anh nhớ em ghê gớm.

Làm thế nào cho em khỏi buồn bây giờ? Anh có làm gì thì em cũng vẫn buồn thôi, có đúng không, nhà văn của anh?

Điều gì đang làm em buồn, nói cho anh nghe được không. Tại em viết truyện tình yêu không được hay sao?"

Tôi đang cần anh nói thật nhiều, để tìm ra lối vào tâm hồn anh. Lối nào đi thẳng vào tâm hồn anh: yêu thương, dò xét, đùa giỡn, tìm kiếm, mổ xẻ? Tôi ao ước có thể đọc được, nhìn được những góc tối ẩn khuất của anh, vừa thú vị vừa đáng sợ, có thể bất ngờ, có thể làm tôi thất vọng. Nhưng còn hơn là im lặng, nó làm lòng tôi rỗng không, làm lòng tôi lạnh lẽo như bãi tha ma khi chiều xuống.

"Em có nhiều điều muốn hỏi anh, nhưng chắc em phải tự đoán thôi."

Anh trả lời:

"Thì hỏi đi. Không nên tự đoán, vì em có thể đoán sai."

Tuyệt vời. Tôi viết:

"Giờ em hỏi thật:

1. Khi anh nói "yêu em", " nhớ em" là anh thật hay giỡn?

2. Nếu vừa thật vừa giỡn, thì bao nhiêu phần trăm mỗi thứ?

3. Giữa khung cửa xe (nhớ không), anh nghĩ gì?

4. Khi hôn người yêu anh nhắm mắt hay mở mắt?

Tại sao nhắm? Tại sao mở?

Nếu anh không thể nói thật, thì đừng trả lời.

Nếu anh nói thật, em không bao giờ giận."

Tôi vừa viết vừa cười rũ rượi. Tại sao mình không nghĩ ra cái trò này sớm hơn nhỉ? Trong tình yêu nên dùng cái đầu hơn là trái tim, nếu không muốn trái tim đau.

Anh viết:

1. Khi anh nói nhớ em, là nửa đùa nửa thật.

2. Tỷ lệ đùa thật: 50/50

3. Giữa khung cửa xe làm sao quên được, thấy cô bé cũng như anh, và thấy thương em vô cùng.

4. Khi hôn em anh mở mắt, để nhìn được môi em, để thấy tình yêu trong mắt em. Không nhắm vì anh sợ [lầm] là hôn người khác.

Anh nói thật, em giận thì ráng chịu."

Thật thú vị, tôi đọc đi đọc lại bức thư, và phân tích tình cảm mình. Có gì đâu mà giận, thì tôi cũng mở mắt, cũng không chắc về mình. Có thể cả hai đều thích đắm mình trong cảm giác yêu đương hơn là yêu nhau.

Anh lại gửi một lá thư bổ xung:

"Anh chưa trả lời rõ câu hỏi của em:

Khi hôn em nhè nhẹ thì anh mở mắt. Nếu em cho anh hôn đắm đuối thì chắc chắn nhắm mắt. Không phải để nhớ người khác đâu, mà tự nhiên nó vậy...

(đố em lần này anh nói thật bao nhiêu phần trăm...)

Thật ra em có thật tình với anh không?

Anh rất sợ làm "nhân vật tiểu thuyết". Nếu đùa với anh thì nhớ cho anh biết để anh chuẩn bị...

Hôn em."

Nhắm mắt hôn đắm đuối, tôi khẽ cười với ý tưởng thú vị này, và viết:

"Sẽ có lúc em bắt anh nhắm mắt, không cho anh nhớ tới người khác nữa."

Tôi không nói gì về câu hỏi "nhân vật tiểu thuyết." Một ngày nào anh cũng phải biết thôi. Ngày đó bao giờ tới? - Ngày tôi đặt dấu chấm hết cuối câu chuyện, ngày trò chơi kết thúc, ngày tôi không còn bị bất cứ điều gì dằn vặt nữa.

Tình yêu ở đâu?

Khi tôi nghĩ tới cái ngày tận đích đó, tôi quên không nghĩ tới tình yêu, số phận cuối cùng của tình yêu. Nó sẽ giải quyết ra sao?

Nhưng nhân vật của tôi thì nhớ, và đang tìm về ngày đó.

Cô đã biến thành kẻ nô lệ tự động cho tình yêu, ngoài ý muốn của tôi. Kẻ nô lệ này dâng hiến tất cả thời gian và muộn phiền cho hạnh phúc. Một kiểu yêu tôi vẫn cho là ngu dại: không chờ đợi, không đòi hỏi một đền đáp nào - không ép buộc bất cứ điều gì từ người mình yêu - không so sánh điều mình cho đi và điều mình nhận lại.

Với một người thông minh, nhạy cảm và đam mê như thế – cô biết mình sẽ bị tình yêu làm cho điêu đứng. Để chặt đứt nguồn đau khổ và bi lụy, cô tự đặt mình vào vị thế kẻ nô lệ tự động để từ khước vĩnh viễn những thất vọng của tình yêu.

Cô đã từng đau đớn rất nhiều trước khi tìm ra con đường giải thoát này. Tôi đã khóc khi viết đoạn cô lang thang trong bãi đậu xe: "mái tóc thẳng, mặt vô hồn, mắt trống rỗng, toàn thân toát ra một vẻ lạnh lẽo của những người mẫu thời trang hiện nay, nhưng lạnh hơn như thể một xác chết đã đóng băng." Trời mùa đông nhưng cô chỉ mặc áo thun ngắn tay và quần shorts, vì anh nói kiểu trang phục này hợp với cô. Cô mặc đồ theo ý thích của anh cho lần hò hẹn, nhưng anh không đến. Cô gọi anh, nhưng anh bận. Cuối cùng cô im lặng.

Tình yêu mãnh liệt nơi cô làm tôi kinh sợ, bởi nó lôi cuốn và mời gọi tôi đi vào trong nó. Nó là thứ rượu độc mạnh. Chất men say từ từ ngấm vào mình lúc nào không hay – và nếu không kiềm chế, kẻ nô lệ tự động sẽ bắt đầu đứng dậy, vượt qua vòng kiềm tỏa của tôi.

Tôi sợ mình sẽ yêu anh mất. Tình yêu bắt đầu trở thành một vấn đề nan giải. Bởi nó không chấp

HỒ DZẾNH

Xuân Đôi Ta

Em trở về đây đáp lại lời
Anh từng buông gọi giữa xa xôi
Nghìn trùng non nước đìu hiu nhớ
Đã vọng hồn anh đến cuối trời.

Anh đã chờ và cây đã xanh
Lừng mùa bay dậy tiếng mây thanh
Em về, mắt đẹp ngời như thuở
Em chửa theo chồng, vẫn mến anh.

Anh đợi chờ em suốt bấy lâu
Nhủ thầm: xuân thắm chả phai đâu
Một khi xuân thắm là mong nhớ
Và cả thiên thu: vĩnh viễn sầu.

Áo em sáng dệt trời xuân gấm
Sông cũ, nguồn xưa rộn rã về...
Ngõ hạnh bao mùa quên nét thắm
Nở bừng, khi thoáng bóng hoa lê.

Em đã về đây! Em vẫn nguyên
Như ngày trăng trước chớm tơ duyên!
Bao năm xa cách, đời chưa nhạt
Mầu tóc sông thu, ánh mắt huyền.

Anh hát mừng em khắp thế gian
Chập chùng mây núi tiếng ngân vang
Thơ yêu khôn ngớt trong thiên hạ
Và cả non sông rộn tiếng đàn.

Mời em ngồi lại bến sông xanh
Mây cũ quanh năm chiếu dáng lành
Ta viết lòng ta cho hậu thế
Đọc hoài không chán: Em và Anh.

nhận công việc tôi đang làm. Có lúc tôi mong mỏi cho chóng xong câu chuyện. Có lúc tôi sợ hãi ngày kết thúc câu chuyện. Bởi đó cũng là ngày tình yêu tận.

Bí mật ở đâu?

Tôi tiếp tục viết, nhưng câu chuyện không ăn nhập với cảm giác thật nữa.

Mấy tuần nay, tình yêu lại đi vắng. Anh không viết thư, cũng chẳng gọi điện thoại. Chúng tôi hẹn gặp nhau, rồi anh hủy buổi hẹn. Đã mấy lần như thế.

Tôi phải nhắc nhở chính mình: trong tình yêu không nên dùng trái tim, mà phải dùng cái đầu, nếu không muốn trái tim đau. Mỗi lần anh hứa đến rồi không đến, dù rất đau - rất đau, tôi vẫn kềm lòng. Tôi bắt mình tiếp tục viết thư cho anh, dễ thương hơn bao giờ hết:

"Em biết anh bận, em không giận anh. Nhưng đợi đến tuần sau thì em chết mất. Mai ra với em một chút đi."

Và một dòng chữ vô tình của anh:

"Nhưng anh bận quá mà.

Thôi để tuần tới rảnh anh đưa em đi uống cafe, được không?"

Tôi viết lại, theo kiểu nô lệ tự động, chẳng còn đường nào khác:

"Anh bận thì thôi. Đừng dụ em bằng cafe.

Em thích uống thứ khác hơn, biết không?"

Viết thế, nhưng tôi hiểu cần phải tìm một lối thoát cho mình. Không nên kéo dài tình trạng này nữa. Đọc lại từ đầu những lá thư, rõ ràng là giọng điệu đùa cợt. Đã biết thế rồi, sao tôi vẫn còn tiếp tục?

Tôi yêu thật à? Chưa phải tình yêu. Vì nếu thật là tình yêu thì không cần đặt câu hỏi nữa. Vì câu chuyện à? Không hẳn. Một truyện ngắn viết theo chủ đề chẳng đáng gì cho tôi hao tổn tâm hồn đến thế. Ngay bây giờ, dù có nghĩ đến những người bạn viết văn vẫn ngồi uống café với mình rất thân đi nữa, tôi vẫn có thể ném câu chuyện vào thùng rác như thường. Nếu tôi hiểu được vì sao, và động lực nào đưa đẩy tôi đến tình huống này.

Một điều gì khác đang nằm ẩn dưới mọi hành động, mọi suy tính, mọi tình cảm của tôi.

Cảm tưởng một bí mật đang rình rập, giữa tôi và tình yêu.

Trở lại Coffee Factory

Bây giờ anh đang ngồi rất gần tôi, nhưng không cùng bàn.

Tôi ngồi với những người bạn viết cho chủ đề Yêu. Anh thuộc về một nhóm khác. Anh và tôi thỉnh thoảng có chạm mắt nhau, cái nhìn dừng lại ở một điểm xoáy nóng bỏng, rồi lảng đi. Cúi đầu nhìn cuốn sách như thể đang đọc, tôi để ý cách anh nói chuyện, xem ý tưởng đi như thế nào, đo lường chiều sâu trong đó. Và trong một thoáng, nhân vật hiện hình rất rõ là một người bất định, lưng chừng, tùy hứng – điều này hoàn toàn phù hợp với những lô gíc trong tác phẩm của anh. Cũng trong một thoáng, tất cả những gì anh đã viết trở về trải rộng trước mắt tôi, toàn bộ là sự không nhất quán, những tư tưởng luôn đi lạc hướng, ngoài tiên liệu của người đọc.

Một nhà văn hỏi:

"Cô này viết truyện xong chưa?"

Tôi cười, lắc đầu:

"Chưa tìm ra đoạn kết."

Thật thế. Chưa kết được. Bỏ qua những đợi chờ, buồn bã, dằn vặt (tôi tự gây cho mình) thì anh vẫn còn nợ tôi một nụ hôn nữa. Tôi nhớ lại cái hôn giữa khung cửa xe, có cái gì không đúng. Khi môi chạm vào môi thì mắt sẽ tự nhiên khép lại, chắc chắn đó là phản xạ không điều kiện. Cũng chắc chắn như khi ăn uống và đánh nhau thì người ta mở mắt, tôi chưa thấy ai cầm súng bắn người khác mà nhắm mắt, hay nhai miếng bò bít tết mà nhắm mắt bao giờ.

Vâng, anh còn nợ tôi một cái hôn đắm đuối, có nhắm mắt hẳn hoi. Một cái hôn dữ dội.

Khi nhóm tôi giải tán, anh vẫn còn ngồi đó hút thuốc. Tôi đi ngang qua mặt anh, tránh không nhìn. Xe vừa ra khỏi bãi đậu thì điện thoại reo.

Giọng anh dịu dàng:

"Anh đây."

"Anh đang ở đâu?"

"Anh đang ở sau xe em."

Ngừng một chút, giọng nhỏ lại, gần gũi hơn:

"Đi với anh một chút, được không?"

"Được."

"Em đậu xe ở lề đường đi, rồi qua xe anh."

Tôi đậu xe cạnh một khu chung cư hai tầng. Những ô cửa sáng mở to mắt nhìn tôi qua bóng lá lưa thưa. Lúc đó ngực tôi thắt lại dưới sức ép căng thẳng của những điều đang nằm chờ trong bóng đêm phía trước. Tôi nói với mình, như dặn dò:

"Thôi, cứ đi. Không biết mình sẽ làm gì, nhưng phải đi. Đi để nối dài thêm những điên cuồng vô lý mình đã làm từ hai tháng nay."

Tôi leo lên xe anh, đóng cửa. Tiếng cánh cửa

sập gây một chấn động mạnh trong đầu, rất lâu nó vẫn làm tôi choáng váng. Tôi phải ngả đầu vào ghế, nhắm mắt lại. Anh phóng xe đi, tôi đoán về phía biển. Khi tôi định thần nhìn qua cửa, mùa đông đã đứng sững bên ngoài. Sương mù bay ngược từ cuối đường đập vào mặt kính. Những ngọn đèn đã mất đi tia sáng thường thấy trong đêm, chúng chỉ còn là những quả cầu lu mờ chập chờn dọc theo con đường. Bây giờ tồn tại của chúng tôi là một vũng tối, tôi có thể nghe được tiếng thở gấp của anh.

"Mình đi đâu?"

Xe ngừng lại trên một đỉnh dốc, vì bên dưới gió hun hút gây cảm giác đứng gần vực thẳm.

"Anh hôn em, được không?"

"Không được, em hôn anh."

Anh cười. Rồi tràn sang. Bóng tối đè lên người tôi, làm nệm ghế bật ngửa ra sau. Tôi nhắm nghiền mắt, nhớ những lần hôn anh tưởng tượng trên giường. Tưởng tượng và thực tế không ăn khớp với nhau. Những lần hôn kia dò tìm những mê mải trong hồn. Cái hôn bây giờ đắm đuối sục sạo trên thân thể. Khác như một dòng nước ngầm và lúc triều dâng. Hơi thở anh dồn dập:

"Anh muốn yêu em. Anh muốn yêu em."

"Hôn em nữa đi. Nhắm mắt! Nhắm mắt đi!"

Tôi lướt tay trên mắt anh, dò tìm.

"Anh phải nhắm mắt, biết không?"

Anh cười. Rồi lại hôn. Tôi bắt đầu quen với cường độ của anh, mạnh bạo và hối hả, nóng bỏng và chiếm đoạt.

"Ra băng sau đi."

Tôi lắc đầu.

"Ra băng sau đi. Rộng hơn."

Tôi vẫn lắc đầu, nhưng cũng nghĩ ra băng sau thoải mái hơn, ít ra có chỗ co duỗi, chứ người anh nãy giờ đè nặng lên đùi làm hai bắp chân vừa tê vừa mỏi.

Cuối cùng thì cũng ra băng sau, chúng tôi ôm riết nhau. Nhưng mà để cho đỡ mỏi chân thôi, tôi nói vậy với mình. Cảm giác rất dễ chịu, như nằm trong một cabin nhỏ trôi lênh đênh giữa biển sương mù. Ý nghĩ này làm tôi buồn ngủ. Thân thể anh ấm, cánh tay anh gối đầu êm, nhịp tim anh đập biến thành bè nhạc trầm... Tôi muốn nằm yên như vậy mãi.

Nhưng vuốt ve của anh không cho tôi ngủ. Tôi co người lại.

"Đừng."

"Anh muốn yêu em... Anh muốn yêu em..."

Hơi thở nóng rực, anh cắn vào môi tôi. Tôi ghì lấy anh, thì thào:

"Ở ngoài đi."

"Ở trong sướng hơn."

Kiểu nói rất đàn ông làm tôi ôm riết lưng anh.

"Không, ở ngoài đi."

"Không!"

Anh nói như la lên.

Tiếng "không" này làm tôi đau đớn. Nó đi như đinh nhọn đâm thốc vào cơ thể. Vào ngay thời điểm đó tôi nhớ lại tất cả những sự cố trong hai tháng qua: từ khi anh nói nhỏ vào tai tôi, trò chơi đuổi bắt tình yêu, những mưu toan của riêng tôi, dẫn đến chữ "không" này. Dù người đang tan chảy vì gần gũi, tôi vẫn chưa hiểu vì sao mình điên như thế.

Không phải vì anh. Không phải vì cái truyện ngắn rất dở kia.

Có thể là một mắt xích nữa của định mệnh, nó cho biết mọi thứ đều có thể xảy ra, mà chỉ là hệ quả. Như việc từ xe tôi qua xe anh, từ băng trước xuống băng sau, từ ở ngoài đến vào sâu...

Kết

Tôi cho rằng mình đã đi đến tận cùng.

Anh hôn tôi một lần nữa, cái hôn coi chừng đã đuối. Bàn tay kéo lại áo quần ngay ngắn, bàn tay vuốt ve đã mỏi. Điều tôi tìm kiếm khao khát bây giờ đã thỏa. Tôi thở hắt như vừa bước ra khỏi cơn hoan lạc (tôi không cảm thấy hoan lạc). Thật ra đó là tiếng thở của một người khác.

Một người đang đứng bên ngoài nhìn vào.

Hình ảnh vừa hiện ra đó làm tôi kinh sợ.

Cô đứng rất gần, như mới vừa mở cửa bước ra.

Chúng tôi nhìn nhau, trừng trừng. Lần này tôi thấy cô rất rõ dù chung quanh sương mù, có thể vì đôi mắt rực sáng và mê hoảng. Cô đẹp đến nỗi làm tôi rùng mình, một vẻ đẹp ở giữa chừng toàn vẹn và bắt đầu tả tơi - vẻ đẹp của đóa hoa vĩnh cửu có lần cô đã nhắc cho tôi. Tôi nhìn thấy nỗi cô đơn rất liều lĩnh, rất bất chấp và vô cùng điên loạn làm tôi xúc động. Trong cô, tình yêu và lý trí đã nhập thành một, hay tất cả lý trí đã đầu hàng tình yêu.

Tôi nhìn ngắm cô, tràn đầy yêu dấu và thương xót. Chưa bao giờ người tôi nhẹ như thế - như cô vừa đi ra khỏi tôi - một người đàn bà ở trong tôi, khác tôi, tự mình tôi không lôi ra được, bây giờ đã thoát đi rồi.

Anh bây giờ không quan trọng nữa. Những gì anh làm chỉ là gõ cửa. Mỗi người đàn ông đến gõ cửa sẽ lôi ra, từ tôi, một người đàn bà riêng của hắn./.

CHÁO NÓNG ĐÊM ĐÔNG

LƯU VĂN VỊNH

Đi xuống Cựu Kim Sơn từ phía Bắc, tới gần cầu Kim Môn *Golden Gate*, khoảng ngã ba đường 101 và Sausalito, một bên núi cao, một bên sóng nước, đúng khoảng này, trước khi vào đường hầm xuyên núi, mùa Thu hay mùa Đông, gió đánh ầm ập từ đỉnh cao xuống, sương mù trắng xóa rờm rợp lẫn với mưa, phần phật đập từ triền núi đá băng qua mặt đường, đổ ào ào như có sơn thần ném xuống mặt nước vùng Vịnh, xa xa nhà tù Alcatraz nhấp nhô ngọn đèn vàng nhấp nháy giữa cơn lạnh xoáy đến rợn cả xương sống.

Sương mù ở vùng thung lũng bên trong Stockton, Sacramento... tuy đôi khi dầy đặc che phủ cả một bình nguyên, nhìn cách nhau một xe cũng không thấy, lái xe giữa sương mù như chèo thuyền trôi giữa biển cả mênh mông... nhưng không có gió núi đập xuống ào ạt, nên không thấy bàn tay ghê gớm của thiên nhiên quất xuống như vùng ven biển.

Mùa Đông ở xứ lạnh vạn vật co lại, nằm trong ổ rơm lười biếng, những ngày từ Việt Nam nhiệt đới mới sang xứ này, thấy cảnh tuyết rơi như tranh vẽ, lá phong rơi vàng vọt cuối thu, khí lạnh man mát, rồi buôn buốt, rồi căm căm... tới vài năm sau, mới biết từ Thanksgiving trở đi, thiên nhiên bắt đầu nạt nộ ghê gớm, vạn vật im lặng sợ sệt như cánh chim ngại bay, đôi khi nhìn mãi trời mây đục, nằm nhà giam hãm, đành phóng ra ngoài như cánh chim chẳng chịu rũ cánh trong tổ.

Trời lạnh, mưa gió, đi tìm món ăn ngon là một cái thú, da lạnh thì bụng phải nóng, sự đền bù tuy

chẳng to tát cũng vẫn làm nguôi cơn buồn chốc lát. Việt Nam xứ nóng, món ăn phải mát như bún, như rau, mới hợp, món nóng như phở, bún riêu, chả cá, lẩu cá... vừa ăn vừa nhễ nhại mồ hôi thì thú ăn ngon giảm đi tới quá nửa... Hồi 1954 mới vào Sài Gòn, đi qua các quán cà phê thấy các tay sành ăn uống đổ ly cà phê nóng ra đĩa cho nguội đi rồi mới uống, sau lại có cả món cà phê đen đá... thì quả là khí hậu ảnh hưởng rất nhiều tới miếng ăn, chưa kể các món quốc hồn quốc túy như bánh chưng, ăn ở xứ nóng không thể ngon miệng bằng ăn ở miền mưa phùn gió bấc... trời lạnh bụng dễ đói... mà càng đói thì ăn càng ngon. Thời 1949- 50 ở miền Bắc ngày Tết đến chúc nhau, nhà nào cũng mời ăn bánh chưng, miền quê ngoại tôi, ở Quảng Yên, gần văn hóa Tầu Móng Cái, ngày Tết lại còn thêm bánh *tài lùng ệp, giống như bánh dầy, mầu nâu, ngọt, mang rán lên ăn nóng deo dẻo*... bẵng đi gần nửa thế kỷ lang thang ngày Tết đi chơi phố Tầu Cựu Kim Sơn, Hạ Uy Di... lại thấy loại bánh ấy xuất hiện, gọi là bánh *tổ* dường như là món truyền thống của dân Quảng Châu, Hắc Cá cúng tổ tiên ngày Tết...

Chú Tầu mới đi học xong nghề nấu ăn giảng giải: món ăn ngon có ba yếu tố: Hương, Sắc và Vị... Món ăn phải bốc *hương* thơm mới quyến rũ tỳ vị, miếng thịt, nhát hành *sắc* phải tươi tắn mới làm người ăn vừa nhìn đã thấy thèm, và tất nhiên *vị* phải hợp miệng lưỡi, cổ họng... thì tay sành điệu mới ăn một lại muốn ăn hai, ăn cho hết đĩa. Những tay thợ nhà nghề ở khu Tầu San Francisco từng đắc chí: *"Ông đừng sang Tầu lúc này- 1996- chờ dăm năm nữa hãy sang, họ còn đang gửi người qua đây cho chúng tôi huấn luyện cách nấu ăn mà..."* cũng chỉ đúng nếu đặt Hồng Kông sang một bên, cơm Tầu Cộng trong Hoa Lục rất khó ăn có lẽ vì mấy chục năm nghèo đói, kinh tế lụn bại nên không thể có cao lương mỹ vị được, chỉ còn Hồng Kông là giữ được tài nghệ nấu ăn truyền thống Trung Hoa cổ xưa, mà phải có thổ công dẫn đường mới vào được các nhà hàng chân truyền dành cho người bản xứ. Năm 1993 trên đường từ Việt Nam về Mỹ, tôi ngừng lại Hương Cảng vài hôm để thăm một cô Tầu, em một người đồng nghiệp cùng làm việc ở Mỹ. Thời ấy, trước khi Hương Cảng trao lại chủ quyền cho Trung Cộng, dân chúng náo động chỉ mong được rời bỏ quê hương ...cô ta dẫn tôi lên một nhà hàng lớn lầu bốn lầu năm, chuyên hải sản và thực đơn viết toàn chữ Hán, không có phụ đề Anh ngữ. Quả thực món ăn ngon siêu tuyệt hơn hẳn những nơi khác. Chỉ tiếc rằng cô bạn Tầu tìm chồng không được một nét của Gong Li hay Lâm Thiên Hà để làm trái tim viễn khách dừng lại lâu hơn chốn Cảng Thơm!

Đi la cà trên khu Kowloon, thấy hai con đường mang tên Việt Nam: Hải Phòng và Sài Gòn, người Tầu ở Hải Phòng khá đông vì gần với Quảng Châu, Hải Nam đường biển, còn Sài Gòn Chợ Lớn thì dân Tầu có lẽ lên tới gần triệu người, nhiều người trở về sống ở Hồng Kông nên vì thế thành phố đặt tên Việt để kỷ niệm chăng? Con đường Sài Gòn tuy nhỏ bé nhưng ở ngay giữa khu trung tâm nhộn nhịp, băng qua khu chợ đêm, bốn năm khách sạn tấp nập du khách. Riêng tiệm cháo cá trên con đường này cũng có thể làm lưu luyến khách tìm món ngon đặc biệt; cá còn tươi cho vào cháo sôi sùng sục, đánh cho nhừ ra, thêm chút gừng, hành lá, tiêu... lúc ăn cháo và cá lẫn vào nhau, trôi xuống cổ họng, từng muỗng một, không cần dùng đũa gắp lát cá riêng rẽ như ở nhiều nơi khác. Một ông sành ăn nói ở Chợ Cũ Sài Gòn, gần bờ sông, khi xưa cũng thế, mà lại còn đánh cho cá nát hẳn ra trong nồi cháo lớn, lúc bán chỉ việc múc ra tô, nhưng nếu đánh nát sẵn ra như vậy, e rằng lúc ăn thịt cá không còn tươi như mới vừa xắt ra còn máu đỏ hồng?

*

Ăn cháo ngon hơn ăn mì, mì nặng bụng, chóng no và no lâu, không phải là khẩu vị của dân Việt nhiệt đới văn minh lúa gạo tre trúc... nhẹ nhàng thanh khiết, cháo nấu bằng gạo, chẳng phải *tám thơm* hay *nàng hương*, nhưng nếu thêm chút nếp vào cho quánh, húp vào thấy sanh sánh, nhìn bát cháo thấy deo dẻo như có nhựa lúa váng trên mặt, thế là cháo nấu đúng kiểu. Nếu nhìn bát cháo mà thấy loãng toẹt, gạo chìm xuống dưới, nước nổi lên trên, không quánh, thì là loại cháo cơm nguội, rời rạc, chẳng khác gì cơm chan nước sôi chứ không phải cháo, hoặc giả nấu bằng loại gạo cũ nằm dưới đáy bao tải từ lâu, không còn mùi thơm của mễ cốc, không còn hương nhụy lúa con gái, chỉ còn mùi bao tải thô như giây thừng, húp loại cháo này không chừng sinh bệnh phù thủng!

Tiếng Tầu nói *chúc* là cháo, âm hưởng giống tiếng Việt, cùng đơn âm. Người Tầu tính tình sởi lởi dễ dãi, ra vào cửa hàng người Tầu thấy xuề xòa dễ chịu, dường như họ không sắc mắc, nồng hậu mà không theo dõi chăm chăm như vào hàng

người Việt, ăn ít ăn nhiều họ không để ý, chỉ trừ lớp Tầu sinh trưởng ở Mỹ mấy đời như khu Chợ Tầu Nữu Ước thì tâm tình có khác người Tầu chính gốc. Khu chợ Tầu Cựu Kim Sơn ăn ngày Song thập của Tầu Quốc rất lớn mà ngày lễ Tầu Cộng cũng đuề huề... có lẽ họ không thù dai chăng, hoặc giả chuyện tranh chấp từ thời 1930-49 đã lui hẳn vào dĩ vãng nên thực tế chỉ còn là chuyện buôn bán làm ăn? Hơn nữa *Tầu quốc gia* tuy thua nhưng không thua hẳn, họ vớt vát được đảo Đài Loan làm đất dung thân chờ thời, họ nỗ lực làm giầu để rồi nửa thế kỷ sau trở về Hoa lục, ngửng đầu cao hãnh diện với chiến thắng kinh tế. Tuy vậy thời 1975 người Tầu Việt sang đây cũng không vào được khu Tầu, người Tầu Đài Loan thì lập hẳn ra khu mới phố Clement, sách Tầu Cộng gần như không thấy bán, ngay hỏi mua ảnh tài tử Gong Li hàng sách cũng lắc đầu quầy quậy!

Thời tôi ở Philadelphia thì khu chợ Tầu ở đây không lớn lắm, cũng chỉ bằng khu chợ Tầu ở Boston, nhưng một người Việt gốc Hoa nổi tiếng với món thịt vịt quay, khách Mỹ đứng xếp hàng vào ăn từ ngoài đường, dù trời lạnh cóng tuyết rơi trắng xóa... Cửa tiệm cỏn con, chỉ dăm bàn nhỏ, vịt quay chưa nơi nào hơn nơi đây, ngoài da ròn khô, trong thịt còn tươi ướt, vị hơi ngọt như có nêm chút cam thảo, không hắc như húng lìu, không mặn như sát muối. Độc thủ một món, ăn với cơm nóng ngày Đông tưởng như càn khôn cũng nhỏ, chứ đừng nói tới chuyện cỏn con tranh chấp chợ đời.

Những năm trước ở Boston, 1975-1977, gần khu đại học Harvard có một cửa hàng Tầu khá lớn, nghe nói chủ nhân là một ông tướng loại *warlord* nào đó phiêu bạt sang đây từ năm 1949, thì ra đất Hợp Chủng này đã và đang là nơi dung thân của bao loài hổ nhớ rừng, nhưng nhớ mãi rồi cũng quên, độ hai mươi năm thì quá khứ nào cũng trở thành một màn kịch, nhìn lại thấy khu rừng hoang vu, chẳng có gì đáng tranh giành vò xé và cái móng vuốt tưởng như oai hùng một thuở của chúa sơn lâm, bỗng một đêm vắt tay lên trán thấy dư thừa như cái gai đâm vào hình bóng lờ mờ dĩ vãng, cái dư thừa "*de trop*" hiện sinh phi lý. Đôi khi trong lúc húp một tô cháo nóng, uể oải như loài hổ trong sở thú, được êm ả nuôi dưỡng, cái chí tung hoành bốc lên dăm phút tưởng như muốn đập bát xuống mà lên đường hổ thỉ... nhưng rồi chí lớn cũng nguội đi, nguội dần như muỗng cháo húp quanh, chỉ còn rung đùi khoái chí chu du đưa hồn muôn nẻo vào Thủy Hử, Tam Quốc Chí!

Sau cuộc di cư 1975 một phần tư thế kỷ, chẳng ai có thể ngờ người Việt, người Tầu Hồng Kông, Đài Loan, Trung Cộng... tập hợp lại thành ra những khu Á Đông trên đất Mỹ. Việt có nhân số đông đảo, Tầu có vốn, có đường tiếp liệu từ phương Đông, thành ra tình cờ những ốc đảo *Hợp Chủng Quốc Đông phương* đã thành hình, với những khu buôn bán kiến trúc mái cong, khang trang, hàng họ tràn ngập kể cả bánh mứt từ Việt Nam... Tiệm cháo Khổng Tử ở Houston có tới sáu loại cháo, loại cháo thịt với trứng đen ngon tương đương với cháo Hồng Kông, nhất là cháo nấu sánh có hương gạo thơm, ngồi ăn ban đêm tưởng như ngồi bên Hương Cảng!

*

Tôi ăn cháo ở góc Chinatown San Francisco này thấm thoắt đã mười tám năm, tiệm xập xệ ồn ào đúng lối Tầu, thêm chú khách đúng là chú khách chân truyền, mập tròn, bụng phệ, sành nghề nấu và trọng người sành ăn, có cặp mắt tri kỷ, biết khách quen thích ăn món gì, đông đến mấy cũng cố nhìn trước nhìn sau xem có bàn riêng cho ông khách Bách Việt... Mỗi lần tới ăn có cảm giác mơ hồ như từ đất Việt Câu Tiễn xuống Giang Đông vào quán quát tửu bảo một thuở cầm gươm Chiến quốc :

...lớn tiếng lên lầu gọi rượu đâu
khí hùng muốn toát cả năm châu...

Hàng tuần xuống đây, ăn một tô cháo trắng với nghêu xào, thêm một đĩa đậu phụ rán ròn, nếu có *ung chòi* xào với tỏi tươi càng hay. Tầu gọi rau muống là *ung chòi*, âm chữ Nho *ung thái*, bè rau muống trôi nổi trên mặt ao các cụ đặt tên rất nên thơ là *mộng thái*, ngày xưa ăn một tô cháo chạy ba quãng đồng, ngày nay, thời đại điện tử, ăn một tô cháo lái xe đi về hơn hai tiếng, 100 dặm, khoảng 170 cây số, xa hơn đường Mỹ Tho-Sài Gòn. Nhưng nếu thích thì cũng phải chịu, vả lại nơi đất khách quê người, màn kịch lớn không có sân khấu mà đóng, màn kịch nhỏ thì rất nhạt nhẽo, chỉ còn cái dạ dày thực tế sát đất lôi kéo mình đi vào những ngõ ngách bình dị của sắc dục. Đôi khi hành giả tặc lưỡi tự an ủi: ngay đến Trư Bát Giới cốt heo mà cũng có lúc giải thoát, thì lo gì chẳng có ngày mình rũ bớt được *kiết sử*... vả lại ăn cháo cũng rất gần với ăn chay, lại nhẹ và có khói nóng bốc lên đưa tâm địa vào cõi *duy thức lân không*!

Ngồi một mình trước tô cháo nóng, lấy muỗng khuấy đều, một vòng tròn cháo lan rộng ra, khói

bay bay như cả một Động Đình Hồ trong sương trước mặt, bên trong mờ mờ dâng huyền sử và cả đôi mắt nụ cười Tây Thi... tôi bỗng nhớ Khang Hà, người con gái từ bờ sông Khang đâu đó ở nước Hàn, gập nhau một *thuở trời đất nổi cơn gió bụi*, nỗi truân chuyên giữa Cựu Kim Sơn, cứ tạm gọi như thế, mang vào hồn chiều nay một khúc mê ca Diễm Xưa, quanh những vòng tròn cháo trắng! Giá thử Tạo Hóa kéo Đào Nguyên gần lại trái đất, cho thế nhân ngửi thấy hương thơm da thịt Giáng Tiên, thì còn cần gì luyện tâm để đạt tới cõi lạc, khi ấy phàm phu chỉ cần ngửi diệu hương toát ra từ bụng tiên cũng *đốn ngộ* ít ra tới mức *sơ thiền* chứ đừng nói thiền xuông chiếu lệ... Chẳng thế mà thời xưa con gái sinh ra nếu có hương thơm sực nức khắp nhà cửa thì là đại quý tướng, lớn lên phải cỡ nữ hoàng Võ Tắc Thiên hay ít ra cũng cỡ Bà Chúa Chè. Ngược lại nếu thân xác nặng mùi, hôi như cú, thì các cụ giải là nghiệp rất nặng, mới từ hàng ngũ súc sinh ngạ quỷ, hồ cáo, được thăng chức làm người nhưng phải sống rất vất vả khổ sở....

Trở lại món ăn của người Tầu thường ảnh hưởng Y học, lấy âm dương nóng lạnh làm chuẩn, thịt dê, thịt chó, hải sản, tôm hùm, nghêu... đều là những *bát bửu* bổ dương, cho đến gừng, tỏi... cũng không ra ngoài nguyên lý đó. Kể ra thì khoa học khó chứng minh, nhưng phải thử mới nghiệm: hồi đi học ở Philadelphia, trời lạnh cóng, dễ cảm lạnh, mỗi lần như vậy chỉ cần lên khu chợ Ý mua vài cân thịt dê ướp đông lạnh, mang về xào nấu, ăn một bữa, ngay đêm hôm ấy thấy một luồng khí nóng bốc trong người, sáng hôm sau sổ mũi nghẹt mũi cảm lạnh hết đến 90%, mà thử đi thử lại lần nào cũng thấy hiệu nghiệm. Riêng chuyện tình dục thì lại tùy người, có người hợp, có người không thấy chuyển động, có lẽ cũng như thuốc men, tùy cơ thể mà tác dụng khác nhau. Người Hàn ăn *cháo sâu đất* tin là bổ dương, người Việt ăn thịt rắn, thịt chó... vừa bổ vừa xả sui. Dân Hà Nội bây giờ có lệ cuối năm tất niên một bữa thịt chó, hàng quán trên đê Yên Phụ gần Hồ Tây, làn gió mươn man mát mẻ, người ra vào ngồi chiếu ăn nhộn nhịp như đình đám thuở xưa, cùng với xe cộ tấp nập chở cành đào mầu hồng phơn phớt từ Nghi Tàm Nhật Tân ghé tới... Nghe nói dân Hà Thành cũ lui về đây cố thủ, không có dân lớp mới len vào. Thế cũng hay, đây là mảnh đất thiêng gần Phủ Chúa Liễu, xa xa bóng núi Tản thấp thoáng mây mù.

Tầu dùng xì dầu mà không dùng nước mắm như miền Đông Nam Á, đến như mắm tôm thì Việt, Phi, Nam Dương hay ăn, còn người Tầu dường như ít thấy ăn ngoài món cơm chiên cá mặn. Nhật Bản thì còn sạch hơn: mỗi người một khay ăn riêng chứ không gắp chung, chấm chung. Nếu chia ra Sắc, Vị, Hương thì cơm Tầu đạt vị, cơm Nhật đạt sắc, từ đũa bát khay chén đến con tôm đuôi cá đều khéo léo trình bày từng ly từng tí. Cơm Việt có lẽ đặc biệt ở *hương* thơm, mỗi lần đi qua cửa hàng ăn Việt, mùi chả thơm thịt nướng quạt nóng phưng phức bay ra ngoài phố. Đủ mọi gia vị tỏi tiêu cần sả, cho đến nước dừa nấu canh chua cũng bốc mùi đặc biệt.

*

Cháo mang hương vị thanh thanh của mễ cốc rất khó đi với lòng lợn tiết canh, làm khéo đến đâu món *cháo lòng* cũng còn mùi hôi của lợn, nhưng cháo có thể hợp với gà, vịt, nghêu, tôm, cá... Trước 1975 ở Mỹ Tho, mấy anh em trong đội Quân Y gọi một chú y tá có lẽ gốc Tầu lên nói chuyện nhậu nhẹt... Kết cục là chú ta sau một hồi mô tả lối ăn uống cầu kỳ của người Tầu Chợ Lớn, như lên mãi hồ nước Pleiku, Ban Mê Thuột, ngắt củ sen ngàn năm sâu thẳm dưới nước, mang về nấu vừa mát vừa bổ âm vô địch... bèn biểu diễn tài nấu ăn qua món cháo gà. Chưa bao giờ tôi được ăn một tô cháo gà nêm mặn mòi và nấu nhanh đến thế! Tiếc rằng chỉ có một con gà và một nồi cháo nhỏ chia cho sáu bảy người. Sài Gòn trời nóng, ăn sáng một tô cháo đậu xanh với đường, hạ nhiệt giải cảm, chưa kể đậu xanh có thể chữa chất trụ sinh trị bệnh nữa, điều chắc chắn là đậu xanh, đậu đen đều chứa lượng chất sơ *fiber* rất cao, nên dễ tiêu hóa.

Mỗi lần ăn cháo với ruốc tôi lại nhớ đến thời thơ ấu, khi ốm đau cảm sốt, lại được ăn kiêng giống người mới đẻ, cảm giác lưỡi nhạt, đăng đắng lâu lâu vẫn trở về cùng tô cháo trắng và hình bóng mẹ già nấu cháo cho con ăn. Bây giờ thì bát cháo thỉnh thoảng vẫn rưng rưng dĩ vãng, thuở nhỏ đi học, Ba tôi nhà giáo vẫn nhắc câu nói của tài tử trọc đầu Yul Brynner (đóng vai vua Xiêm trong phim Nhà Vua và Tôi- *The King and I* với Deborah Kerr) trên báo Paris Match: *Người ta sinh ra một mình, sống một mình và chết một mình- on nait seul, on vit seul, on meurt seul...* cho nên tôi vẫn quen *độc ẩm*, ngồi húp cháo một mình, vả lại *nhất trú* dễ đi cùng với *lạc trú*, cho dẫu chưa *an trú* thì bát cháo nóng cũng vẫn làm nhẹ nhõm thân tâm.

Bí ẩn của một chuyện tình

PHẠM THÀNH CHÂU

Nữ chi đam hề. Bất khả thuế dã.
(Gái đã mê trai, khó gỡ thoát ra)
(Kinh Thi)

Tôi có thằng bạn nối khố. Nối khố đúng nghĩa, thân nhau từ nhỏ đến lớn. Cho đến bây giờ đầu hai thứ tóc mà vẫn mầy tao. Dĩ nhiên tôi phải gọi vợ hắn bằng chị một cách lễ phép. Chúng tôi sinh ra, lớn lên ở thành phố Hội An. Đó là một thành phố cổ mà ai cũng biết. Cả mấy trăm năm mà hầu như ít có người sửa lại ngôi nhà của mình. Họ bảo thủ cũng có nhưng sửa để làm gì? Con cái lớn lên, đứa nào cũng tìm cách bay nhảy ra khỏi thành phố, vả lại nhà có hư, dột gì đâu? Nhà xưa, tường xây mấy lớp gạch dày, ngói lợp âm dương, sườn nhà bằng gỗ tốt, mấy cây cột nhà to tướng bằng gỗ lim, gõ... mối, mọt gặm gãy răng không ra. Có điều bất tiện là nhà nhiều cột quá. Tôi nhớ lúc nhỏ, khuya dậy đi tiểu, mắt nhắm mắt mở, hai tay quờ quạng phía trước, vậy mà cứ đập trán vô cột nhà hoài. Còn đường phố ở Hội An, ngay cả đường phố chính cũng chỉ rộng hơn đường hẽm ở Sài Gòn chút đỉnh, nghĩa là vừa cho chiếc xe hơi chạy một chiều. Có lẽ ngày xưa, cách đây khoảng bốn, năm trăm năm, người ta làm đường đủ cho hai chiếc xe ngựa tránh nhau mà thôi. Sau nầy, các con đường được mở tối đa, lấn đến sát thềm nhà, đến độ, bước ra khỏi cửa là đặt chân xuống lòng đường, khiến cho Hội An trông rất đặc biệt, như không có đường phố lớn và mọi nhà đều xây mặt ra hẻm. Hội An giống một cái túi, ra vào chỉ một con đường đi Vĩnh Điện, nối với Quốc lộ 1, cho nên con người ở đó loay hoay với nhau như trong tổ mối. Họ thân thiết nhau đến độ biết rõ gia phả mấy đời trước của nhau.

Tôi xin dài dòng, linh tinh một chút về thằng bạn tôi. Bạn tôi tên Công, trong lớp, ngồi gần tôi vì cùng vần C. Nhớ năm đó có cô Lê thị Tường Loan, giáo sư tiếng Anh, mới ra trường. Cô Tường Loan trẻ và đẹp lắm. Đến giờ Anh Văn, cô vào lớp là bọn đệ tử chúng tôi ngồi ngắm cô sa đà, quên cả trời trăng. Ngay cả đến mấy ông giáo sư độc thân cũng trồng cây si cô, đến nỗi bọn học trò chúng tôi cũng biết. Cô đã đẹp còn diện hết sẩy. Vì cô mặc áo màu nên khi đi trong trường, cô nổi bật giữa bọn nữ sinh áo trắng, như một con bướm rực rỡ di động. Mỗi ngày cô mặc một áo dài khác nhau. Mùa đông, hơi lạnh một tí là cô diện áo ấm vào, trông như nữ minh tinh Hồng Kông. Cô mới ra trường, chỉ hơn bọn đệ tử năm, bảy tuổi nên chúng tôi xem như cùng trang lứa, tuy kính nể nhưng cũng thích chọc ghẹo cô. Thế nên, hễ nghe cô gọi đến tên Công lên trả bài, làm gì cả lớp cũng nhao nhao.

- Công ngủ rồi, cô!

Cô ngạc nghiên hỏi hắn.

- Sao trong lớp anh lại ngủ?

Hắn ú ớ.

- Dạ, mấy bạn chọc em đó cô.

Đúng là cô giáo mới ra trường, ngây thơ chi lạ! Nhưng sau cô cũng hiểu. Lần sau, cô gọi hắn, đứa nào nói "Công ngủ rồi ạ!" là cô làm nghiêm, mặt đỏ lên, và cô hành cái thằng dại miệng đó chết xác luôn... Kể ra để thấy bạn tôi chẳng có giá trị gì cả.

Chuyện tôi và hắn thời tiểu học thì cho qua đi, lên trung học, khoảng đệ tứ, đệ tam tâm hồn mới có vấn đề, nghĩa là tập tễnh đi tìm người đẹp để dâng quả tim. Thời đó, khoảng thập niên sáu mươi, bảy mươi, tôi nhớ, Hội An có nhiều người đẹp. Cô Hà Thị Tuyết ở gần chợ đẹp ngây thơ, hiền hậu, cô "Liên chuột bạch" đường Nguyễn Thái Học rất dễ thương. Cô Lý Tuyết Ánh đã đẹp mà hát bài "Mai Quế" nhạc tàu, hay lắm. Cô Tuyết Trinh nhà ở tiệm ảnh Huỳnh Sỏ hát bài "Tôi vẫn yêu hoa màu tím" còn hay hơn ca sĩ Lệ Thanh. Còn một cô nữa, rất đẹp mà hát cũng hay, không thể nói tên ở đây vì là nhân vật chính trong chuyện tôi sắp kể. Tôi xin tạm gọi là cô An. Thằng bạn tôi "si" cô nầy đến độ như người mất hồn. Càng yêu, hắn như càng mất tinh thần trước cô. Mới thấy người đẹp đằng xa là chân tay cứ run lên, thở không ra hơi. Bạn tôi xấu trai. Dân thành

thị mà đen thùi, mặt hắn chành bành như mặt ông địa múa lân, chân tay cục mịch, khi đi cứ bước thình thịch xuống mặt đường như trâu dậm. Ngữ hắn thì hy vọng gì trước cô An, đẹp như tiên, học giỏi, hát hay. Hắn thua sút các bạn cùng tuổi, chỉ có tâm hồn thì hơi lãng mạn. Hắn làm thơ. Làm thơ ca tụng em An. Thơ hắn thường thấy xuất hiện trên báo, báo ở Sài Gòn đàng hoàng. Hắn xứng đáng được gọi là "nhà thơ", nhưng chút danh vọng đó cũng chẳng giúp hắn được cô An tỏ cử chỉ gì ưu ái hơn các bạn khác.

Vì yêu em hắn đã làm một chuyện lạ đời. Xưa nay chỉ có hắn là đến nhà thờ cầu Chúa rồi đến chùa lạy Phật cầu xin cho em yêu hắn. Hắn chỉ khấn có một câu"Lạy Phật (hoặc) lạy Chúa cho em An yêu con!" Chỉ riêng tôi hắn mới nói sự bí mật đó. Hắn bảo rằng với lòng thành của hắn, Phật, Chúa ắt động tâm vì các đấng đã chẳng dạy nhân loại phải yêu thương nhau là gì? Tôi không nói ra nhưng nghĩ rằng, các đấng ấy hơi đâu lo chuyện tào lao. Giúp đỡ, an ủi lũ chúng sinh bất hạnh mà thế gian vẫn chưa hết đau khổ, thì giờ đâu mà lo chuyện tơ lòng lẩm cẩm của hắn?! Ấy vậy mà phép lạ xảy ra mới kỳ. Hắn được người đẹp nắm tay dẫn đi rồi còn nhảy tót vào ngồi trong vòng tay hắn và ôm hắn nữa. Nguyên nhân như thế nầy. Hè năm đó trường Trần Quí Cáp tổ chức đi chơi Ngũ Hành Sơn. Không phải trại hè mà tổ chức đi, về trong ngày. Ngũ Hành Sơn, còn gọi là Non Nước, cách Hội An độ vài mươi cây số, ở ngoại ô thành phố Đà Nẵng, gồm năm ngọn núi đá nhỏ, có một số hang động, có chùa chiền, có đường lên trời, đường xuống biển. Lúc bấy giờ có một hang động mới vừa tìm thấy, nên ai cũng tò mò muốn xem. Sáng hôm đó, xe đỗ học sinh trước động mới. Các thầy cô sắp xếp học sinh đi vào động. Con gái đi riêng, con trai đi riêng. Khi vào, đèn đuốc được thắp sáng lên, tất cả lần lượt đi rất trật tự. Nhưng vào bên trong thì vì chỗ nào cũng có những hình tượng kỳ lạ, nên lũ học trò trầm trồ, đi linh tinh, gọi nhau ơi ới, chẳng còn hàng lối gì cả. Thằng bạn tôi nhân lúc lộn xộn, lẻn chen vào toán con gái, hắn đi theo người đẹp. Trong động thiếu ánh sáng, đèn đuốc chập chờn. Ai cũng lo ngắm nghía mấy cái thạch nhũ. Đa số các cô mắt cứ nghiêng ngó chung quanh, tay thì nắm tay bạn cho khỏi lạc. Một lần, cô An, người đẹp của hắn, mắt nhìn lên nóc động, tay quờ quạng phía sau để nắm tay bạn, gái, dĩ nhiên. Hắn đứng sau, lẳng lặng đưa tay ra, thế là người đẹp vô tình cứ nắm lấy tay hắn lôi đi. Chỉ mình tôi theo dõi chuyện đó. Tôi thấy lúc nắm tay hắn, cô hơi khựng lại. Hú vía! cô không quay nhìn hắn. Hắn để cho cô dẫn đi cả buổi mới rút tay lại và quay về toán con trai. Tôi hỏi hắn sao không tiếp tục, hắn bảo sợ người đẹp phát giác, vả lại có cô thầy đứng gần đó. Đàn ông con trai, già trẻ gì cũng giống nhau, yêu ai, nhất là yêu thầm, coi người đó như thần tượng, rất tôn quí, rất cao xa...Như thằng bạn tôi yêu cô An, bỗng dưng được người đẹp nắm tay, thử hỏi có thứ hạnh phúc nào sánh bằng? Hắn mừng lắm, khoe với tôi rằng tay em dịu dàng, mát rượi... rồi hắn cứ hôn mãi bàn tay (của hắn) đã được em nắm dẫn đi.

Khi ra khỏi động, mọi người ngồi rải rác để thở vì ngộp và nóng. Thấy cô An ngồi hơi xa các bạn trên một tảng đá, hắn làm như vô tình đến ngồi bên cạnh. Thực ra học sinh, trai gái ngồi cạnh nhau là bình thường, nhưng với hắn, được ngồi bên em là một biến cố lớn. Hắn muốn gợi chuyện nhưng cứ đực ra, không dám mở miệng. Bỗng hắn thấy một con sâu róm đang bò đến gần tay người đẹp, hắn bảo.

- Có con sâu...

Cô An quay lại hỏi hắn.

- Công nói gì?

Vừa lúc con sâu bắt đầu bò lên ngón tay của cô, hắn chỉ con sâu và bảo.

- Con sâu kìa!

Cô nhìn thấy và hét lên một tiếng khủng khiếp, mặt xanh lè, nhào ngay vào lòng hắn, một tay ôm hắn, tay kia cứ đưa ra ngoài, vẫy lia lịa. Đúng là tiếng kêu "vang dội núi rừng," khiến mọi người giật mình quay nhìn. Hắn ngớ người ra, chưa kịp "enjoy" cái hạnh phúc bất ngờ thì người đẹp đã bỏ chạy đến với các bạn gái. Thế là hắn hoàn toàn mất hồn, miệng thều thào với tôi như người sắp chết, nhưng tôi biết hắn sướng đến mê người.

- Chắc tao chết mất! Đội ơn Phật, đội ơn Chúa!

Từ đó hắn rất siêng đi ngang qua nhà người đẹp, đôi khi cũng có gặp nhau, em cũng chào hỏi, chuyện trò vớ vẩn với hắn như một người bạn bình thường. Ấy vậy mà hắn lại thơ mộng hóa những lần gặp gỡ đó trong những vần thơ của hắn, tưởng như người đẹp cũng có yêu hắn một cách thầm kín. Thi tú tài hai xong, bọn tôi rủ nhau thi vào trường Hành Chánh. Chưa có trường nào mà đông người dự thi đến như vậy. Vậy mà tôi với hắn đều đậu mới tài. Sau bốn năm đèn sách, khi thi tốt nghiệp, hai đứa tôi học dỡ quá, ít điểm, nên khi chọn nhiệm sở, mấy chỗ ngon lành,

bọn học giỏi chiếm cả, chỉ còn mấy tỉnh khói lửa mịt mù như Phước Long, Quảng Trị, Pleiku, Kontum... Hắn rủ tôi về Quảng Trị, có lẽ để dễ về Hội An thăm người đẹp.

Về Quảng Trị, mỗi đứa lãnh một chức phó quận ở miền quê, nhưng chiều nào cũng về nhà trọ ở thành phố Quảng Trị. Cơm hàng cháo chợ xong, hai đứa về nằm nói chuyện khào. Đề tài hắn nói hoài không chán là chuyện em An, nhất là mỗi khi về thăm em, hắn kể say sưa em đẹp ra sao, chuyện trò những gì với hắn. Tôi khuyến khích hắn tỏ tình, hắn bảo.

- Tao khớp quá! Chỉ sợ em nói "Anh hiểu lầm sự tử tế của An rồi" là tao hết hy vọng. Vả lại...

Hắn không nói tiếp nhưng tôi biết hắn mặc cảm xấu trai, nên giải thích.

- Thời chiến tranh, hành chánh dù sao cũng đỡ hơn nhà binh, mầy không tiến tới, em lấy chồng, mầy chổng mỏ la trời...

Hắn nghe trúng ý nên hăng hái.

- Tuần sau, tao về nói đại, xem sao?

Tuần sau, hắn về Hội An, khi trở ra, tôi hỏi hắn.

- Kết quả ra sao?

Hắn làm thinh. Hỏi mãi, hắn mới bảo.

- Tao về, nghe người ta đồn rằng có một tên bác sĩ đang nhờ người mai mối..

- Em chịu không?

- Tao không biết, nhưng so sánh tao với hắn, tao lép vế rõ ràng! Thế nên tao không ghé vào thăm em nữa.

Khuya đó, tôi thức giấc, thấy hắn ngồi đốt thơ. Đúng là hình ảnh "chàng thi sĩ thất tình đốt thơ." Trầm tư, lặng lẽ, đau khổ âm thầm...trong ánh lửa bập bùng, khi tỏ, khi mờ của những bài thơ đang đi vào khói mây của dĩ vãng! Từ đó hắn biếng ăn, nhác uống, thân thể ốm o, mặt hắn đang tròn lại dài ra, hai má tóp lại, trông càng quái dị.

Nhưng rồi một lần, tôi về Hội An thăm gia đình, khi ra Quảng Trị, tôi báo cho hắn một tin đáng cho hắn tiếp tục nuôi hy vọng. Em từ chối lời cầu hôn của anh chàng bác sĩ nọ. Hắn lý luận.

- Có lẽ em yêu một tên nào rồi, chứ không phải tao.

Tôi khuyến khích hắn.

- Thì mầy phải tỏ tình với em, sau đó mới biết em yêu mầy hay yêu đứa khác. Tao đoán, có thể em yêu mầy, nhưng con gái không thể tỏ tình trước với con trai. Nhào đại vô đi! Thời buổi chiến tranh, cha mẹ em tất phải chọn thằng rể nào leo lên bàn thờ chậm hơn người khác.

Hắn coi bộ lên tinh thần, nhưng còn mặc cảm xấu trai.

- Tao chẳng thấy tao khác ở chỗ nào, e còn tệ hơn...

Tôi lại phải tái khẳng định.

- Một tên hành chánh, dù nhân dáng ra sao đi nữa, nhất định không bao giờ có vẻ cù lần, nó ở trên mọi cái tầm thường (?!). Mầy tin tao đi, mấy bài thơ trên báo đủ làm tim em rung động và yêu mầy... Mầy phải tự tin mà nhào vô kẻo trễ.

Lần nầy thì hắn cương quyết.

- Được, tao sẽ làm như mầy nói, nhưng để thong thả, tao phải lạy Phật, cầu Chúa...Nhờ quí ngài đó giúp một tay.

Sau cái tin em từ chối chàng bác sĩ, hắn ăn uống bình thường trở lại. Mặt hắn lại tròn, giống mặt cô Thúy Vân, em gái Thúy Kiều, trông không đến nỗi, và hắn lại tiếp tục chương trình ngày rằm, mồng một đi chùa, chủ nhật đi nhà thơ, trên cổ, hắn đeo sợi dây chuyền có tượng Phật và tượng Chúa Giê Su.

Có lẽ cứ bị làm rộn hoài và cũng vì tội nghiệp hắn nên các Ngài (Chúa và Phật) định đem hồ sơ của hắn ra cứu xét thì vừa lúc Miền Nam sập tiệm. Quan lớn, quan nhỏ miền Nam đi tù cả nút, đĩ nhiên tôi và hắn, cũng vô tù. Sau khi ra tù, tôi ở lì tại Sài Gòn, hắn thì về Hội An, để được gần người đẹp. Một lần về Hội An thăm nhà, tôi gặp hắn hành nghề chạy xe thồ, nghĩa là cứ ra bến xe Hội An đón khách với chiếc xe đạp, ai đi đâu thì hắn chở phía yên sau, kiếm tí tiền còm. Chẳng thấy hắn mặc cảm gì cả, gặp ai cũng cười hề hề. Lâu quá mới gặp, chúng tôi mừng rỡ kéo nhau vào quán nước trò chuyện. Tôi hỏi.

- Mầy còn siêng đi nhà thờ, đi chùa không?

Ý tôi muốn hỏi còn yêu cô An không? Hắn trả lời.

- Vẫn đi đều đều!

- Em bây giờ ra sao, ở đâu?

- Em vẫn ở đây. Bây giờ khá lắm. Ông bố với thằng em vượt biên, ở Mỹ, gởi hàng về, sống phây phả...

Kể ra có một người đẹp để tôn thờ cũng là một thú vui thanh tao, đâu cần được đáp lại, miễn người đẹp biết nhưng không tỏ vẻ khó chịu là tốt rồi. Trước kia hắn lép vế vì xấu trai, nay hắn tụt xuống hạng cùng đinh, thì dù hắn có lạy đến sói trán trước đức Phật hay quì mòn đầu gối trong nhà thờ cũng chẳng hy vọng gì. Theo chuyện cổ tích, sau khi gặp Mỵ Nương, Trương Chi tiếp tục hát đến khan cổ mà người đẹp không thèm nghe,

Tưởng niệm Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, tức nhà thơ Trần Hồng Châu, vừa từ trần ngày 7 tháng Mười Hai 2003 tại Quận Cam, Nam California.

Em Là Con Gái Ca Dao

TRẦN HỒNG CHÂU

Em là con gái ca dao
Nhớ ai ai nhớ ra vào nhớ ai
Chiều hôm trên núi Thiên Thai
Rủ nhau chúng bạn hoa cài tóc mây
- Này ai chớ có vơi đầy
Rửa lau nước suối chết bầy cá măng!

Đường về hẹn cỏ cùng cây
Gặp nhau ta lại ngày rày năm sau!
Hội chùa vào giữa mùa trăng
Gặp cô yếm thắm ả Hằng dạo chơi
Đồi lim cây cỏ đón mời
Véo von tiếng hát nhủ thời Tuyên Phi
Một thương óng ả nét mi
Hai thương đôi mắt nhu mì làm sao
Đong đưa giải nón quai thao
Rắp đem buộc chặt má đào với ai
Lạ lùng anh mới tới đây
Thấy hoa thì hái biết cây ai trồng!

Người đâu trúc mọc xinh xinh
Một duyên hai nợ là mình với ta
Vào đền xem tế nữ quan
Chuông rền trống giục mấy dàn bát âm
Hội xuân phơi phới lòng xuân
Bình thiên bái lễ xoay vần mười cô
Khăn vành dây, nón bài thơ
Lụa là phất phới quạt cờ khói hương
Lậy thánh xin rủ lòng thương
Cho con chủ tế một nường cầu hôn!

Sân đình gạch ngói âm dương
Hoa xuân đua thắm lạc đường là ai
Cờ người sao cũng mối mai
Pháo xe một dãy hán hài phân vân
- Trình làng cho phép ra quân
Mê cờ thì một, mê quân thì mười
Xin đem kiệu ngọc ra mời
Rước ngay nữ tướng vào ngồi... nhà tôi!
- Người ta như đũa có đôi
Em đâu coi nhẹ những lời tâm tư
Nhưng, khuyên con gái chớ hư
Mẹ mong về sớm, quá giờ chợ trưa.
- Lời ăn tiếng nói dễ ưa
Người đâu thục nữ cũng thừa văn hoa
Em về thưa với mẹ cha
Sang năm anh tới... cau trà xin em!

nay hắn cũng vậy, những bài thơ tình trên báo của hắn trước đây cũng tương tự tiếng hát vô vọng của anh Trương Chi, chẳng có tác dụng gì. Ôi, thơ với thẩn, văn nghệ với văn gừng! Thực tế vẫn tàn nhẫn, vẫn phũ phàng. Hai cậu (hắn và Trương Chi) đều xấu trai lại chẳng có nghề ngỗng gì ra hồn, khả dĩ đủ bỏ mồm, nói gì đến nuôi vợ con nên hai nàng làm lơ cũng đúng thôi!

Thế mà, lúc còn ở Sài Gòn, bỗng nhiên tôi được tin hắn cưới cô An làm vợ?! Tôi nêu giả thuyết, cô bị xe tung sứt tay, gãy gọng, bị hỏa hoạn cháy nám mặt mày hoặc cô linh tinh với ai lỡ mang bầu cần hắn đứng ra "nôm" thì tôi nghĩ hắn vẫn lời chán. Hắn có gì để trao đổi với cô An đâu?! Tôi nhớ rõ, chuyện hắn cưới cô An xảy ra trước tin đồn bọn tù cải tạo sẽ được đi Mỹ nên lý do cô thích đi Mỹ mà ưng hắn cũng không đúng.

Hôm đến sở di trú làm giấy tờ, phỏng vấn, vợ chồng tôi gặp vợ chồng hắn. Thấy cái lối săn sóc chồng một cách ân cần, âu yếm của vợ hắn, tôi

nghĩ, cô An si mê hắn nhiều hơn là hắn si mê cô ta. Hắn có hai đứa con nhưng tôi vẫn hỏi.

- Đứa nào là con của mầy?

Ý muốn biết cô An có con riêng không?

- Hai đứa nầy đây.

Cha con hắn giống nhau như khuôn đúc, cô An cũng vẫn đẹp như mọi khi!

Đến Mỹ, chúng tôi tuy ở khác tiểu bang, nhưng vẫn thường gọi nhau thăm hỏi. Rồi hắn bảo tôi qua tiểu bang hắn chơi ít hôm, tôi đồng ý. Thăm hắn cũng có nhưng mục đích chính là hỏi cho ra cái lý do hắn được cô An lấy làm chồng. Vợ chồng hắn ra đón chúng tôi tại phi trường. Về nhà đã có sẵn một bàn đồ nhậu. Khi đã ngà ngà say, tôi hỏi.

- Hai ông bà kể cho tụi nầy nghe cái nguyên nhân đưa đẩy hai người đi đến "sống chung hòa bình." Chị An nói cho tụi nầy biết. Thằng bạn tôi đây, ở tù về, chẳng ai dám giao thiệp, vậy mà chị lại chọn hắn ta, là cớ làm sao?

Vợ hắn mới kể.

- Bà cụ (tức mẹ của cô An) bị bịnh ung thư. Khi phát giác ra thì đã quá trễ. Bịnh ung thư của đàn bà, đến thời kỳ trầm trọng thì có mùi hôi khó chịu, chẳng nhờ được ai phụ giúp cả. Gia đình chỉ có mình tôi, mà bà cụ thì cứ rên la suốt ngày đêm, chỉ vài tháng là tôi đã kiệt sức, e chết trước bà cụ mất! Cũng may, gặp chàng ta. Chàng xung phong đến thức đêm canh chừng bà cụ, tôi mới ngủ được chút đỉnh. Bà cụ thấy chàng tận tâm, không hề tỏ vẻ khó chịu nên bà cụ cảm động, trước khi mất, bắt tôi với chàng làm lễ thành hôn, coi như cưới chạy tang. Nói là đám cưới chứ thực ra chỉ có lễ vật sơ sài, nhang đèn rồi lạy cáo tổ tiên, ông bà trước sự chứng giám của bà cụ mà thôi...

Vợ tôi nửa đùa nửa thật.

- Chắc anh chị tò tí nhau, bà cụ bắt gặp, coi như ván đã đóng thuyền, thì cho "Thuyền ra cửa biển" luôn, phải không?

Thằng bạn tôi đính chính.

- Lúc đó tôi coi bả như thiên thần, chéo áo cũng không dám động đến, mỗi ngày được gặp người đẹp, lại được chuyện trò, tôi đã sướng mê rồi, còn ao ước gì hơn. Ngay sau buổi lễ gọi là đám cưới, tôi cứ nghĩ, bà cụ bắt buộc thì "nàng" phải vâng lời cho bà cụ vui lòng nhắm mắt, sau đó sẽ có màn cám ơn rồi đường ai nấy đi.

Vợ hắn thêm vào.

- Bấy giờ tôi chỉ còn bộ xương, đi không nổi, bà cụ thì rên la ngày đêm, tâm trí đâu nghĩ đến ba cái chuyện kỳ cục!...

- Nguyên nhân nào đưa đến chuyện ông đến được với bà?

Vợ hắn nói.

- Bữa đó tôi lên Vĩnh Điện bổ mấy thang thuốc nam cho bà cụ, đến bến xe Hội An thì được chàng thồ về. Đến nhà, vừa bước vô cửa, tôi xỉu vì mệt quá, chàng đỡ vô nhà. Thấy tình cảnh tôi, chàng xung phong đến săn sóc bà cụ về ban đêm để tôi có thể ngủ được chút ít. Bà cụ cảm động vì ngay cả đến người mình trả tiền công hậu hĩ mà cũng rút lui thì phải biết chàng chịu đựng giỏi đến bực nào!

- Đồng ý là bà cụ cảm động, chị An cũng nhớ ơn đã chịu khó thức đêm, nhưng tôi thấy không phải là lý do để chị yêu thằng bạn tôi. Nhất là cái lối hai anh chị quấn quít như tụi tôi thấy thì phải có tình yêu thắm thiết. Thằng bạn tôi trồng cây si chị từ lâu thì chẳng nói làm gì, còn chị, sao lại có thể như thế được?!

Cả hai vợ chồng chỉ cười chứ không trả lời. Hôm sau, buổi sáng, nhân hai người đàn bà rủ nhau đi chợ, chỉ còn mình tôi với thằng bạn, tôi hỏi bí quyết nào khiến hắn chịu đựng mùi hôi giỏi như vậy? Hắn nói.

- Tao nói nhưng tuyệt đối mầy phải giữ bí mật, bà xã tao mà biết được thì việc tao chăm sóc bà cụ mất hết cả ý nghĩa. Nó đơn giản như thế nầy. Trong lúc ở tù, tao bị bịnh viêm xoang mũi nặng. Ra tù tao cũng chẳng có thuốc chữa. Tao nghe người ta mách đến một ông thầy chữa thuốc nam bên Cẩm Phô. Tao đến, ổng dùng thứ thuốc bột màu trắng bỏ vô tờ giấy nhỏ, cuốn lại, thọc vô lỗ mũi tao rồi ổng thổi một cái. Thuốc chạy lên tới óc! Tao tóa hỏa tam tinh, xây mòng mòng như con gà dịch. Cả giờ sau mới tỉnh. Vậy mà thuốc hiệu nghiệm mới lạ! Cứ vài ngày tao đến cho ông thầy thổi thuốc một lần. Ít lâu sau bịnh hết hẳn nhưng từ đấy tao không ngửi được mùi gì ráo. Mũi tao điếc đặc nên dù có đứng bên cạnh cái xác trương sình tao cũng không biết thơm hôi gì. Tao chẳng ngu gì mà nói ra điều đó với bà xã tao, lại làm ra vẻ anh hùng "Em chịu đựng được thì anh cũng vì em mà chịu đựng được vậy!" Nhưng tao vẫn có một thắc mắc như vợ chồng mầy là dù vì cảm động tấm lòng của tao, vì vâng lời mà cụ mà chấp nhận tao thì bả cũng không thể có cái tình âu yếm, yêu thương tao một cách chân thành, nồng nàn như tụi mầy thấy. Tao đã nhiều lần hỏi bả như thế mà bả chỉ cười không trả lời. Vợ chồng mầy tìm cách hỏi thử xem điều bí mật đó giùm tao.

Vợ tôi với vợ hắn đều là bạn học, cùng dân Hội An, cũng thân nhau như tôi với hắn vậy, chuyện gì cũng kể cho nhau nghe, thế mà cái bí mật đó, vợ tôi hỏi, vợ hắn chỉ cười chứ không chịu giải thích.

Hôm vợ chồng hắn tiễn chúng tôi ra phi trường, tôi kéo vợ hắn ra xa, hỏi riêng.

- Tôi hỏi chị một chuyện, chị phải nói thực. Coi bộ chị thương yêu thằng bạn tôi nhiều hơn cả những người vợ bình thường?

- Thì tôi đã kể rồi, chàng ta như thế ai mà không cảm động.

- Tôi thấy cách yêu thương của chị không phải do lý trí mà từ quả tim chân thành...

Vợ hắn cười.

- Con mắt mấy ông tài thực!... Được rồi, chỉ riêng anh tôi kể, nhưng đừng cho ai biết, vì đến tai anh chàng. Chàng ta mà biết được thì làm lừng. Anh còn nhớ thời tụi mình đi học, có lần đi thăm Ngũ Hành Sơn, Non Nước không? Vụ con sâu bò trên tay tôi đó!

- Nhớ rồi! Rồi sao nữa?

Cô đỏ mặt lên.

- Tôi thương anh chàng từ bữa đó.

- Thằng bạn tôi suy luận đúng ngay chóc! Hắn bảo sao chị không bỏ chạy mà lại nhảy vào lòng hắn, còn ôm hắn nữa. Tôi thì cho rằng chỉ là tai nạn, chị hoảng quá, chứ ai mà cố ý.

Cô có vẻ mắc cỡ.

- Thực ra tôi không cố ý làm điều đó. Nhưng khi đang hoảng sợ mà có một người mình có cảm tình ngồi bên cạnh, tự nhiên phải chạy đến cầu cứu người đó.

- À, tôi biết rồi, thằng bạn tôi làm thơ yêu chị, chị cảm động, có cảm tình?

- Tôi có yêu anh chàng từ lâu thì đúng rồi, nhưng chỉ đúng một phần.

- Vậy chứ cái phần kia là chuyện gì?

Cô ngập ngừng.

- Anh cũng biết, con gái mới lớn mà cầm tay con trai cả buổi, tự nhiên phải rung động, và... nhớ suốt đời!

Tôi chưng hửng.

- Vậy là chị cố ý cầm tay thằng bạn tôi! Lúc ở trong Động Mới tôi theo dõi, thấy hết. Hắn đưa tay cho chị nắm, tôi thấy chị hơi khựng lại... tôi nghĩ rằng chị không biết đó là bàn tay của hắn.

Cô cười.

- Lúc mới cầm đến tay anh chàng, tôi cảm giác bàn tay cứng đơ, không dịu dàng như tay bọn con gái chúng tôi. Tôi liếc qua biết là tay chàng ta, tôi cầm luôn. Bàn tay đó như có điện, chạy khắp người tôi... Đi loanh quanh trong động một lúc, tôi kéo anh chàng vô chỗ bóng tối, chờ hoài mà chàng không chịu ôm hôn tôi... Bây giờ vẫn còn tức!

Tôi cười nham nhở.

- Cưới nhau về, ôm bao nhiêu không được mà còn tức?!

Cô nguýt tôi.

- Bọn đàn ông các ông phàm phu tục tử, chẳng biết tình yêu là gì! Người ta nói lúc còn trẻ kia. Làm sao quên được...

Đọc đến đây, bạn sẽ nghĩ rằng: Chuyện hợp lý, cô An yêu thằng bạn tôi vì những bài thơ ca tụng cô, cảm động vì hắn tận tâm săn sóc bà cụ.

Nhưng tại sao lại có những chuyện tình cờ ăn khớp với nhau một cách lạ lùng như vậy được? Con sâu ở đâu ra? Sao cứ nhè tay cô An mà bò lên? Vì sao mũi thằng bạn tôi lại điếc đặc ngay khi bà cụ bịnh?

Nếu bạn là người vô thần thì tôi chịu thua. Ngược lại bạn tin có Chúa, có Phật thì tôi xin kể một sự thật.

Hai đấng từ bi (Phật và Chúa) đã hội ý nhau giúp hắn... Đúng ra các Ngài không bao giờ buộc người nầy phải yêu người kia như cha mẹ ép duyên con cái được, vì Tình Yêu là thứ Tự Do quí giá nhất các Ngài đã tặng cho loài người. Nhưng chả lẽ thằng bạn tôi van xin, cầu khẩn bao nhiêu năm mà các Ngài nỡ làm ngơ?! Thế nên các Ngài đành bỏ chút thì giờ mà ra tay vậy.

Lúc bấy giờ, hai vị đó, trên chín tầng mây, nhìn xuống thế gian, theo dõi, xem thằng bạn tôi đang làm gì? Khi thấy hắn ngồi bên cô An, Đức Phật bèn bắt một con sâu bỏ cạnh tay cô. Ngài cũng hiểu tâm lý đàn bà lắm chứ. Gì chứ sâu, bọ, chuột, rắn... các cô sợ thất thần, nên cô An có nhảy tót vào lòng thằng bạn tôi cũng là chuyện đương nhiên. Rồi trong thời gian bà cụ bịnh, lúc hắn chở cô An từ bến xe về nhà, đến lượt Chúa Giê Su, Ngài cúi xuống, thổi nhẹ, vậy là cô An xỉu ngay, và thằng bạn tôi bồng vào nhà. Không gì sướng bằng được bồng trên tay người mình yêu thầm!... Cho đến khi hai đứa cưới nhau, ôm nhau, các Ngài mới nhìn nhau, xoa tay mỉm cười.

Xin đừng tưởng hai Ngài phải mất mấy năm theo dõi để thực hiện việc kết tóc xe tơ cho hai đứa. Không có đâu! Chỉ vỏn vẹn mười lăm phút thôi. Vì dưới thế gian một trăm năm thì trên thượng giới chỉ là một ngày. Sự thật là như vậy. Đúng như vậy, các bạn ạ!

TẾT NHỚ

THIÊN HƯƠNG

Sáng hôm nay mây bay chùng thật thấp, có những hạt mưa mảnh mai lác đác rơi ngoài khung cửa. Những hạt mưa, những đám mây, những màu lá nâu trên hàng cây sau nhà gợi nhớ những sáng gần Tết của Đà lạt năm nào. Cầm ly cà phê nhỏ, chợt nhớ quay quắt quán cà phê Tùng, nhà hàng Thủy tạ, chợt nhớ quay quắt những xôn xao của chợ Tết quê nhà. Bây giờ, ở quê nhà đã vào xuân rồi đấy nhỉ, đường phố đã ngập những cành đào đầy nụ, những chậu quất trái vàng cam lủng lẳng, những chậu cúc vàng óng ánh, và những cây vạn thọ rực lên trong nắng.

Bao nhiêu năm qua, tôi đã ở xứ người. Đã ăn những cái Tết chẳng phải Tết ta, đã ăn những miếng bánh chưng trong ngày mồng một tết mình thật vội vã trước máy vi tính trong phòng làm việc, đã lặng lẽ thắp nén nhang lên bàn thờ tổ tiên vào những đêm giao thừa khi chung quanh hàng xóm đã đi sâu vào giấc ngủ. Bây giờ, ngày Tết lại sắp đến khi mùa xuân còn ở đâu một nơi xa lắm. Ngày Tết bây giờ còn có ý nghĩa gì không hay chỉ nhắc nhở thêm nỗi buồn xa xứ, và những nỗi nhớ mênh mang về những ngày thơ bé trong vòng tay quây quần của bố mẹ và anh chị em. Những ngày này năm xưa, cả nhà xôn xao dọn dẹp nhà cửa, kêu thợ quét vôi, lau chùi cửa kính. Mẹ và chị bận rộn với những thau bánh mứt, những thẩu dưa món. Mùi đường ngào ngạt bốc

lên từ những bếp than hồng, mùi củ kiệu, củ cải, cà rốt ngai ngái từ những sàng lớn trong sân nắng. Bố bận rộn tỉa những nhánh lan, sắp đặt những chậu quất, tỉa tót những cành đào. Rồi những nô nức ra nhà ga, ra bến xe đón những anh chị đi học, đi làm xa trở về. Bố vẫn nói: "Tết chỉ có trong những ngày chưa Tết." Có phải Bố muốn nói đến những rạo rực, những háo hức đón chờ một mùa xuân mới. Những ngây ngất khi nhìn những cây đào, cây mai bắt đầu nở những nụ đầu tiên và không gian chợt bừng lên những dịu dàng ngây ngất của mùa xuân đang tới.

Buổi chiều ba mươi tết, cả nhà quây quần bên mâm cúng tổ tiên. Tối Giao thừa, cả nhà lên am Suối cát ở cuối đường Đào Duy Từ lễ. Mùi nhang thơm, ánh sáng đèn từ trên cao hắt xuống những bực thang làm không gian lại càng thêm huyền bí. Vào lễ Đức Thánh Trần, mẹ xin quẻ thẻ đầu năm, rồi cả nhà ra sân hái lộc. Những nụ ngọc lan nuột nà chưa nở bên màu lá xanh ngắt. Cầm nhành lộc như cầm cả một năm sắp đến trong tay khi bố nói: "Cành lộc đẹp thế này năm nay chắc tốt lắm đây." Khi về nhà, mẹ ra sân lễ, thật nhẹ nhàng và thận trọng trong tà áo dài, nghiêm trang khấn vái trước một bàn đầy bánh trái, con gà luộc ngậm chiếc bông hồng ngửa cổ nhìn lên, những tiếng pháo đã bắt đầu đì đùng. Bố và các anh mang phong pháo dài ra cửa. Mùi nhang thơm, mùi khói pháo, nét mặt hiền hòa của mẹ và các chị, nét mặt vui tươi phấn khởi của bố và các anh: "Bố ơi, năm nay pháo của nhà mình toàn hồng, nổ hết cả bánh không có tép pháo nào lép." Tôi lúc đó có hiện hữu không nhỉ, hay chỉ lăng quăng như một con bướm đêm sà vào vai người này người khác. Hết nhang, cả nhà sau đó lại quây quần bên mâm cúng giao thừa, ăn bánh chưng, gà luộc. Tiếng cười vẫn râm ran trong phòng, những đôi mắt vẫn rực rỡ dù trời đã khuya lắm. Buổi sáng mùng một, tiếng pháo vẫn đì đùng, tôi chạy xuống nhà, bố đã cười thật tươi: "Năm mới, con gái ngủ ngon không? Avez vous la grasse matinée, ma petite?" Tựa má vào má bố, ngửi mùi xà bông thơm nhè nhẹ từ hàm râu mới cạo của bố, vòng tay bố thật ấm khi ngoài trời vẫn còn đang giá rét, bố bảo: "Trời năm nay lạnh như ngày Tết Hà nội." Mất bố hơi buồn chắc nhớ tới bà nội và các chú cô còn ở ngoài ấy. Lúc ấy, chắc chả bao giờ Bố nghĩ sẽ còn ngày gặp lại những người thân của mình. Và chắc bố cũng không ngờ, lúc gặp lại, cuộc sống của nhiều gia đình lại bị xoay chiều như con xúc xắc đã lật xoay hai bề xấp ngửa. Trong bếp, hai lò than hồng đã rừng rực, người chị lớn đang chiên bánh chưng, hất tung những chiếc bánh trong chảo để lật mặt bánh khéo léo như làm xiếc. Tôi và người anh kế vắt vẻo bên cạnh bố mẹ ăn bánh đầu năm. Mẹ đã làm sẵn cho tôi chiếc bánh thật xinh không nhân toàn gạo làm bố cứ cười chê con gái ngốc. Rồi cả nhà thay quần áo mới, chúc Tết bố mẹ và nhận tiền lì xì từ tay bố mẹ. Năm nào như năm ấy, ôi những tập tục dễ thương của gia đình đã như một vòng kén ngần ngật yêu thương nuôi chúng tôi khôn lớn.

Rồi cũng đến một lúc nào chúng tôi phải bay ra khỏi cái quỹ đạo yêu thương ấy, đếm nỗi buồn trong những ngày trời se lạnh gần Tết trong cái không khí không phải là mùa xuân. Tôi đang cố gắng lập lại những tập tục xưa cũ trong cái gia đình nhỏ bé của mình. Nhưng thật khó khi những ngày Tết không được phép nghỉ. Khi những ngày mồng một cả nhà gói ghém bánh chưng đi ăn trưa. Và buổi trưa, ăn miếng bánh chưng vội vã để tìm lại những hương vị xưa cũ, có còn chăng một chút kỷ niệm làm mờ đôi mắt. Lung linh trong nỗi buồn vẫn tiếng cười ròn rã trong những ngày Tết xa xưa. Một thời yêu thương, một thời ấm êm tuổi nhỏ chỉ còn lại một chút tơ vương trong nỗi nhớ dịu dàng. Ngày Tết bây giờ chỉ còn là một đơn vị thời gian để thấy mình thêm già cỗi, để nâng niu những hình ảnh xưa cũ và để nhắc nhớ những cội nguồn. Ôi mùa xuân, mùa xuân..

Một mùa xuân qua,
Thêm một chiếc lá của tuổi đời vàng héo
Thêm một chút võ vàng cho ngày tháng buồn hiu
Thêm những giấc mơ luôn mãi xa vời
Thêm nhiều kỷ niệm cho tương lai luôn mãi nhớ
Dù sao, mong những tháng ngày vẫn xanh như tuổi
Mong những đêm Giao thừa vẫn có ánh sao rơi
Mong nén nhang thơm vẫn ngan ngát đêm trường
Để sâu lắng những miên man ray rứt...

Thôi thì, trong những ngày tháng mùa xuân trong tuổi đời muộn màng, hãy vun đắp lại những đầm thắm ngọt ngào cho con cái, để mùa xuân ngày xưa vẫn còn mãi từ năm này sang năm khác dưới ánh mắt dịu dàng của mẹ, của chị và nụ cười bao dung của bố đang gửi đến chốn này từ một nơi nào đó thật là xa lắm.

28/01/2002

(Những ngày gần Tết Nhâm Ngọ 2002)

THƠ HỌA SỨ LAM THỜI LÊ, NGUYỄN

PHAN TRẦN SƠN

Như in phong cảnh trời Nam lại
Đem cả sơn hà đất Bắc sang
Vua Tự Đức

Bầu rượu có quai và bình đựng trà họa cảnh sơn thủy, tuyệt phẩm sứ lam vẽ mầu xanh bóng bẩy mơ màng do họa sĩ lò ngự chế thời Thanh Ung Chánh dành cho nội phủ Lê Trịnh

DẪN NHẬP

Văn hóa Đông Sơn, trước thời Triệu Đà và nhà Hán thâu đoạt lãnh thổ ta, đã có thuật làm gốm rất lâu đời. Qua hàng ngàn năm Bắc thuộc và tiếp theo các triều đại tự chủ, dòng gốm ta vẫn liên tục sản xuất để dùng trong nước và bán ra nước ngoài.

Song song với loại gốm bản địa, thời xưa đã có nhập các loại gốm sứ Trung Quốc, đặc biệt là loại sứ vẽ lam lần đầu xuất hiện từ đầu nhà Nguyên (thế kỷ 14) đến đời Minh. Và một số lượng phong phú hơn cả kể từ đời Khang Hi cho đến những năm cuối đời Thanh. Với sự phổ biến đồ sứ đầu đời Thanh khắp thế giới, cho nên là nước láng giềng và đồng văn, sứ Trung Quốc được tàu buôn và các sứ đoàn ta mang vào trong nước, chiếm ưu thế trong giới cung đình quý tộc Đại Việt vì phẩm chất vượt trội dòng gốm bản địa. Chính vì chất đất làm sứ *thổ từ* (kaolin) đặc biệt của tỉnh Giang Tây, cùng kỹ thuật nung điêu luyện các lò Cảnh Đức Trấn.

Thuật ngữ *Bleu de Huế* đầu tiên do linh mục học giả Cadière dùng để chỉ cho loại đồ sứ lam dùng trong cung đình Huế. Rất tiếc về sau các nhà nghiên cứu phương Tây sử dụng sai lạc dần, chỉ tổng quát cho loại sứ vẽ lam Trung Quốc lưu dụng trong dân gian hay cung đình nước ta từ cuối thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 20, tức vào thời Khang Hi đến các vua cuối đời Thanh, tương đương với

Bộ đồ trà chén tống chén quân và ấm độc ẩm Dương Tiễn (ký hiệu Khế Trai của quan thượng thư Ngô Đại Trừng cuối đời Thanh.)

thời Lê-Trịnh, Tây Sơn và nhà Nguyễn, chứ không giới hạn vào triều đình Huế nhà Nguyễn như tên gọi.

Theo Phạm Đình Hổ, tác giả *Vũ Trung Tùy Bút* vào thời Lê Trịnh, trong nước bốn phương vô sự, ấm, chén, chè khô thảy đều nhập từ Trung Quốc, trong con em đám công hầu, các nhà quý thích đất Thăng Long "có người dám trả một bộ ấm chén Tàu đến vài mươi lạng bạc." Bấy giờ tại đất Thuận Hóa, miền Đàng Trong thuộc Chúa Nguyễn, nhờ ngoại thương phát đạt, từ thứ dân đến quan chức đều giàu có. Các đồ *từ khí* (sứ) như bát đĩa chén bình có đường vân giống như rạn, mà không phải hư hỏng, gọi là *diêu biến* (đồ sứ biến thể khác thường) nhập vào bán rất chạy. Sách *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn chép tiếp: "Hàng binh lính cũng ngồi chiếu mây, ghế dựa, cạnh đặt lư trầm, dùng chén sứ bịt bạc, ống nhổ bạc, đĩa bát ăn dùng cái gì cũng mua sắm của người Tàu cả." Còn hàng quan viên thì "Chức lớn cũng như nhỏ, ai cũng nhà cửa chạm trổ, thềm đá, tường xây. Chăn màn đều bằng sa đoạn, khí mãnh của họ đều bằng vàng, thau. Họ có sập ngồi, ghế tựa, mâm sứ, chén hoa."

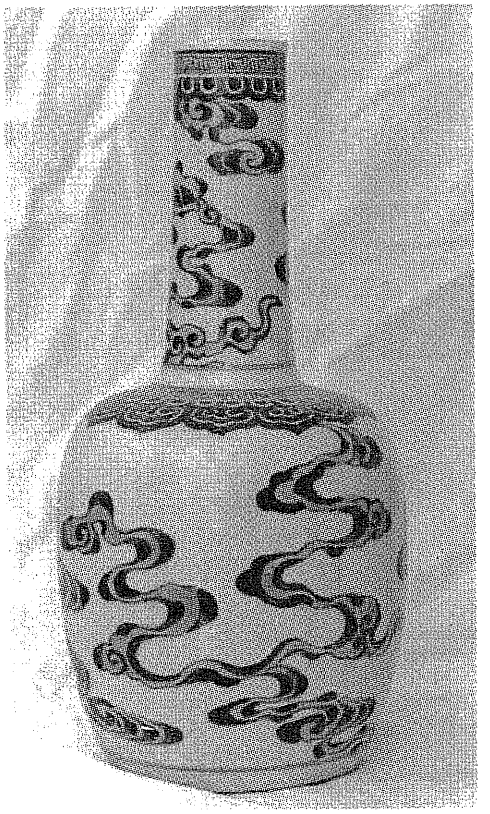

Nậm rượu Phù Vân, đời Khang hi dưới đáy ký hiệu hình "song ngư". Men sứ trắng và hồi lam xanh tuyệt phẩm ngự chế cho vua chúa thời Lê Trịnh. Phù Vân (mây nổi) là biểu tượng được hâm mộ bởi các vị mang tâm hồn Thiền Lão. Như câu thơ của quan Thượng thư Đoàn Văn Khâm triều Lý tặng Quảng Trí Thiền Sư: "Mặc cư huyễn mộng vấn phù vân" (Ở nơi chỗ tối mơ cơn mộng ảo hỏi chuyện mây dăng). Hoặc thơ ngài Huyền Quang: "Phú quý phù vân trì vị đáo" (Phú quý như đám mây dần tụ lại). Đối với bậc đế vương, mây tượng trưng cho ơn lộc mưa móc ban cho con dân.

Tại đất Bắc Hà, sau khi chúa Trịnh dẹp nhà Mạc, khôi phục nhà Lê, từ năm 1570 Trịnh Tùng lên nắm toàn quyền chính trị lẫn quân sự trong nước, vai trò vua Lê từ đây mờ nhạt. Trong nước vừa có triều đình, vừa có phủ liêu để truyền tôn thế tử. Năm 1720 Vĩnh Thịnh thứ 16, tháng Tám chúa Trịnh Cương, trong số mười điều giáo huấn ban bố cho dân chúng: "Áo mặc của các người trong dân gian đều dùng lĩnh, là, vải, lụa. Mâm tráp đều sơn đen. Bát đĩa đều dùng đồ ta." Như thế năm 1720 là mốc niên đại rất quan trọng cho các nhà khảo sứ cổ: các loại sứ ta thế kỷ 18 còn lưu lại khá nhiều, chắc chắn sản xuất cho dân gian sau niên đại này. Rất tiếc trình độ nghệ thuật và

Đĩa thơ nôm "mai hạc": *"Nghêu ngao vui thú yên hà. Mai là bạn cũ hạc là người quen"* và Đĩa "Tam Phụng Tế Phi"

đặt kiểu sứ men lam dành riêng cho vương phủ bằng hiệu sứ *nội phủ*. Đây là sứ thượng phẩm của sứ lam đời Thanh từ các lò ngự chế tại Cảnh Đức Trấn. Loại sứ lam này ghi năm ký hiệu: *nội phủ thị trung, thị hữu, thị đông, thị bắc, thị nam*. Đặc biệt loại thứ sáu: *nội phủ thị đoài*, dấu hiệu chạm nổi trắng trên sứ trắng (chữ đoài chỉ hướng tây, vì kiêng húy của Tây Vương Trịnh Tạc.) Ký hiệu dưới món sứ để chỉ món ấy được dùng trong nội phủ đặt tên theo các hướng. Theo sách *Lịch Triều Tạp Kỷ* của Ngô Cao Lãng, ta được biết *Trung Hòa Cung* đến đời Trịnh Tông (1784) vẫn có tên ấy, là nơi của chúa ngự, tức là *nội phủ thị trung*. Đại để các mẫu trang trí trên sứ là biểu tượng cao trọng của hàng đế vương: rồng, lân, vân, hỏa châu, cùng với các biểu tượng tốt lành như hoa, điểu, liễu, lầu các ven sông, bướm, cúc, sen, hình con cua, hình chư tiên... Các biểu tượng này xuất hiện trước năm 1767. Về sau, đời Trịnh Sâm muốn tiếm quyền vua Lê Hiển Tông, ngang nhiên dùng hình rồng năm móng. Ngoài ra đồ sứ ký hiệu hai chữ "nội phủ" dành cho vua Lê cũng xuất hiện trong thế kỷ này.

Đặc biệt dịp mừng khánh thọ năm

kỹ thuật rất sa sút so với gốm Chu Đậu thời nhà Lê và gốm Bát Tràng nhà Mạc một vài thế kỷ trước. Cũng nhờ niên đại ấy, ta biết rằng các sứ cổ Trung Quốc nhập sang nước ta tương đương đời Thanh của vua Ung Chánh, Càn Long chỉ dành đặc quyền cho cung đình và quý tộc. Như sách *Lê Triều Chiếu Lệnh Thiên Chính*: "Từ hoàng thân cho đến các công hầu quí thích, được dùng đồ sứ Trung Quốc bịt bạc, trừ những món trang trí rồng phượng."

Đến đời Trịnh Doanh (1740-67) sau khi dẹp yên loạn lạc và củng cố việc trị nước, có lẽ là người đầu tiên

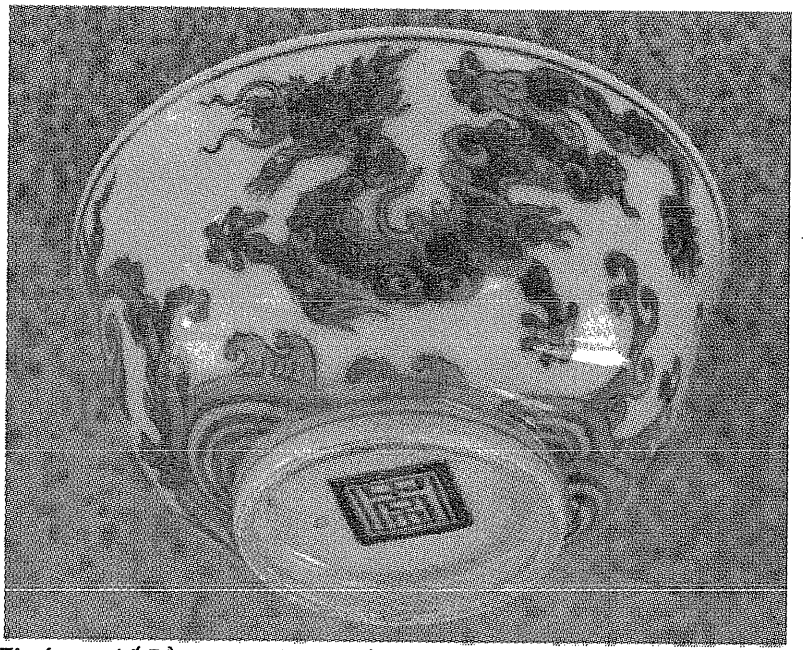

Tô sứ ngự chế Rồng năm móng, sứ vỏ trứng kỷ niệm năm Gia Long lên ngôi và phong Quốc hiệu Việt Nam. Hiệu đề chữ triện "Nam".

Bình điếu "Cửu Long Ngũ Trão" (Chín rồng năm móng) gắn khoen cẩn bạc và vàng ròng, sứ trắng và men lam tuyệt phẩm của loại sứ ngự chế cho vua Minh Mạng.

41 tuổi, Trịnh Sâm cho đặt loại sứ Khánh Xuân hay Khánh Xuân Thị Tả kiểu rồng,lân chầu chữ thọ, hay rồng năm móng với đôi lân, tượng trưng Trịnh Sâm và hai thế tử Trịnh Cán và Trịnh Khải.

Bấy giờ chúa Nguyễn đang hùng cứ Đàng Trong chống Trịnh, nhưng danh nghĩa vẫn là bầy tôi nhà Lê. Hàng sứ quí Trung Quốc rất được ưa chuộng trong nội phủ, nhưng không đặt đồ sứ tiêu chuẩn ngự dụng như triều đình Lê Trịnh, mà đề tài trang trí thi và họa, phổ tác về các danh thắng nước non của vùng lãnh thổ đang khai phá làm chủ. Nay chúng tôi sưu tầm được các kiểu sứ thi họa đề tài *Ải Lĩnh Xuân Vân* (cảnh Xuân trên đèo Hải Vân), *Tam Thai Thính Triều* (nghe sóng vỗ ở núi Tam Thai, tức núi Non Nước, Quảng Nam), tô sứ cảnh và bài thơ *Thuận Hóa Vãn Thị* (cảnh chợ chiều ở Huế) và *Thiên Mụ Hiểu Chung* (cảnh chùa Thiên Mụ, Huế). Các sáng tác thi vịnh trên đây chính là của Minh Vương Nguyễn Phước Chu (1691-1725), hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân, một vị chúa kiêm tài văn võ, một nhà thơ lớn thế kỷ 18.

Loại sứ ngự dụng theo tiêu chuẩn đế vương đã được vua Gia Long cho đặt làm tại Trung Quốc trong những năm đầu mới lên ngôi. Có lẽ trong dịp sứ bộ đầu tiên triều Nguyễn sang sứ xin phong vương và tên nước Việt Nam. Trong sưu tập của chúng tôi, có bát sứ da vỏ trứng, dáng rồng kiêu hãnh dương khoe năm móng, dưới đáy hiệu triện chữ "Nam" biểu tượng vua nước Nam để kỷ niệm năm đăng quang của vị vua đầu một triều đại mới. Có lẽ đây là món sứ ngự chế cùng thời với các kiểu ký niên hiệu Giáp Tý (1804) cảnh sông núi Huế, Bá Nha Tử Kỳ, các loại sứ thi họa chữ Hán, Nôm rất độc đáo.

Nối nghiệp cha, hoàng đế Minh Mạng hoàn thiện công cuộc thiết lập chế độ quân chủ tập quyền, qui định nền tảng tôn ti trật tự xã hội, cho xây dựng cung đình, đền miếu, đặt chế tạo các loại đồng sứ, đồ sứ v.v... cho cung phủ. Có loại ngự dụng ghi *Minh Mạng niên chế*, trang hoàng rồng năm móng, lân, phượng, mây v.v... Đặc biệt đầu tiên cho ký hiệu chữ "Nhật" (mặt trời) tượng trưng nhà vua. Nhà vua chọn sẵn 20 chữ thuộc bộ Nhật để đặt tên cho các vua nối ngôi. Kiểu vẽ trên đồ sứ do cục họa tượng trình lên hoàng đế duyệt lãm, sau giao cho sứ đoàn mang sang Giang Tây đặc chế. Đồ sứ chứa tại kho Trân Ngoạn tại phủ Nội Vụ để tiến vào cung Hoàng Đế, Thái Hậu (cung Từ Thọ), ban cho các hoàng tử khi xuất phủ (lấy vợ ra riêng), công chúa hạ giá (về nhà chồng), hoặc ban cho các quan.

Trải quan các đời vua Nguyễn, từ Gia Long đến Khải Định có đặt đồ sứ tại Trung Quốc. Ngoài các đề tài tiêu chuẩn hóa biểu tượng bậc quân vương, sứ triều Nguyễn còn lưu lại rất nhiều thơ văn Hán Nôm sáng tác do chính nhà vua hoặc các danh sĩ triều đình, hoặc các tác phẩm bất hủ Trung Quốc như *Đằng Vương Các Tự* của Vương Bột, *Gián Thái Tông Sớ* của Ngụy Trưng, *Du Xích Bích* của Tô Đông Pha v.v...

Trân trọng gìn giữ và thưởng thức nghệ thuật sứ lam qua các đời Lê Trịnh, Nguyễn, tiền nhân đã nhờ kỹ thuật Trung Quốc để ký thác lại cho chúng ta di sản quý báu của nếp sang cả trong đời sống, nét đẹp trong tâm hồn mang mang đặc chất Việt tiếp nối nhau qua các triều đại thời vang bóng.

Tả vẽ cảnh chợ chiều ở Huế
(Thuận Hóa vãn thị)
của chúa Nguyễn Phước Chu

Nguyên tác:

Noãn yên tịch chiếu luyến giang tân
Tứ thính oanh đề xứ xứ xuân
Vãn thị chỉ khan hồng phấn nữ
Thông cù bất đoạn ỷ la trần
Thời cô bạch tửu năng diên khách
Nhật dụng thanh tiền khước tiện dân
Giao dịch khởi vô hành dữ đấu
Hoàn dư phong tục Cát Thiên thuần

Đạo Nhân thư

Dịch:

Chợ chiều Thuận Hóa

Khói ấm hôn hoàng quyện bến sông
Lòng nghe oanh hót bạt ngàn xuân
Chợ chiều tha thướt đàn con gái
Suối lụa tung hê nẻo bụi hồng
Rượu trắng vui vầy mua đãi khách
Tiền đồng trao đổi tiện cho dân
Bán buôn lọ phải cần cân đấu
Nếp Cát Thiên xưa vẫn thấm nhuần.

Đạo Nhân viết

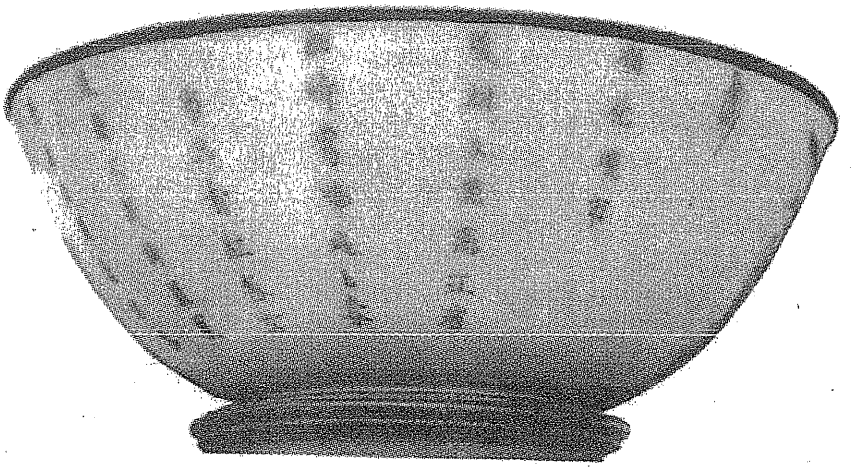

KHỈ NUÔI NGƯỜI

TRẦN QUÁN NIỆM

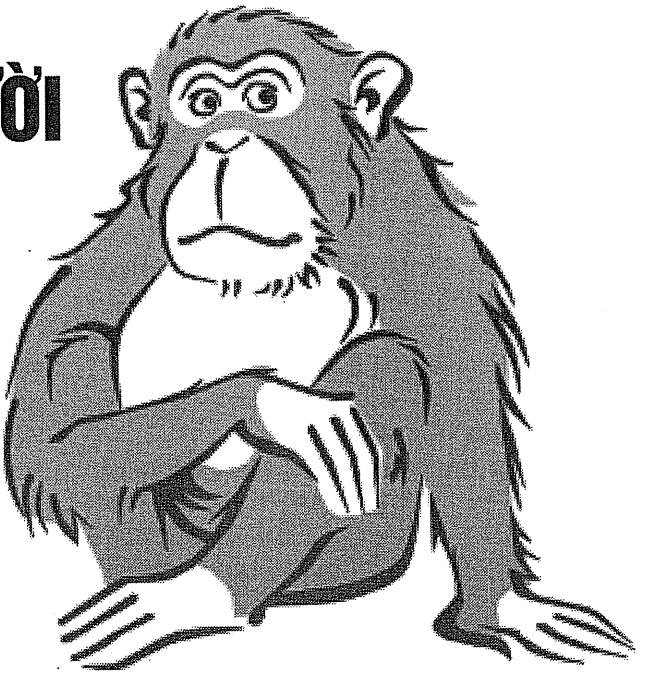

Không biết chú chệt ve chai xin ở đâu được con khỉ. Chiều hôm đó chú quảy gánh về đã thấy nó ngồi trong thúng. Thằng Tư trong xóm là người nhìn thấy đầu tiên. Miệng nó la bài bải:

-Ê tụi bay ơi, chú chệt có con khỉ.

Tin ấy loan ra mau như tên bắn. Lũ nhỏ trong xóm ùn ùn kéo tới coi, trong đó có cả tôi. Mấy con chó thấy náo nhiệt cũng chạy theo sủa ấu ấu. Bọn tôi bu quanh đôi quang gánh của chú chệt ở trước sân. Đây là cả gia tài của chú. Ngày nào cũng vậy chú ra đi từ sáng sớm, quảy đôi gánh không. Chú đi thong thả hết phố này đến phố khác, mua đồng nát vụn, ve chai, lông vịt, đem về soạn ra rồi đóng thành bao, đem bán cho hãng. Hôm nay chắc nhà ai nuôi con khỉ, lâu ngày sinh chán nên cho chú chệt. Con khỉ thật khôn, thấy bọn tôi bu quanh, nó không có vẻ gì sợ hãi cả, còn trợn mắt, nhe răng hù bọn tôi, nhưng khi thấy mấy con chó bao quanh thì nó hoảng sợ thật sự, miệng kêu chét chét, chạy vòng vòng tìm chỗ núp. Khốn nỗi sợi dây xích giữ nó lại. Nó vội phóng lên đầu chiếc quang gánh, ngồi thu lu, mắt ngó láo liêng. Cũng may mấy con chó chắc còn ngạc nhiên vì lần đầu tiên chúng trông thấy một sinh vật lạ lùng nên chỉ đứng ở vòng ngoài sủa qua loa, lại bị mấy cậu tiểu chủ nạt, bắt im nên kêu ư ử ra chiều bị kích động.

Thấy đám đông ồn ào, chú chệt nổi quạu:

-Mấy cái lị, sao bu lông quá vậy, lể ngộ lem ló ra ngoài kia cho zdồi.

Chú gỡ dây xích cho con khỉ, rồi dắt nó ra đầu ngõ. Con khỉ chạy vòng qua vòng lại quanh chân chú chệt, để tránh mấy con chó. Dĩ nhiên cả bọn tôi túa theo như đám hội.

Vừa đến gốc cây trứng cá ngoài ngõ, con khỉ phóng lên liền, trèo thoăn thoắt lên chạc ba, ngồi vắt vẻo. Chú chệt cột xích vào gốc cây rồi quày quả bước vào nhà để mặc bọn tôi và con khỉ.

Biết là đã an toàn, con khỉ bắt đầu dở trò. Nó nhe răng, khọt khẹt, nhẩy qua nhẩy lại, trợn mắt nhìn chúng tôi, miệng không ngớt mấy máy lia lịa.

Một đứa trong bọn tôi la lên:

-Nó chửi thầm mình đấy bọn bay ơi.

Không biết có thật không, nhưng trông nét mặt nó, bộ tịch lăng xăng của nó, lại cái miệng mấp máy kia, chắc nếu không chửi thì nó cũng rủa xả gì chúng tôi. Thế là cả bọn nhao nhao chửi lại:

-Mẹ mày khỉ.

-Bố mày khỉ.

-Đồ con khỉ mắc phong.

-Đồ con khỉ đỏ đít.

Rồi cười rũ rượi. Có đứa tinh quái lấy sỏi hay cành cây ném nó. Con khỉ thật lẹ làng, nó tránh được hết. Không sợ thì chớ, đôi lúc nó còn phóng xuống, tính vồ mấy đứa đứng gần nhất.

Một đứa trong bọn tôi, lén về nhà lúc nào, mang theo quả chuối, ném cho con khỉ. Nó bắt lấy một cách gọn gàng, ngồi chéo ngoảy, bóc vỏ ra ăn, mắt không quên ngó dáo dác, đề phòng

mấy trò chơi tinh nghịch của bọn tôi. Lần đầu tiên, thấy một con vật tinh khôn, mấy ngón tay nhỏ xíu nhanh nhẹn như người, bóc vỏ chuối rồi cắn ăn một cách vội vàng. Bọn tôi thích thú, chỉ chỏ, nhìn nó không chớp mắt. Nó thồn vào miệng thật nhanh, phồng hai bên má, rồi ném vỏ chuối về phía chúng tôi. A, cái quân này đểu, được cho ăn không biết ơn thì chớ, còn quăng vỏ chuối trúng đầu một đứa trong bọn tôi. Mới đầu bọn tôi tưởng nó vội vàng vì sợ bị giật lại trái chuối, nhưng một đứa ra mặt tài khôn giải thích:

-Nó quen tật ở trong rừng, để dành trong miệng, chút nữa thong thả mới ăn dần.

Bọn tôi tụ họp chọc ghẹo nó một lúc rồi cũng phải tiếc rẻ ra về, đứa thì giúp bố mẹ làm công việc nhà, đứa lo học bài, mai còn đi học sớm.

Kể từ bữa đó, con khỉ là thú vui giải trí của bọn con nít trong xóm nghèo. Mỗi ngày bọn tôi đều có trò chơi mới lạ để chọc ghẹo nó. Có bữa một đứa bôi ớt vào nắm cơm ném cho nó. Tưởng như mọi lần, nó nhanh nhẹn bắt lấy, bỏ ngay vào miệng, Nó kêu ré lên, nhẩy đông đổng, vứt ngay nắm cơm đi, miệng phun phè phè, lấy tay quệt lia lịa. Ai ngờ chất cay dính vào mắt, làm nó mở không ra, nước mắt ràn rụa. Nó nhẩy cuống lên, nhăn nhó nhưng miệng không quên chửi chúng tôi nhiều hơn thường lệ. Trông nó thật tội nghiệp, nhưng rồi cũng chẳng sao. Kể từ bữa đó, nó cẩn thận hơn. Được món gì, nó leo lên chạc ba, ngồi săm xoi kỹ càng trước khi ăn, thành thử bọn tôi không đánh lừa được nó nữa. Nhưng rồi nó lại mắc mưu khác. Bữa đó có đứa rắn mắt, đem nướng hòn sỏi cho thật nóng, lấy đôi đũa kẹp lại đưa cho nó. Nó sớn sác nhào xuống chụp, bị nóng phỏng, nó la bài bải, ngón tay đau hết mấy ngày.

Những lúc vắng người, nó tuột xuống gốc cây bới đất cát, lâu lâu kiếm được sâu bọ, nó bỏ vào miệng ăn ngon lành.

Một hôm có đứa chơi nghịch, ném cho nó con xén tóc, loài này có hàm răng thật bự, vô ý bị nó kẹp là đứt tay chẩy máu liền, định lừa cho nó cắn tay con khỉ chơi. Ai ngờ con khỉ thật nhanh, nó túm lấy, bẻ nghiến ngay cái đầu, rồi bỏ vào mồm nhai tuốt luốt có vẻ thích thú lắm.

Chú chệt đi cả ngày, chẳng ngó ngàng gì đến con khỉ. Bọn tôi thay phiên đem cơm nắm thành nắm nhỏ hay trái cây, nhất là chuối cho nó ăn, nhưng tuyệt nhiên không đứa nào dám cho nó uống nước. Ngay từ hôm đầu tiên, chú chệt đã dặn:

-Mấy cái lị không lược cho nó uống lước nghe không. Nguy hiểm lắm ló.

Mới đầu bọn tôi thắc mắc dữ lắm. Có ăn phải có uống chứ. Chú chệt vốn ít nói lại ngọng nghịu, chẳng giải thích tại sao. Bọn tôi dò hỏi riết mới được người lớn cho biết:

-Khỉ mà được uống nước, mau lớn lắm, thành con khỉ đột, bứt dây xích ra, phá làng phá xóm, lắm khi còn đốt cả nhà người ta. Nó biết chọc cả đàn bà con gái nữa lận.

Mục ghẹo gái thì chúng tôi hơi tin, vì đã có lần chứng kiến đám con gái đi học về ngang bu lại coi, nó khọt khẹt, láo liêng hơn mọi bữa, nó còn lôi "dế" ra gãi xành xạch nữa, khiến lũ con gái đỏ mặt bỏ đi một nước. Nhưng bảo nó lớn thành con khỉ độc thì tôi bán tin bán nghi. Con khỉ không lớn hơn con mèo, lông vàng nhạt, cái đuôi dài thoòng, làm sao có thể lớn thành con khỉ đột, to cao bằng người ta, lông đen nhánh như tôi vẫn thường coi trong xi nê?

Cái vòng dây da, buộc ngay thắt lưng nó nối vào sợi xích nhỏ, như loại xích chó. Nó khôn lắm, mỗi lần trèo cây hay phóng xuống hù bọn tôi nó đều nắm lấy một đoạn xích ngắn, chỗ nối liền với vòng dây da, để khỏi bị xiết vào bụng. Tuy cẩn thận như thế, vòng da cũng ăn mòn của nó mất một khoảng lông ở lưng.

Bọn nhỏ bu lại coi nó mãi, chọc ghẹo nó đủ cách, riết rồi cũng chán dần, ngoại trừ tôi. Tôi liên tưởng đến Tề Thiên Đại Thánh trong truyện Tây Du, mà tôi rất mê (mà con nít nào không mê cơ chứ). Nhìn nó nhẩy nhót trên cành trứng cá, tôi hình dung ra cảnh động Thủy Liêm, nơi đó cả đoàn khỉ sống tự do, sung sướng dưới quyền chỉ huy của Tề Thiên Đại Thánh, mắt lửa tròng vàng. Với trí tưởng tượng phong phú của tuổi thơ, tôi thêu dệt biết bao truyện thần thông biến hóa mà nhân vật chính là con khỉ của chú chệt.

Một ngày kia có một biến cố vĩ đại xẩy đến. Một gánh hát dạo bán thuốc Sơn Đông ghé lại tại phố tôi ở. Sở dĩ tôi cho là biến cố vĩ đại vì mấy chục năm về trước, lũ trẻ con chúng tôi không có nhiều trò chơi giải trí như xi nê hay tuồng hát như ngày nay nên mỗi lần có gánh xiệc Sơn Đông là bọn tôi xúm lại coi say mê, đứng chật vòng trong đến vòng ngoài, mãn tuồng mới thôi, quên cả về nhà ăn cơm. Mỗi lần họ đến là đánh trống, phèng la inh ỏi để mọi người biết mà đến coi.

Người lớn trẻ con vây quanh thành một vòng tròn, đoàn hát ở giữa. Gọi là đoàn hát cho xôm, chứ thật ra chỉ có hai vợ chồng. Đồ nghề vỏn vẹn chỉ vài thùng gỗ, trên xếp chồng chất lũ chai lọ

đựng thuốc cao đơn hoàn tán, nào thuốc trị bá chứng, sâm nhung bổ thận, thuốc trị sâu răng, nhức răng, thuốc tễ đen như cứt dê uống vào cam đoan trẻ lại 10 tuổi, răng chắc, tóc đen, bổ khỏe vô cùng. Xen kẽ những màn xiệc ngắn, người chồng nói liên tu bất tận quảng cáo đủ loại thuốc. Những lời anh nói có dây có nhợ, vần điệu vô cùng. Có người nói thuốc của anh làm bằng cơm nguội, cám rang không à, nhưng bọn tôi đâu có cần, chúng tôi chỉ rình coi xiếc.

Anh quảng cáo cả thuốc bùa làm cho chồng say mê như điếu đổ, làm các bà các cô khoái thầm trong bụng, nhóng nhóng chờ tới giờ bán để mua về dùng thử.

Những người chồng bỏ chồng chê
Tôi cho uống thuốc chồng mê lại liền.

Chị vợ phụ chồng mang thuốc giao cho khách, thu tiền.

Anh chồng không ngớt miệng:

"Cô hai đây mua một chai thuốc trị nhức răng. Dạ thưa có liền."

"Ông hai đây mua chai thuốc bổ thận. Dạ chỉ có ba đồng một chai thôi."

"Xin mời bà con mua nhanh kẻo hết.

Chúng tôi bán thuốc lẹ lẹ còn để thì giờ làm trò cho bà con cô bác xem chơi. Lùng tùng xèng.

VŨ NGỌC ÁNH

Như Chiếc Phong Linh

Từ thuở chưa thôi nôi
con nằm trong lòng Mẹ
đón những giọt sữa đầu đời
thường được nghe Mẹ ru, Mẹ hát...

Ngoài song cửa nắng mới lên
rèm cây trong và xanh như ngọc
nghe gió lá chờ giấc ngủ thiên thần
Phòng vắng êm nhịp võng đưa nhè nhẹ
Trong nửa mộng tiếng à ơi chập chờn
tuy mơ hồ nhưng nghe chừng ray rứt

"Cái ngủ, mày ngủ cho say... "
Lời ru thiệt êm ái
ngọt ngào như sữa Mẹ
vời vợi thoáng xa xôi
từng giọt, từng giọt...
mà ngập cả biển khơi

Khi Mẹ hát, Mẹ ru
khúc ngâm người chinh phụ
lời oán đêm cung cấm
hay chuyện cũ Trương Chi
trong nửa thức nửa mê
bóng người cung nữ
tiếng trống Trường thành
hình ai đáy chén
dìu dặt hồ khoan
những khơi dậy trong lòng
bao tâm tình thê thiết
chập chùng hồn núi sông

Và hình như
từ tận đáy tâm tư
con Mẹ xưa đã biết buồn sao đó
Rồi cứ như thế
ngày tháng trôi như mơ
Ru hời ru
Mẹ dạy con làm nhạc
Ru hời ru
Mẹ dạy con làm thơ

Tới nay con của Mẹ
đã không thể là Nguyễn Du
đã chẳng thành Đoàn Thị Điểm
hoặc Mozart hoặc Beetho

Nhưng qua lời Mẹ ru
con đã sớm biết từ trứng nước
mở rộng cõi vô tình
đón nhận Yêu Thương và Cảm Hứng
giống như chiếc phong linh
luôn xôn xao, giao động,
đón lời gió
trong nắng sớm,
lấp lánh,
sẽ rung rinh...
rung rinh...

Bán thuốc chỉ có giờ, sau đó bà con muốn mua cũng không có. Còn rất nhiều trò vui hấp dẫn nữa. Lẹ lẹ bà con ơi, cô bác chờ lâu nóng ruột. Lùng tùng xèng."

Nghe nói bọn tôi khoai chí tử, tưởng trò xiệc bắt đầu ngay, nhưng thật ra anh chỉ cốt rềnh rang bán thuốc cho thật nhiều. Ngoài việc bán thuốc anh ta còn trổ tài nhổ răng không đau, không chẩy máu. Có mấy bà vào ngồi trên chiếc ghế đẩu, há to mồm cho anh ta lấy sợi chỉ buộc vào chiếc răng lung lay. Rồi anh ta ba hoa chích chòe một lúc, thừa lúc nạn nhân không để ý, anh ta giật phăng sợi chỉ, kèm chiếc răng sâu.

Anh ta ở trần phô bắp thịt cuồn cuộn, mặc quần chẽn ống, chân quấn sà cạp, đi giầy vải. Chị vợ mặc áo chẽn mầu đen, thắt giải dây lưng vàng bay phất phơ, kiểu nữ hiệp Tầu. Đến màn biểu diễn võ thuật, cả hai múa kiếm chém nhau xoang xoảng, trông rất ngoạn mục. Bọn trẻ con chúng tôi, xem hoa cả mắt, bụng đánh lô tô, chỉ sợ họ chém vào nhau. Khi dứt màn đấu, anh ta dùng mũi kiếm tự rạch một đường vào tay, máu tuôn chảy, rồi quảng cáo loại thuốc cao cầm máu mầu đen xì, dán vào máu ngừng tức khắc.

Nhưng màn chúng tôi say mê hơn cả là màn con khỉ làm trò. Nó cũng cỡ con khỉ của chú chệt. Nó được mặc quần áo kim tuyến óng ánh, như một ông quan nhỏ. Để giống người hơn, người chủ đã chặt cụt chiếc đuôi dài. Cái vòng da để cột nó thay vì cột ngang bụng như con khỉ của chú chệt, người ta buộc lên cổ, do đó mỗi khi được dắt đi, nó phải đứng trên hai chân. Một tay nó níu sợi xích sắt, cho khỏi nghẹt cổ, trông càng giống người ta. Nó nhỏ thó như đứa bé con, nhưng mặt già khọm như ông lão bẩy mươi. Phận sự của nó là sau mỗi màn quảng cáo, anh chồng dẫn nó đi một vòng khán giả. Tay nó níu sợi xích, tay kia chìa mũ xin tiền. Ai cũng thấy ngộ ngộ, cho tiền tới tấp. Bọn tôi lần nào trước khi đi xem cũng nì nèo xin bố mẹ mấy đồng bạc, đợi nó đi ngang, thẩy vào mũ. Đi giáp vòng anh chồng thu mũ tiền, rồi lại dẫn nó đi vòng nữa, để nó chắp tay cám ơn khán giả. Anh Sơn Đông mãi võ còn làm cho nó đôi quang gánh bằng hai chiếc lon sữa bò, để nó giả vờ đi gánh nước. Đôi quang gánh toòng teng trên vai trông thật ngộ nghĩnh. Nó còn có chiếc xe bằng gỗ để đẩy đi vòng quanh. Con khỉ còn làm nhiều trò lạ mắt nên ai cũng thích. Lần nào nó đi xin tiền cũng được khá bộn.

Anh Sơn Đông gọi con khỉ là ông Tề. Nhìn nó làm trò tôi ao ước ngày nào đó mình nuôi được con khỉ khôn ngoan tập cho nó làm nhiều trò thì thích biết mấy.

Từ đó lâu lâu vài ba tháng, hai vợ chồng anh Sơn Đông mãi võ lại ghé một lần. Lần nào cũng có mặt tôi và lũ bạn cùng lứa tuổi, không hề bỏ sót.

Tôi còn nhớ mãi lần cuối cùng, anh ta ghé ngang vào dịp gần Tết. Con khỉ lần này chắc bị ốm vì tôi thấy nó ngồi ủ rũ trên chiếc hòm gỗ, đợi đến phiên làm trò. Lâu lâu nó lại ôm ngực ho khúc klhắc, như một ông già. Đến màn nó phải gánh nước, nó đi run run làm sao, ngang đến trước mặt tôi, nó đánh rớt cả đôi quang gánh. Anh Sơn Đông tức giận, chửi thề rồi giựt mạnh sợi giây xích. Tội nghiệp con khỉ, nó ngã quay xuống đất, đôi quang gánh văng ra xa. Nó cố gượng dậy, vẻ đau đớn rõ rệt. Trước cảnh này lòng tôi bất nhẫn quá, tội nghiệp cho nó, nhưng không biết phải làm sao, chỉ dương đôi mắt oán hận nhìn vẻ mặt hầm hầm của anh Sơn Đông mãi võ, rồi lại nhìn con vật khốn khổ đang đứng run rẩy. Bất chợt trong đám đông có người lên tiếng:

-Này anh kia, con khỉ nó ốm, anh phải cho nó nghỉ ngơi, uống thuốc, sao lại hành hạ nó như thế.

Tất cả đều chú mắt về phía người nói. Đó là một ông trẻ tuổi, dáng người chững chạc, mặc áo tây, đeo cà vạt, đội mũ phớt, rõ là người học thức đàng hoàng.

Anh Sơn Đông tức lắm, nhưng cũng không dám lỗ mãng vì thời buổi đó, ai cũng kính trọng người dân thầy, có học.

-Việc gì đến nhà thầy. Tôi nuôi nó, nó làm hỏng, tôi có quyền đánh nó.

Thấy anh này cãi bướng, người kia tức đến đỏ mặt, cầm chiếc ô chỉ anh Sơn Đông:

-Anh còn lý sự hả. Anh nói thế mà không biết nhục. Anh nuôi gì được nó. Chính nó làm trò để kiếm tiền nuôi anh. Mỗi vòng nó xin được bao nhiêu tiền về đưa cho anh. May lắm mỗi ngày anh cho nó được nắm cơm hay quả chuối đáng vài hào bạc là cùng.

Nghe những lời chính đáng, tôi hả dạ lắm. Đám đông cũng xầm xì phản đối. Nhiều người bỏ ra về. Chị vợ sợ rắc rối, chạy ra cầm tay kéo anh chồng và dắt con khỉ vào. Người xem tản mát dần. Hai vợ chồng tiu nghỉu, thu dọn đồ nghề, quảy gánh ra đi, mang theo con khỉ ốm yếu.

Kể từ đó không hiểu con khỉ bị bệnh chết, hay mắc cỡ với dân chúng xóm tôi, gánh xiệc Sơn Đông không thấy quay trở lại lần nào nữa.

NGUỒN GỐC GIỐNG KHỈ VÀ NGƯỜI

NGUYỄN QUANG TRỌNG

Khỉ ngày nay và người là bà con rất gần. Nhưng không phải khỉ này sinh ra giống người, như một số người tưởng lầm. Khỉ và người là từ một loài thú "tổ" tiến hóa ra. Tiến hóa riêng, song song, trong những môi trường sống khác nhau. Như anh em cùng cha mẹ, nhưng tách ra, sống và sinh sôi ở những chỗ hoàn toàn khác nhau. Qua hàng triệu đời, cháu chắt các nhánh của tộc ban đầu biến đổi nhiều đến nỗi không còn "nhận" ra nhau. Cho đến cách đây vài trăm năm, người còn xem khỉ như một con thú, không thể cùng sánh ngang hàng, quên mất đã là anh em họ hàng mấy... triệu năm trước. Chỉ mấy mươi năm gần đây, khi các ngành khoa học nghiên cứu kỹ một số giống khỉ, người ta mới nhận thấy loài khỉ có cuộc sống phức tạp, và nhiều giống khỉ có những khả năng mà trước đó người ta tưởng chỉ riêng loài người mới có (như biết dùng dụng cụ, biết "nói" với nhau, biết biểu lộ tình cảm, biết truyền đạt kiến thức). Vậy tiến hóa là gì ? Nó diễn ra thế nào, để đưa đến tình trạng hiện tại ?

Tiến Hóa: sự chọn lựa của Thiên Nhiên

Đạo Phật cho rằng mọi vật biến đổi với thời gian, không có gì trường cửu. Hai mươi bốn thế kỷ sau, Darwin đưa ra thuyết tiến hóa của các loài sinh vật. Từ lúc đó các nhà khoa học chấp nhận là các sinh vật tiến hóa theo thời gian. Gọi là tiến hóa, chứ thật ra cũng có thoái hóa. Đó là trường hợp sự biến đổi xảy ra trong chiều hướng không thuận lợi, khiến giống sinh vật không sống được nữa. Những sinh vật còn tồn tại đến bây giờ là nhờ đã tiến triển theo chiều hướng thuận lợi. Người ta tính là cứ một trăm giống sinh vật thì chỉ một còn sống ngày nay và có đến 99 giống tuyệt chủng trong quá khứ.

Mỗi khi khí hậu thay đổi, môi trường sinh sống của sinh vật cũng thay đổi, khiến chúng có thể không còn đủ thức ăn, nơi ẩn trú, nhiệt độ thích hợp để sống còn. Nếu sự thay đổi không quá nhiều và kéo dài, một số vật sống sót nhờ vài phần tử trong nhóm có cấu tạo cơ thể thích hợp hơn nên chịu đựng được thay đổi ấy. Từ những con này sinh ra con, cháu càng ngày càng thích hợp với hoàn cảnh mới. Về phương diện di truyền học, di tố (genes, yếu tố di truyền) trong những con này đã thay đổi, và nếu môi trường tiếp tục đổi, di tố của những con sinh sản sau đó sẽ càng biến đổi theo cùng hướng, dần dần đưa đến giống vật khác. Đó là sự chọn lọc tự nhiên.

Nhiều con vật có di tố khác nhau có thể cùng tồn tại trong một môi trường bằng những kiểu thích ứng khác nhau. Khi đó từ một giống sẽ sinh ra nhiều giống khác nhau, sau một thời gian tiến hóa riêng trong những điều kiện thiên nhiên địa phương hơi khác nhau. Đó là trường hợp của khỉ tinh tinh (chimpanzee) và người, hai giống bà con rất gần, vì có cùng 99 phần trăm di tố. Khỉ và người thuộc họ Primate (tức họ linh trưởng) bao gồm tất cả các giống họ hàng xa gần với loài khỉ, từ con đầu tiên mấy mươi triệu năm về trước, đến nhóm "tiền- khỉ " (*prosimians*), rồi nhóm "khỉ" (*simians*) bây giờ. « Primate » lấy từ tiếng la tinh primus, có nghĩa là « thứ nhất », tiếng để chỉ nhóm sinh vật đứng đầu trong các loài trên thế giới !

Ông Linné là người đầu tiên dám gộp chung người vá vài loại thú có cùng một số đặc điểm vào một bộ động vật, vào năm 1758. Khỉ và người có những đặc điểm chung như sau : dùng thị giác là chính chứ không phải khứu giác, tay (chân) có năm ngón, tỉ lệ thể tích óc cao so với cơ thể, số vú không nhiều như thú khác (thường chỉ có hai). Không như các loài thú khác, loài linh trưởng khéo tay, vì ngón thứ nhất có thể bóp về phía bốn ngón kia (đối lại, opposable), khiến chúng nắm giữ đồ, vật, dễ dàng. Ngón không còn vuốt mà cỏ móng.

Mắt linh trưởng nhìn thấy sự vật dưới dạng nổi (như con người nhìn thấy), nhờ hai mắt nằm trước mặt chứ không nằm hai bên đầu như ở loài thú khác; đầu ngắn lại thành mặt chứ không còn mõm nhô ra. Tất cả các giống khỉ đều có hàm răng 32 cái, như người. Tuy nhiên các giống trong loài linh trưởng (tất cả khoảng 190 giống) cũng có

khác nhau về hình dáng, đặc tính cơ thể. Có giống khỉ nhỏ đến nỗi có thể nằm gọn trong lòng bàn tay người (đó là con microcebe ở Madagascar, chiều cao 15 cm, nặng dưới 100 g), trong khi khỉ đột gorilla ở Trung Phi nặng đến 180 kg, cao chừng một thước tám. Thức ăn, cách sống, thói quen của các giống thuộc họ khỉ cũng khác nhau do sự thích ứng môi trường từng chỗ. Các giống đứng thẳng và đi hai chân được (như người, khỉ đột, đười ươi, tinh tinh) có cột xương sống, phần đầu và phần hạ bàn khác với các giống còn đi bốn chân (các nhỉ nhỏ). Tất cả những điểm khác nhau là do sự tiến hóa, tức sự chọn lựa do thiên nhiên, thành những giống phát triển dễ dàng nhất ở vùng chúng sống. Người và khỉ tuy khác nhau về cơ thể nhưng cùng có khả năng thích ứng cao với sự thay đổi môi trường sống. Trong phần kế tiếp, chúng tôi sẽ lược qua sự tiến hóa của hai giống này từ một giống thú tổ chung.

Chuột *Purgatorius*, tổ tiên xa xưa nhất của người và khỉ

Purgatorius là thú có vú hiện diện trên quả đất từ khoảng 70 triệu năm trước. Đó là một trong các giống còn sống sót sau một tai biến cực kỳ nghiêm trọng cách đây 65 triệu năm. Thời đó, một thiên thể to từ ngoài không gian rơi xuống mà không bị cháy tan khi chạm vào khí quyển như đa số thiên thể nhỏ. Thiên thể ấy nổ tung với sức mạnh kinh hồn lúc chạm mặt đất, gây ra cháy rừng trên toàn lục địa Laurasia to lớn (gồm châu Mỹ, Phi, Âu- Á dính chung lại). Đa số những con khủng long lúc đó là chúa tể trái đất bị chết cháy, những con sống sót cũng chết lần hồi, vì tro bụi của đám cháy toàn cầu này bay lên bầu không khí, che ánh sáng mặt trời khiến hầu hết cây cỏ cũng không mọc được. Trong hoàn cảnh đó, một số thú nhỏ như *Purgatorius* may mắn sống còn nhờ có thể ăn số lượng ít ỏi còn lại các sinh vật hạ đẳng, côn trùng... Con thú này sống trên cây, chuyên kiếm ăn về đêm, với thức ăn chính là côn trùng. Người ta biết như thế nhờ tìm được xương hóa thạch của nó trên đồi Purgatoire thuộc rặng núi Rocky (Montana) bên Mỹ. Các nhà khảo cổ đặt luôn tên nó là *Purgatorius*. Tuy hình dáng nó giống chuột hơn là khỉ vì có vuốt (xem hình tạo dựng lại từ xương đào ở Montana), nhưng con thú nhỏ này đã có một số đặc điểm cơ thể của loài primate. Nó được xem như tổ loài primate vì là thú xưa nhất có óc lớn so với cơ thể, và có tay chân cầm nắm được ; nó có 44 cái răng, nhiều hơn nhiều số răng của khỉ và người sau này.

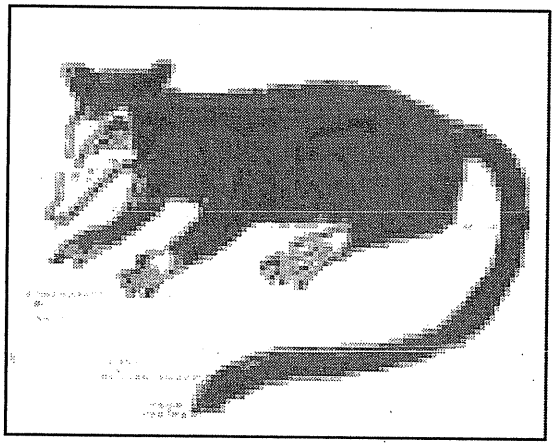

Chuột Purgatorius

Sau cơn tai biến, loài *Purgatorius* thay đổi dần cơ thể, trở thành tiền-khỉ prosimians để thích ứng với thiên nhiên đang hồi sinh. Giống khỉ nguyên thủy thuộc họ tiền-khỉ có tên strepsirhinians (có nghĩa là mũi chẻ) phát triển mạnh khoảng năm mươi triệu năm trước. Con thú tiêu biểu của giống này là *Adapis parisiensis* (di cốt tìm thấy tại thành phố Paris) loại khỉ nguyên thủy này có lẽ rất giống con lemur hiện còn sống tại đảo Madagascar. Khỉ nguyên thủy tiền hầu có sọ dài, mũi rất thính, và có « mõm » dài. Đuôi chúng dài nhưng không dùng để nắm bắt được. Sau những biến đổi genes, những con này sinh ra họ khỉ cao cấp hơn tên haplorhinians (mũi đơn), tổ tiên trực tiếp của những giống « khỉ » (simians), bao gồm giống khỉ hiện đại và giống người. Thật ra cũng có một giống trung gian giữa prosimians và simians, giống này ngày nay chỉ còn hậu duệ duy nhất là giống tarsier (sống ở vùng đảo Đông Nam Á). Đó là một loại khỉ nhỏ bằng con chuột, đuôi không có lông, mắt to tròn; chúng hay treo ngược đầu trên cành cây, và di chuyển bằng cách nhảy. Nếu theo đặc tính răng và đầu thì tarsier đã rất gần với khỉ simians. Số răng nó chỉ còn 36 cái, và nó đứng thẳng người lên được.

Hơn bốn chục triệu năm trước, họ khỉ cổ mũi đơn (không chẻ làm hai như tiền khỉ) chia ra hai nhánh, tiến hóa riêng trên hai vùng ngăn cách bởi biển Đại Tây Dương: cựu lục địa Á- Âu và tân lục địa Mỹ châu. Tại tân lục địa Mỹ châu, khỉ cổ tiến hóa thành giống có mũi to bẹt ngang ra, hai lỗ mũi ngăn bằng một lớp thịt dày. Chúng được đặt tên « khỉ mũi tẹt » (*platyrhiniens*). Khi châu Mỹ tách ra khỏi cực lục địa Á – Âu, khỉ mũi tẹt trở thành giống khỉ đặc biệt của tân thế giới.

Khỉ cổ châu Mỹ có đặc tính nguyên thủy hơn loài khỉ cựu lục địa (chúng có ba mươi sáu răngi). Có thể Mỹ châu lúc đò ít thú ăn mồi khỉ (predator) nên chúng tiến hóa ít hơn. Nhóm khỉ này ngày nay còn những con khỉ nhỏ như Tamarins, Sapajous, Ouistitis, khỉ lông như len... Châu Úc không có khỉ, vì lục địa này không dính với đại lục địa cổ khi bắt đầu có khỉ nên Úc có những thú vật riêng tiến hóa từ sinh vật cổ hơn.

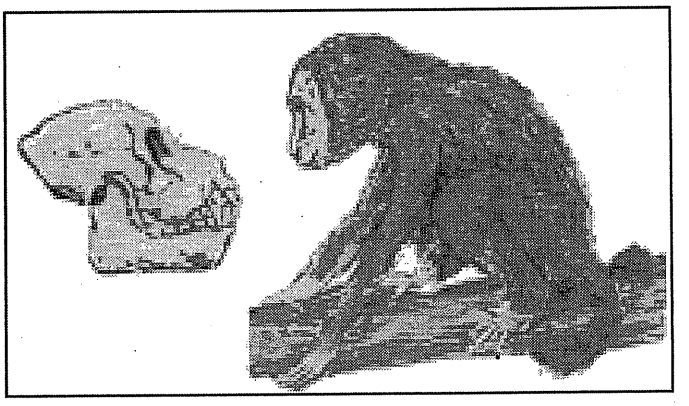
Khỉ nguyên thủy Aegyptopithecus

Khỉ thuộc họ *catarhinians* có mũi hướng về bên dưới và hẹp hơn khỉ cổ châu Mỹ (vì thành ngăn hai bên mũi khá mỏng) sống tại cựu lục địa Á - Âu – Phi. Chúng có 32 răng như người. Họ khỉ này sau đó tiến hóa riêng thành giống người vă giống khỉ hiện nay sống trên cựu lục địa : Vào khoảng hai mươi triệu năm trước, họ khỉ "cao cấp *simian*" lại tiến hóa riêng thành hai họ chính : họ khỉ -nhỏ-có-đuôi (gồm macaca, colobes...), và họ khỉ-dạng-người-không-đuôi (gồm có tinh tinh chimpanzee, khỉ đột gorilla, đười ươi orangutan, người cổ đã tuyệt chủng và người ngày nay).

Khỉ có đuôi hiện đại thuộc họ thứ nhất; đa số con của giống khỉ này có kích thước vừa phải, và thường di chuyển bốn chân. Giống *Macaca* là giống khỉ có đuôi phổ thông nhất, có mặt từ vùng nhiệt đới, nơi chúng sinh ra, đến vùng lạnh nơi chúng đến ở sau như bắc Nhật Bản. Đây là giống khỉ có khả năng thích ứng cao nhất, chỉ thua giống người.

Dòng khỉ nguyên thủy Đông Nam Á

Hiện nay người ta chưa biết rõ sự tiến hóa từ họ khỉ thuộc họ thứ nhì kể trên cho đến người ngày nay đã xảy ra vào những thời điểm và địa điểm nào.

Mãi đến gần đây, người ta vẫn xem thủy tổ trực tiếp của khỉ và người ngày nay là nhóm khỉ nguyên thủy Phi Châu; đại diện xưa nhất của giống đã sinh ra hai nhánh khỉ và người là *Aegyptopithecus* sống cách đây khoảng 32 triệu năm (hơn mười bộ xương tìm thấy ở Fayoum, phía nam thủ đô Ai Cập). Đó là con thú khá lớn, nặng chừng bảy kí lô. Chúng sống trên cây, và có nhiều đặc điểm của "loài nhân dạng" (anthropoid), như tay chân khéo léo. Nối dõi khỉ nguyên thủy *Aegyptopithecus* là khỉ-giống-người *Proconsul*. So với khỉ nguyên thủy, *Proconsul* lớn con hơn, óc to thêm, răng hàm và tiền hàm tiến triển, nhưng đuôi có lẽ chưa mất hẳn. Người ta không biết rõ ràng sự tiến hóa xảy ra như thế nào sau con *Proconsul* (15 triệu năm trước). Chỉ biết họ khỉ-giống-người có hai nhánh, một nhánh sinh sôi tại Phi Châu (tinh tinh, khỉ đột) một nhánh phát triển ở Á châu (vượn, đười ươi).

Gần đây, nhiều di cốt rất cổ của loài nhân dạng nguyên thủy đã được tìm thấy tại Đông Nam Á. Đặc biệt hàm và nhiều răng của con thú nhân dạng *Bahinia* tìm được năm 1998 ở Myanmar cho thấy là vùng này có tổ tiên của loài linh trưởng sống rất xưa chứ không phải Phi châu. Con *Bahania* sống cách đây bốn mươi triệu năm, chỉ nhỏ bằng con sóc (khoảng 14 ounces), nhưng răng đã giống răng loài primate. Ngoài con này, người ta còn tìm thấy vài mảnh di cốt những con cùng loài tại Thái Lan (xưa 35 triệu năm, nặng khoảng 6 ký, nghĩa là đã tiến hóa thêm), và nhất là con thú (tên *Eosimias centennicus*) xưa đến 42 triệu năm, nhỏ hơn *Bahania*, tìm thấy gần Thượng Hải năm 1994. Vì con này vừa là họ hàng với Bahinia nếu xét theo đặc tính răng, vừa có đặc điểm nguyên thủy hơn, nên một số người cho là giống sinh ra nó, vốn đã sống vào khoảng 58 triệu năm trước tại châu Á, chính là tổ tiên của loài linh trưởng trên toàn địa cầu. Việc tìm được xương những con tương tự ở bán đảo Oman (tây Á châu), và ở Ai Cập có nghĩa là "khỉ nguyên thủy" đã từ Đông Nam Á di cư về phía tây đến Ai cập, chứ không phải ngược lại. Những di cốt giống khỉ cổ nối tiếp tìm thấy tại Á châu đều nằm trên bán đảo Ấn Độ: *Ramapithecus* và *Sivapithecus*. Sau đó khá lâu, khoảng 6-8 triệu năm trước, có giống vượn *Ramapithecus lufenggensis* sống tại Vân Nam. Vượn này có hình dáng thon thả, nên có người cho nó là tiền thân của người vượn *australophithecus* châu Á. Tuy nhiên, người sống tại Á Châu ngày nay không phải từ "khỉ nguyên thủy" tiến hóa ra, mà từ Phi Châu di cư tới.

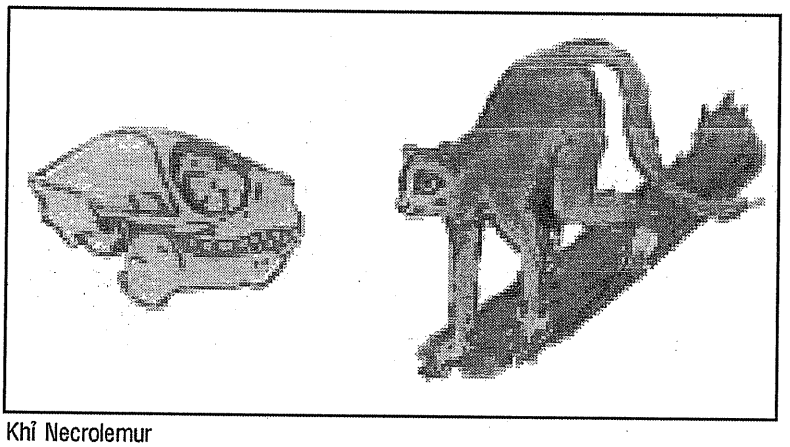

Khỉ Necrolemur

Giống vượn khổng lồ *Gigantopithecus* (nay đã tuyệt chủng) là giống linh trưởng to nhất thế giới từ trước đến nay nếu căn cứ theo răng và xương cốt để lại trong vùng Nam Trung Quốc và Việt Nam. Ciochon, nhà khảo cổ Mỹ chuyên môn về Đông Á, cho là vượn khổng lồ cao đến 10 ft và nặng 1200 lbs. Răng chúng to đến nỗi người Trung Hoa gọi là răng rồng và sử dụng trong thuốc bắc. Tại Việt Nam, di cốt *Gigantopithecus* xưa được tìm thấy trong hang Thẩm Khuyên, cùng với di cốt của người đứng thẳng *Homo erectus*. Niên đại của những di cốt này vừa mới được định bằng cộng hưởng điện tử spin (ESR) là khoảng 500 ngàn năm trước đây.

Những răng người cổ tìm được ở Nguyên Mưu (Vân Nam), xưa trên một triệu năm, có những điểm giống khỉ cổ *Lufengpithecus*, nhưng lại cũng có những chi tiết đặc biệt của nhóm dân Mongoloid ngày nay (Tàu, Mông Cổ...): đó là răng cửa hình xẻng. Một mảnh xương hàm còn vài cái răng được tìm thấy cùng với nhiều dụng cụ đá thô sơ ở trong hang Longgupo (tỉnh Tứ Xuyên) cho thấy người nguyên thủy đã có mặt trong vùng 1,9 triệu năm trước, dù người ta không định được những răng này là của loại người nào, có thể là của người còn nguyên thuỷ hơn cả người *erectus*. Tattersal và Schwartz (đại học Pittsburgh) thấy những răng này rất giống răng một loại nhân dạng gần với đười ươi orangutan cổ tìm thấy ở một nơi có tuổi nhỏ hơn tại Việt Nam. Người Tàu căn cứ trên những khám phá mới này để nói là đã có một nhánh hệ tộc loại nhân dạng ở Đông Á (Trung quốc). Những kết quả về sinh học di truyền cũng cho thấy là những con thuộc loại nhân dạng ngày nay ở châu Á (gibbons và orang-outang) và châu Phi (gorilla và chimpanzee) đã tách ra thành hai nhánh hệ tộc cách đây 36 triệu năm, nghĩa là lâu hơn người ta tưởng rất nhiều.

Những thay đổi về cơ thể của loài linh trưởng khi tiến hóa thành khỉ to và người

Chúng ta vừa xem qua những giống trong gia phả loài nhân dạng trên đường biến đổi thành giống người và khỉ to thời nay. Biến đổi cơ thể sinh vật thường được suy ra từ đặc điểm (cấu tạo xương, răng, sọ..) trên những di cốt tìm thấy ở các nơi trong các cuộc khai quật khảo cổ. Ngành sinh học di truyền cho biết thêm về thời điểm khỉ và người tách ra từ sinh vật tổ. Sự so sánh độ khác biệt giữa những gène cho thấy hai chi 'người' và 'tinh tinh ' tách riêng ra cách đây ít nhất 6 triệu năm, trên giả thuyết có sự thay đổi đều đều theo thời gian của nhiễm sắc thể. Tại sao có sự tách riêng đó? Hầu hết các con trong trên 190 loài khỉ và vượn đều có lông, tại sao chỉ có người thời nay không có lông, hay chỉ có... ở vài chỗ?

Trong quá trình tiến hóa về dạng khỉ cao cấp, loài linh trưởng phát triển thị giác và giảm bớt phần khứu giác. Nói khác đi, càng về sau linh trưởng càng thấy rõ thức ăn dưới dạng hình nổi, chứ không "đánh hơi" thức ăn nhiều như trước, bộ óc to hơn và phần thị giác phát triển nhằm phân tích những gì chúng thấy. Để có hình nổi, mắt từ hai bên mõm tiến về phía trước của mặt và xích gần nhau, mõm ngắn lại thành mặt. Bàn tay, bàn chân khỉ phát triển thành năm ngón thay vì vuốt, có ngón cái đối diện với các ngón khác để dễ cầm nắm.

Cơ thể linh trưởng cũng to dần. Chẳng hạn loài đười ươi cổ sống tại Indonesia mấy triệu năm trước nhỏ con hơn đười ươi sau này ở Đông Nam Á. Chúng ăn thức ăn ngày càng đa dạng hơn : các loại côn trùng, trái cây, thực vật, động vật nhỏ... Nhưng khỉ ăn thực vật là chính, nguồn đạm động vật là côn trùng, vài giống khỉ to biết săn và ăn động vật nhỏ (như loài khỉ nhỏ). Hàm răng thay đổi nhằm thích ứng với thức ăn mỗi giống, nhưng nói chung, số răng giảm từ 44 cái trên hàm con xưa nhất đến 32 cái từ hơn 10 triệu năm nay. Tuy cùng số răng nhưng hàm khỉ hình chữ U với hai nhánh dài hơn hàm người (hình parabol), vì miệng

khỉ còn nhô nhiều hơn về phía trước. Tay khỉ dài so với cơ thể, và khỉ dùng tay khi leo trèo, hay cả khi đi đứng. Trong quá trình tiến hóa thành người, người vượn australopithecus còn chống tay trên mặt đất đi, như giống khỉ đột ngày nay. Chỉ khỉ nhỏ mới còn đuôi, khỉ to đi hai chân được đã mất đuôi từ lâu. Khi loại khỉ có đuôi tiến hoá thành khỉ lớn; chúng đánh đu bằng hai tay trên cành và di chuyển bằng cách chuyền trên cây, hái dễ dàng lá, quả, đọt cây, những thức ăn chúng thích. Đuôi khỉ trở nên không cần thiết. Điểm khác biệt nữa là lưng và cột sống. Lưng người có những phần cong đổi chiều ba lần, khỉ chỉ có một. Không thể kể hết những điểm khác biệt, nhưng có thể nói đặc điểm cơ thể khỉ và người khác nhau nhiều đến nỗi nhà chuyên môn nào cũng có thể phân biệt ngay xương người và xương khỉ, dù cả hai có 99 % di tố giống nhau.

Óc và trí khôn

Con sơ sinh thuộc loài linh trưởng phát triển tương đối sớm: mới sinh đã có lông, có một số khả năng về thu nhận và vận động. Sự phát triển sớm này tùy thuộc vào độ tăng trưởng của óc lúc còn ở trong bụng mẹ. Tỷ số trọng lượng óc sơ sinh so với óc trưởng thành của tiền-khỉ chỉ trong khoảng 21 đến 48 %, đến khỉ cổ mũi tẹt tăng đến 36 – 58 %, qua khĩ mũi hẹp lên đến 43 – 60 %. tỷ lệ này giảm xuống 31 – 51 % cho loài nhân dạng, và đến người tỉ lệ chỉ còn 30.7 %. Tuy nhiên, người là giống có thể tích óc cao nhất trong loài nhân dạng, khoảng 1400 phân khối, trong khi khỉ to chỉ được 500 phân khối óc. Người ta thường nghĩ óc to (đầu to) thì khôn, điều này có lẽ đúng. Trong quá trình tiến hóa từ tổ tiên chung, khi người và khỉ bắt đầu tách ra, óc người tăng thể tích không ngừng và nhanh chóng. Không những to ra, mà lưu lượng máu lên đầu ngày càng nhiều hơn (số mạch máu hằn lên di cốt sọ nhiều hơn), chứng tỏ óc được sử dụng nhiều hơn.

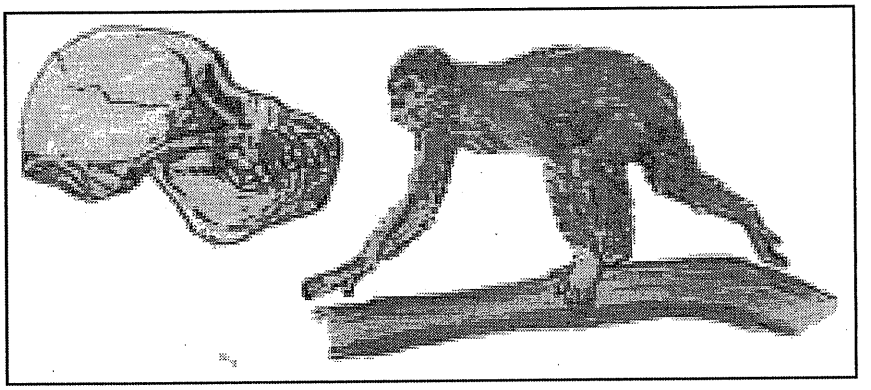

Khĩ Codryopithecus

Tại sao giống người càng ngày càng sử dụng óc nhiều hơn ? Người ta giải thích : vì phải qua nhu cầu sống trong môi trường khắc nghiệt. Có một sự chọn lựa của thiên nhiên khi môi trường thay đổi gây khó khăn cho cuộc sống. Sự đột biến di tố (gene mutation) sinh ra vật. Những con có những đặc tính khác nhau cùng sinh sôi, trong đó phần lớn bị đào thải bởi những con có khả năng thích ứng cao hơn với những đổi thay. Thích ứng là gì ? Phải chăng là có những phản ứng thích hợp hầu có thể sống còn trước những khó khăn, khi phải đối phó với thiên nhiên hay thú dữ? Mà khi phải giành thức ăn, ngay cả loài thú tuy nhỏ hơn, yếu hơn, nhưng nếu nhanh nhẹn hơn, có thể giành trước thức ăn loài khác rồi... tẩu chạy.

Muốn rõ lý do khiến một giống linh trưởng tách làm hai nhánh, tiến hóa riêng thành người và khỉ, ta hãy đi ngược thời gian, về đông Phi châu. Tổ tiên người và khỉ 10 triệu năm trước còn sống trên cây trong rừng nhiệt đới Phi Châu, không biết đi bằng hai chân, dù thỉnh thoảng đứng thẳng người lên được. Cách đây tám triệu năm, một thay đổi địa chất ở Đông Phi xảy ra, khiến đời sống các sinh vật trở nên khó khăn. Vùng đất dọc theo bờ biển đông bắc Phi châu nổi cao lên, ngăn mây (mưa) từ ngoài biển vào. Khí hậu vùng Rift valley (vùng Ethiopia, Kenya...) khô đi khiến rừng nhiệt đới biến dần thành đồng cỏ (savane) ít cây cối. Bấy lâu nay rừng phong phú các thức ăn với nhiều loại lá, trái cây. Khi cây ít đi khỉ vượn nguyên thủy dần dà phải kiếm ăn dưới đất và vùng đồng cỏ ven rừng. Tại đây, vì thú dữ cũng đến săn mồi, nên khỉ vượn phải luôn luôn cảnh giác, ở ven rừng để sẵn sàng chạy trở vào rừng, leo lên cây. Thức ăn càng giảm và cây cối càng ít, chúng càng phải tiến về đồng cỏ và phải tìm loại thức ăn khác. Thực vật ăn được khó kiếm, vì bao tử chúng không thích hợp với cỏ, mà thích

hợp với chất ngọt; muốn có loại thức ăn này chúng phải đào đất tìm các loại củ ăn được, cực nhọc hơn nhiều. Vì thế chúng tìm những con thú nhỏ dễ bắt, thú bị bịnh, thú con. Đó là những bước đầu ăn tạp của loài người tiền cổ. Trên đồng cỏ cháy ít cây, họ ngẩng cổ và đứng trên hai chân sau, dễ dàng quan sát hơn, vừa canh chừng thú dữ vừa tránh cho... lưng đỡ bị nắng nóng. Đi hai chân cũng là cách di chuyển thích hợp với đồng cỏ bằng phẳng. Hai "chân" trước được tự do, có thể mang, cầm thức ăn đi xa, và sử dụng cành cây hòn đá nhặt được dễ dàng tranh giành thức ăn với những thú ăn cỏ lá (bò, hươu, ngựa...) hoặc thú ăn thịt.

Những điều kiện sống khắc nghiệt và nguy hiểm làm phát triển dần những khả năng sinh tồn của người tiền cổ, như khéo tay, biết suy nghĩ tìm cách đối phó với các tình huống khó khăn....Trí khôn dần dần thành hình, giúp họ tồn tại trong vùng và tiến hóa thêm. Trái lại, khỉ cổ tiếp tục sống vùng rừng rậm ở tây Phi châu, Á châu, nơi có đủ điều kiện về thức ăn như trước, nên phát triển thành loài khỉ, vượn, đười ươi ngày nay. Tiến bộ có tính cách quyết định khác là tiếng nói. Loài Homo nào đã biết truyền đạt ý tưởng bằng lời nói? Thật khó mà biết chính xác. Tiếng nói là một hệ thống phức tạp: phát xuất từ não, nó phải được thanh quản chuyển thành chuỗi âm thanh khác nhau để diễn tả những sự việc thực tế lẫn những khái niệm trừu tượng. Chỉ khi thanh quản tụt xuống, tiếng nói mới có thể phát âm chính xác, đỡ bị người nghe hiểu sai, sự truyền đạt kinh nghiệm cho những thế hệ sau mới hiệu quả. Giúp giống người sống còn. Nhiều giống người cổ đã tuyệt chủng vì không thích hợp với sự thay đổi môi trường. Mãi gần đây, khoảng hai trăm ngàn năm trước, người khôn ngoan mới xuất hiện. Khi loài người xuất hiện, họ còn nhiều loài thù địch predators. Nhưng nhờ trí khôn, họ lật ngược tình thế và trở thành predator của các giông loài khác, trong đó có các bà con khỉ cùng chung tổ tiên xa. Họ đã lấy hết đất sống, đè bẹp tất cả các loài khác, tạo thành xã hội đông đúc, tân tiến, huy hoàng. Nhưng tình trạng huy hoàng này tạm bợ. Không có predator, loài người tiếp tục sinh sản, dần dần chiếm hết không gian toàn địa cầu, thay đổi môi trường sống (rừng núi, sông biển) theo nhu cầu của ho, nhưng môi trường này không còn thích hợp với các loài khác, trừ những giống thú họ muốn giữ làm thức ăn hay làm cảnh. Nhiều giống khỉ đang bị đe dọa diệt chủng. Ngày sau, có lẽ khỉ chỉ còn sống trong sở thú hay vài vườn quốc gia, trừ khi khỉ làm được cuộc "đổi đời" như trong truyện và phim "hành tinh khỉ."

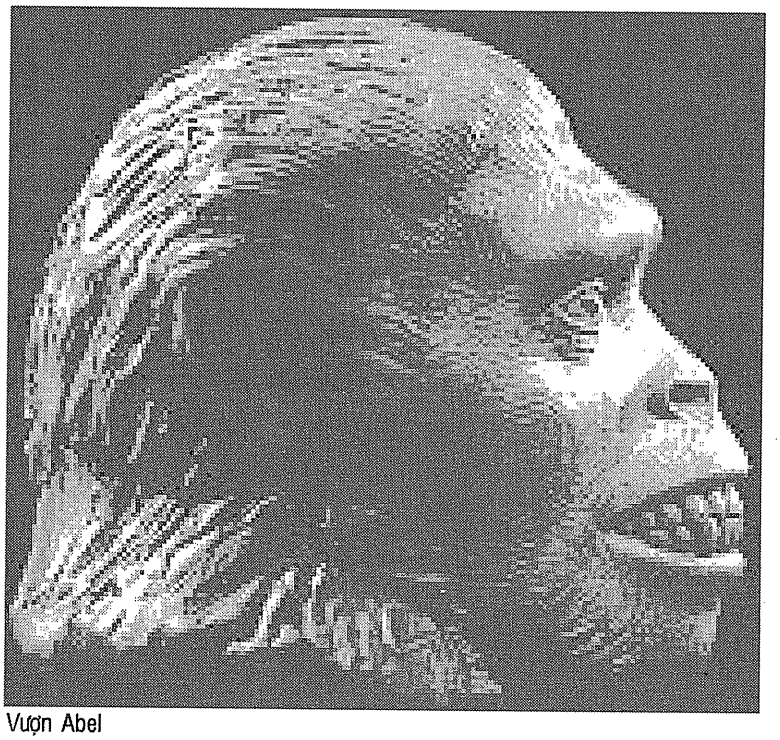

Vượn Abel

Sách tham khảo:

Morris E., *Le singe nu*, Collection Poches, (1993)

Braga J., D. Gommery, *Deux vieux enfants*, Pour la Science, 245, 22-23 (1998)

Fottorino E., *Voyage au coeur du Cerveau*, Le monde, 3-7 Février 1998

Vincent C., *Homo sapiens sapiens, un singe parmi les autres*, Le monde, 20 Mars 1998

Normile D., *Habitat seen playing larger role in shaping behavior*, Science, 279, 1454-5 (1998)

Appenzeller T., *Art: Evolution or Revolution?*, Science, 282, 1451-4 (1998)

Nhiều websites về Primates.

CON TIM THỔN THỨC

TIỂU HUYỀN

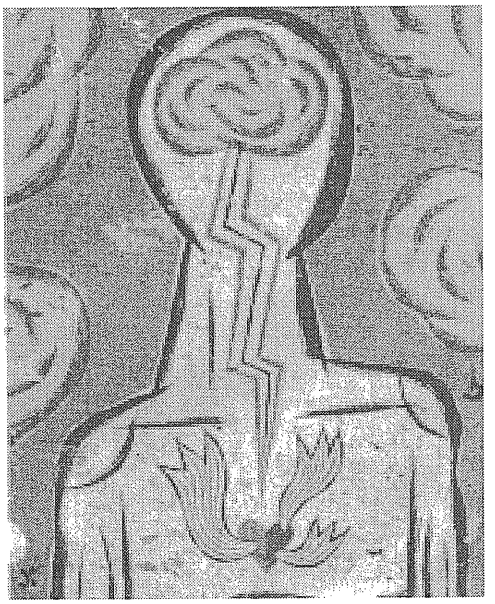

Trong kỳ đo điện đồ tim vừa qua, chị Sáu Tiểu Ký được sống qua một kinh nghiệm rất bổ ích, để hiểu biết hơn một chút nữa về trái tim của mình - trái tim mà dăm năm trước đây, bác sĩ thường khen là nó có nhịp đập khỏe khoắn như tim của người mới đôi mươi! Vẫn trung thành làm việc liên tục trong lồng ngực, trái tim hầu như không còn được chị Sáu để ý chăm sóc, kể từ những ngày "con tim đã vui trở lại." Vì vậy đã vài năm nay chị mới trở lại phòng mạch đo tim.

Khi người y tá cũng là bạn chị Sáu dán các miếng dẫn điện nhỏ lên ngực chị thì bà cũng nói chuyện liên miên. Vừa mắc giây của máy đo điện đồ, bà vừa nói tới một chi tiết khá thương tâm khiến cho chị Sáu bị xúc động, tưởng như con tim mình có chút thổn thức. Sau đó là cuộc thử nghiệm, chỉ kéo dài vài phút đồng hồ. Nhưng trên điện đồ lần này, trái tim của chị Sáu đã biểu hiện ra bao nhiêu là nhịp đập bất thường, tán loạn. Những nét lên xuống trên máy không còn nhấp nhô theo nhịp bình thường mà coi riu rít, lệch lạc, khác hẳn những đường nét đều đặn của lần thử chạy bộ trên máy tuần trước! Chị Sáu nay hiểu rằng, mỗi khi mình xúc động, vui hay buồn thì con tim mình cũng thổn thức ngay. Điện đồ tim (ECG hay EKG) của chị Sáu lần này có tới ba trên bốn đường bị nhiễu loạn, nhưng bác sĩ chuyên khoa tỏ vẻ hiểu chuyện, đã hỏi: "Điện đồ bữa nay không hoàn toàn bình thường như hai kỳ thử trước, chắc vì khi máy chạy, bà đã cựa quậy nhiều?" Bác sĩ chỉ đoán tới phản ứng của tim đối với cái thân, nhưng chị Sáu thì biết chắc mình đã nằm rất yên, chỉ có cái tâm chị động mà thôi.

Vui buồn đều hại tim?

Liên hệ giữa thân - tâm thường được hiểu là sự tương quan chặt chẽ giữa trạng thái tâm thần và sức khỏe của cơ thể con người - mà trái tim là đại biểu quan trọng nhất. Cách đây hơn mười năm, một người bạn cùng lớp kể về trường hợp vui quá mà chết bất đắc kỳ tử của bà mẹ chị. Năm đó, sau khi tốt nghiệp đại học, từ Paris chị cùng người em đã cùng bay về thăm cha mẹ ở Saigon. Bà mẹ chị ở tuổi dưới 60, vốn rất khỏe mạnh, mừng hai con thành tài nên mở tiệc lớn khao bà con cô bác. Cả họ quây quần trò truyện sau bữa ăn trong cái sân rộng. Bà mẹ chị đang cười lớn tiếng bỗng im bặt, lấy tay ôm ngực tỏ vẻ rất đau đớn. Sau khi chở vô nhà thương, bà cụ qua đời ngay vì đã bị đứng tim. Trong lúc vui quá, trái tim của cụ đã bị hư bất ngờ, đúng như lý thuyết của Đông y trong bài học Nội nhân (Nguyên nhân từ trong): vui buồn nhiều quá đều là nguyên nhân khiến cho trái tim bị hư hoại:

"Hỷ khí thương Tâm mạch tất hư
Tư thương Tỳ Vị kết trung cư
Nhân ưu thương Phế mạch thường sáp
Nộ khí thương Can mạch tất nhu
Khủng thương ư Thận mạch trầm thị
Kinh duyên thương Đởm mạch tương tri
Mạch khẩn di bi thương Bào lạc
Thất tình khí khẩu nội nhân hư"

Xin tạm dịch nghĩa bài này như sau:

Vui quá đỗi làm *mạch Tim* rất yếu hay mất hẳn khí lực.

Lo nghĩ khiến cho mạch Tỳ Vị bị kết, đập mấy cái lại ngừng

Buồn rầu quá làm cho mạch Phổi bị sáp (chậm và không trơn chu)

Giận hờn làm cho mạch Gan quá mềm, dễ bị tán loạn)

Sợ hãi khiến cho mạch Đởm đứng yên

Bi lụy làm cho mạch *Tâm bào* đập nhanh mà không đều.

Đó là bảy loại tình cảm bên trong chúng ta làm cho hư hao lục phủ ngũ tạng trong cơ thể.

Trái tim và não bộ

Từ lâu, tây y cũng đã tìm ra rất nhiều liên hệ tương quan giữa bộ óc và trái tim của con người. Trong tuần lễ giữa tháng 11/ 2003, tờ báo chuyên về bệnh tim của các đại học Hoa Kỳ (Journal of America college of Cardiology) mới in bài về một cuộc nghiên cứu các ảnh hưởng của những xúc động tình cảm vào trái tim. Những người bị trầm cảm (depression) có nhiều khả năng bị bệnh tim, nhiều như những người nghiện thuốc lá. Ai cũng biết những cảm xúc mãnh liệt như nổi giận hoặc quá sợ hãi... làm cho tim co thắt lại hoặc đập liên hồi như đánh trống ngũ liên. Cụm từ "Sợ muốn chết, giận muốn chết" được cả thế giới dùng trong đủ các loại ngôn ngữ.

Não bộ của chúng ta luôn luôn có những cảm xúc, ham muốn (thất tình lục dục), cũng là những nguyên nhân gây rắc rối cho các sinh hoạt vật lý của trái tim, không phải chỉ làm cho "trái tim tan vỡ, héo úa" như văn chương mô tả. Đồng thời bộ óc cũng có thể là người bạn quý nhất của trái tim, nghĩa là cơ thể giúp tim hoạt động tốt đẹp. Bác sĩ giải phẫu chuyên mổ tim Mehmet Oz tại đại học Columbia đã thử cho các bệnh nhân đang nằm trên giường giải phẫu được nghe những điều khích lệ họ trong băng nhựa, kết quả: những người đó phục hồi sức khỏe nhanh hơn những người được giải phẫu trong im lặng.

Hai người sanh đôi nếu sống trong các hoàn cảnh khác nhau, có những xúc động khác hẳn nhau, thì cũng có trái tim yếu khỏe khác nhau. Theo các nghiên cứu về bệnh tim, họ thấy rằng đa số người bị bệnh tim có chung một số đặc tính như ưa tranh đua để được thành công, thích hơn người, thiếu kiên nhẫn và luôn luôn hành xử trong sự vội vã, cấp kỳ - đó là những người thuộc nhóm A. (Nhóm B là những người bình tĩnh, chậm rãi và thoải mái). Những người hay bị căng thẳng, khó tính với người khác, quá nhiệt thành v.v... thường hay bị bệnh áp huyết cao đưa tới bệnh đau tim và nghẽn mạch máu.

Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng khi ta bị căng thẳng (Stressful) hay bị trầm cảm nặng (depression), thì các tiểu huyết cầu (platelets, dễ dính vào thứ khác) trong thân ta bị báo động. Chúng sẵn sàng chạy tới các vết thương (nếu có) để làm cho máu đông lại, hàn gắn vết thương. Phản ứng này của cơ thể khiến cho máu lưu thông chậm lại một chút và các cục máu đóng sẵn ở trong mạch có thể làm nghẽn mạch và gây ra những biến chứng mà ai cũng sợ là Strokes hay Heart attacks.

Khi gặp một biến cố lớn, cơ thể chúng ta thay đổi rất nhiều, và trái tim chúng ta là một cơ quan nhạy cảm có lẽ vào bậc nhất so với các cơ quan nội tạng khác. Tuần báo US News số đề ngày 1 tháng 12, 2003 viết rằng: "Tại thành phố Nữu Ước, trong tháng 10/ 2001, sau vụ khủng bố 11 tháng 9, số người bị đứng tim vô bệnh viện đã tăng 35% và số người có tim loạn nhịp đã tăng gấp đôi. Nói chung, tất cả các bệnh nhân bị "đau tim" đã gia tăng 40% so với thời gian trước đó."

Tim là một cơ bắp khỏe nhất?

Trái tim nhạy cảm của chúng ta đã là hứng khởi của bao văn nhân thi sĩ. Trong bào thai, em bé biểu lộ sự sống bằng những nhịp tim đập lần đầu. Và khi tim ngừng con người thường phải từ giã thế giới này luôn. Làm việc không ngừng nghỉ giây phút nào, trái tim trong lồng ngực chúng ta phải đều đặn bơm 6 gallons máu mỗi phút hay hơn 2 ngàn gallons mỗi ngày. Trái tim làm cho máu lưu thông liên tục trong gần 60 ngàn dặm (miles) qua các mạch máu để nuôi dưỡng và tẩy sạch từng tế bào của thân ta. Không có một bộ phận nào trong thân chúng ta làm việc đều đặn và cực nhọc như trái tim, nhưng ít có người quan tâm hay thưởng thức nó trừ các văn nhân thi sĩ, là những người gán cho trái tim đủ các tính chất thơ mộng và mỹ lệ trong tác phẩm của họ.

Thời xưa, người ta tin rằng lá gan là cứ địa của máu, là nơi đẩy máu cho chạy vô các mạch. Mãi tới năm 1628, bác sĩ William Harvey người Anh mới chứng minh được rằng tim mới là trung tâm bơm máu, chủ động hệ thống tuần hoàn chứ không phải gan. Năm 1816 ống nghe tim được bác sĩ René Laennec khám phá ra một cách tình cờ, khi ông cần khám tim một bệnh nhân nữ. Vì không muốn áp tai vào ngực người bệnh, ông dùng một cái giây dài nối vào ống nghe, không ngờ ông lại thấy tiếng đập của trái tim lớn hơn. Từ đó mà ra cái ống nghe Stethoscope.

Sau đó là phát minh đo tim bằng điện đồ ECG (hoặc EKG) của khoa học gia người Hòa Lan Willem Einthoven. Vị này đã được giải Nobel năm 1903. Điện đồ tim cho bác sĩ biết được các chuyển động bất thường của tim, các nhịp tim không bình thường và nguy hiểm, kể cả các vụ đứng tim nhỏ mà người bệnh đã trải qua.

Từ đó tới nay, song song với các loại dược phẩm mới, bao nhiêu kỹ thuật mới đã được khám phá thêm để áp dụng vào việc chữa các chứng bệnh tim mạch, vẫn là thứ bệnh giết nhiều người nhất tại các xứ tiên tiến Âu Mỹ. Nào thông tim, mổ tim, thay tim v.v... Các khoa học gia và chuyên viên ngành y hiện đại đang phối hợp rất nhiều kỹ thuật của sinh học nguyên tử, khoa di tuyền học, dùng genes hoặc các tế bào gốc lấy trong tủy sống để chữa trị, hàn gắn hoặc thay thế các vùng tế bào bị hư hoại của trái tim...

Trang bìa của báo *US News*, số đề ngày 1 tháng 12, 2003 có tựa đề rất hấp dẫn: "Bệnh tim không còn nữa" (The end of heart disease). Có ba loại bệnh chính về tim: Đứng tim (heart attack) do mạch máu bị nghẹt - Van tim hư khiến cho bắp thịt tim dày cứng lên hoặc van bị thu hẹp lại - Khả năng bơm máu của tim bị giảm thiểu, không bơm được cho đầy đủ vào các mạch máu trong cơ thể.

Trong thực tế, các bệnh về tim và mạch máu vẫn là những nguyên nhân "giết người thầm lặng." Dù cho y khoa có tiến bộ tới đâu, dù trái tim người nào cũng là bộ phận làm việc liên tục và khỏe nhất trong cơ thể, nó cũng là đầu mối gây ra nhiều chuyện cho cả tâm lẫn thân chúng ta. "Con tim" chỉ vui khi tâm người ta có thể sống hỷ xả, hài hòa với mọi hoàn cảnh. Và trái tim cũng chỉ khỏe được khi con người chăm sóc nó một cách tử tế, không ăn uống quá nhiều chất độc hại. Trong đoạn văn tả lời tự thuật của trái tim, nhà văn J.D. Ratcliff đã viết:

"Tôi (trái tim) chắc chắn là mình không đẹp đẽ gì cả. Cân nặng trung bình khoảng 12 oz, màu nâu đỏ, được treo giữ lồng ngực của con người bằng các sợi gân cốt chắc chắn, tôi dài khoảng 6 inches và chỗ rộng nhất đo được 4 inches, hình thù giống quả lê nhiều hơn là giống hình trái tim mà người ta thường vẽ. Dù cho các văn nhân thi sĩ tán tụng trái tim cách nào, thì tôi cũng không có gì thơ mộng như họ tưởng. Tôi là một thứ công bộc làm việc như nô lệ, ngày đêm không ngưng nghỉ để bơm mỗi ngày 4 ngàn tấn máu vô các mạch máu dài 6000 dặm trong cơ thể con người. Tôi là một thứ cơ bắp mạnh nhất trong cơ thể, làm việc cực gấp hai lần bắp chân lực sĩ chạy điền kinh hay bắp tay của lực sĩ đánh boxe! Có lẽ tôi chỉ kém bắp thịt tử cung của một phụ nữ đang sanh đẻ, khi họ vận dụng toàn lực để dẩy bê-bi cho nó ra chào đời.

"Tuy làm việc liên tục, thực sự tôi có được nghỉ giữa hai nhịp đập của tim, khoảng nửa giây đồng hồ (khi người ta thức). Khi họ ngủ, thì nhịp tim đập chậm hơn, từ 72 nhịp chỉ còn khoảng 55 nhịp mỗi phút, tôi cũng được nghỉ thêm một chút...

"Tôi không ưa chủ nhân tôi tập thể thao mỗi tuần một lần thật nhiều, mà tôi mong ông hay bà ta tập nhẹ nhàng mỗi ngày một chút - như đi bộ ngày hai miles, bơi lội hoặc tập tài chi, khí công chi đó cũng đều tốt. Tôi rất ghét thuốc lá vì nó làm các mạch máu cứng và hẹp lại, tôi phải làm việc cực hơn và nhịp tim đập nhanh hơn. Những người bị căng thẳng và ưa tranh đấu, hăng hái trong mọi chuyện cũng làm cho tôi mệt. Tôi ưa người thư thái và biết ăn uống điều độ để không bị phì mập. Người ta cứ lên thêm một "pao" (lb) là mỗi ngày tôi phải đẩy máu vô các mạch thêm khoảng 200 dặm nữa!... "

Muốn sống sót khi bị đứng tim

Vào năm 2003, các bệnh nhân bị hư tim mạch tiêu hết 210 tỷ đô la và giảm năng xuất làm việc xuống 350 tỷ. Số bệnh nhân nữ gia tăng trong khi phái nam có chiều giảm bớt. Các triệu chứng đứng tim chúng ta nên để ý :

- Đau nhói nơi ngực, đau lan sang cánh tay
- Bao tử hay ngực khó chịu lộn lạo, khó thở.

Một số người không bị các triệu chứng trên mà chỉ cảm thấy đau mặt và đau hàm, mệt mỏi bất thường và ói mửa. Ngay sau khi cảm thấy các triệu chứng nói trên, chúng ta nên tới ngay bệnh viện gần nhất để được cấp cứu. Mỗi năm có chừng 1 triệu 100 ngàn người Mỹ bị đứng tim (heart attack). Một nửa chết ngay trong vòng một giờ. Nếu họ kịp vô nhà thương để được săn sóc ngay khi mới bị (trong vòng một giờ đầu) thì số tử vong chỉ còn 2% con số đó mà thôi. Vấn đề là trung bình người ta chỉ đi nhà thương vài ba giờ đồng hồ sau khi thấy có triệu chứng đứng tim.

Con số người bị chết vì đứng tim ngày càng giảm thiểu. Dù cho số người chết vì bị suy tim (Heart failures) tăng lên gần gấp đôi trong hai thập niên qua (từ gần 30 lên gần 60 ngàn người mỗi năm), số người bị chết vì đứng tim (heart attack) mỗi năm tại Hoa Kỳ giảm từ 300 ngàn xuống còn dưới 200 ngàn người mà thôi./.

XANH DƯƠNG, MẦU ƯA CHUỘNG NHẤT HIỆN NAY TRÊN THẾ GIỚI

PHẠM QUỐC BẢO

Trẻ trên khắp thế giới hiện nay nếu cho chúng tự do lựa chọn mầu sắc theo ý thích, thường ra chúng sẽ chọn mầu đỏ là mầu chúng thích nhất. Tại sao?

Người ta có thể tạm chọn một giải thích đơn giản và cụ thể, tức thời theo thuần túy cảm quan, là trẻ chọn ngay mầu sắc nào rực rỡ đập vào thị giác chúng mạnh mẽ nhất. Người lớn cũng thế nhưng ý thích của chúng ta lại hầu hết trái ngược với trẻ, chẳng qua cũng vì nguyên tắc hợp lý cộng với kinh nghiệm sống ở đời của chúng ta. Bằng chứng, khi hỏi, nhìn những chiếc xe đang chạy ở trên đường, anh chú ý để phạt xe có mầu gì nhất, đa số cảnh sát công lộ trả lời: Những chiếc xe sơn mầu đỏ chói hay mầu đen bóng. Vì sao? Họ trả lời ngay rằng hai loại mầu sắc đó đập vào mắt họ một cách tức thời và gây cảm giác khó chịu nhất.

Trong khi đó, thế kỷ 20 vừa qua đã nổ bùng nhiều những đợt thời trang mầu xanh dương, nhiều hơn bất cứ thời điểm nào khác của nhân loại.

Nói một cách khác, soi chiếu trên bình diện văn minh văn hóa của con người, có lẽ chúng ta phải đặc biệt đề cập đến mầu xanh da trời hay mầu xanh nước biển này.

Mầu xanh dương trong lịch sử nhân loại

Khi nhắc đến mầu xanh dương, người ta hiểu ngay rằng đây là mầu xanh nước biển hay mầu xanh da trời (khác với mầu xanh lá cây). Mầu xanh dương là một trong vài loại mầu sắc liên hệ với con người từ cổ sơ, ở nhiều thể hiện và dấu tích.

Từ thời thái cổ, con người đã quen thuộc với mầu xanh lá cây (xanh lục) vì lá cây và trái cây vốn đã là thức ăn thường nhật; và có lẽ trước đó hay ngay khi đó là mầu xanh dương.

Nhiều ngàn năm trước, những bộ lạc sinh sống ven bờ ĐịaTrung Hải đã quen thuộc với mầu xanh dương của biển cả. Cho nên áo quần mầu xanh dương linh thiêng cao cả như kinh thánh (biblical blue dye) đã là dấu tích lưu lại. Sau đó, lá của cây tùng lam(woad) đã được sử dụng để nhuộm quần áo phổ biến nhất ở các giống dân sớm định cư tại đấy. Cũng như dân Celts đã lấy nước của lá cây woad bôi vẽ lên thân hình mình (như vai trò do Mel Gibson đóng trong phim nổi tiếng mới đây, Braveheart). Và cho đến bây giờ, quân phục của binh chủng Hải quân thuộc hầu hết quân đội của các quốc gia trên khắp thế giới đều dùng mầu xanh nước biển cả.

Trong khi đó, thay vì tùng lam, cây chàm đã được dân Á châu phổ biến sử dụng để nhuộm áo quần từ thời cổ. Do đó, quần áo dân lao động của cư dân Á châu đều đa số mầu xanh lam. Hiện nay y phục của giới cư sĩ Phật giáo bên Á châu vẫn thông dụng mầu lam là vậy.

Riêng Việt Nam ta thì huyền thoại nhận Rồng làm Tổ, tục vẽ xâm hình tượng giao long trên thân thể, người Việt cổ của ta cũng không có gì là xa lạ với nước, với mầu xanh nước biển, mầu xanh dương, từ thời trước Hồng Bàng.

Từ những sự tích Long Quân chiến đấu chống các loại thủy quái ngoài Biển Đông để cứu dân trong Lĩnh Nam Chích Quái, Sơn tinh – Thủy tinh của thời Hồng Bàng đến sông Hát (Hai Bà Trưng), sông Bạch Đằng (Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo),sông Hồng và sông Cửu Long (Quang Trung)..., dân Việt ta không giai đoạn lịch sử nào mà không dính dáng đến nước, nên chúng ta một cách vô thức rất quen thuộc với mầu xanh dương.

Mầu xanh dương trong thơ

Mầu xanh của bầu trời (xanh thiên thanh) va

mầu xanh của nước (xanh nước biển, xanh dương) đã hiện diện một cách rất rõ rệt và thâm thúy ở thơ văn, cũng như trong tư tưởng triết lý sống, của con người từ xa xưa trong lịch sử văn hóa nhân loại, hay nói một cách chính xác hơn nữa là ít nhất cũng cách đây cả mấy ngàn năm rồi.

Đầu tiên chúng ta nhớ ngay đến thơ cổ Trung Hoa của Vương Bột (649-676) có hai câu bất hủ, loại một cặp "thất ngôn tuyệt cú," đã vẽ ra một bức tranh chấm phá tuyệt sắc với hai mầu trắng và xanh dương:

Lạc hà dữ cô lộ tề phi*
Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc

(Cánh cò lạc đàn với con đường độc đạo cùng bay, nước sông thu cộng với bầu trời trong vắt một mầu xanh thẳm)

Cao Bá Vũ, tác giả cuốn" Thơ Đường Chuyển Lục Bát" (2002), đã chuyển ra lục bát như sau:

Ráng trôi cò lẻ bay đôi
Nước thu chen lẫn da trời xanh xanh
Tôi cũng ngứa ngáy phóng dịch thêm:
Cánh cò trắng lộ chơi vơi
Sông thu tiệp với vòm trời thẳm xanh.

Hơn nữa, thi ca đời Thịnh Đường (713-765) bên Trung Hoa không thiếu những câu như:

Cô phàm viễn ảnh bích không tận

của Lý Bạch trong bài *Hoàng Hạc Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng*

(Cánh buồm lẻ loi mỗi lúc một xa trên mặt sông mênh mông tiếp giáp với bầu trời hợp thành một mầu xanh dương biêng biếc đến vô cùng vô tận. Cảnh tượng này trao cho chúng ta, những người thưởng ngoạn, một mối buồn da diết và thẳm sâu)

Văn học Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 19, thi sĩ Nguyễn Khuyến nổi tiếng nhờ nhiều bài thơ Đường luật do ông sáng tác, trong đó một loạt ba bài độc đáo viết về mùa thu mà liên quan tới mầu xanh dương như:

Trời thu xanh ngắt mấy từng cao

(Thu Vịnh): rõ ràng tả cảnh chính xác bầu trời mùa thu trong xanh nhiều tầng và cao nhất, so với bất cứ mùa nào khác tại miền Bắc Việt Nam; và:

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí

(Thu Điếu): Cách đây tròm trèm một thế kỷ mà tác giả đã sử dụng đến từ ngữ nôm na dí dỏm như *gợn tí,* thật là tài tình hết mực;

hay:

Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt
Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe

(Thu Ẩm), diễn tả cái nhìn và ý nghĩ của một cụ già sạy rượu như vậy thì quả tuyệt.

Triết lý màu xanh qua thơ

Xưa nay người đọc thơ Trung Hoa ai cũng phải thú vị hai câu thơ đầu bài Tương Tiến Tửu của Lý Bạch:

Quân bất kiến, Hoàng Hà chi thủy, thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi
Hựu bất kiến, cao đường minh kính, bi bạch phát, triêu như thanh ti mộ như tuyết

(Anh không biết hay chăng, nước sông Hoàng hà chảy từ trên trời cao tuôn ra biển
khôn vời lại được. Mà cũng không thấy rằng lầu cao gương sáng, buồn tóc bạc, sớm như tơ liễu chiều đã như sương)

Hai câu thơ dài hơi hơn bất cứ của ai này, một diễn đạt khung cảnh của con sông Hoàng Hà hùng vĩ rộng và dài chia đôi lãnh thổ mênh mông của nước Trung Hoa, một nữa là hỗ tương liên tưởng đến cái chiều dài quá ngắn ngủi của đời sống con người. Hai câu thơ bất hủ này không những gây một cảm khái mạnh mẽ mà còn tạo hẳn ra một quan niệm bi quan tới độ cứ theo đà đó để buông thả sống bê tha đến tận cùng cho người thưởng ngoạn, bằng những câu thơ hết sức lôi cuốn ở những đoạn sau đó, ở đây tôi không tiện dài dòng chép ra.

Riêng cá nhân tôi, một mặt rất phục tài thơ phú của họ Lý, nhưng đồng thời lại không cùng quan điểm với nội dung triết lý của ông đã gói ghém trong đó bằng bài *Thề Non Nước* của thi sĩ Tản Đà (tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, 1888-1939), với mấy câu tiêu biểu tạm trích sau đây:

Non cao đã biết hay chưa?
nước đi ra bể lại mưa về nguồn
nước non hội ngộ còn luôn
bảo cho non biết chớ buồn làm chi.

Từ mấy câu thơ này, chúng ta thấy được cái nhìn của một thi sĩ người Việt đã bao gồm trọn vẹn chu trình sự sống vốn có của vũ trụ vạn vật, trong đó con người là chủng loại có khả năng nhận thức và áp dụng nhanh nhất chu trình sự sống đó vào cụ thể đời sống của mình. Nội dung mấy câu thơ này rất hợp lý với nhận định của người xưa là *"nhân linh ư vạn vật."*

Cái nhìn toàn diện và trọn vẹn nêu trên của thi sĩ Tản Đà khác hẳn so với cái nhìn chỉ một nửa vời của Lý Bạch, một thi sĩ tiêu biểu của người Trung Hoa đã hiện diện trên cõi đời này trước ông đến một ngàn vài trăm năm.

Độc đáo hơn nữa, vẫn theo cảm nhận của riêng tôi, là hai câu thơ tiếp ngay sau đó của bài *Thề non nước* :

Nước kia dù hãy còn đi
ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.

Nội dung ý nghĩa của hai câu này không những thêm phần khẳng quyết một cách vững vàng cái nhìn trọn vẹn và đúng đắn của tác giả Tản Đà, mà còn phong phú biểu lộ được qua sắc thái của hai mầu xanh: Xanh dương của trời, của nước, của biển mà cũng là mầu biểu tượng nơi sinh sống của Rồng. Mầu xanh lá cây của ngàn dâu cũng là mầu biểu hiện của rừng, của núi non, là nơi trú ngụ của Tiên. Rồng-Tiên là hai vật tổ linh thiêng, dân Việt đã vốn chọn làm thủy tổ của dòng giống.

Trong vòng vài ba thập niên vừa qua, những khám phá mới nhất của các môn như khảo cổ, nhân chủng-xã hội và ngôn ngữ học, mỗi lúc một minh chứng rõ được rằng các dòng giống hải đảo (mà tượng trưng là mầu xanh nước biển) cổ sơ đã từng là một nhánh di dân thời cổ vào hòa trộn với các giống dân gọi là Bách Việt trong đất liền (mà tượng trưng bằng mầu xanh lá cây) để kết tinh lại, cấu tạo nên dòng giống Việt tộc ngày nay, không khác gì những cổ tích- truyền thuyết- huyền thoại- thần tích của dân Việt để lại, qua những cuốn sách như Lĩnh Nam Chích Quái và Việt Điện U Linh Tập.

Mầu xanh dương qua khoa học ứng dụng

Y học tiến bộ ngày nay cho biết rằng trung bình cứ một trong mười đàn ông (1/10) và một trong 200 đàn bà (1/200) bị chứng mù mầu (color blindness, người Việt ta thường nôm na gọi chung là loạn sắc): Phổ biến nhất là không phân biệt được bóng hình của hai loại mầu đỏ và xanh lá cây, một tỷ lệ ít hơn nữa của nam nữ là không phân biệt được giữa hai mầu xanh dương và mầu vàng.

Truyền tính không phải là nguyên nhân chính gây ra chứng này. Nhưng một số hóa chất (nhất là loại hóa chất dùng làm thuốc tẩy hiện nay sử dụng phổ biến) cũng là một trong những thủ phạm tạo nên chứng mù mầu. Đó là lý do quan trọng để ngày nay người ta bắt đầu phổ biến sản xuất quần jean mầu xám, mầu lam là chính yếu.

Mặt khác, mầu xanh dương trích ly từ lá cây tùng lam (woad) cho tới nay không còn là nguồn cung cấp tốt nhất nữa. Nhờ vào khoa học tiến bộ, mầu chàm và mầu xanh dương đậm mỗi lúc mỗi được phổ biến thông dụng hơn trước đây nhiều.

Chẳng hạn, đồng phục của cảnh sát nhiều nơi đã đổi từ mầu đen sang mầu xanh dương đậm. Các bộ complê mỗi lúc mỗi nhiều số lượng mầu xanh dương hơn mầu đen để đáp ứng nhu cầu sở thích của khách hàng. Và nhất là kỹ nghệ quần jean thuần túy mầu xanh dương xuất hiện hàng loạt từ thập niên 1950 cho đến nay, đã khiến người ta phải mệnh danh rằng thế kỷ 20 là thế kỷ nổ bùng của nhiều thời trang mầu xanh dương xuất hiện nhất. Đấy là mấy thống kê gây bất ngờ thú vị cho chúng ta.

Trong khi ấy, mầu xanh dương trong kỹ nghệ hóa chất (biotech blue) cũng đang tạo những ngạc nhiên không ngờ: Lâu nay vẫn thường dùng mầu xanh dương để nhuộm mầu trong các thử nghiệm vi trùng vi khuẩn và vi tế bào DNA. Nhưng bắt đầu từ mấy năm nay, mầu xanh dương thẫm trong kỹ nghệ hóa(Biotech indigo) đang có khả năng được dùng để tạo ra mầu xanh dương vì bền và tốt hơn nhiều. Chẳng hạn, kỹ nghệ làm hoa giả, cũng như kỹ nghệ sản xuất vải bông mầu xanh dương, đang tận dụng mầu xanh đậm của kỹ nghệ hóa tân tiến.

*

Bàn lan man về mầu xanh nước biển này, có người cho rằng đây là một thứ mầu tươi tắn, không chói lọi những sôi nổi như mầu đỏ, mầu vàng mà không ủ dột đau đáu như mầu tím, cũng không buồn bã như mầu tang trắng, không nhợt nhạt như những mầu pha nào khác. Cũng có người bảo, mầu xanh da trời là mầu tượng trưng cho ước vọng thanh bình. Ước vọng thanh bình thường sôi nổi da diết, một khi xã hội loài người quá xáo trộn vì những tranh chấp đẫm máu.

Nhưng nói gì hay bàn gì đi nữa, chúng ta cũng phải công nhận một sự kiện hiển nhiên: Cho đến bây giờ, mấy năm đầu thế kỷ 21, mầu xanh dương vẫn còn đang là một mầu được ưa chuộng phổ biến nhất ở khắp nơi trên mặt đất này. Nó vốn là một trong vài loại mầu sắc đặc biệt phong phú trong lịch sử tiến hóa của con người.

* "lộ"có bản ghi là *vụ*.

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Thành Công Mỹ Mãn

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Tại buổi tiệc bế mạc, từ trái sang phải: trưởng ban đối ngoại Lê Đình Y Sa, nữ tài tử Kiều Chinh, trưởng ban tổ chức Trâm Lê.

Vũ Quí Hạo Nhiên

IRVINE (California) – Sau hai cuối tuần, 10 ngày, 15 suất chiếu, 48 phim, và hơn 4000 lượt khán giả, Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế (Vietnamese International Film Festival – "ViFF") đã kết thúc thành công ngày 2 tháng 11.

Đại hội điện ảnh do hai nhóm đồng tổ chức: Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (Vietnamese-American Arts & Letters Association "VAALA"), một tổ chức văn hóa hoạt động mạnh tại Quận Cam, và VietNamese Language and Culture ("VNLC" Ngôn Ngữ Văn Hóa Việt Nam), một nhóm sinh viên trẻ và năng động tại đại học UCLA. Địa điểm chiếu phim chính là thính đường đại học UC Irvine.

Lôi kéo được các nhà làm phim đến từ nhiều quốc gia hải ngoại như Mỹ, Pháp, Úc, Canada, v.v., đại hội điện ảnh ViFF tạo một dịp hiếm có cho giới điện ảnh Việt Nam hải ngoại gặp nhau, tìm đến nhau, học hỏi lẫn nhau. Với một số đạo diễn, đây là dịp họ biết được có những đồng nghiệp Việt Nam cũng yêu nghề như mình. Đạo diễn Nguyễn Trần Minh Chiêu cho biết, "Những người nổi tiếng như Trần Anh Hùng, Tony Bùi thì không kể. Còn tôi ở New York, sống và làm phim ở đó, tưởng chỉ có một mình tôi là người Việt Nam, đến đây gặp bao nhiêu là đạo diễn người Việt, vui quá!" Đạo diễn trẻ nhất tham gia ViFF là Anthony H. Nguyễn năm nay mới 17 tuổi. Đạo diễn lớn tuổi nhất là Nguyễn Tường Hùng, đến từ Pháp, năm nay trên 70.

Ngoài việc giới thiệu tài năng điện ảnh hải ngoại, tất cả đều được huấn luyện tại ngoại quốc, ViFF còn dành riêng một buổi chiếu phim đặc biệt, như công nhận tiến trình lịch sử điện ảnh Việt Nam, để chiếu một cuốn phim thực hiện tại Việt Nam trước 1975, cuốn phim *Người Tình Không Chân Dung* của cố đạo diễn Hoàng Vĩnh Lộc. ViFF cũng là nơi đầu tiên (world premiere) chiếu phim truyện *First Morning (Buổi Sáng Đầu Năm)* của đạo diễn Victor Vũ và phim tài liệu *Mother Tongue, Fatherland (Tiếng Mẹ Trên Đất Cha)* của đạo diễn Simon Cường Phan.

Giải "Khán Giả Bình Chọn"

Đặc biệt trong ViFF, ban tổ chức không chấm điểm phim để trao giải, mà dành quyền này cho các khán giả. Tại mỗi buổi chiếu phim, các tình nguyện viên phát phiếu chấm điểm cho mọi

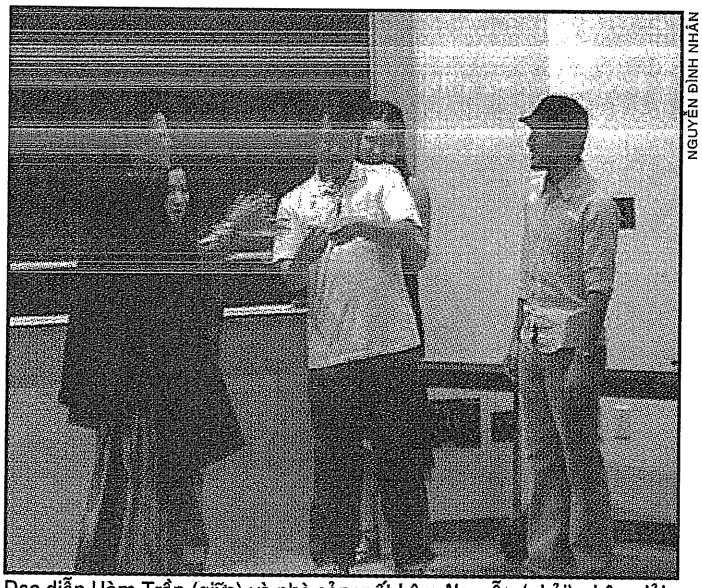

NGUYỄN ĐÌNH NHÂN

Đạo diễn Hàm Trần (giữa) và nhà sản xuất Lâm Nguyễn (phải) nhận giải Khán Giả Bình Chọn cho phim *Ngày Giỗ* từ nữ tài tử Kiều Chinh (trái)

người tham dự. Cô Vương An Thư, thành viên Ban Điều Hành ViFF và là người phụ trách tính điểm, nói: "Chúng tôi thu thập được hàng ngàn phiếu điểm, cho hết vào computer để tính điểm trung bình. Phim nào được điểm trung bình cao nhất thì đoạt giải." Chiếc máy tính xách tay đặt ngay bàn bán vé bên ngoài thính đường liên tục chạy mỗi tối.

Đến ngày bế mạc, ban tổ chức tuyên bố kết quả bất ngờ: Hai cuốn phim cùng đoạt giải, là *Đường Trần* của đạo diễn Lưu Huỳnh và *Ngày Giỗ* của đạo diễn Hàm Trần.

Giải thích việc giải trao cho hai phim đồng hạng, cô Lê Đình Y Sa, trưởng ban đối ngoại ViFF, cho biết, "Khi tính sổ xong, số điểm chênh lệch giữa hai phim cao điểm nhất chỉ khác nhau vài số thập phân."

Đạo diễn Lưu Huỳnh (Lưu là tên, Huỳnh là họ) không xa lạ với giới làm phim, làm video tại hải ngoại. Anh không có mặt tại buổi lễ bế mạc vì đang quay một cuốn phim mới. Đạo diễn ánh sáng của phim là Đinh Anh Dũng đã thay mặt nhận giải, và anh nói với *Thế Kỷ 21* như sau: "Lưu làm video cho MTV, Asia, rồi sau làm cho Thúy Nga Paris By Night. Lưu Huỳnh đã làm nhiều phim thương mại, nhưng nếu nói phim nghệ thuật thì phải nói *Đường Trần* là phim đầu tiên."

Trong *Đường Trần,* một thiếu nữ bị bố dượng hiếp dâm, toan tự vận, nhưng được một nhà sư cứu sống. Thiếu nữ theo nhà tu hành, và trên đường trần gian ấy tìm được ý nghĩa đời mình. Đinh Anh Dũng tiết lộ, "*Đường Trần* quay tại Việt Nam, quay mất một tháng rưỡi trên phim 35mm, sau đó postproduction, cắt xén, mất cũng phải 3 tháng."

Trái với Lưu Huỳnh đầy kinh nghiệm, đạo diễn Hàm Trần của *Ngày Giỗ* còn là sinh viên cao học ngành điện ảnh tại UCLA, và cuốn phim là luận án tốt nghiệp của anh. Hàm nói với *Thế Kỷ 21,* "Cuốn phim rất may mắn được sự giúp đỡ của rất nhiều người. Lúc quay phim này ở Việt Nam, anh Đơn Dương lúc đó còn ở trong nước đã đồng ý đóng vai chính mà không lấy tiền."

Cuốn phim tuy chỉ có 28 phút, nhưng quay cũng gian nan. Hàm kể, "Để được phép quay phim ở Việt Nam, tôi phải nộp truyện phim để kiểm duyệt. Bên xưởng phim báo tin được quay, tôi mới sắp xếp để đoàn làm phim về. Nhưng về đến nơi thì họ lại nói là bên kiểm duyệt không cấp giấy phép, bắt sửa kịch bản. Ngày bắt đầu quay phim bị trễ có một tuần thôi, nhưng chỉ vì tuần đó mà một số diễn viên kẹt quay phim khác, phải tìm người mới. Lúc về lại Mỹ, tôi trở lại kịch bản lúc đầu, quay khúc cuối trong một cánh rừng tại Los Angeles. Tính tổng cộng, số ngày quay chỉ có 11 ngày nhưng tất cả thời gian lại đến hai năm."

Nhà sản xuất phim *Ngày Giỗ* là anh Lâm Nguyễn kể thêm với *Thế Kỷ 21,* "Anh Đơn Dương rất dễ thương, diễn không lấy tiền, không đòi hỏi gì hết, mà lúc đó anh đang là diễn viên hàng đầu trong nước. Tụi tôi đi xe jeep lên Phan Rang

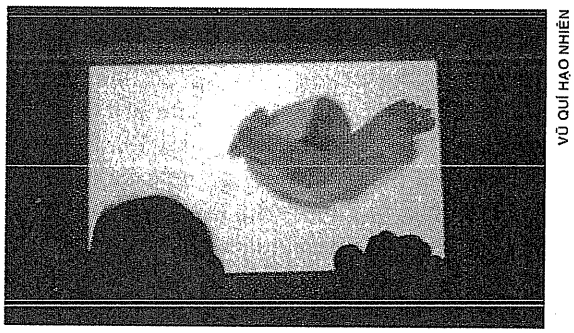

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Khán giả xem phim *Đường Trần* của đạo diễn Lưu Huỳnh chiếu tại ViFF. Phim *Đường Trần* cũng đoạt giải Khán Giả Bình Chọn.

quay phim, phần diễn của anh Đơn Dương quay xong lúc 2 giờ chiều, tụi tôi nói anh ở lại tới 6 giờ quay xong chúng tôi cùng về Sài Gòn. Nhưng anh nói anh phải về gấp, nên anh ra đón xe khách về. Anh lên một chiếc xe van, ở Việt Nam gọi là xe cá mập, để về Sài Gòn. Xe ghi bảng Sài Gòn, nhưng không có khách nên đến Phan Thiết xe không đi nữa mà bỏ ảnh ở đó. Ảnh phải đứng ở cầu Phan Thiết, mua đồ ăn, hy vọng ngoắc xe khác về. Bình thường đi xe Phan Rang Sài Gòn chỉ có 6 tiếng, đàng này anh Đơn Dương đi từ 2 giờ tới gần nửa đêm mới tới nhà."

Phim *Ngày Giỗ* kể về một gia đình phân tán trong chiến tranh và là một khối ưu tư về cuộc chiến huynh đệ tương tàn. Tin mới nhất từ Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật và Khoa Học Điện Ảnh (cái "academy" của giải "Academy Award") cho biết phim *Ngày Giỗ* lọt vào vòng chung kết "short list" 10 phim ngắn trong đó sẽ chọn ra 4 phim được chính thức đề cử giải Oscar.

Thể Loại Phim Ngắn Chiếm Đại Đa Số

Trong 48 phim chiếu tại ViFF, hơn 40 phim thuộc thể loại phim ngắn, từ ngắn nhất 3 phút đến dài nhất 48 phút. Tại sao ViFF chiếu phim ngắn nhiều như thế? Anh Andrew Lê Hoàng Ân, từng tổ chức Đại Hội Điện Ảnh Newport Beach Film Festival và là một cố vấn của ban tổ chức ViFF, giải thích với *Thế Kỷ 21,* "Trong bất kỳ đại hội điện ảnh nào, thể loại phim ngắn vẫn là thể loại chính được trình chiếu. Có những đại hội điện ảnh quốc tế chuyên về phim ngắn. Phim ngắn thường được sản xuất độc lập, bao giờ cũng là kết quả những phấn đấu rất mãnh liệt trong vấn đề tài trợ, tìm người cộng tác, nên chúng là những tác phẩm được giới làm phim độc lập coi trọng, và chúng là bước đầu tiên để những nhà đạo diễn chứng tỏ họ yêu nghệ thuật thứ bảy. Chúng đại diện cho việc phát triển sức sáng tạo của người nghệ sĩ."

Anh Ân nói thêm, "Tác giả các phim ngắn thường là sinh viên, phim có thể là luận án tốt nghiệp. Phim ngắn là một cách chứng minh sức sáng tạo mà súc tích."

Ngoài hai phim đoạt giải, nhiều phim ngắn khác cũng gây ấn tượng với khán giả tại ViFF. Phim *Better Than Friend (Hơn Cả Bạn)* của đạo diễn Tuấn Andrew Nguyễn đưa lên màn ảnh một sinh hoạt của Việt Nam mà nhiều người ngại nói đến, là món thịt chó. Dù thích hay không, thịt chó là một phần quan trọng trong văn hóa, trong

LÊ ĐÌNH Y SA

Đạo diễn Victor Vũ trên sàn quay phim *First Morning (Buổi Sáng Đầu Năm)*

truyền thống Việt Nam, và tất nhiên, là một phần quan trọng trong sự sinh tồn của người buôn thịt chó. Đó là câu chuyện kể trong cuốn phim tài liệu ngắn này.

Phim *DuSiFu,* chỉ dài có 3 phút, của đạo diễn Vũ Trung Hòa, là một bất ngờ với nhiều khán giả. Phải nhìn thế nào về thú vui đánh bài và cung cách nói chuyện của người Việt Nam thời nay? Nó là nguyên nhân hay hậu quả của tình hình xã hội? Đạo diễn Nguyễn Đình Nhân đến từ Paris bàn "Phim *DuSiFu* hay đặc biệt, mà ai chọn được *DuSiFu* cho vào đại hội điện ảnh cũng phải là một người suy nghĩ sâu sắc lắm."

Đạo diễn Tuấn Kiến Nguyễn, đến từ tiểu bang Maryland, trình làng 3 cuốn phim hoạt họa: *Đảo Dưa Đỏ* kể chuyện An Tiêm và trái dưa hấu; *The Nguyen Bunch* nhại phim truyền hình The Brady Bunch; và *Dear Diary,* là tiếng gọi thức tỉnh về tình trạng kỳ thị chủng tộc. Tuấn cho biết, "Làm phim hoạt họa lợi ở chỗ không tốn tiền, nhưng ngược lại rất tốn thì giờ."

Đến từ đạo diễn Trác Vũ là phim *First Year*, đen trắng, quay bằng máy super-8 cầm tay. *First Year* có thể hiểu là năm đầu của cuộc sống tại Mỹ, cũng có thể hiểu là năm đầu của sự lớn lên của một đứa trẻ dậy thì. Chợ K-Mart, tuổi 15, TV, tình dục, và văn hóa Mỹ thập niên 80 trộn nhuần nhuyễn trong phim này. Cuốn phim đoạt Huy chương vàng phim ngắn tại đại hội điện ảnh USA Film Festival và đã được chiếu trên truyền hình PBS.

Những cuốn phim ngắn đến với ViFF dưới nhiều dạng khác nhau như VHS, mini-DV, DVD, 16mm, 35mm, v.v. gây rắc rối không ít cho ban tổ chức. Anh Andy Phạm, trưởng ban kỹ thuật, kể lại, "Khó nhất là lúc đổi phim. Phải chuẩn

bị sẵn máy player cho đúng loại, băng thì phải rewind lại đúng chỗ, DVD thì phải qua hết phần menu, phim này vừa hết thì bấm tách tách qua phim tới mà đừng để màn ảnh đen lâu quá."

Anh cho biết chi tiết, "Thính đường ở UCI đầy đủ phương tiện nên làm việc dễ hơn. Chỗ khác có khi không có máy player phải mang thêm từ nhà đi. Lại có chỗ máy projector để trên trần nhà mà mình thì ở trong phòng nên không thể che kín projector lúc đổi băng, đổi đĩa, mình bấm qua bấm lại menu của DVD, máy chiếu thẳng lên màn ảnh, khán giả thấy hết."

Lê Hoàng Ân đánh giá về các phim ngắn chiếu tại ViFF là những "tác phẩm nghệ thuật thực sự. Chúng đa dạng và phong phú và cho thấy các nhà làm phim Việt Nam trẻ đang tiến những bước rất mạnh trên đường sáng tạo."

Cô Trâm Lê, trưởng ban tổ chức ViFF, nói thêm, "ViFF hy vọng góp phần khuyến khích các nhà làm phim Việt Nam hải ngoại. Qua gặp gỡ khán giả, đồng nghiệp, họ sẽ có cơ hội tiến lên làm phim dài, phim truyện, phim tài liệu, sẽ kiếm được thành công mới trong tương lai."

Cộng Đồng Ủng Hộ Mạnh Mẽ

ViFF thành công vượt bực phần lớn phải kể đến sự ủng hộ mạnh mẽ của các cơ sở thương mại và truyền thông trong cộng đồng. Cô Trâm Lê công nhận, "Chúng tôi nhận được rất nhiều sự ủng hộ từ cộng đồng. Và giới truyền thông thì ủng hộ hầu như hoàn toàn. Số tin, bài về ViFF đăng trên các báo đếm không hết, từ báo Cali đến báo các tiểu bang khác." Cô Tanya Nga Trương, cũng trong ban tổ chức ViFF, đồng ý: "Riêng những bài trên báo *Người Việt* cũng chóng mặt rồi. Chưa kể *Viet Weekly* số đầu tiên hoàn toàn về ViFF."

Danh sách cơ sở bảo trợ và ủng hộ ViFF thật dài. Nhật báo *Người Việt, Việt Báo, Viễn Đông.* Tạp chí *Thế Kỷ 21, Trẻ, Tin Tức* (Paris).

Một Số Phim Chiếu Tại ViFF

Lindsey Jang & Robert C. Winn (USA), "Saigon, USA" 90 phút

Saigon, USA là cuốn phim tài liệu công phu, xuất phát từ sự kiện Trần Trường, và dùng sự kiện đó để xem xét các vấn đề xung khắc cũng như thông cảm giữa các thế hệ già trẻ của người Việt tị nạn.

Tony Bui (USA), Three Seasons (Ba Mùa) 110 phút

Timothy Linh Bui (USA), Green Dragon (Rồng Xanh) 115 phút

Sinh tại Việt Nam và lớn lên ở Mỹ, cả hai anh em họ Bùi, Timothy (anh) và Tony (em), đều nói mình thích phim vì gia đình có tiệm cho thuê video.

Green Dragon (2002) do Timothy Linh Bui đạo diễn, kể những câu chuyện, những nỗi ưu tư, những mảnh đời éo le trong trại tị nạn Camp Pendleton những ngày đầu đến Mỹ. Thế nào là tình yêu? Thế nào là anh hùng? Thế nào là thất trận?

Three Seasons (1999) do Tony Bui đạo diễn, mang cốt truyện tại Việt Nam thời hậu chiến. Một cựu chiến binh (Harvey Keitel đóng); một đứa trẻ đánh giầy; một anh xích lô (Đơn Dương đóng) một cô gái điếm (Zoe Bùi đóng); một cô gái hái hoa trong đầm sen (Ngọc Hiệp đóng), giữa đầm có thầy Đào. Những mảnh đời thấp thoáng bắt chéo nhau nhẹ nhàng.

Hoàng Vĩnh Lộc (Việt Nam), "Người Tình Không Chân Dung" 105 phút

Người Tình Không Chân Dung là chuyện tình của thời chiến. Một phụ nữ (Kiều Chinh đóng) đi tìm người yêu chỉ biết qua thư, những binh sĩ cô đơn nhưng tận tụy, những mảnh đời. Lấy bối cảnh chiến tranh, nhưng *Người Tình Không Chân Dung* không ca ngợi chiến tranh mà cũng không phản chiến.

Ba chị em trong phim *Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng* của đạo diễn Trần Anh Hùng.

Trần Anh Hùng (France), "Vertical Ray of the Sun (Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng)" 112 phút

Cuốn phim mới nhất của Trần Anh Hùng quay tại Hà Nội. Ba chị em gái gặp nhau trong ngày giỗ mẹ. Những câu chuyện, những cảnh trí, những góc nhìn độc đáo lôi cuốn người xem, thu hút như hớp hồn họ vào những

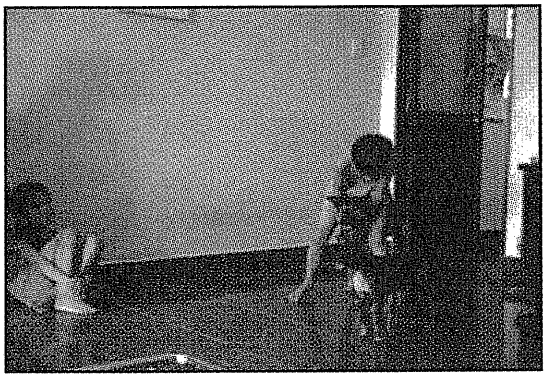

Một cảnh trong *Better Than Friends,* phim tài liệu của đạo diễn Tuấn Andrew Nguyễn.

Đài phát thanh *VNCR, Saigon Radio Hải Ngoại, Phật Giáo Hòa Hảo.* Đài truyền hình *Saigon TV, SBTN, Little Saigon TV, VABC.* Trung tâm nhạc Asia, Vân Sơn. Mạng lưới internet Kicon.com, Vinacity.com. Các đài quốc tế *BBC, VOA,* Radio Free Asia *RFA,* Radio France Internationale *RFI.* Công ty địa ốc Bridgecreek, nơi phát triển hầu hết khu Little Saigon. Công ty sữa đậu nành Yeo's. Nhà hàng Brodard tặng đồ ăn cho buổi tiệc khai mạc.

Nhiều cơ sở truyền thông Anh ngữ cũng ủng hộ hay loan tin về ViFF: Nhóm New California Media, nhật báo *Orange County Register,* tuần báo *OC Weekly,* tạp chí *Asian Week.* Tờ báo gối đầu giường của giới điện ảnh Hollywood, *Daily Variety.*

Ngược lại, số lượng phim và số đạo diễn Việt Nam trẻ làm ngạc nhiên những nhà bảo trợ. Nhạc sĩ Trúc Hồ nói với *Thế Kỷ 21,* "Trung tâm Asia bảo trợ cho ViFF vì muốn phát triển thêm về văn hóa Việt Nam tại hải ngoại. Nhưng tôi không ngờ ViFF lại thành công quá sức tưởng tượng, không thể ngờ được VAALA và VNLC tìm được quá nhiều phim, quá nhiều tài năng Việt hải ngoại, làm được một đại hội điện ảnh lớn như vậy." Anh lạc quan, "Qua đại hội điện

nghịch cảnh éo le, những mối quan hệ tình cảm thầm kín.

Victor Vu (USA), "First Morning (Buổi Sáng Đầu Năm)" 90 phút

Truyện phim là sự nổ tung của một gia đình Việt Nam trong ngày mùng 1 Tết. Cuộc sống tưởng như êm ả bỗng bung lên, những giấu diếm trong cuộc đời tị nạn mở toang. Gia đình nào chẳng có bí mật? Nhưng cái chính là gia đình nào giữ được tình thân trong hoàn cảnh đó.

Simon Cường Phan (USA), "Tiếng Mẹ Trên Đất Cha (Mother Tongue, Fatherland)" 84 phút

Một phim tài liệu công phu về những người Việt Nam con lai các chiến binh Mỹ. Người xem nghe trực tiếp những người con lai kể về cuộc đời mình, trải dài từ thời chiến tranh tại Việt Nam cho đến ngày hôm nay trên đất Mỹ. Tổ quốc họ nếu hiểu theo nghĩa đất nước "cha ông" thì là nước Mỹ, nhưng tiếng me đẻ của họ và thời niên thiếu của họ gắn liền với nước Việt Nam.

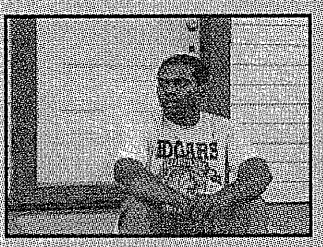

Một người Việt lai Mỹ trong phim *Tiếng Mẹ Trên Đất Cha* của Simon Cường Phan

Trịnh Thị Minh Hà (USA), "Surname Viet Given Name Nam (Họ Việt Tên Nam)" 108 phút

Thế nào là một người phụ nữ Việt Nam? Luân lý Nho giáo dạy rằng "Tại gia tòng phụ, v.v." Còn Thúy Kiều, thì sao? Kiều tự hứa hôn với Kim Trọng, tự ra tay cứu bố, tự gả em cho người. Thế thì tam tòng ở đâu? Cuốn phim *Họ Việt Tên Nam,* với cấu trúc phức tạp như những câu hỏi nó đặt ra, tìm hiểu những khái niệm không đơn giản chút nào về bản chất người phụ nữ Việt Nam nói riêng, cũng như về cái gọi là tính nữ, nói chung.

Kim Nguyen (Canada), "The Marsh (Đầm Lầy)" 84 phút

Phim do Kim Nguyen đạo diễn và viết truyện phim. Phim dàn dựng quy mô, tốn 3 triệu USD, lấy cảnh châu Âu thế kỷ 19. Bên cạnh một đầm lầy hoang vắng , hai thanh niên trẻ Alexandre và Ulysse kết bạn và dọn đến đó ở. Việc chọn chỗ ở kỳ dị này làm dân làng quanh đó nhìn hai người dưới con mắt quái đản. Nhất là Ulysse có hai bàn chân to dị dạng và trên sọ u hai cục như hai sừng. Khi trong làng có người bị giết một cách bí hiểm, cả làng trút mọi nghi ngờ cũng như ganh ghét lên đầu hai người này.

ảnh tôi thấy rất nhiều đạo diễn trẻ có tài, có thể trong tương lai trung tâm Asia sẽ làm việc với một số đạo diễn trẻ của ViFF để làm phim, có thể lắm."

Một trung tâm nhạc khác trở thành "fan" của ViFF là trung tâm Vân Sơn. Danh hài Vân Sơn cho biết anh ủng hộ ViFF vì "tôi cũng là dân ghiền điện ảnh mà, nên thấy có đại hội điện ảnh là mình ủng hộ, làm hết sức mình giúp được tới đâu thì giúp. Tôi rất là vui khi thấy Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế lần thứ nhứt ra đời và rất mong có lần thứ hai, thứ ba, vì đó mới trở thành động lực thúc đẩy điện ảnh Việt Nam tiến lên."

Tờ *Orange County Register,* nhật báo tiếng Anh lớn nhất Quận Cam, và tờ *OC Weekly,* tuần báo tiếng Anh cũng lớn nhất Quận Cam và là một đối thủ cạnh tranh của *Register,* đều bảo trợ ViFF. Quảng cáo và các bài viết về ViFF xuất hiện trên trang báo, trang web của hai tờ này. Ông Scott Moxley, trưởng ban tin tức *OC Weekly,* giải thích với *Thế Kỷ 21* lý do *OC Weekly* ủng hộ ViFF: "Vì đây là đại hội điện ảnh đầu tiên của người Việt Nam, chúng tôi đã xắn tay áo sẵn sàng ủng hộ vì chúng tôi muốn nó thành công, và nó thành công thật."

Khi *Thế Kỷ 21* hỏi đại hội điện ảnh của người Việt hải ngoại có lợi ích gì cho người Mỹ bản xứ, ông Moxley trả lời, "Bất cứ ai quan tâm đến cộng đồng nơi mình sinh sống, quan tâm đến những người tuy khác chủng tộc nhưng là láng giềng của mình, quan tâm đến đời sống nghệ thuật, nhân sinh, của người Orange County, đều cần phải biết đến và tham dự những sinh hoạt như ViFF."

Một gương mặt quen thuộc tại Quận Cam là nhạc sĩ Ngụy Vũ đã có sáng kiến bảo trợ đặc biệt cho ViFF. Ông thu xếp với công ty Phương Xe Khách để cung cấp xe bus và tài xế chở khán giả từ trụ sở báo Người Việt, tại trung tâm Little Saigon, đến nơi chiếu phim tại đại học UCI.

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Cô Tanya Nga Trương (giữa), trong ban tổ chức ViFF, cuối cùng cũng giành được vài phút thư thả sau khi ViFF chấm dứt, với các đạo diễn Nguyễn Đình Nhân (trái) và Edward T. Trần (phải).

Đánh giá Đại Hội Điện Ảnh ViFF, nhà báo Kỳ Phát của *Trẻ Magazine* cho biết, "Tôi rất mừng là nó thành công, và đặc biệt là nó lôi kéo cả thế hệ già, thế hệ trẻ trong ngành điện ảnh."

Cô Y Sa đồng ý, "Nếu ViFF đã trở thành cầu nối giữa những nhà làm phim thế hệ lớn như tài tử Kiều Chinh và những người làm phim *Người Tình Không Chân Dung,* với những đạo diễn, những diễn viên trẻ hơn, thì coi như ViFF đã hoàn thành một phần quan trọng sứ mạng của mình."

Sẽ Có ViFF 2

ViFF có trở lại không? Tất cả các thành viên ban tổ chức đều háo hức trả lời "Có!" "Dĩ nhiên rồi!" Nhưng trước mắt, họ sẽ tổ chức những sinh hoạt mở đường. Cô Y Sa cho biết, "Trong năm 2004, chúng tôi sẽ tổ chức một buổi hội thảo về phim. Chính ViFF năm nay được xuất phát từ một Cinema Symposium chúng tôi tổ chức tại UCLA năm 2002. Hy vọng Cinema Symposium của 2004 cũng lại là bậc thềm dẫn đến ViFF 2005."

Trưởng ban tổ chức Trâm Lê hăng hái: "ViFF muôn năm!"

mau nước mắt?

Có phải khóc là dân tộc tính? Tại sao tài năng diễn viên Việt Nam thường được (bị) đo bằng khả năng khóc? Đã có thời kịch sĩ Kim Cương được khen nức nở vì có thể "đụng đâu khóc đó" có "nước mắt thiệt" đàng hoàng.

Khá nhiều phim chiếu tại ViFF có cảnh khóc. Không bị ràng buộc bởi tinh thần "macho" của những thập niên 1940, 1950, các đạo diễn Việt Nam hải ngoại, đa số trưởng thành trong thời đại văn minh giác ngộ cởi mở 1990, thoải mái cho các vai nam khóc sướt mướt.

- *VQHN*

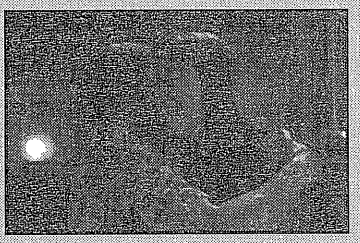

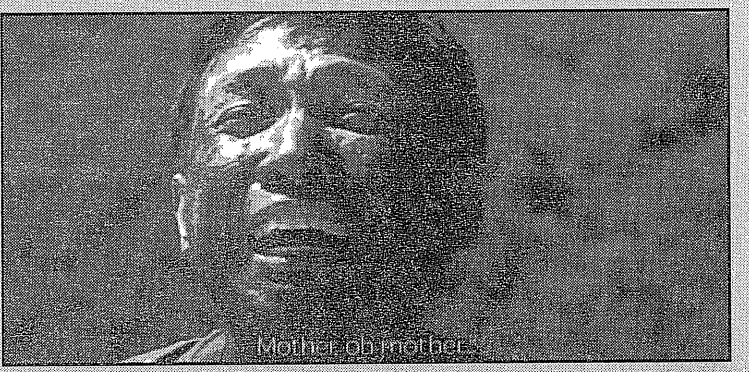

Những trận khóc ra và không ra nước mắt trong một vài phim chiếu tại ViFF. Từ trái qua phải, trên xuống dưới: Kiều Chinh trong *Green Dragon* (đạo diễn Timothy Linh Bùi) khóc hai người con trên hai chiến tuyến; Đơn Dương trong *Ngày Giỗ* (đạo diễn Hàm Trần) khóc trước khi "nhảy núi"; Trí Johnny Nguyễn trong *First Morning* (đạo diễn Victor Vũ) khóc vì thương em; Kathleen Lương trong *Green Dragon* khóc trong vòng tay người yêu cũ; Jayvee Mai Thế Hiệp trong *Ngày Giỗ* khóc ngoài chiến trường; Ngô Thái Uyên trong *Ngày Giỗ* khóc khi chia tay chồng và con.

Tết trên miền đất lạnh

TỪ TRÌ

Từ trong sở bước ra, ông Tỉnh rùng mình trong cơn gió lạnh. Trời vào cuối tháng giêng tây, gió rét ngầm ngập trên thành phố Paris. Dưới bầu trời tối mù mịt, mây đen dày đặc nặng trĩu báo hiệu tuyết sắp rơi. Ông vén cao cổ áo « măng tô » rảo bước dọc theo bờ sông Seine lấp lánh phản chiếu ánh đèn. Ông lẩm bẩm: « Hôm nay là ngày 23 tháng chạp tiễn ông Táo lên chầu 'Giời' rồi đây. Ở đây lạnh thế này chả có vẻ gì là Tết cả, chả có vẻ gì là xuân về. »

Ông bâng khuâng nhớ lại hồi nhỏ, khi còn ở trong nước, mỗi lần tiễn ông Táo, mẹ ông đều mua ba bộ mũ và ba đôi hia để cúng. Ông mỉm cười nghĩ tới những lúc anh em ông đùa giỡn với sự tích « *hai ông một bà* » và giai thoại « *đội mũ đi hia chẳng mặc quần* » của ông vua bếp khiến mẹ ông phải suýt suýt la « *Không được nó bậy, ông ấy mà trình lên Thiên đình thì chúng mày biết !* »

Về tới nhà, mở cửa bước vào, ông thấy mùi hương còn thoang thoảng thơm trong phòng khách tuy trên chiếc bàn thờ nhỏ kê ở góc phòng đèn hương đã tắt. Thấy con về, cụ cử Thưởng khoe :

- *Hôm nay tiễn ông Táo lên chầu 'Giời', me đã cúng rồi đấy.*

Và cụ chỉ vào bàn thờ có hai con cá chép đang bơi lóp ngóp trong chậu thau :

- *Anh thấy không? Me mua cả hai con cá để ông bà Táo cưỡi bay về Trời nữa đấy.*

Ông Tỉnh cười :

- *Thời buổi này người ta đi phi cơ phản lực, hay hỏa tiễn chứ sao ông ấy lại cổ lỗ sĩ cưỡi cá chép thì làm sao mà tới Thiên Đình kịp thời được.*

- *Ấy, ấy, anh đừng có báng bổ phải tội chết !*

Bà Tỉnh cũng chạy tới khoe với chồng là ở nhà Cụ Thưởng và bà đã cúng tiễn ông Táo chu đáo, đầy đủ. Bà cũng cho ông hay là hôm ba mươi, Đan Thanh, con dâu của ông bà, sẽ xin nghỉ ở sở để tới giúp bà và mẹ chồng gói bánh chưng.

Hài lòng vì có nàng dâu biết làm tròn bổn phận, ông Tỉnh nghĩ tới cô con gái đã đi ở riêng :

- *Thế còn con Lan nó có về giúp bà và mẹ một tay không?*

Bà Tỉnh lúng túng :

- *Ơ . . .ơ, nó bận bịu công chuyện chắc không về được đâu.*

Ông Tỉnh thở dài. Ông có hai con, một trai và một gái. Nếu Lâm, con trai ông, luôn tỏ ra quyến luyến với gia đình thì Lan, cô gái út, lại có vẻ hờ hững.

Lâm sinh ra ở Sài Gòn ba năm trước khi miền Nam bị Bắc quân xâm chiếm. Lúc ra đi tuy mới có ba tuổi nhưng cậu vẫn giữ được hoàn toàn tính nết Việt Nam. Sau nhiều năm chăm chỉ học hành, Lâm đã đi làm, cưới vợ người Việt và đi ở riêng. Nhưng không bao giờ Lâm quên về trong mỗi dịp giỗ, Tết.

Còn Lan, ra đời hai năm sau khi gia đình ông Tỉnh tới định cư trên đất Pháp, có tính nết thẳng

băng như ruột ngựa. Cô thấy đâu nói đấy không nể nả gì ai, mọi việc làm theo ý mình, ít để cho tình gia đình ràng buộc. Năm 23 tuổi cô thi đậu luật sư và tỏ ý muốn kết hôn với Michel, một người bạn đồng nghiệp người Pháp. Trước sự chống đối của cha, Lan quyết định đi ở riêng, lấy cớ là vì có đời sống nghề nghiệp nên cần phải ở gần văn phòng để tiện việc giao thiệp với thân chủ. Ông Tỉnh thấy Lan nói có lý nên không ngăn cản. Riêng bà Tỉnh biết rõ lý do nhưng vì sợ « mất con » nên bà giữ kín không nói ra cho mẹ chồng và chồng biết.

Từ nhiều tháng nay, Lan ít khi về nhà. Cụ Thưởng nhớ cháu, thỉnh thoảng tỏ ra thắc mắc vì cụ rất quí cô cháu gái lém lỉnh mà cụ nuôi nấng chăm bẳm từ hồi mới lọt lòng. Hồi đó, gia đình cụ vừa tới Pháp làm lại cuộc đời. Cả hai vợ chồng ông Tỉnh đều phải đi làm ăn vất vả, đầu tắt mặt tối. Cụ Thưởng một mình ở nhà nuôi nấng dạy dỗ hai đứa cháu nhỏ. Mặc dầu cụ hết sức cố gắng luyện cho cả hai theo nề nếp nho phong, nhưng chỉ có Lâm hấp thụ được các giá trị cổ truyền mà thôi. Còn Lan, từ ngày cắp sách đến trường đi học đã dần dần bị ảnh hưởng của xã hội bên ngoài lôi cuốn. Mỗi khi nhớ cháu, cụ thường hỏi các con:

- Sao con Lan dạo này đi đâu mà chẳng thấy mặt?

Không muốn làm buồn lòng mẹ già, ông bà Tỉnh phải nói quanh:

- À, nó là luật sư nên cứ phải xuống dưới tỉnh cãi kiện, it khi được ở nhà.

Bà cụ chép miệng :

- Thời buổi này con gái mà cũng phải làm ăn vất vả quá nhỉ.

*

Ngày ba mươi Tết, trong lúc cụ Thưởng, bà Tỉnh cùng Đan Thanh ngồi lúi húi gói bánh chưng và nấu cỗ trong bếp, ông Tỉnh cũng lấy ngày nghỉ để ở nhà lau chùi bàn thờ tổ tiên.

Ông loay hoay đánh bóng chiếc lư hương, đôi chân nến. Ông kính cẩn lau cái bài vị. Cái bài vị này là vật gia bảo duy nhất ông đem đi theo được hôm 30 tháng Tư hãi hùng năm nào, khi ông hoảng hốt đưa gia đình chạy vào Tòa Đại Sứ Mỹ để giành chỗ trên trực thăng di tản khỏi Sài Gòn.

Nhìn mẹ, vợ và con dâu bận bịu thổi nấu trong bếp, ông Tỉnh thấy lòng ấm lại. Ông hồi tưởng lại lúc còn nhỏ, hằng năm theo cha mẹ về quê ăn Tết. Trong nhà lúc đó có đến cả hơn chục người phục dịch. Họ rậm rịch mỗi người một tay, người mổ lợn, người gói bánh, người giã giò, người lau chùi đồ thờ, đồ tự. Ông nội ông chẳng phải làm gì, chỉ nhàn hạ ngồi vuốt râu bên cạnh ấm trà thơm ngát, đợi cỗ bàn bày xong là hành lễ. Còn ông, hôm nay Tết về trên miền đất lạnh này, phải một mình lui cui lau dọn bàn thờ, trang hoàng nhà cửa. Có con trai thì nó phải làm ăn vất vả, bận rộn, chưa chắc mai mồng một đã có thể bỏ sở mà về. Còn con gái, ông lại thở dài: «Quên cả gốc rễ như nó, không biết nó còn nhớ đến ngày Tết mà về hay không. Dạo nọ nó còn có ý định lấy Tây nữa. Mình nào có kỳ thị chủng tộc gì đâu. Mình ở xứ người ta, người ta không kỳ thị với mình thì thôi, chứ mình đâu có kỳ thị gì. Tuy nhiên nếu con cháu mình cứ lấy người ngoại quốc thì dòng giống mình còn đâu nữa, gốc rễ mình còn gì. » Và ông tự an ủi : «Thôi, nữ nhân ngoại tộc, nếu nó cứ nhất định lấy Tây thì cũng chẳng sao.»

*

Trong khi ông Tỉnh đang đặt nhiều câu hỏi về cô con gái thì cô này cũng không kém ưu tư về quan hệ của cô đối với gia đình. Đây là lần đầu tiên Tết đến từ ngày Lan đi ra ở riêng. Cô phân vân không biết mình sẽ phải về ăn Tết ra sao. Điều chắc chắn là cô sẽ về ăn Tết, vì thật ra, trái với điều cha cô nghĩ, Lan rất quyến luyến với gia đình. Nhưng đối với cô tình yêu gia đình không có nghĩa là cô phải hy sinh hạnh phúc của riêng mình để theo quan niệm xưa cũ của ông Tỉnh về dòng giống. Tết mà không về sẽ làm buồn lòng bà và cha mẹ. Nhưng về một mình tức là tự công nhận là mình đang sống một cuộc tình duyên vụng trộm phải giấu gia đình. Ngoài ra Michel cũng muốn được giới thiệu với gia đình Lan trước khi hai người thành vợ thành chồng. Michel bảo Lan :

- Cưng đừng lo, anh sẽ có cách làm vừa lòng ông cụ cho mà coi.

- Nhưng ba em khó lắm đấy. Tài luật sư của anh không thuyết phục được ông cụ đâu.

Michel vẫn quả quyết:

- Nếu tài biện hộ của anh không có hiệu quả thì anh sẽ dùng thuật ngoại giao. Anh sẽ biếu ông cụ một món quà bất ngờ thích thú.[1]

- Bất ngờ gì ? Anh nói cho em nghe đi.

- Không, nếu nói ra thì còn gì là bất ngờ nữa.

Lan nói thế nào Michel cũng nhất định không chịu tiết lộ bí mật của mình.

*

Đêm ba mươi. Khác với cảnh Tết ở bên nhà. Đường phố Paris ngập tràn ánh sáng đèn điện. Trời lạnh buốt. Tuyết lất phất bay. Ông Tỉnh nhìn qua cửa sổ ra đường. Ông bần thần thấy thiếu bóng cây nêu với tiếng khánh đất kêu leng keng trong màn mưa phùn mỏng, thiếu những hình vẽ bằng vôi bột ngoài sân để đuổi quỉ thần.

Trên mặt chiếc đồng hồ điện tử, bốn con số không nhảy lên xuất hiện: không giờ hay 12 giờ đêm. Thế giới lặng lẽ bước sang năm mới. Ông Tỉnh quần áo chỉnh tề ra trước ban thờ, thắp đèn nhang lên cúng giao thừa. Vì là cúng giao thừa nên ông chỉ cúng cỗ chay với hương hoa và nước trà. Đợi đến sáng mai mồng một mới cúng cỗ mặn.

Lễ tất, ông cùng với bà Tỉnh vào phòng chúc thọ mẹ già. Ông cũng không quên chúc vợ một cách hài hước:

- Chúc em một năm mới mạnh khỏe, phát tài, thêm con, thêm cháu.

Bà Tỉnh phá lên cười:

- Ủa ! Ông chúc gì mà kỳ « dzậy ». Chúng mình bằng từng này tuổi đầu rồi, thêm cháu thì được chứ thêm con sao được.

Ông Tỉnh cũng cười hì hì, chống chế:

- Thêm con tức là thêm dâu, thêm rể chứ sao.

Nói tới đây ông chợt nghĩ tới Lan và tự hỏi thầm « Bao giờ nó lấy chồng ? Và lấy ai, lấy Tây hay lấy Việt đây? » Và ông tần ngần nói với bà :

- Thì thôi, cứ mong sao cho chúng mình sang năm mới con cháu đề huề, đứa nào cũng có đôi có lứa, thế là mừng rồi.

Đêm đã khuya, cụ Thưởng và bà Tỉnh mệt mỏi vì cả ngày thổi nấu, bếp nước, nên lui vào phòng nghỉ để đến sáng còn dạy sớm nấu cỗ cúng. Ông Tỉnh một mình ngồi lại trong phòng khách đợi giờ tốt xuất hành và xông nhà. Xem lịch, ông được biết là năm nay nên xuất hành vào giờ Sửu, đi về hướng chính Nam thì gặp Tài thần, hướng Đông Nam thì gặp Hỷ thần. Không ngần ngại, ông tiến về phía Đông Nam, hy vọng là năm mới sẽ mang lại cho gia đình ông nhiều nguồn vui.

Sáng mồng một Tết, tại thủ đô Pháp quốc, dân chúng vẫn dạy sớm, hấp tấp lấy xe điện ngầm hay ô tô buýt để bắt đầu một ngày làm việc, trẻ nít vẫn cắp sách đến trường, ít ai hay là một năm âm lịch mới vừa bắt đầu.

Mới bẩy giờ sáng, cụ Thưởng và bà Tỉnh đã hối hả bầy cỗ lên bàn thờ gia tiên. Trong phòng khách ngào ngạt trầm hương. Trên ban thờ khói hương nghi ngút. Đôi hồng lạp leo lét tỏa ánh sáng chập chờn. Cành đào hồng thắm, hoa cúc vàng tươi, chậu quất đỏ rực đua nhau khoe hương khoe sắc. Các món ăn đầy đủ « *bốn bát, sáu đĩa* » theo đúng thông lệ ngày Tết của gia đình.

Là đàn ông chủ gia đình, ông Tỉnh lễ trước nhất. Quần áo tề chỉnh, ông ra trước ban thờ, đèn nến lung linh, thắp nhang, chắp tay kính cẩn van vái. Ông lâm râm khấn khứa, ông xin: *«Ông bà tổ tiên, thúc bá đệ huynh, cô dì tỷ muội» về chiếu cố cỗ bàn, chứng kiến lòng thành và phù hộ độ trì cho gia đình ông được yên vui cả năm.*

Sau ông, đến lượt cụ Thưởng sẽ sàng bước tới trước ban thờ. Cụ ngồi sụp xuống, cẩn thận lấy hai tay trải rộng tà áo trên mặt chiếu, rồi chắp tay vừa lạy vừa khấn khứa.

Hôm nay, để làm vui lòng các con, cụ bằng lòng vận chiếc áo dài gấm mầu huyết dụ mà ông bà Tỉnh đã đặt thửa từ Hồng Kông về biếu cụ. Nhưng cụ cũng lại khiêm nhượng choàng ra ngoài áo gấm một chiếc áo dài sa đen mỏng.

Sau cụ, đến phiên bà Tỉnh vào lễ. Tiếp đó bà cùng chồng tới mời cụ Thưởng ra ngồi trên chiếc ghế bành kê ở giữa nhà để ông bà chúc thọ và mừng tuổi cụ thêm một lần nữa. Hai ông bà cùng cụ uống trà, dùng bánh chưng đầu năm. Ba mẹ con trò chuyện nở như bắp rang. Tiếng chuông điện thoại reng kêu không ngừng, con cháu cụ ở rải rác trên thế giới liên tiếp gọi sang chúc Tết mẹ già.

Vì là ngày mồng một Tết, cả nhà sợ bị giông cả năm nên kiêng đủ mọi thứ. Ông bà Tỉnh luôn luôn giữ nụ cười nở trên môi cho suốt năm được vui tươi. Ông bà cân nhắc từng câu nói, không dám dùng những tán thán từ hằng ngày như « Ấy chết! » hay « Ối Dzời ơi! » Ông Tỉnh tủm tỉm cười khi nghĩ đến những điều các cụ kiêng làm hôm mồng một Tết như quét nhà vì sợ của đi, vợ chồng gần nhau vì sợ xúi quẩy v.v...

Khoảng 10 giờ, biết Lâm sắp đưa vợ con về ăn Tết, bà Tỉnh mở rộng các cửa sổ trong nhà cho khói trầm hương bay ra ngoài vì sợ làm nghẹt thở mấy đứa cháu còn nhỏ tuổi, nhất là đứa con sơ sinh của Lâm. Nhà ở « appartement », nhiều khi bất tiện thế đấy. Có hương khói thì cúng lễ mới trang nghiêm nhưng lại hại cho hô hấp của mấy đứa nhỏ.

Lại còn vấn đề hóa vàng nữa chứ. Đốt cháy vàng lá khói bay lên có thể làm cho máy báo động hỏa hoạn của chung cư hú lên chấn động

hàng xóm láng giềng. Mà không đốt thì « các cụ » ở dưới ấy lấy gì mà tiêu.

Khi vợ chồng con cái Lâm tới nơi, không khí trong nhà nhộn nhịp hẳn lên. Lâm và Đan Thanh chúc Tết bà và cha mẹ xong, tiến tới trước ban thờ thắp nhang lên cúng Tổ tiên. Đan Thanh cũng lôi hai đứa con trai lớn tới, bắt chúng chắp tay cúi đầu « ạ cụ ». Vừa « ạ » xong, hai đứa vội vàng chạy tới trước mặt bà cố và ông bà nội để lĩnh phong bao « lì xì ». Đứa con gái nhỏ ba tháng được bà nội bồng trên lòng trong khi mẹ nó xuống bếp nấu nướng để tiếp cỗ thêm trên ban thờ.

Nhìn cảnh gia đình sum họp lúc xuân về, cụ Thưởng hài lòng. Cụ gật gù bảo con trai :

- Thế là tứ đại đồng đường. Quí hóa lắm đấy !

- Vâng đúng vậy, ông Tỉnh trả lời, cổ họng hơi nghẹn nghẹn vì vẫn thiếu mặt một đứa con. Năm nay là lần đầu tiên Lan vắng nhà vào ngày Tết.

Bỗng có tiếng chuông reng ở ngoài cửa. Lâm ra mở, thấy cô em gái đang cười tươi như hoa. Lan ôm chầm lấy anh nói lớn : « *Bonne Année grand frère.* » Đằng sau Lan, một thanh niên người Pháp, tay ôm bó hoa rụt rè bước vào, nói tiếng Việt, giọng lơ lớ : « *Tchuc mungue nam meui* »[2].

Khi Lâm đưa hai người vào phòng khách, Lan ôm lấy bà và cha mẹ hôn, rồi quay lại giới thiệu :

- Con xin giới thiệu với bà và bố mẹ đây là Micchel, bạn của con.

Ông Tỉnh đứng chết sững vì ông chợt hiểu : «Thì ra con này *đi theo «dzai»* chứ đâu có phải đi ở gần văn phòng để tiện tiếp xúc với thân chủ như nó nói. Hôm nay nó lại dám đưa cả nhân tình về nhà nữa kia.»

Trước cặp mắt van lơn của vợ, và nghĩ là ngày Tết phải kiêng không được nóng giận, ông nén lòng giữ phép lịch sự hiếu khách, gượng gạo tiến ra đưa tay bắt tay Michel. Anh chàng này được dịp trổ tài nói tiếng Việt giọng ngô nghê :

- Năm mới xin chúc cụ và ông bà tăng phúc, thêm thọ.

Khi nói đến câu «*thêm thọ*» Michel nói như là «*thơm tho*» khiến cả nhà phì cười. Ông Tỉnh thầm nghĩ: «Thằng cha này thế mà nhộn nhỉ.»Trong khi đó Lan ôm lấy bà nội, kể lể:

- Giờ này chúng cháu mới về chúc Tết bà và bố mẹ là có lỗi lắm đấy. Nhưng chúng cháu sợ về sớm hóa ra xông nhà. Mà luật sư hay bác sĩ xông nhà là một điều tối kỵ.

Ông Tỉnh ngạc nhiên vì Lan vẫn không quên phong tục tập quán của gia đình. Như vậy cô đâu có hoàn toàn mất gốc như ông tưởng. Ông lại càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy Lan và Michel đều đến trước ban thờ thắp nhang kính cẩn khấn vái.

Cơn giận con gái đã bắt đầu nguôi nguôi, ông mời mọi người ngồi vào bàn ăn. Bỗng Michel nắm lấy tay ông, đưa cho ông một cái gói nhỏ và lần này nói bằng tiếng Pháp :

- Thưa ông, tôi có một chút quà mọn biếu ông, xin ông nhận cho.

Ông Tỉnh cám ơn Michel rồi bóc giấy mở gói quà ra thấy có mấy lát chả chiên. Không hiểu, ông sửng sốt nhìn Michel. Anh chàng đỏ mặt, lúng túng giải thích:

- Tôi thấy Lan nói là khi ở Sài Gòn ông thích nhậu món cầy tơ nên hôm qua tình cờ tôi vào quận 13 thấy món này nên mua về biếu ông.

Thì ra Michel đọc thấy chữ *chiên* lầm tưởng rằng đó là chữ *chien* nên yên trí đó là thịt chó. Cả nhà lại được dịp cười bể bụng. Thấy mẹ và vợ con có nhiều dịp cười từ lúc Michel bước vào nhà, ông Tỉnh cũng thấy vui vui trong bụng. Ông thầm nghĩ : « Có lẽ đêm qua mình xuất hành đi về hướng Đông Nam nên hôm nay có Hỷ thần đến nhà đấy.»

Cái món quà bất ngờ của Michel lại còn khiến cho ông bồi hồi cảm động vì nó vô tình nhắc lại cho ông những kỷ niệm xa xôi khi ông còn ở trong quân ngũ. Hồi đó ông đi quân dịch, mỗi lần nghỉ phép thường cùng với mấy thằng bạn bồ ruột rủ nhau đi nhậu món thịt cầy mà nhiều người còn gọi đùa là «mộc tồn»[3].

Thì ra, Lan tuy đi ở riêng và muốn lấy chồng người nước khác, nhưng vẫn còn nặng tình với gia đình và cội nguồn của mình nên mới cho Michel biết rõ về cha mình và nếp sống của người mình như vậy. Thế là từ trước tới giờ ông đã hiểu lầm con gái. Ông nhìn con, mỉm cười nói:

- Thằng bạn con vui tính quá nhỉ, con nên đưa nó đến chơi luôn cho vui cửa vui nhà.

Và ông quay sang Michel nói :

- Bao giờ chính thể cộng sản Hà Nội sụp đổ như ở Nga và Đông Âu tôi sẽ đưa cậu về Việt Nam nhậu một bữa cầy tơ đã đời.

Lan và Michel nhìn nhau cười thoải mái. Tình hiếu vẹn toàn.

Vanves 10/2003

1 Une surprise agreable

2 Chúc mừng năm mới.

3. Mộc là cây, tồn là còn, cây còn là con cẩy.

CÁI BẾP CỦA DÂN TỊ NẠN

PHẠM XUÂN ĐÀI

Đài phát thanh VNCR ở Orange County, Nam California có mục "Chúng ta đi mang theo quê hương." Đó là mục điểm lại một cách nghệ thuật những gì thuộc nếp sống Việt Nam mà người Việt tị nạn tại đây thể hiện lại trong đời sống hằng ngày của mình. Thật ra khi đã quần tụ thành một khu được nước Mỹ chấp nhận gọi là Tiểu Sài Gòn thì còn ngại ngùng gì mà không sống tự nhiên với tất cả thói quen văn hóa cố hữu sẵn có? Vì thế mục "Chúng ta đi mang theo quê hương" của VNCR tha hồ có đề tài mà khai thác. Có những chuyện nếu ở quê nhà thì chẳng ai cần nói đến làm gì, vì thường quá, nhưng một khi đã "mang theo" đến tận đây trên đường lưu lạc thì cái thường cũng trở thành quý – mà hình như càng thường thì càng quý. Những chuyện văn hóa cao sang như sách vở, văn học, nghệ thuật thì không nói làm gì, cộng đồng nào sang xứ Mỹ cũng ráng bê theo để chứng tỏ bản sắc của mình. Nhưng những cái gần với nhu cầu tự nhiên của đời sống, mà trước hết là đồ ăn thức uống, mà "mang theo" được mới là hay, vì chuyện bếp núc muôn đời vẫn là chuyện lỉnh kỉnh, để tại chỗ nó đã lỉnh kỉnh rồi, mang đi xa ngàn dặm thì càng phức tạp khó khăn.

Thế mà cuối cùng người Việt Nam mang cả cái bếp cổ truyền của mình sang đất Mỹ – và đĩ nhiên sang nhiều nơi khác nữa trên thế giới. Bếp cổ truyền? Đó là ba ông táo hoặc cái kiềng ba chân, đội những cái nồi đất hay nồi đồng đen thủi đen thùi, đun bằng củi hay rơm? Thưa không phải đâu, "bếp" ở đây xin hiểu là nội dung nấu nướng, nói nôm na là thức ăn được nấu bởi người Việt Nam, chứ không phải phương tiện đun nấu. Thực ra về hình thức thì cái bếp của người Việt đã biến đổi rất nhiều trong hậu bán thế kỷ 20, nhất là ở miền Nam, từ ba ông táo nấu củi chuyển qua lò nấu than, rồi lò dầu hôi, rồi lò ga, lò điện ngay từ trước năm 1975. "Cổ truyền" đây chính là khẩu vị đã được truyền qua nhiều thế hệ. Khẩu vị của một dân tộc ít khi thay đổi lắm, hoặc có thay đổi cũng rất chậm. Một cái "gu" ăn uống có thể thành hình trải qua hàng ngàn năm chọn lọc với tất cả cái khôn ngoan của một cộng đồng

người, một khi thành hình rồi thì nó thành một cái thói quen mà người ta hay gọi là "quốc hồn quốc túy," truyền đời nọ qua đời kia.

Người Việt ra nước ngoài vẫn tiếp tục nấu thức ăn của mình. Bạn thử ghé lại những nơi người Việt tụ tập đông đúc mà xem, có thứ thức ăn nào vắng mặt không. Mà đặc biệt có đủ thức của ba miền Trung Nam Bắc, kể cả những thứ rất địa phương, rất dân giã mà nếu ở trong nước thì bạn phải đến tận địa phương đó mới có được. Và ở trong nước thì thường vì dân giã quá nên cũng chẳng ai để ý. Chẳng hạn món cà pháo mắm tôm với canh rau đay của miền châu thổ sông Hồng, món "bánh đập" của Hội An (bánh tráng nướng "đập" vào bánh ướt, chấm mắm nêm) thì ở Việt Nam ai đem vào nhà hàng làm gì. Thậm chí món ba khía – đại khái là một món mắm cua đồng - rất đặc thù của đồng bằng sông Cửu Long cũng được một số các bà nội trợ thực hiện trong những bữa ăn đầy tính cách hoài niệm những hương vị dân giã xưa. Còn nói gì các loại mắm phổ thông của Việt Nam như mắm nêm, mắm ruốc, mắm thái, mắm tôm (kiểu Bắc), dưa mắm, mắm tôm chua (kiểu Huế), mắm tôm chà Gò Công, mắm cá thu... vẫn xuất hiện đều đặn trong các bữa cơm gia đình Việt Nam tị nạn, mặc dù có thể càng ngày người ta càng ý thức rằng các loại mắm của chúng ta quá mặn, ăn nhiều và thường xuyên thì không tốt cho sức khỏe, nhất là đối với những người lớn tuổi hay bị chứng áp huyết cao.

Nhưng mắm chỉ là một thức ăn phổ thông, nhấn mạnh điểm đặc trưng của một dân tộc sống bên cạnh một bờ biển quá dài và trong xứ thì có nhiều sông ngòi. Một cuộc sống với quá nhiều thủy sản thì kết quả là sẽ có cá khô, mực khô, tôm khô và vô số mắm, làm thành một loạt thức mặn để ăn với cơm, coi như là những thức ăn cơ bản, bình dân, chưa có biến chế màu mè.

Nhưng với một cách biến chế thủy sản cao cấp hơn, chúng ta có nước mắm, một loại "sauce" có khả năng khẳng định hẳn đặc tính khẩu vị của dân tộc Việt Nam. Dù chúng ta có tái hiện bao nhiêu thứ thức ăn của mình nơi hải ngoại mà thiếu nước mắm thì kể như... huề, nghĩa là sẽ không có thức ăn Việt Nam đúng nghĩa. Sự việc người Việt Nam hải ngoại được tiếp tế đầy đủ nguồn nước mắm là một sự việc vô cùng quan trọng để có thể bảo tồn văn hóa ăn uống trong hoàn cảnh ly hương. Không có nước mắm thì sẽ không có chả giò, không có phở, không có hủ tiếu, không có mì quảng, không cá kho thịt kho, không thịt đông dưa giá...; không nước mắm, cái bếp tị nạn của chúng ta sẽ nguội lạnh đi nhiều.

Sau nước mắm và những thứ mắm là các loại rau để giữ gìn đúng khẩu vị. Người Việt Nam ăn rau "với" thức ăn chứ rau không được dùng một cách độc lập như một món xà lách của người Âu Mỹ. Những loại rau, nhất là rau mùi đóng một vai trò đáng kể để khẳng định một món ăn. Chả cá thì phải thìa là. Bún ốc, bún riêu mà thiếu kinh giới, tía tô với rau muống chẻ thì "chưa đúng." Canh chua miền Nam ăn với rau ngò om và ngò gai. Hủ tiếu mà không có giá sống và cần tàu thì quả là "chưa đủ." Mì quảng ăn với rau ghém, trong đó phải có bắp chuối, mới là đúng điệu. Chả giò phải có rau diếp và vô số rau thơm đi kèm. Còn nói gì những món cuốn bánh tráng, bất cứ cuốn với cá thịt gì cũng phải có rau, đến nỗi người ta không thể hình dung một loại cuốn nào mà lại thiếu màu xanh của thực vật nằm ở trong! Và cũng may là ở vùng Little Saigon này người Việt đã xoay xở có đủ các thứ rau cho đủ loại thức ăn của mình, từ vùng nam Cali kéo dài qua Mễ khí hậu có thể thích hợp với các loại húng, quế, thì là, kinh giới, rau răm, cà, bí, bầu... quanh năm. Nếu trục trặc thì đã có nguồn tiếp tế từ vùng quần đảo Hạ Uy Di, một vùng khí hậu tuyệt vời ấm áp quanh năm và thổ ngơi có thể trồng đủ loại rau trái nhiệt đới.

Các bà nội trợ người Việt di dân còn ham nấu nướng lắm – ở đây là nói các bà thuộc thế hệ thứ nhất – ngoài lý do tránh bớt việc đi ăn tiệm để tiết kiệm tiền, các bà còn ý thức rất rõ bữa cơm đông đủ cả nhà là sợi giây nối liền tình cảm của các thành viên trong gia đình, ở đó mỗi món ăn là tấm lòng của người vợ, người mẹ, ăn cơm là thưởng thức không những tài nấu nướng những món đậm đà hương vị quê nhà mà còn hưởng thụ cái tấm lòng đó. Các bà mẹ là những người gìn giữ sự bền chặt của gia đình hữu hiệu nhất. Các bà có bí quyết dùng vật chất để giữ tinh thần, cũng giống như hồi còn son trẻ các bà dùng chính bầu sữa của mình truyền dòng sống vào cho đứa con để từ đó gìn giữ một mối tình cảm vô bờ là tình mẫu tử. Bữa ăn là lúc cả nhà trao đổi, chia sẻ, giải quyết mọi vui buồn của cuộc sống, các khó khăn, thuận lợi của việc học, việc làm, nhờ đó giữ được sự bền chặt tập thể gia đình, gia tộc trong một xã hội quá đề cao tự do cá nhân. Dĩ nhiên tới một tuổi đủ lớn thì con cái sẽ ra đi, nhưng tình gia đình vẫn còn đậm trong lòng họ nhờ phần lớn dư vang không khí và hương vị của những

bữa ăn gia đình mà họ đã được hưởng suốt thời thơ ấu và niên thiếu.

Thức ăn Việt Nam có thể nói là một yếu tố văn hóa Việt có ảnh hưởng lớn nhất trên lớp trẻ con em của chúng ta ở hải ngoại. Dĩ nhiên người Việt Nam di dân cũng đã cung cấp đủ loại thức ăn tinh thần và tình cảm như báo chí, sách vở, băng nhạc, ngay cả sân khấu và phim ảnh, ngay cả tín ngưỡng và y phục, nhưng chắc chắn phở, hủ tiếu, cơm tấm, bún bò, mì quảng và vô số thức ăn ngon lành khác thuộc các bữa cơm gia đình là những thứ gần gũi với lớp trẻ hơn cả, và làm cho họ mê nhất. Tỉ lệ giới trẻ đi ăn tiệm Việt Nam rất cao, ít nhất là cao hơn hẳn tỉ lệ này trong việc đọc sách báo Việt Nam, hoặc nghe ca nhạc Việt Nam. Và họ cũng mê các quán cà phê, ở đó họ được uống cà phê pha theo lối Việt Nam, được ăn nói cư xử theo lối "người mình," nghĩa là thoải mái, không phải quá giữ gìn cung cách như khi vào quán tiệm của người Tây phương.

Rất nhanh, người tị nạn Việt Nam thoát khỏi cảnh đi ở nhà thuê để mua nhà cho riêng mình, sự kiện này có thể coi là một điểm đặc biệt của người Việt khiến người bản xứ cũng lấy làm lạ. Một cái nhà mua từ người bản xứ thì dĩ nhiên từ trong ra ngoài rất Mỹ, phản ảnh quan niệm mỹ thuật và nhân sinh quan Tây phương. Người Mỹ sống rất tươm tất và sạch sẽ, trong nhà không mấy khi có bàn thờ, cách bài trí thường đơn sơ, sáng sủa và rất mỹ thuật. Vườn thì bãi cỏ xanh được săn sóc kỹ, đây đó trồng hoa và một ít cây ăn trái. Nhìn chung cách xếp đặt từ trong nhà ra ngoài vườn rất ngăn nắp, khoa học, đâu ra đó, với một khiếu thưởng ngoạn mỹ thuật cao. Khi vào tay người Việt Nam thì cả khung cảnh ấy được Việt hóa rất nhanh, không mấy nhà giữ được sự sạch sẽ ngăn nắp cũ. Ngoài bản tính luộm thuộm cố hữu trong lối sống của người mình, chính cái ăn đã phá vỡ rất nhiều cảnh quan của căn nhà mua từ người Mỹ. Người mình chưa tách không gian sinh tồn của mình ra khỏi sự ăn uống. Trong khi người Mỹ đã đơn giản hóa sự nấu nướng đi rất nhiều, đến độ nhiều nhà cái bếp quanh năm sạch bong vì không mấy khi dùng đến (vì đã có cái microwave với những bữa ăn làm sẵn), thì đối với ta, công suất của cái bếp đã được tận dụng tối đa. Những nước mắm, mắm nêm, cá kho thịt kho, lẩu mắm, canh chua, những hành tỏi tiêu ớt... (và, đôi khi, cả mùi thuốc bắc đang sắc nữa) được dùng liên tục hằng ngày đã tạo một cái mùi đặc biệt cho các căn nhà Việt Nam tại Mỹ. Có cái lạ là khi ở Việt Nam chúng ta nấu nướng còn "ác liệt" hơn bây giờ nhiều mà không hề nghe mùi mẳn gì cả, ấy là chưa kể ở đây bà nội trợ nào cũng chê máy hút khói của Mỹ yếu quá, thay thế bằng những máy hút cực mạnh của Đài Loan, thế mà nhà vẫn bám mùi. Người ta nói có tình trạng ấy vì nhà của Mỹ kín quá, không mở rộng cửa cho gió lùa thông thống như ở Việt Nam.

Khi ở trong nước, phụ nữ Việt Nam thường người xứ nào chỉ chuyên nấu món quen thuộc của xứ mình thôi, ví dụ bún thang, bún ốc là sở trường của người Bắc, bún bò, mì quảng của người Trung, hủ tiếu, lẩu mắm hầu như là độc quyền của người Nam. Ra đến nước ngoài thì cái ranh giới bắc trung nam ấy đã được xóa nhòa đi nhiều, các bà nhìn món nào cũng là món Việt Nam cả, và học nấu những món của các địa phương khác trước kia không có trong truyền thống gia đình hay địa phương của mình. Rất nhiều bà nội trợ bây giờ có thể nấu cả phở, hủ tiếu, bún bò và vô số món linh tinh khác có nguồn gốc xuất xứ rất xa nhau, để khoản đãi trong phạm vi gia đình. Càng nhiều món thì nhà lại càng phảng phất "hương thừa dường vẫn ra vào đâu đây" một cách dai dẳng.

Nhưng cái ăn không chỉ ảnh hưởng trong nhà, cái ăn còn ra cả ngoài vườn. Người Việt Nam cũng rất thích mỹ thuật, trong vườn hay trồng nhiều loại hoa, nhưng lòng yêu mỹ thuật không bao giờ lớn đủ để đánh bạt nhu cầu về ăn uống, kết quả là bất cứ nhà nào cũng có trồng rau. Chúng ta chưa thoát khỏi não trạng xem đất đai quanh nhà mình là một cái gì độc lập với chuyện ăn uống của mình, trái lại đó phải là nguồn cung cấp, ít thì các loại rau thơm như húng cây, húng lủi, lá quế, tía tô..., nhiều thì cải xanh, cải ngọt, rau muống, ớt, mùng tơi, bạc hà, có thể còn tiến lên đến những bụi sả to tướng, những hàng cà chua, cà bát, cà pháo, hoặc những giàn bầu, bí, mướp, thậm chí có cả những giàn gấc để lấy trái nấu xôi gấc nữa kìa! Có lẽ cái ý niệm 'vườn rau sau hè' trong nếp sống tự cấp tự túc đã gắn chặt vào con người Việt Nam từ nhiều đời quá rồi, nay định cư tại một nơi có khí hậu thuận lợi như Nam California thì việc trồng rau có thể coi như một phản ứng tự nhiên, gần như bản năng, mặc dù hệ thống siêu thị cũng đã cung cấp không thiếu thứ rau quốc hồn quốc túy nào cho người Việt.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều và ngày càng phát đạt của những chợ thực phẩm Việt Nam trong vùng quận Cam chứng tỏ nền ăn uống của chúng

ta được củng cố rất mạnh mẽ. Người tị nạn vẫn còn dị ứng với các sản phẩm văn hóa được chính quyền trong nước sản xuất và bán ra, kể cả những chuyến lưu diễn của các ca sĩ, kịch sĩ dù đã cố tình không mang một màu sắc chính trị nào rõ rệt, nhưng với thức ăn thì dân tị nạn không "phân biệt đối xử" vì thấy dù sao tự căn bản đó cũng là sản phẩm của thiên nhiên, từ đất đai sông ngòi của xứ sở tự bao đời tổ tiên để lại, và do bàn tay của bao người Việt Nam chân chính vun quén mà nên. Nhất là các bà nội trợ thì rất khó nhìn thấy một ý nghĩa chính trị khi cầm trên tay một chai nước mắm hay một con cá bông lau từ Việt Nam bán sang, hay là một tay ghiền cà phê khi pha một tách cà phê Ban Mê Thuộc thì vẫn rất sung sướng gặp lại một cái gu thân thuộc đã rời xa bao nhiêu năm!... Con đường đến bao tử lại chính là con đường ít chính trị nhất, hoặc trong nhiều trường hợp người ta có thể vì đó mà thay đổi một đường lối chính trị. Chẳng hạn, người cộng sản ở trong nước từ khi ngửi thấy mùi đô la từ tay đám dân tị nạn nước ngoài thì bỗng đổi giọng điệu, không còn gọi người tị nạn là 'phản quốc,' là 'tôi tớ đế quốc,' mà lại là 'khúc ruột nghìn dặm.'

*

Một khi các thứ căn bản đã đầy đủ thì còn đợi gì mà không nấu thức ăn của mình?

Nhìn chung những món ăn phổ biến ngoài xã hội, Phở là món dẫn đầu, được nhiều người ưa thích nhất. Phở phát xuất từ miền Bắc Việt Nam, nguồn gốc của nó như ai là người sáng chế ra, ở đâu, từ bao giờ... thì cho đến nay chưa được xác định, mà chỉ mới có qua một số giả thuyết. Nó có vẻ không xưa lắm để có thể liệt vào loại món ăn cổ truyền của Việt Nam, nhưng vị ngon của nó đã được khẳng định từ lâu trên đất Bắc, và cái tên Phở Bắc đã thông dụng từ những thập niên tiền bán thế kỷ 20 như một nhãn hiệu trình tòa – dĩ nhiên Tòa đây là dân gian. Tên ấy khẳng định phở là món ăn của xứ Bắc Kỳ, không trật vào đâu được. Trước năm 1954 rất ít địa phương nào của miền Trung hay miền Nam có tiệm phở, phở chính thức ra đi khỏi cái nôi của nó từ cuộc di cư của đồng bào miền Bắc sau hiệp định Genève. Đó là chuyến ra đi rất lớn của dân tộc Việt Nam, và trong đám hành lý thượng vàng hạ cám của người dân di cư, có công thức nấu phở. Phở chinh phục rất nhanh các địa phương miền Nam, hiểu là từ phía nam vĩ tuyến 17. Trong thập niên 50, Sài Gòn và một số nơi vẫn còn phở gánh, một hình ảnh rất là hà nội, nhưng sau đó thì biến mất dần, để thành phở xe hay là đi thẳng vào các cửa hiệu.

Sau 1975 phở lại có dịp ra đi một lần nữa, và lần này là một chuyến đi rất là thỏa chí tang bồng, đi khắp thế giới. Hai triệu người ra đi thì làm sao mà quên món phở của mình được! Giở thử niên giám điện thoại của nhật báo Người Việt tại miền Nam Cali, mục Restaurant, thì thấy số tiệm chuyên bán phở ở vùng quận Cam và một phần Los Angeles là 66 tiệm! Chắc chắn con số thực thụ những nơi có bán phở còn cao hơn nhiều, vì rất nhiều hiệu ăn tuy không chuyên bán phở nhưng trong thực đơn vẫn có món phở. Phở là món ăn Việt Nam duy nhất được tổ chức dây chuyền trên nhiều thành phố, như Phở Hòa chín địa điểm, Phở 79 bảy địa điểm quanh vùng quận Cam, v.v...

Không rõ thời Pháp thuộc thì mấy ông Tây với đầu óc thực dân có thích thú và tán dương món ăn nào của Việt Nam không. Hình như không. Thời ấy có một ít ông lấy vợ Việt Nam, nói tiếng Việt và ăn mắm tôm đều rất sõi, nhưng một món ăn khiến giới cai trị thừa nhận thì không. Trời ơi, dân Pháp có tiếng là sành ăn sành uống, nước Pháp lại là nước đi khai hóa, dễ gì nó công nhận một giá trị ẩm thực của cái thứ dân thấp kém, ăn ở không hợp vệ sinh mà nó đang ra công dạy dỗ (và bóc lột)!

Mãi đến giữa thập niên (19)60, khi người Mỹ hiện diện đông đúc tại Nam Việt Nam thì món chả giò bắt đầu nổi tiếng. Có thể nói chả giò là một món không thiếu được trong các buổi tiếp tân của người Mỹ hay những bữa tiệc mời người Mỹ do người Việt Nam khoản đãi. Người Mỹ tiếp xúc với các nền văn hóa lạ với thái độ cởi mở hơn người Pháp, có lẽ do cái bản chất "hợp chủng quốc" của họ. Nhưng thời gian đó thì người Mỹ lại không mấy để ý đến món phở vốn đã đầy rẫy trên phố phường Sài Gòn. Có lẽ họ cho đó là món ăn "ngoài phố," và ngoài phố thì họ để ý đến những thứ thích thú hơn là đi tìm món ăn! Phải chờ khoảng gần hai chục năm sau khi những người Việt đầu tiên di dân vào đất Mỹ, họ mới thực sự chú ý đến món ăn này. Hai chục năm là thời gian gầy dựng cuộc sống của người Việt Nam, quy tụ dần thành cộng đồng, và từ đó những nét mang cá tính của đời sống vật chất và tinh thần mới từ từ tỏ lộ hẳn ra. Không biết là người ta lập tiệm phở trước hay xuất bản báo trước, nhưng chắc chắn những tờ báo đầu tiên cũng như những tô phở đầu tiên đều còn rất đơn sơ thiếu sót chứ không hùng hậu xuất sắc như ngày nay. Và chắc

rằng phở chinh phục người Mỹ cũng qua một tiến trình từ từ chứ không đột biến. Người ta dần dần nhận ra rằng đó là một món ăn ngon và bổ dưỡng đã đành, mà còn là một món ăn "lành." Giữa trận chiến đấu của người Mỹ với những loại thức ăn chứa nhiều chất béo khiến cholesterol cao, gây ra cái chết vì tim mạch ngày càng tăng thì phở xuất hiện thanh đạm, với nước trong, bánh trắng, thịt thà vừa phải, lại bốc mùi thơm ngào ngạt, người Mỹ đón tiếp phở ngày càng niềm nở, để đến năm ngoái, phở đã đánh bại món Taco của Mễ để đạt được danh hiệu là món ăn ngoại quốc được ưa chuộng nhất tại nước này. Và rõ ràng trong các buổi cùng gia đình đi ăn đồ ăn Á Đông, người Mỹ đang có khuynh hướng vào tiệm phở hay *Vietnamese Restaurant* hơn là những *Chinese Restaurant* lâu đời đầy dầu mỡ. Quả thật nếu so sánh thực đơn giữa Việt và Tàu, thì thấy món ăn Việt lành hơn nhiều vì thanh cảnh, rất ít chất béo, ít biến chế với quá nhiều gia vị bí ẩn cầu kỳ, khiến người ta có cảm tưởng thức ăn Việt gần với vị ngon ngọt nguyên thủy của thức ăn trong trạng thái thiên nhiên hơn. Một miếng thịt bò hay thịt gà trong tô phở thì chẳng cần ướp gia vị gì cả, cứ có sao ăn vậy, thế mà cái chất ngọt của nó lại quyến rũ giữa nước lèo nóng hôi hổi và thơm ngát, với bánh phở dẻo, hành tươi hơi hăng nồng.

Nói về chuyện ăn uống của người Việt Nam mà quên những bữa cơm chay thì là một thiếu sót lớn. Trong truyền thống Việt Nam, "ăn chay" gắn liền với Phật giáo, đó là một sinh hoạt biểu hiện chủ trương tôn trọng sự sống của muôn loài cộng với một quan niệm rất khoa học để giữ gìn sức khỏe và sự sáng suốt cho tinh thần. Phật tử di dân dĩ nhiên cũng mang theo cái bếp nấu chay của mình, một cái bếp nhỏ cho gia đình và những cái bếp lớn trong các ngôi chùa mọc lên càng ngày càng nhiều trong các cộng đồng tị nạn. Một điều không ngờ là ăn chay đã nhanh chóng thoát ra khỏi vòng sinh hoạt của một tín ngưỡng để thành một sự kiện phổ biến trong xã hội, được chấp nhận và yêu chuộng rộng rãi. Có mấy lý do: đạo Phật ngày càng có ảnh hưởng trong xã hội Tây phương, người ta tìm thấy ở đó những phương pháp tu tập cụ thể và hữu hiệu – trong đó hẳn có việc ăn chay - để ra khỏi các bế tắc mà người ta cảm thấy ngày càng nhiều trong đời sống khoa học hóa cao độ. Thêm vào đó, người Mỹ ngày càng đối diện với sự nguy hiểm ngày càng tăng của bệnh tim mạch, ung thư... mà một trong những nguyên do chính là do thức ăn không lành của họ: thịt động vật nuôi theo lối phản thiên nhiên, thức ăn thức uống chứa quá nhiều chất béo và cả các hóa chất... Họ đã tìm đến thức ăn mặn thanh đạm ít mỡ màng của chúng ta, họ lại tiến thêm một bước nữa tìm đến thức ăn chay cũng trong một truyền thống nấu nướng rất ít béo của người Việt Nam (quả có thế, so với cách nấu đồ chay của người Tàu, thức ăn chay của Việt Nam lại một lần nữa tỏ ra... khôn hơn: thanh đạm, ít béo và ít biến chế cầu kỳ, mà vẫn ngon). Kết quả là gì? Là tiệm cơm chay của người Việt Nam mở ra ngày càng nhiều trong vùng Little Sài Gòn, là kỹ nghệ làm đậu hủ và các sản phẩm từ đậu nành phát triển như chưa bao giờ phát triển đến thế. Ngày nay, bữa ăn "lunch" bạn bè buổi trưa rủ nhau đến tiệm cơm chay là chuyện thường, việc đãi đằng nhau bằng một bữa "cỗ chay" cũng xảy ra luôn không cần phải chờ những dịp cúng kiếng như ngày xưa nữa. Các tiệm cơm chay thì mỗi tiệm dĩ nhiên có "gu" khác nhau, nơi đạm bạc gần với phong cách dân giã, nơi cầu kỳ hợp với kiểu cách nhà quan, nhưng nói chung, khách đi ăn chay, dù Việt hay là Mỹ, đều toát ra một vẻ thanh thản hiền lành.

*

Bây giờ thì sự "giao lưu" hai chiều giữa trong nước và hải ngoại ngày một nhiều. Người về thăm quê ngày càng đông đảo đã đành, người trong nước đi ngoại quốc cũng không phải là hiếm như trước nữa. Theo đánh giá của nhiều người ở cả hai chiều thì phở hải ngoại ngày nay ngon hơn phở trong nước! Đó là một thành tựu đặc biệt của sự bảo tồn và phát triển văn hóa Việt Nam của người đi tị nạn. Chả thế mà có Việt kiều dám mang tiền về "đầu tư" mở cả tiệm phở ở Sài Gòn, dĩ nhiên theo cung cách nấu và tiêu chuẩn vệ sinh của hải ngoại. Nhưng từ sự kiện này, chúng ta có thể rút ra một điều, là cách nấu phở qua bao nhiêu biến thiên của thời gian cho tới nay vẫn không thay đổi.

Một món ăn truyền thống khi đã có một cái tên thì nội dung và cả hình thức của nó thường ổn định, có thay đổi cũng ít thôi. Công thức nấu phở từ Bắc vô Nam vẫn như cũ, chỉ thêm khi dọn phở thì có bày thêm một đĩa rau thơm và giá sống như tại Sài Gòn, hoặc một đĩa đu đủ dầm chua, tại một vài nơi ở miền Trung. Bún bò cũng thế, từ Huế vô Sài Gòn là có thêm một đĩa rau ghém hoặc giá. Cái đất Sài Gòn cũng lạ, không biết có phải do khí hậu và thổ ngơi hay không, mà thường thêm thắt cái phần tươi mát vào các món ăn cổ truyền của miền ngoài vốn đã tạo ra những loại

khẩu vị ổn định vững chắc rất thuần túy, không cần thêm "yếu tố ngoại lai" nào. Nhưng phải nhận rằng dù là bước đường phiêu bạt đã rất xa xôi và lâu dài, món phở không thay đổi công thức khi từ Bắc vào Nam, rồi từ Nam ra hải ngoại. Và đây là món duy nhất của Việt Nam cho đến hiện nay đã được bán theo lối tổ chức dây chuyền tại nước Mỹ cũng như tại Thái Lan. Ở thủ đô Paris thì số tiệm phở cũng đã khá nhiều đóng đô quanh vùng quận 13, và khách hàng thì tây đầm sánh vai với người Việt và các giống dân khác không phân biệt. Vai trò "quốc gia" rồi "quốc tế" của nó như thế là đã rõ ràng và vững chắc. Cái mộng làm tên lính "xung kích quốc tế" cho đệ tam cộng sản của ông Hồ Chí Minh cuối cùng rồi chẳng đi tới đâu ngoài việc làm chết mấy triệu người Việt Nam một cách oan uổng, trong khi phở, dù không định trước, vẫn hoàn thành "nhiệm vụ quốc tế" của mình một cách xuất sắc. Mà lại đem lại sự ngon lành bổ khỏe cho biết bao nhiêu người, chứ chẳng cần đấu tố, chẳng cần "chiến tranh giải phóng," và nhất là chẳng cần cái món "xã hội chủ nghĩa" chỉ chuyên đem lại nghèo đói, giam hãm, kiệt quệ. Xem ra, phở mới là sứ giả xứng đáng của dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế, đã đem lại biết bao lợi lạc cho mình, cho người. Cần gì phải đi bê những thứ ngoại lai về để làm tổn hại cho dân tộc và đất nước, hãy cứ giới thiệu những tinh túy truyền thống của dân tộc thì cũng đã có khối điều hay!

Nhưng như trên đã nói, trên đường tị nạn người Việt Nam mang cả cái bếp của mình đi chứ không phải chỉ công thức của một vài món đặc biệt. Bữa cơm gia đình thì có thể nói mang đầy đủ hương vị quê nhà, từ cà pháo, canh rau đay, rau muống luộc, cá bống kho tiêu cho đến đủ thứ mắm và lẩu mắm của miền Nam. Trong các siêu thị nguyên liệu nấu ăn không thiếu thứ gì. Nhưng tất cả những gì có trong bữa cơm gia đình thì ngoài tiệm cũng dần dần đủ hết. Để đáp ứng nhu cầu những gia đình không có nhiều thì giờ để nấu nướng, hoặc không muốn nấu những món "nặng mùi quê hương" làm hôi nhà cửa sang trọng theo lối Mỹ, những tiệm bán thức ăn theo lối "cơm chỉ" bên nhà (tất cả các món ăn được nấu sẵn và bày biện ra, muốn ăn thức nào thì lấy tay chỉ thức đó) bây giờ rất phát triển. Có cơm nấu bằng nồi cơm điện ở nhà, chỉ cần mua vài ba đôla thức ăn làm sẵn là có thể đủ bữa cho một hai người. Tiện lợi, rẻ tiền, vẫn đầy đủ hương vị.

Nhiều món ăn địa phương không đạt được mức độ quốc tế như phở nhưng dĩ nhiên cũng đã có mặt thường xuyên tại các nơi có đông đảo người Việt Nam, như bún bò và các món Huế khác, bún nước lèo Bạc Liêu, mì Quảng, hủ tiếu, các món bún của miền Bắc như bún chả, bún thang, bún mọc, bún riêu, bún ốc... Hầu hết đều cố giữ lấy hương vị xưa, như là giữ lấy cái căn cước Việt Nam của mình. Những yếu tố nào đã đưa một món ăn đến chỗ phổ quát (như phở), những yếu tố nào đã khiến nhiều món khác sau bao năm tháng trưng ra với thiên hạ vẫn tiếp tục giữ vai trò khiêm tốn cục bộ, có lẽ chúng ta nên để tâm nghiên cứu. Trung thành với truyền thống không có nghĩa là chống đối sự cải tiến, sửa đổi. Nghe nói nền ăn uống trong nước bây giờ đã có nhiều sáng kiến mới lạ, liệu có món nào đạt đến trình độ "cổ điển" như phở chưa? Những phát kiến lớn, ít nhất trong lãnh vực ăn uống mà chúng ta đang nói, phần nhiều không bắt nguồn từ những cố gắng chụp giựt, ăn xổi ở thì, mà là từ những suy nghiệm sâu xa có căn có cội từ một nền tảng văn hóa. Và một món ăn, để trở thành cổ điển, rất cần một yếu tố khác nữa, đó là thời gian.

Và cái bếp của dân tị nạn, đã tồn tại ở nước ngoài một phần ba thế kỷ, liệu sẽ tồn tại bao lâu nữa trong tương lai?

SAVE MONEY!

VIỆT NAM 55¢

Per minute

Dial:

10-15-335-011+84

+City Code+Your #

After Promt:

Enter Activation Code: 230509

On your 1st Call

*** No Switching Long Distance**

*** No Monthly Fee**

*** 10 Minute Minimum.**

Mobile Rate: 55¢

For Other Country Rates Call: (310) 207-0094

Sách mới

- QUÊ HƯƠNG QUA ỐNG KÍNH 2

của **TRẦN CÔNG NHUNG**

Quảng Bình Quan xuất bản. Gồm nhiều bài viết về những chuyến đi chụp ảnh ở Việt Nam và 16 trang ảnh màu. Giá 20 Mỹ kim.

Liên lạc: Trần Công Nhung
14011 ½ Doty Ave. Hawthorne, CA 90250 – USA

- BUỒN VUI NGHỀ CHƠI CÂY KIỂNG

của **TRẦN CÔNG NHUNG**

Quảng Bình Quan xuất bản. Gồm bài viết và hình màu các chậu cây kiểng.
Không ghi giá bán.
Liên lạc: như cuốn trên.

- CON YÊU BÁNH NẬM

Tập truyện của **TRẦN KIÊM ĐOÀN**
Kim Quang xuất bản, 235 trang, giá 15 Mỹ kim.
Liên lạc với tác giả: 5039 Archcrest Way, Sacramento CA 95835 – USA.
Tel: (916) 419-0788
E-mail: trankiemdoan@yahoo.com
Nhà xuất bản Kim Quang: 3119 Alta Arden Expressway, Sacramento, CA 95825 – USA. Tel: (916) 481-8781

- CHUYỆN KHẢO VỀ HUẾ (tái bản lần thứ 3)

Biên khảo tùy bút của **TRẦN KIÊM ĐOÀN**
Làng Magazine xuất bản, 262 trang, giá 12 Mỹ kim.
Liên lạc với tác giả: như cuốn trên.
Nhà xuất bản Làng Magazine, 6930 65th Street, Suite 101,
Sacramento CA 95823 – USA.
Tel: (916) 393-4500

Đã phát hành hai tập truyện ngắn của **PHẠM THÀNH CHÂU:**

- BỨC HỌA KHỎA THÂN
- NHỚ HUẾ

Mỗi tập giá 12 USD.
Mua 2 tập trở lên, giá 10 USD một tập, kể cả cước phí.

Liên lạc: Phạm Thành Châu
7004 Beverly Lane – Springfield VA 22150
Điện thoại: (703) 569-0124
E-mail: pham.t.chau@juno.com

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** *(714) 891-6742*

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

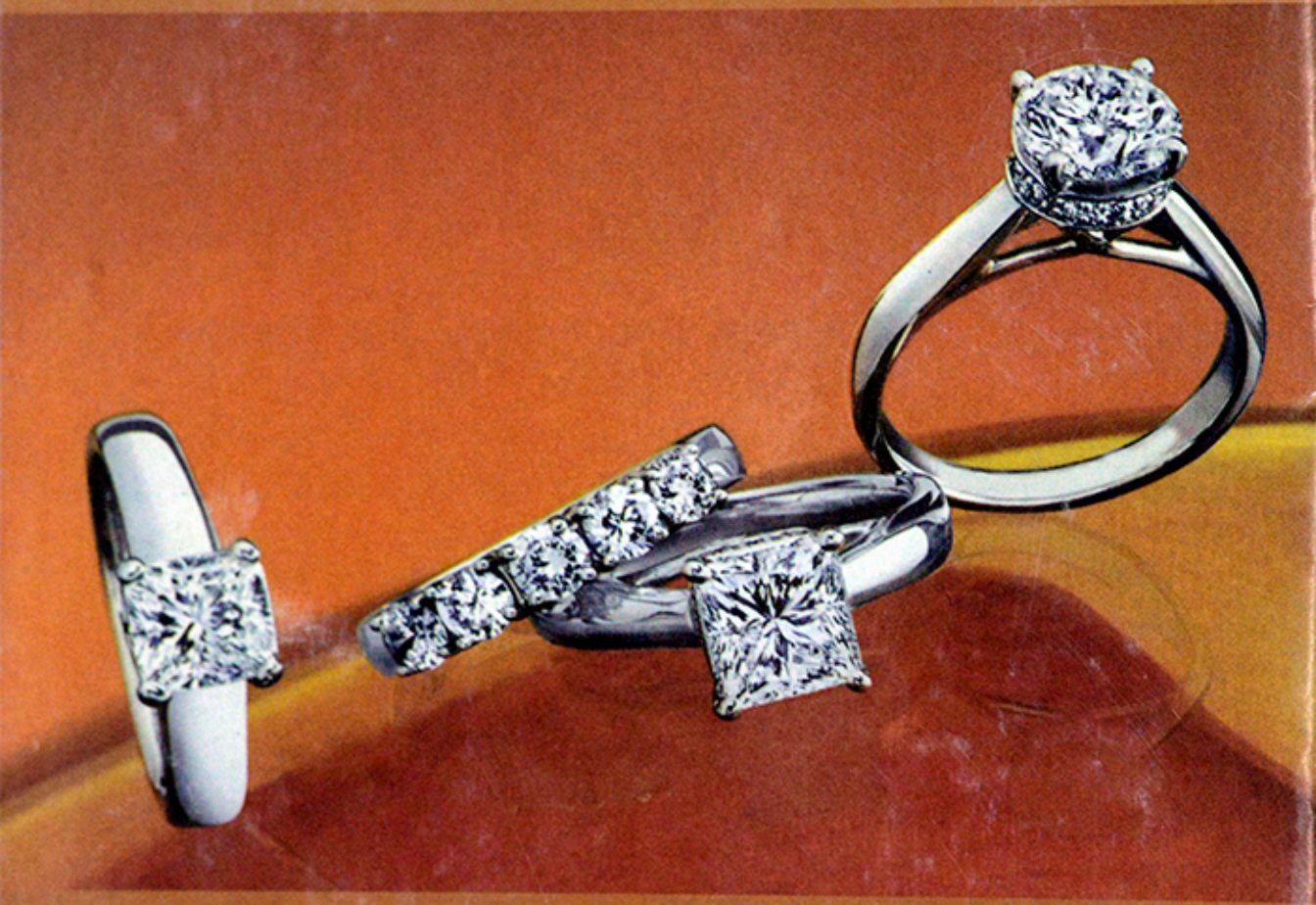

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Ấn phí 5 Mỹ Kim